

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 1****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên.

Mời mở kinh ra, xem trang thứ nhất nói về luân quán.

Từ xưa đến nay, chư vị tổ sư đại đức giảng kinh chú sớ, trước khi vào giảng kinh văn, trước tiên nhất định phải đem đại ý toàn kinh, giới thiệu một cách khái lược cho thính chúng, cổ nhân dùng rất nhiều danh từ để giới thiệu. Chúng ta thường thấy nhất, như tông Thiên thai nói về ngũ trùng huyền nghĩa. Ngài Hiền Thủ nói về mười môn khai khởi. Đều là giới thiệu trước khi giảng kinh, cũng có người gọi là luận quán. Như ở đây chúng ta nhìn thấy chú giải, là pháp sư Thanh Liên thời Khang Hy, pháp danh của ngài là Linh Kiệt. Ở đây chư vị có thể thấy, chữ kiệt này viết theo chữ cổ, bây giờ không phải viết như thế, chính là thừa của đại tiểu thừa, đây là cách viết ngày xưa\_Pháp danh Linh Kiệt. Ngài dùng là luận quán, cũng thuộc tính chất này. Chúng ta xem kỹ nội dung luận quán, trong này bao hàm ngũ trùng huyền nghĩa của Thiên thai tông, mà còn phong phú hơn nội dung của ngũ trùng huyền nghĩa.

Ở trước có một đoạn tựa, hôm nay chúng ta xem trang thứ nhất chính là bài tựa. Bài tựa không dài lắm, chỉ trong một trang này. Trong bài tựa tất cả phân thành năm đoạn, đối với người học giáo lý như chúng ta mà nói, nó rất quan trọng. Cho dù đối với người học Phật bình thường mà nói, cũng cần phải biết, khiến chúng ta sanh khởi tín tâm kiên cố đối với Phật pháp. Như đoạn văn tựa này, trong các bậc cổ đức cũng có rất nhiều người nói đến, nhưng đoạn văn này của ngài nói vô cùng rõ ràng.

Đoạn thứ nhất, chúng ta đọc qua một lượt đoạn văn này: “Nguyên phu nhất niệm tự tánh, thể nguyên trạm tịch, tự tánh chi tâm, dụng bản hư linh, vô tướng vô danh, tuyệt tư tuyệt nghị, tác quần sanh chi y chỉ, vi vạn pháp chi căn nguyên, cứu cánh hiệu trung đạo chánh không, bao mỹ xưng đệ nhất nghĩa đế”.

Đến đây là một đoạn, đoạn này là thuật lại căn nguyên của pháp giới cho chúng ta, hoặc nói về căn nguyên của pháp tánh. Chư vị phải biết, pháp tánh và pháp giới là một vấn đề. Pháp tánh là từ thể mà nói, pháp giới là từ dụng mà nói, có thể có dụng, thể dụng là một không phải hai. Đây là từ đâu đến, nếu nói như hiện nay, vũ trụ vạn pháp từ đâu đến?

Ở đây, một hàng rười vắn tự đã nói triệt đề về nó, từ đâu đến? Từ trong tự tánh biến hiện ra, tự tánh là gì? Là nhất niệm, nhất niệm rất khó lãnh hội. Nhất niệm chính là chân như, chính là bản tánh, chính là chân tâm. Vì sao khó lãnh hội? Vì ngày nay chúng ta muốn lãnh hội đã rơi vào hai niệm ba niệm, không phải một niệm. Chư vị phải biết, nếu có thể nhìn thấy nhất niệm, có thể khế nhập nhất niệm, trong Phật pháp nói ta đã thành Phật. Trong thiền tông gọi là “Mminh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, tánh chính là nhất niệm.

Tu học Phật pháp, bất luận tông phái nào, mục tiêu sau cùng chính là nhất niệm. Tông môn gọi là “minh tâm kiến tánh”, Tịnh tông gọi là “nhất tâm bất loạn”. Nhất niệm nghĩa là nhất tâm, nếu chứng được nhất tâm tức là thành Phật. Phật này không phải Phật bình thường, đại sư Thiên Thai gọi là quả Phật cứu cánh viên mãn. Nhất niệm khó, nhất niệm là căn nguyên, bản thể của vũ trụ vạn pháp.

Chúng ta biết, trong triết học hiện đại gọi là bản thể luận, rất nhiều người nói, trước tác cũng rất phong phú. Chúng tôi cũng từng xem, nhưng không thể khiến chúng tôi tâm phục khẩu phục, nguyên nhân do đâu? Vì họ chưa chứng được nhất tâm, những đạo lý họ nói vẫn rơi vào hai ba. Điều này khiến chúng tôi không phục, không thể tâm phục khẩu phục. Phải chứng được nhất tâm, công phu thiền định phải thâm sâu. Thực tế mà nói, nhà Phật nói tu hành, từ sơ phát tâm đến Như Lai địa không có gì khác, chẳng qua là công phu thiền định sâu cạn khác nhau mà thôi. Công phu thiền định cạn, chưa ra khỏi tam giới, đây là trời tứ thiên. Công phu thâm sâu hơn một chút, siêu việt luân hồi lục đạo, mới có thể chứng A la hán, chứng Bích Chi Phật, chứng Bồ Tát, cũng có thể chứng đến quả Phật của quyền giáo, chưa ra khỏi mười pháp giới. Vì sao chưa ra khỏi mười pháp giới? Vì chưa chứng được nhất niệm. Nếu chứng được nhất niệm, tức siêu việt mười pháp giới, gọi là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới từ đâu mà có? Do nhất niệm biến hiện ra, nhất niệm sẽ thấy nhất chân, nhiều niệm sẽ thấy rất nhiều pháp giới, mười pháp giới, trăm pháp giới, vô lượng vô biên pháp giới, đây là thật.

Đức Phật nói vũ trụ vạn hữu từ đâu mà có? Từ tâm tướng sanh, tâm tướng là gì? Là nhiều niệm không phải nhất niệm. Nhất niệm, trong Kinh Hoa Nghiêm nói “duy tâm sở hiện”, đây là nhất niệm, duy tâm sở hiện là nhất chân. Rơi vào hai ba là “duy thức sở biến”, duy thức sở biến thì biến ra vô lượng vô biên pháp giới. Vì phương tiện cho việc nói pháp, Đức Phật quy nạp vô lượng pháp giới thành mười pháp giới. “Mười” không phải chữ số, mười tượng trưng cho sự viên mãn, tượng trưng cho vô lượng vô biên.

Ý niệm của mỗi chúng ta đều không giống nhau, mỗi người là một pháp giới. Một mình tôi phải chẳng là một pháp giới? Không phải, một người cũng vô lượng vô biên pháp giới, vì sao vậy? Vì niệm trước khác niệm sau,

niệm niệm đều khác nhau, mỗi niệm chính là một pháp giới. Sau này quý vị đọc trong Phẩm Hoa Nghiêm Thập Định, sẽ hiểu rõ điều này.

Pháp giới tồn tại thời gian bao lâu? Sát na, chỉ trong sát na. Pháp giới của sát na trước và sát na sau không giống nhau, nói sát na chúng ta khó hiểu, ngày nay chúng ta gọi là giây phút. Pháp giới của một giây trước và pháp giới của một giây sau bất đồng, trong này có sự biến hóa rất lớn lao, vì thế pháp giới vô lượng vô biên. Làm sao tạo thành hiện tượng này? Duy thức sở biến.

Ở đây, vừa mở đầu là nói cho chúng ta về “nhất niệm tự tánh”, đây là tìm ra, nói ra căn nguyên. Nhất niệm tự tánh là sao? Là “thể nguyên trạm tịch”. Thể là tánh thể, cần phải lãnh hội ý nghĩa của nó từ đây, tuyệt đối đừng xem là thật, tưởng rằng thật sự có một thật thể, vậy là sai. Nếu hư cầu mới có thể lãnh hội được ý nghĩa, tuyệt đối không được làm thật, mới có thể hiểu rõ minh bạch chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Tông môn gọi là “hoát nhiên đại ngộ”, giáo môn gọi “đại khai viên giải”.

Cổ đức chú kinh, như Kinh Kim Cang, có thể chư vị từng thấy Kim Cang Kinh Tân Nhãn Sớ, trước đây ở Đài Loan pháp sư Đạo Nguyên đề xướng, chúng ta cũng từng ấn tống chú giải này. Trong Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông nói, tuy chú giải này rất hay, nhưng chấp thực, đây là bệnh của họ. Bệnh này hàng phàm phu chúng ta rất dễ phạm phải, vì sao vậy? Vì vô thi kiếp đến nay, chúng ta dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước, đặc biệt là chấp trước, chấp thực chính là chấp trước. Họ chú thích không tẻ, chú đến biên duyên của khai ngộ, chưa thật sự khai ngộ, gần khai ngộ mà không thể khai ngộ, nguyên nhân chính là chấp thực, bệnh chính là đây. Họ không biết cách hư cầu, trong hư cầu mới biết vạn pháp giai không, không có gì để ta có thể chấp thực cả. Quý vị thật sự thấu triệt, tất cả vạn pháp đều đang biến hóa, vì sao nó biến hóa? Vì gốc của nó biến hóa, gốc là gì? Là thức, “duy thức sở biến”, thức là gì? Thức là a lại da.

Trong Tương tông nói, tương tông phân tích vấn đề này một cách rất thấu triệt, “nhất niệm bất giác mà có vô minh”. Như người xưa nói “hồn độn sơ khai”, đó là nhất niệm bất giác. Vô minh là một tướng động, vô minh không phải tịnh, nhất niệm là tịnh. Vô minh là từ trong nhất niệm lại sanh khởi nhất niệm, niệm đó là động, đó là gốc vô minh, căn bản. Đây mới từ vô minh sanh ra tam tế tướng, từ tam tế tướng biến thành lục thô tướng, như vậy mới có sơn hà đại địa, vô số chúng sanh.

Căn nguyên của nó là động, sao có chuyện bất động được. Trong tất cả vạn pháp, ta không tìm thấy một pháp nào bất động, điều gì bất động? Tâm tánh bất động. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói, căn tánh của sáu căn bất động, căn tánh của sáu căn là chân tâm. Bất luận một vật nào, không chỉ con người

chúng ta, một hạt vi trần, một sợi lông đều là hiện tượng hỗn hợp của chân tâm và vọng tâm.

Thật ở đâu? Thật ở trong vọng, “chân vọng hòa hợp”. Đến khi nào mới lìa vọng? Đến nhất chân pháp giới là lìa vọng. Thoát ly mười pháp giới đó là thuần chân không có vọng, trong mười pháp giới đều là chân vọng hòa hợp. Mọi người tuyệt đối đừng cho rằng, a lại da là chân vọng hòa hợp, trong kinh luận quý vị đều thấy.

Bên ngoài a lại da thì sao? Quý vị không biết, tận hư không biến pháp giới đều do a lại da biến hiện ra, vì thế không có gì không phải chân vọng hòa hợp. Nếu kiến tánh thì kiến ở đâu? Kiến tánh trong vọng, trong động có bất động, trong tạp niệm có nhất niệm, tuyệt đối không lìa nhất niệm. Nhất niệm là gốc, căn bản, tạp niệm từ trong nhất niệm sanh ra. Lìa nhất niệm, đâu ra niệm thứ hai, niệm thứ ba, không có.

Ví dụ như mặt trăng, mặt trăng lìa xa bầu trời, làm gì có mặt trăng thứ hai, làm gì có trăng trong nước, không thể. Kinh Lăng Nghiêm hoa mắt thấy mặt trăng thứ hai, chân mang theo vọng, ví trăng trong nước là hoàn toàn hư vọng, hoàn toàn hư vọng cũng không lìa chân. Lìa trăng thật trong nước, tuyệt đối không có trăng xuất hiện.

Từ đây chúng ta hiểu, hết thấy vạn vật. Ngày nay chúng ta nói, tất cả động vật, thực vật, khoáng vật toàn là hiện tượng chân vọng hòa hợp. Chúng ta học Phật, đặc biệt là nghiên cứu kinh giáo, đối với nguyên lý cơ bản này, nếu không hiểu rõ, làm sao thấu triệt được giáo nghĩa này.

Ở đây nói về chân, không nói vọng, nói về nhất niệm tự tánh. Nhất niệm tự tánh, thể là trạm tịch, trạm tịch là hình dung. Trạm là gì? Là nước không có ô nhiễm, không có gợn sóng, cực kỳ thanh tịnh bình lặng, đây là trạm. Tịch là tịch nhiên bất động, là chân tâm. Cho nên tất cả động, động nương vào đâu? Động nương vào bất động mà sanh khởi. Bất động là chân tâm, động chính là vọng tâm.

Chúng ta hiện nay từ sáng đến tối, đến ngủ cũng nằm mộng, mộng là gì? Mộng là động tâm. Phải biết động nương vào đâu mà khởi lên? Động nương vào bất động mà sanh khởi. Động là vọng tâm, bất động là chân tâm, chúng ta phải nhận thức chân tâm là gì? Tánh chất như thế nào? Tu học Phật pháp, bất luận là tiểu thừa hay đại thừa, hiền giáo hay mật giáo, bất kỳ tông phái nào tu điều gì? Tu thiền định. Vì sao tu thiền định? Vì “thể nguyên trạm tịch”.

Chỉ có tu định mới thấy được nhất niệm, cũng là thấy được tự tánh. Nếu không tu thiền định, nhất định không thấy được tự tánh. Thấy được tự tánh được gọi là thánh nhân, trong hội Hoa Nghiêm gọi là pháp thân đại sĩ. Cho nên “phá nhất phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh”, chân tánh cũng gọi là pháp thân. Pháp thân nghĩa là gì? Pháp là vạn pháp. Khi nào thấu triệt tất cả pháp khắp tận hư không biến pháp giới vốn là chính mình, là chân tánh

mình biến hóa ra, chân tánh biến hiện ra tức là chính mình. Lời này rất khó hiểu, cổ nhân dùng giấc mộng làm ví dụ. Trong mộng hiện ra rất nhiều cảnh giới, cảnh giới trong mộng từ đâu ra? Đều do tự tánh biến hiện. Nếu đột nhiên cảm thấy mình nằm mộng, trong mộng thân thể này là tôi, tất cả nhân vật trong mộng, chẳng phải đều do mình biến hiện ra ư? Ngoài mình ra, tìm không thấy người thứ hai. “Toàn vọng tức chân, “toàn chân tức vọng, chân vọng hòa hợp”, trong cảnh mộng ta có thể lãnh ngộ.

Cảnh mộng như thế, cảnh giới trước mắt cũng không ngoại lệ, chẳng lẽ không phải vậy. Sau đó mới lãnh hội được tận hư không biến pháp giới là chính mình, là hiện tượng do tự tánh mình biến hiện ra. Do đó ta mới hiểu, vì sao Phật Bồ Tát có “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”. Từ bi nói một cách đơn giản là yêu thương, quan tâm, giúp đỡ. Vì sao họ làm như vậy? Vì là nhất thể chứ không phải người khác, quan tâm chúng sanh chính là quan tâm mình, yêu thương chúng sanh chính là yêu thương mình, ta gọi là tự trọng tự ái. Ai hiểu được? Phật Bồ Tát mới hiểu. Tự động tự ái là gì? Có thể yêu thương tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới, mới là người hiểu được tự trọng tự ái. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ chân tướng sự thật. Gọi là “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, toàn do tự tánh biến hiện ra.

Nếu muốn mình tâm kiến tánh, không tu định sao được? Phương pháp tu định rất nhiều, nhà Phật nói có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Pháp là phương pháp, môn là con đường, tất cả đều tu định, tu định không phải một phương pháp. Trong Tông môn tham thiền là tu định, quán tâm là tu định, khán thoại đầu là tu định. Trong giáo môn đọc tụng là tu định, niệm Phật là tu định, trì chú là tu định, trì giới cũng là tu định, tất cả đều là tu định. Ngày nay, vì sao công phu của chúng ta không đắc lực? Vì không biết những phương pháp này đều là tu định, cho nên biến thành tu phước. Đức Phật dạy, không phải dạy ta tu phước, là dạy ta tu định, chỉ có tu định mới có thể khai trí tuệ. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là phương pháp, y theo phương pháp này có thể được định, định có thể khai tuệ, tuệ có thể kiến tánh, có thể thấy được nhất niệm. Nhất niệm là căn bản, là khởi nguồn, nguyên thủy, như vậy mới thật sự đạt được.

Tu định ở đâu? Tu định ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong động tu bất động, cuộc sống của chúng ta là trạng thái động.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là tấm gương sáng cho chúng ta, suốt cuộc đời ngài đều vì tất cả chúng sanh mà giảng kinh thuyết pháp, không ở nơi nào cố định, du hóa tại nhân gian, đó là động thái. Thân là động, hành là động, tâm bất động. Sao tâm bất động? Vì không có vọng niệm, vĩnh viễn duy trì nhất niệm bất sanh. Đức Phật quả thật như vậy. Phàm là người kiến tánh, từ hình tượng cho thấy, không có gì khác với phàm phu chúng ta, nhưng tâm lý khác nhau. Phàm phu có tạp niệm, có vọng tưởng. Chư Phật

Bồ Tát, pháp thân đại sĩ không có vọng tưởng, không có ý niệm. Họ vĩnh viễn trú trong nhất niệm, Tịnh tông gọi là nhất tâm bất loạn.

Cổ đức giảng giải cho chúng ta về “nhất tâm”, có sự nhất tâm, có lý nhất tâm. Sự nhất tâm là cảnh giới của thiên định; lý nhất tâm là thấy được nhất tâm. Lý nhất tâm là minh tâm kiến tánh, là cảnh giới của pháp thân đại sĩ, cũng chính là cảnh giới nhất chân pháp giới. Sự nhất tâm là cảnh giới trong mười pháp giới, mười pháp giới chúng ta gọi là tứ thánh pháp giới. Là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, vượt thoát lục đạo, đây là sự nhất tâm. Công phu thành phiền tuy có định công, có định, chưa ra khỏi lục đạo, định này vẫn chưa đủ.

Đây là lấy Tịnh tông mà nói, nhất tâm bất loạn công phu sâu cạn khác nhau, đại khái có thể phân thành ba giai đoạn. Công phu thành phiền, công phu này chưa thể vượt thoát lục đạo. Sự nhất tâm bất loạn, công phu này không thể vượt thoát mười pháp giới. Lý nhất tâm bất loạn đã vượt thoát, chứng được nhất chân pháp giới, Kinh Hoa Nghiêm gọi là pháp thân đại sĩ.

Nhất định phải hiểu, vì sao Đức Phật dạy ta tu định? Chúng ta tu như thế nào? Trong cuộc sống hằng ngày hòa quang đồng trần, giống như mọi người vậy. Chỉ cần không chấp tướng chính là tu định, nguyên tắc Kinh Kim Cang dạy cho chúng ta: “không nắm giữ tướng, như như bất động”, đây là tu định. Tịnh tông nói, đây là tu nhất tâm bất loạn.

Thế nào gọi là không nắm giữ tướng? Là không chấp tướng, chúng ta thường nói tùy duyên mà không phan duyên, phan duyên là trước tướng. Tùy duyên, nói như hiện nay mọi người càng dễ hiểu, tùy thuận sinh thái tự nhiên, tức là không chấp tướng. Tất cả chúng ta đều thuận theo cuộc sống đại tự nhiên, như vậy là tốt nhất, đừng trái với cuộc sống đại tự nhiên. Nhưng hàng phàm phu đều thích trái với sinh thái tự nhiên, cảm thấy bản thân rất đặc thù, vậy là sai. Phá hoại sinh thái tự nhiên, phá hoại trạm tịch của mình, tổn thất này quá lớn. Về phương diện tu hành là phá hoại sự nhất tâm, phá hoại ta kiến tánh, đây mới là vấn đề nghiêm trọng. Hiểu rõ nguyên lý nguyên tắc rồi, chúng ta biết phải tu như thế nào.

Kinh Kim Cang rất hay, văn từ nghĩa lý khéo hợp phong phú, văn tự toàn kinh không quá 5000 chữ, nghĩa lý phong phú vô cùng. Chỉ dạy người vài câu, suốt đời thọ dụng bất tận. Không những suốt đời thọ dụng bất tận, mà đời đời kiếp kiếp thọ dụng bất tận. Nó dạy cho chúng ta nguyên tắc “ngoài không trước tướng, trong tâm bất động”, đây chính là tu định.

Trong cuộc sống hằng ngày ta ăn cơm, ăn cơm đừng chấp tướng ăn cơm. Có một số người ăn uống rất cầu kỳ, chú trọng sắc hương mỹ vị, vậy là chấp tướng. Món này ngon, món kia dở, tâm động. Trong lúc ăn cơm thấy thức ăn, có thể ngoài không chấp tướng, trong không động tâm, ăn uống nhẹ nhàng.

Ăn cơm là tu nhất tâm bất loạn, ăn cơm là tu định, mặc áo cũng là tu định, tiếp khách cũng là tu định.

Bồ Tát đạo Bồ tát hạnh ở đâu? Hoàn toàn ngay trong cuộc sống hằng ngày, không hề tách rời, cuộc sống như vậy sẽ thành tựu vô thượng đạo. Sau đó ta mới hiểu sự đáng quý của Phật pháp, cần phải học Phật pháp.

Người đầu tiên khai thị cho tôi là thầy Phương Đông Mỹ, thầy nói: “Phật pháp là hưởng thụ cao nhất của đời người”, đúng như vậy. Ta phải biết hưởng thụ như thế nào? Trăm tịch là hưởng thụ, hưởng thụ cao nhất, tâm địa thanh tịnh. Nhưng bắt đầu từ đâu? Nhất định phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải vứt bỏ ý niệm này, phải buông bỏ ý niệm không chế người khác. Tất cả chúng sanh đều có ý niệm không chế người khác, không chế hoàn cảnh, không chế vạn vật. Ý niệm này không tốt, đây chính là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nếu muốn thành tựu, muốn thấy được nhất tâm, thấy được tự tánh, phải biết đoạn trừ những chướng ngại này, khôi phục đến tự nhiên. Trong tự nhiên tuyệt đối không có ý niệm không chế, không có. Tâm mới thật sự khôi phục sự thanh tịnh bình đẳng giác, mới nhận ra chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mới biết làm sao giúp người khác, thành tựu mình giúp người khác.

Thông đạt đạo lý này, ta mới hoan hỷ tu định tu tuệ, xa lìa mọi chướng nạn, hôm qua nói là nghiệp chướng. Ta mới hoan hỷ lìa xa nghiệp chướng, hoan hỷ tu định tu tuệ. Không hiểu nguyên lý này, tu học rất khó khăn. Vì sao tôi tu như thế? Hình như rất khô khan vô vị, trong này họ không tìm thấy pháp lạc, không có pháp hỷ. Khi thấu triệt minh bạch, tu học dễ sanh pháp hỷ. Do đây có thể biết, then chốt trọng tâm của Phật pháp vẫn là ở giải môn.

Kinh Hoa Nghiêm, một bộ kinh điển lớn như thế, đại sư Thanh Lương phân nó thành bốn phần: tín, giải, hành, chứng. Phần giải hầu như chiếm hết 2/3, tín hành chứng chỉ chiếm 1/3 trong toàn kinh, phần giải chiếm hết 2/3. Nếu không thấu triệt lý giải tức không thể tu hành. Ngày nay biết bao nhiêu người công phu tu hành không đắc lực, cần phải truy cứu nguyên nhân của họ ở đâu? Vì họ không lý giải. Họ lý giải chưa đủ thấu triệt, chưa thâm nhập, vì thế công phu tu hành của họ không đắc lực, sau đó mới biết sự đáng quý của pháp sư.

Vì sao khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, trong đời chưa từng lãnh đạo mọi người vào trong Phật đường niệm Phật, chưa từng đưa đại chúng vào thiền đường tham thiền ngày nào, ngày ngày giảng kinh thuyết pháp. Quý vị nghĩ xem vì sao? Vì hiểu mới khó. Khi đã hiểu, hiểu rồi rất dễ làm, không cần thầy hướng dẫn cũng biết. Phật pháp đúng là “khó hiểu dễ hành”.

Lần đầu tiên tôi tiếp xúc với đại sư Chương Gia, liền thảo luận với đại sư về điều này, Phật pháp khó hiểu dễ hành. “Hành”, nói thật phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, chuyển nhất niệm đó phàm phu liền thành

Phật. Nhưng cần hiểu vì sao phải chuyên? Chuyên như thế nào? Điều này không dễ.

Đây là trung tâm tương lai của Phật pháp, có thể lợi ích tất cả chúng sanh, đều nằm trên vai của lớp trẻ các thầy, quý vị phải siêng năng học. Làm sao mới học được? Dùng chân tâm, vọng tâm thường gặp rất nhiều sự chướng ngại, nhất định phải dùng chân tâm. Chân tâm là “nhất niệm tự tánh, thể nguyên trạm tịch”. Mỗi niệm vì Phật pháp, vì chúng sanh, vì chánh pháp cứu trú, vì lợi ích tất cả chúng sanh, tuyệt đối đừng có một niệm nghĩ cho riêng mình, như vậy mới thông đạt được giáo nghĩa này. Có một niệm vì bản thân liền biến thành chướng ngại, dù Phật đến giảng kinh thuyết pháp cũng không khai ngộ. Nguyên nhân gì? Vì bản thân ta có chướng ngại, chướng ngại này là một niệm tư tâm, đây là chúng ta nói một cách rất thô thiển. Niệm tư tâm này chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chướng ngại, ba chướng ngại lớn. Chấp trước nghiêm trọng nhất, phân biệt thứ hai, vọng tưởng xếp thứ ba.

Bên dưới nói: “Tự tánh chi tâm, dụng bốn hư linh”, đây là dạy chúng ta phải dùng chân tâm như thế nào. Chân tâm hư, ta không thể chấp thực, chấp thực là sai.

Đạo lý này, chúng ta xem tường tận Kinh Lăng Nghiêm, trong hội Lăng Nghiêm lấy tôn giả A nan làm biểu pháp, tôn giả A nan xem tâm này là thực, tức chấp thực. Phật hỏi ngài tâm ở đâu? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không hỏi chân tâm, vọng tâm. Bất luận là chân tâm hay vọng tâm, tâm ở đâu? Bày chỗ trung tâm. Nói rõ điều gì? Nói rõ tâm hư. Có chăng? Chắc chắn có. Ở đâu? Không tìm thấy.

Đầu tiên nhà Phật dùng pháp luân làm tiêu chí, bây giờ gọi là nhãn hiệu (mark). Tiêu chí đầu tiên của Phật pháp là pháp luân, vòng tròn, chư vị biết, tròn nhất định có tâm vòng tròn. Tâm vòng tròn ở đâu? Không thấy\_tâm là hư. Quý vị thử nghĩ xem, nếu tâm vòng tròn là thật, vòng tròn này tuyệt đối không thể động, không được chuyển động. Nó có tâm, nhưng tâm không phải thực thể, cho nên nó chuyển động, vòng tròn chuyển động. Vòng tròn này động nghĩa là tận hư không biến pháp giới đang động, đạo lý động tức tâm nó là hư. Ta không thể nói nó không có, cũng không thể nói nó có. Nói nó có tuyệt đối không tìm thấy, nếu nói nó không có nó là chủ thể của tất cả động thái. Chúng ta dùng tâm học điều này, trong tâm không được tồn tại bất kỳ điều gì.

Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “bỏ lai vô nhất vật”. Bỏ lai vô nhất vật tức nói về tâm. Do đây có thể biết, ngài hoàn toàn không có chấp trước. Khi thiền sư Hoài Nhượng đến tham bái Lục tổ, Lục tổ hỏi ngài, vật gì, đến như thế nào? Nếu nói như hiện nay, ông là thứ gì? Ông từ đâu đến? Chỉ hỏi hai câu này. Ngài trả lời rất hay: “Thuyết tự nhất vật tức bất trung”. Tự là nói

giống như một vật là sai, Lục tổ khẳng định: Ông như vậy, ta cũng như vậy. Đây là gì? Nhìn thấy nhất tâm, nhất niệm, tự tánh. Tự tánh tất cả đều không phải, không thể nghĩ bàn, không nói ra được, nhưng nó có thật. Nó là chủ thể căn nguyên của muôn sự muôn vật, nó không có đến đi, vốn như vậy. Không phải giống tất cả vạn vật, tất cả vạn vật có đến, có nguồn gốc, nó không có nguồn gốc. Không có đến tức cũng không có đi, không có sanh đương nhiên không có diệt, đây là tự tánh của mỗi chúng ta, là chính mình thật sự.

Nếu hiểu đạo lý này, thấu triệt chân tướng sự thật, con người có sanh tử chăng? Không có. Sanh tử là sao? Là chuyển biến. Vì ta có chân tâm, có tự tánh, bất sanh bất diệt, hiện tượng sanh diệt chuyển biến là vọng tâm đang biến hóa, chân tâm xưa nay không có biến hóa.

Trong hội Lăng Nghiêm, lấy con người chúng ta làm ví dụ để chỉ ra, trên thân ta bộ phận nào là chân, bộ phận nào là vọng. Chúng ta có thể phân biệt, có thể tưởng tượng, đây là hư vọng. Căn tánh của sáu căn chúng ta là chân thật, tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm là chân thật, vĩnh viễn không thay đổi, bất sanh bất diệt. Đây là từ trên thân chúng ta, hiển thị ra chân vọng hòa hợp.

Phần chân thật đó là gì? Là Phật tánh. Nếu hiểu rõ, dùng Phật tánh làm tăng thượng duyên, đời này ta sẽ thành Phật. Còn như không hiểu, dùng tâm thức hư vọng làm tăng thượng duyên, vậy là trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Đây là trên thân chúng ta, đã chỉ ra cho ta thấy chân vọng hòa hợp một cách rõ ràng minh bạch. Cho nên dùng tâm phải hư, trong tâm không được tồn tại bất cứ thứ gì. Không những tất cả pháp thế gian không được chấp trước, Phật pháp cũng không được chấp trước. Chấp trước nghĩa là có. Không được có phân biệt chấp trước, để tâm ta hư, hư sẽ linh, linh là gì? Là trí tuệ, không linh tức mê hoặc. Hư sẽ sanh trí tuệ, trong tâm có tồn tại là thật. Có vướng bận, có ưu phiền, trong tâm có đồ vật, vậy là mê. Trong tâm không được có gì cả. Trong Kinh Kim Cang Đức Phật nói: “Pháp còn phải bỏ huống gì phi pháp”. Pháp là Phật pháp, trong tâm không được có Phật pháp, có Phật pháp là mê, quý vị sẽ không thể hiểu Phật pháp.

Chúng ta bao nhiêu người nghiên cứu kinh điển, vì sao không khai ngộ? Vì trong tâm có Phật pháp, cho nên không khai ngộ. Tôi nói thêm cho quý vị biết, trong tâm ta không có Phật pháp, cũng không thể khai ngộ, vì sao vậy? Vì trong tâm vẫn “có”, có cái “có” là sai, có cái “không” cũng sai. Lìa cả hai bên có không, điều này rất khó.

Tuyệt đối không được chấp trước tất cả pháp thế gian, làm sao để luyện lìa cả hai bên có không? Tùy duyên, tùy duyên ta không chấp không. Tuy tùy duyên, không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, không chấp trước có, không chấp trước hai bên. Đây gọi là trung đạo, là con đường của Phật Bồ Tát.

Phàm phu không phải chấp có thì là chấp không. Trong lục đạo chúng ta, trời tứ thiên trở xuống chấp có, trời tứ không chấp không, họ không phải hành trung đạo. Trong Phật pháp nói, phàm phu chấp có, nhị thừa chấp không. Trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật trách mắng hàng nhị thừa “không có tâm cầu tiến”, chỉ ra điểm sai lầm của họ, dạy họ quay đầu. Không chấp hai bên không và có, mới thật sự không chấp trước.

Niết bàn của Phật là “vô trụ niết bàn”, không trụ sanh tử, không trụ niết bàn. Không trụ niết bàn là ứng hóa tại nhân gian, đáng dùng thân gì để độ, họ liền hiện thân đó, tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp, không trụ niết bàn. Tuy thị hiện hóa thân tại thế gian, ngài không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, vì thế ngài không trụ sanh tử. Cả hai bên niết bàn và sanh tử đều không trụ, chính là nhất niệm tự tánh, chính là tự tánh khởi dụng. Rất linh động, không phải cứng nhắc, đây là Phật pháp.

Bất luận không hay có, chấp một bên tức không phải Phật pháp, Phật pháp là giác pháp, pháp giác ngộ. Chỉ cần có chút phân biệt chấp trước, tức là mê, tức không giác, đó không phải Phật pháp.

Quý vị phải biết rằng, chúng ta dùng trong cuộc sống hằng ngày, dùng tâm phải dùng hư, tự nhiên sẽ linh. Giống như lúc Huệ Năng gặp ngũ tổ Hoàng Nhẫn tại Hoàng mai nói, chúng tôi rất ngưỡng mộ lời ngài nói. Lần đầu tiên gặp mặt ngài thưa với Ngũ tổ: “Trong tâm đệ tử thường sanh trí tuệ”. Câu này chính là “dùng bổn hư linh”. Ngài biết dùng tâm, tâm ngài thường sanh trí tuệ tức linh. Vì sao ngài linh? Ngài bỏ lai vô nhất vật- hư. Cho nên kinh Phật, tất cả kinh điển, chỉ cần đọc cho ngài nghe ngài đều hiểu, đều có thể giảng giải cho quý vị. Vì sao ngài đều thông đạt? Hư linh.

Đại sư Thanh Liên, khi giảng về luận quán của bộ kinh này, vừa mở đầu nói mấy câu này dụng ý rất sâu sắc, chân thiện tri thức.

Khi tôi còn trẻ, học kinh điển với thầy Lý Bình Nam, thầy Lý dạy tôi nhất định phải lưu ý giáo lý, đừng lưu ý họ giảng kinh thuyết pháp, nghĩa là đừng chấp trước tướng họ giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta nghe kinh thường cố gắng nhớ lời thầy giảng, còn phải ghi chép lại, sợ quên, đây là chấp tướng. Học như vậy, nếu học bộ kinh nào chỉ biết giảng bộ kinh đó, đối qua bộ khác thì không biết. Thầy dạy tôi, người biết học là học giáo lý, mấy câu này là giáo lý. Khi thông đạt giáo lý, tất cả kinh đều thông, đâu cần quá phiền phức. Chẳng nhưng thông tất cả kinh, mà tất cả pháp thế gian đều thông. Vì sao vậy? Từ một căn nguyên phát triển ra, biến hiện ra, ta tìm ra gốc, cho nên tất cả đều quán thông mạch lạc, đây là giáo lý. Đương nhiên đây cũng không phải người bình thường có thể học được. Thầy nói với tôi, nếu không làm được như thế, bắt buộc dĩ mới dùng phương pháp khác. Lưu ý giáo nghĩa, giáo nghĩa tức là một tông một phái. Nếu nắm bắt được nguyên tắc này, tuy không thể hoàn toàn quán thông, có thể thông một bộ phận.

Không phải học loại nào biết loại đó, như vậy Khổng phu tử không dạy. Quý vị không thấy trong Luận Ngữ nói, nếu học sinh không thể nghe một biết mười, Khổng phu tử không dạy họ. Dạy một bộ họ biết một bộ, Phu tử không dạy. Dạy một bộ, ít nhất phải biết vài bộ, như vậy Lão phu tử mới hoan hỷ. Trong Phật pháp, đặc biệt dạy người là “một nghe ngàn ngộ”, vì thế một kinh thông tất cả kinh thông, đây là học sinh giỏi nhất.

Bên dưới đều nói từ tác dụng, cho nên những lời này rất quan trọng.

“Vô tướng vô danh”, vô danh mọi người dễ hiểu, vô tướng khó hiểu. Vì sao vậy? Chúng ta mở mắt, nhìn thấy hiện tượng chẳng phải đều tồn tại ư? Sao lại nói vô tướng, đây là ảo giác, đúng là vô tướng. Trong kinh Đức Phật nói với chúng ta về hiện tượng này, hiện tượng này là gì? Là “mộng huyễn bào ảnh”. Trong Kinh Kim Cang nói: “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Pháp hữu vi là chỉ hết thảy vạn pháp. Đây là tận hư không biến pháp giới, tất cả vạn pháp đều bao hàm trong đó. Nghĩa là sao? Là mộng huyễn bào ảnh, giả, giả tướng. Giả tướng này tồn tại thời gian bao lâu? Như điện, điện là ánh chớp, Phật dùng nó làm ví dụ. Trên thực tế, thời gian tồn tại còn ngắn hơn ánh chớp.

Hiện nay máy chụp hình rất phổ biến, mọi người đều rất thích dùng máy ảnh. Tôi dùng máy ảnh vào đầu năm cấp hai, lúc còn rất nhỏ tôi đã học chụp hình, từ trong này tôi lãnh hội được những gì Đức Phật dạy. Sanh mạng ở đâu? Chính là bấm vào nút chụp, thời gian chỉ bao nhiêu đó. Khi bấm tiếp tấm thứ hai, không giống với tấm ở trước.

Đức Phật dạy chúng ta: “Sanh mạng chỉ trong thời gian hơi thở”, nói quá dài. Kinh Hoa Nghiêm nói: “khoảng sát na”, đó là thật, khoảng sát na không dễ lãnh hội. Chúng tôi nói đến đoạn kinh văn này, sẽ nói tường tận với quý vị, sau đó ta mới biết tướng không tồn tại, nhà Phật gọi bất sanh bất diệt. Nếu nó vốn bất sanh bất diệt, quý vị nói bất sanh bất diệt, lời nói này không có ý nghĩa. Bất sanh bất diệt là nói gì? Thời gian sanh diệt quá ngắn, hầu như không phân biệt được, hầu như là sanh diệt đồng thời, gọi là bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt chính là sanh diệt đồng thời.

Kinh Nhân Vương nói vẫn còn rất thô, kinh này nói hiện tượng tồn tại, một khảy móng tay có 60 sát na, một sát na có 900 lần sanh diệt. Đây là Phật phương tiện nói, không phải chân thật nói, chân nói mà nói không chỉ chừng đó, còn ngắn hơn thời gian này. Một khảy móng tay, trong kinh nói: “lực sĩ đàn chỉ”, người thân thể rất cường tráng khảy rất nhanh. Như chúng ta hiện nay, một giây có thể khảy móng tay bốn lần, 4 nhân 60, lại nhân 900, đúng hai lần mười vạn tám ngàn. Đây là một giây, một giây hai lần mười vạn tám ngàn. Hay nói cách khác, 21 vạn 6000 lần sanh diệt, sao ta có thể nhận ra được. Đây là Phật phương tiện thuyết, vẫn không phải chân thật thuyết.

Ngày nay chúng ta xem film, film mọi người đều biết, một giây ống kính đóng mở 24 lần, đã khiến chúng ta rất mê hoặc, cho đó là thật, một giây mới 24 lần sanh diệt. Kinh Nhân Vương nói, một giây có 21 vạn 6000 lần sanh diệt, sao ta có thể biết được.

Tất cả mọi hiện tượng, mười pháp giới y chánh trang nghiêm là hiện tượng sát na sanh diệt. Ngày nay chúng ta nhìn thấy, hình như nó vẫn tồn tại một thời gian, đó là “như sương”. Sương là gì? Là tướng tương tục. Tướng tương tục là tướng ở trước và tướng ở sau tương tự, tuyệt đối không phải như nhau. Ta phải hiểu đây là hiện tượng tương tự, tuyệt đối không phải hiện tượng hoàn toàn tương đồng. Vô tướng, còn gì đâu để chấp tướng. Sanh khởi phân biệt chấp trước đối với tất cả vạn vật, vậy là sai.

Vì sao Phật Bồ Tát được đại tự tại? Vì họ không chấp trước, họ biết chân tướng sự thật này, chân tướng sự thật không có tướng.

“Vô minh” chur vị càng dễ hiểu. Lão tử của Trung quốc cũng biết. Câu đầu tiên Lão tử nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”. Danh là giả, danh không phải thật. Nhà Phật nói tướng là y tha khởi, danh là biến kế chấp. Trong Duy thức nói về tam tánh, chỉ có nhất niệm tự tánh là viên thành thật. Nói đến y tha khởi, mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là y tha khởi. Chúng ta phải biết y tha khởi là giả không phải thật, biến kế chấp càng là giả, càng không phải thật. Quý vị phải biết vô tướng vô danh, mới có thể buông bỏ phân biệt chấp trước trong danh tướng. Vì ta không biết, cho rằng tướng này là thật, danh cũng là thật, liền tranh danh đoạt lợi, vậy là sai. Tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, không biết danh và tướng đều là giả. Trước tiên phải nhận thức rõ ràng, thấu triệt chân tướng nhân sinh vũ trụ, sau đó hành vi của mình đúng đắn.

Bên dưới nói rất đúng, chính xác là “tuyệt tư tuyệt nghị”, là nhập vào cảnh giới sinh hoạt của Phật Bồ Tát. Chur Phật Bồ Tát, pháp thân đại sĩ, họ không có tư không có nghị. Tư là ý niệm, nghị tượng trưng điều gì? Ngôn ngữ tạo tác, họ không có. Đây là sống cuộc đời chân thật, hoàn toàn tương ứng với đời sống của chân tướng sự thật. Cuộc sống này là sống không phải chết, họ không trụ vào hai bên không và có, cho nên họ là sống. Tuy bản thân tuyệt tư tuyệt nghị, đây là tịch tịnh đến cực điểm. Kinh điển đại thừa thường nói, thập địa Bồ Tát được “tịch diệt nhãn”, cảnh giới cao nhất này chính là tuyệt tư tuyệt nghị. Gần với tướng này, chưa nhập vào chân thật là “vô sanh pháp nhãn”, vô sanh pháp nhãn rất cao. Chúng ta biết vô sanh pháp nhãn, trong vị thứ Bồ Tát là thất địa, bát địa, cửu địa. Thất địa chúng ta gọi là hạ phẩm vô sanh nhãn, bát địa là trung phẩm, cửu địa là thượng phẩm. Tịch diệt nhãn, pháp vân địa là hạ phẩm, Đẳng giác là trung phẩm, Như Lai quả địa là thượng phẩm. Thanh tịnh tịch diệt, tự tánh khôi phục viên mãn, đây là tuyệt tư tuyệt nghị. Tuy ở trong cảnh giới này, cảnh giới này lìa có, nhưng

họ “làm y chỉ cho quần sanh, vì căn nguyên của vạn pháp”, họ không trú không. Tuyệt tư tuyệt nghị không trú có, làm nơi y chỉ cho tất cả chúng sanh, họ không trú không. “Y chỉ” nghĩa là nương tựa, nơi nương tựa của chúng sanh hữu tình trong mười pháp giới, tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp, làm nơi nương tựa cho chúng sanh. Tuy làm nơi nương tựa cho chúng sanh, lại tuyệt tư tuyệt nghị, vì thế họ được đại tự tại. Chúng ta biết kinh điển thường nói Phật Bồ Tát tự tại, chúng ta rất ngưỡng mộ. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói về mười loại tự tại, từ đâu họ được tự tại? Chính là từ đây, ta nhất định phải biết căn bản của nó.

Lần trước giảng Kinh Địa Tạng chưa nói đến đoạn này, đó là vì thời gian gấp gáp, chuẩn bị đến Cửu Hoa Sơn. Tôi thấy đoạn kinh văn này quá quan trọng, quyết định giảng lại một lần nữa. Bộ kinh này, chúng ta cũng xem nó là pháp luận căn bản, là khóa trình tu học quan trọng của chúng ta. Thật khó được, pháp sư Thanh Liên mở đầu quán luận, nói rõ ràng minh bạch như vậy cho chúng ta, đúng là ngài giảng kinh thuyết pháp bắt đầu giảng từ căn bản.

“Nơi y chỉ của quần sanh”, quần sanh là nói hữu tình chúng sanh. “Làm căn nguyên của vạn pháp”, vạn pháp bao hàm chúng ta ngày nay nói đến thực vật, khoáng vật, hiện tượng thái không tự nhiên, bao gồm tất cả. Những hiện tượng này là tự tánh biến hiện, hữu tình chúng sanh là tự tánh biến hiện ra, vô tình chúng sanh vẫn là tự tánh biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tinh dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, chính là nói đến điều này.

Hoàn cảnh có biến hóa, cũng là biến hóa trong từng sát na. Biến hóa như thế nào? Biến theo ý niệm. Điều này Đức Phật thường nói trong kinh, “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Nếu tâm tất cả chúng sanh ở đây thiện, hoàn cảnh sẽ thiện. Tâm chúng sanh ở đây tà, hoàn cảnh cũng biến thành tà. Thấy sơn hà đại địa đều không thuận mắt, người xưa gọi là không khí không đúng, người bây giờ nói từ trường khác nhau. Nó thay đổi, đang thay đổi theo tâm người.

Vì sao thế giới tây phương Cực Lạc tốt đẹp như vậy? Vì mỗi người vãng sanh đều là hàng thượng thiện, người người đều là thượng thiện, hoàn cảnh của họ sao bất thiện được, đạo lý là đây vậy. Hiện tại chúng ta sống trong hoàn cảnh địa cầu này, vì sao không sánh bằng 100 năm trước, 200 năm trước, hiện nay nói, sanh thái tự nhiên bị phá hoại. Tâm người thời hiện đại, không lương thiện, thuần hậu như tâm người xưa. Chư vị phải biết “cảnh tùy tâm chuyển”, đây là chân lý. Sơn hà đại địa tùy tâm chuyển, hoàn cảnh cư trú của chúng ta tùy tâm chuyển. Nếu thấu hiểu đạo lý này, đây gọi là phong thủy, không cần tìm thầy phong thủy về xem phong thủy, không cần thiết, điều đó vô dụng. Nếu tâm lương thiện, môi trường phong thủy nơi ta ở biến thành tốt đẹp. Còn như tâm không thiện, nơi có phong thủy tốt, quý vị ở vài

tháng cũng biến thành xấu, tâm quý vị thay đổi phá hoại phong thủy ở đây. Đây là nói với quý vị về lý chân thật, chân tướng sự thật.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói cho chúng ta về cương lĩnh chung, tất cả pháp “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Thức là gì? Là ý niệm. Tâm là tự tánh, tự tánh có thể hiện tướng, chân tâm hiện tướng, vọng tâm ở đó biến hóa, đạo lý này phải lãnh hội tường tận. Cho nên nó làm nơi y chỉ cho tất cả hữu tình chúng sanh. Chư Phật Bồ Tát minh tâm kiến tánh, thấu hiểu triệt để chân tướng sự thật, giúp tất cả chúng sanh, còn đang mê hoặc, còn đang tạo nghiệp này. Giúp họ giác ngộ, giúp họ quay đầu, giúp họ thông đạt, đây là làm nơi y chỉ cho chúng sanh. Chỉ tận nghĩa vụ, tuyệt đối không hưởng thụ quyền lợi.

Có thể nói trước đây, từ ngày tôi xuất gia, tôi nói Phật giáo là giáo dục, không phải Tôn giáo. Hội Phật Giáo Trung Quốc tại Đài Loan, mời tôi làm ủy viên hoàng pháp, ủy viên kế hoạch. Tôi liền kiến nghị với hội Phật giáo, Phật giáo là giáo dục. Gần đây tôi lại bổ sung một câu, nói càng rõ ràng, càng minh bạch. Phật giáo là giáo dục, hiện nay có không ít người có thể tiếp thu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong xã hội này, rốt cuộc ngài đóng vai gì? Ngài thuộc nhân vật nào? Chúng ta phải định vị cho ngài, tôi nói với họ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người là công tác giáo dục xã hội, chúng ta phải hiểu rõ thân phận của ngài. Người thế gian coi trọng giả danh, cho nên phải làm rõ thân phận của ngài. Chúng ta làm đệ tử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cần phải khẳng định chúng ta là người làm công tác giáo dục xã hội. Chỉ tận nghĩa vụ, không hưởng thụ quyền lợi. Chỉ tận nghĩa vụ chúng ta lọt vào “không”, không hưởng thụ quyền lợi chúng ta không chấp “có”, đây là đạo Bồ Tát, không trú hai bên không và có. Quý vị xem, chúng ta tự tại biết bao, an vui biết bao.

Mười loại tự tại trong Kinh Hoa Nghiêm, hiện nay công phu chúng ta chưa đến, vẫn chưa hưởng thụ được. Nhưng tự tại nhỏ chúng ta đã có, đã cảm nhận được, đây là hưởng thụ cao nhất của đời người. Phải biết rằng tất cả chúng sanh, hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh đều là tự tánh hiển hiện, cảnh giới do tác dụng tâm của tự tánh biến hiện ra. Là một không phải hai. Tận hư không biến pháp giới với chính mình là một không phải hai. Không cần nói hữu tình chúng sanh, vô tình chúng sanh vẫn là một phần của mình, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Đối với tất cả chúng sanh, ngày nay khác chủng tộc, khác văn hóa, khác Tôn giáo tín ngưỡng. Họ có phân biệt, có chấp trước, vì sao vậy? Vì họ không hiểu chân tướng sự thật. Chúng ta biết, họ có phân biệt với chúng ta, chúng ta không phân biệt với họ. Giống như cây đại thọ vậy, cành của nó, nó chỉ thấy một cành của nó, không nhìn thấy gốc. Thấy cành đó đối lập với cành này, chúng ta không tương đồng. Nó chỉ thấy được cành này, nó

không thấy được gốc rễ. Thấy gốc rễ, thì ra là nhất thể. Phật pháp thấy được gốc rễ, tất cả cây cành này là nhất thể, cây cành sẽ không đánh nhau. Tận hư không biến pháp giới là cùng một căn nguyên, nhất niệm tự tánh. Hư không pháp giới, sâm la vạn tượng là tự tánh khởi tác dụng, làm gì có chuyện không thể chung sống hòa thuận. Ngày nay gọi là văn hóa đa nguyên, tức là cầu chúng ta sống chung hòa hợp, tiêu trừ kỳ thị, tiêu trừ hiểu lầm, tiêu trừ ngăn cách. Tiêu trừ bằng cách nào? Tìm nguồn gốc, tìm được nguồn gốc rồi, mọi vấn đề đều được giải quyết.

Tôi đối với những đồng tu, đặc biệt là những đồng tu ngoại quốc, những đồng tu khác Tôn giáo, hiện nay họ chú trọng văn hóa đa nguyên. Tôi nói với họ, thế giới tây phương Cực Lạc là văn hóa đa nguyên, thế giới Hoa Tạng trong Kinh Hoa Nghiêm là văn hóa đa nguyên. Lại nói Tôn giáo của họ, thượng đế thiên đường cũng là văn hóa đa nguyên. Tín ngưỡng Tôn giáo không phải người cùng một chủng tộc, không phải người cùng quốc gia, quý vị tuyên dương trên toàn thế giới. Những người tín ngưỡng thượng đế, tương lai đều sanh lên thiên đường, không phải văn hóa đa nguyên ư? Họ làm sao xử lý các chủng tộc khác nhau, khiến họ có thể cùng hòa hợp cùng tồn cùng vinh? Đó chính là học vấn, mà kinh Phật là đại viên mãn, có thể xúc tiến vô số bất đồng quy về nhất nguyên. Đa nguyên quy về nhất nguyên, nhất nguyên không chướng ngại đa nguyên, đa nguyên dung thông nhất nguyên, đây mới là sự tốt đẹp thật sự. Không phải nói một gốc cây, tất cả cành cây đều biến thành một cành, đâu có đạo lý này, đó là điều không thể. Mọi sự phát triển đều có mặt tốt của họ, cùng tồn cùng vinh, biết cùng một căn nguyên. Phát triển tùy theo nền văn hóa của mình, cống hiến cho toàn thể xã hội, cống hiến cho tất cả chúng sanh, đều là Bồ Tát đạo, đều là Bồ Tát hạnh, đây mới gọi là đại viên mãn. Có thể nói đây là lý tưởng chung, nguyện vọng chung của nhân loại, không biết bắt đầu làm từ đâu? Không biết dùng phương pháp gì mới có thể đạt được? Ở đây nói một cách rất rõ ràng, rất minh bạch.

“Cứu cánh hiệu trung đạo chánh không”, “chánh không” đa phần trong kinh Phật ta nhìn thấy chân không, ở đây dùng chánh, chánh nghĩa là chân. Ít khi thấy dùng chánh không, chân không thường thấy, chân không và chánh không ở đây ý nghĩa giống nhau. “Chân không bất không, diệu hữu phi hữu”, đây là nói đến cứu cánh. Danh từ trong Phật pháp, “hiệu” chính là danh từ, gọi là trung đạo, gọi là chân không, đây là nói về tánh.

“Bảo mỹ xưng đệ nhất nghĩa đế”. Thế nào là “đệ nhất nghĩa đế”? Chính là nhất niệm tự tánh. Đệ nhất nghĩa, đế có nghĩa là chân thật. Đệ nhất nghĩa đế, nói như hiện nay, dùng cách nói hiện nay mọi người dễ hiểu hơn, danh từ này mọi người khó hiểu. “Chân lý duy nhất”, đệ nhất nghĩa đế, nói như hiện nay gọi là chân lý duy nhất, như vậy mọi người dễ hiểu. Giải thích với

người hiện đại, cố hết sức dùng danh từ hiện đại. Cổ nhân giải thích về đệ nhất nghĩa đế, chúng ta đem giải thích này nói với người khác, càng giảng càng phiền phức, càng nghe không hiểu. Chúng ta thật sự hiểu ý này, nghĩ đến người hiện đại, những danh từ nào gần gũi với điều này, mọi người sẽ dễ hiểu.

Trong Kinh Bát Nhã nói: “Thật tướng các pháp”, không dễ hiểu. Áp dụng chú giải của cổ nhân càng giảng càng phiền phức. Chúng ta thay đổi nó một chút, “chân tướng của vũ trụ nhân sinh”. Mọi người dễ hiểu, vừa nghe liền minh bạch, thấu hiểu ý nghĩa.

“Bảo mỹ” là tán thán, gọi nó là chân lý duy nhất của vũ trụ, đây là nói đến căn nguyên của chân như tự tánh. Trong kinh nói: “Pháp vốn như vậy”, nó không có nguyên do, vốn là như vậy.

Xem tiếp đoạn thứ hai, chúng ta cũng đọc một lượt đoạn văn này: “Chư Phật ngộ chi, tức tam thân viên hiển, chúng sanh mê thử, tức lục đạo tuần hoàn, tuy mê ngộ chi hữu thù, nhi tâm tánh chi vô biệt. Cố cổ đức vân, chỉ hư không thế giới, tất ngã tự tâm”.

Đến đây là một đoạn, đoạn này nói về khởi nguyên của pháp giới. Pháp giới, nơi Chư Phật Bồ Tát trú là nhất chân pháp giới. Chúng sanh mê mất tự tánh, nơi họ ở gọi là mười pháp giới.

“Mười” chúng ta cần phải hiểu, nó không phải chữ số, “mười” tượng trưng sự viên mãn, nó có nghĩa biểu pháp. Kinh Hoa Nghiêm dùng mười làm biểu pháp, Kinh Di Đà dùng bảy làm biểu pháp. Đều không phải chữ số, biểu trưng vô tận. Trong giáo điển Mật tông thường dùng 16 làm tượng trưng, điều này chúng ta thường thấy trong đại kinh, nó là con số biểu pháp. Trong kinh chúng ta thấy 21, như Kinh Vô Lượng Thọ nói 210 ức, đều là biểu pháp, không phải chữ số, chữ số 210 ức không nhiều. Nó tượng trưng cho đại viên mãn.

Vô lượng vô biên pháp giới, khi mê biến thành vô lượng vô biên pháp giới. Đây là nói pháp giới từ đâu đến, văn tự cũng không nhiều.

“Chư Phật ngộ chi”. “Ngộ” chính là tâm tánh nói ở trước, nhất niệm tự tánh, thể dụng của tự tánh. Đề kinh của Kinh Hoa Nghiêm “đại phương quảng” chính là thể tướng dụng của tự tánh. Đại là nói tánh thể trạm tịch, phương là nói đến hiện tướng, quảng là nói tác dụng. Hai chữ phương quảng tức ở đây nói là hư không. Hiểu được chân tướng sự thật này, hiểu thấu triệt chân tướng sự thật, đây là ngộ, người này ta gọi họ là Phật. “Chư Phật ngộ chi”. Sau khi ngộ, tình trạng cuộc sống của họ, bên dưới nói “tam thân viên hiển”. “Viên” là viên mãn, không hề có khiếm khuyết, “hiển” là thấu triệt. “Tam thân” là pháp thân, pháp thân tương ứng với thể của nhất niệm tâm tánh, tương ứng với trạm tịch. Báo thân tương ứng với hiện tướng. Ứng hóa thân tương ứng với tác dụng. Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát hiểu rõ tình

trạng sinh hoạt của họ. Xem người ta sống cuộc sống như thế nào. Cuộc sống đó là tam thân viên mãn.

Pháp thân ngày nay chúng ta nói là, hoàn toàn thấu triệt chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Không những thấu hiểu, mà toàn thể dung hợp thành nhất thể.

Bên dưới nói: “hư không thế giới, tất ngã tự tâm”, cảnh giới này là chúng được pháp thân, chúng được pháp thân thanh tịnh. Ai có thể khẳng định, khế nhập tận hư không biến pháp giới là chính mình, là nhất tâm của mình biến hiện ra. Nếu nhập vào cảnh giới này, liền chúng pháp thân thanh tịnh. Nhập vào cảnh giới này, xem tất cả chúng sanh đều là chính mình, tâm từ bi tự nhiên hiện tiền. “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, ta yêu thương chúng sanh, quan tâm chúng sanh, giúp chúng sanh, tuyệt đối không có điều kiện. Nếu có điều kiện vẫn là mê, ta chưa giác. Tay trái bị đau, tay phải xoa giúp nó, có cần cảm ơn nó chẳng? Còn nói điều kiện sao? Nói điều kiện là không biết, tay trái phải là hai cánh tay, nói tôi không phải anh, hai bên phân biệt rõ ràng, nói điều kiện. Biết nhất thể sẽ không nói điều kiện, không có điều kiện, vô duyên đại bi, vô duyên tức là vô điều kiện.

Ta quan tâm đối đãi, yêu thương giúp đỡ tất cả chúng sanh là không có điều kiện. Vì sao vậy? Vì tận hư không biến pháp giới là nhất thể do tự tánh ta biến hiện ra. Không những đối với hữu tình chúng sanh, mà đối với người, đối với tất cả động vật, từ trong tâm họ hiển lộ ra tình yêu chân thành. Người chưa kiến tánh không có, tình yêu người chưa kiến tánh hiển lộ ra là từ trong tình thức, không phải thật. Tâm chân thành hiển lộ ra, đến động vật đều cảm động.

Chúng ta không hiểu chân tướng sự thật, dùng tâm gì? Hư tình giả ý, căn bản không biết chân tâm là gì, như vậy làm sao dùng chân tâm. Chỉ có Phật và đại Bồ Tát biết, quyền giáo Bồ tát trở xuống đều không biết, chưa kiến tánh, chưa thấy được nhất tâm, làm sao họ biết dùng chân tâm. Chỉ có người thấy được chân tâm, họ mới biết dùng chân tâm, tam thân của họ mới viên mãn.

Như thế nào gọi là báo thân? Báo thân là thân trí tuệ, cuộc sống trí tuệ. Phàm phu chúng ta, phàm phu sống trong phiền não, phiền não tức sống trong ưu phiền. Người giác ngộ sống trong trí tuệ, cuộc sống của họ là trí tuệ cao độ, trí tuệ viên mãn, họ khác với chúng ta. Cuộc sống này không liên quan đến địa vị cao thấp trong xã hội, không liên quan đến giàu nghèo sang hèn. Có những người sống đời sống cao độ, người trí tuệ viên mãn, ở thế gian làm người đi xin cơm ăn, cho nên họ không liên quan đến giàu nghèo sang hèn. Có một số Bồ Tát thị hiện làm vua người, vua trời, cũng có một số Bồ Tát thị hiện khát thực, làm người ăn xin bần cùng. Tự tại biết bao.

Người thế gian xem giàu nghèo sang hèn rất nặng nề, nghĩ mọi cách để làm giàu. Phật pháp xem mọi thứ đều bình đẳng, vì sao vậy? Vì tự tánh biến hiện ra. Hiện tướng giàu sang đại tự tại, hiện tướng bần tiện cũng đại tự tại, tuyệt đối không có sai biệt. Ý nghĩa này ai hiểu được? Người không giác ngộ, nói với họ, vĩnh viễn họ nghĩ không thông. Vì sao nghĩ không thông? Nghĩ sẽ không thông, không nghĩ sẽ thông. “Nghĩ” rơi vào ý thức, vậy làm sao thông được, làm sao hiểu được chân tướng sự thật? Lìa tâm ý thức, lìa tư nghì, bất tư nghì sẽ thông, sẽ thấu triệt.

Tam thân viên hiện, ứng hóa thân chính là giúp tất cả chúng sanh, đây là thực hành đại từ đại bi, nói như ngày nay là thực hành. Họ làm thật, không phải chỉ nói suông, không phải đang nói lý luận, họ thật sự làm được. Đây là Phật, Pháp thân đại sĩ và chư đại Bồ Tát.

“Chúng sanh mê thử, tức lục đạo tuần hoàn”. Mê sâu là lục đạo, mê cạn là tứ thánh pháp giới- Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới. Phật này Thiên thai tông gọi là Phật của Tạng giáo, Phật của Thông giáo, đều chưa kiến tánh, mê cạn. Ở đây nói mê sâu, luân hồi lục đạo. Đây là nói rõ nhất chân pháp giới từ đâu đến, mười pháp giới do đâu hiện ra, vì sao xuất hiện lục đạo? Do mê ngộ bất đồng.

Ngộ có sâu cạn khác nhau, vì thế Bồ Tát có 51 địa vị. Ngộ sâu cạn không giống nhau, mê sâu cạn cũng không giống nhau, cho nên có lục đạo không tương đồng. Mỗi đường trong lục đạo, tình hình cuộc sống của những chúng sanh này cũng không tương đồng. Có sai biệt, có quan hệ với mê sâu hay cạn. Cùng ở trong cõi người, vì sao có người suốt đời sống hạnh phúc, có người sống rất khổ?

Trong Pháp Tướng Duy Thức nói, cùng sanh vào cõi người là “dẫn nghiệp”, dắt dẫn ta vào thọ sanh ở cõi này, nghiệp lực này gọi là dẫn nghiệp. Sanh vào cõi người, thọ dụng một đời gọi là “mãn nghiệp”, hai loại nghiệp lực khác nhau. Chúng ta cùng sanh vào cõi người, dẫn nghiệp tương đồng, nhưng thọ dụng đời này không giống nhau, do mãn nghiệp không giống nhau.

Mãn nghiệp là chỉ điều gì? Những thiện ác tạo ra trong đời trước không giống nhau. Nếu tu thiện đời này được phước báo, làm ác đời này sống khổ sở. Sau đó mới biết “một bát cơm một hạt gạo, tất cả đều định sẵn”, ai định? Không phải người khác định, mà tự mình định. Thật sự hiểu được chân tướng sự thật mới biết, tự làm tự chịu, đây là chân tướng sự thật. Thấu triệt chân tướng sự thật, nhất định phải đoạn ác tu thiện, đây là tự làm tự chịu.

Ta đoạn mọi điều ác, quả báo bất thiện tự nhiên xa lìa, còn như tu thiện, tất cả phước thiện tự nhiên đến, đời này hưởng phước báo. Càng cần phải kết duyên với Phật, kết pháp duyên với chúng sanh. Kết duyên với Phật, đời đời kiếp kiếp giác mà không mê, cảnh giới học tập của mình mới không ngừng

nâng cao, mới có tiền triển. Nếu không kết duyên với Phật, không kết duyên với chúng sanh, khi hưởng hết phước báo liền tạo ác nghiệp, hưởng hết phước báo phải bị đọa lạc, đây là đạo lý nhất định. Kết duyên với Phật, tiếp thu giáo huấn của Phật Bồ Tát, người này có phước báo, có phước thật sự. Khi họ có phước báo, họ sẽ toàn tâm toàn lực tu phước, do đó phước báo của họ hưởng mãi không hết, càng tích lũy càng nhiều. Đức Phật thường dạy chúng ta tích lũy công đức, chư Phật Bồ Tát thường thị hiện cho chúng ta thấy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong tất cả hàng hữu tình chúng sanh, ngài là người có phước báo lớn nhất. Đến Như Lai quả địa, trí tuệ phước đức đều viên mãn, chúng ta xưng tán ngài là “nhị túc tôn”. “Nhị” nghĩa là trí tuệ và phước đức, “túc” là viên mãn, hai loại đều viên mãn. Trong trí tuệ phước đức, ngài là bậc tôn quý nhất. “Tôn”, hiện nay mọi người thường gọi là tôn kính, nghĩa là tôn kính, đáng cho người tôn kính.

Đương thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện tại thế gian, ngài như thế nào? Ba y một bát, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, phước báo hàng đầu trong thế xuất thế gian. Theo cách nhìn của người thế gian hiện nay, ngài thật đáng thương, cuộc sống quá khổ. Phàm phu chúng ta ăn ngày ba bữa rất cầu kỳ, còn ăn thêm điểm tâm. Cho rằng cuộc sống như thế là khổ, Phật xem cuộc sống như thế là an vui, được niềm vui lớn lao, được đại tự tại. Chúng ta có từng nghĩ đến chăng?

Tuy ngày nay chúng ta hưởng thụ được cuộc sống giàu sang, giá phải trả là gì? Phải luôn lo lắng, làm sao giữ được sự giàu sang của mình, ngày nào cũng lo lắng sự được mất. Cuộc sống Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong lòng vô ưu vô lo, không vương không bận, người phú quý thế gian sao có thể sánh với ngài. Nếu quan sát điều này quý vị sẽ hiểu, thì ra cuộc sống đó thật cao minh, cuộc sống đó thật tự tại, đó mới là đại phước báo.

Người thế gian tham chút danh lợi này, chút hưởng thụ này phải trả một cái giá quá đắt, được không bằng mất. Họ mất điều gì? Họ mất định tuệ. Cuộc sống đơn giản của Phật là đại định viên mãn, đúng là “không chấp thủ tướng, như như bất động”. Ngoài không trước tướng, trong không động tâm là đại định, khởi tác dụng là ngang khắp mười phương, dọc cùng tam tế, vô sở bất tri, vô sở bất năng.

Từ đây cho thấy, người thế gian vô số hưởng thụ, những tổn thất của họ quá lớn. Trong lúc họ hưởng thụ, sống cuộc sống như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cuộc sống của họ như vậy, sống trong âu lo. Người thế gian không nhìn thấy phước báo của Phật rất lớn, nhị túc tôn. Tôn ở đâu chứ? Cuộc sống của người xin ăn, sống cuộc sống như thế. Buổi tối ngủ đến phòng cũng không có, ăn cơm thì ra bên ngoài xin, vậy quý ở đâu? Người thế gian không nhận ra, không hiểu.

Nếu chúng ta giới thiệu Phật pháp cho mọi người, nhất định phải nói rõ ràng minh bạch, khiến họ thật sự giác ngộ. Suy nghĩ xem, cuộc sống của mình và cuộc sống của Phật bên nào thù thắng hơn. Khi nghĩ thông suốt, nghĩ thấu triệt, lúc này mới chịu buông bỏ. Buông bỏ không khó, nhìn thấu khó, hiểu rõ chân tướng sự thật khó. Khi thật sự đã hiểu, làm gì có chuyện không buông bỏ, mới biết được buông bỏ mới là tự tại, buông bỏ mới là trí tuệ chân thật.

Tối hôm qua, chúng tôi diễn giảng tại Quang Minh Sơn, họ đưa ra đề mục là “tiêu trừ nghiệp chướng”, là vấn đề hiện nay mọi người đều quan tâm. Vì sao vậy? Vì dụng công không đắc lực, thế nào gọi là đắc lực? Thế nào gọi là không đắc lực? Đắc lực là cuộc sống chúng ta được tự tại, đúng là cuộc sống phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, sống rất hạnh phúc, rất mỹ mãn, như vậy là đắc lực. Nếu như vẫn khổ sở vẫn còn quá nhiều phiền não, quá nhiều vướng bận, là không đắc lực. Nguyên nhân căn bản là gì? Do chưa thấu rõ chân tướng sự thật, chưa nhìn thấu, chưa buông bỏ, cho nên ta tu học Phật pháp mới khó khăn như thế. Đây chính là sự quan trọng của giảng kinh, chỗ đáng trân trọng của việc giảng kinh. Giúp chúng sanh đoạn nghi sanh tín, tiến thêm bước nữa là giúp họ phá mê khai ngộ. Phật Bồ Tát giúp chúng ta đến giai đoạn này, chỉ cần phá mê khai ngộ, bản thân ta là khổ được vui.

Khổ từ đâu mà có? Từ mê. Vui từ đâu mà có? Từ ngộ. Khi giác ngộ, đêm ngủ dưới gốc cây, khát thực duy trì cuộc sống, đều được đại tự tại, được an vui lớn, họ đã ngộ. Khi mê dù sống trong hoàng cung, làm hoàng đế vẫn không tự tại, cuộc sống đều rất khổ sở. Khổ hay vui đều ở chỗ mê ngộ, đây là chân lý, là chân tướng sự thật. “Mê ngộ có khác, nhưng tâm tánh không khác”. Chân tâm của mình, tự tánh của mình không liên quan đến mê ngộ, cũng không liên quan đến khổ vui, nó trước sau đều như như bất động, đó là thật.

Câu sau cùng rất quan trọng: “hư không thế giới, đều tự tâm ta”. Tám chữ này quan trọng. Chúng ta thường đọc, tâm lượng sẽ rộng mở. Gặp nhân sự hoàn cảnh có bất hòa, có phiền phức, hãy nhớ đến tám chữ này. Thậm chí gặp thiên tai, suy nghĩ về tám chữ này sẽ tiêu tai giải nạn. Quý vị thử xem sao, rất có hiệu quả.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 1**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 2****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, trang thứ nhất phần quán luận, bắt đầu xem từ giữa hàng thứ hai, chúng ta đọc qua một lượt đoạn văn này.

“Chư Phật ngộ chi, tác tam thân viên hiển, chúng sanh mê thử, tác lục đạo tuần hoàn, tuy mê ngộ chi hữu thù, nhi tâm tánh chi vô biệt. Cố đồ đức vân, chỉ hư không thế giới, tất ngã tự tâm”.

Đoạn này, tuy ở trước đã nói, nhưng chưa hết ý, bây giờ chúng ta bổ sung thêm một chút. Đây là nói rõ về nguyên khởi của pháp giới, trong tất cả pháp đều thuộc về pháp căn bản, đây là trí tuệ chân thật. Nguyên khởi của pháp giới như thế nào? Đều ở chỗ mê ngộ. Khi ngộ tự tánh hiện ra, chúng ta gọi là nhất chân pháp giới. Nếu mê mất tự tánh, từ trong mê hiện ra chính là mười pháp giới.

“Mười” không phải chữ số, biểu trưng vô lượng, thực tế mà nói là vô lượng vô biên pháp giới. Vì sao vậy? Vì mỗi chúng sanh hiện một pháp giới. Chúng sanh vô biên pháp giới sẽ vô biên. Không những mỗi chúng sanh hiện một pháp giới, ngày nay chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật là mỗi niệm hiện pháp giới, một ý niệm chính là một pháp giới, liền hiện một pháp giới. Từ chỗ này quý vị quan sát tường tận, mỗi người chúng ta ngay trong đời này, trong mấy mươi năm ngắn ngủi, pháp giới không tương đồng.

Đại sư Thiên Thai giảng Kinh Pháp Hoa, nói với chúng ta “bách giới thiên như”, là nói một cách rõ ràng về điều này. Chúng ta phải ngộ nhập từ mấy câu nói của ngài, mới đạt được thọ dụng, mới khế nhập chân tướng sự thật. Nhưng niệm niệm bất khả đắc, do đó pháp giới sự có- lý không, tướng có- tánh không. Đạo lý này rất thâm sâu. Chẳng những không có danh, đến tướng cũng không có, ở trước nói rất hay “vô tướng vô danh”. Tướng là y tha khởi, bởi vậy không có, mộng huyễn bào ảnh. Danh là biến kế sở chấp tánh, càng hư vọng. Duy thức tông nhìn thấu chân tướng sự thật, cho nên duy thức, họ chỉ thừa nhận giữa vũ trụ có thức, ngoài thức ra không có gì nữa.

Thức là gì? Chư vị thử nghĩ xem thức là gì? Duy thức tông giải thích, thức là liễu biệt, là phân biệt. Tôi nói thêm với chư vị một vấn đề, quý vị thử nghĩ xem, thức là nhân quả bất không, chuyển biến mà. Thức là năng biến,

tất cả cảnh giới là sở biến. Chúng tôi nói nhân quả bất không, chư vị xem năng biến sở biến đều bao hàm trong đó, đạo lý là như vậy.

Quan sát của họ rất thâm nhập, quan sát của họ rất chính xác. Nhưng chư vị phải biết, nó không phải đệ nhất nghĩa, nó là đệ nhị nghĩa. Đệ nhất nghĩa là gì? Đệ nhất nghĩa là tự tánh, là thể của thức, thể của thức chính là tự tánh, tự tánh là không tịch. Trong kinh thường dùng tịch tịnh, dùng tịch diệt, dùng hai chữ này để hình dung nó. Vạn pháp giai không là nói từ thể, nhân quả bất không là nói từ chuyển biến, nói từ sự. Giữa vũ trụ có hai loại này, ngoài ra đều là sở biến, đều là hư vọng.

“Chư Phật ngộ chi”. Chư Phật ở đây và chư Phật nói trong Kinh Kim Cang là một. Viên giáo sơ trụ trở lên đều gọi là Phật, 41 vị pháp thân đại sĩ gọi là chư Phật. Họ phá nhất phẩm vô minh, thấy một phần tự tánh. Tông môn gọi là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Thiên thai tông gọi là “phần chứng tức Phật”, phần chứng tức Phật trong Lục Tức Phật, đây là thật không phải giả. Họ dùng chân tâm, chân tâm chính là tự tánh.

Đoạn trước nói bốn chữ, chúng ta nhất định phải nhớ. Thể của tự tánh “trạm tịch”, dụng của tự tánh “hư linh”.

Khi Phật giáo chưa truyền vào Trung quốc, trước lúc đó thánh nhân của Nho giáo, Đạo giáo đều biết dùng “hư”, cực kỳ cao minh. Nếu ta dùng thực là sai, dùng phải hư. Chẳng hạn như một ngôi nhà, vì ngôi nhà trống rỗng chúng ta mới dùng được nó. Nếu trong nhà là chân thực, chúng ta dùng sao được, không dùng được. Quý vị suy nghĩ tường tận xem, phàm những gì phát huy tác dụng lớn đều là trống không. Bởi vậy dùng tâm, tâm phải trống không, trong tâm không được có bất kỳ thứ gì. Lục tổ Huệ Năng nói: “bồn lai vô nhất vật”, cực kỳ cao minh. Vì sao chúng ta không sánh bằng ngài? Vì trong tâm ta có nhất vật, vậy là hỏng. Có một vật thì sao? Không linh. Linh là trí tuệ, vô nhất vật là trí tuệ, linh. Ngài thừa với ngũ tổ Hoàng Nhãn: “Trong tâm đệ tử thường sanh trí tuệ”. Vì sao vậy? Vì tâm trống rỗng, trống rỗng thì linh. Tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần. Bất luận khi nào, bất luận ở đâu, đối nhân, đối sự, đối vật trong tâm đều thanh tịnh không ô nhiễm. Đây là chân tâm khởi dụng, chính là “trạm tịch hư linh”, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Nếu thật sự đạt được bốn chữ này, biết dùng. Xin chúc mừng, quý vị chính là pháp thân đại sĩ, chính là ngộ trí, đã giác ngộ. Đã giác ngộ, quý vị chính là chư Phật. Những thứ quý vị đạt được là tận hư không biến pháp giới, ta đạt được là toàn bộ. Vì sao vậy? Vì hư không pháp giới là tự tánh hiện, ta đã kiến tánh. Tận hư không biến pháp giới là thọ dụng của ta.

Bên dưới nói, họ hiện ra “tâm thân hiển viên”. Tam thân, thứ nhất là pháp thân. Pháp thân là gì? Ở sau nói: “hư không thế giới, đều là tự tâm ta” chính là pháp thân. Đến lúc đó ta sẽ khẳng định, vì sao vậy? Vì đã thấy rõ

ràng, tận hư không biến pháp giới là chính mình. Như chúng ta thường nằm mộng, trong mộng đột nhiên nhận ra mình đang nằm mộng, toàn bộ cảnh mộng đều là tự tánh mình biến hiện ra. Cảnh mộng là vọng, tâm năng hiện là thật, tướng sở hiện là vọng. Toàn chân tức vọng, toàn vọng tức chân, chân vọng không hai, chân vọng nhất như. Nếu tỉnh ngộ từ trong cảnh mộng, hư không thể giới hiện tại chẳng phải đều như vậy sao? Một ngộ tất cả ngộ, nhưng chư vị cũng phải biết một mê tất cả mê.

Báo thân là gì? Báo thân là trí tuệ, trí tuệ bát nhã hiện tiền. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, hư không pháp giới thấu rõ thông đạt, đây là báo thân.

Ứng hóa thân, thân thể hiện tại của chúng ta là ứng thân. Phật có ứng thân, ta cũng có ứng thân, điểm khác nhau là gì? Ứng thân của ta là nghiệp báo cảm ứng, quả báo thiện ác trong lục đạo cảm ứng, nó cũng là ứng thân. Ứng thân của Phật Bồ Tát khác với chúng ta, Phật Bồ Tát hiện thân là do ứng với cảm của chúng sanh, thể mới biết chư Phật Bồ Tát hiện thân là “y tha khởi”.

“Tha”, tha căn bản nhất đương nhiên là tự tánh, một cái tha khác chính là cảm của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, nếu không có tự tánh không thể hiện thân. Có tự tánh không có cảm, Phật cũng không hiện thân. Cảm mà Phật Bồ Tát hiện thân có hai thứ, cảm của tự tánh và chúng sanh. Chúng ta hiện thân cũng có hai, cũng không thể tách rời tự tánh, lìa tự tánh làm sao có thân, đây là điều không thể, căn nguyên mà. Nhưng chúng ta có tự tánh, nếu không có nghiệp báo thiện ác cũng không thể hiện thân. Thân chúng ta là thân nghiệp báo ứng. Thân Chư Phật Bồ Tát là cảm chúng sanh mà ứng, nghiệp báo của họ đã tiêu trừ, nghiệp chướng tiêu hết.

Pháp thân chính là hư không pháp giới, báo thân là trí tuệ viên mãn, ứng thân là đại đức đại năng. Tuy ứng hiện, họ hoàn toàn tương ứng với thể, đức của tự tánh, đây là điều khác nhau khi Phật Bồ Tát thị hiện tại thế gian, cùng chung sống với chúng ta, ngày ngày giáo hóa chúng ta, đây là điều khác chúng sanh. Họ tương ứng với trạm tịch hư linh. Phạm phu chúng ta dù làm đệ tử Phật, học tập theo Phật không thể kiến tánh, tâm hành của chúng ta trái ngược với trạm tịch hư linh, đạo lý là đây.

Sau đó mới hiểu, Phật Bồ Tát từ bi là chúng ta nói ngài từ bi, ngài có ý niệm từ bi chẳng? Không có. Nếu ngài có ý niệm từ bi ngài là phạm phu rồi, ngài khởi tâm động niệm, hoàn toàn trái với trạm tịch hư linh. Từ bi là chúng ta nói, trong mắt chúng ta thấy ngài từ bi, ngài không hề động tâm, không hề động niệm. Chúng ta tuyệt đối đừng cho rằng Phật Bồ Tát, giống như chúng ta, người đồng tâm này, tâm đồng lý này, xem Phật Bồ Tát như người thường, hạ thấp các ngài. Đây tức chúng ta thường lấy tâm mình đo lường người

khác, cũng đo lường Phật Bồ Tát. Vì thế cảnh giới Phật Bồ Tát chúng ta vĩnh viễn không thể tương ứng được.

Ở đây rất hay, vừa mở đầu là nói với chúng ta về cương lĩnh, đây mới là nền tảng tu học vững chắc của chúng ta.

Một bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, nếu nói một cách rõ ràng, bộ đại kinh này từ đầu đến cuối nói về điều gì? Cũng không ngoài bốn chữ “trạm tịch hư linh”, nói đến chỗ tận cùng. Thực hành, đó là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Trong nhất chân pháp giới và mười pháp giới, tất cả mọi hoạt động đều không lìa khỏi bốn chữ này.

Khác biệt giữa thánh phàm là mê và ngộ, khi ngộ là nhất chân, nhất chân pháp giới. Khi mê liền có lục đạo tuần hoàn, chúng ta gọi là luân hồi lục đạo. Có thể thấy, thể của lục đạo là trạm tịch, dụng của lục đạo cũng là hư linh. Chúng ta mê, không biết nó trạm tịch, vì thế bị ô nhiễm, không thanh tịnh. Không biết nó hư linh, chúng ta đánh mất bình đẳng. Trong đề Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất hay, thanh tịnh bình đẳng. Thanh tịnh tương ứng với trạm tịch, bình đẳng tương ứng với hư linh.

Do đây có thể biết, chúng ta tu học bắt đầu từ đâu? Trong cuộc sống hằng ngày đối nhân, đối sự, đối vật chúng ta dùng tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là không khởi cảm tình, trong tâm không có thất tình ngũ dục, như vậy không bị nhiễm ô, tức tương ứng với thanh tịnh.

Thất tình là hỷ nộ ai lạc ái ô dục. Chư vị biết ngũ dục là tài sắc danh thực thù. Trong tâm không có, sự không chướng ngại, sự sự vô ngại, trong tâm tuyệt đối không có những thứ này. Tâm thanh tịnh tương ứng với trạm tịch, đây là Phật Bồ Tát. Tác dụng trong cuộc sống hằng ngày, xử sự đối nhân tiếp vật, đối nhân đối sự đối vật bình đẳng, không có tâm phân biệt, không có tâm cao thấp, bình đẳng, đây chính là hư linh.

Chúng ta có thể dùng thái độ này, đây là cơ bản tương ứng. Ở trong Phật pháp, bất luận tu học pháp môn nào, không có chuyện không thành tựu, mới lãnh hội được lời Phật dạy “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Ngày nay chúng ta đang ở trong pháp môn bình đẳng, vì sao sanh ra có cao thấp? Vì chúng ta có sự sai biệt rất lớn với tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, nghĩa là mức độ không tương ứng quá lớn. Mức độ lớn nhỏ, sai biệt không tương ứng, cũng là mỗi người một khác. Nhà Phật thường nói, người căn tánh sắc bén mức độ sai khác nhỏ một chút, hàng độn căn mức độ sai biệt lớn hơn. Nếu dùng cửu pháp giới để nói, Bồ Tát sai biệt nhỏ nhất, Thanh văn và Duyên giác sai biệt lớn hơn, sai biệt lớn nhất là chúng sanh ba đường ác, đạo lý là vậy.

Không hiểu chân tướng sự thật này, tuy tu học rất tinh tấn, mất rất nhiều thời gian, rất nhiều tinh lực, nhưng công phu vẫn không đắc lực. Không biết nguyên nhân vì sao không đắc lực? Đây là khó khăn lớn nhất cho việc tu

học của mình. Ta rất muốn thành tựu nhưng không thể thành tựu, rất muốn tương ưng nhưng mãi không tương ưng. Do đó ta lãnh hội được rằng, Phật dạy chúng ta đọc tụng đại thừa, rất có lý, Phật lại khuyên chúng ta phải thân cận thiện tri thức. Ta đọc tụng, nhờ đọc tụng mà ngộ nhập, thực hành không có vấn đề gì, thời gian dài, không nhất định đến ngày nào mới khai ngộ, mới đại khai viên giải. Nếu gặp thiện tri thức, được họ dẫn dắt, được họ giảng giải, sẽ rút ngắn thời gian khai ngộ cho chúng ta, lợi ích là đây. Chẳng hạn tự ta đọc tụng, vốn phải cần mười năm mới khai ngộ, gặp được thiện hữu chỉ năm năm liền khai ngộ, giảm một nửa thời gian. Người căn tánh sắc bén càng nhanh, một hai năm là khai ngộ. Thế nào gọi là khai ngộ? Tương ưng với trạm tịch hư linh, đây là lợi ích chân thật.

Tuy mê ngộ bất đồng, tâm tánh không có sai biệt, tâm tánh không theo mê ngộ, thể dụng của tâm tánh đều không theo mê ngộ, vì thế nó bất biến. Khi giác ngộ, thể dụng của tâm tánh là trạm tịch hư linh. Khi mê hoặc, tác dụng của tâm tánh vẫn là trạm tịch hư linh.

Lại nói với chư vị, pháp giới ở đâu? Căn bản không có pháp giới, ở trước nói “vô tướng vô danh”, thật vậy. Ý này rất sâu sắc, phải lãnh hội một cách tường tận. Nếu có thể lãnh hội được một phần sẽ có một phần lợi ích, lãnh hội được hai phần có hai phần lợi ích, đây là công phu thật sự, người thế gian gọi là học vấn thật sự.

Chân như bản tánh không tùy mê ngộ, nhưng khi nó khởi tác dụng, ngộ nó sẽ hiển, mê nó không hiển. Không phải nói ngộ là có, mê nó không có, không phải như vậy. Rất khó nói. Phật pháp nói mê là mất đi, mất là ví dụ không phải thật, làm gì có mất thật? Không mất. Trong hội Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói với vua Ba Tư Nặc, chân tâm tự tánh ở nơi sáu căn phóng quang động địa, tại ông không biết. Đây là nói rõ, tuy mê nhưng nó không hề mất đi, vì thế chúng ta gọi là mê mất. Không nhận thức được nó, đồng nghĩa là mất đi. Tuy mê nó vẫn khởi tác dụng như thường, ở mắt nó là thấy, tai nó là nghe. Ngộ là tác dụng này, mê vẫn là tác dụng này, nhưng cảm nhận về mê và ngộ khác nhau. Ngộ là thanh tịnh bình đẳng giác, mê hoàn toàn tương phản với điều này. Mê là ô nhiễm, là không bình đẳng, là không giác.

Câu nói này của cổ đức là lời chân thật, “hư không thế giới, đều là tự tâm ta”. Tự tâm là bản thể của chính mình, ở trước nói là nhất niệm tự tánh, tận hư không biến pháp giới là nhất niệm tự tánh của chính mình. Ý này trong cảnh mộng dễ lãnh hội hơn, khi nằm mộng, toàn thể cảnh mộng há không phải nhất niệm tự tánh biến hiện sao? Toàn thể hiện tượng chính là nhất niệm tự tánh.

Bản thân ta ngộ nhập, bản thân ta thiên hạ thái bình, có bị người khác liên lụy chăng? Nói cho chư vị biết, không bị. Ai bị người khác liên lụy? Người mê bị người khác liên lụy, người ngộ không bị. Thiên hạ đại loạn họ

không loạn, thế gian ô nhiễm họ không nhiễm. Nếu thiên hạ loạn họ cũng loạn, thế gian nhiễm họ cũng nhiễm, vậy Phật học này còn có lợi ích gì? Có gì tốt đẹp đâu? Điều đáng quý của Phật pháp là đây, cho nên đây là điều mà cửu giới chúng sanh nhất định phải học tập. Nói cách khác, cần phải tiếp thu giáo dục Phật giáo.

Đầu năm dân quốc, cư sĩ Âu Dương Cán Vô nói, Phật pháp không phải Tôn giáo, không phải triết học, mà vì nhu cầu của thế giới ngày nay. Ông ta nói rất chính xác, chỉ có người thật sự hiểu mới biết được, người không hiểu không thể biết, đâu biết Phật pháp quan trọng đến thế. Xã hội đại chúng không hiểu Phật pháp, xem nhẹ Phật pháp. Thế gian này rất nhiều vấn đề, mọi người đều đang tư duy, muốn giải quyết những vấn đề này, có cách giải quyết chăng? Không thể. Thật sự có thể giải quyết vấn đề là Phật pháp, nhưng họ không biết.

Câu này ý nghĩa rất thâm sâu, chân thật bất hư. Chúng ta học tập như thế nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày lãnh hội tường tận, thực hành dần dần. Phương pháp là dùng nguyên tắc trên đề Kinh Vô Lượng Thọ là được, “thanh tịnh bình đẳng giác”. Lấy tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng xử sự đối nhân tiếp vật, tự nhiên giác ngộ.

Chúng ta ngày nay công phu không đặc lực, do ta xử sự đối nhân tiếp vật không dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, công phu không đặc lực. Kinh điển mở ra trước mặt, không hiểu được ý của kinh. Chăng những không hiểu kinh nói gì, đến chú giải của cổ đức bày ra trước mặt cũng không hiểu. Quý vị hỏi đây là do nguyên nhân gì? Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, tiếp xúc tất cả người sự vật, không dùng thanh tịnh bình đẳng. Nếu dùng thanh tịnh bình đẳng, tức đã giác, giác rồi mở ra thấy vô lượng nghĩa. Đừng nói kinh Phật vô lượng nghĩa, chú giải vô lượng nghĩa, mà sách của lớp mẫu giáo, hay mèo kêu chó chạy cũng đều vô lượng nghĩa. Mèo con, cho con nói với quý vị hai ba tiếng, cũng nói một cách đầy thú vị. Vì sao vậy? Vì không có một pháp nào không tương ứng với trạm tịch hư linh.

Hôm qua trong Kinh Hoa Nghiêm nói hai câu: “Không sanh không diệt, không đến không đi”, trong kinh này chỉ nói tám chữ. Trong Trung Quán nói 16 chữ, lại thêm vào “không thường không đoạn, không một không khác”, ý nghĩa càng nổi bật hơn. Chư vị suy nghĩ tường tận xem, vẫn là trạm tịch hư linh, ý hoàn toàn tương ứng, cách nói khác nhau, nói từ một phương pháp khác. Chỉ cần chúng ta nghe rõ ràng minh bạch, khế nhập, liền vào cửa giải thoát.

Giải là mở, mở gì? Mở sự mê hoặc của chúng ta. Thoát là gì? Là thoát ly hết thảy hư vọng, đây là nhập cảnh giới Phật, nhập cảnh giới Phật là minh tâm kiến tánh.

Đoạn này nói rõ về nguồn gốc của pháp giới, pháp giới từ đâu đến? Rốt cuộc là sao? Chúng ta phải hiểu rõ. Quả thật thế gian hiện nay rất nhiều nhà khoa học nói, dùng ví dụ gãi không đúng chỗ thì hơi quá đáng, thực tế mà nói còn thua xa. Những gì họ nói đến biên tế đều chưa đụng đến, làm sao có thể giải quyết được. Chỉ đem lại cho thế giới càng nhiều rắc rối, càng nhiều tranh chấp. Phật nói không sai, lỗi ngu si không có trí tuệ.

Đoạn văn tiếp theo dài hơn một chút, chúng ta đọc qua một lượt.

“Khảo thiện ác báo ứng, tịnh thị hoặc tâm, tức bản nhất tâm, nhi quán chư pháp”. Đây là nguyên lý dạy học của Đức Phật. “Cổ ngã Phật pháp môn, tuy dĩ tâm vi đạo dã. Hoa Nghiêm Kinh vân:

Tâm như công họa sư  
Tạo chủng chủng ngũ uẩn  
Nhất thiết thế gian trung  
Vô bất do tâm tạo”.

Đây là bài kệ trong Kinh Hoa Nghiêm, bài kệ này rất nổi tiếng, cổ đức thường dẫn chứng. Người không đọc Kinh Hoa Nghiêm, cũng rất nhiều người biết bài kệ này.

“Khởi Tín Luận vân, hữu pháp năng khởi, ma ha diễn tín tướng”. Ma ha diễn là tiếng Phạn, chính là đại thừa, dịch là đại thừa. “Sở ngôn pháp giả vị chúng sanh tâm, thị tâm tức nhiếp nhất thiết, thế gian xuất thế gian pháp, giai thử ý giả”. Đây là trích dẫn kinh luận làm chứng minh. “Thị tắc Địa Tạng Bồ Tát sở vân, nhất thiết chư pháp tùng tâm sở khởi, dữ tâm tác tướng, hòa hợp nhi hữu, cộng sanh cộng diệt, đồng vô hữu trú, dĩ nhất thiết cảnh giới, dẫn tùy tâm sở duyên, niệm niệm tương tục cố, nhi đắc trú trì, tạm thời vi hữu giả, chánh sở dĩ thị thử tâm địa, pháp môn chi chỉ nhĩ”. Đến đây là một đoạn.

Đoạn này nói về điều gì? Căn nguyên của Phật pháp. Phật dựa vào điều gì để thuyết pháp? Y cứ vào đâu để giáo hóa tất cả chúng sanh? Đây căn cứ của Phật pháp. Không những Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm giảng kinh thuyết pháp căn cứ vào đây, mà tất cả Chư Phật Như Lai khắp ba đời mười phương, thuyết chủng chủng pháp cho vô lượng chúng sanh, cũng không lìa nguyên tắc này.

Căn nguyên lý luận dạy học của Phật giáo, nếu nhận thức rõ ràng nguyên nguyên này, mới thừa nhận pháp nhà Phật nói gọi là chánh pháp, mới có khái niệm về tiêu chuẩn của chữ chánh này. Thông thường ta gọi Phật pháp là chánh pháp, chánh là gì? Tà là gì? Tà chánh nói như thế nào? Tiêu chuẩn tà chánh ở đâu? Ở đây vẫn tự không nhiều, nhưng nói với chúng ta rất rõ ràng.

“Khảo” là khảo sát, quan sát tường tận. “Thiện ác báo ứng” vấn đề trong mười pháp giới. “Tịnh thị hoặc tâm”, mê hoặc, “hoặc” trong Phật pháp gọi là vô minh. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều do vô minh biến hiện ra, cho nên phá vô minh mới thấy pháp thân. Thoát ly mười pháp giới, đến nhất

chân pháp giới. Nhưng nói những lời này, chúng ta phải hiểu nghĩa chân thật của nó, kê khai kinh nói “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Những lời này ta không thể chấp thực, nếu chấp thực: vượt thoát mười pháp giới, thật sự có mười pháp giới có thể siêu việt, thật sự có nhất chân pháp giới có thể đạt được. Vậy là sai. Giữ ý niệm này, vĩnh viễn không ra khỏi mười pháp giới, vĩnh viễn không khế nhập nhất chân pháp giới. Ta phải từ trong văn tự ngôn ngữ, lãnh hội nghĩa chân thật của nó. Thực tế mà nói, không có mười pháp giới, cũng không có nhất chân pháp giới. Nhưng cách nói này, chúng sanh nghe đến sẽ giật mình, đây là nói thật với chúng ta. Không phải ở trước từng nói “vô tướng vô danh, tuyệt tư tuyệt nghị”, đó là thật, nhưng hàng phàm phu nghe nói như thế, có ai không sợ? Chúng ta phải làm sao? Phật thuyết pháp dùng phương tiện thiện xảo, nói với quý vị có lục đạo, có mười pháp giới, có nhất chân pháp giới. Đây là đối với nói sơ cấp, đối với trung cấp, đối với cao cấp không nói như thế. Tuy cũng là cách nói này, nhưng ý nghĩa khác nhau. Vô minh biến hiện, nghĩa là khi mê mới có hiện tượng này.

“Tức bốn nhất tâm mà quán chư pháp”, đây là nguyên lý. Chư pháp bao gồm tất cả pháp thế xuất thế gian, là nhất niệm tự tánh biến hiện, đây chính là “nhất tâm nhi quán chư pháp”. Chư pháp, làm gì có chuyện không viên dung? Quý vị nói quý vị không thể độ một số ngoại giáo, không có đạo lý này, không thể độ tà ác, cũng không có đạo lý này. Vì sao có thể độ ngoại đạo, có thể độ tà ác? Phật Bồ Tát có thể hàng phục độc long, độc long là gì? Là tham sân si, đó là độc long. Vì sao họ đều không gặp khó khăn? Họ hiểu nhất tâm mà quán thông các pháp. Quý vị có nghe hiểu câu này chẳng? Chỉ cần ta dùng nhất tâm, hết thấy các pháp đều quán thông. Hôm nay chúng ta không thể thông, do ba tâm hai ý, cho nên không thể thông. Nhất tâm hiện hết thấy các pháp, tôi tin mọi người biết điều này. Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, duy tâm sở hiện là nhất tâm, nhất niệm tự tánh. Hiện mười pháp giới y chánh trang nghiêm, hiện nhất chân pháp giới, tận hư không biến pháp giới đều là nhất niệm tâm tánh hiện.

Bây giờ tôi dùng nhất tâm, nhất niệm tâm tánh hiện ra tất cả các pháp quán thông. Nói cách khác, pháp thế xuất thế gian không có gì ta không thông đạt, thông tất cả, nhất tâm sẽ quán thông.

Tu học Phật pháp, trong truyện ký của cổ nhân. Không cần nói cổ nhân, cách chúng ta gần một chút, như Ảnh Trần Hồi Úc Lục của pháp sư Đàm Hư. Trong này viết về một vị hòa thượng phơi sấp, tên là gì? Pháp sư trì luật. Người này lay xá lợi của Phật Thích Ca Mâu Ni tại chùa A Dục Vương, lay ba năm thì khai ngộ, tất cả thông đạt. Ông là người không có trí tuệ, không được học hành, vô cùng ngu ngốc. Ở trong đạo tràng mọi người đều coi thường, sau cùng đã trở thành pháp sư có thể giảng kinh thuyết pháp. Vì sao ông ta có năng lực này? Lay Phật ba năm nhất tâm hiện tiền, nhất tâm có thể

quán thông các pháp, cho nên tất cả kinh điển đối với ông đều không có gì khó khăn, đều thông đạt.

Vào thời cổ đại, mọi người đều biết, đại sư Huệ Năng của Thiền tông không biết chữ. Ngài nghe Ngũ tổ giảng Kinh Kim Cang, nói đến câu: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền quán thông. Quý vị triển khai Kinh Kim Cang, Ngũ tổ nói với ngài bao nhiêu? Chưa đến 1/4, chưa nói bao nhiêu ngài đã minh bạch quán thông, vì sao vậy? Nhờ nhất tâm. Bình thường ngài đối với người sự vật đều dùng tâm thanh tịnh bình đẳng, nên vừa tiếp xúc, vừa nghe lập tức minh bạch.

Ngày nay chúng ta tu học, điều gì quan trọng nhất? Nhất tâm quan trọng nhất. Đặc biệt tu Tịnh độ, trong Kinh Di Đà nói, mục tiêu tu học của chúng ta là: “nhất tâm bất loạn”, “tâm không điên đảo”. Công phu của Tịnh tông, chỉ có hai câu tám chữ này. Nhất tâm bất loạn tương ứng với trạm tịch, tâm không điên đảo tương ứng với hư linh. Chúng ta cần phải hiểu đạo lý này, nó làm cho chúng ta công phu đặc lực.

Hiểu rõ thì có thể buông bỏ, vì sao ngày nay chúng ta không buông bỏ được? Buông bỏ điều gì? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, buông bỏ ba tâm hai ý. Vì sao không thể? Vì chưa thấu triệt đạo lý này, không biết. Nếu ta hiểu rõ ràng minh bạch lợi ích chân thật trong này, khi xử sự đối nhân tiếp vật ta sẽ dùng nhất tâm, sẽ dùng chân tâm.

Cho nên việc tu học của chúng ta, mới thật sự thấu hiểu. Then chốt tu hành ở chỗ ta có biết dụng tâm hay không? Tâm này là nói đến chân tâm, tâm này là nói nhất tâm. Nếu biết dùng chân tâm, biết dùng nhất tâm, nội dung bao hàm trong nhất tâm là tận hư không biến pháp giới. Cách nói này nói một cách rất trừu tượng, chúng ta rất khó hiểu. Hàng sơ học cần phải nắm bắt cương lĩnh của nó.

Trong việc tu học chúng ta đưa ra mười chữ, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, điều này mọi người dễ hiểu. Mười chữ này trong nhất tâm, nhất tâm thực hành trong cuộc sống hằng ngày, đối với người sự vật, nhất định dùng mười chữ này. Chư vị phải biết mười chữ này, mười chữ này là nhất quán, như Kinh Hoa Nghiêm nói: “một tức là nhiều, nhiều tức là một”. Chẳng hạn chúng ta nói chân thành, trong chân thành có thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thiếu một thứ không phải chân thành. Nói thanh tịnh, trong thanh tịnh nhất định có chân thành, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thiếu một thứ cũng không gọi là thanh tịnh. “Một tức là nhiều, nhiều tức là một”, nói mười chữ, trên thực tế chỉ là một vấn đề, đây gọi là nhất tâm. Do đây có thể biết, Chư Phật Bồ Tát không ai không “nhất tâm mà quán thông các pháp”, cho nên ngài là vô sở bất tri, vô sở bất năng. Tri kiến của ngài là chuẩn xác, không hề có chút sai lầm nào. Phật dạy chúng ta, vấn đề này không có gì hy hữu, ngài có chúng ta cũng có, tất cả chúng sanh không

ai không có. Tâm Phật thanh tịnh bình đẳng, Phật không nói ta có trí tuệ, còn quý vị ngu si. Ta rất cao, quý vị rất thấp, không có ý niệm này. Tôi có anh cũng có, tôi đã ngộ anh đang mê, tôi đã ngộ trí tuệ tôi không tăng thêm chút nào, không nhiều hơn anh. Anh mê, trí tuệ anh cũng không ít hơn tôi, chúng ta hoàn toàn bình đẳng. Phật không có tâm cao thấp, ngài nhận ra chân tướng sự thật này, tuy mê nhưng không hề mất đi, tuy ngộ cũng không tăng thêm, không tăng không giảm, đây là chân tướng sự thật. Cho nên biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, tâm thái là năm câu mười chữ này. Về sự tướng, xử sự đối nhân tiếp vật là nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên, tám chữ này. Chúng ta dùng “niệm Phật” để làm tổng quy. Vì sao vậy? Vì không niệm Phật không thể đạt đến cứu cánh chân thật, sợ là ta thêm một lần sanh tử là thêm một lần mê muội, lại mê hoặc, lại phiền phức. Chúng ta làm sao để giữ cho không còn mê, không còn thoái chuyển? Phương pháp đáng tin nhất là đến thế giới Cực Lạc. Có đến được chăng? Chắn chắn đến được, vì sao ta chắn chắn như thế? Vì tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ, nhất tâm quán thông, sao không đi được? Tín tâm sung mãn, trở về thế giới Cực Lạc là nhà tôi, nhà tôi sao không thể trở về, đâu có chuyện đó? Tín tâm ta mới đầy đủ, mới chắn chắn có thể vãng sanh. Những người không thể vãng sanh, vì cho rằng đó là nhà của Phật A Di Đà, không phải nhà mình, sợ Phật A Di Đà không cho mình đi. Bản thân ta tạo nghiệp quá nặng, sợ Phật A Di Đà cự tuyệt, họ có ý niệm này. Không phải Phật A Di Đà không hoan nghênh, mà bản thân họ không dám đi, vậy thì hết cách, Phật sẽ không đến kéo quý vị đi. Đạo lý, sự tướng đều phải hiểu rõ ràng minh bạch. “Nhất tâm mà quán thông các pháp”, Phật dựa vào đây để thuyết pháp.

“Cổ ngã Phật pháp môn, tuy dĩ tâm vi đạo dã”, đã nói ra câu này. Phật đạo là gì? Hoặc Phật pháp là gì? Chúng ta gặp người hỏi, phải trả lời cho được. Nếu có thể nói mà người ta nghe xong gật đầu, nói phải có kỹ xảo, phải có phương tiện, phải nói cho người khác có thể nghe hiểu. Nếu nói pháp người ta nghe không hiểu, vậy là uông công. Trình độ họ như thế nào, trình độ cạn ta dùng ngôn ngữ cạn để nói, trình độ cao ta nói sâu một chút không sao, họ có thể lãnh hội. Người trình độ cạn không được nói sâu, trình độ sâu cũng không được nói cạn. Nói cạn họ coi thường, thì ra Phật pháp là như vậy, họ khinh mạn. Phải ứng cơ thuyết pháp, phải hiểu cách quán cơ. Vừa nói vừa để ý biểu cảm của họ, họ lãnh ngộ được bao nhiêu. Thấy họ không thể lãnh ngộ, lập tức nói cạn hơn.

Hôm qua đoạn kinh văn này, quý vị thử nghĩ xem, quý vị thấy chú giải của đại sư Thanh Lương, nếu theo cách nói đó rất khó hiểu, ngài nói có sai chăng? Không sai, nhưng nếu nói với người thời nay, càng nói càng khiến người ta mê hoặc, chúng ta phải dùng phương pháp khác để nói, mọi người đều dễ hiểu. Ứng cơ thuyết pháp rất hoạt bát, rất linh động.

Phật giảng kinh, Khổng phu tử dạy học, có thể nói họ có một nguyên tắc chung là “dùng những ví dụ gần gũi”. Ví dụ càng gần càng hay, càng hiện thực càng hay, mọi người rất dễ lý giải. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển, thường thức của khoa học kỹ thuật hầu như người người đều có. Có thể dùng điều này để làm phương tiện mà nói, họ rất dễ lãnh hội. Tất cả pháp thật sự là “không sanh không diệt”, quả thật là “không đến không đi”, “không một không khác”. Đều là chân thật, chân tướng, ai có thể nhận ra?

Nếu Phật không nói, chúng ta tuyệt đối không thể lãnh hội. Sau khi Phật nói xong, chúng ta quan sát tường tận, lãnh hội tường tận, mới biết lời Phật dạy rất có ý nghĩa, từ chỗ này chúng ta được giải thoát. Giải thoát là gì? Chúng ta đã biết, biết chính là nhìn thấu, sau khi minh bạch mới buông bỏ. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta, khôi phục đến nhất tâm, khôi phục đến thanh tịnh, đây là đạt được thọ dụng của Phật pháp.

Cương lĩnh chung, nguyên tắc chung, nguyên tắc chung của Phật pháp là “lấy tâm làm đạo”. Người bây giờ nói, trong giới học thuật gọi là “duy tâm”, “duy vật”. Họ nói về duy tâm không phải tâm mà nhà Phật nói, tâm nhà Phật nói họ không biết. Tông môn nói rất hay: “nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”. Người thế gian nói đến tâm, ý nghĩa rất cạn cợt, coi thứ gì là tâm? Họ cho rằng thứ có thể tư duy tưởng tượng là tâm. Đó là gì? Trong Phật pháp gọi là đệ lục ý thức, cái tâm duy tâm duy vật đó là đệ lục ý thức, không phải chân tâm. Đừng nói chân tâm, đến thức thứ tám họ đều không biết. A lại da thức so với đệ lục ý thức thù thắng hơn nhiều, mấy người hiểu? Cho nên nói Phật pháp là duy tâm, thực tế mà nói trong khái niệm của họ vẫn sai lầm. Trong Phật pháp nói về tâm tánh quả thật không dễ hiểu, khi đã hiểu chính là chúng tôi thường nói đã nhìn thấu. Nhìn thấu làm gì có đạo lý không buông bỏ? Nếu chưa buông bỏ chắc chắn là chưa nhìn thấu. Vì sao vậy? Vì không nhận thức. Vì thế thật sự nhìn thấu là chắc chắn buông bỏ, không thể không buông bỏ.

Lại nói cho chư vị biết, người buông bỏ chưa chắc đã nhìn thấu, người thật sự nhìn thấu nhất định buông bỏ. Buông bỏ là sự, nhìn thấu là lý. Về sự làm một cách hoàn toàn viên mãn, lý chưa chắc thông đạt. Lý thật sự thông đạt, làm gì có đạo lý không viên mãn? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Công phu của mình, phải thường khảo nghiệm công phu của mình, như vậy mới có tiến bộ. Cố gắng đọc sách, phải thường tham gia thi cử để kiểm nghiệm thành tích của mình.

Thành tích tu học Phật pháp là gì? Là buông bỏ, đây là công phu thật sự, đây là thành tích của mình. Nếu cảm thấy năm nay mình buông bỏ nhiều hơn năm trước, biểu thị ta có tiến bộ, trí tuệ khai mở. Ta xem nhiều thâm nhập thêm, ta lại buông bỏ thêm một ít, phải không ngừng buông bỏ, triệt để buông bỏ, buông một cách sạch sẽ, đó là cảnh giới gì hiện tiền? Trạm tịch

hư linh viên mãn hiện tiền. Từ đó cho thấy, những gì ngày nay chúng ta buông bỏ là chướng ngại trong trạm tịch hư linh. Sau khi buông bỏ tất cả, bốn chữ này viên mãn hiện tiền, tức viên thành Phật đạo, liền chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Đây là căn nguyên Phật thuyết pháp, chúng ta biết, như vậy tín tâm đối với Phật pháp mới kiên định, tuyệt đối không thay đổi. Thay đổi vì ta chưa hiểu rõ đạo lý này, ta không biết Phật căn cứ vào điều gì để thuyết pháp.

Bên dưới trích dẫn bài kệ trong Kinh Hoa Nghiêm để chứng minh, Phật nói: “Tâm như công họa sư”. “Công họa sư”, ngày nay chúng ta gọi là họa sĩ, họa sĩ vẽ tranh. Bức tranh của họa sĩ vẽ như thế nào? Trước tiên là trong tâm có, sau đó mới có thể vẽ ra. Ngày xưa vẽ trúc, trong lòng đã có tính toán, nếu trong tâm không có sao có thể vẽ ra được. Ta có thể vẽ ra được là do trong tâm có.

“Tạo chủng chủng ngũ uẩn”, ngũ uẩn chính là tất cả pháp thế xuất thế gian, ngũ uẩn là quy nạp của tất cả pháp. Chúng ta dùng Bách Pháp Minh Môn Luận của Tướng tông để nói, quý vị sẽ rất rõ ràng, rất dễ lãnh hội. Triển khai ngũ uẩn là bách pháp, quy nạp bách pháp chính là ngũ uẩn- sắc thọ tưởng hành thức. Trong Tâm Kinh nói, Bồ Tát Quán Thế Âm “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Đây là nhìn thấy chân tướng sự thật, nhận ra, nghĩa là nhìn thấy tất cả pháp thế xuất thế gian, chân tướng bất sanh bất diệt, không đến không đi, không thường không đoạn, không một không khác. Chân tướng tất cả pháp của thế xuất thế gian.

Người thật sự dụng công, tông môn giáo môn đều không ngoại lệ. Cương lĩnh nguyên tắc tu hành, trong Phật pháp gọi là pháp môn tông trì, ngày nay chúng ta gọi là cương lĩnh nguyên tắc, chính là “tác quán”. Quán là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, niệm niệm quan sát, trong tất cả sự vật ta nhìn thấy bất sanh bất diệt, nhìn thấy không đến không đi, liền hoát nhiên đại ngộ.

Khi quý vị tác quán, trong tông môn gọi là ‘nghi tình’, ta chưa khế nhập cảnh giới này. Nghi tình không phải hoài nghi, là hành trì công phu này mà chưa nhập cảnh giới, lúc này gọi là nghi tình. Ta thấy tất cả pháp ở ngay trước mắt, những gì mắt thấy, tai nghe, sáu căn tiếp xúc là bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt quán như thế nào? Kinh Kim Cang dạy rằng “như lô diệc như điện”, được, dùng phương pháp này được.

Hiện nay mọi người thích chụp hình, tôi thường dùng ví dụ này. Bấm vào máy chụp hình, toàn bộ hiện tượng chỉ trong sát na đó. Lại bấm một lần nữa, sát na thứ hai và sát na thứ nhất, nhất định không giống nhau. Quý vị nói tôi bất động ở đây, hiện tượng đang hiện tiền. Mọi người cũng bất động, tôi bấm lần thứ hai, thật ra không giống nhau. Vì sao vậy? Sự trao đổi chất tế

bào của mỗi người không giống nhau, mỗi niệm đều đang thay cũ đổi mới, sao có thể giống nhau được?

Con người chúng ta không giống nhau, niệm trước và niệm sau không giống nhau, vật cũng không giống nhau, vật cũng thay đổi. Chúng ta biết trong vật thể, do nguyên tử, điện tử, hạt căn bản tập hợp mà thành, trong đó cũng sinh biến hóa rất lớn. Hôm qua chúng ta dùng sóng ánh sáng để làm ví dụ, một giây trên ức vạn phần đã khởi biến hóa. Bởi vậy nói bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt nghĩa là sanh diệt đồng thời. Tốc độ của nó quá nhanh, chúng ta không nhận ra được sự sanh diệt của nó, nhưng nó vẫn có hiện tượng sanh diệt, đây là nói về chân tướng. Cho nên có là huyền có, nó không phải thật có. Thật là bất biến, nó có biến, tốc độ biến hóa nhanh chóng của nó chúng ta không thể tưởng tượng, đúng là không thể nghĩ bàn. Tất cả cảnh giới tướng đều đang biến hóa, nhất định không có gì bất biến, điều gì bất biến? Trạm tịch bất biến, trạm tịch là thể. Hư linh bất biến, hư linh là trí tuệ. Ngoài điều này ra, không có gì không biến hóa. Phàm có biến hóa đều là mộng huyền bào ảnh, phàm có biến hóa đều bất khả đắc. Bất khả đắc, bản thân khởi vọng tưởng muốn được, vọng tưởng đó là tâm năng đắc, vọng tưởng đó cũng bất khả đắc. Còn có gì không buông bỏ được?

Gần đây có rất nhiều người nói, sang năm kinh tế càng suy thoái, có thể nền kinh tế sẽ bị sụp đổ. Quý vị nghe xong như thế nào? Cảm thấy khủng hoảng, lo sợ. Tôi nghe rồi như thế nào? Bất khả đắc, hưng vượng bất khả đắc, suy thoái cũng bất khả đắc, tâm bằng lặng. Làm sao để sống? Phật dạy chúng ta tu phước. Chỉ cần ta có phước báo, khi hưng vượng ta có phước, khi suy thoái vẫn có phước, không biết tu phước là sai. Cho nên khi ta có sức mạnh, cố gắng tu phước. Quý vị mới biết người có phước, đi đến địa ngục a tỳ vẫn hưởng phước. Đây đều là nói với quý vị về chân tướng sự thật, nếu không hiểu không tin vậy thì hết cách. Nhất định phải tu phước.

Tu phước như thế nào? Bồ thí. Đừng đợi đến khi kinh tế sụp đổ, đồng cỏ phiếu đó biến thành giấy rách, muốn tu phước cũng không tu được, điều này thật đáng tiếc. Nhất định phải nắm bắt cơ hội, kịp thời tu phước, như vậy phước báo hưởng không hết. Đức Phật nói với chúng ta đều là chân tướng sự thật.

“Nhất thiết thế gian trung, vô bất do tâm tạo”. Hai câu trước là ví dụ, hai câu sau là thuyết pháp, Phật pháp. Hữu tình thế gian, khí thế gian, chánh giác thế gian, đây là nói pháp thế xuất thế gian đều do tâm tạo, duy tâm sở hiện, đây là tâm tạo. Duy thức sở biến, đó là nói thọ dụng của mỗi người. Thọ dụng của mình bất đồng là do vọng tưởng mình biến hiện, là vọng tưởng phân biệt chấp trước, thọ dụng là tương đồng, đó là thọ dụng thù thắng nhất. Chúng ta cũng có thể nói, duy tâm sở hiện ví như nói sinh thái tự nhiên, sinh thái tự nhiên là tốt đẹp nhất. Còn duy thức sở biến, chúng ta phải thay đổi

sinh thái tự nhiên, làm theo ý mình, vậy là có sự khác biệt với hoàn cảnh sinh thái vốn có. Hưởng thụ của mình rơi vào trong tình thức, ta có tốt xấu. Trong tự nhiên sinh thái không có tốt xấu, không có tình chấp, đó là trí tuệ chân thật.

Ngày nay chúng ta thấy sân vườn ở nhà người ta, cây cối sinh trưởng tốt đẹp một cách tự nhiên, họ lại cắt uốn, cắt thành các loại kỳ quái, phá hoại sinh thái tự nhiên. Bản thân họ cảm thấy rất đẹp, nhưng chúng ta vào trong rừng nguyên thủy để xem, cảm thấy nét đẹp của rừng nguyên thủy hơn hẳn nhân tạo. Nhân tạo tận tâm tra chuốt đến đâu, cũng không sánh bằng tự nhiên. Thật sự có thể thưởng thức đại tự nhiên, đây là cao nhân. Hích tra chuốt là tục nhân, nhả tục khác nhau. Người thế tục thích nhân tạo, người cao siêu thích tự nhiên, trở về với tự nhiên.

Chư vị đồng học tu học ở đây, tôi nghe nói sứ quán nước ngoài, cần quý vị ở Singapore sau khi lấy được phê chuẩn hai năm, muốn làm visa đi nước ngoài du lịch rất dễ. Sau khi lấy được visa, chúng ta có thể tổ chức đoàn thể đến Úc Châu, New Zealand để thưởng thức, cảnh quan tự nhiên ở đó vẫn chưa bị phá hoại, không giống nhau. Đến đó đúng là lưu luyến quên đường về. Tôi đến đảo tràng của tiểu thành Bái Tư- Úc Châu, tôi thấy rất thích.

Ba vị pháp sư đến đây phỏng vấn tôi, họ có một mảnh đất diện tích rất lớn, 96 mẫu anh, hai mươi mấy người ở đó. Phật đường, phòng ở của họ, đến đường đi đều tự làm hết, không thuê công nhân. Tôi thấy thế rất khâm phục, người xuất gia tự động thủ, tự làm, sửa đường sá, xây dựng chánh điện. Một người một phòng nhỏ, không nối liền với nhau, phòng này đến phòng kia đi bộ khoảng năm phút. Sống cuộc sống nguyên thủy, không có điện, buổi tối thắp đèn sáp. Một căn phòng lớn bao nhiêu? Rất nhỏ, nếu tính theo mét vuông, khoảng sáu bảy mét vuông. Gian phòng nhỏ đó đều tự làm, rất thú vị, sống cuộc sống nguyên thủy, làm bạn với dã thú trên núi. Vì lân cận có săn bắn, dã thú cũng rất thông minh, khu vực này là khu vực được bảo vệ, người ta không dám vào đó săn bắn, dã thú đều đến khu bảo vệ này, cùng chung sống, có ý nghĩa. Tất cả trở về với tự nhiên, giữ nguyên diện mạo vốn có, đẹp hơn nhiều so với bàn tay nhân tạo.

Tất cả pháp thể xuất thế gian chúng ta cần phải hiểu, nhận thức chân tướng của nó, nó là do tâm tạo. Đây là trích dẫn kinh làm chứng minh, Phật thuyết pháp là lấy điều này làm y cứ.

Luận do Bồ Tát tạo, Đại Thừa Khởi Tín Luận là Bồ Tát Mã Minh viết. Bồ Tát cũng nói: “có pháp, có thể khởi ma ha diễn tín tướng”. Ngài nói có pháp, có phương pháp có thể khiến người sanh khởi tín tướng đại thừa Đại Thừa Khởi Tín. Tướng là biểu hiện sanh khởi tín tâm, người mê có tướng của mê, giác có tướng của giác, tin có tướng của tin, không tin có tướng của

không tin. Tin tưởng chính là sanh khởi tướng của đại thừa, hình tướng như vậy.

“Sở ngôn pháp giả”, phương pháp gì có thể sanh khởi tín tướng của đại thừa? “Vị chúng sanh tâm, thị tâm tác nhiếp nhất thiết thế gian xuất thế gian pháp”. “Tâm” không phải tâm ý thức, chính là ở trước nói nhất niệm tự tánh. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “nhất thiết thế gian trung, vô bất do tâm tạo”, cùng một ý với tâm đó. Đây là Bồ Tát nói. Nếu thấu hiểu tất cả pháp thế xuất thế gian, tín tâm liền sanh khởi, hiện tượng sanh khởi tín tâm là gì? Nói như hiện nay gọi là “trở về với thiên nhiên”, không còn chăm chút nhân tạo, không còn làm những việc này, trở về thiên nhiên.

Chu phu tử thời nhà Tống, đọc trong thư thi nói: “lục măn song tiền thảo bất trừ”. Quý vị xem nó có nghĩa là gì? Hiện nay cắt xén một cách ngay ngắn, người ta cứ để nó mọc tự nhiên. Hai trường hợp này có thể thường thức xem, hai ý nghĩa. Hai ý nghĩa có thể nhận ra hai loại tâm tướng khác nhau, tâm bất đồng. Một tâm hoàn toàn bình lặng, thanh tịnh bình đẳng. Một tâm có phân biệt, có chấp trước, có tình chấp nghiêm trọng. Quý vị xem tâm tình, thái độ, tính cách của hai người này, vừa nhìn là nhận ra ngay, là minh bạch ngay.

Cao nhân vô tâm, vô tâm chính là không có kiêu tâm thái thế gian này, không có vọng tưởng phân biệt chấp trước của người thế gian, họ vô tâm. Tâm của vô tâm đó là chân tâm, không hề có tạo tác, không hề có ý niệm. Dùng tâm này không có chướng ngại, gọi là pháp giới không chướng ngại, vì họ nhất tâm quán thông các pháp, cho nên không chướng ngại.

Tâm chúng sanh, khởi tâm động niệm, vọng tưởng phân biệt chấp trước, trong pháp vô chướng ngại tự tạo ra vô số chướng ngại. Vốn không có chướng ngại, là do vọng tưởng của mình tạo ra, đây gọi là tự làm tự chịu. Trong vô số chướng ngại hiện ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Khổ của chúng sanh từ đâu mà có? Hiểu rõ ràng, chúng ta hiểu rõ nhất định siêu việt, vượt qua. Ta dập tắt ý niệm này, khổ này không còn. Chư vị đồng tu cần phải đặc biệt chú ý điều này.

Một người dù minh tinh đến đâu, dù giỏi giang đến mấy, nhất định chịu sự sắp đặt của người khác, bản thân không làm chủ được. Khi nào? Đến khi ta sắp chết, toàn thân không có sức lực, người ta lật mình qua một bên thì mình chuyển qua, lật về bên này thì ta chuyển về, ta có năng lực gì? Không phải hoàn toàn bị người khống chế, điều khiển rồi sao? Quý vị mới biết, điều đó thật đáng thương. Ai có thể vượt qua cửa ải này? Đặc biệt là khi còn sống ở thế gian, người ngang tàn đàn áp người khác, đến khi lâm chung, oan gia đối đầu đều tìm đến, quý vị có thể không bị người khác điều khiển ư? Vì thế người học Phật như chúng ta cần phải cảnh giác, tuyệt đối đừng để người khác sắp đặt điều khiển. Sanh tử tự tại, biết trước giờ chết, không sanh bệnh, muốn đi lúc nào thì đi, tuyệt đối không để người khống chế, được đại tự tại.

Có làm được chăng? Làm được. Dựa vào đâu mà làm được? Nhất tâm sẽ làm được. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự đối nhân tiếp vật, vô tâm sẽ làm được, có tâm không làm được. Có tâm tạo nghiệp, vô tâm không tạo nghiệp. Vô tâm là tùy duyên, có tâm là phan duyên. Vô tâm là tùy theo tự nhiên, có tâm là muốn tự nhiên tùy theo ý mình, ta không thể không tùy theo ý người khác, như vậy rất phiền phức. Ta không yêu cầu người khác tùy thuận theo ý mình, thì có thể tự điều khiển không theo ý người khác, bản thân mới làm chủ được.

Trong giáo lý đại thừa khai thị cho chúng ta rất nhiều, sao có thể không đọc? Kinh luận đều có ý này, chứng minh những gì ngài nói đều có lý luận y cứ, có thánh giáo làm y cứ.

Lại xem bộ Kinh Địa Tạng này, “thị tắc Địa Tạng Bồ Tát sở vân”, đây là Bồ Tát Địa Tạng nói. “Nhất thiết chư pháp, tùng tâm sở khởi”. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, chúng ta phải phân biệt rõ ràng “tâm” này, có thể coi là chân tâm, cũng có thể coi là vọng tâm. “Nhất thiết chư pháp”, nếu chư pháp này là nói pháp của nhất chân pháp giới, đó là duy tâm sở hiện. Nếu nói là tất cả các pháp trong mười pháp giới, đó là duy thức sở biến. Duy thức sở biến, còn phải có duy tâm sở hiện, nếu tâm không hiện thì biến làm sao, không biến được. Sau khi tâm hiện mới có thể biến.

Như cây cỏ hoa lá vậy, cây cỏ hoa lá vốn có sẵn, đó là ví dụ duy tâm sở hiện. Khi ta cắt nó theo ý mình, đó là duy thức sở biến. Duy thức sở biến phải y cứ vào duy tâm sở hiện, tâm không hiện, ở đây không có cây lấy gì mà cắt.

“Dữ tâm tác tướng”. Đức Phật nói “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Tâm tướng chính là thức, là thức biến, đặc biệt là nói mười pháp giới và lục đạo, tất cả tướng đều do vọng tướng của chúng sanh biến hiện. Hoàn cảnh sống của ta có thiện có ác, cảnh giới thiện từ đâu xuất hiện? Do thiện tâm biến hiện. Cảnh giới ác xuất hiện từ đâu? Do ác tâm biến hiện.

Phật nói với chúng ta về sự khác biệt lớn, ba đường lành, ba đường ác, rõ ràng nhất, ta cần phải hiểu. Khác biệt lớn như vậy, khác biệt nhỏ cũng không ngoại lệ. Chúng ta tiếp xúc với người môi luôn mỉm cười, biến hiện cảnh giới thiện, hai bên đều rất hoan hỷ. Quý vị mỉm cười với oan gia đối đầu, họ sẽ dễ thay đổi theo ý của quý vị. Người cực kỳ thân thiết, suốt ngày xụ mặt với họ, cũng biến thành oan gia đối đầu, đều ở trong một niệm của mình. Thế mới biết cảnh duyên bên ngoài, trong Linh Phong Tông Luận đại sư Ngẫu Ích nói, cảnh giới bên ngoài không có tốt xấu, phải biết xấu đẹp đều do tâm mình, đừng hiểu sai. Nếu không hiểu đạo lý này, mới hay oán trời trách đất. Hiểu được đạo lý này, thì ra hoàn toàn do tâm mình biến hiện, mới thấu triệt chân tướng sự thật, mới biết nên làm người như thế nào, xử thế ra sao. Đây gọi là học Phật Bồ Tát.

Bên dưới nói: “hòa hợp mà có, cùng sanh cùng diệt”, đây là nói ra chân tướng sự thật. Trong kinh luận nói: “tâm sanh tức chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tức chủng chủng pháp diệt”. Sanh diệt là nói sanh diệt của tướng sở biến, không phải sở hiện. Duy tâm sở hiện không có sanh diệt, duy thức sở biến có sanh có diệt, ta cần phân biệt rõ điều này.

Vì sao cõi tịnh của Chư Phật gọi là nhất chân? Chân tức không có sanh diệt, không có biến hóa. Vì sao họ không có biến hóa? Vì họ không dùng tâm thức, họ không có phân biệt, họ không có chấp trước, vì thế không có biến hóa. Vì sao chúng ta có biến hóa? Vì có phân biệt, có chấp trước. Họ tùy thuận tự nhiên, chúng ta thay đổi tự nhiên. Thay đổi tự nhiên tức có sanh có diệt, tùy thuận tự nhiên không sanh không diệt, cho nên chúng ta sai lầm.

Trong mười pháp giới, chúng ta thường gọi là cửu giới chúng sanh, ở đây gọi là mười pháp giới, sai. Luôn muốn thay đổi tự nhiên, tùy theo ý mình, hoàn toàn sai lầm. Ý niệm này chính là vô minh, chính là mê hoặc. Vì có ý niệm này, mới biến hiện ra phân biệt chấp trước. Thực hành trong cuộc sống là tạo nghiệp, tạo nghiệp đương nhiên chiêu cảm quả báo, đây gọi là báo ứng thiện ác đều là hoặc tâm, mê hoặc. Hiện tượng này hòa hợp với tâm mà có, cùng sanh cùng diệt.

Câu tiếp theo nói rất hay: “đều không có trụ”, nhưng mọi người không biết điều này, mấy ai biết được? Người hiểu câu này, tức đã tỉnh ngộ “đều không có trụ”. Trụ là gì? Nói như hiện nay là “tồn tại”. Không có trụ, đều là hư huyền không tồn tại. Như Kinh Kim Cang nói mộng huyền bào ảnh, làm gì có sự thật? Vì sao nói đều không có trụ? Bên dưới nói: “Dĩ nhất thiết cảnh giới, dẫn tùy tâm sở duyên, niệm niệm tương tục cố”. Trong Kinh Kim Cang ví “như sương”, như sương là ví với sự tương tục. “Như điện” là nói rõ chân tướng. Tuy tương tục, chư vị biết rằng, tướng tương tục là tướng ở trước và tướng ở sau chỉ tương tự, không hoàn toàn tương đồng. Niệm trước tương tự với niệm sau, không hoàn toàn tương đồng. Tuyệt đối không tìm thấy, trong tất cả người sự vật đều không tìm thấy, nó biến hóa trong từng sát na. Tốc độ cực nhanh, vĩnh viễn không ngừng.

“Niệm niệm tương tục cố, nhi đặc trú trì, tạm thời vi hữu”. Đây là hiện tượng mà phàm phu chúng ta nhìn thấy, coi nó là thật. Chẳng qua nó chỉ tạm có, trong kinh luận gọi là huyền có, diệu hữu, “chân không bất không, diệu hữu phi hữu”. Chân không bất không là nói tâm tánh năng hiện, tâm tánh trạm tịch là chân không. Vì sao gọi là bất không? Có thể hiện tất cả hiện tượng, nó rất linh động, không hề chứng ngắc. Nó có thể hiện, cho nên nói nó bất không. “Diệu hữu phi hữu” là nói những cảnh giới tướng hiện ra, chúng sanh đang thức biến, biến nhất chân pháp giới thành mười pháp giới, biến thành vô lượng vô biên pháp giới. “Hữu” là diệu hữu, diệu hữu phi hữu, không phải chân hữu, mộng huyền bào ảnh. Chúng ta phải biết, thế giới

hiện thực này là gì? Là mộng huyễn bào ảnh, hà tất ở trong mộng huyễn bào ảnh mà tạo nghiệp? Vậy là sai. Ở trong mộng huyễn bào ảnh biết tùy thuận, học theo Phật Bồ tát: “đại tác mộng trung Phật sự, hưng kiến thủy nguyệt đạo tràng”. Xây dựng đạo tràng ở đây, phải biết rằng, đạo tràng cũng là hoa trong gương trắng dưới nước. Đừng chấp trước, đạo tràng này do tôi xây dựng, tôi có rất nhiều công đức, sai lầm.

Lương Võ Đế xây dựng hơn 480 ngôi tự viện, tổ sư Đạt Ma nói không hề có công đức, quý vị có công đức gì? Tuyệt đối không được chấp trước, không chấp tướng là công đức, đó mới là đại tự tại. Chấp tướng là sai, là mê muội. Nhất định phải học theo Phật Bồ Tát “làm mà không làm, không làm mà làm”. Làm mà không làm là nói tuyệt đối đừng chấp trước, tâm địa thanh tịnh. Không làm mà làm, tuy biết là mộng huyễn bào ảnh, khi gặp nhân duyên này phải tận tâm tận lực mà làm, không được nói không làm. Không làm, chúng sanh không được lợi ích, vì lợi ích chúng sanh chúng ta phải làm, tuy làm nhưng không chấp tướng. Làm và không làm là một, không phải hai. Phiền phức của chúng sanh là làm, họ chấp tướng làm, dành hết về mình, đúng là phiền phức. Phật Bồ Tát làm, làm không chấp tướng, vì thế họ xả bỏ một cách dứt khoát, đến ý niệm đều không còn, vậy mới đúng. Phải biết rằng chỉ có tạm thời, nó là tạm có, không phải thật có, không phải có vĩnh viễn.

“Chánh sở dĩ thị thử, tâm địa pháp môn chi chỉ nhĩ”. “Chỉ” là chỉ quy, cũng là tông chỉ. Đến đoạn này là nói về căn nguyên của Phật pháp. Phật y cứ vào đâu để thuyết pháp? Đức Phật nói pháp gì cho chúng ta? Đáng để chúng ta học tập chăng? Đây là then chốt. Khi đã thấu triệt liên sanh khởi tín tướng của đại thừa, nhiệt tình với đại thừa, yêu thích đại thừa, thật sự sanh khởi. Không hiểu chân tướng này, dù khuyên như thế nào họ vẫn còn cách biệt rất xa.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 2**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 3****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, luận quán trang thứ nhất, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu sau cùng.

“Kim thả trí ngộ, chỉ luận kỳ mê, kỳ thiên nhân tu la, tuần thiện phẩm nhi khinh thặng. Địa ngục quý súc, do ác nghiệp nhi trầm trụ, kỳ trụ chi quý súc, hữu khinh trọng chi phân, nhi trầm hồ địa ngục, vô đại tiểu chi biệt. Tổng do vô minh chi điên đảo, trí hữu ngục hộ chi chánh biên. Cố tri phạm phu do muội tâm nguyên, nhi tùy vọng niệm, vọng tạo ác nghiệp, vọng thọ khổ báo. Bất bằng chí thánh chi đại bi, hạt giải đảo huyền chi cực khổ”, đến đây là một đoạn.

Đoạn này nói về nguồn gốc của luân hồi lục đạo, quả thật có lục đạo, nó từ đâu mà có? Căn nguyên ở đâu? Chúng ta phải biết.

Ngày xưa Tôn giáo Ấn độ rất phát triển, tu học cũng có thành tựu. Lúc Thế Tôn xuất thế có rất nhiều ngoại đạo, nhà Phật gọi ngoại đạo là từ sự lý kiến lập nên danh từ này, tuyệt đối không có ý xem khinh. Ngoại đạo là chỉ cầu pháp ngoài tâm, phàm là cầu pháp ngoài tâm đều gọi là ngoại đạo. Nếu chúng ta học Phật không biết cầu trong tự tánh, cũng cầu bên ngoài tâm, đó cũng là ngoại đạo. Chúng ta cần phải hiểu đạo lý này, phải thấu triệt hàm nghĩa của danh từ thuật ngữ.

Những người này tu định, cũng có định công tương đối, nhà Phật gọi là thiên định thế gian, tứ thiên bát định họ đều đạt được. Người tu hành của rất nhiều Tôn giáo, họ có khả năng sanh vào trời tứ thiên, có năng lực sanh vào trời tứ không. Trong cảnh giới định lực thậm thâm, họ thấy rõ ràng tình hình của lục đạo. Họ thấy tình hình trong lục đạo, không phải suy tưởng, cũng không phải dùng toán học để suy tính. Cảnh giới trong định là cảnh giới hiện lượng, thấy tận mắt, nghe tận tai. Nhưng lục đạo từ đâu mà có? Vì sao hình thành? Họ không biết. Như hiện tại chúng ta sống ở thế gian này, xã hội này, địa cầu này, mọi sự vật chúng ta đều thấy một cách rõ ràng, đều nghe một cách minh bạch, đều rất thấu triệt, nhưng địa cầu từ đâu mà có? Những sanh mạng trên địa cầu từ đâu mà có? Chúng ta đều không biết. Những người ngoại đạo tu hành đó, đối với tình hình trong lục đạo giống như chúng ta hiện nay vậy, biết có nó nhưng không biết tại sao có nó. Nguyên do tại sao, mọi người đều muốn biết. Giống như người trên địa cầu

này vậy, có nhiều nhà khoa học, nhiều nhà triết học, họ quan sát rồi giải thích cho chúng ta, địa cầu khởi nguồn ra sao? Sanh mạng từ đâu mà có? Họ có rất nhiều cách nói, nhưng những cách nói này đều là suy đoán, suy tưởng trong quan sát, không phải sự thật. Mong cầu, dục vọng này trong Phật pháp gọi là cảm của chúng sanh. Họ muốn biết, muốn minh bạch. Muốn này chính là cảm, Phật Bồ Tát liền ứng. Nếu không muốn, dù Phật Bồ Tát đến nói với quý vị, quý vị cũng không nghe. Còn như rất muốn biết, Phật Bồ Tát liền đến. Vì sao Phật Bồ Tát đến thế gian này? Là để nói cho chúng sanh biết rõ ràng minh bạch nguyên do đạo lý này mà thôi, chân tướng của nhân sinh vũ trụ, đây là dạy học của Phật pháp.

Vừa mở đầu quán luận, trước tiên nói với chúng ta về căn nguyên của pháp tánh, sau đó mới nói về duyên khởi của pháp giới, pháp giới là như thế nào.

Đoạn thứ ba càng nói càng mật thiết với cuộc sống hiện tại của chúng ta, nguồn gốc của lục đạo. Câu đầu tiên nói: “kim thả trí ngộ”. Cảnh giới ngộ là cảnh giới Phật Bồ Tát, là nhất chân pháp giới. Bây giờ để qua một bên không nói đến, chỉ chuyên nói về lục đạo. “Chỉ luận kỳ mê”, hiện nay chỉ nói sự mê muội của chúng sanh, mê mất nhất niệm tâm tánh. Chúng ta mê mất nhất niệm, mới có nhiều niệm. Mê mất tự tánh, tự tánh biến thành gì? Tự tánh biến thành a lại da. Chúng ta không gọi nó là tự tánh, mà gọi là a lại da, a lại da là danh từ khi mê mất tự tánh. Thật ra tự tánh có mê ngộ chăng? Không có, mê ngộ do con người. Những kinh văn này, chúng ta phải lãnh hội tường tận ý nghĩa của nó.

Lục đạo là trời, người, a tu la, chúng ta gọi nó là ba đường lành. “Tuần thiện phẩm nhi khinh thăng”. Khinh trọng là trong Phật pháp dùng làm hình dung từ, họ tu thiện chiêu cảm quả báo của ba đường lành. Người được coi là đường lành, tu la là đường lành. Nhưng tu la nói ở đây, là nói về a tu la ở nhân gian và cõi trời, mà tu la trong lục đạo không được coi là nhân gian, gọi là tu la cõi trời.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn dạy, trong lục đạo ngoài địa ngục không có a tu la, bốn đường còn lại đều có a tu la. Cõi trời có a tu la, nhân gian có a tu la, quỷ đạo có a tu la, súc sanh có a tu la. Trong kinh Phật thường gọi luân hồi ngũ thú, nói ngũ đạo không nói lục đạo. Nói ngũ đạo tức không nói đến a tu la, a tu la ở cõi nào thì quy về cõi đó, không nói riêng biệt. Nếu nói lục đạo, tu la là chỉ nói thiên a tu la, nhân a tu la ở cõi người. Đây là một cách nói về lục đạo tu la.

Cõi trời có dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Trời dục giới là nương vào thập thiện nghiệp đạo mà được sanh lên nhẹ nhàng. Khinh trọng này nói rất hay, con người khi vui, khi tâm tình tốt, thân này rất nhẹ nhàng. Khi con người gặp âu lo phiền não, toàn thân giống như đang mang một gánh nặng

vậy, điều này chúng ta có thể lãnh hội được. Khi phiền não âu lo thân thể rất trầm trọng, tâm tình cũng trầm trọng, thân thể giống như có vài trăm cân vậy. Trọng nó sẽ trĩu xuống thấp, khinh sẽ hướng lên trên.

Con người tâm thiện, hành thiện, nói cho chư vị biết nó hướng lên trên, thân tâm nhẹ nhàng, họ nâng cao lên. Chỉ tu thập thiện nghiệp đạo, cao nhất là sanh vào trời Đao lợi, chúng ta phải biết những chân tướng sự thật này.

Chúng ta muốn ngay trong đời này, đời sau, đời đời kiếp kiếp đều có phước báo, ta phải hiểu phước báo từ đâu mà có? Thấy người thế gian có phước báo, phước báo của họ từ đâu mà có? Phước báo là quả, quả chắc chắn có nhân, phải tìm ra nguyên nhân. Nếu không ngừng tiếp tục tu nhân, biết rằng đời sau họ vẫn hưởng phước, đời sau nữa vẫn hưởng phước, phước báo của họ hưởng không hết. Nếu đời trước tu được phước báo, đời này hưởng phước mê muội, không biết tiếp tục tu phước, vậy thì thật đáng thương. Đời này hưởng hết phước báo là không còn nữa, đời sau không có phước báo.

Thế gian rất nhiều người mê, người giác ngộ ít. Đặc biệt là tiêu chuẩn thiện ác, ta phải rõ ràng minh bạch. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói rất thấu đáo, thế nào là chân thiện, thế nào là giả thiện? Thế nào là thiện viên mãn, thế nào là thiện nghiêng về một bên? Đại thiện là gì, tiểu thiện là gì? Tất cả đều phải hiểu, bản thân mới biết tu học như thế nào. Người thấu hiểu, tu đại thiện, tu chân thiện, tu thiện viên mãn, quả báo viên mãn, đây là việc do người làm.

Trời Đao lợi tiếp tục đi lên, ngoài tu thập thiện ra còn phải tu thiên định, còn phải tu tứ vô lượng tâm, tứ vô lượng tâm là từ bi hỷ xả. Nếu không có từ bi hỷ xả, mặc dù làm việc thiện, cao nhất cũng chỉ sanh đến trời Đao lợi, cao hơn nữa không có phần.

Do đó chúng ta nghĩ lại tiền đồ của mình, phải nhớ rằng chúng ta sống tại thế gian thời gian rất ngắn ngủi. Phải biết, chúng ta ở nhân gian chẳng khác nào khách trọ, ở đây tham quan vài ngày là đi. Dù phong cảnh ở đây đẹp đến đâu ta cũng không mang theo được, một gốc cây một ngọn cỏ đều không mang theo được, đây là chân tướng sự thật. Chư vị đều biết “sanh không mang đến, chết không mang theo”, “đến cũng không không, đi cũng không không”.

Quý vị đều biết, cũng biết nói, vì sao tất cả các pháp ở thế gian này, ta vẫn còn lưu luyến? Vẫn còn chấp trước? Đây là đối với chân tướng sự thật đến đi không không, ta chỉ biết nói chứ chưa hiểu rõ ràng. Khi đã hiểu, tự nhiên buông bỏ triệt để. Khởi tâm động niệm, tất cả đều vì lợi ích xã hội đại chúng, tu phước.

Đức Phật nói rất hay: “mọi thứ không mang được, chỉ có nghiệp tùy thân”, chúng ta phải làm nhiều việc thiện, làm nhiều việc tốt. Nghiệp thiện

ta mang theo được, mang theo giúp ta vãng sanh, giúp ta sanh lên cõi trời, càng lên càng cao, đạo lý là đây. Còn như tạo ác, vậy thì đọa xuống dưới, càng đọa càng sâu. Đây là người giác ngộ và người mê, tư tưởng, kiến giải, hành vi của họ không giống nhau, đạo lý này không khó hiểu, là đạo lý rõ ràng nhất trong Phật pháp.

Quý vị tu định, định không tu thành, có chút định công vẫn chưa đến nơi, trong Phật pháp gọi là “vị đạo định”. Quý vị có định công so với người bình thường, nếu so với ở trên như trời sắc giới, công phu quý vị thua họ xa, nhưng vẫn xem là có chút định công. Quý vị có từ bi hỷ xả, mới có thể sanh lên trời dục ma, trời dục sắc, trời hóa lạc, trời tha hóa tự tại, bốn tầng trên của dục giới. Phước báo tầng này lớn hơn tầng kia, hưởng thụ mỗi tầng mỗi thù thắng. Quý vị chưa đoạn dục. Dục là gì? Là tài sắc danh thực thù, nói cách khác, đối với tài sắc danh thực thù ta còn tâm tham, còn chấp trước. Nhưng chấp trước, tâm tham càng lên cao càng đạ bực, tuy nhạt nhưng không phải không có, họ có. Như khi đến trời tha hóa tự tại rất nhạt, họ không thể siêu việt dục giới. Đối với ý niệm về dục, định công sâu hoàn toàn chế phục. Tài sắc danh thực thù trước mặt cũng không động tâm, đúng là không động tâm. Không động tâm, chư vị biết không phải dục đã đoạn, không phải, chỉ chế phục, định công sâu chế phục. Có sức mạnh này được sanh lên trời sắc giới. Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, xem định công ta sâu hay cạn. Định công càng sâu càng sanh lên cao.

Trong kinh Đức Phật thường dạy chúng ta, lời này nói rất nhiều, người học Phật đều đã nghe, thường đọc được trong kinh điển. Tài sắc danh thực thù, năm điều căn bản của địa ngục. Nếu chấp trước nghiêm trọng, tham ái nghiêm trọng những thứ này, nhất định đọa lạc xuống dưới.

Thế Tôn dạy hàng đệ tử, ở thế gian này kiến lập đạo tràng hoàng pháp lợi sanh, phải dùng thái độ nào? Ngài nói rất hay “thủy nguyệt đạo tràng, mộng trung Phật sự”. Có đạo tràng chăng? Có. Có mặt trăng chăng? Có, trong nước, ánh trăng trong nước, quý vị biết là giả không phải thật. Nói với quý vị, đạo tràng có được chăng? Được, tuyệt đối không được lưu luyến, có và không là một không phải hai.

Phật sự là gì? Là giảng kinh thuyết pháp, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, đây là Phật sự. Nói thiết thực hơn một chút, cuộc sống chính mình là Phật sự, cuộc sống là gì? Là biểu diễn cho chúng sanh thấy. Thân làm Phật sự, cuộc sống là Phật sự, công việc là Phật sự, xử sự đối nhân giao tiếp không có gì không phải Phật sự. Không chỉ là thân giáo, ngôn giáo, thân ngữ ý tam luân hoàng giáo. Thân ngữ ý tam luân, pháp luân thường chuyển. Ngôn ngữ là pháp luân, thân thể cũng là pháp luân, khởi tâm động niệm cũng là pháp luân, tam luân giáo hóa. Tuyệt đối không chấp trước, chẳng những không chấp trước, thực tế mà nói đến phân biệt đều không có. Như

vậy mới là tức thế gian mà siêu việt thế gian, thế gian và xuất thế gian không có giới hạn, thế gian và xuất thế gian là một không phải hai. Về sự hòa quang đồng trần với tất cả chúng sanh, không khác nhau, đây gọi là thế gian. Về tâm lý không nhiễm bụi trần, gọi là xuất thế gian. Thế gian và xuất thế gian là một không phải hai. Thế gian mê, con người tham trước những việc mộng huyễn bào ảnh này, tham trước đó là trụ thế gian, vậy là không thể vượt thoát.

Đức Phật dạy chúng ta, dạy ta sống như thế nào, tu trì như thế nào? Đoạn tận dục, đoạn là phục đoạn, không phải diệt đoạn. Nếu diệt đoạn họ chứng quả A la hán, vượt thoát lục đạo, gọi là phục đoạn, không phải diệt đoạn. Tùy theo công phu của họ sâu hay cạn, có khác biệt của tứ thiên 18 tầng trời. Hàng chúng sanh này, tuy họ không phân biệt không chấp trước dục, nhưng đối với sắc chưa buông bỏ.

Sắc là gì? Là sắc thân. Hoàn cảnh cư trú của chúng ta, hiện nay gọi là vật chất, cho rằng những vạn vật này là có, vẫn còn phân biệt chấp trước rất vi tế, chưa buông bỏ sắc, họ không ra khỏi sắc giới. Đến trời tứ thiên, công phu tiếp tục lên cao, ngũ tánh cũng theo đó mà mở rộng. Biết sắc không phải cứu cánh, do đó đối với sắc cũng không phân biệt, cũng không chấp trước, như vậy là sanh đến vô sắc giới.

Vô sắc giới, nói như hiện nay gọi là thế giới tâm linh, thế giới tâm linh thuần túy, không có vật chất, không có thân thể, đã xả bỏ nó, trong hàng phàm phu họ là phàm phu cao cấp. Người Ấn độ cổ làm được, người Trung quốc có lý tưởng này, nhưng không thấy ai làm được. Ai có tư tưởng này? Lão tử có tư tưởng này, chúng ta thấy trong Đạo Đức Kinh, ông nói: “ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân”, Lão tử biết. Ông nói tôi có âu lo lớn nhất là vì có thân thể, không có thân thể tự tại biết bao. Thiên nhân vô sắc giới chính là quan niệm này của Lão tử, ông đã thực hiện, không cần thân này. Cũng tùy theo công hạnh của họ sâu hay cạn. Vô sắc giới có bốn tầng trời, đạt đến cảnh giới cao nhất, trời phi tướng phi phi tướng xứ. Trong kinh nói thọ mạng tám vạn đại kiếp, thọ mạng từ đâu mà có? Định công của họ, định lực của họ có thể duy trì lâu như vậy. Nhưng định này sẽ mất đi, thời gian tám vạn đại kiếp đến, định công họ mất đi. Sau khi mất, họ không thể tiếp tục đột phá lên cao, lại hạ xuống thấp, vẫn không ngừng tiếp tục trôi lăn trong luân hồi. Như ngạn ngữ thường nói “trèo cao té nặng”. Trong kinh Đức Phật nói, thiên nhân trời tứ thiên trở lên, thiên nhân trời tứ thiên và trời tứ không đa phần đọa địa ngục. Vì sao họ đọa địa ngục? Đến khi định công mất, họ hủy báng Tam bảo. Vì họ cảm thấy cảnh giới của họ chính là cảnh giới niết bàn, vĩnh viễn không thoái chuyển, bất sanh bất diệt. Nếu còn thoái

chuyên, họ nói lời thánh nhân không đáng tin, đây là giả, tôi đến cảnh giới này vẫn còn thoái chuyên. Họ hủy báng thánh hiền, tội báng pháp đọa địa ngục. Đúng là trèo cao té nặng.

Chúng ta làm gì trong lục đạo? Chính là chơi những trò chơi này, lên cao đến cực điểm lại rơi xuống. Sau đó không biết đến đời nào lại leo lên đó, rồi lại đọa xuống. Chơi trò chơi này, họ chơi rất gian khổ. Trong kinh Đức Phật nói: “sinh tử bì lao”, chúng ta làm điều này, đây là hoàn toàn sai lầm.

A tu la, nói cho chư vị biết trời sắc giới không có a tu la, trời sắc giới thiên đương nhiên càng không có, a tu la chỉ ở dục giới. Mà còn nói với chư vị, chỉ có ở trời Đao lợi dục giới, Dạ ma trở lên không có a tu la. A tu la sanh lên cõi trời như thế nào? Tu phước, đời trước ở nhân gian tu phước báo lớn, phước báo ở nhân gian họ không có chỗ hưởng, đến cõi trời hưởng.

Vì sao gọi là tu la? Tu la là tiếng Phạn, nghĩa là vô đoan chánh. A dịch là vô, tu la dịch là đoan chánh. Nghĩa là nói tướng mạo của họ rất xấu xa, không đoan chánh như tướng mạo của thiên nhân, nhưng phước báo của họ rất lớn. Những phước báo này tu như thế nào? Bồ thí, năm loại ở trước trong sáu ba la mật đều là tu phước. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều là tu phước. Tu phước biến thành a tu la, vì trong năm loại tu phước này họ chỉ chú trọng bồ thí, lơ là việc trì giới, càng không thể nhẫn nhục. Phước báo lớn, phước quá lớn. Vì không thể trì giới, không thể nhẫn nhục, hay nổi giận, cống cao ngã mạn, rất hiếu thắng. Tu phước thường cho mình là số một. Người ta bỏ ra một vạn, tôi bỏ ra hai vạn, nhất định đè bẹp anh, người như vậy tương lai họ trở thành a tu la, hiếu thắng. Khi hưởng phước trời, tập khí hiếu thắng, ngạo mạn họ vẫn chưa đoạn. Ở cõi trời cũng thường đấu tranh, cũng thường gây chiến tranh với thượng đế, khiến vua trời Đao lợi thân tâm bất an, họ gây sự. Đây là a tu la, phải biết vì sao biến thành a tu la. Nhưng chư vị phải biết, hưởng hết phước báo của a tu la họ đều rất khổ, vì sao vậy? Vì họ tạo nghiệp quá nhiều. Người thường không có phước báo lớn như vậy, ít tạo nghiệp hơn, muốn tạo nghiệp nặng cũng không thể tạo. Quý vị là một người dân bình thường, giết người phải đền mạng. Họ là quốc vương, giết bao nhiêu người cũng không cần đền mạng, phước báo họ lớn. Phước báo lớn tu phước cũng dễ, tạo nghiệp cũng dễ. Chúng ta phải hiểu đạo lý chân tướng sự thật này.

Đây là nói ba đường lành, tình trạng cõi người, hiện tại chúng ta sanh vào cõi người, chúng ta tận mắt nhìn thấy cảnh giới này. Con người nhờ năm giới thập thiện mà được thân người, trong đời quá khứ ta giữ tốt năm giới, không hủy phạm, tu thập thiện không tệ, đời này có thể được thân người. Tuy được thân người, trong đời mỗi người tạo nghiệp không giống nhau, họa phước không đồng. Do nguyên nhân gì? Đức Phật nói đây là mãn nghiệp. Mãn nghiệp chính là quả báo thiện ác, chúng ta đầu thai vào cõi

này là dẫn nghiệp, dẫn dắt ta đến đầu thai, dẫn nghiệp chung. Trong đời quá khứ đều tu ngũ giới thập thiện, đến thế gian này đầu thai làm người. Mỗi người trong đời thọ dụng khác nhau, là thiện ác tu trong đời quá khứ không giống nhau. Nhân khác nhau, quả sao giống nhau được? Cho nên trong đời cùng thông họa phước không liên quan đến người khác, “một giọt nước một hạt gạo đều do tiền định”, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Ta có phước, người khác có thể chiếm đoạt được phước của ta chăng? Không đoạt được. Ta có tai họa có tránh được chăng? Không tránh được, tránh sao cũng không tránh được, đây là sự thật, bản thân phải hiểu rõ. Có phương pháp tiêu tai miễn nạn chăng? Có. Nhà Phật nói rất có đạo lý, số mạng chủ định là nhân. Thời cơ chuyển biến ở đâu? Ở duyên. Nếu có thể không chế duyên, nắm bắt duyên, chuyển biến duyên, quả báo liền chuyển biến. Ta có nghiệp nhân của tai họa, nhưng ngày nay đang nỗ lực tu thiện, không tạo ác, đoạn tuyệt duyên ác, tăng trưởng thiện duyên, nhân ác không thể hiện tiền. Nhà Phật dạy chúng ta tiêu tai miễn nạn có lý luận y cứ, chúng ta càng nghĩ lý luận này có đạo lý, như vậy mới tin được.

Con người ở đời, vào tuổi trung niên trở lên phải hiểu, tuổi trẻ hồ đồ nghe không lọt tai, nghe không hiểu. Tuổi lớn cần phải rõ ràng minh bạch, nhất định phải làm nhiều việc thiện, giúp xã hội, giúp chúng sanh, đặc biệt là thời loạn hiện nay. Trong thời loạn, vấn đề quan trọng nhất, tiêu trừ ngộ nhận của tất cả chúng sanh, tiêu trừ kỳ thị của tất cả chúng sanh. Làm thế nào ở trong giai đoạn này kiến lập nhận thức chung, rút ngắn khoảng cách tư tưởng kiến giải của chúng ta. Như vậy mới có thể đạt được xã hội an định, thế giới hòa bình. Tất cả chúng sanh tôn trọng lẫn nhau, yêu kính lẫn nhau, cùng tồn cùng vinh. Đây là giai đoạn này, mục tiêu hoằng pháp lợi sanh của chúng ta, vì giai đoạn này là lúc đại thiên tai sắp giáng xuống.

Phật giảng kinh thuyết pháp, dạy chúng ta khế lý khế cơ. “Lý” là nhất niệm tự tánh, cũng chính là ở đây nói trạm tịch hư linh, chúng ta tương ứng với điều này. “Cơ” là tình huống hiện tiền, hiện tại nhu cầu bức thiết là gì? Những điều còn lại chúng ta tạm thời buông bỏ, cứu mạng trước là cần kíp, cứu vãn kiếp nạn thế gian quan trọng, thiên tai này bức bách trước mắt, khẩn cấp, không được chậm dù chỉ một khắc, phải nhanh chóng nỗ lực thực hành.

Thôn Di Đà bên này của chúng ta, cư sĩ Lý Mộc Nguyên ngày đêm đang lo lắng, hy vọng nhanh chóng được xúc tiến. Đây là tâm Bồ đề, Bồ Tát hạnh, chúng ta phải nhận thức rõ ràng. Đối với việc họ làm, tuyệt đối không hoài nghi, tuyệt đối không đố kỵ, toàn tâm toàn ý giúp họ, hiệp trợ họ. Công đức của họ chính là công đức của ta, giúp người hoàn thành ước vọng là thành tựu điều thiện của chính mình.

Đoạn văn này ở trước đã nói: “nhất tâm mà quán thông các pháp”, tự tha không hai. Không cần mọi việc tốt đều phải chính mình làm, vậy là có

phân biệt có chấp trước, là sai. Người khác dẫn đầu làm, há chẳng phải càng tốt ư? Bản thân mình đỡ phải lo, đỡ biết bao nhiêu việc, chúng ta giúp họ, công đức không có gì khác.

Đây là ba đường lành trời, người, tu la, y cứ họ hành thiện mà siêu sanh.

Lại nói địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đây gọi là ba đường ác. “Do ác nghiệp nhi trầm trụ”, trụ là chìm xuống, đọa lạc. Nghiệp nhân ba đường này rất phức tạp, trái với mười thiện nghiệp chính là mười ác nghiệp. Thân thể tạo nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Miệng nói vọng ngữ, lưỡng thiệt, y ngữ, ác khẩu. Trong tâm khởi tham, sân, si, mạn. Tạo mười loại ác nghiệp này, quả báo trong ba đường ác. Mười điều ác cực nặng đọa địa ngục, trung phẩm thập ác đọa ngạ quỷ, hạ phẩm thập ác, làm mười điều ác nhẹ hơn một chút biến thành súc sanh.

Trong mười điều ác, nghiêm trọng nhất là tâm, tam nghiệp của ý tham sân si. Tham sân si, trong tất cả kinh luận Đức Phật gọi nó là tam độc, tất cả các ác nghiệp đều sanh trưởng từ đây, ba độc phiền não.

Nhà Phật nói hành thiện, thiện có thiện căn, căn này có thể sanh ra tất cả thiện. Đó là gì? Vô tham, vô sân, vô si gọi là ba thiện căn. Trái ngược lại không phải chúng ta đã biết, tham sân si là ba ác căn, tất cả các pháp ác đều từ căn này sanh ra. Ai trong chúng ta không có tham sân si? Ý câu này nói rõ người nào không có nghiệp nhân của ba đường ác?

Thực tế mà nói, đối với chúng sanh, nghiệp nhân ba đường ác sức mạnh rất lớn. Nghiệp nhân ba đường lành có, sức mạnh yếu ớt, đây là sự thật, cần suy nghĩ thật nhiều. Có nhân, mà còn rất lớn mạnh, nếu thêm vào duyên, không thêm nhiều, thêm một chút duyên, là đi vào ba đường ác.

Sự cám dỗ của cảnh giới bên ngoài là duyên, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đang cám dỗ mình. Ta khởi tham ái phân biệt đối với nó, duyên của đường ngạ quỷ thành tựu. Thấy người khác có thành tựu, đố kỵ, sân nhuế, tìm mọi cách chướng ngại phá hoại họ, duyên đường địa ngục thành tựu. Đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không có khả năng phân biệt chánh tà thị phi, nhân duyên họa phước bày ra trước mắt không nhận ra, duyên đường súc sanh thuần thực. Chúng ta bình tâm quan sát thế giới này, tuy hiện nay đều là thân người, thêm vài năm nữa đi về đâu, há chẳng phải rõ ràng minh bạch rồi ư?

Mấy người biết niệm Phật? Mấy người nỗ lực niệm Phật? Người niệm Phật là người có phước báo nhất. Nhất tâm niệm Phật, trong lục đạo không có quả báo này. Chẳng những trong lục đạo không có quả báo này, mà mười pháp giới cũng không có quả báo này, quả báo người niệm Phật ở thế giới tây phương Cực Lạc. Người niệm Phật nhất định phải tu thập thiện, tứ vô lượng tâm, vì sao vậy? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu thế giới Cực Lạc cho chúng ta, ở đó là “nơi hàng thượng thiện như câu hội”. Chúng ta

muốn tham gia câu lạc bộ đó, cũng phải là thượng thiện. Nói cách khác, chúng ta phải tu thượng phẩm thập thiện. Thượng phẩm thập thiện sanh lên cõi trời, chúng ta còn niệm Phật A Di Đà, về thế giới Cực Lạc. Người thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, ngoài tín nguyện trì danh niệm Phật, phải tu thượng phẩm thập thiện, bản thân mới nắm chắc chuyện vãng sanh. Điều kiện của tôi tương ứng với chư vị Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc, có thể đạt đến tiêu chuẩn của họ, bởi vậy mỗi niệm phải hộ niệm tất cả chúng sanh.

Chúng ta đọc Kinh Di Đà, đề Kinh Di Đà vốn là Kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm. Nói cách khác, đó là pháp tất cả Chư Phật hộ niệm, phương pháp. Người tu hành theo phương pháp này, chúng sanh được tất cả chư Phật hộ niệm, đây là điều chúng ta phải học.

Nói đến học Phật, tâm tánh của tất cả chúng sanh không có gì khác với Chư Phật Như Lai, là một không phải hai, nhưng dùng tâm sai biệt rất lớn, chúng ta phải học cách dụng tâm của Phật Bồ Tát. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm phải bình tĩnh suy nghĩ, ý niệm này có giống Phật không? Giống Bồ Tát không? Phật Bồ Tát nên có ý niệm này không? Tu hành là tu từ đây, ý niệm vừa khởi lên, cảm thấy ý niệm này không đúng, Phật Bồ Tát không thể có ý niệm này, chúng ta lập tức dập tắt vọng niệm. Nếu nghĩ lại, Phật Bồ Tát đều có ý niệm, từ bi với tất cả chúng sanh, cứu hộ tất cả chúng sanh. Chúng ta khởi ý niệm này, rất tốt, phải duy trì ý niệm này, cần tiếp tục tăng trưởng. Không phải tứ chánh cần dạy ta nguyên tắc này sao? Thực tế mà nói, tứ chánh cần chính là hai câu: “Đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện”. Đã có ác niệm bản thân biết, ác niệm gì? Tương ứng với mười điều ác là ác niệm, lập tức đoạn tận. Chưa khởi ác niệm ác hành phải chế phục nó, đừng để nó khởi lên, đây là đoạn ác. Đã làm việc thiện, tư tưởng ngôn hạnh tương ứng với thập thiện, nhất định phải tăng trưởng. Vô số thiện hành Đức Phật nói chúng ta vẫn chưa làm, phải nhanh chóng phát tâm, phải y giáo phụng hành, đây là giáo huấn của Chư Phật Như Lai.

Phải nhớ tiêu chuẩn của thiện ác, phạm điều gì lợi ích riêng mình là ác, lợi ích chúng sanh là thiện, cần phải nhớ điều này, tiêu chuẩn này khác với pháp thế gian. Vì sao Đức Phật nói lợi ích cho riêng mình là ác? Vì lợi chính riêng mình làm tăng trưởng ngã chấp, đây là ác. Ta không thể nhìn thấu cái tôi, không thể buông bỏ cái tôi, có cái tôi không thể thoát ly luân hồi lục đạo. Nếu muốn thoát ly luân hồi lục đạo nhất định phải phá ngã chấp, bởi vậy có thể phá nhân ngã chấp là vượt thoát lục đạo, phá pháp ngã chấp siêu việt mười pháp giới, ngã pháp đều không được chấp trước.

Phương pháp Đức Phật dạy chúng ta rất khéo léo, thiện xảo đến cực điểm. Dạy chúng ta khởi tâm động niệm đều vì tất cả chúng sanh, mọi tư

duy đều lấy hạnh phúc của tất cả chúng sanh làm đối tượng, lấy chánh pháp thường trú làm mục tiêu, vậy là đúng.

Tuy hiện nay nhiều thiên tai thảm họa, bom nguyên tử bùng nổ trên không trung, tôi cũng mỉm cười ra đi, vãng sanh. Vì sao vậy? Vì đời sau nhất định tốt đẹp hơn đời này, tâm thiện hành thiện đến nơi tốt đẹp. Nếu chúng ta tâm ác hạnh ác, khi thiên tai đến lập tức đọa lạc. Thăng trầm đọa lạc đều trong một niệm. Người thông minh, người có trí tuệ, sao họ không hành thiện được? Người làm ác, trong kinh Đức Phật gọi là ngu si, người ngu si mới tạo nghiệp, mới tạo ác nghiệp. Người có trí tuệ tuyệt đối không tạo ác nghiệp, chúng ta phải nhớ điều này, là điều ta cần nỗ lực học tập.

Chúng ta đã biết nghiệp nhân thăng trầm trong lục đạo, quả báo cũng rõ ràng, Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên chính là nói về vấn đề này, nói rất rõ ràng.

Bên dưới nói: “Họ đọa vào quỷ súc, có phân biệt nặng nhẹ”. Quỷ có rất nhiều loại, trong kinh điển Đức Phật nói ra 36 loại, đó là loại lớn. Họ tạo nghiệp do ba độc phiền não, đây là tâm tham nặng, lòng đố kỵ nặng, rơi vào quỷ đạo, dẫn nghiệp đưa họ vào quỷ đạo. Nhưng mỗi người trong đời quá khứ tạo mười ác nghiệp, có nặng nhẹ khác nhau. Vì thế cho dù cùng sống trong quỷ đạo, tình trạng sinh hoạt của họ không giống nhau. Có một số quỷ phước báo lớn, hưởng thụ còn thù thắng hơn nhân gian chúng ta, hưởng thụ gần giống như thiên nhân, quỷ đạo có phước báo lớn. Vì sao phước báo lớn như vậy lại đọa vào quỷ đạo? Dẫn nghiệp dẫn dắt họ vào đó. Phước báo họ tu được, nhờ trong đời quá khứ tu bố thí. Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, là tu những điều này, hưởng thụ trong quỷ đạo. Nhưng trong quỷ đạo chỉ số ít người có phước báo, thông thường chúng ta gọi là ngựa quỷ, trong quỷ đạo đói bụng chiếm đa số. Tình hình của họ khác nhau, có nặng có nhẹ.

Còn đọa vào địa ngục không có phân biệt lớn nhỏ, địa ngục là khổ, câu này đáng để chúng ta phải tư duy. Nhưng trong địa ngục cũng có rất nhiều loại, rất phức tạp. Trong kinh nói có địa ngục vô gián, địa ngục a tỳ, địa ngục chịu tội nặng nhất, tạo ngũ nghịch thập ác. Tội ngũ nghịch thập ác, ngày xưa không dễ tạo, mọi người đều có tiếp thu giáo dục đạo đức. Dù có tạo nghiệp, tội ngũ nghịch thập ác rất ít thấy. Giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, rất ít thấy. Trong xã hội hiện nay chúng ta thấy quá nhiều, thấy rất nhiều người tạo tội ngũ nghịch thập ác, thậm chí ở trong chùa chúng ta còn thấy làm thân Phật chảy máu. Thấy ở đâu? Tôi thấy trong chùa, chúng tôi thường đi phỏng vấn, trong chùa phòng khách rất lớn, bố trí rất trang nhã. Ở đó đặt một tác phẩm nghệ thuật, một cái đầu của Bồ Tát, một cái đầu của Phật. Đây là làm thân Phật chảy, chặt đầu Phật Bồ Tát xuống. Tội gì? Tội ngũ nghịch, họ không biết, bày ra làm tác phẩm nghệ thuật. Chúng tôi cũng không biết nói sao, họ xem chúng tôi

là khách, nói sẽ đả tội. Nói với họ tội này đọa địa ngục, lời này không nói được, không thể, chúng tôi rất rõ ràng minh bạch. Bởi vậy vẽ tượng Phật cũng không được vẽ tượng bán thân, nửa thân dưới của Phật đâu rồi? Tạo tượng Phật, vẽ tượng Phật, xin nhớ phải vẽ toàn thân, tượng ngồi hay đứng không sao, nhất định phải vẽ toàn thân, đây là tôn kính. Chúng ta chụp hình không sao, đối với Phật sao có thể như thế?

Ở Trung quốc tôi ít đi đâu, nhưng chúng tôi từng thấy trên ti vi như hang đá Vân Cương, hang đá Long Môn. Chúng ta xem những bộ phim đó, rất nhiều Phật Bồ Tát không có đầu, không có tay. Ngày nay chúng sanh trên thế giới, vì sao gặp kiếp nạn lớn như vậy? Chúng ta nhìn là biết ngay, tội ngũ nghịch. Tuy Phật không còn tại thế, quý vị phá hoại hình tượng của Phật, thậm chí là tượng tranh của Phật. Nếu ác ý chà đạp phá hoại ngài, đều đồng nghĩa với làm thân Phật chảy máu, trong kinh Phật gọi đây là “tội đả lưu”.

Người có tu hành, thiện tri thức, ta đố kỵ họ, hủy báng họ, chướng ngại họ, đồng nghĩa với giết A la hán. Phá hòa hợp tăng cang không cần nói, làm phân hóa đoàn thể. Trong Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo nói, toàn là sự thật trước mắt, 3000 năm trước, Đức Thế Tôn nói một cách rõ ràng như vậy. Nghiệp ai tạo? Đều là bốn chúng đệ tử xuất gia và tại gia, do ngu muội vô tri tạo ra những nghiệp này, tương lai đọa địa ngục.

Trước đây tôi từng giảng bộ kinh này ba lần, hy vọng cảnh tỉnh chư vị đồng tu, tuyệt đối đừng tạo tội địa ngục. Nếu đã tạo, ngày xưa vô tri, ngu muội vô tri tạo. Ngày nay đã hiểu cần phải sám hối, phải sửa đổi lỗi lầm, vĩnh viễn không tái phạm, đoạn ác tu thiện, tâm niệm Phật càng phải khẩn thiết. Vì sao vậy? Vì không thể vãng sanh thì đọa địa ngục, không có con đường thứ hai để đi, đây là sự thật.

Chúng ta phải học pháp sư Doanh Kha thời nhà Tống, trước mắt chỉ có hai con đường, một là địa ngục, một là thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Vì đã tạo nghiệp địa ngục, chỉ có hai con đường, không có con đường thứ ba để chọn. Vẫn không giác ngộ sao?

Trong thời đại này, chúng ta dùng chân thành thiện tâm cầu Phật Bồ Tát, cảm ứng đặc biệt rõ ràng, đặc biệt nổi trội. Chư vị ở đây một thời gian, chắc đã tận mắt chứng kiến, thấy tận mắt nghe tận tai, thiện tâm vừa phát cảm ứng liền hiện tiền. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hiện thân thuyết pháp, là tấm gương tốt. Cư sĩ Hồng Cung Lan cúng dường đất xây dựng Thôn Di Đà, lập tức được cảm ứng, rất nhanh chóng.

Khi tôi còn trẻ không có phước báo, phước bạc, cuộc sống rất gian khổ. Người ta thấy tôi đều nói tôi chết yểu, bản thân tôi cũng tin sống không quá 45 tuổi. Lúc đó đồng tu chúng tôi ba người, pháp sư Pháp Dung, pháp sư Minh Diễn và tôi, ba chúng tôi cùng tuổi, ba người đều sống không quá 45

tuổi. Năm chúng tôi 45 tuổi, pháp sư Pháp Dung là người đầu tiên ra đi, hình như đi vào khoảng tháng hai. Tháng năm pháp sư Diễn Minh ra đi, tháng bảy tôi bị bệnh, tôi biết mình sắp đi.

Khi kiết hạ an cư, hòa thượng Linh Nguyên mời tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm ở đạo tràng, an cư giảng Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm mười quyển, tôi giảng đến quyển thứ ba thì bệnh, trong lòng nghĩ lại thấy không sai, đã đến lúc. Bác sĩ có thể trị bệnh không thể trị mệnh.

Ba người chúng tôi, tình hình pháp sư Pháp Dung ra đi tôi không biết, nhưng pháp sư Diễn Minh ra đi không tệ, công phu tu trì của ông rất tốt. Ông cảm thấy thân thể không khỏe, liền đến phòng cấp cứu, vào phòng cấp cứu nửa tiếng thì ra đi, tự đi xe buýt đến phòng cấp cứu, thật khó được, không có bệnh khổ. Tháng bảy tôi bị bệnh, một tháng trời. Vì nghĩ thời gian đã đến, cho nên không đi khám bệnh, cũng không uống thuốc. Ba bữa cơm hằng ngày đều nấu cho tôi một ít cháo, rau tươi, niệm Phật đợi vãng sanh, niệm được một tháng thì bệnh lành.

Về sau có một năm gặp được Phật sống Cam Châu, ngài là bạn lâu ngày của tôi. Ông nói, công đức giảng kinh của thầy mấy năm nay đã thay đổi vận mệnh của thầy. Thầy không có phước báo, nhưng sau này phước báo rất lớn. Thầy đoán mệnh, nhưng bây giờ rất trường thọ. Chuyện biến này của tôi không phải đời trước tu được, đời này gặp được Phật pháp mới thay đổi.

Trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói rất hay, mệnh là tự mình tạo, mệnh có thể tự mình đổi, vì sao ta không tự tạo mệnh cho mình? Vì sao không thay đổi? Hai vị đồng tu của tôi, tôi cũng khuyên họ thay đổi, họ không chịu thay đổi, họ không tin, hết cách. Thật sự lập chí đồng mãnh tinh tấn, không để ý điều gì cả, tôi không cầu sống lâu, cũng không cầu phước báo, mà chỉ cầu vãng sanh. Một ngày chưa vãng sanh, làm việc cho Phật A Di Đà một ngày, thái độ này giống như Lý Mộc Nguyên, chúng tôi ở thế gian này là để phục vụ Phật A Di Đà, làm công, đây là thân phận của chúng tôi, chư vị đều thấy điều này. Mấy người chúng tôi đây thay đổi được, sao quý vị không đổi được?

Thay đổi của tôi là đại sư Chương Gia dạy, thầy Lý Bình Nam chứng minh cho tôi, thầy nói sao? Thầy cũng đoán mệnh, thầy có thể thay đổi nhờ hồng pháp lợi sanh. Tướng của thầy, nhân trung rất dài, cằm không có. Thầy không phải tướng trường thọ, người ta nói thọ mạng của thầy sống không quá 60 tuổi, vậy mà thầy sống đến 97 tuổi. Tuổi thọ của thầy cũng là nhờ hồng pháp lợi sanh mà kéo dài. Tôi đến Đài Trung học với thầy, thầy chứng minh cho tôi. Thật sự đoạn ác tu thiện, thật có tâm từ bi, dạy tất cả mọi loại. Chỉ cần siêng năng học theo, thầy toàn tâm toàn lực giúp quý vị.

Đối với những tình hình trong lục đạo, phải hiểu rõ ràng mình nghiệp nhân quả báo, địa ngục đáng sợ nhất, địa ngục dễ đọa nhất. Tuyệt đối đừng

vào địa ngục, khi đã vào đó thì phiền phức rất lớn, thọ mạng bao lâu? Trong kinh này nói vô số kiếp, không phải tám vạn đại kiếp, là vô số kiếp. Sau đó mới biết, phàm là chúng sanh ở trong lục đạo, chắc chắn thời gian trong ba đường ác nhiều, thời gian trong ba đường lành ngắn. Chúng sanh trong lục đạo lấy ba đường ác làm quê hương, ba đường lành là nơi đến tham quan du lịch, thời gian rất ngắn, đi một vòng là trở về, đây là chân tướng sự thật.

Sau cùng, ở đây ngài đưa ra lời tổng kết: “Tổng do vô minh chi điên đảo, trí hữu ngục hộ chi chánh biên”. Đây là tổng kết, địa ngục không có phân biệt lớn nhỏ, ở đó đều là thọ tội, đều chịu khổ. Không phân biệt lớn nhỏ là nói ta chịu tội. “Tổng do vô minh chi điên đảo”, vô minh điên đảo là đối với chân tướng sự thật về nghiệp nhân quả báo, hoàn toàn không biết, không tin. Tùy theo vọng tưởng của mình mà làm điều sai trái, tạo ra nghiệp nhân này.

Chúng ta là người học Phật, quan trọng nhất là phải kiến lập quan niệm đúng đắn, quan niệm đúng đắn chính là “vô sở hữu, bất khả đắc” Các pháp vô sở hữu, tam tâm bất khả đắc, phải nhớ kỹ điều này. Ta thật sự nhìn thấu, mới thật sự buông bỏ. Có chấp trước mọi thọ dụng trước mắt chăng? Không hề chấp trước, có thể xả bỏ bất kỳ lúc nào, không hề vương bận, chúng ta tu hành được thọ dụng.

Nói buông bỏ là buông bỏ, lời này còn cách một tầng. Niệm niệm không chấp trước, nghĩa là niệm niệm đều buông bỏ, hoàn toàn không chấp trước. Thấy người hành thiện, tôi hoan hỷ động viên họ. Thấy người làm ác, quan sát cơ duyên, khuyên được thì khuyên, không khuyên được thì đừng khuyên. Vì sao nói không thể khuyên thì đừng khuyên? Khuyên họ trái lại càng tạo tội nghiệp, vậy không khuyên được. Chúng ta nói, anh mê tín. Lại hủy báng Tam bảo, không phải càng khiến họ tạo nghiệp sao? Họ đã tạo nghiệp rất nặng, đừng để họ tội càng nặng thêm. Thế mới biết Phật Bồ Tát dạy người là từ bi, không dạy cũng là từ bi, một tấm lòng từ bi.

Do vô minh điên đảo, trong địa ngục có chánh biên, như vừa nói trong kinh gọi là địa ngục a tỳ, địa ngục vô gián, địa ngục bát nhiệt, địa ngục bát hàn, địa ngục cận biên, phân rất nhiều chủng loại, không có nơi nào không thọ khổ.

Sau cùng là tổng kết: “Cố tri phàm phu, do muội tâm nguyên, nhi tùy vọng niệm, vọng tạo ác nghiệp, vọng thọ khổ báo”. Ba câu này nói một cách rõ ràng minh bạch tình hình trong lục đạo, lục đạo từ đâu mà có? “Do muội tâm nguyên”. Tâm nguyên chính là nhất niệm tự tánh. Bốn câu trước nói: “nhất niệm tự tánh, thể nguyên trạm tịch, tự tánh chi tâm, dụng bản hư linh”. Bốn câu này là nói chân tâm chúng ta, bản tánh chúng ta. Chư Phật ngộ chính là ngộ điều này, chúng sanh mê cũng là mê ở đây. Trạm tịch hư linh không có mê ngộ, mê ngộ do người. Ngộ chính là Chư Phật Bồ Tát, mê là

lục đạo chúng sanh. Người mê coi như xong, vì sao vậy? Vì họ tùy vọng niệm, vọng niệm chính là vọng tâm, trong Phật pháp gọi là bát thức, bát thức là vọng tâm.

Bát thức là gì? Nếu nói ra mất rất nhiều thời gian. Điền tịch của Tướng tông phong phú nhất, nói rất rõ ràng, đúng là tâm lý học cứu cánh nhất, viên mãn nhất của thế gian, chúng ta hiểu sơ về tánh chất của nó cũng được lợi ích. A lại da hàm chứa tập khí chủng tử, những việc đã trải qua sẽ nhớ mãi không quên, nguyên nhân gì vậy? Những việc ta trải qua, A lại da là kho, là phòng tư liệu, toàn bộ đều trở thành hồ sơ trong phòng tư liệu. Vô lượng kiếp đến nay ta khởi tâm động niệm đều có hồ sơ, cất chứa trong a lại da thức của mình. Đôi khi niên đại quá lâu, bản thân không hề nhớ, nhưng trong hồ sơ ở đó rất rõ ràng. Khởi tâm động niệm, trong a lại da thức đều lập hồ sơ, đáng tin hơn cả vi tính. Vi tính khi bị hư nó không còn, a lại da thức vĩnh viễn không mất, chúng ta phải biết điều này. Khi biết rõ mới cảm thấy lạnh xương sống, nghiêm trọng vô cùng. Cho rằng bản thân khởi một niệm ác người khác không biết, sai lầm, trong hồ sơ lưu lại không sót một ly, muốn xóa cũng không xóa được. Quý vị biết, rất nhiều người biết, vì sao vậy? Vì người minh tâm kiến tánh đều thấy. Mọi người biết tất cả Chư Phật trong ba đời cùng một pháp thân, quý vị có biết tất cả chúng sanh trong ba đời cùng một a lại da chăng? Bởi vậy những tư liệu trong a lại da của mình, người khác có thể đem ra xem, giống như mạng internet hiện nay vậy. Tư liệu của quý vị, tư liệu của anh ta, qua mạng internet thế giới, chúng ta muốn xem tư liệu nào, bật lên là có. Người minh tâm kiến tánh giống như họ có máy vi tính xách tay vậy, tâm hành của tất cả chúng sanh trong mười pháp giới, họ muốn xem tư liệu về quý vị, họ bật lên là xuất hiện ngay. A lại da là mạng internet, tuy không phải chân tâm, vọng tâm là mạng internet. Bởi vậy thứ trong tâm người khác, ý niệm của người khác họ đều biết, chúng ta có thể che đậy được ai? Nghĩ mọi cách để che đậy, không che đậy được. Ta có thể che mắt người ngu muội trong thế gian, người thông đạt sao có thể qua mắt được họ?

Phiền phức của chúng ta là tùy theo vọng tưởng của mình, những tập khí ác do a lại da tích lũy vẫn không tùy theo tập khí thiện. Tùy tập khí thiện không tệt, tương lai sanh lên cõi trời, hưởng phước báo của nhân thiên, nhưng cái “tập” này đúng là ác nhiều thiện ít. Từ trong Bách pháp chúng ta có thể thấy rất rõ ràng, thiện tâm sở chỉ có mười loại, ác tâm sở có 26 loại. Điều này chứng minh ác nhiều hơn thiện, sức mạnh ác lớn hơn sức mạnh của thiện.

Tuân Tử chủ trương tánh ác, có đạo lý. Tánh này không phải bốn tánh, là tập tánh, tập tánh chính là a lại da. Chấp trước của mặt na, tứ đại phiền não thường tùy tùng, đều do chấp trước sai lầm nghiêm trọng. Đệ lục ý

thức phân biệt, năm thức trước tạo tác. Do một sai lầm, sai lầm của vọng niệm, vọng tạo ác nghiệp, thân khẩu ý tạo ác, tạo ngũ nghịch thập ác. Chúng ta phóng tầm mắt nhìn thế giới, người thời nay tạo ngũ nghịch thập ác nhiều, mỗi giai cấp chúng ta đều thấy, mọi người đều đang tạo ngũ nghịch thập ác, như vậy làm sao tránh được khổ báo?

Ngày nay chúng ta muốn chuyển nghiệp, nếu không thấu triệt những căn nguyên này, ý niệm chuyển nghiệp không thể sanh khởi. Cho dù sanh khởi, nhất niệm tín tâm này không được kiên cố, gặp duyên ác lập tức thoái chuyển, lại bị nó dắt đi, vấn đề này rất khó. Đây là nguyên nhân vì sao giảng tường tận kinh này, giảng tường tận hy vọng mọi người có thể minh bạch. Không thể minh bạch triệt để, cũng phải hiểu một cách đại khái. Giúp ta sanh khởi tín tâm, khiến ta biết, tiền đồ hạnh phúc mỹ mãn trong đời này của chúng ta là do mình tạo, không liên quan đến bất kỳ ai.

Ta thọ phước báo hay chịu khổ báo đều là tự làm tự chịu, tuyệt đối không phải người khác ban cho, không có đạo lý này. Nếu người khác có thể ban phước cho mình, chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi, từ lâu đã ban phước cho ta, chúng ta cần gì phải tu? Đây là điều không thể, không có đạo lý này. Phật pháp khiến người kính phục là đây, lý mà Phật pháp nói rất viên mãn, hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Ân đức của Phật đối với tất cả chúng sanh ở nơi khai thị, khai thị là dạy học, làm mô phạm cho chúng ta thấy. Thân giáo, ngôn giáo, ý giáo tam luân giáo hóa, Phật chỉ có thể làm đến đây, chúng sanh có được độ chăng? Phải dựa vào sự ngộ nhập của bản thân. Bản thân không ngộ nhập, vô ích, Phật không giúp được gì.

Trong kinh điển, bất kỳ bộ kinh nào, trong kinh Phật nói có bốn nghĩa là giáo, lý, hành, quả, đây là Phật dạy chúng ta. “Giáo” là văn tự ngôn ngữ, là phương pháp, mượn phương pháp này này để nói lý luận đạo lý với chúng ta, đạo là “lý” của kinh. Dạy cho ta phương pháp tu hành, “hành” kinh. Y theo lý luận này, y theo phương pháp này tu hành ta sẽ được lợi ích như thế nào, được kết quả như thế nào, “quả” kinh.

Trong kinh điển nội dung phong phú, trong đó có lý, có hành, có quả, người học chúng ta ngộ nhập như thế nào? Phật khai thị dùng bốn phương pháp, ta ngộ nhập cũng dùng bốn phương pháp này, tín, giải, hành, chứng. Tín giáo, giải lý, tu hành, chứng quả. Ta phải hiểu Phật khai thị, khai thị là gì? Chúng ta ngộ nhập, ngộ nhập là gì? Ta phải hiểu rõ ràng minh bạch. Thật sự ngộ nhập sẽ không tùy vọng niệm, không tùy vọng niệm chúng ta tùy gì? Ta tùy thuận giáo huấn của Phật, tuyệt đối không tùy theo vọng niệm của mình. Đây là hàng sơ học, hàng sơ học y theo điều này. Phải y theo kinh điển, nương tựa Tam bảo, trong Tam bảo quan trọng nhất là pháp bảo. Phật không tại thế pháp bảo quan trọng nhất, là nòng cốt trong Tam bảo.

Kinh không thể không đọc, phải đọc hằng ngày. Lý không thể không hiểu rõ. Hành không thể không tu. Chỉ cần hiểu lý tu hành, tự nhiên chứng quả, quả không cần khao khát. Nhất định phải tùy thuận thánh giáo, không còn tạo ác nghiệp. Vì sao chúng ta không thay đổi ác nghiệp? Vì không hiểu đạo lý, không biết thiệt hơn. Không biết thiệt hơn nghĩa là không biết quả báo, không biết đạo lý, nên dám tạo. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch chắc chắn không tạo, vì sao vậy? Vì không dám, vì sao không dám tạo? Vì không muốn chịu khổ, do vậy chúng ta tuyệt đối không tạo ác nghiệp. Quý vị phải biết tạo ác nghiệp, không những tương lai khổ, hiện tại tạo hiện tại khổ. Ngày ngày nói lời gạt người, tội ngũ cũng thấy ác mộng, như vậy sao không khổ được? Nói lời trái với lương tâm, hiện tại khổ, tương lai càng khổ. Dùng chân thành, thanh tịnh, từ bi đối đãi người, tương lai quả báo an vui chưa hiện tiền, bây giờ đã an vui. Tâm tình thoải mái, tự tại an vui, hiện tại đã đạt được.

Những điều này chúng ta đều phải tư duy tường tận, lời Phật dạy không có câu nào giả. Người thông minh mong cầu lìa khổ được vui, phương pháp Đức Phật dạy chỉ cần ta y giáo phụng hành, có thể đạt đến hiệu quả này. Đối với tất cả chúng sanh, mấy câu này rất quan trọng, tùy vọng niệm, tạo ác nghiệp, chịu khổ báo. Phật pháp gọi đây là hoặc nghiệp khổ, nói rõ nguyên lý hiện tượng của luân hồi, là hoặc nghiệp khổ tạo thành luân hồi lục đạo.

Hai câu sau cùng: “Bất bằng chí thánh chi đại bi, hạt giải đảo huyền chi cực khổ”. “Đảo huyền” là ví dụ, một người đầu cúi xuống chân đưa lên, khổ. Phật dùng điều này ví với lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh chịu nỗi khổ này. Chúng ta sống trong nỗi khổ này mà không biết khổ, đây là ngu si, vô cùng ngu si. Bản thân vẫn không thừa nhận, còn tự cho mình thông minh, còn tự cho mình trí tuệ hơn người, đâu biết rằng tạo nghiệp sâu nặng đến vậy?

Đức Phật dạy, dù tạo nghiệp cực nặng, chỉ cần chịu sám hối, chịu quay đầu, đều vẫn còn kịp. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, vua A Xà Thế tạo nghiệp, tạo tội ngũ nghịch thập ác, giết cha hại mẹ, đoạt lấy chính quyền. Chịu sự xúi dục của Đề Bà Đạt Đa, phá hòa hợp tăng, tạo đủ cả ngũ nghịch thập ác. Khi lâm mạng chung ông ta có thể sám hối, biết mình làm sai, cầu Phật tha thứ, cầu Phật cứu bạt. Phật dạy ông ta niệm Phật A Di Đà, cầu sanh tây phương Cực Lạc, ông được vãng sanh. Phật dạy chúng ta, ông ta là thượng phẩm trung sanh, điều này vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng ta, phẩm vị rất cao. Chúng mình sám hối vãng sanh, công đức nhất niệm sám hối không thể nghĩ bàn. Chúng ta thường là đoạn ác tu thiện, niệm Phật vãng sanh, có khi không bằng ông ta sám hối lúc lâm chung, tâm sám hối của ông quá mãnh liệt. Chúng ta ngày ngày niệm Phật, tâm địa này yếu ớt, không kiên cường như ông ta. Ngạn ngữ thường nói: “Lãng tử quay đầu

vàng không đổi”. Thật sự quay đầu, thật sự sửa đổi, đúng là người tốt trong những người tốt. Vì thế thành tựu của ông cũng là ông ta tu được, không phải Phật ban cho. Phật chỉ khuyên, ông hiểu và tiếp tu, lập tức quay đầu. Do đó lỡ tạo tội nghiệp nặng cũng đừng lo sợ, chỉ cần vẫn chưa đọa địa ngục. Nếu đọa địa ngục thì rất phiền phức, vậy quả đúng là không dễ cứu. Vì sao vậy? Khi đã đọa vào trong đó chịu thống khổ quá lớn, Phật Bồ Tát nói hay đến đâu cũng nghe không lọt tai, khó. Độ chúng sanh vào lúc nào? Khi chưa đoạn hơi thở cuối cùng, vẫn còn kịp. Hơi thở đã dứt, không kịp nữa.

Đạo lý và sự thật này, chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Chúng ta giúp người khác, thời khắc then chốt cũng ngay sát na đó. Sát na này, nếu ta có phương tiện thiện xảo, họ hoan hỷ tiếp thu, lập tức được độ. Những vấn đề này đều cần bản thân ta thường xuyên tu trì, mình làm gương cho người khác, người ta khởi tín tâm với mình. Người khác khuyên họ không tin, không tin tưởng, quý vị nói họ tin, điều này dựa vào sự nỗ lực tu học hằng ngày của mình, như vậy mới giúp được nhiều người.

Đây là bốn nguyện của Chư Phật, vì thế nếu lục đạo chúng sanh không nương vào đại thánh Phật Bồ Tát. Nói cách khác, không dựa vào giáo huấn của Đức Phật, không có cách nào thoát ly luân hồi lục đạo. Không thoát ly luân hồi lục đạo, nghĩa là không cách nào tránh được cái khổ của địa ngục, trong lục đạo địa ngục là vấn đề rất bình thường, rất khó tránh khỏi.

Do đây có thể biết, chánh pháp cứu trú quan trọng vô cùng, làm thế nào mới khiến cho chánh pháp cứu trú? Nhất định chúng ta phải y giáo phụng hành, chánh pháp mới cứu trú được. Phải cứu trú về mặt thực chất, không phải hình thức, hình thức không giải quyết được vấn đề. Nghĩa là nói, có người tu hành chơn chánh, có chân thiện tri thức, chánh pháp mới có thể cứu trú. Không có người chân tu chân học, Phật pháp hình thức không đem lại lợi ích, chánh pháp vẫn suy thoái, nhất định phải chân tu. Cư sĩ Hạ Liên Cư nói phải hành trì. Đức Phật xuất hiện tại thế gian, chính là vì mục đích này, chúng ta cần phải lãnh hội.

Đoạn này chúng ta giới thiệu đến đây, đoạn bên dưới nói về duyên khởi của kinh này.

### Hết tập 3

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 4****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ nhất, hàng thứ hai từ dưới lên, bắt đầu xem từ đoạn giữa, chúng ta đọc qua đoạn văn một lượt.

“Thị dĩ Địa Tạng từ vương, thiên hướng u minh giới nội, dĩ đồng thể từ bi, kiếp kiếp cứu viện, nhi vị nghệ. Thích Ca Văn Phật đặc thăng đạo lợi thiên trung, báo thánh mẫu từ đức, truân truân phó chúc dĩ tần thân. Linh hướng Phật pháp trung, hiển thiếu thủy thiếu hoa, tịnh thoát u đồ chi khổ, tử tòng đại sĩ tiền, năng nhất chiêm nhất lễ, hàm mộng thắng địa chi hoan, công mạc kinh yên, nghĩa phả lượng hỷ”. Đến đây là một đoạn.

Đoạn này nói về duyên khởi của kinh, bài tựa luận quán viết rất hay, thứ lớp mỗi đoạn rõ ràng. Từ căn nguyên pháp giới cho đến duyên khởi của bộ kinh này, vì đoạn trước thuật về nguồn gốc của lục đạo. Lục đạo là chúng sanh mê muội sâu nặng, tạo nghiệp rộng, quả báo rất khổ. Hai chữ “thị dĩ” chính là chỉ điều này.

Chính vì nguyên nhân này, Bồ Tát Địa Tạng phát tâm đại từ bi, ở đây xưng “từ vương”, là đối với từ bi xưng tán đến tận cùng. Ý nghĩa chính là nói, chư Phật Bồ Tát từ bi, Bồ Tát Địa Tạng còn từ bi hơn họ, vua trong từ bi.

Cho thấy như thế nào? “Nghiêng về trong giới u minh”, ngài đặc biệt thường giáo hóa chúng sanh ở nơi đau khổ nhất. “Lấy đồng thể đại bi, kiếp kiếp cứu viện”, kiếp kiếp tức là vô lượng kiếp, vĩnh viễn không hề ngưng. Về điểm này, chư vị đồng học không còn là hàng sơ học, chúng ta nhất định phải biết, bất kỳ Chư Phật Như Lai nào, bất kỳ vị Bồ Tát nào, vào địa ngục giáo hóa chúng sanh đều xưng là Bồ Tát Địa Tạng, phải hiểu đạo lý này. Như vậy mới thật sự lãnh hội “pháp môn bình đẳng”, “vạn pháp nhất như”.

Nếu trong thời đại hiện nay, bất luận Chư Phật Bồ Tát nào thị hiện làm Phật tại thế giới Ta bà, danh hiệu đều gọi là Thích Ca Mâu Ni, không được dùng các danh hiệu khác. Chư Phật Bồ Tát không có danh hiệu. Danh hiệu kiến lập như thế nào? Vì căn tánh chúng sanh bất đồng mà kiến lập. Vì sao tất cả Chư Phật Như Lai thành Phật lúc này ở đây đều gọi là Thích Ca Mâu Ni? Vì chúng sanh lúc này ở đây không có tâm từ bi, tự tư tự lợi,

không biết yêu thương chúng sanh, không biết yêu kính người khác, vì thế phải dùng danh hiệu Thích Ca. “Thích Ca” là năng nhân, có thể nhân từ đối nhân tiếp vật, nghĩa là như vậy. Chúng sanh lúc này tại đây tâm không thanh tịnh, ác trược đến cực độ, vì thế dùng Mâu Ni. “Mâu Ni” nghĩa là tịch tịnh. Vì thế danh hiệu là vì chúng sanh mà thành lập. Không phải Bồ Tát thích danh hiệu này, không có ý này. Danh hiệu là độ chúng sanh, độ chúng sanh lúc này ở đây.

Vậy là biết, bất kỳ ai vào địa ngục giáo hóa chúng sanh, đều gọi là Bồ Tát Địa Tạng, đều là thân phận của Bồ Tát Địa Tạng. Nếu chúng ta phát nguyện vào địa ngục độ sanh, cũng là thân phận Địa Tạng, khắp nơi hiển thị tận hư không biến pháp giới là nhất thể. Không những nhất thể về lý, mà về sự cũng là nhất thể. Trong đại kinh thường nói về “mê ngộ”, chư Phật Bồ Tát ngộ chính là ngộ điều này, tất cả phàm phu mê cũng là mê điều này, mà vấn đề này không có mê và ngộ. Lý không có mê ngộ, sự cũng không có mê ngộ, mê ngộ do con người.

Chúng ta đã hiểu rõ ý nghĩa tán thán, đây là bi nguyện đặc biệt, không nhân tâm thấy chúng sanh khổ, thấy chúng sanh khổ phải nghĩ cách giúp họ, giúp họ lìa khổ được vui. Vì thế Địa Tạng “nghiêng nặng chúng sanh trong u minh giới”.

Chúng ta muốn hỏi, Bồ Tát Địa Tạng hóa độ chúng sanh trong u minh giới, ngài có đến nhân gian chăng? “U minh” là chỉ đường địa ngục, các đường khác có chăng? Trong u minh giới mà từ bi như vậy, đâu có đạo lý không đến các thế giới khác? Bao gồm tất cả. Bồ Tát không có nơi nào không hiện thân, không có lúc nào không hiện thân, lúc nào cũng ở bên cạnh chúng ta. Chúng ta mắt thịt phàm phu không nhận thấy được, cô phụ ân đức của Phật Bồ Tát, đây là sự thật. Từ đâu có thể thấy được? Nếu từ chỗ rõ ràng là hình tượng Phật Bồ Tát, khi thấy hình tượng Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát tồn tại. Ta thấy kinh điển của Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát cũng tồn tại. Trong cuộc sống hằng ngày gặp một vài người, người ta khuyên mình hành thiện, chẳng lẽ không phải Phật Bồ Tát thị hiện? Nếu cơ duyên của ta thuận thực, đây chính là trong kinh nói “minh cảm minh ứng”. Cơ duyên của ta thuận thực, quả thật rất nhiều người bản thân không biết. Nếu cơ duyên không thuận thực, sao có thể gặp được nhân duyên thù thắng? Người bây giờ gọi là “cơ hội”, sao ta có thể gặp được cơ duyên học Phật tốt như vậy?

Từ những điều này sẽ biết nhân duyên đã thuận thực, Phật Bồ Tát quả thật mà nói không thể nghĩ bàn. Thông thường cảm ứng là oai thần bất tư nghị của Phật Bồ Tát gia trì, gia trì trên thân một người, nói với quý vị

mấy câu, thời gian chỉ mấy phút, chỉ mấy giây. Máy câu nói, thực tế người nói không biết mình nói ra như thế nào, đó là Phật gia trì. Tình hình này, pháp sư giảng kinh, cảm nhận này đặc biệt rõ ràng.

Như trước đây pháp sư Đệ Nhàn giảng Kinh Viên Giác, lúc đó có cư sĩ Giang Vị Nồng, cư sĩ Tường Duy Kiều, đây đều là những nhân vật tại gia học Phật kiệt xuất đầu năm dân quốc. Những người này nghe kinh, vừa nghe vừa viết bút ký, ghi chép lại những điều hòa thượng giảng, có vài người như vậy. Ghi chép xong giao cho cư sĩ Giang Vị Nồng chỉnh sửa, không phải về sau xuất bản thành sách ư? Viên Giác Kinh Thân Văn Ký, quý vị xem phần tựa trong đó. Sau khi họ chỉnh lý xong, đưa cho pháp sư Đệ Nhàn xem. Pháp sư Đệ Nhàn xem, rất hay, đây là tôi giảng sao? Bản thân ông không biết. Đây là nguyên nhân gì? Ở trên bục giảng được Phật lực gia trì, những gì mình nói bản thân đều không biết, đây là thật không phải giả.

Những gì tôi nói với mọi người cũng đều là sự thật. Tôi giảng kinh trên bục giảng bao nhiêu năm nay, những gì tôi nói quả thật không biết, nói xong quý vị hỏi tôi nói gì? Không biết. Trước khi giảng kinh tôi không có chuẩn bị, tôi không biết sao có thể nói ra được như vậy, đây rõ ràng là nhờ Phật lực gia trì. Chúng tôi giảng hai tiếng trên bục giảng, tuyệt đối không phải gia trì từ đầu đến cuối suốt hai tiếng, không thể có hiện tượng này, gia trì vài phút trong đó, nhiều nhất gia trì không quá mười mấy phút, thời gian đều không dài. Khiến đại chúng nghe xong hoan hỷ, không phải tôi có năng lực, là mọi người cơ duyên thuận thực, được Phật lực gia trì. Mỗi người giảng kinh thuyết pháp, đều có kinh nghiệm này. Chúng ta mới biết, trong cuộc sống hằng ngày có người gặp được, vào thời khắc quan trọng, lúc gặp khó khăn, gặp người nói với chúng ta vài câu, ta nghe xong đột nhiên quán thông, nhờ Phật lực gia trì. Nếu không tin quý vị hỏi lại, sao anh có thể nói được như vậy? Họ cũng không biết. Vì thế mới biết, chư Phật Bồ Tát thường ở bên cạnh chúng ta, từ bi tận cùng, họ dùng “đồng thể từ bi”, chúng ta đâu biết đồng thể? Chúng ta chỉ biết mình, công cao ngã mạn, luôn thấy mình hơn người, đặc biệt là người xuất gia. Người xưa nói, mang lên người chiếc áo cà sa, áo cà sa là chỉ chiếc áo tràng, tức cao hơn người một bậc, cao đến mức độ nào? Cao đến trong tam đồ ác đạo. Không phải đức cao, là ta tạo nghiệp cao, nghiệp ta tạo cao hơn người khác. Chư vị phải biết, tham sân si là căn bản phiền não, ta đang tăng trưởng phiền não, coi thường người khác. Người xuất gia, người khác tôn trọng đó là việc của họ. Trong kinh Phật chúng ta thấy, đặc biệt trong Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản. Quý vị thấy 53 lần tham bái, 53 vị thiện tri thức đó là hóa thân của Chư Phật Như Lai, người người khiêm tốn, tôn trọng người khác.

Trong khoa phán của đại sư Thanh Lương, đề là “khiêm kỷ thôi nhân”. Bản thân khiêm tốn, tôn trọng người khác, đây là dạy chúng ta. Rất nhiều thiện tri thức, mỗi người đều biểu hiện như vậy, khiến chúng ta có ấn tượng sâu sắc, bản thân phải khiêm tốn.

Chúng ta đọc Thích Ca Phương Chí, đọc Thích Ca Phổ, đây là cổ nhân viết truyện ký về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lưu lại trong Đại Tạng Kinh. Quý vị thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm người, đối với người bình dân hạ tiện, Thế Tôn đều rất tôn trọng họ, không dám khinh mạn. Gặp người có khó khăn, lập tức giúp họ. Bà lão hoa mắt, khâu kim không được, Phật Thích Ca Mâu Ni thấy vậy, lập tức giúp bà khâu kim, đâu có chuyện khinh mạn người khác?

Học Phật càng học tánh khí càng lớn, càng học tánh khí càng kỳ quái, càng học càng ngạo mạn, sai lầm, đó là vào địa ngục. Chúng ta phải lưu ý xem hành nghi của Phật Bồ Tát, cuộc sống của Phật Bồ Tát, xử sự đối nhân tiếp vật của Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh “đại dụng vô phương”, nhất định phải có trí tuệ, không có trí tuệ học không được. Trí tuệ của Phật Bồ Tát, tạo tác của Phật Bồ Tát, hoàn toàn biểu hiện trí tuệ cao độ, nhất định lợi ích chúng sanh, là khiến chúng sanh được lợi ích. Chúng ta không có trí tuệ, học theo như vậy, học không giống, khi thể hiện ra khiến chúng sanh ngộ nhận, khiến chúng sanh sanh phiền não, vậy là sai.

Quý vị đọc kinh điển tường tận, thấy Phật Bồ Tát ứng phó những chúng sanh này, ứng phó xã hội linh hoạt biết bao, hoạt bát biết bao, lúc nào cũng khiến người hoan hỷ. Khai phóng, khai phóng khiến người hoan hỷ. Bảo thủ, bảo thủ cũng khiến người hoan hỷ. Khi nào khai phóng, khi nào bảo thủ, ngài biết quán cơ. Ngày nay chúng ta rất tệ hại, đối với người khai phóng chúng ta bảo thủ, khiến họ ghét. Đối với người bảo thủ, chúng ta khai phóng cũng khiến họ phiền phức, chúng ta dùng sai. Đức Phật dùng một cách hợp lý, chúng ta không biết dùng, vì sao không biết dùng? Vì không có trí tuệ. Chỉ biết học theo, không biết tình trạng đó nên biểu diễn tại đâu, biểu diễn không đúng chỗ. Điều này đúng là không dễ chút nào.

Khi trí tuệ chưa khai mở phải làm sao? Chỉ có theo thầy. Cổ nhân thân cận thiện tri thức, có người thân cận nhiều năm không rời xa, nguyên nhân gì? Vì chưa học được bản lĩnh này. Khi đã học được bản lĩnh này mới có thể rời xa thầy. Điều này chúng ta thấy trong các bậc cổ đức, có người thân cận thiện tri thức mấy tháng thì ra đi, họ đã học xong. Có người hai ba năm xa thầy. Có người mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm không không rời thầy.

Không rời xa thầy có hai hạng người, thứ nhất là chưa học được, thứ hai là đã học được nhưng vì cảm ân cảm tạ thầy, báo ân thầy không muốn lìa xa thầy, vẫn thân cận thầy. Đây là biểu diễn tri ân báo ân, biểu diễn ý

này. Ý thứ hai, giúp người mới đến học, lấy thân phận người đi trước dẫn dắt người mới đến, là hai ý này.

Phải luôn tỉ mỉ, chúng ta mới có thể học được những điều cần học. Tỉ mỉ là một việc, chân thành, thanh tịnh, từ bi là cốt cán, nhất định phải có tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi. Từ bi là tâm thương yêu, hiện nay chúng ta gọi là hộ niệm, yêu thương, săn sóc, quan tâm, đây đều là từ bi, từ trong chân tâm hiển lộ ra.

Phiền phức lớn nhất của chúng ta bây giờ, không biết tất cả chúng sanh với mình là đồng thể, không biết. Nếu biết tất cả chúng sanh với mình là đồng thể, mọi vấn đề đều được giải quyết, thế giới này làm gì còn chiến tranh? Thiên tai do con người gây ra nhất định đoạn tuyệt. Vì không biết tất cả chúng sanh với mình là nhất thể, vì thế mới sanh ra rất nhiều mâu thuẫn, phát sanh hiểu lầm, phát sanh xung đột, toàn là sai lầm.

Đây chính là mê hoặc điên đảo, trong kinh Phật thường gọi là “si mê”. Nhiều chúng sanh si mê, mê rất sâu, mê rất nặng, mê rất rộng, Chư Phật Bồ Tát vẫn kiên nhẫn giúp họ, chủ yếu nhất là giúp họ giác ngộ. Những giúp đỡ khác đều thuộc về cảnh lá, đều chỉ là bề mặt, giúp họ giác ngộ là điều căn bản. Chỉ cần họ giác ngộ là thành Phật, siêu phàm nhập thánh. Ngộ điều gì? Ngộ đồng thể. Tất cả pháp thế xuất thế gian, tình và vô tình cùng một pháp tánh. Pháp tánh là thể, năng hiện năng biến. Hư không pháp giới y chánh trang nghiêm là sở hiện sở biến, tuy sở hiện sở biến khác nhau, nhưng thể tương đồng, là một thể. Đây gọi là “đồng thể đại bi, đồng thể đại từ”. Từ là ban vui, bi là bạt khổ, nghĩa là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui phải làm như thế nào? Chính là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Họ phá được si mê, khổ không còn. Họ thật sự giác ngộ “đồng thể”, vui liền hiện tiền, niềm vui này trong kinh gọi là “đại tự tại”. Mở đầu kinh này, trong phần Thế Tôn phóng quang “đại viên mãn”, “đại tự tại”, đó là niềm vui chân thật. Thật đáng tiếc, chúng sanh quá mê muội, được mấy người vừa nghe Phật pháp liền khai ngộ? Không thể nói không có, nhưng quá ít.

Trước đây thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, ông nói trong lịch sử có được mấy người như ngài Huệ Năng? Trước đại sư Huệ Năng chưa hề nghe nói đến, sau đại sư Huệ Năng cũng không nghe nói đến ai. Ngài chỉ nghe một lần liền khai ngộ. Ngài là người bán củi, nghe người ta tụng Kinh Kim Cang, chỉ thời gian ngắn ngủi như thế, ngài vừa nghe liền phá mê khai ngộ, thật hy hữu.

Khi tôi mới học Phật, thầy Phương khuyên tôi, không được học theo đại sư Huệ Năng, học không được. Về sau tôi thân cận đại sư Chương Gia và Thầy Lý cũng nói với tôi không được, không được học, chúng ta tuyệt đối không học được. Vì khi tôi mới tiếp xúc kinh điển là Đàn Kinh, tôi vô

cùng thích thú. Thầy Phương khuyên tôi học Pháp tướng, thầy Lý khuyên tôi học Tịnh độ, khuyên tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, họ nói đều rất có đạo lý. Nhưng vào thời kỳ đó, đối với Bát Nhã, đối với điển tịch ngữ lục của tông môn, tôi đặc biệt có nhã hứng.

Đây chính là nói, gọi là “nghe một biết mười”, hạng người này rất ít, đếm chỉ đầu ngón tay, đại đa số đều thuộc trung hạ căn tánh. Bản thân nhất định phải hiểu rõ căn tánh của mình, phải tiếp thu sự chỉ dạy của thiện tri thức. Chúng ta đi theo họ, theo sự dắt dẫn của họ, nhất định đi đến một con đường lớn sáng suốt. Người như vậy đã rất khó tìm, đã không dễ chút nào, đây là thái độ làm học sinh. Trong này một nhân tố quan trọng nhất, phải có lòng tin đối với thầy.

Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “niềm tin là mẹ của mọi công đức”. Tín tâm là căn nguyên chúng đạo trong tương lai của mình, là chiếc nôi để tu tập tích lũy tất cả công đức. Chiếc nôi là năng sanh, năng sanh tất cả công đức chân thật, tín tâm. Nếu như không có lòng tin đối với thiện tri thức, thì không cần học với họ, vì sao vậy? Lãng phí quang âm. Mặc dù thiện tri thức là Phật Bồ Tát tái sanh, ta theo họ cũng vô ích, không học được gì cả. Nếu vị tri thức này, không có học vấn, cũng không có đức hạnh, nhưng đối với họ ta có lòng tin sung mãn. Họ chỉ nói một hai câu thật hay, ta nghe hiểu tiếp thu, thì lợi ích dùng cả đời không hết. Tín tâm mới quan trọng. Then chốt thành công hay thất bại, đều ở chỗ có niềm tin với thầy hay không. Bởi vậy không phải trong tâm chúng ta khâm phục nhất, kính ngưỡng nhất, ngưỡng mộ nhất thì ta đừng theo vị thầy đó. Theo họ đúng là lãng phí tinh thần, lãng phí thời gian, thật đáng tiếc. Chúng ta chọn thiện hữu phải thật thận trọng, có người giới thiệu với mình, bản thân cũng phải quan sát tường tận, sau đó thân cận mới được lợi ích lớn. Ta thật sự muốn học, thiện tri thức không ai không dạy, đây đều nói thật.

Thầy Phương, thầy Lý trong những lúc nói chuyện đều nói rất nhiều. Một người có trí tuệ, có học vấn, kỳ vọng lớn nhất trong đời họ là có truyền nhân. Họ truyền cho ai? Học sinh như vậy có thể gặp không thể cầu. Thầy Lý nói với tôi, từ xưa đến nay truyền nhân không dễ được, thầy nói học sinh tìm thầy khó, thầy tìm học sinh càng khó hơn, tìm ở đâu? Đều do nhân duyên thôi.

Trong sách cổ chúng ta thấy đời đời tương truyền, nhất mạch truyền thừa về sau, người thật sự có thể truyền pháp được ghi chép không nhiều. Còn có rất nhiều thiện tri thức, suốt đời không gặp truyền nhân, họ ra đi, vậy là hết. Trường hợp này rất nhiều. Bởi vậy gặp người chịu tiếp thu, làm gì có chuyện không toàn tâm toàn ý giúp đỡ? So với chăm sóc con cái mình, còn thân thiết hơn gấp mười lần, đây là gì? Là ký thác pháp thân huệ mạng, quan trọng hơn việc nối dõi tông đường của người thế gian.

Nói dối tông đường là việc của một gia tộc, còn sự truyền thừa này là duy trì tuệ mạng của Phật, lợi ích vô lượng vô biên chúng sanh, sao họ không coi trọng được? Nhưng thật đáng tiếc, đến đâu để tìm học sinh? Không tìm thấy.

Trước đây tôi đi hoằng pháp các nơi trên thế giới, làm việc rất gian nan, vì sao vậy? Vì chỉ một mình, không có trợ thủ. Cho nên thời gian đó, mỗi năm tôi đều trở về Đài Loan một lần, về Đài Loan tôi nhất định đến thăm thầy Lý. Đến thăm thầy tôi nhất định khuyến thỉnh, xin thầy đào tạo thêm nhiều học sinh, để chúng tôi ra ngoài hoằng pháp có đồng học, có bạn lữ, có trợ thủ. Thầy cũng rất coi trọng vấn đề này, đại khái tôi nói khoảng mười mấy lần, lần sau cùng thầy nghe rồi, thầy nói: “ông tìm học sinh giúp tôi”. Từ đó về sau tôi không dám nói nữa, tôi nghĩ mình tìm không ra học sinh, thật sự tìm không thấy. Trong thời đại này, tìm một học sinh phục tùng nghe lời 100%, không có, học sinh bằng mặt không bằng lòng thật nhiều.

Thầy Lý giảng kinh thuyết pháp 38 năm ở Đài Trung, tự thân nghe thầy giảng kinh thuyết pháp, theo tính toán một cách bảo thủ nhất, cũng không quá năm sáu mươi vạn người, tính toán bảo thủ nhất. Khi tôi ở Đài Trung, lúc đó thầy giảng kinh được mười năm, thỉnh chúng đã đạt đến 20 vạn người. Trong này có học sinh chăng? Thường xuyên theo thầy, tiếp thu lời thầy dạy, học tập giảng kinh cũng có mấy mươi người. Mấy mươi người này thật sự có thể truyền cho họ, không tìm được ai.

Hiện nay ở Đài Trung có hai vị cư sĩ là Chu Gia Lân và Từ Tĩnh Dân, tuổi đều đã lớn. Cư sĩ Chu Gia Lân khoảng 76, 77 tuổi, cư sĩ Từ Tĩnh Dân năm nay 71 tuổi, bên dưới còn có truyền nhân chăng? Rất khó nói, cho nên không dễ chút nào.

Chúng ta phải phát tâm, ai phát tâm tục Phật tuệ mạng, Phật Bồ Tát nhất định gia trì họ, nhất định xem họ như bảo bối. Vì sao vậy? Vì quá hy hữu. Nếu phát tâm truyền pháp lợi sanh, trước tiên phải buông bỏ chấp trước phân biệt, đây là điều kiện đầu tiên trong cảm ứng. Ta có phân biệt chấp trước, Phật Bồ Tát muốn giúp cũng không giúp được, đó là chướng ngại. Chướng ngại không phải do Phật, do bản thân chúng ta, ta phải buông bỏ cái “tôi”, buông bỏ “tự tư”. Khởi tâm động niệm, niệm niệm mong cầu chánh pháp cứu rỗi, niệm niệm mong cầu tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, tâm này sẽ tương ứng. Ta có thể phát chân tâm này, liền được Chư Phật Bồ Tát cảm ứng, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Mấy câu này nói rõ, Chư Phật Bồ Tát không xa lìa chúng ta, chỉ là bản thân mình có chướng ngại nghiêm trọng, cự tuyệt từ bi của Phật, khiến Phật lực không gia trì được chúng ta. Cự tuyệt này chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đặc biệt là chấp trước, ngã chấp. Chấp trước

nghiêm trọng ngã và ngã sở. “Tôi”, bất cứ ai đều không thể xâm phạm, “tôi sở hữu”, bất kỳ ai cũng không xâm phạm được. Vấn đề này rất phiền phức. Muốn phá trừ nhất định phải bắt đầu từ sự tướng, tôi sở hữu ai cũng có thể lấy được, cũng có thể hưởng thụ, tâm lượng khai mở, không còn chấp trước. Tôi hưởng thụ với họ hưởng thụ có gì khác nhau đâu? Họ với mình đồng thể. Chỉ cần nghĩ như vậy, khi người ta lấy của mình, tôi đều rất an vui, rất tự tại. Trước tiên phá ngã sở, sau đó mới phá ngã chấp, xả từ tôi sở hữu. Phật pháp là pháp môn của Bồ Tát, thứ nhất là bố thí, bố thí chính là có thể xả, ta có thể buông bỏ, ta có thể xả bỏ, mọi thứ đều có thể xả bỏ. Mọi thứ đều có thể cùng hưởng với tất cả chúng sanh, không được hưởng cho riêng mình, cũng không thích hưởng thụ riêng mình, cùng hưởng với tất cả chúng sanh. Đây là chúng ta học tập, thật sự gọi là tu hành, trước tiên phải tu điều này.

Phật tiếp xúc với chúng sanh là có nguyên tắc, nguyên tắc này chính là tứ tất đàn, tứ nhiếp pháp. Tứ tất đàn nghĩa là gì? Tất nghĩa là phổ biến, là ý nghĩa của chữ Trung quốc, tất đàn là tiếng Phạn và tiếng Hoa hợp dịch. “Đàn” là bố thí, “tất đàn” chính là bố thí khắp nơi, bố thí khắp nơi vô điều kiện.

Điều thứ nhất là “thế giới tất đàn”, nghĩa là gì? Khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, chúng ta có làm được chăng? Điều thứ nhất trong tứ nhiếp pháp là bố thí, thí xả có thể khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, điều này rất quan trọng. Quan trọng ở đâu? Phá trừ chấp trước kiên cố của chúng ta, kiên cố chính là xan tham, phá xan tham. Tất cả đều có thể thí, có thể thí ngoại tài, cũng có thể thí nội tài. Trong kinh Đức Phật nói “nội tài” là chỉ tai mắt tâm tủy, thân thể này của chúng ta, nhục thể đều có thể bố thí. Nhưng khi nghe cần phải biết nghe, đừng có nghe Phật nói tai mắt tâm tủy đều có thể bố thí, thôi được tôi xin bố hết, lấy nó quyên tặng. Ta đem bộ phận trên toàn thân bố thí hết, đó không phải bố thí phổ biến, mà chỉ bố thí được vài người, như vậy đâu phải bố thí phổ biến?

Bố thí khắp nơi nghĩa là gì? Tôi phải dùng mắt mình nhìn giúp tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh thấy không rõ ràng, tôi thấy rõ ràng, như vậy là tôi đã bố thí con mắt này cho tất cả chúng sanh. Tai của tôi nghe giúp tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh nghe không rõ ràng, tôi nghe rõ ràng, đây gọi là bố thí phổ biến. Nói cách khác, thân này sống trên thế gian là vì ai? Không phải vì mình, vì tất cả chúng sanh, thân này của tôi đã bố thí hết. Mỗi ngày ta mặc áo ăn cơm đều là bố thí. Vì sao chăm sóc thân này? Vì chăm sóc tất cả chúng sanh, ý nghĩa thật sự của lời Phật dạy là đây.

Quý vị xem kinh vẫn không hiểu, tôi xem hiểu, tôi bố thí. Quý vị nghe không rõ, tôi nghe rõ ràng, tôi nói lại cho quý vị. Không phải sống vì mình, cũng không phải sống vì nổi dỗi tông đường cho gia tộc mình.

Chúng ta sống là vì chánh pháp trú thế, là vì tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, phá mê khai ngộ. Nghĩa là đã bố thí tất cả, nội tài ngoại tài đều bố thí hết, đây mới gọi là bố thí phổ biến. Có một chút tự tư tự lợi, có một chút phân biệt chấp trước là sai, vậy lại mê, lại về chỗ cũ. Đặc biệt là giai đoạn sơ học, lúc tiến lúc thoái, khi khai phóng, khi thu lại, làm điều này. Đây là hiện tượng bình thường, không có gì kỳ lạ. Chúng ngày nay như vậy, ta nghĩ đến Chư Phật Bồ Tát ở nhân địa, chẳng lẽ không phải như vậy? Nhất niệm giác là khai phóng, nhất niệm mê là thu nhỏ. Trong đời này, có thể được một hai lần khai phóng đã là điều rất khó rồi, xưa nay không chịu khai phóng, vậy mà khai phóng được một hai lần, thật hy hữu. Hy vọng lần khai phóng càng nhiều càng tốt, thời gian càng lâu càng hay, phải hạ công phu ở đây, tuyệt đối không vì mình.

Đức Phật nói về những điều này, chúng ta nghe hiểu. Người thế gian dù thông minh đến đâu, dù có trí tuệ cách mấy, nếu không chịu buông bỏ tự tư tự lợi, dù Chư Phật Như Lai đối diện trước họ giảng kinh thuyết pháp, họ cũng nghe không lọt, cũng không nghe hiểu. Chúng ta muốn tiếp thu Phật pháp, trước tiên phải đoạn trừ chướng ngại tâm lý, vậy mới không cô phụ Chư Phật Bồ Tát, chăm sóc chúng ta vĩnh hằng không gián đoạn. Đây là “kiếp kiếp cầu viên vẫn không thôi”, Bồ Tát Địa Tạng là tượng trưng cho tất cả Chư Phật Như Lai.

Lại nói đến bốn hội. “Thích Ca Văn Phật, đặc thăng đao lợi thiên trung, báo thánh mẫu ân đức”. Nhân duyên giảng Kinh Địa Tạng rất đặc biệt, là Thế Tôn trong 49 năm nhân duyên hóa độ của ngài, khi sắp viên mãn kết thúc. Lần sau cùng ngài lên trời Đao lợi, cho nên pháp hội này mở tại cung trời Đao lợi. Vì sao vậy? Vì mẹ ngài ở tại cung trời Đao lợi, pháp hội này đặc biệt được mở ra là vì để báo ân mẹ.

Chúng ta biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời chưa bao lâu theo con mắt người thế gian mà nói, khi mẹ ngài quan đời, đứa trẻ này mệnh khổ, vừa ra đời thì mẹ không còn, đáng thương biết bao, mệnh khổ, đây là nhân quang của người thế gian. Đâu biết rằng mẹ ngài sanh ra người con làm Phật, phước báo quá lớn, phước báo ở thế gian này quá nhỏ bà trong ở được, đành phải đến nơi có phước báo lớn để hưởng thụ. Bà sanh lên cõi trời Đao lợi, đi hưởng phước trời, người thế gian chúng ta không nhận ra.

Phật pháp được xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo, Phật pháp từ đầu đến cuối tất cả đều là hoàn thành hiếu đạo mà thôi. Nhìn từ đâu? Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Đức Thế Tôn dạy chúng ta về tịnh nghiệp tam phước. Câu thứ nhất là “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”. Sau cùng Đức Phật dạy rằng, ba điều này là “Tịnh nghiệp

chánh nhân của ba đời Chư Phật”. Đây không phải đã nói một cách rõ ràng, minh bạch rồi ư? Phật pháp kiến lập ở đâu? Kiến lập trên nền tảng của hiếu thân tôn sư, hiếu thân đứng hàng đầu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiếu dưỡng cha mẹ, tuy chúng ta không thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nuôi dưỡng thân thể cha mẹ, cung cấp cho cha mẹ về mặt vật chất, đặc biệt đối với mẹ. Nhưng ta phải biết rằng, làm con cái thành tựu đức hạnh lớn, thành tựu đại học vấn, cha mẹ họ bất luận ở cõi nào, cũng được tất cả thiên thần quỷ thần tôn kính cúng dường, chính là sự cúng dường của họ.

Nghĩ lại điều này quả thật không thể nghĩ bàn, người khác quan tâm sao là quý vị cúng dường? Vì sao người khác quan tâm? Người ta tôn kính học vấn đức hạnh của quý vị, người ta tôn kính công đức của quý vị, người ta tôn kính thành tựu của quý vị, đạo lý là đây, đây là nói về sự. Từ thể gọi là “đồng thể”, điều này càng không cần nói, rất ít người nhận thức được đồng thể, người chấp trước tướng nhiều, đây là nói từ sự. Nếu nói từ lý càng viên mãn hơn, tất cả Chư Phật Bồ Tát đều quan tâm, như vậy mới viên mãn hiếu dưỡng cha mẹ.

Ta chỉ cần nuôi dưỡng chí của cha mẹ, còn đối với nuôi dưỡng thân của cha mẹ, nuôi dưỡng tâm của cha mẹ, do Chư Phật Bồ Tát, thiên long quỷ thần làm, ta chỉ cần nuôi dưỡng chí cho cha mẹ. Chí của cha mẹ là gì? Ngày nay người ta thường nói: “vọng tử thành long, vọng nữ thành phụng”, đó là chí của họ. Quý vị phải thật sự làm long làm phụng. Trong nhà Phật nói làm long làm phụng, chính là làm Phật làm Bồ Tát. Nếu ta thật sự làm Phật làm Bồ Tát, mẹ của Bồ Tát, mẹ của Phật, ai không tôn kính? Ai không phụng sự?

Trong hiếu dưỡng, dưỡng thân, dưỡng tâm, dưỡng chí, chí quan trọng nhất. Sau đó chúng ta mới biết, Thế Tôn tận hiếu như thế nào, người thế gian chúng ta làm sao hiếu được? Nếu như hiếu được đôi chút về đạo lý này, chúng ta ở thế gian, nhất định phải thành tựu trí tuệ, học vấn, đức hạnh của mình, làm cho tất cả đại chúng trong xã hội đều tôn kính, tôn sùng, cha mẹ được vinh quang. Cha mẹ ta đi đến bất kỳ đâu, người bây giờ gọi là rất hãnh diện, đều có nhiều người tôn kính, quan tâm, hỏi han. Đây là nói từ điểm nổi bật nhất, nói từ chỗ sâu sắc người thế gian không hiểu. Nếu ta thật sự làm Phật, làm Bồ Tát, làm tổ sư, sẽ có thiên địa quỷ thần đến cúng dường, đến chăm sóc. Vấn đề này ngay hiện tại chư vị có nhìn thấy chăng? Cư sĩ Hồng Cung Lan hiến đất cho chúng tôi thành lập Thôn Di Đà, chiêu cảm được ngọc hoàng đại đế, phái hai người đến chăm sóc ông ta, điều này mọi người tận mắt chứng kiến rồi.

Bữa nào đó tôi tìm cư sĩ Hồng Cung Lan, mời quý vị ăn cơm, ông cũng đang muốn mời tôi ăn cơm đó. Chúng ta trực tiếp nghe ông nói, ông

ta nói thật không phải giả, ông ta nói tuyệt đối không phải nằm mộng. Thấy hai người đứng trước giường rất rõ ràng, khi ông bắt đầu ngủ, hai người tướng mạo rất đoan chánh. Tướng mạo thiên nhân đẹp hơn chúng ta, con người chúng ta không sánh bằng thiên nhân, con người hóa trang cách nào cũng không bằng họ. Ông hỏi hai vị đó từ đâu đến? Cả hai người đều không nói, chỉ khuyên ông phải nhẫn nại.

Chúng ta biết cư sĩ Hồng Cung Lan suốt đời tánh tình rất nóng nảy, giống như cư sĩ Lý Mộc Nguyên vậy, tốc độ rất nhanh, làm việc nói làm là làm, rất hào phóng, nhưng tánh tình nôn nóng. Khuyên ông ta phải nhẫn nại, bất luận việc lớn hay việc nhỏ đều phải nhẫn nại. Tiếp theo nói với ông ta hai câu: “Đến cũng không không, đi cũng không không”, ông ta nghe hiểu. Sau cùng họ mới nói với ông ta, ngọc hoàng đại đế phái hai người họ đến bảo vệ ông.

Quý vị xem, khởi một niệm thiện tâm, muốn giúp người khác, quý thần thiên thần liền đến bảo vệ, cảm ứng rất nhanh chóng, đây là điều chúng ta thấy ngay trước mắt. Vì vậy chư vị thật sự phát tâm hộ trì Phật pháp, làm gì có đạo lý Phật Bồ Tát không gia hộ? Cư sĩ Hồng Cung Lan được Đạo lợi thiên chủ phái thiên thần đến hộ vệ, chúng ta biết tương lai thôn Di Đà niệm Phật vãng sanh, người thành Phật nhất định rất nhiều, bằng không ông không có phước báo lớn như vậy, cũng không có cảm ứng rõ ràng như vậy, đây là phước của Singapore.

Thế gian rất nhiều thiên tai, khắp nơi đồn đãi thảm họa sắp giáng xuống. Ở đây chúng ta thấy, trời Đạo lợi phái thiên nhân đến bảo vệ Hồng cư sĩ. Chúng ta biết, Chư Phật Bồ Tát, thiên long thiện thần, nhất định gia hộ nơi đây. Khu vực này có chánh pháp, nơi này có người tu hành, nơi này có rất nhiều người tương lai vãng sanh bất thoái thành Phật, đất phước đầy. Trên thế giới còn có nhiều khu vực rất tốt, nhân duyên không đủ, ở đây nhân duyên đầy đủ. Tôi suy nghĩ tương tận, ở đây ít nhất có 10 vị đại Bồ Tát, hộ trì đạo tràng này, hộ trì khu vực này. Vì thế làm mọi việc đều rất thuận lợi.

Chiều hôm qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi, ngôi trường ở Dương Thổ Cảng, phía nhà trường đồng ý dời đi, rất thuận lợi. Phác thảo của Phật học viện chúng tôi, bộ trưởng chủ quản nghe xong rất hoan hỷ, phê chuẩn nhanh chóng, còn kiến trúc của Thôn Di Đà cũng đều phê chuẩn rất nhanh. Phật lực gia trì, long thiên hộ trợ, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Bản thân chúng ta đứng trước cảnh giới đó, tận mắt chứng kiến, tận tai nghe được, chẳng lẽ còn không tin ư?

Hiện nay quan trọng nhất, đối với bản thân chúng ta phải có lòng tin, phải phát tâm tục Phật huệ mạng, phát tâm hoằng pháp lợi sanh, quên mình vì người. Như vậy sẽ được Chư Phật hộ niệm, được long thiên thiện

thần gia hộ. Tất cả các pháp, tuyệt đối đừng để trong lòng, vì sao vậy? Vì chúng ta đã đem thân này phụng hiến cho Tam bảo, tất cả Phật Bồ Tát chăm sóc. Đại sư Chương Gia nói, ngài dạy chúng tôi, suốt đời quý vị đều được Phật Bồ Tát quan tâm, chúng ta còn lo lắng gì nữa? Xây dựng đạo tràng lớn đến đâu, đạo tràng thù thắng đến đâu, nếu cần thì cho quý vị, tôi đi nơi khác, Phật Bồ Tát xây dựng cái khác cho tôi. Quý vị thật đáng thương, không có Phật Bồ Tát kiến tạo cho, không có người giúp đỡ, tôi có. Vì thế quý vị cần tôi sẽ cho, tôi đi đến đâu đều có Phật Bồ Tát kiến lập đạo tràng cho. Ở đây chúng ta thường nghe Lý cư sĩ nói, ông chủ sau lưng chúng ta là Phật A Di Đà.

Hôm nay trong thời kỳ này, xây dựng đạo tràng lớn như thế, xoay xở nhiều tiền như vậy đâu phải chuyện dễ. Ngày nay đạo tràng đi quyên góp, không như ngày xưa, ngày xưa còn có thể vận động được một ít. Hiện nay kinh tế suy thoái, tiền tệ xuống giá, địa ốc ngày càng đi xuống. Tôi nghe người ta nói, mùa xuân sang năm còn hạ thấp hơn năm nay, cuộc sống mọi người ngày càng gian nan, tiền đâu mà quyên góp? Ngày nay chúng ta chuẩn bị được một số lượng tiền lớn như thế, quả thật không dễ. Người khác không có lòng tin, Lý cư sĩ nương vào Phật A Di Đà, lời này nói rất đúng, vì sao vậy? Không vì mình, là vì Phật A Di Đà tiếp dẫn đại chúng niệm Phật vãng sanh. Điều này đúng là việc của Phật, chúng ta chẳng qua là phát tâm làm việc mà thôi, vì thế Chư Phật Bồ Tát, thiên long thiện thần đặc biệt chiếu cố. Đây là ân đức của Tam bảo, chúng ta làm tận tâm tận lực chính là báo ân.

Thế Tôn dạy chúng ta, làm gương cho chúng ta noi theo, sau cùng tuyệt đối không vong ân. Ngài chiêu tập mở pháp hội này tại trời Đao lợi là đại hội báo ân, chư vị nghĩ xem có phải chăng? Đại hội báo ân, đây là pháp căn bản trong Phật pháp, vì thế đại chúng dự hội vô cùng hy hữu, còn thù thắng hơn cả Hoa Nghiêm. Trong hội Hoa Nghiêm chúng ta thấy, tận hư không biến pháp giới đến tập hội là pháp thân đại sĩ. Còn trong pháp hội này, chúng ta thấy là Chư Phật Như Lai, tất cả cõi nước Chư Phật khắp tận hư không biến pháp giới, vô lượng vô biên Chư Phật đều đến hội tập.

Chúng ta triển khai kinh quyền, thấy cảnh tượng này với Hoa Nghiêm có gì khác nhau? Không hai không khác. Hoa Nghiêm được người tôn xưng là “nhất thừa viên giáo”, chẳng lẽ kinh này không phải nhất thừa viên giáo? Chúng ta quan sát tường tận quả đúng là cảnh giới Hoa Nghiêm, nhưng trong cảnh giới Hoa Nghiêm này “nghiêng về u minh”. Không phải như Hoa Nghiêm triển hiện ra thanh tịnh bình đẳng như vậy, hoàn toàn bình đẳng, ở đây nghiêng nặng về u minh. Nói cách khác, đặc biệt là nghiêng về chúng sanh khổ nạn, thị hiện cho chúng ta thấy, nhắc nhở chúng ta. Đặc biệt là xã hội hiện tại, khổ nạn chúng sanh quá nhiều.

Ở Trung quốc, lần lũ lụt này, chúng ta toàn tâm toàn lực làm công tác cứu trợ. Thực tế mà nói, chúng tôi làm công việc này, đúng là không tự lượng sức, tôi không nghĩ đến, cư sĩ Lý Mộc Nguyên cũng không nghĩ đến. Chúng tôi đã tận tâm tận lực quyên tiền cho vùng Trường giang, quyên góp ba lần, do đại sứ quán Trung quốc chuyển giao. Ba lần quyên góp tổng số khoảng 80 vạn, làm hết sức của chúng tôi. Phương bắc truyền đến cho tôi một tin, bên đó thiên tai rất khổ, lưu vực sông Tùng hoa, sông Nộn, Đại Khánh hoàn toàn chìm ngập. Đặc biệt là mùa đông sắp đến, yêu cầu 10 vạn bộ áo quần bông, tôi lập tức đồng ý, cũng không biết 10 ngàn bộ cần bao nhiêu tiền. Nói với Lý Mộc Nguyên, Lý Mộc Nguyên nói được, chúng ta đưa qua mười vạn bộ, ông ta cũng hồ đồ đáp ứng. Chúng tôi nhờ đại sứ quán Trung quốc làm giúp việc này, họ báo giá liền với tôi, một bộ 100 nhân dân tệ, mười vạn bộ bằng 200 vạn tiền Singapore. Tôi giật mình, tôi không biết Lý Mộc Nguyên có cảm tưởng như thế nào, số tiền này từ đâu ra? Khi chúng tôi đang đau đầu về vấn đề này, thì có một vị Bồ Tát phát tâm quyên tặng số tiền này. Giải quyết lần một, thật không thể nghĩ bàn. Không những chúng tôi làm xong việc này, tiền họ quyên tặng vẫn còn dư.

Lại nghe nói pháp sư Giới Bình, đem băng đĩa từ Bắc Kinh về cho tôi, trong băng đĩa đó là những đồng học ở Bắc Kinh yêu cầu tôi. Trường học ở khu vực thiên tai bị hồng thủy cuốn trôi, hy vọng chúng tôi có thể xây dựng vài ngôi trường. Tôi liền khởi ý niệm này, lại có người phát tâm góp tiền. Tôi dự tính, có thể xây mười trường trung học, 20 trường tiểu học, tôi lập tức thông tri bên đó. Chúng tôi xây mười ngôi trường trung học, trung học tên là Từ Quang, trung học Từ Quang, tiểu học gọi là tiểu học Hiếu Liêm. Chúng tôi xây mười trường trung học, 20 trường tiểu học. Ở đây vừa khởi ý niệm, Phật Bồ Tát liền giúp đỡ, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Chúng tôi làm công tác cứu trợ rất có hiệu quả, tôi ủy thác cư sĩ Thôi Ngọc Tinh ở Bản Khê Liêu Ninh làm thay. Hôm trước ông gọi điện thoại đến nói với tôi, về tình hình tặng quần áo bông. Ông nói bên đó cuộc sống rất khổ, không có thức ăn. Tôi nói với ông ta cung cấp lương thực.

Ở phương bắc, hiện tại các vùng nông thôn, lương thực chủ yếu là bắp, hiện nay bắp không đắt, bốn hào nhân dân tệ một kg. Tôi nói, ông cố gắng cung cấp, tôi đưa ra số lượng cho ông ta là 100 vạn kg, ông cứ làm hết sức. Cung cấp bắp, cung cấp miễn để ăn tết, còn tặng thêm cho mỗi người 100 nhân dân tệ. Tốt, ông ta làm quá tốt. Tam bảo gia trì, không thể nghĩ bàn. Chỉ cần ta phát tâm chân thành, tuyệt đối không có tự tư tự lợi.

Thôi cư sĩ, ở khu vực thiên tai ông ta đi hết năm huyện, bản thân mệt đến phát bệnh. Ông nói với tôi, đang ở trong nhà nghỉ nhỏ tại khu vực thiên tai, ở một ngày mười nhân dân tệ. Chúng ta có thể tưởng tượng được, ông ta ở bên đó, biểu hiện sinh hoạt giống như nhân dân khu vực

thiên tai vậy, được mọi người tôn kính. Ông ta dạy người niệm Phật A Di Đà, tặng người tiền, 100 tệ niệm mười câu A Di Đà Phật. Tặng một bao miến cho gia đình quý vị, niệm mười câu A Di Đà Phật, tặng một bộ áo ấm cũng niệm mười câu A Di Đà Phật. Ông ta nói, con phải độ 10 ngàn người niệm Phật, thật không thể nghĩ bàn.

Hôm nay chúng ta làm những việc này, tôi và Lý cư sĩ tràn ngập niềm tin, đằng sau chúng ta đứng là có Phật A Di Đà, có Chư Phật Bồ Tát đang chống đỡ. Chỉ cần niệm niệm như pháp, chỉ cần hành hành tương ứng.

Khi tôi mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy rằng: “Đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng”. Khi ta cầu không có cảm ứng, là do ta có chướng ngại, chướng ngại gì? Tâm tư lợi, có chướng ngại này, đại công vô tư không có chướng ngại. Đối với ân đức của thầy tôi không bao giờ quên, suốt đời tin giữ lợi ích vô cùng. Ở đây tôi cũng làm chứng cho quý vị. Làm chứng minh cho mọi người thấy, cư sĩ Lý Mộc Nguyên chẳng lẽ không phải? Mười năm trước bệnh nặng không chết, đều là chứng minh có sức mạnh nhất trong hiện đời của chúng ta. Mỗi vị đồng tu, mỗi chúng sanh, chỉ cần có thể tu học như lý như pháp, tức có thể được tự tại viên mãn.

Sau cùng Thế Tôn dạy chúng ta báo ân, ở cung trời Đao lợi triệu tập đại hội này, “báo ân đức thánh mẫu”.

Từ báo ân đức của mẹ phải nghĩ đến, chúng ta ngày ngày đọc bài kệ hồi hướng “thượng báo tứ trọng ân”. Tứ trọng này đọc là tứ trọng, ý nghĩa đều dùng được.

Thứ nhất báo ân dưỡng dục của cha mẹ. Thứ hai báo ân thầy dạy dỗ, Phật là thầy chúng ta, báo ân Phật là báo ân thầy, Phật biểu trưng cho thầy.

Thứ ba là báo ân quốc gia, ngày xưa đây là đế vương, thời đại dân chủ hiện nay gọi là chính phủ. Những người lãnh đạo chính phủ, tận tâm tận lực giữ cho quốc gia an định phồn vinh, chúng ta phải nhớ ơn sâu sắc.

Thứ tư là báo ân chúng sanh, chúng ta sống trên thế gian, mọi nhu cầu đều nhờ sự hỗ trợ của đại chúng mà cùng nhau tồn tại, con người tuyệt đối không thể sinh tồn độc lập. Lương thực chúng ta ăn do nông phu trồng trọt, áo quần ta mặc nhờ công nhân dệt may, đúng là một giọt nước một hạt gạo đều nhờ toàn thể quần chúng, bởi vậy tất cả chúng sanh đều có ân đức đối với chúng ta. Không biết báo ân còn gây thương tổn, tội nghiệp này lớn vô cùng.

Quý vị thử tư duy tường tận, bình tĩnh quan sát, tất cả chúng sanh đều có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Thậm chí động vật, thực vật, khoáng vật, hiện nay gọi là “môi trường sinh thái” của địa cầu. Môi trường sinh thái tự nhiên, chúng ta ở đây mới có thể đạt được hạnh phúc. Cho nên, phá hoại môi trường sinh thái tự nhiên, là không biết ân đức, tri ân mới biết báo ân. Người không tri ân, ta nói với họ về báo ân, làm sao họ nghe lọt tai được?

Chẳng những nghe không lọt, mà họ còn nói đầu óc ta có vấn đề, tà tri tà kiến, tư duy tưởng tượng không hợp logic, họ còn dùng những lời lẽ này để nói về ta. Không biết tận hư không biến pháp giới là nhất thể, họ không biết. Biết là nhất thể, mới biết tất cả chúng sanh khắp tận hư không biến pháp giới, chúng sanh bao gồm hữu tình chúng sanh, vô tình chúng sanh, với ta là nhất thể, tương quan mật thiết với cuộc sống của ta. Vì thế người biết ân, người biết thâm ân đại đức, là ai? Là Chư Phật Bồ Tát. Phàm phu làm sao biết được? Những điều phàm phu biết là mấy người trước mắt mà thôi, người này tốt với tôi, tôi cảm kích người này. Họ không nghĩ đến.

Ở đây báo ân đức thánh mẫu, ý nghĩa trong này bao hàm bốn ân nặng, hàm chứa tất cả chúng sanh đều có ân đức đối với mình.

“Truân truân phó chúc dĩ tàn thân”, đây là những gì trong kinh nói. Thế Tôn rất khẩn thiết phó chúc Bồ Tát Địa Tạng, phải gánh sứ mạng cứu độ chúng sanh khổ nạn, trong kinh điển này chúng ta thấy, Thế Tôn không ngừng dặn dò. Bồ Tát Địa Tạng tượng trưng cho “hiếu thân tôn sư”.

Do đây có thể biết, một người thật sự làm được hiếu thân tôn sư, tuyệt đối không đọa ác đạo. Người biết hiếu thân tôn sư, không bao giờ làm việc xấu, vì sao vậy? Nếu họ làm việc xấu, họ liền cảm thấy có lỗi với cha mẹ, có lỗi với thầy. Chẳng những không dám làm việc xấu, đến ý niệm xấu cũng không dám nghĩ đến. Vì họ nhớ ân đức của cha mẹ, họ yêu thương cha mẹ, họ yêu thương thầy. Nếu có một ác niệm là cô phụ cha mẹ, cô phụ thầy rồi.

Vì sao trước khi Thế Tôn diệt độ, đem việc hóa độ chúng sanh giao cho Bồ Tát Địa Tạng mà không giao cho Bồ Tát khác? Địa tạng là căn bản, Quan Âm tượng trưng từ bi, Văn Thù tượng trưng cho trí tuệ. Từ bi và trí tuệ đều từ căn bản này sanh ra, đây là thâm nghĩa phó chúc cho ngài Địa Tạng.

Nếu chúng ta lãnh hội được, tương lai chúng ta thành lập Phật học viện, rất hay, có lớp nhi đồng. Hôm qua tôi nghe thầy Nhẫn nói với tôi, hiện nay các bạn nhỏ báo danh, đã quá 120 người. Chúng ta có lớp nhi đồng, tương lai có lớp dự khoa, lớp chánh khoa, lớp nghiên cứu. Lớp nhi đồng dạy gì? Tông chỉ dạy học chính là dạy hiếu thân tôn sư, như vậy là được, thường xuyên kể những câu chuyện về hiếu thuận.

Gần đây tôi in hai bộ sách, một bộ là Trung Hoa Cổ Sự, đây là đầu năm dân quốc nhà sách Trung Hoa biên tập, đại khái bây giờ đều không tìm thấy, từ lâu không còn tái bản, tôi đem những bộ sách cũ này in ra 10 ngàn bộ. Còn một bộ là câu chuyện về các đế vương cổ đại giáo hóa chúng sanh, trong này đều nói đến trung hiếu tiết nghĩa. Dạy ta những nguyên tắc nguyên lý cơ bản làm người, xử sự đối nhân tiếp vật. Những câu chuyện này có tranh minh họa, tương lai khi dạy học, có thể phóng to tranh minh

họa này, để các bạn nhỏ tô màu. Tranh minh họa không có màu, để các bạn nhỏ tô màu, tăng thêm ấn tượng của họ. Sau khi thầy giảng xong, để các bạn nhỏ giảng lại, phúc giảng, cho các em thi đua, ấn tượng sẽ sâu sắc.

Đây là pháp môn Địa Tạng, đây là ý mà Thế Tôn ân cần dặn dò trong kinh này, chúng ta học xong phải thực hành nó, bù đắp sự thiếu sót trong dạy học của thời hiện đại. Chúng ta dạy học phải dùng ngôn ngữ hiện đại để nói, là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức. Chúng ta không biết giáo dục khoa học kỹ thuật, cho nên trên phương thức dạy học và những giáo dục đó đương nhiên có sự bất đồng. Chúng ta hy vọng tương lai có thể thu được thành quả rất tốt, thành quả này cũng phải cầu Phật Bồ Tát gia trì.

Bên dưới là sự tương, sự tương cũng là biểu pháp: “Linh hướng Phật pháp trung, hiển thiếu thủy thiếu hoa”. Phật pháp là gì? Nói theo nghĩa rộng là phá mê khai ngộ, pháp triệt để giác ngộ chân tướng của nhân sinh vũ trụ gọi là Phật pháp. Hiện nay ở đây chúng ta thu nhỏ cách nói này, thu đến nhỏ nhất “hiếu thân tôn sư” là Phật pháp, bắt đầu dạy từ các bạn nhỏ. Hiếu thân tôn sư là pháp căn bản trong Phật pháp, chúng ta phải thấu triệt, tu học Phật pháp phải bắt đầu từ hiếu thân.

Phật pháp truyền đến Trung quốc, có thể mọc rễ sanh trưởng khai hoa kết quả tại Trung quốc, trái lại còn vượt xa Ấn độ, đây là đạo lý gì? Vì nền giáo dục của Trung quốc từ xưa đến nay, chú trọng tại luân lý hiếu đạo, nền tảng này quá tốt, rất thích hợp nhu cầu của Phật pháp. Khi Phật pháp truyền đến Trung quốc, phát triển rộng rãi tinh thần hiếu thân tôn sư. Quả thật trong thời cổ đại, các bậc cao tăng đại đức Ấn độ, cũng đi hoằng dương khắp bốn phương tám hướng. Kết quả những nơi khác cũng đều hưng thịnh một thời, về sau không còn nữa, chỉ có ở Trung quốc mọc rễ. Chính là Trung quốc từ xưa đến nay, coi trọng luân lý, coi trọng hiếu đạo, coi trọng sư đạo, nhờ vậy mới có thể mọc rễ.

Ở đây nói: “Linh hướng Phật pháp trung”, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của câu này. Trong cuộc sống hiện thực, khiến hướng vào trong Phật pháp, là khiến hướng vào hiếu thân tôn sư. “Hiển thiếu thủy thiếu hoa”, biểu trưng sự tôn kính, đây là cúng dường. Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương, đây là mười cương lĩnh lớn. Thứ nhất là lễ kính, thứ hai là xưng tán, thứ ba là cúng dường. Biểu hiện sự tôn kính của mình phải có hành động, không thể chỉ nói suông. Nói suông dù nói hay đến mấy, không có biểu hiện hành động, đây không phải thật. Thật nhất định có biểu hiện hành động, đó chính là phụng hiến thân tâm.

“Nước” tượng trưng cho tâm, “hoa” tượng trưng cho thân. Nước tượng trưng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói “thanh tịnh bình đẳng giác”, dùng nước làm biểu trưng. Giác biểu trưng điều gì? Biểu trưng nước bình lặng chiếu soi, chiếu soi

chính là giác. Khi nước sạch sẽ, bình lặng, giống như một tấm gương vậy, những thứ bên ngoài đều soi vào trong đó. Đây gọi là giác, biểu trưng cho giác. Nó không có ô nhiễm biểu trưng sự thanh tịnh, không có dao động biểu trưng cho bình đẳng.

Chúng ta học Phật, thấy ở đây hiện một ít nước, một ngày cúng một ly nước là đủ, sai lầm, ta không hiểu ý nghĩa. Có cần cúng nước chãng? Cần phải cúng, ý nghĩa ở đâu? Dạy chúng ta nhìn thấy nước, tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng, giác. Trong ngoài nhất như, đây mới gọi là chân cúng dường. Chỉ có hình thức, tâm không tương ứng, đó không phải chân cúng dường.

“Hoa” tượng trưng lục độ, thân phải hành lục độ. Cuộc sống một ngày từ sáng đến tối của chúng ta, đối nhân, đối sự, đối vật, phải chãng hoàn toàn phù hợp với Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã, có phù hợp với sáu tiêu chuẩn này chãng? Cúng hoa tượng trưng cho ý này, hoa tượng trưng nhân. Bồ Tát tu nhân của lục độ, mới chứng quả Bồ đề niết bàn. Chúng ta cúng quả, quả tượng trưng Bồ đề niết bàn. Cúng hoa, hoa là nhắc nhở tâm hành của chúng ta phải tương ứng với lục độ.

Bồ thí là buông bỏ, chúng ta đã buông bỏ chưa? Trì giới là tuân thủ pháp luật, chúng ta có làm việc trái pháp chãng. Nhẫn nhục là kiên trì, bất luận việc lớn hay việc nhỏ đều phải nhẫn nại. Tinh tấn là nhất môn thâm nhập, tinh là nói một môn, tấn là tiến bộ.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, mỗi vị Bồ Tát tu một môn, từ một môn kế nhập pháp giới. Trong pháp thế gian, nếu muốn sự nghiệp thành tựu, ta phải kinh doanh một thứ, sẽ thành tựu. Thế gian này, cố nhiên có rất nhiều công ty lớn, sự nghiệp kinh doanh của họ rất nhiều. Quý vị quan sát tường tận, xí nghiệp này của họ có thể duy trì bao lâu? Có không ít kinh doanh mấy năm thì phá sản, có thể duy trì đến suốt đời họ không nhiều, duy trì đến đời thứ hai lại càng hy hữu. Nguyên nhân vì sao? Vì kinh doanh quá nhiều thứ, tinh lực thời gian phân tán, không quan tâm hết mới xảy ra vấn đề. Nếu ta chuyên về một môn, tập trung toàn bộ tinh thần vào một điểm, phát triển theo một phương hướng, mức độ thành công cao, không dễ thất bại. Đối với sự nghiệp của mình, quý vị chọn người kế thừa, khiến người kế thừa có hứng thú với sự nghiệp của mình. Biết công đức lợi ích của sự nghiệp này, lợi ích không chỉ cho riêng mình, nhất định phải nghĩ đến lợi ích của xã hội. Bồ Tát tại gia theo ngành công nghiệp, là vì phục vụ cho xã hội đại chúng, không phải vì lợi ích riêng mình. Đây là người giác ngộ, người này chính là Bồ Tát. Hiện nay chúng ta thấy, cư sĩ Thôi Ngọc Tinh ở Đông bắc là tiêu chuẩn của Bồ Tát. Mở kinh đại thừa ra xem, ông ta hoàn toàn phù hợp, ông vì nước vì dân, ông cũng là đệ tử kiên thành của Phật, y theo giáo huấn của Phật, thật sự thực hành. Lợi

nhuận ông kiếm được là đại chúng xã hội cùng hưởng, thật đáng nể. Có cải thiện cuộc sống của mình chẳng? Không có, chúng ta gọi ông ta là Bồ Tát chính là ở điểm này. Không phải nói bản thân phát tài lớn, cải thiện cuộc sống của mình, ông không có. Cuộc sống của ông rất đơn giản, còn khổ hơn chúng ta, chúng ta ăn ngon hơn, mặc tốt hơn, hưởng thụ môi trường sinh hoạt tốt hơn, nhưng của cải ông hơn chúng ta rất nhiều. Vì sao ông không hưởng thụ? Không có thời gian hưởng thụ, cũng không có đầu óc để hưởng thụ. Ngày ngày nghĩ đến sự hưởng thụ của mọi người, chỉ thấy người khác, không nhìn thấy bản thân, trên thực tế bản thân ông rất an vui. Ông không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước. Ông kinh doanh công xưởng lớn như thế, bốn năm ngàn nhân viên, cuộc sống của ông giống như nhân viên vậy, vì thế nhân viên kính yêu ông, ủng hộ ông chủ này. Mà lợi ích thì toàn thể mọi người cùng hưởng, dư ra thì phân chia cho xã hội. Đây không phải Bồ Tát, thì thế nào mới gọi là Bồ Tát? Tôi nghe ông ta nói mệt đến sanh bệnh, vẫn không ngừng tiếp tục làm việc, ở trong nhà trọ nhỏ, một tối mười nhân dân tệ. Chúng ta nghe rồi không thể không khâm phục, không thể không lay sát đất, người khác không làm được, ông ta làm được.

Lần trước tôi giảng kinh ở HongKong, ông đến HongKong thăm tôi, chúng tôi đặt khách sạn cho ông ta. Khách sạn bình thường cách chỗ chúng tôi ở gần hơn, nhưng không ngừng nói chỗ ở quá tốt, mất quá nhiều tiền. Nói với tôi, ở chỗ nào cũng được, trải tấm nệm dưới đất cũng không sao. Quý vị thử nghĩ xem, lời ông nói là thật, không phải giả. Lần sau đến HongKong, tôi liền trải tấm nệm cho ông nghỉ, mãi nguyện ông ta.

Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, người ta là chân Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Chúng ta chỉ nói suông mà thôi, không thực hành, còn ngày ngày chú trọng việc hưởng thụ, không chịu xả bỏ hưởng thụ. Người ta đã buông bỏ một cách triệt để, thật sự làm được tự tại tùy duyên. Chúng ta ngày nay phan duyên không tự tại, ông ta đạt đến tự tại tùy duyên.

Ở đây ý nghĩa của câu “hiển thiếu thủy thiếu hoa”, chúng ta cần phải hiểu.

“Thoát ly khổ não u đồ”, quý vị thử nghĩ xem, nếu hiểu ý nghĩa này, phải chẳng thoát ly khổ báo của ba đường ác? Dù không cầu vãng sanh, cũng tuyệt đối không đọa ba đường ác, đời sau được phước báo lớn. Nhưng phải nhớ rằng, chỉ sợ khi hưởng phước sanh ra hồ đồ, lại mê muội, sợ nhất là điều này. Người hưởng phước không hồ đồ, trong vạn ức người khó tìm được một người, hưởng phước không hồ đồ quả thật không dễ. Vì nguyên nhân này nhất định phải cầu vãng sanh, mới có thể bảo chúng ta

không đến nỗi đọa lạc. Nếu không cầu vãng sanh, hưởng phước khó tránh không hồ đồ, hồ đồ tạo tội nghiệp liền đọa lạc. Đặc biệt là phước báo lớn, phước báo lớn tạo nghiệp lớn, tạo nghiệp nặng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng tôi giảng đến đây.

**Hết tập 4**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 5****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ nhất, từ dưới đếm lên hàng thứ hai, bắt đầu xem từ đoạn giữa.

“Thị dĩ Địa Tạng từ vương, thiên hướng u minh giới nội, dĩ đồng thể từ bi, kiếp kiếp cứu viện nhi vị nghệ. Thích Ca Văn Phật đặc thăng Đạo lợi thiên trung, báo thánh mẫu ân đức, truân truân phó chúc dĩ tần thân. Linh hướng Phật pháp trung, hiển thiểu thủy thiểu hoa, tịnh thoát u đồ chi khổ”. Hôm qua chúng ta nói đến đây, vì hết giờ nên không thể giảng hết đoạn này. Chúng ta xem tiếp câu dưới: “Tỉ từng đại sĩ tiền, năng nhất chiêm nhất lễ, hàm môn thắng địa chi hoan, công mạt kinh yên, nghĩa phả lượng hỷ”. Đến đây mới là một đoạn.

Trong phần nói rõ về duyên khởi của kinh, đại sư Thanh Liên đưa ra một cương lĩnh chung cho việc tu học. Ở trước có trình bày với quý vị, nếu có thể tu học như lý như pháp, nhất định có thể thoát ly khổ não của đường ác. Nếu có thể khiến công phu mình càng nâng cao hơn, đây chính là đoạn sau cùng.

Chúng ta ở trước Bồ Tát, “một chiêm một lễ”. Trong chiêm lễ hàm nghĩa rất sâu, không phải nói mỗi ngày thấy hình tượng Bồ Tát, đánh lễ mấy lạy, vậy là được phước rồi sao? Điều này chưa hẳn. Phải như thế nào mới đạt được lợi ích thật sự? Đến thánh nhân thế gian đều dạy chúng ta: “trong ngoài nhất như”, như vậy sẽ được lợi ích. Chiêm lễ là bên ngoài, bên ngoài rất lễ độ, rất cung kính, nếu nội tâm không tương ứng, vẫn không đạt được lợi ích.

Như cô nhân phê bình người niệm Phật, người niệm Phật một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, tâm vẫn suy nghĩ lung tung, nói với họ: “hết hư công hòng chỉ uổng công”. Cùng một đạo lý, dù bên ngoài tỏ vẻ rất cung kính Phật Bồ Tát, trong tâm chưa đoạn thị phi nhân ngã, tham sân si mạn. Vậy cũng uổng phí, cũng là điều không trọn vẹn.

Từ thâm nghĩa trong chiêm ngưỡng này, có thể cảm nhận được, giáo huấn của Bồ Tát trong kinh điển đối với chúng ta. Thấy hình tượng Bồ Tát, nghe danh hiệu Bồ Tát, liền nhớ đến đại sự này, lập tức nhớ lại giáo huấn của Bồ Tát, sự chiêm ngưỡng này đã có công đức. Lễ là gì? Lễ là phụng hành. Nhớ lại, cảnh tỉnh lập tức làm theo, đây là lễ. Do đây có thể biết, chiêm là nhắc nhở chúng ta giải môn, lễ là nhắc nhở chúng ta hành môn. Giải hành

tương ưng, thực hành trong cuộc sống hằng ngày mới có thể nhận được hiệu quả.

Quý vị xem, sáng hôm nay vị đồng tu Dallas đưa ra một vấn đề, nói trong pháp hội Phật thất có thể nhiếp tâm, sau khi trở về nhà, tâm lại tán loạn, vọng tưởng tạp niệm lại khởi lên, như vậy nghĩa là sao? Hiện tượng này rất phổ biến, cổ kim đều có. Vì thế người học Phật, học suốt đời đều không thể thành tựu, còn phải đợi đến đời sau, ai không như vậy? Bao gồm chúng ta trong đó. Trong kinh Đức Phật nói không sai, mỗi đồng tu từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đều đang dụng công, đều đang nỗ lực, đều đang tu hành, vô lượng kiếp cho đến hôm nay. Hôm nay chúng ta nghĩ xem, chúng ta thành tựu ở đâu? Nguyên nhân không thể thành tựu là gì? Không buông bỏ, không chịu buông bỏ. Vì sao không chịu buông bỏ? Vì chưa thấu triệt chân tướng sự thật, chưa minh bạch lắm, vẫn mê hoặc trong cảnh giới hư huyền, là nhân tố này tạo thành. Nếu thật sự nhìn thấu những huyền tướng của y chánh trang nghiêm này, những hiện tượng này Phật nói rất hay: “mộng huyền bào ảnh”. Chúng ta nghe cũng rất quen tai, nhưng không bao giờ xem nó là mộng huyền bào ảnh, luôn cho nó là chân thật. Cho nên trong cuộc sống, không làm được tự tại tùy duyên, vẫn là phan duyên. Đây là sống theo vọng tưởng phiền não của mình, chưa xả bỏ điều này. Phật dạy chúng ta buông bỏ là buông bỏ điều này, chúng ta chưa buông bỏ. Sau khi buông bỏ vọng tưởng phiền não, cuộc sống chúng ta nương vào trí tuệ. Nói ra đạo lý này, chúng ta cũng không thể nói không hiểu, chúng ta cũng hiểu, thậm chí bản thân chúng ta cũng biết nói. Vì sao không làm được? Hai nhân tố, thứ nhất tập khí nghiệp chướng của mình quá nặng, khởi hiện hành lúc nào không hay. Thứ hai là đối với chân tướng sự thật này, chưa nhận thức thấu triệt. Có một chút nhận thức, chưa đủ thấu triệt, cho nên vẫn không khởi tác dụng, nguyên nhân là đây.

Cho nên không biết nghĩa thú thậm thâm “nhất chiêm nhất lễ” trong kinh, tưởng rằng bản thân y giáo phụng hành. Tôi thấy hình tượng Phật Bồ Tát, đều cung kính chiêm ngưỡng, đều cung kính lễ bái, hình như tôi đều làm được. Nhưng trong kinh nói nhiều công đức lợi ích như thế, tôi chưa đạt đến, do đó vẫn hoàn nghi. Khởi hoài nghi đối với thánh giáo: trong kinh Phật nói không đáng tin, không phải thật, đại khái đều là khuyên người làm thiện. Người sanh khởi ý niệm này nhiều, từ xưa đến nay rất nhiều, như vậy là sao? Là quan niệm của riêng mình, là cách nghĩ cách làm của mình, suy đoán giáo huấn của Phật Bồ Tát. Người này không có lòng tin đối với thánh giáo, tin vào vọng tưởng, vọng niệm của mình. Trong Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “niềm tin là mẹ của mọi công đức”, không kiến lập tín tâm sao có thể thành tựu được? Nói về vấn đề tín tâm quả thật rất khó.

Tôi xuất gia hai năm mới thọ giới, thọ đại giới xong, việc đầu tiên đương nhiên là trở về Đài Bắc thăm thầy, cảm ơn sự bồi đắp của thầy. Gặp thầy Lý, thầy Lý thấy tôi đến, câu đầu tiên nói với tôi: “Thầy phải tin Phật”. Tôi nghe vậy cảm thấy ngỡ ngàng. Tôi học Phật bảy năm mới xuất gia, vừa xuống tóc là dạy ở Phật học viện, giới Sa Di cũng chưa thọ. Xuống tóc xong, pháp sư Bạch Thánh liền bảo tôi đến dạy học ở học viện Tam Tạng. Tôi vừa xuất gia là bắt đầu giảng kinh, hai năm sau thọ giới, tôi dạy hai năm, giảng hai năm, vậy mà vừa gặp thầy Lý đã nói “thầy phải tin Phật. Tôi cảm thấy rất mù mờ, sao tôi không tin Phật được chứ? Thầy giải thích cho tôi, nói với tôi tin Phật rất khó. Có biết bao nhiêu người, sống bảy tám mươi tuổi, đến chết vẫn chưa tin Phật. Tiêu chuẩn “tin” là gì? Thấu hiểu lý của nó, thực hành sự của nó, mới gọi là tin Phật. Đối với đạo lý Đức Phật dạy, không hiểu thấu đáo, không làm được, vậy là chưa tin Phật. Chúng tôi nghe thế mới hiểu tiêu chuẩn hai chữ “tin Phật” mà thầy nói, nghĩ lại đúng là không dễ.

Về sau tôi giảng kinh nói đến chữ “tín” này, tôi có rất nhiều cách nói. “Mê tín” họ cũng tin Phật, đối với lý luận của Phật không chút thông suốt, nhưng họ vẫn tin, đây gọi là mê tín. Mê lý này, nhưng hình như họ cũng tin, đây là một loại. Loại thứ hai là “cưỡng tín”, tin miễn cưỡng. Loại thứ ba, nhà Phật gọi là “chánh tín”, chánh tín đối với lý luận ít nhiều cũng hiểu một chút. Vì sao tin Phật? Vì ngài có lý luận y cứ. Đối với lý hiểu càng sâu, tín tâm của họ cũng càng sâu, đây thuộc về chánh tín. Thật sự có thể hiểu thấu triệt mà hành trì sự của nó, nỗ lực thực hành, đó gọi là “chân tín”. Thầy Lý nói đến tiêu chuẩn tin Phật là chân tín, thông thường chúng ta nói đến chánh tín đều không bao hàm trong đó, chân tín. Chân tín là y giáo phụng hành. Nói như vậy, chúng ta đã lý giải, tin Phật đúng là không dễ.

Tín tâm đầy đủ trong đời này nhất định có thành tựu, bất luận tu học pháp môn nào, tất nhiên là ví như tu nhân chứng được quả báo. Phạm là y theo kinh luận phương pháp tu hành mà không thể chứng quả, nếu ta nghiên cứu tường tận nhân tố của nó, nhân tố đầu tiên vẫn là tín tâm chưa đầy đủ. Cho thấy tín tâm quả thật không dễ.

Trong Di Đà Kinh Yếu Giải đại sư Ngẫu Ích nói với chúng ta rất tường tận, nếu không chúng ta coi chữ này quá dễ, coi quá đơn giản, lơ là bỏ qua. Không có chân tín không thể có nguyện thiết, nguyện sao phát ra được? Không có nguyện thiết, trong cuộc sống từng li từng tí, không thể tương ưng với giáo huấn của Phật.

Niệm Phật, mọi người chỉ biết niệm một câu “mam mô A Di Đà Phật”, không biết nghĩa sâu, nghĩa rộng của việc niệm Phật. Nghĩa sâu, mặc áo ăn cơm đều niệm Phật A Di Đà, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không có gì không niệm Phật A Di Đà. Vấn đề này, trong các buổi giảng chúng tôi cũng nói rất nhiều. “Niệm” là tâm bây giờ, không phải miệng niệm, tức là

tâm hiện tại của mình, tâm hiện tại của mình hoàn toàn tương ứng với Phật A Di Đà, đây gọi là niệm Phật. Há không phải bao gồm từng li từng tí trong cuộc sống của chúng ta sao? Trong tâm ta thật sự có Phật, ta hoàn toàn tương ứng với tâm Phật, nguyện Phật, hạnh Phật, đây mới gọi là niệm Phật, đây mới gọi là lễ Phật, mới gọi là chiêm Phật.

Thông thường chư vị đồng học, hiểu thấu ý nghĩa này quả thật không nhiều. Tuy đã học Phật, xuất gia nhiều năm, chuyên hoằng pháp lợi sanh, trong tâm vẫn còn thị phi nhân ngã, vẫn còn danh văn lợi dưỡng, vẫn còn tham sân si mạn, vậy sao được? Sự chiêm lễ đó chỉ là hình thức, như diễn kịch vậy, là giả không phải thật.

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian cũng là để biểu diễn, họ biểu diễn rất chân thật, không phải họ diễn giả. Họ đang diễn thật, diễn rất chân thật mới có thể cảm động người khác, diễn cái gì thì giống y như thế, như vậy mới giáo hóa chúng sanh. Không như biểu diễn trên khán đài của thế gian, đó là diễn giả không phải diễn thật. Chúng ta xem diễn viên từ trên khán đài, diễn viên hay nhất, khiến cho người xem thưởng thức, khen ngợi, đó là điều kiện gì? Diễn một cách rất thật, nếu diễn không thật, vừa xem cảm thấy sự giả dối, kịch này không đáng để xem, không thú vị. Họ cố gắng diễn thật chân thật, quan chúng mới có cái để xem.

Nói cho chư vị biết, Chư Phật Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới, diễn một cách chân thật nhất, như vậy mới có thể cảm động tất cả chúng sanh. Chúng sanh phải học tập như vậy, mới đạt được quả báo thù thắng.

Ở đây nói “một chiêm một lễ”, ở trước nói “ít nước ít hoa”, ý nghĩa đều rất sâu sắc.

Ở dưới nói về quả báo. “Hàm mộng thắng địa chi hoan”. Câu này nói rất linh động, rất hoạt bát. “Thắng” là thù thắng, cũng là “thiện báo” mà chúng ta gọi. Cấp bậc thiện báo không giống nhau, hoàn toàn xem tâm lượng, nguyện vọng của mình. Người nhân quang cận, nguyện vọng không lớn, đời sau vẫn được thân người, hưởng phú quý nhân gian là đủ rồi. Có thể đạt được chăng? Có thể đạt được. Y theo giáo huấn của Bồ Tát tu hành là có thể đạt được, nếu chưa muốn xuất ly nhân gian. Có người có nhân quang hơn một chút, phú quý nhân gian không có gì bền chắc, thọ mạng lại không dài. Cõi trời vẫn hơn, họ muốn sanh trên cõi trời để hưởng phước trời, người này thông minh hơn người trước. Phú quý nhân gian chẳng qua chỉ mấy mươi năm mà thôi, rất ngắn ngủi. Hưởng thụ mấy mươi năm này còn phải bị trừ bớt, kinh doanh, tu phước của mình ít nhất cũng phải 30 năm. 30 năm trước ta phải phấn đấu, kinh doanh, như vậy phước báo mới hiện tiền. Từ 30 tuổi hưởng phước, cho dù thọ mạng đến bảy tám mươi tuổi, bất quá ta cũng chỉ hưởng được bốn năm mươi năm, có người thọ mạng ngắn, đến năm sáu mươi tuổi là ra đi. Họ hưởng thụ bao lâu? Hưởng được mười mấy năm mà thôi.

Quan sát tường tận, không đáng, không có ý nghĩa, quá ngắn, cõi trời vẫn tốt hơn. Thọ mạng thiên nhân dài, phước báo lớn, thời gian hưởng phước lâu dài. Nhưng thường thường nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, biết rằng cõi trời không phải cứu cánh, cõi trời cũng phải luân hồi, tuy thời gian dài hơn nhưng cũng đến lúc, thời gian đến thì sao? Vẫn đọa lạc như thường, vẫn luân hồi như thường. Cho nên lục đạo không cứu cánh, lục đạo không phải là nơi tốt đẹp. Nghe nói Phật có cõi nước Phật tha phương, nghe nói có nhất chân pháp giới, ở đó đúng là bất sanh bất diệt. Nghe xong sanh tâm hoan hỷ, phát khởi tâm nguyện lớn, muốn truy đuổi sự vĩnh hằng bất sanh bất diệt, muốn theo đuổi sự vĩnh hằng tự tại an vui, đây mới gọi là phát đại tâm. Nếu phát đại tâm này, Phật liền dạy ta tu đại pháp, chứng đại quả.

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, xưa này chưa từng miễn cưỡng ai. Phật Bồ Tát thị hiện tại thế gian, luôn “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”, đây gọi là gì? Gọi là tùy duyên, Phật không phan duyên, quý vị xem Đức Phật tự tại biết bao. Chúng ta ngày nay, tâm từ bi hơn hẳn Phật Bồ Tát, chúng ta nhất định phải kéo theo chúng sanh, nhanh chóng vãng sanh, không đi không được. Phật không lôi kéo người, chúng ta phải lôi kéo họ, người ta không chịu đi chúng ta sanh phiền não. Phật không kéo người, người ta không đi, Phật không sanh phiền não. Suy nghĩ tường tận, tâm từ bi của chúng ta là gì? Chúng ta là nhiệt tình quá độ, nhiệt tình là phiền não không phải trí tuệ. Phật là trí tuệ, tâm bình thường là trí tuệ. Dùng nhãn quang của chúng sanh để nhìn Phật, ngài rất kiên nhẫn, đời này không được độ, đời sau. Đời sau không được độ, đời sau nữa, cứ từ từ, không hề miễn cưỡng. Ta thử nghĩ xem, đức Phật làm có đúng chăng? Đúng. Vì sao vậy? Không thể miễn cưỡng. Nếu miễn cưỡng có thể thành tựu, Phật cũng sẽ miễn cưỡng, không thể miễn cưỡng.

Như vậy mới lãnh hội được đạo lý tùy duyên, sự thù thắng của tùy duyên. Chúng ta làm là phan duyên, vì thế chúng ta sanh ra là phiền não, không phải trí tuệ. Người ta sanh trí tuệ, không sanh phiền não. Bởi vậy ta phải quan sát tường tận, lãnh hội tường tận, mới biết phương pháp Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Trong kinh nói sự cao minh của “phương tiện thiện xảo”, vượt ra ngoài ý tưởng của chúng ta, là chúng ta cần phải học tập.

Chư Phật Bồ Tát đối với chúng sanh luôn tận tâm tận lực khuyến bảo, chúng sanh nghe hay không không hỏi đến, chúng sanh học hay không cũng không hỏi đến, tâm ngài vĩnh viễn giữ được thanh tịnh. Tận tâm tận lực diễn thuyết, đó là đại từ đại bi hiển lộ, đại trí tuệ hiển lộ, đây là điều chúng ta phải học.

Ở đây nói về “thánh địa chi hoan”, thứ lớp, cảnh giới, vô lượng vô biên. Cũng như nhà Phật nói: “Đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng”. Chỉ cần y giáo phụng hành, nhất định có thể mãn nguyện. Nguyện vọng mình nhỏ thì mãn

nguyện nhỏ, nguyện vọng lớn thì mãi nguyện lớn. Nếu không thể nỗ lực thiết thực tu học, nguyện vọng lớn nhỏ đều không đạt được.

Tôi nhớ trước đây tôi nói điều này, khoảng 30 năm trước, khi giảng Kinh Địa Tạng tại Chùa Pháp Hoa thành phố Đài Bắc, hình như Hòa thượng Quảng Khâm có đến nghe một lần. Trong đó có một vị pháp sư trẻ tuổi, tuổi tác khoảng bằng tôi, bây giờ tôi không nhớ tên. Ông ở trong ngôi nhà tranh nhỏ, mỗi ngày ra ngoài tụng kinh bái sám. Pháp sư này hiện nay không còn. Nghe tôi giảng Kinh Địa tạng đến chỗ có câu tát úng, tôi giảng xong ông đến nói với tôi: điều này không đáng tin. Tôi hỏi vì sao không đáng tin? Ông nói, tôi ngày ngày lạy Bồ Tát Địa Tạng, lạy suốt ba năm cầu có một cái tủ lạnh mà không được. Tôi nghe thế liền bật cười, tôi nói chùa thầy có bao nhiêu người? Một người. Hèn gì Bồ Tát không tặng cho thầy là đúng rồi, không cần thiết mà. Nếu đạo tràng thầy đông người, Bồ Tát nhất định giúp thầy mãn nguyện. Thầy chỉ có một mình, thường ra tụng kinh bái sám, rất ít khi ở nhà ăn cơm, hà tất dùng đến tủ lạnh?

Phật Bồ Tát tặng đồ vật cho ta, cũng xem có cần thiết chẳng, không thật sự cần thiết ngài sẽ không cho, tuyệt đối không tăng trưởng tham sân si của ta. Nếu tăng trưởng tham sân si của ta, đó không phải Phật Bồ Tát, mà là ma hiện. Ta cảm ứng đạo giao với ma, ma cũng có câu tát úng. Nhưng úng của ma làm ta tăng trưởng phiền não, tăng trưởng tham sân si mạn. Phật Bồ Tát giúp ta, tuyệt đối không làm ta tăng trưởng phiền não, mà giúp ta tăng trưởng trí tuệ, đây là điểm khác nhau giữa Phật và Bồ Tát.

Ma cũng có thần thông, ma cũng có đạo lực, ma cũng có phước báo rất lớn, họ cũng có thể gia trì người, cũng có thể bảo hộ người, nhưng kết quả sau cùng không giống nhau. Phật gia trì là thắng địa hoan hỷ, ma gia trì ta đến sau cùng đều khiến ta đọa lạc, vì thế kết quả không giống nhau.

Hai câu bên dưới là khen ngợi: “Công mạc kinh yên”. Kinh là lớn, công đức quả lớn. Nghĩa vô lượng vô biên, ý nghĩa sâu rộng vô lượng. Đoạn này nói Thế Tôn khởi động nhân duyên của pháp hội Địa Tạng, chỉ nói đến đây.

Tiếp theo là nói nhân duyên pháp sư chú giải kinh. “Kiệt tuy sanh mạng vận”, chữ này hiện nay là thừa của đại tiểu thừa, đây là cách viết ngày xưa, hiện nay không dùng cách viết ngày xưa, đây là một chữ, một ý nghĩa. Pháp danh của pháp sư là Linh Kiệt. “Tuy sanh mạng vận”, ngài là người thời Khang Hy nhà Thanh, đây là vào thời kỳ mạng pháp của Phật. Tuy sanh vào thời kỳ mạng pháp, “vận” là pháp vận, thời kỳ mạng pháp trong pháp vận. “Hạnh ngộ chân thừa”, bản thân may mắn có nhân duyên phước đức, gặp được Phật pháp hy hữu khó gặp. Trong “chân thừa”, đặc biệt chỉ bộ Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện này. Đây là pháp căn bản trong pháp đại thừa, cơ sở chân thật trong pháp môn đại thừa, ngài đã gặp được. Chúng ta có gặp được chẳng? Không nhất định, gặp được không nhận thức được nó đồng

nghĩa như không gặp. Cách nói gặp được cũng có thâm nghĩa của nó, gặp nhưng không tin, tin mà không hiểu, hiểu mà không hành, hành không có kết quả, đều đồng nghĩa như không gặp. Thật sự nói gặp được, bốn chữ tín- giải- hành- chúng đều phải viên mãn, vậy mới đúng là gặp được, đúng đã đạt được thọ dụng. Pháp đại thừa đích thực vô cùng thù thắng. Chư vị tổ sư đại đức, trong đó rất nhiều đều là Chư Phật Như Lai ứng hóa mà đến. Vì chúng sanh kiến lập Phật pháp, kiến lập đạo tràng, dựng pháp tràng, hóa độ chúng sanh căn tánh thuần thực ở đây. Đây là phước báo của chúng sanh vùng này, người ở đây thiện căn phước đức nhân duyên thuần thực, mới có hiện tượng này.

Họ xem tứ đại Bồ Tát, như một ngôi nhà có bốn cây trụ, hiển thị dạy học của Phật pháp đại thừa. Bốn cây trụ này chính là tứ đại danh sơn của Trung quốc, tứ đại Bồ Tát, dạy chúng ta tu học Phật pháp đại thừa như thế nào. Thứ nhất là Bồ Tát Địa Tạng. “Địa” ở sau phần giải thích đề kinh sẽ nói tường tận rõ ràng với quý vị, “địa” tượng trưng cho đại địa, “tạng” gọi là bảo tạng. Tất cả chúng sanh không thể sống lia mặt đất, đều phải nương vào đại địa, dựa vào đại địa. Đức Phật đem ý này ví với tâm địa, Chư Phật Như Lai và tất cả chúng sanh cùng một tâm địa. Tâm địa cũng xưng là tự tánh, chân như bản tánh, cùng một tâm địa, ở trước đều đã nói với quý vị điều này. Kiến lập của Phật pháp đại thừa, là kiến lập trên nền tảng của tâm địa. Tâm địa chúng ta có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, tất cả đều là vô lượng, nó vốn đầy đủ trong tự tánh mình, không phải từ bên ngoài vào.

Như trong đại địa hàm chứa kim ngân thất bảo, bảo tạng, chôn vùi dưới lòng đất. Tuy có chúng ta không dùng được nó, chưa khai thác. Chư Phật Bồ Tát đã khai thác, đạt được thọ dụng. Phạm phu chúng ta tuy có, chưa khai thác ra. Luận về gia sản chúng ta bình đẳng, luận thọ dụng tuyệt đối không bình đẳng, giống như tình huống này vậy.

Đức Phật dạy chúng ta làm sao khai phát bảo tạng của tự tánh? Trong Kinh Địa Tạng dạy chúng ta, Kinh Địa Tạng dạy hiểu, dạy kính. Chúng ta phải biết hiểu kính là tánh đức, tự tánh vốn đầy đủ thiện đức. Khai phát tự tánh bảo tạng, nhất định phải dùng tánh đức, nó mới có thể tương ứng. Các phương pháp khác, không thể nào khai phát bảo tạng của tự tánh.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện là hiệu kinh của Phật giáo, nội dung của nó dạy chúng ta hiểu thân tôn sư. Mà chư Phật Bồ Tát còn biểu diễn cho chúng ta thấy, thành tựu vô thượng bồ đề, chứng được quả Phật viên mãn, là như thế nào? Hiểu kính làm đến viên mãn sẽ thành Phật. Rất siêng năng rất nỗ lực thực hiện hiểu kính, chưa viên mãn, đây gọi là Bồ Tát. Chúng ta biết, Bồ Tát là một người con hiếu thuận, là một học sinh biết tôn sư trọng đạo, đây là Bồ Tát. Từ điểm này, chúng ta hiểu được Bồ Tát nghĩa là gì, ta đã minh bạch.

Sự tu học trong Phật pháp đại thừa, phải lấy “Địa Tạng” làm nền tảng, làm căn bản. Từ căn bản này tăng trưởng lên, phát triển rộng rãi, đây là pháp môn Quan Âm. “Quan Âm” tượng trưng đại từ đại bi. Đại từ đại bi, ngày nay người thế gian gọi là đại ái, bác ái. Hai chữ “bác ái” này xuất phát từ Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ phiên dịch từ 2000 năm trước, mở rộng hiểu kính chính là từ bi. Chúng ta biết hiếu thuận cha mẹ mình, tôn kính thầy mình. Mở rộng hiểu kính có thể hiểu kính tất cả chúng sanh, tôn kính tất cả chúng sanh, đây là pháp môn của Bồ Tát Quan Âm. Chúng ta niệm Bồ Tát Quan Âm, chúng ta chiêm lễ Bồ Tát Quan Âm, có thực tiễn pháp môn Bồ Tát Quan Âm chăng? Không có, vì thế dù đánh lễ Bồ Tát Quan Âm như thế nào cũng không linh. Có người lễ bái Bồ Tát Quan Âm đạt được cảm ứng, quý vị nói nó linh chăng? Nếu linh thật, thì mỗi người lễ lạy đều linh mới đúng. Cầu Bồ Tát Quan Âm gia hộ ta thắng quan phát tài, ta mua vé số trúng thưởng. Mỗi người lễ bái Bồ Tát Quan Âm, mỗi người đều trúng thưởng, Bồ Tát Quan Âm linh. Còn có những người không trúng thưởng, Bồ Tát Quan Âm không linh. Trong quan niệm người thế gian đều nghĩ sai, đây gọi là mê tín. Hiểu sai ý nghĩa của Phật pháp, hiểu lệch lạc ý nghĩa của Phật pháp. Phật Bồ Tát không phải quỷ thần, không thể gia hộ người. Phật Bồ Tát là dạy người, dạy chúng ta, bản thân mình phải thực hành. Ta có thể kính yêu tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh sẽ kính yêu ta. Ta biết kính người, người luôn kính trọng. Ta dùng thành ý tôn kính người khác, đương nhiên người ta tôn kính ta. Ta chịu giúp người khác, người khác cũng chịu giúp ta. Đây là ý nghĩa thật sự của Bồ Tát Quan Âm đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn.

Chúng ta có tai nạn, hy vọng người khác đến cứu ta, Bồ Tát đến cứu chúng ta. Họ có tai nạn, ta ở đó nhìn thấy như như bất động, thấy cũng giống như không nhìn thấy, như vậy sao có thể được quả báo. Đây là hành vi của chúng ta, thái độ của chúng ta. Đến khi ta có nạn, lâm thời ôm chân Phật, cầu Bồ Tát Quan Âm gia hộ cho ta. Còn phát nguyện trước Bồ Tát Quan Âm, xin ngài gia hộ cho con, tương lai con sẽ báo đáp cho ngài như thế nào, ra điều kiện với Bồ Tát, làm việc hồi lộ, coi Bồ Tát như hàng tham quan ô lại. Không biết thái độ này, đã gây ra tội nghiệp rất nặng.

Bồ Tát Quan Âm tượng trưng từ bi của tự tánh, là muốn ta đem từ bi này yêu thương tất cả chúng sanh khổ nạn. Ý nghĩa vốn có là như vậy, ta xem nó hoàn toàn ngược lại, đây là sai lầm.

Cho nên chúng ta hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, kính trọng tướng bói, sẽ được Bồ Tát Địa Tạng gia trì.

Ta có thể quan tâm xã hội, yêu thương đại chúng, tận tâm tận lực giúp người khác, đặc biệt là người có khổ nạn, sẽ được Bồ Tát Quan Thế Âm gia trì. Ta không cúng dường Bồ Tát Quan Thế Âm, không lạy Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Quan Âm cũng gia trì ta. Vì sao vậy? Vì tâm nguyện, hành vi của ta

giống như Bồ Tát. Trong nhà Phật, chư vị phải nhớ rằng, không trọng hình thức mà trọng thực chất. Hình thức chỉ vì tuyên truyền, thực chất mới có thể đạt được lợi ích chân thật, không thể không hiểu điều này.

Bồ Tát Văn Thù tượng trưng trí tuệ, người bây giờ gọi là lý tánh, tuyệt đối không phải xử sự theo cảm tình. Cho nên nói hiệu kính của ta, từ bi của ta, ta quan tâm đến xã hội đại chúng, yêu thương hiệp trợ là lý tánh, không phải cảm tình. Trong cảm tình là gì? Có tốt xấu. Tôi thích bạn, tôi giúp bạn. Tôi không thích bạn, tôi không giúp bạn, cảm tình. Lý trí không có tốt xấu, anh gặp khó khăn, anh là kẻ địch của tôi, là kẻ thù của tôi, tôi cũng giúp anh, giúp một cách bình đẳng. Anh có khó khăn, có nỗi khổ. Trong lý tánh không có thị phi nhân ngã, không có ân oán, không có bỉ thử, Bồ Tát Văn Thù tượng trưng điều này. Đây gọi là trí tuệ chân thật, là tâm thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền.

Bồ Tát Phổ Hiền tượng trưng cho việc thực hành, chính là ở trước nói về hiệu kính của Địa Tạng, từ bi của Quan Âm, lý tánh của Văn Thù. Hoàn toàn thực hành trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thực hành trong công việc của mình, thực hành trong giao tế hằng ngày, xử sự đối nhân tiếp vật, tất cả đều làm được. Phổ Hiền là một nhà thực hành.

Tứ đại Bồ Tát này tượng trưng dạy học của Phật pháp đại thừa, tượng trưng tu dưỡng của Phật pháp đại thừa, chúng ta cần phải hiểu. Phật pháp là dạy học, Phật pháp là giáo dục không phải Tôn giáo, chúng ta cần phải nhận thức phân minh.

Ở đây pháp sư tự thuật, ngài sanh vào thời mạt pháp, chúng ta cũng sanh vào thời mạt pháp. Tuy đều sanh vào thời mạt pháp, thời đại chúng ta cách gần 300 năm. Xã hội 300 năm trước khác với xã hội hôm nay, lúc đó thái bình thịnh thế, trong lịch sử Trung quốc cũng đáng được tán thán, thời kỳ thịnh nhất thời nhà Thanh. Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, ba triều đại này tổng cộng hơn 100 năm, đúng là thiên hạ thái bình, xã hội an định, nhân dân an lạc, rất nhiều hiền nhân. Nói cách khác, cơ hội tiếp thu giáo dục của họ thù thắng hơn chúng ta, cao tăng đại đức lúc nào cũng có thể gặp được. Chúng ta ngày nay sanh trong thời loạn, không những là thời loạn, có thể nói là thời đại loạn. Không có ai nói về luân lý đạo đức, đôi lúc chúng ta nhắc đến còn bị rất nhiều phê bình chỉ trích, nói chúng ta lạc hậu không theo kịp thời đại. Ta nghĩ lại lời này cũng không sai, chúng ta lạc hậu, thời đại đã đi đến đâu? Đi đến bên lề của sự hủy diệt, đi vào trong cảnh giới phong cuồng. Nghĩ lại sự lạc hậu của chúng ta chưa chắc không phải việc tốt. Nếu như trong kinh nói, đi đến “thắng địa”, chúng ta lạc hậu là sai. Trong thời đại này, may mà chúng ta lạc hậu, nếu không lạc hậu sẽ theo họ nhảy nhót điên cuồng trong phòng nhảy, ngày đêm không nghỉ, làm những điều này. Sau khi vui tột cùng quả báo trong đường ác, cũng may là lạc hậu. Bản thân chúng ta

cũng khẳng định mình lạc hậu, nhưng đứng trên một phương diện khác, chúng ta đang tinh tấn. Về mặt trí tuệ, đức hạnh, chúng ta không lạc hậu. Về phương diện tự tư tự lợi, tranh quyền đoạt lợi, tham sân si mạn, đối với những vấn đề này đúng là chúng ta rất lạc hậu. Lạc hậu có gì không tốt đâu? Về mặt mà chúng ta tinh tấn họ cũng lạc hậu, mặt mà họ tinh tấn chúng ta lạc hậu, so sánh hai bên, tâm ta cũng đạt được chút an ủi. Trong thời mạt pháp, chúng ta “may mắn gặp chân thừa”, may mắn của chúng ta khó được hơn họ nhiều. Trong thời đại như thế, chúng ta cũng gặp được bộ kinh điển này, điều khó được là gặp được chú giải của ngài. Nói thật, nếu ngài không chú thích tường tận tỉ mỉ như vậy, chúng ta đọc không hiểu Kinh Địa Tạng. Làm sao hiểu được trong kinh văn bao hàm nhiều ý nghĩa đến thế? Pháp sư Thanh Liên, chẳng lẽ lại không phải Phật Bồ Tát hóa thân ứng hiện sao? Kinh Địa Tạng lưu truyền lâu như vậy, xưa nay chưa có ai làm chú giải. Cũng có thể có người viết chú giải, nhưng bị thất truyền, không lưu truyền. Hiện nay trong Đại Tạng Kinh, chú giải của cổ nhân chỉ còn một loại này, không thấy loại thứ hai. Chúng ta nhìn từ đây, nhìn từ nội dung của chú giải này, nếu ngài không phải Chư Phật Như Lai tái sanh, cũng là hàng Bồ Tát như Quan Âm, Địa Tạng, đâu phải người bình thường? Người bình thường làm sao nói được như vậy? Trong bài tựa này lời giản dị ý sâu xa, văn tự không nhiều nhưng nói một cách rất thấu triệt, tầng lớp rõ ràng thấu đáo, không phải phàm phu có thể làm được. Hôm nay chúng ta gặp được chân thừa, là chú giải này, Khoa chú.

Ở sau ngài nói vài câu khách sáo: “Duật sùng tùy hỷ chi tâm, dùng tác tân lương chi địa, liêu thân quản kiến, lược thích đề danh”, đây là lời khách sáo của ngài.

“Duật sùng tùy hỷ chi tâm”. Thuận theo tâm ứng hóa tùy duyên độ sanh của Chư Phật Bồ Tát, tùy thuận tâm nguyện giáo hóa chúng sanh của Phật Bồ Tát. “Dùng tác tân lương chi địa”, đây là nói ngài viết chú giải này, giúp chúng ta mở ra một con đường tắt, bắc một chiếc cầu. Khiến hàng bạc địa phàm phu chúng ta, nhờ chiếc cầu của ngài, nhờ con đường tắt này của ngài để đi đến đại thừa. “Liêu thân quản kiến”, quản kiến là thành ngữ ngày xưa, “dùng võ sờ lưng nước biển”. Ông dẫn rất nhỏ, nhìn đồ vật qua ông dẫn, phạm vi đó nhìn rất nhỏ bé, đây là khiêm tốn. Bản thân đối với biển rộng Phật pháp chỉ biết được đôi chút, đây là lời khách sáo, lời nói khiêm tốn. Giải thích bộ đại kinh này cho chúng ta, chú giải này là chỗ tinh nghĩa mà ngài lãnh hội được, nói ra cho chúng ta, làm người hướng dẫn cho chúng ta. Nói như hiện nay, làm hướng dẫn viên du lịch cho chúng ta, du lịch cảnh giới của pháp môn Địa Tạng. Ở trong kinh chúng ta không nhận ra, ngài giảng giải cho chúng ta.

Bên dưới là “lược thích đề danh”, ngài là con cháu của Thiên thai tông, cho nên dùng quy củ của Thiên thai để giải thích, ngũ trùng huyền nghĩa.

“Ký Tam bảo chi minh gia, tổng chư văn nhi dung quán”. Đoạn văn chương ở trước của ngài mệnh danh là luận quán, nội dung luận quán là đem tinh nghĩa của toàn kinh làm giới thiệu toàn thể. Trong đó bao gồm ngũ trùng huyền nghĩa, còn phong phú hơn cả ngũ trùng huyền nghĩa, vì thế luận quán không dễ viết. Nếu đối với bộ kinh này, không triệt để quán thông thì không thể làm được. Ngũ trùng huyền nghĩa, chúng ta y theo kết cấu này có thể bù đắp, luận quán thì không thể. Đây chính là “tổng chư văn nhi dung quán”.

“Phổ nguyện kiến văn, đồng thú lạc độ vân nhĩ”. “Phổ nguyện kiến văn” là đương thời đời sau, trong đó bao gồm chúng ta hiện tại. Chúng ta thấy được Khoa Chú, chúng ta cũng nghe được Khoa Chú, câu sau cùng là nguyện vọng của pháp sư Thanh Liên, chúng ta “đồng thú lạc độ”. Hai chữ “lạc độ” này rất thâm sâu, ý nghĩa cũng rất linh hoạt, cùng một ý với câu ở trước ngài nói “hàm môn thắng địa chi hoan”, trước sau phối hợp.

Niềm vui phải nâng cao lên, không thể rơi xuống. Nếu thích sanh lên cõi trời, chắc chắn được sanh lên cõi trời. Kinh này Thế Tôn, Bồ Tát thường khuyên chúng sanh sanh lên cõi trời, vì bộ kinh này là nói với hàng sơ học. Đến khi nào mới dạy ta vượt thoát lục đạo, vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới? Đến Bồ Tát Phổ Hiền, đến Văn Thù, Phổ Hiền mới nâng ta đến phương diện cao nhất. Tông môn nói: “hướng lên một bậc”, nâng lên chỗ cao nhất. Ở đây là giúp kéo ta lên, tuyệt đối không đọa ba đường ác. Đây là bước thứ nhất Phật hóa độ chúng sanh, khiến ta đứng vững không đọa vào ba đường ác, sau đó mới từ từ đưa ta nâng cao lên.

Mấy chữ này của ngài tượng trưng ý này, rất linh hoạt. Bên dưới là ngũ trùng huyền nghĩa của Thiên thai tông. Tự thuật nhân duyên chú kinh của ngài nói đến đây, trong này tổng cộng chỉ một hàng, chưa đến một hàng rưỡi.

Chúng ta đọc sơ lược qua đoạn văn bên dưới, ngũ trùng huyền nghĩa chúng ta không cần nói y theo văn của ngài, nếu nói theo văn của ngài sẽ trở thành nói chú giải. Đoạn ở trước nhất định phải nói, điều này rất khó được, rất hy hữu. Là người học Phật chúng ta, đặc biệt là người giảng kinh thuyết pháp không thể không biết.

“Ngũ trùng huyền nghĩa” là một quy củ của đại sư Thiên Thai, đại sư Trí Giả cuối nhà Tùy đầu nhà Đường dùng để giải thích tất cả kinh luận, ngài có phương thức đặc biệt của ngài. Trước khi chưa giảng kinh, dùng năm khoa mục đề giới thiệu đại ý toàn kinh. Đây gọi là ngũ trùng huyền nghĩa, nghĩa lý huyền diệu.

Thứ nhất- ở đây là hàng thứ tư, chư vị thấy chữ thứ hai. “Nhất thích danh, nhị biện thể, tam minh tông, tứ luận dụng, ngũ phán giáo tướng”. Đại sư Trí Giả dùng năm phương thức này, giới thiệu nghĩa lý toàn kinh. Trước

khi vào giảng kinh, giới thiệu đại ý toàn kinh. Có hai ý. Ý thứ nhất, đối với hàng sơ học mà nói, kinh văn rất dài, cần thời gian giảng giải, mất rất nhiều thời gian. Họ không hiểu nghĩa thú của kinh điển, rất khó phát sanh hứng thú. Đặc biệt là đại kinh rất dài phải giảng rất lâu, họ sẽ không có nhẫn nại, không muốn đến nghe. Vì thế giới thiệu đại ý toàn kinh trước, họ nghe xong cảm thấy kinh này có nhiều lợi ích như vậy, thù thắng như vậy. Khiến cho họ phát tâm, nghe viên mãn kinh này, học tập viên mãn, chính là ý này, là nguyên nhân nói đại ý trước.

Ý thứ hai là đối với người tu lâu năm, người tu lâu năm không cần nghe kinh, họ đã nghe kinh biết bao nhiêu lần, nghe thêm làm gì. Họ chuyên tâm tu pháp môn của mình, họ thích nghe huyền nghĩa. “Huyền nghĩa” là gì? Là báo cáo tâm đắc của người giảng kinh. Có thể từ trong lần diễn giảng này, biết được trình độ thâm nhập Phật pháp của họ, rất đáng cho người tu hành lâu năm làm tham khảo. Công phu tu trì, kiến giải, trí tuệ của họ đều biểu đạt trong đoạn này. Bởi thế người tu hành lâu năm thích nghe huyền nghĩa, không thích nghe giảng kinh. Giảng kinh y theo kinh văn, quý vị nói được, họ cũng nói được, họ muốn nghe thử tâm đắc của quý vị.

Ngày xưa pháp sư giảng kinh, trước khi giảng kinh văn đều có cách nói này, nhưng mỗi người có một phương thức khác nhau. Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, có khoảng mười mấy phương thức, mỗi người có thể theo phương thức của mình. Thiên thai dùng năm cương mục này để giải thích. Hiền Thủ nhiều hơn, Hiền Thủ dùng mười điều, mười cương mục, Hoa Nghiêm tông “thập môn khai khởi”. Cũng có dùng đơn giản, cũng có dùng phức tạp, các pháp sư ngày xưa đều dùng không tương đồng. Nhưng đến sau cùng, khoảng giữa thời nhà Đường trở về sau, phương thức phương pháp của các pháp sư đều bị đào thải, không ai áp dụng. Chỉ có Hiền Thủ và Thiên Thai còn lưu lại.

Đây là trải qua sự đào thải của lịch sử, chứng minh phương thức của hai tông này hay, cho nên được hậu nhân áp dụng. Bất luận là chú kinh hay giảng kinh đều tuân theo quy củ này, đặc biệt là Thiên thai tông, những năm gần đây còn được hoan nghênh hơn cả Hiền Thủ. Vì sao vậy? Vì Hiền Thủ quá rắc rối, Thiên Thai năm điều này đơn giản, mười điều quá phiền phức. Đến thời đại hiện nay, nói cho chư vị biết, ngũ trùng huyền nghĩa cũng không được ưa chuộng. Vì sao vậy? Vì người bây giờ thấy năm điều đã là quá nhiều, quá phiền phức.

Cư sĩ Lý Bình Nam, năm đó mở lớp dạy học, dạy chúng tôi giảng kinh. Nói với chúng tôi ngũ trùng huyền nghĩa, thập môn khai khởi, chúng ta không thể không hiểu. Nếu không hiểu không thể coi là người giảng kinh, ta phải hiểu, nhưng có dùng được chăng? Không dùng được. Người bây giờ quý vị nói năm điều này, sẽ khiến người ta đi hết, không ai nghe, vậy phải

làm sao? Hiện nay giảng kinh tốt nhất là giảng một thứ, nhân duyên giảng kinh, nói rõ vì sao chúng ta giảng bộ kinh này, sau đó trực tiếp giảng đề kinh. Giảng hết đề kinh liền giảng “tôi nghe như vậy”, trực tiếp dứt khoát, người bây giờ thích nghe nhất.

Đi vào thời đại công nghiệp, mọi người công việc bận rộn, tranh thủ từng giờ từng phút, làm gì có thời gian đến nghe quý vị nói chuyện phiếm? Chúng ta phải hiểu căn cơ của người hiện đại. Phật pháp chú trọng “khế lý khế cơ”, tuy ta diễn dịch như pháp, nhưng không hiểu được căn tánh của người hiện đại, kết quả vẫn thất bại, nhất định phải hiểu người thời nay họ cần gì. Do đó chú giải của cổ đức, chỉ cung cấp chúng ta làm tham khảo, tuyệt đối không được áp dụng nó. Nếu ta áp dụng hoàn toàn của cổ nhân, tuyệt đối không thông suốt, giảng kinh nhất định thất bại, đây là nguyên tắc ta cần phải nhớ.

Lần này chúng tôi diễn giảng cũng dùng ngũ huyền làm cương lĩnh, giải thích của chúng tôi cố gắng đơn giản rõ ràng, tiết kiệm thời gian. Khiến mọi người từ đây cũng có thể nhận ra tinh nghĩa của bộ kinh này.

Trong chú giải, pháp sư Thanh Liên có một vài kiến giải vô cùng độc đáo, phát huy thù thắng, chúng ta cũng có thể đọc nghe thử. Không ít điều vẫn rất đáng để ngày nay chúng ta học tập, những chỗ này chúng ta có thể nói tường tận. Những điều hiện nay chúng ta không cần, không dễ lý giải, không thích hợp với hoàn cảnh xã hội hiện tại, môi trường sinh hoạt, hình thái ý thức, chúng ta lược bớt. Cũng may chú giải còn, nếu chư vị muốn thâm nhập, có thể y theo nguyên trước tu học.

Trong huyền nghĩa, quả thật pháp sư có nhiều kiến giải rất cao minh, trong huyền nghĩa của cổ đức rất ít thấy. Ngài lấy lý niệm “không thể nghĩ bàn” làm y cứ, y cứ Thế Tôn diễn thuyết pháp môn này, không thể nghĩ bàn này. Khó lắm.

Chúng ta nghĩ xem, Thế Tôn nói Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, còn mệnh danh là Kinh Đại Bát Tư Nghì, Kinh Duy Ma xưa nay mệnh danh là Kinh Tiểu Bát Tư Nghì. Pháp sư Thanh Liên đối với Kinh Địa Tạng cũng dùng bát tư nghì làm tiêu chuẩn. Há chẳng phải đem kinh này và Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kinh Duy Ma kéo thành một đường thẳng ư? Cách nhìn cách nói của ngài có đạo lý chăng? Có đạo lý, không phải nói tùy tiện, từ đâu nhận ra? Chúng ta thấy trong Phẩm Tập Hội, Phẩm Đạo Lợi Thiên Cung Tập Hội. Những người tham dự pháp hội, là tất cả Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát khắp tận hư không biến pháp giới và Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quả thật không hai không khác. Hoa Nghiêm gọi là “nhất thừa liễu nghĩa”, chẳng lẽ kinh này không phải nhất thừa liễu nghĩa? Quan điểm của ngài có căn cứ, không phải nói tùy tiện. Do đó ngài lấy đề là “nhân pháp bát tư nghì làm danh”. Trong huyền nghĩa nói như vậy.

Trong biện thể lấy “tánh thức bất tư nghi làm thể”. Về phương diện luận dụng, trong năm điều này ngài đều thêm vào bất tư nghi, lấy “hạnh nguyện bất tư nghi làm tông”. Cách nói này quả thật chúng ta rất ít gặp, rất ít nghe. Tư duy quan sát tường tận, có đạo lý, cũng khiến chúng ta lãnh hội được pháp sư không phải người thường, người thường không thấy sâu sắc như vậy, không thấy rộng như thế. Nói ngài là Phật Bồ Tát tái sanh tuyệt đối không quá đáng.

Đại sư Thiên thai, nguồn gốc của năm hạng mục này, nó có thứ lớp, ở đây có nói cho chúng ta biết, chúng ta đọc một lượt đoạn văn này. Trang thứ hai, hàng thứ tư, đọc từ ở giữa.

“Sở dĩ ngũ trùng dự thích giả”, dự thích là giải thích trước, trước khi giảng kinh văn nói về đại ý trước. “Dĩ thị kinh trung, u huyền chi nghĩa, linh nhân nhất lãm, tức năng toàn danh”, vừa xem đã biết tên của nó. “Thức sở toàn thể”, nhận ra tánh chất của kinh này, thể là tánh chất. “Dục hiển thử thể, tu minh tông yếu”, tông yếu là phương pháp tu hành. “Tông thành thể hiển, diệu dụng đặc lực”, đây là nói đến luận dụng, học kinh điển này có lợi ích gì. “Nhiên hậu phán thuộc, thời vị bộ giáo, tắc nghĩa chỉ lãnh nhiên, chiêu hồ tâm mục, thí chi nghĩ quán sơn hải, tiên duyệt đồ kinh, vị xuất môn đình, nhi tình cảnh uyển tại hỷ”. Mấy câu này ngài nói rõ, vì sao đại sư Trí Giả dùng năm phương thức này để nói đại ý trong kinh.

Đề là tổng cương của một bộ kinh, giống như đề mục của một bài văn vậy. Ta nhìn đề mục, liền có khái lược về đại ý của bài văn này, biết nó nói về điều gì. Vì thế nói một bài văn phải nói đề mục trước, giảng một bộ kinh cũng phải giảng đề kinh trước, nghĩa là đem cương lĩnh chung của toàn kinh trình bày trước. Tiếp đến là những lý luận nói trong kinh, Đức Phật căn cứ vào đâu để nói bộ kinh này. Cũng có thể gọi là biện thể, thể chính là y cứ luận lý của kinh điển. Nếu y cứ lý luận của nó không đáng tin, chúng ta rất khó tin. Lý luận y cứ của nó thiết thực, mức độ tin cậy tăng cao.

Biện thể, dùng cách nói như hiện nay, chính là y cứ luận lý Phật nói bộ kinh này là gì? Chúng ta hiểu rõ, mới có thể kiến lập tín tâm. Chúng ta đã tin, lý cũng hiểu, nhưng chúng ta phải làm như thế nào? Hiện nay nói là thực hành ra sao? Biến nó thành cuộc sống của chúng ta, như vậy mới đem lại lợi ích. Nếu không thể biến thành cuộc sống, há chẳng phải gọi là huyền đàm ư? Huyền đàm là nói suông, không thiết thực, không có lợi ích cho cuộc sống hiện thực của chúng ta, người bây giờ rất hiện thực.

Người xưa, thời đại nông nghiệp cuộc sống nhàn hạ, họ có thể có những điều vui thích, có thể tự do tự tại. Người thời nay không có, làm gì có thời gian rảnh rỗi? Cho nên so với người xưa rất hiện thực, những lời nói suông này rất ít người thương thức. Do đó nhất định phải thực hành nó, thực hành chính là “minh tông”, minh tông là nói phương pháp tu học. Phương pháp tu

học là đem những lý luận này thực hành trong cuộc sống. Sau khi thực hành, làm theo luận lý phương pháp này, có những ưu điểm gì, có những lợi ích gì. Đây là đoạn thứ tư “luận dụng”, dụng là thọ dụng, tu học theo phương pháp này được những thọ dụng gì. Chúng ta nghe nói có những thọ dụng tốt đẹp, như vậy mới chịu học.

Điều sau cùng, thực tế mà nói bây giờ không dùng đến “phán giáo tướng”, phán giáo tướng khi nào dùng? Trong Phật học viện dùng. Chính là bộ kinh điển này, khoa mục này, Phật học viện có năm một, năm hai, năm ba, nên xếp vào năm thứ mấy, lớp nào, giống như hiện nay nhà trường sắp xếp chương trình vậy, đây gọi là phán giáo tướng. Phần này đối với người bình thường, không cần nói đến, họ không hiểu. Nhưng chúng ta phải hiểu rõ, trong Phật pháp đại thừa, đây là Phật pháp cơ sở, nói cách khác, đây là “khoa mục chung”. Bất luận ta tu học pháp môn nào, tông phái nào, Hiền giáo Mật giáo, Tông môn giáo môn, nếu không biết hiểu thân, không biết tôn sư, sự tu học của mình không có nền tảng, không có cơ sở, như vậy không thể thành tựu. Kinh này là khóa trình cơ bản của đại thừa, là khoa mục chung, khoa mục không thể thiếu. Đây chính là giáo tướng, là giáo tướng thông đồ.

Bây giờ chúng ta theo thứ tự này xem đề kinh trước, nó lấy nhân pháp không thể nghĩ bàn lập đề. Lập đề kinh Phật có quy củ, lập đề kinh Phật không phải tùy tiện, nó có một nguyên tắc, nguyên tắc này không ngoài ba cương lĩnh “nhân, pháp, dụ”.

Có một số kinh dùng “nhân” làm đề mục, chẳng hạn Kinh Phật Thuyết A Di Đà, trong đề mục này là người. “Phật thuyết”, Phật đó là Phật Thích Ca, “Phật A Di Đà” là Phật của thế giới tây phương Cực Lạc, cả hai đều là người, đề kinh này là lấy người lập đề.

Cũng có đề kinh dùng “pháp”, chẳng hạn Kinh Pháp Hoa, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa vẫn không được, diệu pháp còn có liên hoa, nó là hai loại. Chỉ nói về pháp, Kinh Đại Bát Nhã, đây là “pháp”, thuần túy nói về pháp. Kinh Đại Niết Bàn cũng là pháp, trong này không có người, không có ví dụ.

Đây là nguyên tắc lập đề, ba cương lĩnh, ba cương lĩnh có ba loại, còn có một kinh đề có hai loại, như “nhân, pháp”. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là “pháp, dụ”, diệu pháp là pháp, liên hoa là ví dụ, trong này có hai loại. Như vậy phối hợp lại là ba đơn ba phức. Còn có một loại đầy đủ cả “nhân, pháp, dụ”, như Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng là pháp, Phật là nhân, Hoa Nghiêm là ví dụ, trong đề này có đủ cả ba loại. Những điều này thuộc về thường thức Phật học, chư vị học Phật trong thời đại này, biết hay không cũng không liên quan gì lớn. Nhưng pháp sư học giảng kinh nhất định phải biết, chư vị đồng tu nghiên cứu giáo lý cũng cần

phải biết. Bình thường bản thân ta tinh tấn tu hành, hy vọng đời này thành tựu, những thường thức này biết hay không không quan trọng.

Trong đề mục của bộ kinh này là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, đề mục này có bảy chữ, trong bảy chữ có thông đề, có biệt đề. Gọi là “thông đề” là thông tất cả kinh, chữ “kinh” này là thông đề. Mọi người đều biết Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm đều xưng là kinh, chữ “kinh” này là thông đề. Sáu chữ còn lại là “biệt đề”, không giống với các kinh điển khác. Trong đề mục tự mình phân thông và biệt, điều này nhất định phải giải thích rõ ràng.

Sáu chữ trong biệt đề “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên”, Địa Tạng Bồ Tát là người, Bản Nguyên là pháp, cho nên nó lấy nhân pháp làm tên. Địa Tạng Bồ Tát không thể nghĩ bàn, bản nguyên của Bồ Tát cũng không thể nghĩ bàn, pháp sư Thanh Liên thêm vào “lấy nhân pháp bất tư nghì làm tên”.

Trong kinh này Thế Tôn nói cho chúng ta biết về danh xưng của bộ kinh này, Phật nói ba loại. Thứ nhất là “Địa Tạng Bản Nguyên”, thứ hai “Địa Tạng Bản Hạnh”, thứ ba “Địa Tạng Bản Thệ Lục”, thệ nguyện của ngài, sức mạnh của thệ nguyện này. Phật nói ba loại, pháp sư dịch kinh chọn một loại trong đó, lấy “Địa Tạng Bản Nguyên”. Trong một đề mục này, trên thực tế bao gồm “hạnh”, cũng bao gồm “thệ”, nó bao gồm tất cả.

Trong tên người cũng có thông biệt, Địa Tạng là biệt danh, Bồ Tát là thông danh. Thực tế mà nói, Địa Tạng vẫn là thông danh, nhưng hợp với Bồ Tát mà nói, phạm vi của Bồ Tát lớn hơn nó. Sao lại nói Địa Tạng là thông danh? Ta học bộ kinh này, tu hành theo phương pháp lý luận trong kinh này, ta gọi là Bồ Tát Địa Tạng. Họ cũng tu hành theo phương pháp lý luận này, họ cũng là Bồ Tát Địa Tạng. Bồ Tát Địa Tạng rất nhiều, không chỉ một người, cho nên nó cũng là thông danh.

Pháp sư Diên Tục học theo phương pháp lý luận này, Diên Tục Địa Tạng Bồ Tát, Diên Tục là biệt danh. Khoan Dung học theo pháp này, Khoan Dung Địa Tạng Bồ Tát. Chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này, không được xem Bồ Tát chỉ có một người. Phàm những ai tu học pháp môn này, đều gọi là Bồ Tát Địa Tạng. Phàm người tu học pháp môn Quan Âm Bồ Tát, đều gọi là Bồ Tát Quan Âm, phải hiểu đạo lý này. Người thế gian chúng ta hiện nay chấp trước rất kiên cố, Bồ Tát Địa Tạng tuyệt đối không phải là Bồ Tát Quan Âm, sai lầm. Nếu Bồ Tát Địa Tạng dùng hiệu thân tôn sư dạy cho tất cả chúng sanh, Bồ Tát Quan Âm lập tức biến thành Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng lắng người biến thành Bồ Tát Quan Âm. Phật Bồ Tát không có thân tướng, Phật Bồ Tát không có danh hiệu. Danh hiệu, thân tướng như Kinh Lăng Nghiêm nói, “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Sau đó ta mới biết, Chư Phật Bồ Tát là một, nhất thể. Nhất thể chính là nhất chân, nhất pháp giới, nhất pháp thân. Tùy theo cảm ứng của chúng sanh mà biến hóa. Quý vị như

vậy, đối với Chư Phật Bồ Tát liền sanh tâm bình đẳng, không còn phân biệt, không còn chấp trước.

Biết được như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả tức một, một tức tất cả”. Một và tất cả chúng ta đều có phần, chúng ta không ở bên ngoài, đều có phần. Như vậy ta mới thật sự buông bỏ, không hiểu những điều này, làm sao có thể buông bỏ vọng tưởng phân biệt? Thấu triệt chân tướng sự thật, buông bỏ vọng tưởng phân biệt, không còn vọng tưởng, không còn phân biệt nữa. Thông đạt chân tướng sự thật, tâm luôn định, định sanh trí tuệ, định không sanh phiền não. Đây là điều trước tiên mà chúng ta cần phải thấu hiểu rõ ràng minh bạch.

Danh hiệu của Địa Tạng. “Địa” là đại địa, đại địa không những chứa đựng kim ngân thất bảo gọi là bảo tạng, tất cả mọi thứ đều là bảo tạng. Trên mặt đất sinh trưởng ngũ cốc lương thực là bảo tạng, chúng ta nương vào nó mà sống, chúng ta không thể sống lìa mặt đất, sinh hoạt nương vào đại địa. Phật dùng điều này để ví dụ tâm địa chúng ta. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, thức vẫn là tâm. Pháp thế xuất thế hư không pháp giới y chánh trang nghiêm, đều là tự tánh sở hiện, vọng thức sở biến, trong phần luận quán ở trước nói rất rõ ràng minh bạch điều này. Cho nên tâm địa hàm chứa vô tận bảo tạng, chúng ta thường dùng vô tận trí tuệ, vô tận đức năng. Tất cả đều là vô lượng, tất cả đều không thể nghĩ bàn. Đây là nguồn gốc danh hiệu Địa Tạng.

Làm sao khai phát bảo tạng này? Cần phải tu pháp môn Địa Tạng, nội dung pháp môn Địa Tạng là gì? Trong kinh điển này, từ đầu đến cuối nói rất rõ ràng, “hiếu thân”. Như vậy chúng ta mới biết, Phật pháp dạy học được kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo, sự viên mãn của Phật pháp cũng trên hiếu đạo. Từ đầu chí cuối đều nói đến một chữ hiếu. Hoàn thành hiếu đạo một cách viên mãn, người này đã thành Phật. Hiếu hạnh, hiếu kính đây là Bồ Tát, chưa đạt đến viên mãn.

Khoảng mười năm trước, vì thời gian gần đây trong mười mấy năm này, tôi hoàn toàn giảng Tịnh độ, ngoài kinh Tịnh độ tôi không giảng. Có một lần, ở Washington DC thuộc đông hải nước Mỹ, cho đến miền nam Florida, tôi giảng đại ý Kinh Địa Tạng tại vùng này. Có đồng học hỏi tôi, pháp sư chẳng phải thầy chuyên hoằng Tịnh độ, sao bây giờ lại giảng Kinh Địa Tạng? Tôi nói, đúng vậy, tôi chuyên hoằng Tịnh độ. Vậy sao thầy giảng Kinh Địa Tạng? Tôi không giảng Kinh Địa Tạng, tôi vẫn giảng về Tịnh độ, ông ta không hiểu. Tôi nói, trong pháp môn Tịnh độ, căn bản tu học là tịnh nghiệp tam phước, ông có biết chẳng? Ông ta nói, có nghe. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về tịnh nghiệp tam phước, điều thứ nhất của tịnh nghiệp tam phước nói gì? “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại, tu mười nghiệp thiện. Tôi hỏi có đúng vậy chẳng? Đây có phải nền tảng trong kinh

điền Tịnh độ chăng? Đúng vậy. Kinh Địa Tạng chính là giải thích bốn câu này, bộ kinh này chú giải phước thứ nhất, tôi vẫn giảng về Tịnh độ, không hề giảng kinh khác. Như vậy ông ta mới đồng ý, tôi nói đều là sự thật.

Phước thứ nhất trong tịnh nghiệp tam phước, nếu chúng ta giảng tường tận cũng phải mất nửa năm. Như vậy mới hiểu rõ ràng, minh bạch, bước chân tu hành của chúng ta mới đứng vững, công phu mới đắc lực. Hiện nay tu học công phu không đắc lực, đều do nền tảng không vững, đây là nguyên nhân chính.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây. Danh hiệu chưa giảng xong, lần sau chúng ta tiếp tục.

**Hết tập 5**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 6****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ hai, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ câu sau cùng.

“Thích danh trung, Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên lục tự thị biệt đề, biệt chư kinh cố thị thông đề, thông dư kinh cố”. Câu này đọc một lượt là được, không cần giải thích, bên dưới là nói tường tận. Bồ Tát Địa Tạng là nhân, bốn nguyên là pháp. Trong bảy cách chọn đề, bộ kinh này thuộc nhân pháp lập đề, thuộc loại này. Trong tên người lại có thông biệt, Địa Tạng là biệt, Bồ Tát là thông, là thông xung, Địa Tạng là biệt xung. Ở trước đã nói điều này với chư vị, thực tế mà nói Địa Tạng vẫn là thông danh, vì phàm là người tu học pháp môn Địa Tạng, y theo Địa Tạng bốn nguyên tự hành hóa tha, người này đều là Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng rất nhiều, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này.

Bây giờ chúng ta giải thích sơ về Địa Tạng, chư vị có thể tự xem chú giải, tôi giảng không nhất định là ý trong chú giải. “Địa” là đại địa, đại địa là năng sanh năng dục, có thể sanh dục vạn vật. Chúng ta biết tất cả động vật, tất cả thực vật, tất cả khoáng vật đều không thể tách rời đại địa. Trong đại địa hàm chứa vô tận bảo vật, bảo vật này có thể cung cấp cho tất cả chúng sanh. Đức Phật dùng điều này làm ví dụ, ví với tâm địa của chúng ta.

Trong bài tựa ở trước có nói, duyên khởi của vũ trụ, nguồn gốc của sinh mạng, đều sanh ra từ trong nhất niệm tâm tánh. Đức Phật đem tâm tánh ví như đại địa, trong tâm tánh có vô lượng trí tuệ, vô tận đức năng, ví nó như bảo tạng. “Tạng” nghĩa là hàm chứa. Trong tâm địa hàm chứa vô tận bảo tạng trí tuệ đức năng, mà điều này tất cả chúng sanh đều có, chứ không phải Chư Phật Như Lai mới có, Bồ Tát có, phàm phu chúng ta không có. Phàm phu cũng có. Chẳng những hàng phàm phu chúng ta có, đến chúng sanh trong đường ác, chúng sanh trong địa ngục a tỳ, cũng không hề khiếm khuyết. Từ phương diện này cho thấy, nhìn từ tâm địa bảo tạng, quả thật là sanh Phật bình đẳng. Trong quả vị Phật không hề tăng thêm chút nào, trong địa vị hàng phàm phu cũng không ít đi, đều viên mãn đầy đủ, nhưng chúng sanh và Phật mê ngộ khác nhau. Người giác ngộ, tự tại thọ dụng bảo tạng này, thực hành trong thọ dụng, Phật pháp gọi là tam đức bí tạng. Tam đức này là pháp thân đức, bát nhã đức, giải thoát đức, người giác ngộ họ

có ba loại thọ dụng này. Mà ba đức này, trong mỗi loại đều bao hàm bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Bốn đức này gọi là tứ tịnh đức, đức thanh tịnh.

Hàng phàm phu thật không may đã mê mất tự tánh, vì thế ba thứ này tuy có nhưng không thể hiện tiền. Tuy có thường lạc ngã tịnh, không đạt được thọ dụng, chúng ta với Chư Phật Bồ Tát khác nhau ở chỗ này. Từ tánh mà nói, chúng ta không có sai khác, từ tác dụng mà nói, chúng ta có sai khác. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Phật không dạy gì khác, chính là dạy chúng ta giác ngộ, dạy chúng ta quay đầu, dạy chúng ta khôi phục đức dụng, cũng giống như Chư Phật Bồ Tát vậy.

Trong ba đức, thế nào gọi là pháp thân? Pháp thân, pháp là các pháp, tất cả các pháp thế xuất thế gian, tất cả các pháp là chính mình, ai biết? Khi nào biết được tất cả các pháp là chính mình, liền chứng được pháp thân thanh tịnh. Tam đức, thực tế mà nói, đạt được một đức thì tất cả đều đạt được. Chúng ta không biết tất cả chúng sanh là chính mình, tất cả chúng sanh sao lại là chính mình? Là nhất niệm tâm tánh của mình biến hiện ra, nhất niệm tâm tánh đó là chính mình. Nghĩa là nói năng biến hư không pháp giới, năng biến thập pháp giới y chánh trang nghiêm, năng biến đó là chính mình. Chư vị thử nghĩ xem, năng biến là chính mình, sở biến còn có ngoại lệ ư? Điều này rất khó hiểu. Trong kinh điển Đức Phật thường dùng ví dụ để nói rõ sự tướng này, hy vọng từ trong ví dụ ta có thể ngộ nhập. Nhưng cần phải biết, ví dụ không thể ví một cách hoàn toàn thích hợp, không ví được, chỉ có thể ví một cách tương tự, hàng căn tánh lạnh lợi từ ví dụ có thể ngộ nhập. Chẳng hạn chúng ta nằm mộng, tất cả phàm phu đều có kinh nghiệm nằm mộng, vì thế Phật dùng mộng làm ví dụ, trong kinh luận thường thấy. Có thể nằm mộng là tâm ý thức của chúng ta, ngôn ngữ nói rất hay: “nhật hữu sở tư, dạ hữu sở mộng”. Có suy nghĩ là tâm mình, ban đêm khi ngủ tâm liền hóa thành cảnh mộng. Khi tâm biến hiện ra cảnh mộng, như trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói “duy tâm sở hiện”. Hoa Nghiêm nói hư không pháp giới y chánh trang nghiêm là duy tâm sở hiện, ví như cảnh giới trong mộng vậy. Trong mộng cũng có hư không pháp giới, cũng có y chánh trang nghiêm. Trong mộng là tâm ý thức chúng ta biến hiện ra, trong mộng cũng có rất nhiều biến hóa, sự biến hóa đó đích thực là duy thức sở biến. Đây là đem cái lớn rút nhỏ lại, mà thời gian mộng còn rất ngắn. Khi thức dậy, giác mộng vừa mới thấy, cảnh giới trong mộng rõ ràng như thật. Mộng thấy những ai, làm việc gì. Quý vị nghĩ thử xem, những người trong mộng, bản thân và người khác, sơn hà đại địa, hư không thế giới, nghĩ kỹ xem phải chăng tất cả đều là chính mình? Ngoài mình ra, không có gì cả.

Trong Phật pháp thường nói: “toàn chân tức vọng”, thật là năng biến, vọng là huyền tướng của sở biến. Quý vị nói tâm năng biến của mình ở

đâu? Cảnh giới biến hiện ra chính là tâm, tâm biến thành tướng phần, toàn thể tướng phần là chân tánh của chính mình. Vì thế mới nói chân vọng không hai, tánh tướng nhất như. Từ trong cảnh mộng ta lãnh hội tường tận, thường thường lãnh hội, mỗi lần nằm mộng đều cố gắng lãnh hội một lần, từ từ ta sẽ giác ngộ được. Mới biết sơn hà đại địa, tất cả chúng sanh thì ra là chính mình. Tình trạng thực tế trong này, đúng là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Nhưng chư vị phải biết, nói “vô” không phải không vô, không vô ý của ta lại sai, hữu và vô là một, không phải hai. Vì sợ ta chấp có, cho nên mới nói không. Sợ ta chấp không, cho nên mới nói có. Hai bên đều không chấp trước, ta nhập vào cảnh giới Phật. Cho nên nói cảnh giới chân thật với chúng ta, Đức Phật lập đi lập lại cách nói này, ta lãnh hội trong điều này. “Phi hữu tướng, vi vô tướng, phi phi hữu tướng, phi phi vô tướng”. Nếu thật sự lãnh hội được, mới biết Chư Phật Bồ Tát sống cuộc đời như thế nào, chúng ta phải học như thế nào, học xong cũng giống như Chư Phật Bồ Tát vậy. Họ sống cuộc đời tam đức mật tạng, hư không pháp giới là pháp thân thanh tịnh của mình, cho nên trong đó họ không có tất cả mọi chướng nạn.

Chúng ta ngày nay, người thông minh trên thế gian, người có trí tuệ, họ nói yêu người như chính mình. Quý vị thử nghĩ xem ý nghĩa này, người là người, mình vẫn là mình, yêu người giống như yêu chính mình, vẫn là hai vấn đề, ở giữ vẫn còn trở ngại. Yêu đất nước như yêu gia đình, đối với người thế gian cảnh giới này thật đáng nể. Quý vị yêu đất nước như nhà mình, vậy quốc gia khác thì sao? Nước này và nước kia vẫn còn xung đột, vẫn còn chiến tranh. Cho dù ta yêu tất cả chúng sanh trên địa cầu giống như người một nhà, bây giờ chúng ta biết địa cầu trong hư không là một tinh cầu. Ta yêu tinh cầu này, ngoài tinh cầu này ra còn có tinh cầu khác, vấn đề này giải quyết như thế nào đây? Do đó lại phát sanh đại chiến giữa các tinh cầu, không bao giờ dứt. Cho nên Đức Phật nói với chúng ta chân tướng thật sự, tận hư không biến pháp giới là chính mình. Trong này tất cả mâu thuẫn, xung đột, hiểu lầm đều hóa giải hết, điều giải quyết. Tận hư không biến pháp giới là chính mình, ta chứng được pháp thân thanh tịnh, thanh tịnh pháp thân Phật. Quý vị đã hiểu ý của thanh tịnh pháp thân Phật chưa? Ý của thanh tịnh pháp thân Phật, tức tận hư không biến pháp giới là nhất thể, tận hư không biến pháp giới là chính mình, đây gọi là thanh tịnh pháp thân Phật. Khế nhập vào cảnh giới này, trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh dĩ nhiên hiện tiền. Vì sao vậy? Vì không có trí tuệ bát nhã, không vào được pháp giới này, không thể có lãnh hội này, không thể có nhận thức này. Trí tuệ hiện tiền, trí tuệ này là trí tuệ cứu cánh viên mãn. Đồng thời giải thoát cũng hiện tiền, giải thoát là được đại tự tại, tất cả mọi phiền não đều hóa giải, kiến tư, trần sa, vô minh hoàn toàn hóa giải. Lục đạo không còn, thập

pháp giới cũng không còn, lại nói cho chư vị biết nhất chân pháp giới cũng không còn. Nhất chân pháp giới và mười pháp giới là kiến lập tương đối, bên đó không còn, bên này làm sao tồn tại? Như ta bị bệnh, bệnh phải uống thuốc, thuốc và bệnh đối lập, không có bệnh thuốc cũng không còn. Chúng sanh không bệnh thì thuốc đâu ra? Cho nên các pháp là kiến lập tương đối, bên này không có, bên kia cũng không có, đây gọi là giải thoát thật sự.

Ngày nay vấn đề nghiêm trọng của thế gian này, chính là ý kiến bất đồng giữa các chủng tộc, tư tưởng bất đồng, tín ngưỡng bất đồng, sinh ra rất nhiều mâu thuẫn xung đột, tạo thành rất nhiều thiên tai vô vị do con người gây ra. Xã hội này, những người lãnh đạo của các quốc gia khu vực, đều lo lắng vì điều này, hy vọng tìm ra phương pháp giải quyết, thật sự có thể đạt đến thế giới hòa bình. Mấy ngàn năm nay, nước trong nước ngoài, bao nhiêu người đang tìm nhưng tìm không ra, mà phương pháp này trong Phật pháp đại thừa. Nếu chúng được thân tịnh pháp thân, những vấn đề này đều giải quyết.

Do đây có thể biết, phương pháp giải quyết mọi phân tranh trong thế gian là gì? Là dạy học. Ngày xưa thánh hiền nhân, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết, vì thế ngài không làm quốc vương, vì sao vậy? Làm quốc vương không giải quyết được vấn đề, vấn đề này không phải chính trị có thể giải quyết, cũng không phải vũ lực có thể giải quyết. Vũ lực giải quyết vấn đề, trong một thế kỷ này, thế kỷ này sắp kết thúc, chiến tranh xảy ra liên miên. Trải qua hai lần đại chiến thế giới, chỉ làm cho vấn đề ngày càng nghiêm trọng, ngày càng tệ hại hơn, không thể hóa giải. Từ chỗ này chúng ta phải tỉnh ngộ, vũ lực không phải cách để giải quyết vấn đề.

Phương pháp giải quyết vấn đề, các bậc thánh nhân thời cổ đại từng nói: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Xây dựng một quốc gia, thống trị nhân dân phải dùng phương pháp gì? Dùng phương pháp dạy học. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết, vì muốn đạt được xã hội an định, thế giới hòa bình, các chủng tộc khác nhau, văn hóa bất đồng, cùng tồn cùng vinh, hợp tác lẫn nhau. Ngài từ bỏ vương vị, chuyên vào việc giáo dục, suốt đời làm công tác giáo dục xã hội.

Không phụ tử cũng thuộc nhân vật này, đây là tiên tri tiên giác của nhân loại, được người người tôn xưng là đại thánh nhân. Thật đáng tiếc, vào thời đại đó, không có công cụ khoa học kỹ thuật tiên tiến như hiện nay. Tuy suốt đời siêng năng nỗ lực thúc đẩy công tác giáo dục trí tuệ, tiến triển rất chậm, mức độ ảnh hưởng không lớn. Sau khi họ qua đời, có học sinh nối tiếp sự nghiệp của thầy, tiếp nối nguyện vọng của thầy, thúc đẩy giáo dục trí tuệ. Nhưng vì nhân số quá ít không thể phổ cập, cho nên hiệu quả dạy học không như lý tưởng. Truyền từ đời này qua đời khác, truyền lâu ngày bị biến chất, càng truyền càng sai.

Pháp vận của Phật gọi là chánh pháp, tượng pháp, mật pháp. Chánh pháp đại khái còn được, tượng pháp biến hóa rất lớn, tương tự, không chân thật như trước. Thời kỳ mật pháp sai biệt càng lớn. Chúng ta sống trong thời đại này quả thật không dễ, có thể được thân người, gặp được Phật pháp, mà còn có thể gặp được chánh pháp, đúng là hy hữu khó gặp. Lại gặp được công cụ khoa học tiên tiến thời hiện đại, tuy nhân số chúng ta ít cũng không sợ. Mượn công cụ này, có thể truyền chánh pháp đến toàn thế giới, kế thừa di chí của Đức Phật và Không phụ tử. Hy vọng đạt được xã hội an định, thế giới hòa bình, người đều đều có thể giác ngộ, người người đều có thể giải thoát. Thoát ly phiền não, thoát ly ác nghiệp, thoát ly khổ báo, thoát ly sanh tử luân hồi. Đây là mục đích dạy học của nhà Phật, nhà Phật dạy học là nghĩa vụ, đối với xã hội không lấy gì cho riêng mình. Vì sao không lấy gì cho riêng mình? Làm một tấm gương cho thế nhân noi theo. Người thế gian không hiểu rõ chân tướng sự thật, trong cuộc sống hằng ngày tâm tham lam ngày càng tăng. Mỗi người đều tham lam vô độ, nhất định tạo thành xung đột giữa người với người, vấn đề này vẫn không thể giải quyết. Trên thế giới, hai bên tranh chấp lẫn nhau, vấn đề này không thể giải quyết.

Đức Phật làm gương cho chúng ta, chúng ta là đệ tử ngài, phải học theo gương ngài, cũng phải làm gương cho người trong xã hội. Chúng ta hiển bày ra tri túc thường lạc, đây chính là ám thị người thế gian, muốn có cuộc sống hạnh phúc an vui không khó, người người đều có thể đạt được, biết đủ là được. Quý vị có trí tuệ lớn, có năng lực lớn, quý vị là anh hùng hào kiệt. Quý vị sống cuộc đời rất nghèo khó, ở trong mái nhà tranh, hình như rất uất ức cho quý vị.

Nói trí tuệ, nói phước đức, nói tài nghệ, nói năng lực, ai sánh bằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni? Ở Trung quốc, ai có thể sánh bằng Không phụ tử? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, Thế Tôn không cảm thấy tủi thân. Đây là đang biểu diễn đại trí tuệ, đại từ bi, dạy tất cả người thế gian, đặc biệt là những bậc anh hùng hào kiệt trong thế gian. Dạy họ phải giác ngộ, phải làm gương cho tất cả chúng sanh, trước tiên bản thân phải thức liễm, phải sống cuộc sống như những người dân nghèo. Dù sao thế gian này người khổ cũng nhiều, nhân tâm sẽ an định. Biểu hiện này là từ bi vô tận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thân giai cấp vua chúa, vì sao ngài không hưởng vinh hoa phú quý của mình? Không phụ tử đích thực có năng lực cầu phú quý, vì sao ông không cầu, lại sống cuộc sống bình dân, không phải ông không có năng lực. Nói như hiện nay, Không phụ tử muốn làm một cuộc cách mạng, lật đổ chính quyền lên làm hoàng đế, dễ như trở bàn

tay. Học trò của ông hơn 3000 người, người tài cán cỡ nào cũng có, đương thời không có quốc gia nào sánh bằng thực lực của ông. Ông không làm, không để lại tấm gương xấu cho hậu nhân.

Có trí tuệ, có năng lực, an phận giữ mình, làm tấm gương tốt cho thiên hạ đời sau. Đây là từ bi đến tận cùng, là người có lòng yêu thương chân thật. Yêu xã hội, yêu dân tộc, yêu quốc gia, yêu tất cả chúng sanh, ngài làm nên biểu hiện này. Không phải không có khả năng, không phải không có trí tuệ.

Đây là hành nghi của đại thánh nhân thế xuất thế gian, chúng ta cần phải lãnh hội được, phải phát tâm tiếp tục phương quy của họ, tinh tấn nỗ lực học tập, hy vọng đem đến một chút cống hiến cho xã hội hiện tại. Chúng ta chỉ có cống hiến, tuyệt đối không cầu báo đáp, vậy là đúng. Vĩnh viễn giữ được tâm địa mình thanh tịnh bình đẳng giác, tuyệt đối không tìm kiếm danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của thế gian, không bị cảnh duyên nghịch cảnh thiện ác làm dao động, chân mình đã đứng vững.

Bất luận chúng ta thuộc thân phận gì, bất luận theo ngành nghề nào, đều là Bồ Tát, vãng sanh bất thoái thành Phật, bản thân nắm chắc điều này. Thật sự nhìn thấu, buông bỏ. Chúng ta học là những điều này.

Ý nghĩa trong tam đức mật tạng, chúng ta không thể không biết. Chẳng những phải biết, mà còn hy vọng đạt được tương ưng. Pháp tương ưng nhất định dùng trí tuệ quán chiếu. Tôi hướng dẫn chư vị đồng học, phương pháp trí tuệ quán chiếu từ cảnh mộng, bắt đầu từ đây. Mỗi lần sau khi tỉnh mộng, quán chiếu tường tận một lần. Nếu có thể thường quán chiếu như thế, dần dần sẽ giác ngộ. Sau đó thấy xã hội này, vô số chúng sanh đều là cảnh mộng. Ta nhìn thấu sự thật này, nhận ra chân tướng, đúng là “mộng huyễn bào ảnh, như sương cũng như điện”. Do đó ta sống trong xã hội phức tạp này, trong giao tế phức tạp này, tâm cảnh mình thản nhiên, tâm như hư không. Lục tổ Huệ Năng nói: “Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, lúc này đạt được giải thoát, đạt được tự tại. Bất luận khi nào, bất luận ở đâu, bất luận thân phận gì, bất luận làm công việc gì, không có gì không tự tại.

Chúng ta lợi dụng thân phận hiện nay, lợi dụng công việc hiện tại, cống hiến cho tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh. Giúp họ giải quyết khó khăn trong cuộc sống, hoặc là sinh hoạt vật chất, hoặc là cuộc sống tinh thần, đây gọi là đại từ đại bi. Mà tâm địa mình chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, tương ưng với tam đức mật tạng. Tam đức mật tạng mượn thân thể này, mượn hành vi của chúng ta để thực hành.

Sở dĩ chúng ta nói như vậy, làm như vậy, mục đích chủ yếu là giúp chúng sanh giác ngộ. Vì chỉ có tất cả chúng sanh giác ngộ, vấn đề của họ mới giải quyết triệt để. Họ chưa giác ngộ, nói cách khác gọi là đầu đau trị đầu, chân đau trị chân. Trị bệnh chưa trị tận gốc, qua vài ngày bệnh cũ lại tái phát.

Hiện nay khoa học kỹ thuật cao, chúng ta nhất định phải biết lợi dụng nó, dùng phương pháp này truyền bá. Mượn những thiết bị này, đem một thân của chúng ta hóa thành trăm ngàn thân, cùng một lúc khắp nơi trên thế giới đều có thể xem được. Đặc biệt là mạng internet hiện nay, theo tôi thấy khoảng mười năm sau, mạng internet nhất định thay thế vệ tinh, ti vi thời hiện đại, biến thành bộ phận quan trọng nhất trong cuộc sống của chúng ta. Hiện nay máy tính bằng chỉ lớn bằng quyển sách, tương lai trên tay mỗi người đều có, tin tức trên toàn thế giới chỉ cần bấm nút đều hiện ra ngay trước mắt. Tương lai là thời đại như vậy, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Cho nên chúng ta ở bất kỳ đâu, hành vi biểu diễn của chúng ta, ngôn luận của chúng ta, lập tức truyền khắp toàn thế giới, đây là công cụ tốt.

Trước đây thầy Phương Đông Mỹ thường nói, loại công cụ tốt như vậy, vì sao không cố gắng lợi dụng nó? Nếu lợi dụng những công cụ này, truyền bá tà tri tà kiến, truyền bá sát đạo dâm vọng, như vậy là tạo nghiệp nặng. So với tất cả tội ngũ nghịch thập ác tạo ra từ xưa đến nay, không biết nghiêm trọng hơn bao nhiêu ức vạn phần. Công cụ này, nếu dùng thiện ta làm được việc rất tốt, đúng là tích lũy đại công đức. Nếu dùng không thiện, tức tạo ra điều cực ác, bản thân công cụ không có thiện ác.

Vì thế nơi chúng ta hạ thủ là từ pháp thân, pháp thân chính là tự tánh, tương ứng với tâm tánh.

Chư vị mở đến trang thứ tư, chú giải ở trang thứ tư có mấy câu, tôi đọc cho người nghe. Trang thứ tư, hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ đoạn sau cùng.

“Pháp giới bao hàm, nhiếp nhất thiết pháp, dụng bất khả tận, danh chi vi tạng”. Đây là nói về Địa Tạng, vì sao dùng chữ “tạng” này? Chư vị phải biết, ở đây nói về pháp giới, chính là nhất niệm tâm tánh. Chúng ta gọi là tự tánh, chân tánh, Phật tánh, pháp tánh, pháp giới, đều cùng một ý nghĩa. Phật dùng vô số ngôn từ để nói rõ một vấn đề, dụng ý của ngài là dạy chúng ta đừng chấp trước. Như Lão tử nói: “Danh khả danh, phi thường danh, đạo khả đạo, phi thường đạo”. Chỉ có lìa tướng danh tự, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, mới có thể lãnh hội được đại đạo, nghĩa là mới có thể thấu triệt tình trạng thực tế. Nếu rơi vào trong danh ngôn, sẽ khởi phân biệt chấp trước. Ta phân biệt chấp trước danh tự, phân biệt chấp trước ngôn thuyết, trong tâm có ý niệm đang tư duy phân biệt chấp trước, vậy là sai, ta vĩnh viễn cách xa chân tướng sự thật. Lời này Bồ Tát Mã Minh nói trong Khởi Tín Luận, ngài dạy chúng ta phải dùng tâm thái như thế nào để học tập, nói ra ba nguyên tắc này.

Lìa tướng ngôn thuyết, nghĩa là đừng chấp trước ngôn ngữ văn tự. Lìa tướng danh tự, danh từ thuật ngữ, nó là công cụ để biểu đạt, tuyệt đối không

được chấp trước. Những thứ này giống điều gì? Như chúng ta đi đến đâu, có bảng chỉ đường vậy, như tiêu chí giao thông. Nó có tác dụng chỉ thị phương hướng, ta không được chấp trước, nếu chấp trước nó là sai.

Tướng tâm duyên là gì? Là rơi vào trong ý thức, như vậy sao có thể giác ngộ? Có thể không phân biệt chấp trước tất cả, mới có cơ hội ngộ nhập, mới có thể thấy được, mới có thể đạt được lợi ích. Thọ dụng này chính là tự tánh bao hàm tất cả pháp, dụng không bao giờ hết. Vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, là vốn có trong tự tánh chúng ta. Phật có năng lực nói vô lượng vô biên kinh pháp, ta cũng có năng lực, không hề thua Phật. Ngày nay năng lực này của ta không thể hiện tiền, thực tế mà nói năng lực của ta không hề mất, năng lực vẫn tồn tại, không khác gì với Phật. Chỉ là ta có phiền não, làm chướng ngại che đậy năng lực của mình, nó không thể hiện tiền, không khởi tác dụng.

Chúng ta xem tiếp văn bên dưới: “Dĩ chúng sanh tánh, cụ tam thiên chi bảo, vi phiền não lục tặc sở phú, ý thức ác vương sở hại. Nãi xuất thử tam đức mật tạng, dụng thực thường trú chi mạng, kim Địa Tạng chi danh, chánh thủ hô thử”. Ví dụ này rất hay, nói rất hay, chúng sanh vốn là Phật, vì sao vậy? Vì “tánh cụ tam thiên chi bảo”. Vị pháp sư viết chú giải này, ông là người học Thiên thai tông, con cháu của Thiên thai. Vì thế trong chú giải rất nhiều danh tướng thuật ngữ đều là giáo lý Thiên thai. “Tam thiên chi bảo”, là đại sư Trí Giả chú thích Kinh Pháp Hoa, nói trong Văn Cú, chú giải của ngài gọi là Văn Cú. Đại sư nói với chúng ta, nhất tâm đầy đủ mười pháp giới. “Mười” ở đây cùng một ý với “mười” dùng trong Kinh Hoa Nghiêm, là biểu pháp, chứ không phải chữ số. Vô lượng vô biên pháp giới, quy nạp lại, quy nạp thành mười loại lớn, mỗi loại đều vô lượng vô biên, tánh đức không thể nghĩ bàn. Mười pháp giới, Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Duyên giác, Thanh văn, trời, người, tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, điều này mọi người rất quen thuộc. Đức Phật vì phương tiện cho việc giảng kinh thuyết pháp, ngài dùng phương pháp này để nói. Trong mười pháp giới, trong mỗi pháp giới lại có mười pháp giới. Lấy cõi người hiện nay của chúng ta, có Phật trong cõi người, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Phật trong cõi người, có Bồ Tát trong cõi người. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói về 53 lần tham bái, 53 người đó là Bồ Tát trong cõi người, đương thời đều trú tại thế gian. Có A la hán, Bích Chi Phật trong cõi người. Có thiên nhân trong cõi người, phước báo lớn, hưởng thụ giống như phước trời vậy. Cũng có súc sanh trong cõi người, ngu si điên đảo, ngày ngày tạo ác nghiệp, không có năng lực phân biệt chánh tà, thị phi, thiện ác, súc sanh trong cõi người. Có ngạ quỷ trong cõi người, có địa ngục trong cõi người, há chẳng phải một pháp giới lại đầy đủ mười pháp giới sao? Trong mười pháp giới biến thành 100 pháp giới, đây gọi là 100 giới.

Trong Kinh Pháp Hoa nói về “thập như thị”, “thập như thị” là nói tánh như thị, tánh là thể tánh, nhất niệm tâm tánh. Tướng như thị, tánh sẽ hiện tướng, tướng là hư không pháp giới. Cõi nước Chư Phật, mười pháp giới y chánh trang nghiêm, tướng như thị. Như thị nghĩa là sao? Tánh như tướng nó, tướng như tánh nó. Cổ đức dùng ví dụ để nói, dùng vàng và đồ tranh sức làm ví dụ. Ví vàng như tánh, ví đồ tranh sức như tướng. Chúng ta dùng vàng, có thể tạo ra rất nhiều vật dụng khác nhau, như mười pháp giới y chánh trang nghiêm vậy, vật dụng nào không phải vàng? Tất cả đều cùng một chất liệu. Đây chính là nói: “Lấy vàng làm đồ vật, mọi đồ vật đều là vàng”. Hy vọng chúng ta từ ví dụ này có thể lãnh hội được mười pháp giới y chánh trang nghiêm, toàn là tự tánh biến hiện ra. Chúng ta hỏi điều gì không phải tự tánh?

Quý vị xem công án trong tông môn, tổ sư thử thách người học, xem họ kiến tánh chăng? Tánh ở đâu? Đưa ra ví dụ, tổ sư gặt đầu, bất cứ vật nào cũng được, không có thứ gì không phải, phân khô cũng thế. Đây là thật sự thấu triệt, thấu triệt gì? Họ thấy được pháp thân, kiến tánh chính là thấy được pháp thân, biết tận hư không biến pháp giới là tự tánh biến hiện, chính là chính mình. Chúng ta nhất định phải biết, ngoài tự tánh ra, quả thật không có một vật nào, không có một pháp nào khả đắc.

Ở trước có nói với chư vị, tánh thể trạm tịch, tác dụng hư linh, linh hoạt vô cùng, tuyệt đối bất khả đắc. Ta có thể thọ dụng, nhưng không được có tư tưởng được mất, có tư tưởng được mất là sai. Những người ngộ nhập này, người giác ngộ họ biết hiện tượng được mất là gì? Là duyên sanh, duyên diệt. Duyên sanh hình như có được, duyên diệt hình như mất đi. Thực tế mà nói, duyên sanh cũng không được, duyên diệt cũng không mất đi. Cho nên mới nói thật với chúng ta, nói thật là không sanh không diệt.

Bát bát của Trung Quán Luận nói rất hay, tám chữ nói đến tận cùng. Bát bát là lấy không sanh không diệt làm chủ, hết thấy pháp không sanh, hết thấy pháp không diệt. Không đến không đi, không một không khác, không thường không đoạn. Đây là nói về chân tướng của tất cả pháp, người biết dùng tâm, trong cuộc sống hằng ngày, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, t dùng cách quán này, tuyệt đối không được vọng tượng. Dùng theo tiêu chuẩn này, quan sát tất cả cảnh giới tướng, quán lâu sẽ khai ngộ, khởi vọng tưởng không thể khai ngộ, khởi vọng tưởng trong tâm sanh phiền não, nhất định phải lìa.

Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta lìa ngôn thuyết, lìa danh tự, lìa tâm duyên. Nói như hiện nay là trực giác, dùng trực giác tuyệt đối không dùng tư duy, như vậy mới khai ngộ. Một khi rơi vào trong tư duy tức rơi vào trong ý thức, ý thức là mê không phải ngộ, mê tuyệt đối không thể khai ngộ, giác mới có thể khai ngộ, mê không thể khai ngộ.

Lần này chúng tôi thành lập Phật học viện ở đây, những quan viên chủ quản giáo dục Singapore, sẽ gặp chúng tôi thảo luận vấn đề này. Chúng tôi đặc biệt phải nói rõ với họ, giáo dục của Phật học viện hoàn toàn khác với giáo dục thế gian, ta không thể dùng những phương pháp cách thức giáo dục của thế gian để làm, chúng ta dùng cơ cấu này để điền vào cách thức cố hữu, như vậy vĩnh viễn không đạt được mục đích. Đây là một loại giáo dục đặc thù, khởi phát trí tuệ chân thật cho tất cả chúng sanh. Trí tuệ chân thật phải là tâm ý thức, học thuật thế gian không là tâm ý thức, dạy học này phải là tâm ý thức, nghĩa là là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Giáo dục này mới thật sự phù hợp với nền giáo dục dân chủ, tự do, khai phóng, nó có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề. Thế xuất thế gian không giải quyết được những vấn đề khó khăn, đến đây tất cả đều hóa giải.

Trong “thập như thị”, ở sau vẫn còn tám chữ, thế như thị, lực như thị, tác như thị, nhân như thị, duyên như thị, quả như thị, báo như thị, bốn mặt cứu cánh như thị. Điều này ở đây tôi không cần nói tường tận, nói tường tận hai tiếng đồng hồ nói không hết, ở đây chỉ nói sơ qua. 100 giới, mỗi một giới thập như thị, vậy là biến thành 1000. 1000, đại sư Thiên Thai nói 1000 ngũ âm, 1000 chúng sanh, 1000 quốc độ, gọi là 3000. Ở đây nói “tánh chúng sanh đầy đủ 3000 bảo”, chính là nói đến điều này. Câu này nói một cách đơn giản, chính là tự tánh của chúng sanh vốn đầy đủ vô lượng trí tuệ, tài nghệ, đức năng. Đức Phật thọ dụng được 3000 bảo này, hoàn toàn không có chướng ngại, thực hành trong cuộc sống, cho nên được đại tự tại. Ở trong mười pháp giới có thể tùy loại hiện thân, tùy cơ thuyết pháp, không mệt mỏi chán ghét.

Ngày nay chúng ta khổ, khổ ở đâu? “Vì phiền não lực tặc che lấp”. Lực tặc là chỉ lực trần, lực thức. “Ý thức ác vương sở hại”, trong lực thức ý thức nặng nhất, người bây giờ thường nói dùng tâm, là tâm gì? Là tâm ý thức, phàm phu xem ý thức như chân tâm của mình, năng lực của ý thức quả thật rất mạnh.

Trong Bách Pháp Minh Môn Luận chư vị thấy, chỉ có ý thức đầy đủ 51 tâm sở, trong tám thức khác tâm sở tương ưng không nhiều như thế. Chỉ có ý thức là viên mãn, 51 tâm sở đều đầy đủ, có thể thấy tác dụng của nó rất lớn. Phan duyên bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới, hướng vào trong có thể duyên đến a lại da thức, năng lực này lớn biết bao. Duy nhất không thể duyên tự tánh, nó không duyên được tự tánh. Vì nó đang mê, tánh là ngộ nó không duyên được. Nó có thể duyên mười pháp giới, nhưng không duyên được nhất chân pháp giới, nhất chân pháp giới là cảnh giới giác ngộ, không duyên đến được. Năng lực rất lớn.

Ngày nay chúng ta không thể kiến tánh, không thể nhập nhất chân pháp giới, “vì phiền não lục tặc che lấp”, nó chướng ngại chúng ta, do “ý thức ác vương sở hại”, thiết thời ở đây, phải biết điều này.

Phật quả thật giống như một đại phu rất cao minh, trị bệnh cho chúng ta, biết được nguyên nhân gây bệnh, nguyên nhân bệnh này là gì, tìm ra được căn bệnh của chúng ta. Phật dùng phương pháp gì để trị? “Không ngoài tam đức mật tạng này”. Do đây có thể biết, tam đức mật tạng chính là nội dung của giáo nghĩa đại thừa.

Bây giờ chúng ta đang đọc Hoa Nghiêm, phải chăng từ đầu đến cuối Kinh Hoa Nghiêm nói về pháp giới? Hiện nay người thế gian gọi là văn hóa đa nguyên, chúng ta dùng danh từ này để nói. Quý vị nói văn hóa đa nguyên, chúng tôi cũng nói với quý vị văn hóa đa nguyên, như vậy dễ hiểu. Khắp tận hư không biến pháp giới, vô số chủng tộc, vô số dị loại, Kinh Hoa Nghiêm nói rất nhiều, vô số vô số nói mười mấy hai mươi câu, nói như hiện nay gọi là văn hóa đa nguyên.

Đức Phật giải quyết mâu thuẫn đa nguyên, xung đột đa nguyên này như thế nào? Tức dùng pháp thân, bát nhã, giải thoát. Giải thoát là quả, pháp thân là lý, bát nhã là trí, dùng phương pháp này để giải quyết tất cả mọi vấn đề. Mục đích tu học Phật pháp là dạy ta chúng được pháp thân, cũng chính là dạy ta quan sát tường tận rõ ràng. Khẳng định hư không pháp giới là chính mình, tất cả chúng sanh là chính mình, vấn đề đều được giải quyết.

Trong pháp đại thừa thường nói: “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, đã thực hiện, nó không phải một câu nói suông, không phải lý tưởng, là sự thật. Ta đối với tất cả chúng sanh còn có ác niệm chăng? Không thể, đây là đoạn tất cả điều ác, đoạn triệt để. Từ nay về sau, đối với tất cả chúng sanh, tuyệt đối không còn khởi ác niệm, đoạn tận điều ác, thiện sanh khởi. Niệm niệm đều lợi ích chúng sanh, niệm niệm giúp chúng sanh cũng nhập vào cảnh giới này, cũng hiểu được chân tướng sự thật. Đây là chân tướng của nhân sinh vũ trụ, đây là pháp thân. Hiểu rõ chân tướng này, là tự tánh vốn đầy đủ viên mãn trí tuệ bát nhã.

Đức Phật dùng phương pháp này giúp ta khôi phục tự tánh, đây ví như “dùng cuộc mạng thường trụ”. “Thường trụ” là chân tâm, không thay đổi gọi là thường trụ. Tâm ý thức thay đổi, ý niệm không đáng tin, biến hóa quá lớn. Danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng lấy ý này.

Chúng ta đọc qua mấy câu bên dưới: “Tam đức mật tạng, uẩn tại nhất thiết chúng sanh thân tâm chi nội”. Uẩn là chứa đựng, cất chứa nơi chúng sanh, bản thân chúng ta là chúng sanh. Thân tâm chúng ta quả thật đầy đủ tam đức mật tạng, cất chứa trong này. Chư Phật ngộ mà chúng được, chúng được chính là thực hành, thực hành trong cuộc sống của họ, nó khởi tác dụng. Chúng sanh mê mà lưu chuyển, chúng sanh mê mất tự tánh, lưu

chuyên trong luân hồi lục đạo, sống những ngày tháng gian nan, khổ không xiết kể.

Nhưng mật tạng này, ban đầu không có thay đổi. Nhưng tam đức bát nhã, pháp thân, giải thoát, nó không có mê ngộ. Ở nơi Phật không hề tăng thêm, ở nơi phàm phu mê vị của chúng ta cũng không giảm ít chút nào, nó như như bất động.

Bồ Tát Địa Tạng từ lúc sơ phát tâm, “tùng phát tăng na chi sơ” chính là khi mới phát tâm, cho đến khi ngài tu học viên mãn. “Cập trụ Đẳng giác chi hậu, tự hành hóa tha, tổng bất ly thủ tâm mật tạng giả”. Đây chính là y cứ Bồ Tát Địa Tạng tu học và giáo hóa chúng sanh, ngài dựa vào đâu tu hành thành công, dựa vào điều gì để giáo hóa chúng sanh? Dựa vào tự tánh đầy đủ tam đức mật tạng. Địa Tạng như thế, mỗi Chư Phật Bồ Tát cũng như thế. Đây là nói với chúng ta về y cứ lý luận dạy học của Phật pháp, không phải nói tùy tiện, không phải do ai sáng tạo phát minh, không phải, là tự tánh vốn đầy đủ.

Hai câu bên dưới cũng rất quan trọng: “Tâm mật tạng này, tức là niết bàn”. Danh từ niết bàn này, chư vị học Phật đều rất quen thuộc, nhưng ý nghĩa thật sự của niết bàn, người có thể nói rõ ràng không nhiều. Ở đây cũng có giải thích, giải thích cho chúng ta về ý nghĩa của niết bàn.

Nửa đoạn sau của hàng thứ bảy: “Tiếng Phạn gọi là Ma Ha Bát Niết Bàn Na”, người Trung quốc dịch nó thành niết bàn, nghĩa là đại diệt độ. Pháp sư dịch kinh dịch là niết bàn, dịch niết bàn thành đại diệt độ. Đại chính là pháp thân. Diệt tức là giải thoát, diệt phiền não, diệt sanh tử. Ngày nay chúng ta nói tất cả ý kiến, tất cả mọi vọng tưởng phân biệt chấp trước đều đoạn diệt. Độ là bát nhã.

“Thủ tam pháp trung, nhất nhất giai cụ, thường lạc ngã tịnh, cố danh vi đức”. Vì sao gọi là tam đức mật tạng? Tam là nói pháp thân, bát nhã, giải thoát. Đức là nói “thường lạc ngã tịnh”. Pháp thân có thường lạc ngã tịnh, bát nhã có thường lạc ngã tịnh, giải thoát có thường lạc ngã tịnh. “Thường” vĩnh hằng bất biến, “lạc” vĩnh viễn không có khổ, như Thế Tôn nói về thế giới Cực Lạc vậy. “Ngã” là tự tại, đại tự tại. “Tịnh” là thanh tịnh không ô nhiễm, đối với pháp thế xuất thế gian không hề ô nhiễm, cho nên gọi nó là đức.

Bên dưới lại nói: “Bốn đức này, không lìa tâm ta”, là tự tâm vốn đầy đủ. Ví dụ giải thích trong này mọi người tự xem.

Chúng ta xem tiếp trang thứ năm, trang thứ năm, hàng thứ nhất, câu sau cùng, tôi đem điều này liên kết đến đây để xem. “Tuy vào lúc mê, ần mà không mất”, chỉ là “ần”, không thể hiện tiền, nhưng nó không hề mất đi. Tam đức mật tạng của chúng ta không hề mất. “Đang lúc ngộ, chứng mà không trước, nếu trước tức chưa chứng được, tuyệt đối không được chấp

tướng, tuyệt đối không được khởi phân biệt chấp trước, khởi phân biệt chấp trước là mê.

“Cổ tri tâm tạng”, đây là tam đức mật tạng của tự tánh. “Cụ túc chúng bảo”, đây đủ chúng bảo là ví cho vô lượng trí tuệ đức năng. “Tức không giả trung”, tức không, tức giả, tức trung. Tức không là nói từ thể, thể là không tịch. Tức giả là nói từ tướng, tướng hiện ra là mộng huyễn bào ảnh, tướng là huyễn tướng. Không thể nói không có, giống như nằm mộng vậy, trong mộng có tướng thật. Trung là gì? Trung là dạy ta dùng, ta phải dùng trung. Thánh nhân xưa dạy người cũng phải dùng trung, đạo trung dung. Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cũng dạy người dùng trung, trung đạo đệ nhất nghĩa. Vì sao vậy? Vì thể là không, tướng là giả có, hai bên đều không dính đến, hai bên đều không chấp trước, cái dùng này của ta dùng một cách tự tại. Không rơi vào hai bên không và có, phải biến nó thành cuộc sống của chúng ta, như vậy đời này ta sống một cách tự tại an vui. Biết tất cả các pháp thể không tịch, tướng huyễn hữu, có thể thọ dụng không được chấp trước. Đây chính là Phật dạy chúng ta tùy duyên mà không phan duyên, tùy duyên là dùng trung, phan duyên là chấp một bên, sai. Dùng trung là hạnh phúc thật sự, thật sự tự tại, mọi âu lo, sợ hãi, phiền não đều không còn, quý vị xem tự tại biết bao. Ngày nay chúng ta gọi là chúng sanh có trí tuệ cao độ, họ biết dùng trung. Người không biết dùng trung, thì ưu tư phiền não trùng trùng.

Ở đây nói: “Tức không giả trung, vô bất như ý, tâm Phật chúng sanh, tam vô sai biệt, Địa Tạng chi danh, kỳ nghĩa nhược thử”. Đây là giải thích thêm về hàm nghĩa danh từ Địa Tạng Bồ Tát, quý vị em viên mãn biết bao.

Chúng ta xem tiếp hàng thứ sáu, hàng thứ sáu xem từ câu thứ hai, tôi đọc qua một lượt đoạn văn này: “Kim ngã Phật ư, Đạo lợi thiên cung, dĩ pháp giới chúng sanh, ân cần phó chúc Địa Tạng, linh Ta Bà thế giới, chí Di Lặc xuất thế, dĩ lai chúng sanh, tất sử giải thoát, vĩnh ly chư khổ, ngộ Phật thọ ký giả, chánh dục khai thị, ngộ nhập Phật chi tri kiến, tứ đức đại bảo, tận an trí, bí mật tạng trung”, chúng ta chỉ xem đoạn này. Đoạn này nói rõ sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, đem việc hoằng pháp lợi sanh, đem sứ mệnh này, nhiệm vụ này, giao phó cho Bồ Tát Địa Tạng. Ở đây mọi thấu hiểu, Địa Tạng là biểu pháp. Bất cứ ai tu học theo pháp này, y theo pháp này giáo hóa chúng sanh, chính là người mà Thế Tôn giao phó. Người này, như cổ nhân nói “trực tiếp gánh vác”, sự nghiệp của họ là sự nghiệp Địa Tạng, thật sự là tục Phật tuệ mạng, chánh pháp cứu trú. Phật không trụ thế, phải có những người phát đại tâm để làm những công việc này, phải có đại nguyện khiến tất cả chúng sanh “vĩnh viễn xa lìa các khổ, gặp Phật thọ ký”. Giúp chúng sanh như vậy, mới gọi là giúp đến cùng. Dạy họ vĩnh viễn xa lìa các khổ, không được Phật thọ ký, vẫn không viên

mãn, nhất định phải giúp họ gặp Phật thọ ký, việc này khó khăn vô cùng. Nói thì dễ, sao có thể làm được?

Trong kinh này dạy chúng ta rất nhiều phương pháp, nhập môn từ đâu, bắt đầu từ đâu? Từ hiểu thân tôn sư. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện là hiểu kinh của nhà Phật. Phật pháp là dạy học, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này, chắc chắn không phải Tôn giáo. Nếu xem Phật giáo là Tôn giáo, vĩnh viễn không đạt được mục đích này, nó là dạy học, là giáo dục, là sư đạo.

Chúng ta tôn xưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bổn sư, là người thầy căn bản của mình. Chúng ta tự xưng là đệ tử, quan hệ của ta với Phật là quan hệ thầy trò, đây không phải Tôn giáo. Tôn giáo là quan hệ chủ tớ, quan hệ chủ nô, quan hệ cha con, không phải quan hệ thầy trò. Chúng ta là quan hệ thầy trò, phải phân biệt rõ ràng. Nói cách khác, vấn đề lớn này Tôn giáo không thể giải quyết, giáo dục có thể giải quyết. Đương thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi theo con đường giáo dục, ngài không theo Tôn giáo. Nếu ngài đi theo Tôn giáo, đúng là có thể làm giáo chủ. Không giải quyết được vấn đề. Vì sao vậy? Vì trong đó có vọng tưởng phân biệt chấp trước.

Trong thời đại này của chúng ta, đem Phật pháp giới thiệu cho quảng đại quần chúng, việc lớn quan trọng nhất là chính danh. Khổng phu tử nói: “Danh bất chánh tắc ngôn bất thuận”, trước tiên phải chính danh. Đa phần khi nhắc đến Phật pháp đều cho Phật giáo là Tôn giáo, hiện nay chúng ta không còn cách nào khác, người xưa thích đơn giản, không thích phiền phức. Hiện nay bắt buộc phải phiền phức một chút, thêm hai chữ vào trước Phật giáo “giáo dục Phật giáo”. Đây là chính danh, danh chính thì ngôn thuận.

Giáo dục dạy từ đâu? Bắt đầu dạy từ hiểu thân tôn sư, bộ kinh này là dạy chúng ta về hiểu thân tôn sư. Vì sao vậy? Vì hiểu thân tôn sư là tánh đức, hiểu thân tôn sư là giác không phải mê. Dùng phương pháp này, khai phát tam đức bí tạng vốn đầy đủ trong tự tánh của chúng ta. Trước tiên biết hiểu thuận cha mẹ mình, tôn trọng thầy mình, sau đó mở rộng dần, hiểu thuận tất cả chúng sanh. Trong đại kinh Đức Phật nói, tất cả chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật vị lai của ta. Cha mẹ trong quá khứ của mình, ta phải hiểu kính, phải hiểu thuận họ. Chư Phật vị lai ta phải tôn kính, chư Phật vị lai là thầy. Nếu không kiến lập được quan niệm này, nếu không làm được điều này, tam đức bí tạng vĩnh viễn ẩn chứa trong đó, không hiện tiền. Nếu muốn tam đức bí tạng hiện tiền, tam đức bí tạng hiện tiền, nói cho chư vị biết đó là pháp thân đại sĩ, đã siêu phàm nhập thánh. Ta phải thấu triệt, phải làm được. Không hiểu không làm được, vậy là vĩnh

viễn không thể siêu phàm nhập thánh, không siêu được. Vấn đề này không ai giúp được, tuy Chư Phật Bồ Tát rất thương yêu chúng ta, không giúp được.

Ân đức của Phật đối với chúng ta, chỉ là dạy chúng ta. “Khai thị ngộ nhập”, Phật có thể làm được khai thị. Khai là ngôn giáo, thị là thân giáo, làm cho ta thấy, làm gương cho ta thấy, chỉ thị cho chúng ta, bản thân ta phải có năng lực ngộ. Ta nghe Phật khai thị, thấy hành nghi của Phật, ta phải giác ngộ. Sau khi ngộ ta phải khế nhập, cũng phải nhập cảnh giới Phật. Ta không ngộ, không nhập, như vậy đồng nghĩa với con số không. Vấn đề ngộ nhập này Đức Phật không giúp được.

Trong hội Lăng Nghiêm chư vị thấy, tôn giả A nan giữ tâm may mắn, thực tế là làm như thế cho chúng ta thấy. Cho biết mọi người phải tu hành, không tu hành không thể thành tựu. Tôi không sao, Phật là anh của tôi, tôi không tu hành tương lai ngài cũng giúp tôi một tay, tôi cũng thành Phật, Phật giúp tôi. Tôn giả A nan gặp nạn nữ Ma đấng già, mới biết bản thân không tu hành, anh trai cũng không giúp được gì. Chúng ta vấn đề này, không ai có thể giúp ta được.

Chúng ta nói một cách đơn giản, chính là buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ta phải chịu buông bỏ mới được. Bất kỳ ai cũng không giúp ta buông bỏ được. Sao ta chịu buông bỏ? Vì ta thật sự giác ngộ. Cho nên Phật chỉ có thể giúp được là giúp ta giác ngộ, giảng kinh thuyết pháp cho ta, lúc nào cũng đem chân tướng sự thật này nói cho ta nghe. Một lần không giác ngộ thì hai lần, hai lần chưa giác ngộ thì ba lần. Phật rất kiên nhẫn, điều này cao hơn Không phụ tử. Không phụ tử nói ba lần quý vị không hiểu, không dạy nữa. Phật rất từ bi, ba lần không hiểu vẫn dạy, 100 lần, 1000 lần không hiểu vẫn không từ bỏ, đây đúng là đại từ đại bi, điều này những bậc thầy thế gian không làm được. Gặp một học sinh càng càng khó giáo hóa như thế, học sinh không nghe lời, ngài vẫn không từ bỏ, vẫn rất từ bi, đến đâu để tìm? Tìm không ra người thầy tốt như vậy. Đây là điều chúng ta cần phải học tập, bản thân phải giác ngộ, phải buông bỏ, phải khế nhập, sau đó phải học giống như Phật. Không có bất kỳ điều kiện, khi giúp tất cả chúng sanh. Trong giúp đỡ, chúng ta cũng phải dùng thân phận người làm công tác giáo dục để làm, vậy là không có sai lầm. Nhưng người làm công tác giáo dục, đây là thân phận thật của Chư Phật Bồ Tát, họ ở thế gian tùy loại hiện thân. Bất luận hiện thân phận gì, đều lợi dụng thân phận này, lợi dụng chức vị của họ, lợi dụng quyền thế của họ, hoàn toàn đi theo giáo dục trí tuệ, đây chính là Phật Bồ Tát. Trong kinh chúng ta thấy quốc vương Bồ Tát, đại thân Bồ Tát, tể tướng Bồ Tát. Người kinh doanh là thương nhân Bồ Tát, theo ngành y gọi là y vương Bồ Tát. Thân phận của ngài không giống nhau, ngành nghề khác nhau, nhưng tinh thần của ngài hoàn toàn tương

đồng, giúp chúng sanh giác ngộ. Đúng là điều khiến họ giải thoát, vĩnh viễn thoát ly các khổ, gặp Phật thọ ký.

Gặp Phật thọ ký, trong thời đại lớn hiện nay của chúng ta, chỉ có khuyên người tu pháp môn Tịnh độ, buông bỏ vạn duyên nhất tâm niệm Phật, họ nhất định gặp Phật thọ ký. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật”. Thấy Phật làm gì có chuyện không được thọ ký? Chúng ta dùng phương pháp khác, khiến tất cả chúng sanh gặp Phật thọ ký rất khó, thật không phải dễ. Pháp môn Tịnh độ dễ, hầu như người chịu học đều có thể được Phật thọ ký.

Danh hiệu Địa Tạng chúng ta giới thiệu đến đây, đoạn thứ hai bên dưới nói về Bồ Tát, ý nghĩa hai chữ Bồ Tát dễ hiểu, hai chữ này cũng là tiếng Phạn. Ở trang thứ năm, câu thứ nhất hàng thứ sáu từ dưới lên. “Cụ túc ứng vân bồ đề tát đỏa”, đây là dịch âm tiếng Phạn, cũng thuộc về tôn trọng không dịch. Ý này có thể dịch, vì sao không dịch? Vì tôn trọng nó, tôn trọng không phiên dịch. Người Trung quốc thích đơn giản, “bồ đề tát đỏa” là lược bớt âm đuôi, chúng ta gọi là “Bồ Tát”. Ý này, cả hai phương pháp phiên dịch của cổ kim đều dịch rất hay, hai loại phiên dịch cổ kim là lấy đại sư Huyền Trang làm giới hạn. Trước đại sư Huyền Trang, chúng ta quen gọi là cổ dịch, đại sư Huyền Trang trở về sau gọi là kim dịch, cổ kim là lấy điều này làm tiêu chuẩn. Ngày xưa phiên dịch, chính là trước đại sư Huyền Trang đều dịch là “đại đạo tâm chúng sanh”. Bồ Tát là chúng sanh, thực tế mà nói không khác gì chúng ta, nhưng người ta có đạo tâm. Hàng tiểu thừa cũng có đạo tâm, cho nên giản biệt là đại đạo tâm, đạo tâm đại thừa, đây gọi là Bồ Tát. Đại sư Huyền Trang dịch là “giác hữu tình”, chúng sanh hữu tình giác ngộ. Đây là giản biệt đối với hàng phàm phu chúng ta, là chúng sanh hữu tình mê hoặc, Bồ Tát là chúng sanh hữu tình giác ngộ. Hai loại giải thích đều hay.

Hữu tình chúng sanh giác ngộ chính là Bồ Tát, trình độ giác ngộ sâu cạn không giống nhau, cho nên giai cấp của Bồ Tát cao thấp không tương đồng. Trong đại thừa viên giáo, từ Bồ Tát sơ tín vị, cho đến Đẳng giác Bồ Tát, tổng cộng có 51 địa vị, đây là đã giác ngộ. Tiêu chuẩn giác ngộ là gì? Ở trước nói là pháp thân, Bát nhã, giải thoát, lấy điều này làm tiêu chuẩn.

Bồ Tát sơ tín vị, hai tông Thiên thai, Hiền thủ đều nói, đoạn tận tam giới 88 phẩm kiến hoặc. Chúng được sơ tín vị Bồ Tát, đây là địa vị thấp nhất của Bồ Tát. Giống như ta đi học, lớp một tiểu học, ta lên lớp một. Tuy địa vị thấp nhất, vì sao gọi là bậc giác ngộ? Vì họ không thoái chuyển, họ chúng được gọi là vị bất thoái, trong tam bất thoái họ chúng được vị bất thoái. Nghĩa là nói, họ tuyệt đối không thoái chuyển làm phàm phu, điều

này rất khó được. Chúng ta biết, trong 88 phẩm kiến hoặc, điều đầu tiên là thân kiến, có thể thấy những người này họ giác ngộ điều gì? Không còn xem thân này là chính mình.

Viên giáo sơ tín vị Bồ Tát, họ coi cái gì là chính mình? Coi tận hư không biến pháp giới là chính mình, coi tất cả chúng sanh là chính mình, họ thật sự giác ngộ. Cho nên họ có một phần tương ứng với tam đức bí tạng: pháp thân, bất nhã, giải thoát. Tuy tương ứng không nhiều, không đủ sâu, tương ứng một phần. Quan niệm của họ chính xác, kiến giải đúng đắn không sai lầm. Tất cả chúng sanh là chính mình, hư không pháp giới là chính mình, họ có nhận thức này. Đây chính là trí tuệ, nhận thức là trí tuệ.

Ở trong này họ được tự tại, buông bỏ ngã và ngã sở, nói như hiện nay, buông bỏ sự được mất. Phạm phu suy tính hơn thiệt, họ buông bỏ ý niệm được mất, trong đời này không còn có ý niệm được mất. Được họ cũng không hoan hỷ, mất họ cũng không âu lo, không quan tâm được mất. Đây là Bồ Tát sơ tín của viên giáo. Phạm khế nhập vào cảnh giới này đều là Bồ Tát, bất luận thân phận gì, cũng bất luận là Tôn giáo nào.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, có rất nhiều Bà la môn, ngoại đạo, họ khế nhập cảnh giới này, đó đều là Bồ Tát, chúng ta đều gọi họ là Bồ Tát. Những người này cũng đều là đệ tử Phật, cũng đều là học sinh của Phật. Có thể thấy Phật giáo dạy về nền văn hóa đa nguyên, không bài xích Tôn giáo. Trong hàng đệ tử Phật, Bà la môn, ngoại đạo rất nhiều.

53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, chúng ta thấy Bà la môn Thắng Nhiệt, Biến hành ngoại đạo, nói như hiện nay đây chính là lãnh tụ Tôn giáo. Họ đã giác ngộ, có cơ duyên nghe Phật thuyết pháp. Tâm hành của họ, tư tưởng, kiến giải, hành trì của họ tương ứng với tam đức bí tạng, Bồ Tát, Bồ Tát Bà la môn, Bồ Tát ngoại đạo.

Ngày nay chúng ta tiếp xúc với các Tôn giáo khác, đặc biệt khi tôi ở Úc châu, Úc châu thù thắng hơn đây, tôi xưng họ đều xưng là Bồ Tát. Chúng tôi tụ hội cùng nhau thảo luận, tôi xưng họ là Bồ Tát, họ cũng rất hoan hỷ, hỏi tôi Bồ Tát nghĩa là gì? Bồ Tát là người có trí tuệ người giác ngộ, quý vị đều là người có trí tuệ giác ngộ, họ đều cười, quý vị đều là lãnh tụ Tôn giáo.

Thiên chúa giáo gọi họ là thân phụ Bồ Tát, Cơ đốc giáo là mục sư Bồ Tát, chẳng phải chúng ta đều bình đẳng cả sao? Văn hóa đa nguyên lập tức dung hòa, trong dị có đồng, đồng không chướng ngại dị. Quý vị vẫn là thân phận thân phụ, thân phận mục sư, Kinh Hoa nghiêm nói sự sự vô ngại, mới có thể hiển thị ra cái tốt đẹp của thế giới muôn màu này, không phải chỉ một màu. Một màu là sai, ta nhất định phải hiểu đạo lý này.

Tôi đưa ra một ví dụ để quý vị suy nghĩ xem, chẳng hạn thân người chúng ta, thân này là hoàn toàn trang nghiêm. Mũ đội rất hoa lệ, trên thân

đeo anh lạc, tay đeo trang sức vòng, nhẫn, đây là văn hóa đa nguyên. Đầu không phải thân, thân không phải tay, tay không phải chân, ta nhất định phải thống nhất, phải giống nhau. Mũ đội trên ngón tay, nhẫn đeo trên đầu, chẳng giống ai, thành thể thống gì?

Quý vị mới biết mỗi dân tộc, có văn hóa của dân tộc đó, có cái đẹp của dân tộc đó. Đầu có cái đẹp của đầu, thân có cái đẹp của thân, tay có cái đẹp của tay, chân có cái đẹp của chân, đây là văn hóa đa nguyên. Dung hợp tất cả lại, trở thành cái đẹp toàn thể, sao có thể cưỡng bức giống mình được? Vậy là sai hoàn toàn. Cưỡng bức tay phải giống chân vậy, đầu đội mũ, ngón tay cũng phải đội mũ, ra thể thống gì. Văn hóa vốn chính là đa nguyên, vũ trụ vốn là đa nguyên. Trong này chú trọng lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, mới được đại tự tại, mới là chân thiện mỹ tuệ.

Phật pháp dạy học tuyệt đối không miễn cưỡng ai, tuyệt đối không có ý niệm khống chế người khác. Đây là đạt được tự tại thật sự, tự do thật sự, tự do không trở ngại tự do người khác. Xưa nay không hề có vọng niệm chấp trước, không có phân biệt, không có chấp trước. Tuyệt đối không có khống chế, chúng ta mới thật sự được giải thoát, mình và người đều giải thoát, vậy mới đạt được chân thiện mỹ tuệ. Tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, xã hội tốt đẹp.

Trong dị có đồng, trong đồng có dị, đồng dị không chướng ngại. Đồng này là gì? Là tự tánh tương đồng, tôn trọng tương đồng, yêu thương nhau tương đồng, hợp tác lẫn nhau tương đồng. Áo quần chúng ta có thể bất đồng, phương thức sống có thể khác nhau, mấy cái đồng cơ bản này, đây là tự tánh, tánh đức. Chúng ta thấy thế giới Hoa Tạng, xem thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn là như vậy ư?

Thế gian hiện nay, có những người dã tâm muốn chinh phục thế giới, muốn bức bách người khác sống cuộc sống như mình, đồng hóa giống như mình vậy, sai lầm. Trái với sinh thái tự nhiên, họ không bao giờ thành công, chỉ có tạo nghiệp mà thôi. Phật Bồ Tát có trí tuệ cao độ, họ rõ ràng minh bạch đối với những điều này. Người rõ ràng, người minh bạch, người này gọi là Bồ Tát.

Chúng ta tiếp xúc với tất cả mọi người, đều gọi họ là Bồ Tát. Họ làm quan gọi là tể quan Bồ Tát, họ kinh doanh gọi là doanh nhân Bồ Tát. Trước tiên chúng ta chụp cho họ chiếc mũ Bồ Tát, sau đó mới khiến họ thật sự học Bồ Tát, như vậy họ sẽ rất vui. Dạy họ học Bồ Tát trước, học xong mới đội mũ cho họ, vậy phải đến khi nào họ mới có thể đội được? Cho họ trước, sau đó dạy họ học Bồ Tát như thế nào, phương pháp này rất hiệu quả.

Trên thực tế chúng ta đang làm, đang làm công việc này, làm rất có

thành tựu. Hy vọng chư vị đồng học cố gắng suy nghĩ, nên học như thế nào có thể thành tựu chính mình, giúp người khác. Bản thân làm Bồ Tát, cũng độ rất nhiều người làm Bồ Tát, vậy là công đức vô lượng.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 6**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 07****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Khánh Hiếu****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ năm, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Thứ thích bốn nguyện chi pháp, bốn tức bốn tích, nguyện hi tu nhạo dục chi ý, chí cầu mãn túc chi xung”. Trong phần giải thích tên đề này, trước tiên là tách ra để giảng.

Phần trước đã giới thiệu qua Bồ Tát Địa Tạng. Đây là đoạn bốn nguyện thứ ba. Pháp sư Thanh Liên chú giải rất hay, bốn nghĩa là bốn tích, cũng chính là trong đời quá khứ đã từng phát nguyện này. Cách giảng này là theo sự tướng mà nói, chúng ta cũng rất dễ hiểu. Ngoài ra còn có một cách nói khác, ở đây ngài cũng nói ra, bốn chính là bản tánh. Ở đây nói: “do Bồ Tát thác căn tánh địa dĩ long kì nguyện bốn”. Cách nói này so với nghĩa trước sâu sắc hơn. Kì thật bốn là căn bản, căn bản chính là tánh đức vốn đầy đủ trong tự tánh. Do đây có thể biết, tất cả chúng sanh, người người đều có, chẳng ai không có, chỉ là bị vô minh phiền não che lấp mà thôi! Tuy có mà không thể hiện tiền. Chúng ta thử nghĩ xem, ai mà không yêu thương bản thân mình? Trên thân thể này của ta, một sợi tóc, một cọng lông, chúng ta đều rất yêu quý, nghĩa là chỉ động đến một sợi tóc là liên quan đến toàn thân. Làm sao có lí không yêu quý được? Sự yêu quý này gọi là bốn nguyện, nó không phải là điều từ bên ngoài đến, mà là tự nhiên. Nhà Phật thường nói “pháp nhĩ như thị”. Đó mới là căn bản.

Chúng sanh mê muội đánh mất chính mình, cho nên đối với việc quan trọng của bản thân mình, trở nên phản ứng chậm chạp, thường là làm ngược lại, làm hại chính mình. Đó gọi là tội lỗi. Bồ Tát giác ngộ rõ ràng, vốn dĩ tận hư không biến pháp giới là chính mình, nên các ngài đối với sáu la vạn tượng, tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới, sáu la vạn tượng và tất cả chúng sanh là một nghĩa, không thể không yêu quý. Nhưng chỉ khi giác ngộ rõ ràng thì tâm hộ niệm, lòng yêu quý mới hiển bày. Chúng ta nói đó là phát nguyện. Nguyện này phát khởi, kì thật nguyện này là bốn nguyện, trước đây bị phiền não vô minh che lấp, trước đây không hiện tiền, nay vô minh phiền não chướng ngại này đã trừ sạch, cho nên nguyện lực ấy hiện tiền. Đây gọi là bốn nguyện, đây mới là bốn nguyện chân chánh, bốn nguyện chân thật.

Cuối cùng có một đoạn cũng nói đến nghĩa này, câu cuối cùng hàng thứ hai từ dưới đếm lên: “Hựu tức bản tánh chi lực dụng, Đại Sĩ xứng bốn lập nguyện”. Bốn là tự tánh. “Nãi tự tâm khởi tín, hoàn tín tự tâm”. Cách nói này rất gần gũi. Quý vị hãy suy nghĩ thật kỹ, cẩn thận tỉ mỉ để thể hội. “Xứng bốn lập nguyện”, lập nghĩa là khởi, nghĩa là hiện, là hiện khởi. Nếu “lập” xem như pháp thân để nói thì nghĩa đó đã sai. Lúc đó bốn nguyện của quý vị hiện tiền. Chỗ này chú giải rất nhiều, chú giải cũng rất hay, chúng ta đọc qua một lượt, từ trang thứ năm hàng cuối cùng, chúng ta đọc từ đây. Sau đây, họ đưa ra thí dụ: “Thí thụ chi nhân địa phát căn, căn thâm bốn đại, tác chi diệp y chi nhi phu vinh, hoa quả do chi nhi mậu thực, cuồng phong tuy đại, bất năng động dao”. Đoạn này là thí dụ, rất là dễ hiểu.

Sau đây là chánh thuyết: “Nguyện bất y đế danh vi cuồng nguyện, đế bất tùng tâm mục vi tà đế”. Hai câu này rất quan trọng. Đế là gì? Dùng cách nói hiện nay gọi là chân lí. Nguyện phải dựa vào chân, phải dựa vào lí, đó mới gọi là nguyện. Nếu nguyện không dựa vào chân, không dựa vào lí thì nguyện đó là giả, nguyện đó sẽ dao động, sẽ thoái chuyển, sẽ đổi thay. Tùy theo cảnh giới bên ngoài mà tâm ấy của họ sẽ thay đổi. Nguyện này không đáng tin cậy.

Do đây có thể biết, phàm phu chưa kiến tánh, những lời họ nói ra rất khó tin. Người hiện nay thường nói không giữ chữ tín, không đáng tin cậy. Đó chính là nguyện không dựa vào đế. Người xưa, không cần nói cách đây rất lâu, mà nửa thế kỉ trước vẫn còn có người thủ tín. Điều này là sao vậy? Tuy họ không dựa vào đế nhưng họ dựa vào lời dạy của các bậc thánh hiền. Đây đúng là “giáo học vi tiên” mà trong Học Kí đã nói. Họ tiếp nhận sự giáo dục này, họ biết được sự đối đãi giữa người với người cần phải thủ tín, nên họ có thể vâng theo. Nhưng khi gặp sóng to gió lớn, vì muốn bảo toàn bản thân, bảo toàn sanh mạng mình, bảo toàn lợi ích của mình, họ cũng bỏ đi sự thủ tín. Gặp phải thay đổi lớn lao phát sanh, thì sẽ có hiện tượng này. Gặp tai nạn lớn, dù phải hi sinh sanh mạng và tài sản, cũng không thể dao động, đó là dựa vào đế. Vì vậy, như Bồ Tát, dù quý vị hủy nhục họ, quý vị hãm hại họ, hay quý vị dùng phương pháp cực kì tàn khốc để đối đãi với họ, thì đối với tâm thương yêu chúng sanh của họ cũng không một mảy may thay đổi. Đó là dựa vào đế. Vì sao họ có thể làm được? Đức Phật ở trong kinh, đưa ra cho chúng ta câu chuyện vua Ca Lợi bị cắt xẻo thân thể, vì sao vua không có một mảy may tâm báo thù oán hận? Đó là dựa vào đế. Đế là gì? Là từ trong tự tánh chân tâm hiển hiện ra, là đức năng vốn đầy đủ trong tự tánh chân tâm, cho nên đó gọi là bốn nguyện.

“Đế bất tùng tâm, mục vi tà đế”. Hai câu này phải dùng lời hiện tại để nói, nếu chân lí không tương ứng với tự tánh thì chân lí đó không đáng tin cậy. Đó là giả không phải là thật. Người thế gian nói về chân lí rất nhiều, nhưng tiêu chuẩn đều không giống nhau. Nói chung, không như Phật pháp,

Phật pháp là dựa vào tự tánh. Thế trí biện thông này của thế gian, người thông minh hơn nữa họ quan sát tỉ mỉ, nói ra những đạo lý, quý vị nghe, nghe thật kỹ, thì thấy dường như đúng mà sai. Nguyên nhân là ở đâu? Là vì không tương ứng với tự tánh. Đây là sự khác nhau giữa thế pháp với Phật pháp.

Chúng ta thử xem Bồ Tát Địa Tạng. “Kim dĩ tâm vi địa, đế vi căn, nguyện vi bản, nhiên hậu chánh hạnh chi chi phu xướng, trợ đạo chi diệp uất thông, thất giác tịnh hoa, bát chánh đạo quả, thành thực pháp lâm chi thụ, trang nghiêm tổng trì chi hoa”. Thí dụ này phù hợp với pháp, chúng ta vừa đọc đã hiểu được. “Cố tu xưng bản lập nguyện, phương năng yếu chế kì tâm, tưng ngộ cảnh phong, bát năng trở hoại”. Mấy câu này rất quan trọng. Do đây có thể biết, Bồ Tát chân chánh tu hành, quý vị suy nghĩ xem, chân tâm rất quan trọng. Chúng tôi vì mọi người đưa ra điều thứ nhất là “chân thành”. Đó chính là căn bản. Nếu không có tâm chân thành thì toàn bộ đều là giả, bất luận quý vị tu học thế nào, quý vị tính tấn thế nào, đến cuối cùng đều trống rỗng. Thế nào gọi là chân thành? Chân thành chính là không vụ lợi, nếu có một chút tư lợi thì không thành, thì không chân. Đọc bài viết của Tăng Quốc Phiên, có ghi một định nghĩa của chữ “thành”. Ông ta giải thích: “một niệm không sanh, gọi đó là thành”. Cách giải thích này rất có lý. Đại Sư Huệ Năng trong Đàn Kinh nói với chúng ta: “bỏ lai vô nhất vật”, đó là chân tâm. Trong kinh luận Đại thừa cũng thường nói: “chân tâm ly niệm”. Cách nói này với cách nói “bỏ lai vô nhất vật” của Lục Tổ là cũng một ý. Nhưng tổ sư đại đức lại nói với chúng ta, ly niệm là lìa tà niệm, không phải không có chánh niệm.

Chánh niệm và tà niệm có gì khác nhau? Khởi tâm động niệm, niệm đó là tà niệm. Không khởi tâm, không động niệm, mắt có thể thấy, tai có thể nghe, đó là chánh niệm. Nếu quý vị nghe vẫn không hiểu, thì tôi sẽ nói tiếp, chúng ta dùng căn tánh của sáu căn là chánh niệm, nếu dùng thức của sáu căn đó là tà niệm. Đây là pháp tướng tông nói, cách nói này chúng ta rất dễ hiểu. Cho nên chánh niệm là Phật niệm, chính là Phật tri Phật kiến. Trong Phật tri Phật kiến nhất định không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị chỉ cần mắc vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì niệm đó là bất chánh. Xa lìa tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó mới gọi là chánh niệm hiện tiền. Đó là người nào? Mọi người đều biết, đó là Bồ Tát sơ trụ của viên giáo, phá được một phẩm vô minh, chứng được một phần pháp thân, lúc đó gọi là chánh niệm hiện tiền, chân tâm hiện rõ. Người không kiến tánh, hết thấy đều dùng thức tâm, không phải là chân tâm.

Bộ kinh này cũng là đại kinh viên giáo nhất thừa liễu nghĩa. Trong ngũ trùng huyền nghĩa phân giáo, Đại Sư Thanh Lương đã nói rất rõ ràng, Bồ Tát Địa Tạng từ vô lượng kiếp về trước đã thành Phật, nhưng vì lòng đại từ đại bi mà ngài thoái lui ở địa vị Bồ Tát. Dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta phát tâm từ bi, không ở địa vị Phật, mà ở địa vị Bồ Tát, làm người bạn

không mời của tất cả chúng sanh. Điều này rất khó được. Vì vậy, từ trong sự chân thành phát nguyện, quý vị mới có thể không chế được vọng tâm của mình. Bên dưới nói, “phương năng yếu chế kỳ tâm”, tâm ấy là vọng niệm, quý vị mới có thể không chế được. Quý vị không có chân thành, thì làm sao quý vị có thể không chế tập khí phiền não của quý vị, vọng niệm là tập khí phiền não. Quý vị không có biện pháp không chế, không có biện pháp khắc phục. Nếu cứ theo tập khí phiền não của mình thì làm sao quý vị không tạo nghiệp được? Quý vị tu học làm sao có thể đạt được thành quả chứ? Vì vậy, từ xưa đến nay, phàm là người tu học có thành tựu, không gì khác, căn bản của họ chính là chân tâm. Với một tấm chân thành, họ nhất định có thể thành tựu. Tuy thành tựu có lớn nhỏ khác nhau nhưng nhất định sẽ thành tựu.

Thành tựu này về hiện tượng có hai thứ: Một là gặp được duyên thù thắng, nhất định vãng sanh bất thoái thành Phật. Hai là gặp duyên không thù thắng, không có cơ duyên thù thắng không gặp được pháp môn Tịnh Tông, họ cũng nhất định được phước báo sanh lên cõi trời, họ không ở nhân gian, vì nhân gian không có phước báo lớn như vậy, họ được hưởng phước trời. Chúng ta cần phải phát tâm, điều này là rõ ràng nhất. Nhưng điều này nói thì dễ làm rất khó. Bắt đầu làm từ đâu? Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “phương tiện tối sơ”, chính là nói nhập môn từ chỗ nào? Bắt đầu hạ thủ từ đâu? Thời xưa, Tư Mã Quang có câu nói rất đạo lý, chúng ta cần phải học tập. Bắt đầu hạ thủ từ chỗ “không dối mình, không dối người”. Quý vị phải học sự chân thật, tuyệt đối không lừa dối bất kỳ một chúng sanh nào, phải bắt đầu từ thành thật. Quý vị làm người không thành thật, đối xử với người khác không thật lòng thật ý, lại thường nói dối, thì quý vị sẽ thành tựu được gì? Quý vị không thể thành tựu. Do đây chúng ta cũng biết được, tu hành chân chánh bắt đầu từ không nói dối, bắt đầu từ đây. Thật sự làm được “sự vô bất khả cáo nhân tri”. Khởi tâm động niệm, mọi việc làm trong một đời của quý vị, không có một việc gì không thể công khai, không thể nói với người khác. Quý vị khởi tâm động niệm, tất cả việc làm không thể nói với người khác, đó không phải là việc tốt. Toàn bộ đều phải biến thành trong suốt, đó là tự tánh, là tánh đức. Phàm là cái gì có ẩn tàng, đó là một mặt của vô minh đen tối, đó là chướng ngại, là chướng ngại minh tâm kiến tánh. Thuật ngữ của người thời nay nói là biến thành trong suốt. Tất cả biến thành trong suốt là chỗ bắt đầu tu hành của chúng ta. Nếu chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này, thì phải thật sự thực hành. Thực tế mà nói, công đức lợi ích trong đây không thể suy lường. Người thế gian mê hoặc điên đảo, cho rằng việc che dấu mới có thể được lợi ích, họ không hiểu được việc che dấu bản thân mình thật sự không được lợi ích. Lợi ích trong suốt so với lợi ích che dấu không biết lớn hơn bao nhiêu lần! Lợi ích hiện tiền, quý vị nhận được sự tin cậy của mọi người, nhận được sự tôn kính của mọi người. Lợi ích tu học là chứng quả,

quí vị có thể minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Chúng ta không cố gắng thực hành, thì không thể được.

Dưới đây đưa ra ví dụ để nói, điều này quí vị đều rất rõ ràng, rất minh bạch, nguyện có thông có biệt, thông là tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện có thể nói là tất cả chư Phật và Bồ tát lúc ở nhân địa đã phát vô lượng vô biên đại nguyện, quy nạp thành bốn loại lớn này. Tất cả chư Phật Như Lai trong ba đời mười phương, bất luận phát nguyện gì, đều không lìa bốn cương lĩnh này. Vì vậy, bốn cương lĩnh này là cương lĩnh chung cho hạnh nguyện của tất cả Bồ Tát.

Tứ hoằng thệ nguyện là dựa vào tứ đế, tứ đế là từ tự tánh, cho nên gọi đó là chân lí. Dựa vào khổ đế phát “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, phát nguyện này là từ trong tự tánh của quí vị tự nhiên phát ra, không có chút miễn cưỡng. Nhà Nho nói đó là “lòng trắc ẩn”. Thấy người có khổ nạn, tự động tự nhiên chúng ta sẽ ra tay giúp đỡ. Thấy một em bé không cẩn thận rơi xuống nước, quí vị nhất định lập tức xuống nước kéo bé đưa lên, nhà Nho gọi đó là lòng trắc ẩn. Trong Phật pháp là căn bản, từ bản lập nguyện. Đây không phải là học được, cũng không có ai sai bảo quí vị, mà hoàn toàn xuất phát tự nhiên, đó là sự bộc lộ của tánh đức.

Trong sinh hoạt của chúng ta, không phải từ trước đến nay chưa từng bộc lộ tánh đức. Có, nhưng thời gian rất ngắn, đa số thời gian đều si mê, khi thấy cảnh giới khổ đau của chúng sanh, lúc đó không có ý niệm nào hết, tánh đức của quí vị bộc lộ. Nếu khởi một niệm, ta giúp đỡ họ được không? Ta giúp đỡ họ thì hậu quả như thế nào? Thế thì phiền phức rồi, quí vị đã rơi vào trong vọng niệm rồi. Gặp một người bạn nhỏ, gặp một động vật nhỏ, thường thì lúc đó chúng ta không có suy nghĩ gì, thấy họ gặp nạn, thấy họ khổ đau, quí vị lập tức tự động giúp đỡ họ. Ở chỗ này có thể thấy được, tánh đức trong tự tánh của chúng ta đã bộc lộ. Nếu nghĩ đến lợi hại, nghĩ đến cái khác thì quí vị sẽ rơi vào trong ý thức, đó là vọng tâm, không phải là chân tâm. Bồ Tát không như chúng ta, chính là chân tâm tánh đức của họ, có thể giữ gìn mãi mãi không mê không thất. Chúng ta cũng có, nhưng thường dễ mê mất, chính mình không biết được. Hiện nay chúng ta muốn làm, thực tế mà nói chính là lời đức Phật dạy chúng ta, làm thế nào có thể giữ gìn tánh đức của chúng ta không bị mê mất. Trong kinh luận thường nói, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, niệm thứ nhất là tánh đức. Chúng ta mở mắt, thấy cảnh giới bên ngoài, đó là tánh thấy thấy. Lúc đó không khởi phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Mắt mở ra giống như máy chụp ảnh, chụp được bên ngoài rất rõ ràng, đó là tánh thấy thấy. Nhưng đến niệm thứ hai, niệm thứ hai đã trở thành nhãn thức, đó là tánh thấy biến thành nhãn thức. Vì sao vậy? Vì có phân biệt, có tốt xấu, có chấp trước, thì phiền phức sẽ đến, là đã sai rồi, hoàn toàn sai!

Năng lực của chư Phật chư Bồ Tát khác với phàm phu chúng ta, các ngài mãi mãi giữ gìn tánh thấy để thấy, tánh nghe để nghe, cho nên nói là minh tâm kiến tánh. Các ngài thấy cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài là tự tánh. Tánh thấy thấy sắc, sắc đó không gọi là trần, mà gọi là sắc tánh. Tánh nghe nghe tiếng, tiếng không phải là trần, mà là thanh tánh. Thấy sắc nghe âm thanh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khởi thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, dẫn đến mê muội, dẫn đến sai lầm. Chúng ta suy nghĩ lời Đức Phật nói: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Tâm tưởng chính là thức, thức biến cảnh giới, tâm tánh chỉ là hiện tượng, thức là chuyển biến nó. Nếu không chuyển biến thì chỉ có tánh hiện, pháp giới này gọi là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới này ở đâu? Ở ngay trước mắt chúng ta. Nếu chúng ta dùng tánh thấy thấy sắc tánh, đó chính là nhất chân pháp giới. Vì vậy, niệm thứ nhất của chúng ta đều là công đức của tự tánh. Khi niệm thứ hai chuyển biến thành thức, trong thức sẽ khởi biến hóa, nên cảnh giới bên ngoài biến đổi theo tâm, đó là điều Đức Phật nói “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Tâm tưởng là thức. Từ tâm tưởng sanh thì cảnh giới không bình đẳng, sẽ có thiện ác, sẽ có tốt xấu. Nếu là tánh thấy thấy, tánh nghe nghe thì cảnh giới này bình đẳng, không có tốt xấu, không có thiện ác, không có thị phi, mà là cảnh giới bình đẳng thanh tịnh. Cảnh giới biến đổi đều trong khoảng một niệm của chúng ta, không phải là người khác biến đổi cho chúng ta hưởng thụ, mà tự mình biến đổi, tự mình thọ dụng, đó là sự thật, không liên quan đến người khác. Nếu người khác có thể biến đổi cho chúng ta hưởng thụ, thì chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi, chúng ta còn cần phải tu hành sao? Nếu các Ngài không biến đổi cảnh giới tốt đẹp cho chúng ta hưởng thụ, thì các Ngài đã không từ bi rồi! Sự việc này các Ngài không làm được, nhất định chúng ta phải làm. Các ngài có thể khai thị cho chúng ta, giảng giải cho chúng ta, chỉ thị cho chúng ta. Nếu chúng ta muốn được hưởng thụ thật sự thì tự mình phải ngộ nhập. Nghe lời khai thị của Phật, quý vị phải có năng lực ngộ nhập. Nếu quý vị không thể ngộ nhập thì Đức Phật cũng không cách nào ngộ nhập thay cho quý vị. Điều này Phật không làm được, mà nhất định phải tự mình ngộ nhập. Quý vị ngộ nhập một phần, thì quý vị có thọ dụng một phần, quý vị ngộ nhập mười phần, thì quý vị có thọ dụng mười phần. Thọ dụng này là thọ dụng trên quả địa của chư Phật Bồ Tát.

Thực tế mà nói, tứ hoàng thế nguyện tôi đã giảng rất nhiều trong các pháp hội. Nguyện chân chánh là nguyện thứ nhất, chính là “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, chính là nguyện này. Ngày nay chúng ta không phát ra nguyện này, chỉ là thấy được người khác phát, chúng ta nghe và đọc theo, chứ không phát ra. Vì sao vậy? Nếu nguyện này phát ra thì ba nguyện sau sẽ hoàn thành. Ba nguyện sau đều là điều kiện muốn hoàn thành nguyện thứ nhất. Quý vị muốn độ các chúng sanh khổ đau này, nếu bản thân quý vị

không có biện pháp lìa khổ, thì làm sao có thể độ người khác? Vì vậy, quý vị phải đoạn trừ phiền não, nhất định không được nói bản thân mình không đoạn trừ phiền não, mà có thể giúp người khác đoạn trừ phiền não, không có lí này. Bản thân mình phải đoạn trừ phiền não trước. Vì sao ta đoạn trừ phiền não? Vì sao ta tu hành? Vì độ tất cả chúng sanh. Nói theo pháp thế gian, tâm của người này, chí của người này, nguyện của người này rất vĩ đại, họ không vì bản thân mình, mà vì chúng sanh. Đoạn trừ phiền não, thành tựu đức hạnh của mình. Sau khi bản thân mình có đức hạnh, còn phải có năng lực, có đức hạnh mà không có năng lực, vẫn không thể giúp đỡ người khác, cho nên mới có nguyện thứ ba: “pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Quý vị phải đầy đủ năng lực, phải có trí tuệ, phải có năng lực. Trong quá trình giáo dục, đức hạnh là việc đầu tiên.

Bốn khoa giáo dục của Không lão phu tử, thứ tự đó không thể đảo ngược. Thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là chính sự, thứ tư là văn học. Thánh nhân thế xuất thế gian đều đặt đức hạnh lên hàng đầu. Chúng ta thử xem giáo dục hiện nay, chúng ta có thể thấy được toàn thế giới, giáo dục thời đại này đã bỏ đi vấn đề đức hạnh, không xem trọng, không ưa chuộng, cho nên thế gian này gọi là loạn thế, rất trược ác. Mọi người đều chạy theo dục vọng của mình để phát triển, ra sức phát triển chỉ vì lợi ích cá nhân, phát triển trên sự tổn người lợi mình. Thế gian này có ở đâu mà không loạn? Thế Tôn dạy, dạy chúng ta không tranh đua. Trong Kinh Kim Cang, Thế Tôn khen ngợi tôn giả Tu Bồ Đề được Tam muội Vô Tranh. Nhưng thế giới ngày nay, bất luận ở nơi nào, quý vị nghe đến sự cạnh tranh, nhất định là muốn hơn người khác. Khái niệm tranh đua được người hiện đại tôn trọng, sùng bái. Đó là một khái niệm sai lầm, thánh nhân thế xuất thế gian đều không tán thành. Chúng ta thấy Không tử, Mạnh tử đều nói đến khiêm nhường, đều nói đến nhân nhượng. Mạnh tử nói càng hay: “trên dưới đều thủ lợi thì nước ấy nguy nan”. Đây là điều ông nói cho Lương Huệ Vương. Đất nước này, nếu từ trên xuống dưới đều muốn tranh lợi thì đất nước này sẽ nguy hiểm. Một gia đình, một đoàn thể, nếu người này người kia đều muốn tranh đua thì gia đình đó sẽ suy tàn, đoàn thể đó sẽ thất bại. Chỉ có hòa bình mới có thể cùng tồn tại. Vì vậy, đức hạnh nhất định phải dựa vào giáo dục. Công tác quan trọng nhất của giáo dục, chính là dạy tất cả chúng sanh khôi phục đức hạnh của mình. Đức hạnh là đức tốt năng tốt vốn đầy đủ trong tự tánh, không phải từ bên ngoài vào. Nhưng vì chúng ta mê mất, nên thánh nhân dạy chúng ta khôi phục. Nếu quý vị có đức hạnh, có trí tuệ, có năng lực, có thể giáo hóa chúng sanh, có thể làm tấm gương sáng cho chúng sanh noi theo, làm mô phạm cho chúng sanh. Nhưng quý vị vẫn không thể viên mãn đạt được nguyện vọng giáo hóa chúng sanh của mình. Vì sao vậy? Vì chúng loại chúng sanh rất nhiều, các phần tử rất phức tạp, nên nhất định bản thân mình, trí tuệ, đức hạnh và năng lực, phải đạt đến viên mãn thật sự. Phiền não

phải thật sự đoạn tận, quý vị mới đạt được thành quả giáo hóa cứu cánh viên mãn, đó chính là nguyện thứ tư, “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”. Vì vậy, quý vị thử nghĩ, vì sao chúng ta phải đoạn trừ phiền não, vì sao học pháp môn, vì sao nhất định phải thành Phật đạo? Tất cả đều là vì độ chúng sanh, không phải vì bản thân mình, mới có thể thật sự thành Phật đạo. Vì mình làm sao có thể thành Phật đạo? Từ đó cho thấy, nếu quý vị không phải đang công phu đoạn trừ phiền não, công phu học pháp môn, thì nguyện thứ nhất của quý vị là giả không phải là thật. “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ” chỉ là lời nói đầu môi mà thôi, không phải là chân tâm của quý vị. Sau chân tâm phải thật sự thực hành, nếu không thực hành thì nguyện này không làm được. Vì vậy, bốn nguyện này, kì thật mà nói thì chính là một nguyện, đó là nguyện thứ nhất. Ba nguyện sau là điều kiện cần có để hoàn thành nguyện thứ nhất. Chúng ta nhất định phải hiểu được đạo lí này, nhất định phải siêng năng nỗ lực để học tập. Bốn nguyện này đem toàn bộ giáo pháp trong Phật pháp, tâm từ bi của tất cả chư Phật Như Lai đối với chúng sanh, hoàn toàn hiển bày ra. Ngày nay chúng ta dạy người khác, giúp thế gian này tiêu trừ tất cả tai nạn. Chúng ta dùng phương pháp nào? Đây là nguyên tắc chỉ đạo tốt nhất, cạnh tranh không thể giải quyết được vấn đề, quyết không thể độ chúng sanh, chỉ có khiến chúng sanh càng đau khổ. Cạnh tranh đến chỗ kịch liệt sẽ trở thành chiến tranh, có thể giải quyết được vấn đề sao? Từ xưa đến nay, vấn đề nào dựa vào chiến tranh mà có thể giải quyết? Chỉ có thật sự đoạn trừ phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo, dùng phương pháp giáo dục có thể đạt được hiệu quả tốt đẹp nhất.

Trong kinh này nói đến biệt nguyện của Bồ Tát, đó là tâm hiếu. Bồ Tát hiếu thuận với cha mẹ mình, mở rộng tâm hiếu này, hiếu thuận với tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới. Hiếu hạnh này hiển bày, tự tánh là viên mãn. Chúng ta hiểu rõ đạo lí này, từ một mà suy ra ba, chúng ta biết tôn kính sư trưởng của chúng ta, yêu kính thầy của chúng ta, mở rộng tâm yêu kính này, có thể yêu kính tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới. Sự yêu kính này hiển bày thì tánh đức đã bộc lộ. Chúng ta dùng tâm hiếu, tâm cung kính đối đãi với tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới. Đó gọi là học đạo Bồ Tát. Đó mới thật sự gọi là phát tâm bồ đề. Dem sự hiếu kính làm pháp môn đại tông trì, làm cương lĩnh chung, nguyên tắc chung để tu học toàn bộ Phật pháp, tuyệt đối không bỏ qua, đó là sự thật chân chánh. Ai là người thực hành hiếu kính một cách viên mãn? Chư Phật Như Lai, các ngài làm được cứu cánh viên mãn, đó là điều chúng ta cần phải noi theo. Vì vậy, trong kinh Phật nói với chúng ta cũng là sự thật, là lời nói chân thật: tất cả chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Lời nói này là thật không phải là giả. Lời này nói lên điều gì? Nói lên quan hệ của tất cả chúng sanh với bản thân chúng ta. Chúng ta ngu muội vô tri, không biết quá khứ, không biết vị lai. Đức Phật có năng lực, có trí tuệ, có thần thông, biết được quá

khứ, biết được vị lai, cho nên Ngài nói với chúng ta, giữa người và người, người và tất cả chúng sanh, rốt cuộc là mối quan hệ gì? Quan hệ này rất mật thiết. Cách nói này chúng ta rất dễ hiểu. Nếu nói sâu hơn nữa, nói chuẩn xác hơn nữa, chúng ta sẽ không hiểu, tầng lớp sâu nhất, chính là tất cả vạn pháp đều từ tự tánh biến hiện. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, điều này nói càng sâu sắc thiết thực hơn. Cách nói này giống như câu của Lão tử đã nói: “trời đất và ta đồng căn, vạn vật và ta nhất thể”. Đây là Lão tử nói. Hai câu của Lão tử nói với “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến” trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói, quả thực cùng một ý. Vì vậy, cổ thánh tiên hiền của chúng ta, tuy không có chứng cứ nói họ là Phật Bồ Tát, nhưng từ lời nói việc làm của họ, từ lời dạy của họ, nếu họ không phải là chư Phật Bồ Tát thì không nói ra được những lời đó.

Ở đây nói đến trung tâm của kinh này là “hiếu kính”, cho nên cổ đức đều nói bộ kinh này là hiếu kinh của nhà Phật. Nhà Nho có hiếu kinh, còn đây là hiếu kinh của nhà Phật. Từ đó cho thấy, Phật pháp đại thừa bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ pháp môn Địa Tạng. Tâm hiếu thuận, tâm cung kính là tánh đức, mà còn là tánh đức viên mãn. Tánh đức, tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều sẵn có, vốn đầy đủ, không một chúng sanh nào không có, mỗi mỗi đều có. Vì sao tánh đức của chúng ta không thể hiện tiền? Vì tánh đức bị vô minh phiền não che lấp, cho nên chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay tu học đều không đạt được kết quả. Điều này bản thân chúng ta nên suy nghĩ thật kỹ.

Trong kinh Đức Phật nói: Thời kỳ mật pháp, chúng ta chịu đến nghe kinh, không nói nghe nhiều, nghe một lần, một tiếng đồng hồ, hai tiếng đồng hồ, nghe xong có thể sanh hoan hỷ, trong một đời chỉ nghe một lần như thế, đều là thiện căn từ vô lượng kiếp. Nếu quý vị không có thiện căn này thì một câu cũng không nghe được, điều này là thật không phải giả. Thật sự có người như vậy. Quý vị tận tình khuyến bảo, dù một câu họ cũng không nghe được, họ nói quý vị nói lời này không đáng tin cậy, đó không phải là chân. Thế thì còn cách nào nữa? Người này đúng là nhất xiển đề mà nhà Phật đã nói, không có thiện căn. Loại người này rất nhiều, không phải ít. Cho nên người có thể nghe một thời kinh mà sanh tâm hoan hỷ, đều là người đã gieo thiện căn từ vô lượng kiếp. Sau đó chúng ta nghĩ xem, thiện căn phước đức nhân duyên trong đời quá khứ của chúng ta sâu dày biết bao.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với nhóm người của vương tử A Xà, đó đều là sự thật. Trong đời quá khứ của họ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Người Ấn Độ nói ức với người Trung Quốc chúng ta nói ức có khác nhau. Trong kinh Phật có ghi: mười vạn gọi là ức, trăm vạn cũng gọi là ức, họ nói bốn trăm ức, rốt cuộc ức này là mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, hay là vạn vạn, chúng ta không hiểu rõ. Tính ít nhất, tính mười vạn vậy, mười vạn tính một ức, từng cúng dường bốn trăm

ức Phật cũng không phải số ít. Cho thấy trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp đã học Phật, đã niệm Phật, đã nghiên cứu kinh, có thể đã từng làm đại pháp sư, vì sao hiện nay vẫn rơi vào tình trạng này? Thành hình dáng này? Nguyên nhân gì? Vì không tu từ căn bản. Căn bản là gì? Chúng ta nói một cách đơn giản nhất là tâm chân thành. Chúng ta không dùng tâm chân thành, lại còn xen lẫn lừa mình dối người, cho nên mới rơi vào tình trạng hôm nay, là những việc như thế này. Nói chung hiện nay chúng ta đã minh bạch, đã rõ ràng, chúng ta không dùng giả nhân giả nghĩa đối xử với mọi người, mà dùng một tâm chân thành, có thể tiếp nhận hay không là việc của họ, không phải là việc của ta. Họ biết hay không biết sự chân thành của chúng ta cũng là việc của họ. Chúng ta thật lòng đối đãi với họ, “giả chứ không phải là chân”, đó là cách nghĩ của họ, chúng ta không có cách nghĩ này, như thế mới có thể thành tựu. Nếu không thể quay đầu lại từ chỗ này, sửa sai từ chỗ này, thì một đời này của chúng ta vẫn sống vô ích như trong đời quá khứ. Sau khi chết rồi, nhất định chúng ta vẫn theo nghiệp lưu chuyển, vẫn cứ trôi lăn trong lục đạo luân hồi, không trông mong thoát khỏi. Trong một đời này, thật sự muốn thoát khỏi, muốn thoát khỏi lục đạo, thoát khỏi thập pháp giới, không có cách gì khác là phải chân thành. Dùng tâm chân thành, dùng thái độ hiếu kính, hiếu thuận với tất cả chúng sanh, tôn kính tất cả chúng sanh, bản thân mình phải khiêm nhường, phải khiêm hạ, mới có thể làm tốt sự tình này. Ở đâu cũng muốn đứng trên người, ở đâu cũng muốn đi trước người, đó là sai lầm lớn, đó là chướng ngại nghiêm trọng, phiền não tập khí vô lượng vô biên bắt giặc lại khởi hiện hành. Cho nên quý vị mới biết được đức tính khiêm hạ, có thể thành tựu công hạnh của chúng ta. Vì vậy quý vị phải khiêm nhường, phải khiêm hạ, không dám ở trước người khác, không dám đứng trên người khác. Vì sao vậy? Vì vô lượng kiếp đến nay tập khí phiền não rất sâu nặng, không cẩn thận một chút lại khởi hiện hành, tham sân si mạn bắt giặc khởi lên. Chúng ta tu hành lại bị nó phá hoại. Chúng ta thử xem, đọc Luận Ngữ, quý vị thấy sự khiêm nhường của Khổng tử; đọc kinh Phật, quý vị thấy được sự khiêm nhường của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Các ngài không chỉ dùng ngôn giáo, hiện thân thuyết pháp, mà còn làm việc cho chúng ta xem. Trong kinh có ghi: Đức Phật thấy một bà già hoa mắt đang xỏ kim, nhưng xỏ hồi lâu cũng không qua được. Thấy vậy, Ngài lập tức đến xỏ kim giúp bà ta. Thấy người tuổi đã cao vác củi gánh nước rất khổ cực, Ngài lập tức đến gánh thay cho họ. Đó là việc làm thật, không phải là chỉ nói suông. Ngày nay chúng ta làm việc thường có tâm lẫn tránh, đùn đẩy cho người khác làm, đây là sai lầm. Trừ phi thể lực chúng ta suy yếu không làm được, mới bảo người trẻ tuổi làm. Nếu mình còn có thể làm được thì không nên gọi người giúp đỡ, đây gọi là học Phật. Đây là làm mô phạm cho người khác. Quý vị nói quý vị thật sự có thể làm được điều đó, mọi người sẽ phục, quý vị nói quý vị không làm được, mọi người nghe sẽ không phục, không thể

tin tưởng, không thể chấp nhận. Quý vị nhất định phải làm gương tốt cho chúng sanh, làm bậc mô phạm. Vì vậy chúng ta khởi tâm động niệm, nghĩ xem, suy nghĩ của ta, lời nói của ta, việc làm của ta, có thể làm điển hình cho chúng sanh hay không? Phàm là việc không thể làm điển hình cho chúng sanh, nhất định không được làm, nhất định không được nghĩ tới, thì một đời tu hành này của chúng ta mới có kết quả. Không đến nỗi như đời đời kiếp kiếp trước kia đều không được kết quả. Đời này, nếu không nghiêm chỉnh tu hành, thì đời này vẫn không đạt được kết quả, cùng lắm quý vị chỉ được một ít phước báo hữu lậu trong tam giới lục đạo mà thôi! Điều này khẳng định sẽ đạt được. Nếu muốn ngay đời này liễu sanh tử thoát khỏi tam giới thì không được.

Nếu chúng ta bình tĩnh để quan sát, cẩn thận để quan sát, người niệm Phật vắng sanh, những người này lúc còn tại thế, hình như không có thành tựu gì lớn lao, không có gì đáng để cho người khác khen ngợi, là một người rất bình thường, rất dung tục. Đó là do chúng ta quan sát không đủ tinh tế. Nhưng sau khi họ chết thì có tướng lành ra hiện. Từ trong tướng lành này, chúng ta cảnh tỉnh giác ngộ, suy nghĩ kỹ lại việc hành trì một đời của họ, quý vị sẽ thấy được, họ hành trì thật sự không giống với chúng sanh thông thường. Giống như Khổng lão phu tử đầy đủ năm đức hạnh, đó là điều các đệ tử công nhận: “Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng”. Quý vị dùng năm chữ này để quan sát họ, họ có hay không? Quý vị sẽ thấy được, đó là người dung tục, bình thường mọi người xem thường, nhưng họ thật sự đầy đủ năm chữ này. Trong Phật pháp nói: nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên. Quý vị thử xem họ có không? Họ thật sự làm được, cho nên họ có thể vắng sanh làm Phật. Chúng ta cảm thấy mình thông minh hơn họ rất nhiều, nhưng chúng ta vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Quan sát kỹ lại những người này, dụng tâm của họ, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, họ cũng đầy đủ. Chúng ta không cần quan sát người khác, quý vị thử xem Pháp Sư Đế Nhân nói về người đệ tử thợ hàn của ngài. Chúng ta hôm nay viết hai mươi chữ này, ông đều có đủ. Ông không biết chữ, chưa từng đi học, mọi người vốn rất xem thường ông. Một câu danh hiệu Phật ông ta thành thật niệm đến cùng. Nghe lời thầy y giáo phụng hành, thầy dạy niệm mệt rồi nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong nhanh chóng tiếp tục niệm. Ngài đã dạy ông ta sáu chữ nam mô A Di Đà Phật. Ông ta niệm ba bốn năm, ông ta thật sự thành công. Vì vậy, quý vị nghĩ xem, ông ta niệm với tâm thành thật, y giáo phụng hành, tâm hiếu thuận, tâm tôn kính đầy đủ, khiêm nhường, hạ mình ông đều làm được. Ông ta không có chỗ nào đáng kiêu ngạo. Tâm địa thanh tịnh, vạn duyên buông bỏ, thanh tịnh, bình đẳng đều thực hành được. Nhất tâm thành thật niệm Phật, trí tuệ chân chánh, chánh giác. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần thế gian hoàn toàn buông bỏ, đây là trí tuệ. Một câu danh hiệu Phật niệm đến cùng là từ bi, làm gương tốt, biểu diễn cho quý vị thấy. Điều này

làm cảm động người khác! Vì vậy, nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên ông ta hoàn toàn làm được. Niệm Phật, hai mươi chữ chúng ta nói, người thợ hàn hoàn toàn đầy đủ, cho nên ông có thể đứng vững sanh. Sau khi vững sanh, còn đứng ba ngày đợi sự phụ đến lo hậu sự cho. Quý vị phải suy nghĩ thật kỹ, ông dựa vào đâu mà làm được tất cả. “Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng” của Khổng lão phu tử, ông không thiếu một chữ. Nếu quý vị nhìn thật kỹ, nhìn rõ ràng thì người này là đại thánh đại hiền, đâu phải là người bình thường? Xét lại mà xem, người có công danh hiển hách một thời ở thế gian này, được người thế gian ca ngợi, thì Phật Bồ Tát không khen ngợi. Vì sao vậy? Quý vị quan sát thật kỹ, trong một đời này của họ tạo ra bao nhiêu tội nghiệp.

Mấy ngày trước có một vị đồng học, mang đến một tài liệu, một tin tức trên báo Đại Lục đến cho tôi xem, trong đó nói Viên Thế Khải, Lý Hồng Chương, cuối thời Thanh đầu Dân Quốc có sáu nhân sĩ nổi tiếng, hiện tại họ đều bị đọa làm thân heo, đọa vào đường súc sanh. Đó không phải là những người nổi tiếng đương thời sao? Những người được mọi người trong xã hội khâm phục, ngưỡng mộ, ca ngợi sao? Hiện tại họ đều biến thành heo rồi. Còn người thợ hàn lại được chư Phật Như Lai khen ngợi. Đó đều là nói lên một việc, phải thật sự làm quý vị mới có được thành tựu. Sự dạy bảo của chư Phật Như Lai, chúng ta cần phải lãnh hội. Các Ngài chỉ là chỉ bảo, mà hoàn toàn không miễn cưỡng ai. Quý vị làm cũng tốt, không làm cũng được, cho nên tâm của chư Phật Bồ Tát mãi mãi thanh tịnh. Không phải là nói quý vị làm, dạy quý vị làm theo thì Ngài vui mừng, không làm Ngài sẽ phiền não, như vậy thì Phật Bồ Tát biến thành người phạm rồi! Phật Bồ Tát mãi mãi là Phật Bồ Tát, cái hay là ở chỗ này. Ngài dạy quý vị, quý vị học hay không học, thành tựu hay không thành tựu là việc của quý vị, không liên quan đến các Ngài. Bản thân các Ngài Ngài vĩnh viễn trụ ở thanh tịnh bình đẳng giác. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói “tự trụ tam ma địa”, không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động. Quý vị có thể y giáo phụng hành, tu hành chứng quả, tốt! Quý vị không y giáo phụng hành, đi ngược lại giáo pháp của Như Lai, tương lai sẽ đọa vào ba đường ác, thì Phật Bồ Tát cũng không động tâm, tùy quý vị mà thôi. Đạo lý này chúng ta cần phải rõ ràng, phải minh bạch. Phật Bồ Tát đối xử với tất cả chúng sanh hoàn toàn xuất phát từ tự tánh, tuyệt đối không có cảm tình. Cảm tình là hư vọng, tánh đức là trí tuệ chân thật, đạo lý này chúng ta cần phải biết. Ở trên thế gian này, chúng ta đối xử với mọi người, quý vị vĩnh viễn giữ gìn được thanh tịnh bình đẳng giác. Trong tất cả cảnh giới, thực tế mà nói, cũng có thể nâng cao thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Phần cuối của Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái nói “trải sự luyện tâm”. Luyện tâm gì? Đó chính là tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Quý vị phải tôi luyện trong tất cả cảnh duyên. Trong thiện duyên thuận cảnh không có tâm tham ái, không có tâm

tham luyện, mới tăng trưởng trí tuệ; trong nghịch cảnh ác duyên không có tâm sân hận, cũng tăng trưởng trí tuệ. Trong 53 lần tham bái, đương nhiên những vị đó đều là chư Phật Như Lai, nhưng các Ngài thị hiện thân phận nam nữ già trẻ, cách ngành cách nghề, có thiện có ác, có nghịch có thuận. Đó chính là dạy bảo chúng ta trong đời này, trong cuộc sống, chúng ta từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, chúng ta tiếp xúc với tất cả mọi người, tất cả sự việc, tất cả loài vật, nói chung không ra ngoài thiện ác, nghịch thuận. Quý vị thử xem ở trong cảnh giới đó, họ làm thế nào để thành tựu được tuệ chân thật, loại bỏ sạch tập khí phiền não của mình. Những thị hiện này đều đáng được chúng ta học tập, phải nên học tập. Ngược lại mà nói, đời đời kiếp kiếp trong đời quá khứ của chúng ta, do không nghiêm chỉnh học tập, nên mới không thể thành tựu. Trong đời này, chúng ta giác ngộ rồi, rõ ràng rồi. Giác ngộ điều gì? Giác ngộ là cần phải học theo, cần phải làm theo, thì đời này của chúng ta mới có ngày thoát khỏi, mới có hi vọng thoát khỏi, thoát khỏi này là thoát khỏi thập pháp giới, không chỉ thoát khỏi lục đạo, ra khỏi lục đạo là tiểu thành tựu, mà nhất định phải thoát khỏi thập pháp giới, nhờ pháp môn niệm Phật, nhất định thoát khỏi thập pháp giới. Niệm Phật nếu muốn vãng sanh thuận lợi, xuất ly, nhất định không còn chịu những phiền phức của cảnh duyên này. Điều này quan trọng không có gì hơn. Không bị phiền phức chính là không bị lôi cuốn, quý vị đối với tất cả pháp thế xuất thế gian sẽ thấy được rõ ràng minh bạch. Trong kinh đức Phật đã nói, đó là “mộng huyễn bào ảnh”, “tất cả bất khả đắc”, điều này cần phải ghi nhớ thật kỹ, đó là chân tướng sự thật. Thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên đều là hư vọng, đều là không chân thật, cho nên mới không thể bị nó lay động, không bị nó lôi cuốn. Ở trong cảnh giới này chính là tôi luyện việc này, đây là công phu chân thật. Sáu căn làm chủ ở trong cảnh giới sáu trần, mắt không bị sắc lôi cuốn, tai không bị tiếng lôi cuốn. Không phải nói quý vị không tiếp xúc, mà trong khi tiếp xúc không bị lôi cuốn, đây là công phu chân thật. Chúng ta trong quá trình mới học, khi tiếp xúc nếu cảm thấy còn hơi bị lôi cuốn, sẽ động tâm, thì chúng ta phải xa lìa. Đó là phương pháp Thế Tôn dạy cho chúng ta, ít tiếp xúc, không phải là nói quý vị không tiếp xúc. Sau khi tiếp xúc thì càng sâu sắc hơn, công phu của quý vị, trí tuệ của quý vị lại tăng trưởng thêm một bậc, thì tiếp xúc lần nữa. Tiếp xúc là khảo nghiệm, sau khi tiếp xúc thật sự có thể không động tâm, không khởi niệm, thì biết được công phu của mình đã thành thực. Nếu ở đây còn có vọng niệm sanh khởi, vọng niệm này chính là tham sân si mạn, còn có ý nghĩ này sanh khởi, thì phải nhanh chóng lùi trở về. Công phu là thực hành như vậy. Thật sự đạt đến thuần thực, đó là cảnh giới “lí sự vô ngại, sự sự vô ngại” của chư Phật Như Lai, đó là thành thực chân chánh. Sau khi thành thực, mới có thể độ người khác thoát khỏi biển khổ, tùy loài hiện thân, tùy căn cơ thuyết pháp. Tùy loại hiện thân, hiện mà không hiện, nói mà không

nói, mới được đại tự tại, mới chứng được đại viên mãn. Cảnh giới này là cảnh giới quả địa của Như Lai. Pháp thân Bồ Tát cũng có nhưng không viên mãn, pháp thân Bồ Tát có thể nói không bị lôi cuốn trong lục đạo, thập pháp giới, cho nên các ngài có năng lực đến thập pháp giới, đến trong lục đạo để hiện thân, không bị lôi cuốn mới có thể hiện thân, còn bị lôi cuốn thì không có tư cách nói hiện thân, mà đến lục đạo là vì thân nghiệp báo, đến thọ quả báo, họ không phải là thị hiện. Thị hiện nhất định là không bị lôi cuốn, đó mới gọi là người thị hiện.

Trong chú giải có mấy câu nói rất hay, chúng ta xem từ trang thứ sáu, hành thứ năm từ dưới đếm lên, câu cuối cùng. Tôi sẽ đọc đoạn này cho mọi người nghe. Ở đây nói “tịnh tòng bản tánh nhi phát, tuy phân thông biệt, vô bất vi bạt thế gian khổ nhân quả, vi dữ xuất thế lạc nhân quả”. Hai câu này là nói chung, bất luận là thông nguyện hay biệt nguyện, hai câu này rất quan trọng, “bạt thế gian khổ nhân quả”, “dữ thế gian lạc nhân quả”, hai câu này tất cả chúng sanh rất khó làm được. Vì sao không làm được? Vì họ mê mất tự tánh, không biết hư không pháp giới và bản thân mình là một thể. Nếu thật sự đạt đến giác ngộ, thấy hư không pháp giới với bản thân mình là một thể, thì hai câu này sẽ rất dễ làm. Sự nhận thức này rất khó kiến lập, nhưng đó là sự thật.

Hàng thứ ba từ dưới đếm lên, câu thứ hai. “Kinh Khê vân”, đây là ý của tổ sư Thiên Thai. Ngài nói “sơ tâm biến nhiếp”. Sơ tâm là gì? Là niệm thứ nhất, niệm thứ nhất là tánh, đây gọi là sơ tâm. Tánh thấy thấy sắc tánh, cái thấy này là tận hư không biến pháp giới; tai nghe nghe thanh tánh, thanh tánh cũng là tận hư không biến pháp giới. Chúng ta không cách nào phát hiện được, là vì sao? Vì thời gian rất ngắn, thời gian của niệm thứ nhất rất ngắn, chúng ta không phát hiện được. Giác sát là gì? Chúng ta ngày nay nói về giác sát, giác sát là khởi tâm động niệm, nó rất nhanh, rất ngắn, khởi tâm động niệm của chúng ta không kịp, đó là chân tri. Niệm thứ hai, cái tiếp theo niệm thứ hai biến thành ý thức, liền rơi vào trong tám thức. “Sơ tâm biến nhiếp”, chư Phật Bồ Tát mãi mãi dùng sơ tâm, mãi mãi dùng niệm thứ nhất, cho nên gọi là nhất tâm. Chúng ta dùng là ba tâm hai ý. Chúng ta có nhất tâm, nhất tâm đó lập tức đã biến thành ba tâm hai ý.

Ba tâm, các nhà Duy Thức nói là “tâm, ý, thức”. Thức là lục thức, ý là mạn na, tâm là a lại da. Chuyển biến tự tánh thành bát thức, bát thức gọi là tâm ý thức. Hai ý là chỉ bên trong bát thức, ý thức thứ sáu và mạn na thứ bảy gọi là ý căn. Đây là hai ý. Người ở trong thập pháp giới, trong thập pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát Phật đều là dùng ba tâm hai ý. Niệm thứ hai, suy nghĩ đó vừa cảm thấy có giác, đã đến ý thức hai rồi, “duy thức sở biến”, đã sanh biến hóa. Nếu không dùng tâm ý thức, mà quý vị dùng sơ tâm, thì “quán hoặc pháp giới, tức hoặc thành trí”. Hoặc pháp giới là gì? Là thập pháp giới, thập pháp giới đều mê hoặc, không phá được vô minh, cho

nên gọi là hoặc pháp giới. Không chỉ nói lục đạo mà bao gồm cả thập pháp giới. Phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, mới thoát khỏi hoặc, xa lìa hoặc, chính là thoát khỏi vô minh, xa lìa vô minh, đó chính là nhất chân pháp giới, gọi là pháp thân Bồ Tát. Bồ Tát sơ trụ của viên giáo, Bồ Tát sơ địa của biệt giáo, phá một phẩm vô minh thì ra khỏi, thoát khỏi. Đây là nói pháp thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai, quý Ngài mãi mãi giữ gìn sơ tâm, mãi mãi giữ gìn nhất niệm. Nhất tâm quý ngài giữ gìn được. Quý ngài quan sát lục đạo, thập pháp giới, “tức hoặc thành trí”. Trong thập pháp giới, những chúng sanh không phá vô minh này, khởi hoặc tạo nghiệp. Nhưng Phật Bồ Tát thấy được là trí, gọi là “phiền não tức bồ đề”; phiền não và bồ đề là một không phải là hai. Người mê chúng ta thấy chính là phiền não, Phật Bồ Tát thấy được là bồ đề.

Câu tiếp đó “tức sanh thành diệt”, “sanh tử tức niết bàn”. Sanh này là sanh tử, diệt này là niết bàn. Đây là cảnh giới của chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ. Đây gọi là “viên tứ thế”. Tứ hoàng thế nguyện, tứ hoàng thế nguyện viên mãn, chúng ta có thể thấy được không? Tôi hôm qua giảng kinh, tôi đã nói ra một thông tin, nếu quý vị có thể thấy tất cả hữu tình chúng sanh, thấy tánh của họ, căn tánh của sáu căn. Thấy vô tình chúng sanh, quý vị quan sát pháp tánh của nó, thì quý vị sẽ thấy được. Tánh thấy của tất cả hữu tình chúng sanh và tánh thấy của Như lai không hai không khác, đâu có sai biệt? Tánh nghe của tất cả chúng sanh và tánh nghe của Như Lai cũng không sai biệt, hoàn toàn giống nhau. Tất cả chúng sanh vô tình, ngày nay chúng ta nói về thực vật, khoáng vật, quý vị quan sát pháp tánh của nó, và pháp tánh của chư Phật Như Lai cũng là không hai không khác. Quý vị sẽ “tức hoặc thành trí, tức sanh thành diệt”. Do đây có thể biết, chúng sanh khác Phật chỉ trong một niệm. Niệm này của quý vị xoay chuyển trở lại sẽ thành Phật. Điều này trong Phật pháp gọi là viên đốn đại pháp. Người như vậy căn tánh viên đốn, đó không phải là căn tánh thông thường, lập tức xoay chuyển. Chúng ta ngày nay xoay chuyển nhiều mà không trở lại được, rất muốn xoay chuyển mà không trở lại được. Khuyết điểm là ở đâu? Chính là vì quý vị rất muốn, rất muốn đó là phiền não, là chướng ngại. Quý vị rất muốn, muốn đó là tà kiến, làm chướng ngại khiến quý vị không xoay chuyển trở lại được. Không muốn, không muốn là vô minh, cũng không xoay chuyển trở lại được. Làm thế nào có thể thoát khỏi vọng tưởng, vô minh, nhị biên không chấp, thì quý vị sẽ xoay chuyển trở lại. Đó là công phu, đó là “định tuệ quân đẳng” của nhà Phật thường nói, quý vị sẽ chuyển trở lại được. Hôm nay quý vị dụng công chính là định tuệ không quân bình, giống như mở khóa, không phải xoay quá đà, thì là xoay chưa tới. Nói chung không khớp chính giữa, nên quý vị không mở ra được, chỉ cần chênh lệch một chút là không mở ra được. Xoay thế nào cũng không xoay đến chính giữa. Khuyết điểm của chúng ta cũng giống như tình trạng này vậy. Điều này phải lãnh hội tỉ mỉ, vì rất khó

hiếu. Làm thế nào để điều phục, đây là công phu của định tuệ, công phu của định tuệ chân chánh, trí tuệ chân thật, mới có thể khai mở. Lúc khai mở này, gọi là phá mê khai ngộ. Vì vậy bốn câu nói này của ngài nói rất hay.

Chúng ta đọc tiếp, “cố liễu tiền nhị thế”, hai điều trước của tứ hoằng thế nguyện. “Bạt tánh đức chi khổ, hậu nhị thế dữ tánh đức chi lạc”. Quý vị thử nghĩ xem, độ chúng sanh há không phải là độ chính mình sao? Không độ chúng sanh, thì tánh đức của mình mãi mãi không thể viên mãn hiện tiền. Quý vị độ chúng sanh chính là độ bản thân mình, vì chúng sanh chính là bản thân mình. Đạo lý là ở chỗ này, đó là chân tướng sự thật. Nếu quý vị cho rằng chúng sanh không phải là bản thân mình, bản thân mình không phải là chúng sanh, thì mãi mãi tánh đức của quý vị không thể hiện tiền, mãi mãi sẽ làm chướng ngại minh tâm kiến tánh của mình. Người học Phật chúng ta, bất luận họ tinh tấn thế nào, bất luận họ dụng công thế nào, họ thuyết pháp nói được hoa trời rơi xuống, trước tác rất nhiều, cũng không giải quyết được vấn đề. Điều này chúng ta nhất định phải biết. Họ không có công phu chân thật, họ có thể thuyết pháp, họ có thể trước tác, trí tuệ đó đều là thế trí biện thông, là “kí vấn chi học” của nhà Nho nói, không phải là công phu chân thật của bản thân họ, không phải là nội chứng của họ. Chúng ta thấy người thợ hàn, thấy những người niệm Phật vãng sanh, được các tướng lành này, họ không biết giảng kinh thuyết pháp, họ cũng không có trước tác, vì sao họ có thể thành tựu? Vì họ có nội công, họ có thật chứng. Điều này so với việc giảng kinh thuyết pháp, so với hình thức đó, thì thù thắng hơn nhiều, không thể so sánh. Hòa thượng Đệ Nhàn khen ngợi người thợ hàn nói: Ông xuất gia không uổng công, thành tựu của ông, dù phương trượng trụ trì danh sơn, pháp sư giảng kinh thuyết pháp cũng không hơn ông được. Lời nói này nói rất chính xác. Ông thật sự thực hành công phu nội chứng, đức năng chân thật ông đầy đủ, không giống người thông thường khác chỉ thực hành bên ngoài, không có công phu chân thật, thì làm sao có thể so sánh được? Nhất định phải hiểu, tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới và bản thân mình là quan hệ gì? Ngay cả điểm này, nếu quý vị không làm cho rõ ràng, thì tâm của quý vị không phát khởi được, nguyện của quý vị không chân thật, đó chính là “nguyện bất y đế, đế bất tùng tâm”, quý vị nhất định phải làm cho rõ ràng. Chúng sanh trong vũ trụ và bản thân mình là quan hệ gì? Nhất định là một thể, thật sự là một thể. Người hiện tại nói một thể không thể tách rời, lời nói này là thật không phải giả. Từ chỗ này quý vị phát nguyện, là “nguyện y đế, đế tùng tâm”, mới thật sự có thể tu hành chứng quả.

Chúng ta xem tiếp hàng cuối cùng, trang thứ 6 hàng cuối cùng, ở đây nói ngài Địa Tạng “phát hoằng thế nguyện, hà phụ tội khổ lục đạo chúng sanh, giáo linh trụ trì chánh pháp, xuất sanh nhất thiết công đức, nhẫn khổ nhẫn nạn, đại từ đại bi, cố danh Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện”. Máy câu này là tổng kết cho biệt đề của danh hiệu Bồ Tát. Tổng kết này là thực hành,

hoàn toàn thực hành trong sự tướng, điều này rất dễ hiểu. Bồ Tát Địa Tạng đảm nhiệm, cứu giúp những “chúng sanh tội khổ trong lục đạo”. Đây là ngài thực hành, cụ thể làm gương để cho chúng ta thấy. “Giáo linh trụ trì chánh pháp”, là dạy bản thân của tất cả chúng sanh, mỗi người phải trụ trì chánh pháp. Chánh pháp là gì? Là tánh đức. Nếu chúng ta dùng lời đơn giản nhất để nói, chính là dạy bảo tất cả chúng sanh, tự bản thân mình thật sự làm được, chân thật, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, có thể giữ tâm như vậy, đó là trụ trì chánh pháp. Trong cuộc sống, trong hành trì, xử sự đối nhân tiếp vật, thật sự có thể làm được nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật. Hai mươi chữ này đều làm được, đó là “linh trụ trì chánh pháp”. “Xuất sanh nhất thiết công đức”, vô lượng vô biên công đức thể xuất thế gian, tự nhiên sẽ phát sanh, cho nên “linh trụ trì chánh pháp” ở đây, không phải là trụ trì đạo tràng, nếu chúng ta hiểu ý như vậy, đó là sai. Ở đây là giúp tâm của tất cả chúng sanh an trụ trong chánh pháp, việc làm an trụ trong chánh pháp, mới có thể độ khắp chúng sanh. “Nhẫn khổ nhẫn nạn”, khổ nạn là nghiệp báo, là những việc đã làm trong quá khứ. Đời này, những việc đã tạo trước đây không thể không có nhân quả, nhân thiện có quả thiện, nhân ác có quả ác. Chúng ta tạo nhân thiện ít mà gây nhân ác lại nhiều, thì những khổ nạn này sao quý vị có thể không nhẫn chịu được? Các khổ nạn đều phải nhẫn như vậy. Nhẫn khổ nhẫn nạn là đối với bản thân mình; đại từ, đại bi là đối với người khác. Ở đây dạy chúng ta sống như thế nào, làm việc như thế nào, cư xử với mọi người như thế nào. Vì vậy, đối với bản thân mình phải nhẫn khổ nhẫn nạn, đối với chúng sanh phải đại từ đại bi. Từ bi, đặc biệt chú trọng chữ “đại” này. Chữ “đại”, hiện nay nói là vô điều kiện, quan tâm vô điều kiện, yêu thương vô điều kiện, hết lòng dốc sức giúp đỡ người khác vô điều kiện, đó gọi là đại từ đại bi. Phạm có kèm theo điều kiện đều không phải là từ bi chân chánh. Tôi giúp đỡ quý vị, muốn ra điều kiện với quý vị, sự giúp đỡ này tốt nhất chúng ta không nên tiếp nhận. Nếu tiếp nhận sẽ bị người khác khống chế, hậu hoạn khôn lường. Vì vậy, Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh không có điều kiện nào, đó gọi là đại từ đại bi, đó là “bổn nguyện của Bồ Tát Địa Tạng”. Quý vị thử nghĩ, chúng ta học Phật có nên bắt đầu học từ Kinh Địa Tạng không? Đây thật sự là đại căn đại bản của việc tu học. Cho nên Phật giáo ở Trung Quốc lấy tứ đại Bồ Tát làm đại biểu cho Phật pháp Đại thừa, rất hoàn mỹ. Thứ nhất là Bồ Tát Địa Tạng, ngài Địa Tạng nói về sự hiếu kính. Thứ hai là Bồ Tát Quan Âm, ngài Quan Âm làm rạng rỡ hiếu kính, đề cao hiếu kính, gọi là đại từ đại bi. Thứ ba là Bồ Tát Văn Thù, ngài Văn Thù là nói lí trí cho chúng ta mà không dùng tình cảm, Bồ Tát Văn Thù là trí tuệ. Hiếu kính, từ bi là lí tánh không phải là cảm tình. Bồ Tát Phổ Hiền đại biểu cho thực hành, thực hành sự hiếu kính, từ bi, lí trí trong đời sống của chúng ta, thực hành trong việc làm của chúng ta, trong

việc cư xử với tất cả mọi người, Bồ Tát Phổ Hiền là thực hành. Tứ đại Bồ Tát là người dạy Phật pháp hoàn thành viên mãn.

Đó là giảng biệt đề “Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện”, chỉ giới thiệu đến đây. Chữ “kinh” cuối cùng, chữ kinh chúng ta thường giảng, chú giải cũng rất hay. Quý vị tự xem là được rồi, không cần nói nhiều. Nói đơn giản, đó là cách thông thường giảng, kinh đầy đủ bốn chữ “thật nhiếp thường pháp”, đó là điều thường nói trong lúc chúng ta giảng kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói tỉ mỉ hơn, Kinh Hoa Nghiêm nói mười ý, nhưng ở đây họ nói ra hết, chú giải cũng nói ra hết. Ở đây chúng ta cần bổ sung một câu, đó là sự dạy bảo của Phật, nó đầy đủ bốn ý “giáo, lí, hành, quả”. Bất kì một bộ kinh nào cũng có đủ bốn ý này, cho nên chúng ta gọi nó là diệu pháp. Diệu ở chỗ nào? Bốn ý “giáo, lí, hành, quả” đều không thiếu, đó là diệu. Chúng ta học tập cũng phải đầy đủ bốn điều kiện “tín, giải, hành, chứng”, thì chúng ta thật sự được thọ dụng. Vì vậy giáo của Phật, chúng ta phải tin tưởng. Lí đã nói trong giáo, chúng ta phải hiểu, phải lãnh hội. Hạnh đã nói trong giáo chúng ta nhất định phải tu. Quả nó đã nói, chúng ta phải chứng thật, mới có thể được thọ dụng. Diệu trong kinh Phật, một bộ kinh đầy đủ bốn ý. Một phẩm kinh, một đoạn kinh văn, cho đến mỗi câu, mỗi chữ đều đầy đủ bốn ý. Vì vậy sau này quý vị học giảng kinh, sợ không có gì để nói, nếu quý vị phải hiểu rõ đạo lí này, thứ để cho quý vị giảng rất nhiều, trong một chữ có bốn ý, trong một câu cũng có bốn ý, làm gì có chuyện không có gì để nói? Chỉ sợ quý vị nói không hết. Từ trong kinh đã đầy đủ bốn ý này, mỗi chữ mỗi câu đều có giáo, lí, hành, quả. Ngược lại chúng ta phải học thế nào? Chúng ta phải có tín, giải, hành, chứng. Quý vị thử nghĩ xem, một câu một chữ, từ trong tám khía cạnh để nói, nói không hết, làm gì có chuyện không có gì để nói? Không nói được là do quý vị không hiểu, sau khi quý vị hiểu rồi thì nói không hết.

Tên đề giới thiệu đến đây. Ngày mai, chúng ta sẽ giới thiệu đoạn thứ hai biện thể.

### Hết tập 7

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 8****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ bảy, bắt đầu xem từ hàng thứ năm từ dưới lên, chúng ta xem đoạn lớn thứ hai của huyền nghĩa.

“Đệ nhị, biện bất tư nghị, tánh thức vi thể giả”. Ngũ trùng huyền nghĩa của Thiên thai tông, đoạn này giải thích đề kinh, đoạn thứ hai là biện thể, nói như hiện nay, chính là phân biệt y cứ của luận lý. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì đại chúng giảng kinh thuyết pháp, ngài y cứ điều gì để nói. Nếu ngài y cứ luận lý là chân thật, những gì ngài nói đáng để chúng ta tin theo, nêu lý luận này không xác định, đương nhiên gây sự hoài nghi cho chúng ta. Đoạn này rất quan trọng.

Phật pháp quan trọng nhất là “tín”, kiến lập tín tâm thực tế mà nói đều ở đoạn này, nếu ta hiểu được y cứ của ngài là chân thật. Như trong tất cả kinh điển, triển khai kinh quyền câu đầu tiên là “như thị ngã văn”. Chư vị cổ đức giải thích đoạn kinh văn này, hai chữ “như thị” là tín thành tựu, biện thể tức là dạy chúng ta hiểu nghĩa chữ “như”.

Tất cả kinh điển đại thừa đều lấy thật tướng làm thể, kinh này thuộc về kinh điển đại thừa. Đại sư Thanh Liên không dùng hai chữ thật tướng này, mà dùng “tánh thức bất tư nghị làm thể”, tánh thức bất tư nghị là biệt danh của thật tướng. Vì sao ngài dùng mấy chữ này? Bên dưới ngài nói rõ có ba ý. Thứ nhất là “bằng chuẩn kinh luận”, bằng là dựa vào, y theo, chuẩn là tiêu chuẩn, lấy tiêu chuẩn của kinh luận làm y cứ. Ý thứ hai là “mê ngộ căn nguyên”. Ý thứ ba là “Bồ Tát bốn thức”, Bồ Tát là chuyên chỉ cho Bồ Tát Địa Tạng. Bên dưới ngài phân thành ba đoạn, nói tường tận cho chúng ta.

Nói đoạn thứ nhất trước “bằng chuẩn kinh luận”. “Bốn kinh văn, nhất thiết chúng sanh, vị giải thoát giả, tánh thức vô định, vi thiện vi ác, trục cảnh nhi sanh”. Đưa ra đều là kinh văn của kinh này, trong câu này “tánh thức vô định”, vì thế ngài dùng tánh thức làm thể. Đặc biệt chú trọng là không có giải thoát, không có giải thoát có lục đạo chúng sanh. Lục đạo chúng sanh bên trong có tập khí phiền não, bên ngoài có sự mê hoặc của ngũ dục lục trần, khởi tâm động niệm có thiện ác đan xen. Cho nên thánh nhân thể xuất thế gian thí giáo hóa rất quan trọng, nếu không giáo hóa tốt, đúng là ác

hiều thiện ít. Mặc dù có phước đức lớn, thường tạo ác nghiệp càng lớn. Sự thật nhân quả này, sau khi ta biết rồi cảm thấy rất sợ hãi.

Nhân gian làm đế vương, tướng soái, những người có phước đức lớn này, phước đức của họ tích lũy không phải một đời một kiếp. Phước đức tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp, trong đời này hưởng phước báo lớn như vậy. Nếu trong đời này, không tiếp thu nền giáo dục tốt đẹp, phát triển theo tập khí phiền não, họ tạo tội nghiệp cực kỳ nặng. Có thể nói họ hưởng hết phước báo trong thời gian rất ngắn, sau đó ác báo hiện tiền đọa vào ba đường ác.

Điều này ví như thế gian chúng ta, một người suốt đời cần kiệm, bót ăn bót dùng dành dụm được một số của cải, một số tài sản rất khả quan. Đến trung niên trở về sau phát đạt hơn, của cải rất nhiều, ăn chơi cờ bạc không thiếu món nào, thời gian một hai năm xài hết những gì cả đời tích góp. Sau khi dùng hết, thế gian không có ai giúp mình, cũng không ai tôn trọng mình, trở thành người ăn xin nghèo khổ, ví như tình trạng này.

Trong tất cả kinh luận, Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta, cảnh giác chúng ta, phải tu phước đừng hưởng. Hưởng phước không ai không tạo tội nghiệp, mà chắc chắn tạo nghiệp còn nghiêm trọng hơn người khác, bất luận từ tâm lý hay từ hành vi đều rất nghiêm trọng. Những giáo huấn này của Phật, đều rất thiết thực, đều rất chuẩn xác, chúng ta phải lãnh hội tường tận, sau đó mới có thể phát tâm y giáo phụng hành. Đây là ý nghĩa trong đoạn kinh văn này.

“Hựu vân”, vẫn là trong kinh này nói: “Niệm Phật Bồ Tát danh tự, lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bồn thức. Thử thức nãi đích chỉ đệ bát thức dã”. Ở đây lại nói đến “bồn thức”, đây là nói đến người lâm chung, bất luận trong đời họ hành thiện hay làm ác, khi lâm mạng chung có thể nghe được một danh hiệu Phật, một danh hiệu Bồ Tát đều có thể thoát khổ. Dù không thể hoàn toàn thoát ly, khổ báo của họ được giảm nhẹ, đây là đạo lý nhất định. Từ sự thật này chúng ta biết, công đức danh hiệu của Phật Bồ Tát không thể nghĩ bàn. Cho nên trong ngũ huyền, mỗi đoạn đại sư đều thêm vào câu “bất tư nghi”, điều này nói rất hay.

Bên dưới là dẫn chứng từ các kinh luận khác, như Tỳ Lô Tam Ma Địa Pháp, Kim Cang Đảnh, Liên Hoa Bộ Tâm, trong này cũng có nói, đại sư dẫn chứng ở đây. “Thị tâm vi hà vật, phiền não tập chủng tử, thiện ác giai do tâm, tâm vi a lại da”. Đây là nói với chúng ta về “tâm ý thức” một cách rất rõ ràng, trong phần tựa ở trước đại sư từng nói. Cảnh giới giác ngộ chúng ta tạm thời không bàn đến, chỉ nói đến chúng sanh mê hoặc điên đảo, vì thế ngài dùng “tánh thức bất tư nghi làm thể”, ý là đây. Đối với lục đạo phàm phu mà nói thì vô cùng thiết thực.

“Tâm” là gì? Tâm là phiền não, tập khí, chủng tử. “Thiện ác đều do tâm”, khởi tâm động niệm một ý niệm thiện, một ý niệm ác đều là thức biến hiện ra. A lại da chứa đựng những tập khí này, tùy theo nhân duyên nó khởi hiện hành, tạo nghiệp thọ báo nó luôn là báo chủ. Trong Khởi Tín Luận có mấy câu như vậy: “Tâm sanh diệt giả, y Như Lai tạng cố, hữu sanh diệt tâm”. Thế nào gọi là Như Lai tạng? Tạng nghĩa là chứa đựng, Như Lai chứa đựng trong đó, cho nên gọi là Như Lai tạng. Như lai là chân tâm, là bản tánh.

Bên dưới ngài giải thích: “Gọi là bất sanh bất diệt”, bất sanh bất diệt là Như Lai tạng. “Hòa hợp với sanh diệt”, sanh diệt là a lại da, tập khí chủng tử trong a lại da là pháp sanh diệt, bản thể của a lại da là pháp bất sanh bất diệt. Cho nên bất sanh bất diệt hòa hợp với sanh diệt, hòa thành nhất thể. “Không một không khác”, ta không thể nói nó là “một”, vì sao vậy? Vì một bên là pháp sanh diệt, một bên là pháp không sanh diệt. Ta cũng không thể nói là “khác”, cả hai thứ hòa lẫn vào nhau không phân rõ ràng. Như cổ nhân thường dùng ví dụ “nước hòa với sữa”, hợp lại với nhau. Nếu nói nó là một thì không đúng, nước là nước, sữa là sữa. Nếu nó là hai thứ cũng không được, nó đã hỗn hợp với nhau, đây gọi là a lại da thức.

Bên dưới nói: “Tắc vô minh pháp tánh, cộng trú vi nhân, bất kỳ nhiên hô”. Cảnh giới trong này rất vi tế, chúng ta phải lãnh hội tường tận. “Vô minh” ở trước gọi là pháp sanh diệt, pháp tánh là pháp không sanh diệt. Sanh diệt và không sanh diệt, nói cho chư vị biết, vĩnh viễn hòa hợp với nhau. Mọi lúc mọi nơi, dùng thuật ngữ nhà Phật gọi là “pháp nhĩ như thị”.

A lại da lớn bao nhiêu? Tận hư không biến pháp giới chính là một a lại da thức. Nếu a lại da không lớn như vậy, chư vị thử nghĩ xem hư không pháp giới từ đâu đến? Thập pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu đến? Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, từ đâu đến? Đều do a lại da biến hiện ra.

Mở đầu Kinh Lăng Nghiêm nói về bảy chỗ trung tâm, đại sư Giao Quang phân là “bảy lần phá xứ”. Cổ đức giải thích Lăng Nghiêm, Lăng Nghiêm có cách nói của hai phái cổ kim. Cổ phái lấy Trường Thủy làm tượng trưng. Kim phái lấy Giao Quang làm tượng trưng. Giao Quang là người thời nhà Minh, Trường Thủy là người thời nhà Tống, cả hai ngài đều rất đáng nể. Trường Thủy lấy “tam chỉ tam quán” của Thiên thai tông, để giải thích “bảy chỗ trung tâm” trong Kinh Lăng Nghiêm. Nói đều rất có đạo lý, đều không thể nói có sai lầm. Đại sư Giao Quang chính là “bảy lần phá xứ”, vì sao vậy? Thực tế mà nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi trọng điểm đó không phải hỏi về tâm, khi ngài hỏi cũng không hỏi chân tâm, vọng tâm, tâm ở đâu? Tôn giả A nan nói tâm ở trong thân thể, nói ra bảy chỗ đều bị Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trách mắng, tâm ở đâu? Bất luận là chân tâm hay vọng tâm đều biến pháp giới. Tôn giả A nan giả hồ đồ để đại diện cho

chúng ta, không phải ngài không biết, tâm ở đâu? “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, không phải đã trả lời rồi sao?

Đúng là ôm trọn cả hư không, cho nên có thể hiện vạn pháp, không có lúc nào nơi nào mà không tồn tại, sao ta có thể lìa tâm? Tâm là năng hiện, thức là sở biến, thức cũng là tâm, tâm chân vọng hòa hợp gọi là thức. Bất luận phần vọng, hay chỉ nói về phần chân, chúng ta gọi là tánh, ở đây nghĩa của tánh thức chính là như vậy. Nói thức là tâm chân vọng hòa hợp, nói tánh không nói bên vọng, chỉ nói phần bên chân, nhưng nó nhất định là chân vọng hòa hợp.

Phàm phu chúng ta không thể phân biệt, mê ở trong đó, quên mất đây là căn nguyên của tất cả pháp, quên mất, gọi là mê mất. Chư Phật Bồ Tát giác ngộ, giác ngộ là thấu triệt chân tướng sự thật này. Trong đoạn thứ hai nói về “căn nguyên mê ngộ”, cần phải biết chân tâm và vọng tâm vĩnh viễn hòa hợp với nhau. Chân tâm là bản tánh của chúng ta, ở đây nói tánh thức là bản tánh của chúng ta. Nếu dùng Nho giáo để nói, cũng có ý này. Nho gia nói đến tánh, Mạnh tử gọi là tánh thiện, Tuân tử gọi là tánh ác, tánh mà họ nói chính là thức tánh, chúng ta đảo ngược chữ tánh thức này lại, đó là thức tánh. Theo ý của Nho giáo gọi là tập tánh, không phải bản tánh, tánh mà Khổng phu tử nói là bản tánh. Phu tử nói: “Tánh tương cận, tập tương viễn”, nói không giống Mạnh tử và Tuân tử. Chúng ta gọi là tánh thiện tánh ác cũng được, nói tâm thiện tâm ác cũng được, tâm và tánh cùng một nghĩa. Có khi ý nghĩa khác nhau, có khi ý nghĩa giống nhau. Người đó tâm rất thiện, người đó tánh không tốt, tâm tánh này đều là tập tánh, thói quen thành tự nhiên đều thuộc về tập tánh, không phải bản tánh. Trong bản tánh không có thiện ác, trong tập tánh có thiện ác. Phiền não tập khí chủng tử từ vô lượng kiếp đến nay là tâm tánh, chư vị phải biết, trong bản tánh không có phiền não, không có tập khí, cũng không có chủng tử. Phàm phu chúng ta không phân biệt được, bị tập khí phiền não chủng tử mê hoặc, ở trong lục đạo chịu khổ chịu nạn. Chư Phật Bồ Tát giác ngộ thông đạt, tuy có tập khí phiền não chủng tử nhưng không bị chướng ngại, không trở ngại. Có những thứ này chẳng? Có, có nhưng không hề trở ngại, vì sao họ không trở ngại? Điều này chúng ta cần phải học tập, họ không bị tiêm nhiễm. Nói như hiện nay, không bị phiền não tập khí chủng tử mê hoặc, phàm phu chúng ta bị nó mê hoặc, bậc thánh không bị. Bên trong lìa phiền não tập khí chủng tử, trong đoạn phiền não, chúng ta gọi là đoạn phiền não. Ngoài không bị ngoại cảnh mê hoặc, bản lĩnh của Phật Bồ Tát là đây. Chúng ta muốn học Phật Bồ Tát là phải học từ đây. Làm sao để không chế phiền não của mình, ngoài không bị mê hoặc, chúng ta đi vào Bồ Tát đạo. Vấn đề này quả thật không đơn giản, vì sao vậy? Vì tập khí quá lâu ngày, huân tập từ vô lượng kiếp đến nay mà thành, hiện nay muốn lập tức xả bỏ nó, buông bỏ nó, đâu có dễ, vậy phải

làm sao? Hiểu triệt để chân tướng sự thật này, giải quyết từ đây, cho nên chuyển phiền não thành bồ đề. Chúng ta biết phiền não chính là bồ đề, sanh tử chính là niết bàn. Hay nói cách khác, ta đoạn sanh tử, niết bàn sẽ không có. Ta đoạn phiền não, bồ đề cũng đoạn, vậy sanh tử phiền não cần đoạn chăng? Không cần đoạn, chuyển nó là được. Pháp đại thừa gọi đây là đoạn, thực tế không phải đoạn thật, họ chuyển nó. Sau khi chuyển phiền não không còn, nên gọi là phiền não đoạn, không phải đoạn thật. Khi đoạn thật, bồ đề cũng không có.

Chuyển như thế nào? Chuyển từ quan niệm, đều trong một niệm. Nếu không hiểu rõ chân tướng sự thật thì không thể chuyển được, thấu triệt chân tướng sự thật tự nhiên có phương pháp. Phương pháp của người niệm Phật, một câu Phật hiệu là chuyển, một câu A Di Đà Phật tâm khai ý giải, liền chuyển đổi nó.

Bên dưới đưa ra một ví dụ, pháp sư Chân Đế, người thời nhà Đường, ngài dịch thành “vô một thức”. Đây đều là tam tạng pháp sư dịch kinh, ngài dịch a lại da thức thành “vô một thức”. “Vô một” ý nghĩa rất nổi bật, nó vĩnh viễn không mất đi, chỉ có chuyển biến mà không mất đi. Cho nên Đức Phật mới nói “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, tâm tướng chính là chuyển biến. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều là tâm tướng sanh, nếu ta có thể nghĩ đến Phật vậy là ta đã làm Phật, nghĩ đến Bồ Tát thì làm Bồ Tát, nghĩ đến tham sân si liền đọa vào trong tam đồ. Nghĩ cái gì hiện ra cái đó, nghĩ điều gì biến ra điều đó. Trong đời của bất cứ ai, tao ngộ của đời đời kiếp kiếp không liên quan đến người khác, nói thật thì tự làm tự chịu, chỉ xem cách nghĩ của mình như thế nào. Tất cả thiện ác, thị phi, thật giả không có tiêu chuẩn. Trong kinh điển Đức Phật đặt ra tiêu chuẩn, là tạm thời y theo phàm phu mà đặt, không phải tiêu chuẩn thật, không phải tiêu chuẩn vĩnh hằng bất biến. Tạm thời là do nhân, do thời, do địa, tạm thời đặt tiêu chuẩn cho chúng ta, điều này chẳng phải rất giống pháp luật thế gian sao. Quý vị xem có nhiều pháp luật hai ba năm phải sửa đổi, có một số pháp luật đặt ra hai ba tháng phải sửa đổi. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, không có tiêu chuẩn nhất định. Vì sao không có tiêu chuẩn nhất định? Vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, hư vọng làm gì có tiêu chuẩn? Những nguyên lý cơ bản này, chúng ta phải thấu triệt.

Bên dưới nói: “Trang sư tự nghĩa”, pháp sư Chân Đế dùng tên dịch thành “vô một thức”, đại sư Huyền Trang là dịch ý, dịch thành “tàng thức”. Nghĩa là gì? Nghĩa là “hàm chứa chủng tử các pháp”. Trong này có ba nghĩa, do đại sư Huyền Trang dịch, là năng tàng, sở tàng, chấp tàng, đây là chấp trước. A lại da có ba ý này, dịch nó thành “tàng thức”. “Tạng thức” chúng ta thường gọi là tâm, trong khái niệm của chúng ta có tâm, tâm ở đâu không biết, tâm là gì cũng không biết.

Nhà triết học phương tây nói: “tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”, họ lấy gì làm chính mình? Tôi có thể tưởng tượng đến nó, nó là tôi. Điều này khá cao minh, biết thân thể không phải tôi, tôi có thể tư duy, có thể tưởng tượng, đại khái điều này là tôi. Thông minh hơn người bình thường, nhưng thứ có thể tưởng tượng ở đâu? Nếu họ phải tìm, vậy là giống với tôn giả A nan, không tìm thấy. Rốt cuộc nó là gì? Cũng không thấu triệt. Những nhà triết học, nhà khoa học này, đến nay vẫn chưa có kết luận, rất nhiều học thuyết chưa đưa ra kết luận. Kết luận ở trong Phật pháp.

“Tông Kính vân”, trong Tông Kính Lục nói, đây là biên tập trước tác của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ. Đại sư Vĩnh Minh cũng thật đáng nể, sau này chúng ta biết ngài là Phật A Di Đà tái sanh. Ngài biên tập cuốn sách này, trong nhà Phật mệnh danh là Tiểu Tạng Kinh. Vì Đại Tạng Kinh phân lượng quá lớn, không dễ đọc tụng, ngài lựa chọn những tinh hoa trong Đại Tạng Kinh, đồng nghĩa nói thu nhỏ Đại Tạng Kinh, phân loại nó ra. Dem những câu trong kinh luận đưa vào một chỗ, biến thành cương yếu của Đại Tạng Kinh, tinh hoa của Đại Tạng Kinh, gọi là Tông Kính Lục.

Trong này, phần liên quan đến Pháp tướng, phân lượng của phần này ngài trích dẫn rất khả quan. Trong này ngài nói: “Đệ bát bốn thức, quảng đại vô biên, hiển tâm nguyên nhi vô ngại, bao tánh tạng dĩ khôi thông, thiện trì trọng chi danh, tác tổng báo chi chủ, kiến hữu tình chi thể, lập niết bàn chi nhân”. Dẫn chứng đến đây, đây là văn trong Tông Kính Lục, mấy câu này vô cùng quan trọng. Bất luận ta nói chân tâm hay vọng tâm, nói chân tánh hay vọng thức, chư vị nhất định phải biết, nó là bao hư không pháp giới. Trong Phật pháp thường nói, chư vị đều nghe rất quen: “Ngoài pháp không có tâm, ngoài tâm không có pháp”. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều do tâm tánh biến hiện ra, tâm tánh là năng biến, chư pháp là sở biến. Làm gì có pháp sở biến mà không có tâm năng biến? Vậy pháp đó từ đâu mà có?

Tận hư không biến pháp giới là gì? Chính là một tâm, một tánh, một thức. Nhà Duy Thức Học không thừa nhận có vạn pháp, chỉ thừa nhận thức, tận hư không biến pháp giới là một thức, cho nên gọi là “duy thức”. Họ nói chẳng phải không có đạo lý, rất có đạo lý. Hư không pháp giới sum la vạn tượng từ đâu mà có? Do thức biến.

Chúng ta dùng một ví dụ để nói mọi người dễ hiểu, chẳng hạn ta đến tiệm vàng mua trang sức. Ở Singapore chúng ta cũng thường thấy người Hoa mở tiệm vàng, nghe nói người Indonesia, người Malaysia cũng đều có mở tiệm vàng. Chúng ta đến tiệm vàng xem, sản phẩm vàng có mấy trăm loại, mấy ngàn loại. Đây là ví dụ sum la vạn tượng, quan sát tường tận thì sao? Chỉ có một thứ, đó là vàng, ý của nhà duy thức là đây. Sâm la vạn tượng, nguồn gốc của nó chỉ có một thức. Tiệm vàng dù nhiều đến đâu, ngàn loại, trăm loại chỉ có một thứ là vàng, ngoài vàng ra không có gì cả.

Nhà duy thức học nói, tận hư không biến pháp giới ngoài thức ra, không có gì cả, nói thức chính là tâm chân vọng hòa hợp.

Tác dụng của nó là “làm chủ tổng báo”, tổng báo là tất cả chúng sanh, hữu tình chúng sanh, vô tình chúng sanh, trí chánh giác chúng sanh, nó là tổng thể, cho nên là “chủ tổng báo”. Làm Phật là nó, làm Bồ Tát cũng là nó, làm nạ quý hay đọa địa ngục vẫn là nó. “Kiến lập thể của hữu tình”, thể hữu tình, người bây giờ gọi là gì? Nguồn gốc của sanh mạng, sanh mạng từ đâu mà có? Từ nó sanh ra. “Lập nhân của niết bàn”, đây là nói siêu việt thế gian, thành Phật, thành Phật cũng là nó, lìa nó cũng không được.

“Căn cứ lập thể này, các pháp hàm thu”, đây là kết luận sau cùng của đại sư Thanh Liên, vì sao dùng nó làm thể của kinh? Ngài đã nói ra, lấy tánh thức bất tư nghi làm thể, tất cả các pháp đều bao hàm trong đó. Không những là pháp đại thừa, pháp tiểu thừa cũng bao hàm trong đó. Không những Phật pháp, tất cả pháp thế gian cũng không thể vượt ra ngoài nó. Cách nói này của ngài, rõ ràng hơn cách nói khác là lấy thật tướng làm thể. Có gì khác cách nói của cổ đức chăng? Không sai biệt, ngài nói cũng là thật tướng, thật tướng là chân tướng sự thật, cho nên lấy nó làm thể. Hay!

Khi chúng ta hiểu thật sự có thể tiếp thu, nghĩ đến Phật giảng kinh thuyết pháp, lý luận y cứ viên mãn như thế, cứu cánh như thế. Nếu như ta không tin lời Phật dạy, còn hoài nghi, lỗi lầm này do mình, bản thân ta không có nhận thức về Đức Phật, không hiểu rõ Phật pháp. Thật sự có nhận thức về Đức Phật, thấu hiểu Phật pháp, làm gì có chuyện không tin? Tín tâm kiến lập từ đây.

Đoạn thứ hai nói càng tường tận, nói về “căn nguyên mê ngộ”. Bên dưới nói tiếp: “ngôn mê ngộ căn nguyên giả, Khởi Tín vân”, đây là trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói. “Thử y a lê da thức, thuyết hữu vô minh bất giác, nhi khởi năng kiến năng hiện. Năng thủ cảnh giới, cố danh thử thức vi sở tri y, năng dữ nhiệm tịnh sở tri chư pháp vi y chỉ cố”. Khai thị quan trọng trong những kinh luận này, đều là giáo nghĩa cơ bản của Phật pháp đại thừa. Nếu chúng ta có thể thấu triệt, có thể lãnh hội sự tu học, lý giải của giáo lý đại thừa, sẽ có lợi ích rất lớn. Thực tế mà nói, không những chúng ta phải hiểu, mà quan trọng hơn là phải lãnh hội được, bản thân mới thật sự được thọ dụng. Nếu chư vị thật sự lãnh hội được, ta không còn có tâm lượng nhỏ. Khởi tâm động niệm, những gì ta nghĩ đến, suy nghĩ đến, chấp trước đến, phạm vi rất nhỏ bé, sai. Vì sao bảo ta khởi tâm động niệm, phải nghĩ cho tận hư không biến pháp giới? Đây chính là chúng ta chuyên biến, một sự thay đổi, chúng ta phải tương ưng với tánh thức, tương ưng như thế nào? Khởi tâm động niệm nghĩ cho hư không pháp giới là tương ưng. Khởi tâm động niệm nghĩ đến bản thân, nghĩ đến gia đình mình, đạo tràng của mình, đoàn thể của mình, khu vực của mình, quốc gia mình, không tương ưng. Ta đang

mê, chưa giác ngộ, không hề biết hư không pháp giới là nhất thể. Giống như một cây đại thọ vậy, ta nghĩ đến là một cành, một nhánh, không phải toàn thể, cành này đối lập cành kia. Như chúng ta đưa ra bàn tay năm ngón, ta chỉ nghĩ đến phạm vi của ngón tay này, như vậy là ta đối lập với nó, hai ngón xảy ra xung đột. Nếu ta nghĩ sâu sắc hơn một chút, năm ngón này là một nhà. Sâu sắc hơn nữa, năm ngón bên này cũng là một nhà, như vậy mới đạt được viên mãn.

Vì sao thế gian này xảy ra xung đột? Chính là một bàn tay, một người là một ngón tay, đánh qua đánh lại, đánh đến long trời lở đất, đánh đến đầu rơi máu chảy, không biết là nhất thể, quý vị nói có oan uổng chăng?

Pháp tánh là gì? A lại da là gì? Biến thành hiện tượng chính là tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh là pháp tánh, pháp tánh là bản tánh của ta. Minh tâm kiến tánh, thấy gì? Thấy tất cả chúng sanh đều là chính mình, như vậy là đã kiến tánh, ta minh tâm kiến tánh. Như một gốc cây ta thấy được rễ, sau khi thấy rễ biết toàn thể gốc cây là nhất thể, đây gọi là kiến tánh. Tận hư không biến pháp giới là chính mình, sau đó trí tuệ khai phát, tuyệt đối không được tổn thương bất kỳ ai. Chúng sanh tạo nghiệp sâu nặng đọa địa ngục a tỳ, ta đều yêu thương họ, tuyệt đối không tính toán so đo lỗi lầm của họ. Vì sao vậy? Vì họ với mình là nhất thể. Ý này rất sâu sắc, ở sau sẽ nói đến.

Mấy câu trong Khởi Tín Luận nói cũng rất hay. “Y a lê da thức”, a lê da thông thường gọi là a lại da. “Nói có vô minh bất giác”, vô minh bất giác là vọng, vọng kiến. Trong đại kinh nói “nhất niệm bất giác mà có vô minh”. Nhất niệm là giác, nhất niệm là chân tâm, nhất niệm là tự tánh, trong phần tựa, câu thứ nhất nói “nhất niệm tự tánh”. Trong nhất niệm này thêm vào một niệm, vậy là sai, đó chính là vô minh. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “tri kiến lập tri, thị vô minh bản”, đây là Phú Lô Na thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vô minh từ đâu mà có? Vì sao vô minh đến? Vì sao có vô minh? Đức Phật trả lời tôn giả như thế, trả lời quá hay, hoàn toàn nói ra chân tướng sự thật.

Tri kiến chính là nhất niệm, trong nhất niệm lại khởi một niệm, chính là vô minh. Lập tri nghĩa là ta khởi thêm một ý niệm, đây là vô minh. Nhất niệm là gì? Nhất niệm là vô niệm, vô niệm gọi là nhất niệm.

Chẳng hạn như mắt chúng ta, chúng ta lấy ví dụ này, Kinh Lăng Nghiêm đưa ra ví dụ rất hay. Chúng ta mở mắt ra, thấy cảnh giới tướng bên ngoài rất rõ ràng, đây là nhất niệm, gọi là chánh niệm, gọi là Phật tri Phật kiến, là ta tánh thấy thấy. Thấy bên ngoài là gì? Sắc tánh. Nhưng ta khởi lên một ý niệm “tôi đã nhìn thấy”, vậy là hồng, lại kiến lập một tri kiến, đây chính là gốc vô minh. Từ vô minh này tiếp tục phát triển, vọng tưởng phân biệt chấp trước ngày càng nhiều, điều này quá phiền phức.

Vì sao Chư Phật Bồ tát có năng lực giải thoát trói buộc cho tất cả chúng sanh, họ có bản lãnh gì? Vì họ giữ được nhất niệm, họ không rơi vào niệm thứ hai, bản lãnh của họ là đây. Họ luôn thấy chúng ta một cách rất rõ ràng, chúng ta thấy họ không rõ ràng. Bản lãnh của các ngài là luôn giữ được nhất niệm, không rơi vào niệm thứ hai, quý vị phải biết nghĩa là không rơi vào vô minh. Đây là chỗ lợi hại, chỗ cao minh, là trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh hiện tiền.

Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vĩnh viễn giữ được niệm thứ nhất, nhất niệm này là tự tánh, nhất niệm này là chân tâm, trong nhất niệm này không mang theo vọng, đây là nhân thật sự của niết bàn. Nếu từ trong nhất niệm, sanh khởi thêm niệm thứ hai, đây chính là “tri kiến lập tri”, Thế Tôn nói đây là “vô minh bản”, cảnh giới bên ngoài liền sanh biến hóa. Tất cả tướng phần, tướng phần không phải thật, là hư vọng, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Tướng hư vọng này, đang chuyên biến theo phân biệt vọng tưởng chấp trước của mình, biến ra vô lượng vô biên pháp giới. Mười pháp giới là cương lĩnh, vô lượng vô biên không dễ nói, quy nạp vô lượng vô biên pháp giới thành mười loại lớn, nói với chúng ta mười pháp giới, mỗi pháp giới đều là vô lượng vô biên.

Trong kinh, những câu văn này, những đạo lý này, chúng ta phải quan sát tường tận, lãnh hội tường tận, có thể thực hành trong cuộc sống của mình thì thọ dụng vô cùng. Đúng như trong Phật pháp nói “phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”, hiệu quả này rất nhanh chóng, đúng như câu “dụng sào thấy bóng”, lập tức được lợi ích. Cho nên họ “năng kiến năng hiện”, năng là hồng, liền rơi vào ý thứ hai. “Năng thủ cảnh giới”, càng tệ hại, càng mê càng sâu, thủ là chấp trước. “Năng kiến năng hiện” là phân biệt, “năng thủ” là chấp trước, “bất giác” là vọng tưởng, vọng tưởng phân biệt chấp trước, phiền phức rất lớn. Đức Phật gọi thức này là “sở tri y”, sở tri là sở tri chướng, sở tri chướng nương vào đâu sanh khởi? Nương vào đây mà khởi.

“Năng dữ nhiễm tịnh, sở tri chư pháp, vi y chỉ cố”. Hàng trung hạ căn học Phật, nói cách khác, trước khi kiến tánh, ta học Phật cũng nương tựa vào đây. Sau khi kiến tánh, có lìa nó chăng? Không lìa nó. Nếu lìa nó, bản thân ta không được thọ dụng, cũng không thể tha thọ dụng. Cho thấy sau khi ngộ, sau khi thành Phật, tự thọ dụng và tha thọ dụng vẫn là nó, nhưng lúc đó tự thọ dụng, tha thọ dụng rõ ràng minh bạch. Bây giờ chúng ta không biết, mê muội trong đó. Trong đoạn văn này, đại sư Thanh Liên trích dẫn kinh điển, nội dung khá phong phú.

“Hựu danh chủng tử thức”, đây cũng là trong Khởi Tín Luận nói, vì sao gọi nó là chủng tử? “Năng biến trú trì, thế xuất thế gian, chư pháp chủng tử”. Đây đều nói về tánh năng của thức, tính chất của nó, công năng của nó. “Biến” là chu biến, trụ trì pháp thế gian và chủng tử tất cả pháp xuất thế

gian. Chúng tử gặp duyên nó liền khởi hiện hành, có thể biến hiện ra y chánh trang nghiêm của pháp thể xuất thế gian. Pháp xuất thế gian biến hiện là điều gì? Nhất chân pháp giới. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói về thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ Lô Giá Na, trong kinh luận Tịnh độ nói về thế giới tây phương Cực Lạc, cõi báo của tất cả Chư Phật cũng là nó biến hiện. Trong pháp thể gian nói về mười pháp giới, mười pháp giới đều là pháp thể gian. Y chánh trang nghiêm vẫn là nó biến hiện.

Cách nói này tương đồng với ý trong Kinh Duy Ma, trong Kinh Duy Ma nói: “Từ gốc vô trụ, lập tất cả pháp”. Họ nói đến “gốc vô trụ” chính là a lại da thức, từ đây kiến lập tất cả pháp thể xuất thế gian, đây là nói đến chúng tử. Chúng tử là gì? Điều này rất khó nói. Chúng tử là ví dụ, như thực vật, thực vật có thể trưởng thành, nhân tố quan trọng nhất chính là chúng tử. Chúng tử là thân nhân duyên, có đất đai, phân bón, ánh sáng, nước, nó liền sanh trưởng. Những thứ này gọi là trợ duyên, thuộc về sở duyên duyên, tăng thượng duyên, vô gián duyên. Đây đủ ba loại duyên này, chúng tử liền khởi hiện hành. Chúng tử dùng để ví dụ cho điều này. Chúng tử này không có hình tướng, sáu căn đều không tiếp xúc được, ý căn tưởng tượng cũng không tưởng tượng được. Nhưng nó có, nó tồn tại. A lại da, chư vị nên biết rằng, a lại da là tận hư không biến pháp giới, đừng nghĩ a lại da ở trong tâm chúng ta, trong tế bào não của chúng ta, nghĩ như vậy là sai hoàn toàn, còn ngốc hơn cả A nan. A lại da là tận hư không biến pháp giới, cho nên muôn hình muôn vẻ của tận hư không biến pháp giới, toàn là chúng tử khởi hiện hành. Khởi hiện hành như thế nào? Nó đầy đủ ba loại duyên. Đây là tâm thức của chúng ta, bất luận là chân tâm hay vọng tâm, quá lớn, cho nên nó kiến lập tất cả pháp thể xuất thế gian.

Vì sao nói nó là “vô trụ”? Vô trụ chính là căn bản, là hư không, nó không phải chân thật. Vọng không có gốc, chân có gốc, vọng khởi từ chân. Nếu vọng cũng có gốc, vậy không gọi là vọng, không gọi là hư vọng, nhưng nó có. Giống như cái bóng vậy, cái bóng nương vào đâu khởi lên? Nương vào thân người chúng ta, thân người đứng dưới ánh sáng, chiếu chiếu bóng xuống đất. Vô minh ví như chiếc bóng của con người vậy, cho nên nó nhất định là nương vào chân, nó không nương vào chân thì đâu ra? Nó không khởi lên. Nơi nó nương là tánh, cho nên tánh thức liên kết với nhau.

Chư Phật Bồ Tát rất thông minh, họ nhận chân nhân không nhận bóng. Chúng sanh mười pháp giới sai lầm, nhận chiếc bóng là chân nhân, quên mất chân nhân, cho chiếc bóng là thật, chúng ta mê là mê ở đây. Người ta ngộ, là ngộ gì? Chúng ta mê là mê ở đâu? Người ngộ đối với thân và ảnh, rõ ràng minh bạch, người không chướng ngại ảnh, ảnh không chướng ngại người, pháp giới vô chướng ngại. Chân không chướng ngại vọng, vọng không chướng ngại chân. Tánh không chướng ngại tướng, tướng không

chương ngại tánh. Vì thế hư không pháp giới, lý sự tánh tướng không có gì không viên dung, đây mới thật sự hoàn mỹ đến tột cùng.

Cảnh giới viên mãn tốt đẹp như thế, bị những người mê hoặc điên đảo phá hoại. Họ phá hoại là tự thọ dụng của họ, có liên lụy đến người khác chăng? Họ có thể liên lụy đến, là người mê cộng nghiệp chiêu cảm giống như họ. Nếu người giác ngộ, hoặc người nghiệp lực không tương đồng với họ, không bị ảnh hưởng. Đây đều là chân tướng sự thật.

Bên dưới đại sư Kinh Khê có giải thích rằng: “Vô minh làm gốc của tất cả pháp”, lời bên dưới nói rất hay: “Vô minh tức pháp tánh, vô minh tức phục, dĩ pháp tánh vi bản, đương tri chư pháp, diệc dĩ pháp tánh vi bản. Pháp tánh tức vô minh, pháp tánh phục dĩ vô minh vi bản, pháp tánh tức vô minh, pháp tánh vô trú xứ. Vô minh tức pháp tánh, vô minh vô trú xứ, vô minh pháp tánh, tuy giai vô trú. Nhi dữ nhất thiết chư pháp tác bản, thị tác vô trú vô tướng, sự lý đẳng thường”, đẳng là bình đẳng. “Lập nhất thiết pháp ngộ mê sai biệt”.

Đoạn này nói rất hay, giải thích rất hay, chúng ta phải đọc nhiều, phải đọc thường xuyên. Không lãnh hội được ý nghĩa không sao, thường đọc, đây chính là Tông môn nói về nghi tình. Có câu: “tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ”, thường duy trì được nghi tình này. Gọi là nghi tình, là chỉ có nghi không thể giải thích, vì sao vậy? Vừa nghĩ đến giải thích, liền bị rơi vào trong ý thức, tuyệt đối không được dùng tư duy, dùng tướng tượng.

Vì sao thế gian có rất nhiều nhà Phật học, họ hoàn toàn dựa vào tư duy tướng tượng của mình, để nghĩ về ý nghĩa trong kinh điển của Phật, như vậy ý sẽ sai, hiểu sai lệch nghĩa chân thật của Như Lai. Nhà Phật dạy ta lìa tâm ý thức tham, tham học không phải gọi là nghiên cứu học tập. Tham không dùng tâm ý thức, nghiên là dùng tâm ý thức. Thế gian là nghiên cứu, họ dùng tâm ý thức. Tâm ý thức là gì? Thức là phân biệt, thức thứ sáu phân biệt. Mạt na là chấp trước, ý là chấp trước. A lại da rơi rớt chủng tử, ngày nay chúng ta gọi là để lại ấn tượng. Không dùng tâm ý thức, tức không dùng tâm phân biệt, không dùng tâm chấp trước, không rơi ấn tượng, đây gọi là tham học. Tông môn phải dùng công phu này, giáo môn cũng phải dùng công phu này, người niệm Phật cũng không ngoại lệ. Nếu người niệm Phật lìa tâm ý thức, họ là thực tướng niệm Phật.

Chúng ta niệm Phật có rất nhiều phương pháp, quy nạp lại có bốn loại niệm Phật. Thật tướng niệm Phật, quán tướng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, trì danh niệm Phật. Ta có thể lìa tâm ý thức, tức là thật tướng niệm Phật, bất luận là trì danh, quán tướng hay quán tượng, đều gọi là thật tướng niệm Phật. Nếu không thể lìa tâm ý thức, vẫn là dùng tâm ý thức, dùng vọng tướng phân biệt chấp trước niệm Phật. Đó chính là ba loại dưới, quán tướng, quán tượng, trì danh. Nhưng điều này nói ra thì dễ, làm mới thật khó. Vào

cảnh giới này cần có công phu, công phu này là phải duy trì nghi tình thời gian dài, như vậy sẽ có ngày đại triệt đại ngộ. Duyên triệt ngộ mỗi người không giống nhau, không tương đồng. Có người khai ngộ từ việc xem kinh, có người nhờ niệm Phật khai ngộ, có người tham thiền khai ngộ, thậm chí có người nghe hát mà khai ngộ, không nhất định là cơ duyên gì. Vì sao họ khai ngộ? Chính là vì nghi tình của họ ngưng tụ đạt đến cực điểm, không nhất định là cơ duyên gì, vừa tiếp xúc liền đột phá. Sau khi đột phá cảnh giới này hiện tiền, cũng chính là trước đây ngày ngày đọc, ngày ngày xem không hiểu, đột nhiên hiểu rõ. Một khi đã hiểu thì tất cả đều thấu triệt, tất cả sự lý tánh tướng khắp tận hư không biến pháp giới, không có gì không thấu triệt. Tuyệt đối không phải chỉ hiểu mấy câu này, không phải, một ngộ tất cả ngộ. Điều này làm nghi tình trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, là một đoạn rất hay.

“Vô minh tức pháp tánh”, thực tế mà nói vô minh và pháp tánh hỗn hợp với nhau, đây gọi là a lại da thức, cho nên chân vọng hòa hợp. Vô minh vẫn là vô minh, pháp tánh vẫn là pháp tánh. Vô minh không phải pháp tánh, pháp tánh không phải vô minh. Nước là nước, sữa là sữa, bây giờ hỗn hợp với nhau, hỗn hợp với nhau thì sao? Sữa chính là nước, nước tức là sữa. Chỉ có cách nói này, cách nói này không nói sai, nó đích thực hỗn hợp với nhau. Đây là đứng trên mê vị mà nói, không phải từ ngộ vị, cách nói này là chân tướng sự thật, chính là thật tướng các pháp.

Bên dưới giải thích: “Vô minh tức lấy pháp tánh làm gốc”, vô minh từ đâu mà có? Từ pháp tánh sanh. Mê mất pháp tánh mới gọi là vô minh, pháp tánh không có mê ngộ. “Nên biết các pháp, lấy pháp tánh làm gốc”, y chánh trang nghiêm thể xuất thể gian khắp tận hư không biến pháp giới, toàn là pháp tánh biến hiện ra. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: “Duy tâm sở hiện”, tâm này là pháp tánh, là tánh, tức ở đây gọi là pháp tánh. “Duy thức sở biến”, thức ở đây gọi là vô minh. Pháp tánh và vô minh hòa hợp với nhau, phạm vi của nó tận hư không biến pháp giới, là lớn vô hạn. Pháp tánh là chân tâm của ta, vô minh là vọng tâm của ta, chân vọng hòa hợp gọi là a lại da.

Chư vị phải biết đây toàn là những danh tướng, danh tướng là giả, không phải thật, “danh khả danh, phi thường danh”. Nhưng không dùng những danh tướng này, chúng ta không thể câu thông. Nhưng khi câu thông, ta phải biết danh tướng là công cụ, muốn đạt đến mục đích không thể không dùng những công cụ này, nhưng dùng công cụ này phải biết xả bỏ nó, vậy là đạt đến mục đích. Nếu ta không xả bỏ, không thể đạt được.

Ví như chúng ta qua sông phải dùng thuyền, thuyền là công cụ để ta đến bên bờ kia, ta ngồi trên thuyền đến bờ bên kia vẫn không chịu xuống thuyền, ta vĩnh viễn không lên được bờ bên kia. Đây là điều Đức Phật nói: “Pháp

còn phải bỏ, huống gì phi pháp”. Khi ta dùng công cụ này, khi ta dùng công cụ này là phải xả bỏ công cụ này, xả điều gì? Tâm không nhiễm trước. Về sự tôi dùng nó, trong tâm tuyệt đối không chấp trước, lia vọng tưởng phân biệt chấp trước tức là xả. Cho nên lia tức là đồng thời, không phải phân khai, giống như tánh thức là hòa hợp vậy. Lia tướng tức tướng cũng là đồng thời, tức tướng là sự, lia tướng là lý. Về sự tức tướng, về lý lia tướng. Về tướng tức tướng, về tánh lia tướng, như vậy là đúng, đó là cảnh giới Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát khác với chúng ta chính là ở chỗ này.

Đây là nói rõ, thứ nhất nói rõ vô minh vướng vào pháp tánh, vô minh làm gốc cho tất cả pháp, làm gốc cho tất cả pháp trong mười pháp giới. Ngài nói những lời này, ý cứ chủ yếu là “nên biết các pháp, cũng lấy pháp tánh làm gốc”, đây là câu quan trọng nhất mà ngài muốn nói, chúng ta mới biết tất cả pháp chính là pháp tánh. “Pháp tánh tức vô minh, pháp tánh lại lấy vô minh làm gốc”. Pháp tánh và vô minh dung hòa, hợp lại một chỗ, như nước hòa với sữa. Lúc này, chúng ta có thể nói, pháp tánh biến thành vô minh. Thật ra không phải pháp tánh biến thành vô minh, là pháp tánh và vô minh hòa hợp với nhau. Hòa hợp với nhau, nếu nói vô minh là pháp tánh cũng được, nói pháp tánh là vô minh cũng không sao, giống như nước hòa với sữa vậy. Khi nước hòa với sữa, ta nói nó là sữa cũng được, nói nó là nước cũng được, nó dung hòa thành nhất thể.

“Pháp tánh lại lấy vô minh làm gốc”, câu này nói như thế nào? Phải từ trong vô minh thấy được pháp tánh. Đây là nói nếu chúng sanh muốn giác ngộ, dùng phương pháp gì giác ngộ? Ngộ pháp tánh trong vô minh. Nước hòa với sữa, sữa ví như pháp tánh, nước ví như vô minh, ta vẫn còn ở đây phát hiện thành phần của sữa. Người tu hành chúng ta, không thể lia vô minh, không thể lia vô minh, phải ở trong vô minh đột phá vô minh.

Tu hành, lục đạo, mười pháp giới đều phải lấy vô minh làm gốc. Trong tứ thánh pháp giới càng rõ ràng, Thanh văn, duyên giác, Bồ Tát, Phật. Khi nào đột phá? Đột phá tức là nhất chân pháp giới, đây là nói về nghĩa “làm gốc”. “Pháp tánh tức vô minh, pháp tánh không có chỗ trú”, vô minh cũng không có chỗ trú. Trong Kinh Kim Cang dạy chúng ta: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.

“Vô minh tức pháp tánh, vô minh vô trụ xứ, vô minh pháp tánh, tuy giai vô trú, nhi dữ nhất thiết chư pháp tác bản”. Tất cả các pháp đều từ đây sanh ra, biến hiện ra. “Tức là vô trụ vô tướng, sự lý đẳng thường”, đẳng là bình đẳng. Kinh Kim Cang dạy rằng: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, đây là nói về vô tướng. Dạy chúng ta: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.

Chúng sanh trong mười pháp giới, vì sao không thể đột phá vô minh? Chính là vì có trụ, trụ là gì? Nói một cách thô tục như chúng ta hiện nay, là tâm ta không buông bỏ được, trong tâm có vướng bận, sự vướng bận đó là

trụ, bất luận vương bận điều gì đó gọi là có trụ. Từ bỏ pháp thế gian, không còn nghĩ đến nó, không còn để trong lòng, để Phật pháp trong lòng vẫn là có trụ. Thôi được, Phật pháp tôi cũng không cần, có trụ chẳng? Vẫn là có trụ, trụ ở đâu? Pháp gì cũng đều không cần, họ trụ vào trong pháp gì cũng đều không cần, vẫn là có trụ. Điều này rất khó, có không trụ, họ trụ không.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói về lục kết, lục kết là gì? Là trụ, điều đó là phạm phu chúng ta không nói được, ta không thể không phục trí tuệ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sự khéo léo trong dạy học của ngài. Ngài phân từ thô đến tế thành sáu đẳng cấp, thứ nhất là “động”, động thái, điều này tất cả chúng sanh rất rõ ràng. Chúng ta trụ, đều trụ trong trạng thái động, ngày nay gọi là hoạt động. Tất cả cuộc sống của chúng ta, có thể nói từ sanh ra cho đến già chết, trong tất cả sanh mạng này đều đang hoạt động, đây là loại thứ nhất.

Thứ hai, người tu hành có công phu, xả bỏ trạng thái động, tâm địa thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh, họ xả bỏ cái động, tâm thanh tịnh. Đối với vấn đề mạnh khỏe mà nói, đối với đạo dưỡng sanh mà nói, người thế gian biết vận động tốt cho sức khỏe, họ không biết tịnh cao minh hơn động, điều này người thế gian bình thường không hiểu, người luyện võ hiểu. Võ nghệ cao cường từ đâu đến? Từ trong tịnh. Trong Phật pháp thật sự tu hành, ngày ngày tu thiền định, không vận động, thân thể họ mạnh khỏe, người vận động bình thường không thể sánh với họ, vậy mới biết tịnh cao siêu hơn động. Thân tâm thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần, nó vẫn là cửa ải, khi nào đến “tịnh” cũng xả bỏ luôn, tiếp tục đột phá. Bên dưới là giác, giác vẫn là một cửa ải, sau khi đột phá giác, chỉ còn lại “căn”. Căn cũng không được chấp trước nó, chấp trước đó là chấp trước vô cùng vi tế, không phải rất thô. Căn phải bỏ, sau khi bỏ là “không”. Không cũng không được chấp trước, tiếp tục đột phá không, là “diệt”, diệt là cửa ải sau cùng, vi tế nhất. Diệt là gì? Chư vị có hiểu chẳng? Trong Phật pháp gọi là niết bàn. Nếu có ý niệm niết bàn, như vậy tuyệt đối không thể nhập niết bàn. Phật pháp nói đến cao nhất, chư Phật Như Lai chứng được tịch diệt nhãn. Ta có ý niệm tịch diệt nhãn này, tuyệt đối không đạt được tịch diệt nhãn. Cần phải xả bỏ ý niệm này, vậy mới thật sự đạt được.

Đây là từ thô đến tế, đến vi tế, lục kết. Trong Kinh Lăng Nghiêm gọi là lục kết, chúng ta có thể gọi nó là sáu tầng lớp. Ý Phật thuyết pháp, ta nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu, vậy mới lãnh hội được trong Kinh Kim Cang nói: pháp còn phải xả, huống gì phi pháp”? Pháp là Phật pháp, Phật pháp là nói bờ đề, niết bàn đều phải xả. Có chẳng? Có. Nhưng ta chấp trước có bờ đề, chấp trước có niết bàn, ta không đạt được. Vì sao vậy? Vì miệng bình đến ngang đó là bị chặn lại, không cách nào đột phá.

Trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta: “Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự”. Bồ đề, niết bàn là giả danh, chẳng những không được chấp trước, mà phân biệt cũng không được. Như vậy mới thật sự đột phá, thật sự nhập vào cảnh giới bồ đề, niết bàn. Đây là điều vi diệu của Phật pháp. Phật thiện thuyết, bất khả tư nghì, bất khả thuyết, bất khả tư, Phật đều dạy cho chúng ta những phương pháp này. Những phương pháp này chính là “pháp tánh lấy vô minh làm gốc”. Chúng ta sống trong vô minh, thấu hiểu những chân tướng sự thật này, dần dần đột phá.

Hiểu được ý này, mới thật sự thấu triệt trong Kinh Kim Cang nói “vô trụ sanh tâm”. Sanh tâm nghĩa là kiến tánh, vô trụ là đột phá. Sau đó ta thấy được “sự lý đẳng thường”, vạn pháp bình đẳng, tánh thức thường trụ, tánh thức biến hiện ra vạn pháp, chẳng lẽ không phải thường trụ? Trong Kinh Pháp Hoa nói: “thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng bất diệt bất hoại”, chính là ý này.

Những cảnh giới hiện tượng này đều ở trước mắt chúng ta, ta không hề nhìn thấy, vì sao không nhìn thấy? Vì ngày ngày chúng ta dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước, vì thế không thấy được những hiện tượng này, lìa vọng tưởng phân biệt chấp trước liền thấy được. Cho nên các pháp là bình đẳng, các pháp tuyệt đối không có cao thấp. Nói đến cực điểm như trong kinh thường nói: “sanh Phật bình đẳng”, sanh là chúng sanh, chúng sanh bao gồm hữu tình chúng sanh, vô tình chúng sanh. Không những hữu tình chúng sanh bình đẳng với chư Phật Như Lai, vô tình chúng sanh, như cây cỏ hoa lá, gạch ngói đều là chúng sanh. Phật cũng là chúng sanh, cũng là chúng duyên hòa hợp mà thành, sao họ không bình đẳng? Cho nên mới nói: “bình đẳng chân pháp giới, không Phật không chúng sanh”. Chúng ta lãnh hội tường tận những lời này trong kinh điển. Chúng ta làm sao để khế nhập, đây là nói rõ sự khác biệt giữa mê ngộ của tất cả pháp.

Bên dưới, tức trong Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói. “Có Chiêm Sát Kinh vân, đản tụng vô thi thế lai, dữ vô minh tâm cụ, si ám nhân duyên, huân tập lực cố, hiện vọng cảnh giới”. Đoạn này trong Chiêm Sát Kinh nói rõ về nguồn gốc của lục đạo, hiện tượng của lục đạo. Hiện tượng này là cảnh giới vọng, không phải cảnh giới thật. Nhà Phật nói đến chân vọng, định nghĩa của chân, vĩnh hằng bất biến là chân. Phạm những gì có biến hóa, đều là hư vọng. Pháp giới lục đạo, chư vị nên biết rằng, nó biến hóa trong từng sát na, sát na không trụ, Đức Phật nói: “như sương cũng như điện”, đây là cảnh giới hư vọng. Thập pháp giới, tứ thánh pháp giới cũng là cảnh giới hư vọng, cũng là “như sương cũng như điện”.

Ở đây nói rõ, ở trước là “tùng vô thi thế lai, dữ vô minh tâm câu”, đây là nói hiện tượng của chúng ta, mười pháp giới đều là hiện tượng này. Vô lượng kiếp đến nay, pháp tánh và vô minh của chúng ta hòa hợp với nhau,

hai câu này hợp lại chính là a lại da thức. Nhưng chúng ta thật không may, là “do sức nhân duyên si ám huân tập”. Chúng ta không phải pháp tánh huân tập, là si ám huân tập. Quả thật câu nói này của Phật nói rất hay.

Vì sao lục đạo chúng sanh tạo nghiệp thọ báo? Vì ngu si, tam độc phiền não tham sân si, đây là si phiền não, đây là gốc. Tuy tham sân mãnh liệt nhưng dễ đoạn, si khó đoạn. Đoạn si phiền não, trong kinh luận có ví dụ, giống như vương vấn không dứt, nói rõ thật không dễ đoạn. Tuy tham sân rất mãnh liệt, vẫn dễ đoạn. Người biết dụng công, người thật sự biết dùng công, tông môn giáo môn thường nói: “tu từ căn bản”, căn bản là gì? Căn bản chính là si, si chính là vô minh, hạ thủ từ đây vẫn còn kịp. Không hạ thủ từ tham sân, hạ thủ từ si, đây là tìm ra căn bản.

Chúng ta đọc tiếp đoạn văn: “dĩ y vọng cảnh giới”, vọng cảnh giới chính là cảnh giới lục đạo. “Huân tập nhân duyên cố”, đây là nói hàng phàm phu bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài, cũng chính là nói, ta bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc. Câu này nghĩa là nói nương vào cảnh giới vọng huân tập nhân duyên, nói như hiện nay, ta bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc. Ngũ dục lục trần mê hoặc, nó mê hoặc thì sao? “Khởi vọng tương ưng tâm”, vọng tương ưng tâm là tham sân si, liền sanh khởi thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, xuất hiện những thứ này.

“Kế ngã ngã sở”, chấp trước tôi, chấp trước tôi sở hữu. “Tạo tập các nghiệp, thọ sanh tử khổ”, đây là trong lục đạo khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, làm những điều này. “Thuyết bỉ pháp thân, danh vi chúng sanh”, hoàn toàn thay đổi, biến thanh tịnh pháp thân thành chúng sanh, câu này có hiểu chăng? Nếu không hiểu, ta từ trong cảnh giới mộng để nói, pháp thân thanh tịnh biến thành cảnh mộng. Pháp thân thanh tịnh chính là chân tâm của mình, chân tâm nằm mộng, tâm ở đâu? Toàn bộ cảnh giới chính là tâm, tâm có tướng. Khi không hiện tướng tâm ở đâu không biết, hiện nay tâm đã hiện tướng, trong Phật pháp thường nói: “toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng”. Chân là gì? Là pháp tánh. Vọng là gì? Là pháp tướng. Pháp tánh biến thành pháp tướng, toàn thể pháp tướng chính là pháp tánh, toàn thể pháp tánh tức là pháp tướng, tánh tướng không hai. Vì thế pháp thân, pháp thân chính là pháp tánh, pháp thân là gì? Pháp thân là chúng sanh, hy vọng mọi người hãy nhớ kỹ câu này. Chúng sanh là gì? Tất cả pháp tướng tận hư không biên pháp giới là pháp thân của chúng ta, chính là pháp tánh. Khi nào ta thật sự khẳng định, đột nhiên giác ngộ, tất cả chúng sanh tướng tận hư không biên pháp giới toàn là chính mình. Xin chúc mừng, quý vị đã thành Phật, đã chứng được pháp thân thanh tịnh. Chỉ cần chứng được pháp thân, thân thể hiện tại chính là báo thân Phật. Đối với bản thân ta mà nói là báo thân Phật. Đối với giáo hóa tất cả chúng sanh mà nói ta là ứng thân Phật. Ba thân là một, một tức là ba, ba tức là một. Lúc này, tâm chân thành, tâm

thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi của mình đều hiển lộ. Ta cứu hộ tất cả chúng sanh, quan tâm tất cả chúng sanh, yêu thương tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh, còn có phân biệt chấp trước gì nữa? Thì ra tất cả chúng sanh là chính mình, mình là tất cả chúng sanh, ai biết được chân tướng sự thật này? Người khế nhập biết, người chứng ngộ biết. Người chưa chứng ngộ, nói với họ, họ nói ta điên, thần kinh không bình thường, sao đến người và mình đều không có năng lực phân biệt chứ? Chẳng những không phục, họ còn chà đạp nữa là khác. Ở đây Phật nói lời chân thật, cảnh giới này quả thật không phải cảnh giới phàm phu. Nếu phàm phu nhập vào cảnh giới này, họ đều thành Phật, đâu thể gọi họ là phàm phu. Đây là nói: “pháp thân gọi là chúng sanh”, câu này rất quan trọng, chúng ta tu hành chứng quả như thế nào để nhập vào cảnh giới này?

Bên dưới nói: “Nhược như thị chúng sanh trung, pháp thân huân tập, nhi hữu lực giả”. Đây là nói pháp thân lấy vô minh làm gốc, pháp thân huân tập như thế nào mà có lực? Ta xoay chuyển ý niệm đó, tất cả chúng sanh là chính mình, đây tức là pháp thân huân tập.

Phật Bồ Tát dạy chúng ta, niệm niệm nghĩ cho tất cả chúng sanh. Trong tất cả pháp sự, thậm chí đọc kinh, niệm Phật, sau cùng chúng ta làm hồi hướng, hồi hướng là gì? Hồi hướng nghĩa là dùng pháp thân huân tập. “Nguyện đem công đức này, trang nghiêm cõi nước Phật”. Cõi nước Phật là cõi nước của tất cả Chư Phật. Công đức tôi tu tích được, tu tích cho ai? Vì trang nghiêm tất cả cõi nước Chư Phật, trang nghiêm tất cả cõi nước Chư Phật là trang nghiêm pháp thân. Chúng ta khởi tâm động niệm và tất cả những hành vi, vì lợi ích tất cả chúng sanh khắp tận hư không biến pháp giới, đây chính là pháp thân huân tập. Pháp thân huân tập sao có thể không chứng được pháp thân? Sao không thành Phật quả được? Vô minh huân tập thì rất tội tệ, tuyệt đối không ra khỏi luân hồi lục đạo, pháp thân huân tập nhất định siêu việt mười pháp giới. Ta mới biết chuyển ý niệm này quan trọng biết bao, chuyển ý niệm này liền siêu phàm nhập thánh. Tuy siêu phàm nhập thánh, bản thân tiếp xúc với chúng sanh nhất định là tư thế thấp, nhất định là khiêm tốn hạ mình, vì sao vậy? Như vậy mới tương ứng. Nếu tư thái cao, là tương ứng với phiền não. Chư vị phải biết, khiêm tốn hạ mình là tương ứng với pháp thân, pháp thân có thể hiện ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, đây là hạ mình đến cực độ. Pháp thân thanh tịnh, pháp thân bình đẳng, hơi có một chút tâm cao thấp là không bình đẳng. Khiêm tốn, chẳng những có thể duy trì công đức của mình không mất, mà còn thành tựu vô lượng vô biên công đức, thành tựu như thế nào? Khiêm tốn là làm cho tất cả chúng sanh xem, là khuyên họ buông bỏ tâm kiêu mạn, không phải dùng ngôn giáo, mà dùng thân giáo, thể hiện cho họ thấy. Quý vị cảm thấy kiêu ngạo, cảm thấy mình rất vĩ đại, được nhiều người xưng tán, ca tụng, đâu biết bằng người khiêm

tôn càng vĩ đại hơn ta? Sự kiêu ngạo vĩ đại của mình, được người tán tụng là nhất thời. Như đại thế chiến lần thứ hai, Hitler rất vĩ đại, bao nhiêu người tán thán khâm phục ông, sau khi chết không ai không mắng chửi ông, ông ta vĩ đại chỗ nào? Quý vị xem Gandhi của Ấn độ, suốt đời khiêm tốn, hình như không có gì nổi trội, sau khi chết vẫn có người nhắc đến Gandhi, không ai không khâm phục, không ai không tán thán.

Như vậy mới biết, khiêm tốn thời gian người ta khen ngợi là vĩnh cửu, kiêu ngạo người ta khen ngợi rất ngắn ngủi, quả báo khác nhau. Nguyên nhân gì? Một người tương ưng với vô minh, tương ưng với hư vọng, như vậy làm sao lâu dài được? Một người tương ưng với pháp tánh, pháp tánh là thường trú không thay đổi, cho nên có thể lâu dài. Tương ưng với pháp tánh là chân tu, tương ưng với vô minh đó là tu học giả, không phải thật, chúng ta không thể không phân biệt rõ ràng điều này.

Bên dưới nói: “Pháp thân huân tập, nhi hữu lực giả, phiền não tiệm bạc, năng yếm thế gian, cầu niết bàn đạo”. “Yếm thế gian” không phải thật sự chán ghét thế gian này, không phải. Đối với thế gian này tâm tham ái rất nhạt, hay nói cách khác, đoạn thị phi nhân ngã, đoạn tham sân si mạn, đây gọi là chán bỏ thế gian. “Cầu đạo niết bàn” là cầu minh tâm kiến tánh. “Tín quy nhất quán”, biết “nhất” mới là chân thật, tâm này thường trú nơi nhất. Người niệm Phật gọi là “nhất tâm bất loạn”, thường trú nơi nhất tâm bất loạn, trong cảnh giới này, đây là chân thật.

“Tu lục ba la mật, đẳng nhất thiết bồ đề phần pháp”. Đây là đối đãi chúng sanh, họ biểu hiện trong cuộc sống khi xử sự đối nhân tiếp vật, lục độ vạn hạnh, người này gọi là Bồ Tát. Tùy thuận pháp thân huân tu chính là Bồ Tát. Tùy thuận vô minh huân tu là lục đạo phàm phu. Ở đây văn tự đơn giản, lý và sự nói rất thấu triệt. Chúng sanh thành Bồ Tát như thế nào? Trong Bồ Tát, hiện nay chúng ta nói là Bồ Tát thật, Bồ Tát giả. Thế nào là Bồ Tát giả? Đi thọ Bồ Tát giới, mượn danh Bồ Tát, vẫn huân tu với vô minh phiền não, đó là Bồ Tát giả. Bồ Tát thật, chưa từng thọ Bồ Tát giới, thật sự hiểu đạo lý này, dùng pháp thân huân tu. Pháp thân huân tu, chư vị phải biết, khởi tâm động niệm đều vì phục vụ cho tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới, vì tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới mà sống, làm việc, phục vụ, đây chính là pháp thân huân tập, người này chính là Bồ Tát. Họ không có tôi, tôi chính là mười pháp giới, tôi chính là hư không, tôi chính là tất cả chúng sanh, không còn chấp trước thân này là tôi. Trên thực tế, thân cũng là chúng sanh, cũng là một phần của tôi. Bây giờ họ hiểu tôi là toàn thể, không phải một phần. Ví như toàn thân thể này là tôi, không chấp trước một ngón tay là tôi, một móng tay là tôi, không chấp trước như vậy.

Chúng ta hiện nay là phàm phu không biết toàn thể là tôi, chấp trước một phần cực nhỏ của toàn thể, cho rằng đó là tôi, chấp trước này là sai lầm.

Tôi là toàn thể của hư không pháp giới, đây chính là pháp thân huân tập. Niệm niệm đều nghĩ như vậy, quán như vậy, lâu ngày, tập khí phiền não từ vô thủy kiếp của chúng ta giảm nhẹ dần. Quan niệm này dần tăng cường, sẽ khế nhập khi nào không hay, nhập vào cảnh giới này, trở thành Bồ Tát thật. Bồ Tát này gọi là pháp thân đại sĩ, không phải Bồ Tát trong mười pháp giới. Bồ Tát trong mười pháp giới đang dụng công, vẫn chưa đột phá, sau khi đột phá chính là pháp thân đại sĩ trong nhất chân pháp giới.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây. Bên dưới nói tiếp Bồ Tát thành Phật như thế nào, lần sau chúng ta nói tiếp.

**Hết tập 8**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 9****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ tám, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ ở giữa.

“Nhược như thị Bồ Tát trung, tu hành nhất thiết thiện pháp, mãn túc cứu cánh, đắc ly vô minh thù giả, chuyển danh vi Phật”. Chúng ta xem đoạn này, đoạn văn này nói về nguồn gốc của hiện tượng, đây đều nói đến vấn đề căn bản. Có một vài người thường hỏi, vũ trụ từ đâu đến? Sanh mạng từ đâu đến? Những hiện tượng này từ đâu đến? Những vấn đề này trong Phật pháp được coi là những vấn đề căn bản lớn, nếu giải quyết được vấn đề này, tất cả mọi vấn đề đều được giải quyết.

Trong kinh Phật không ngừng lặp đi lặp lại nói rõ với chúng ta, vì sao Phật không cảm thấy phiền khi nói nhiều lần như thế? Vì chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, sức huân tập của nhân duyên si ám quá mạnh, thời gian quá lâu. Nếu thời gian ngắn, Đức Phật nói rõ với chúng ta chân tướng sự thật này, cảnh giới chúng ta vẫn không chuyển được. Chuyển được tức thành Phật, chuyển không được chính là phàm phu, trong kinh điển đại thừa liễu nghĩa chúng ta thấy nói rất nhiều về điều này. Phàm thánh chỉ trong một niệm, thực tế mà nói sanh Phật chỉ di chuyển trong khoảng sát na. Chúng ta đọc kinh, nghe kinh, nghe pháp, vì sao vẫn không chuyển được? Đây chính là sức mạnh của vô minh từ vô thủy kiếp đến nay, trong kinh này nói do sức huân tập của si mê, chướng ngại cơ duyên kiến tánh của mình.

Ở trước nói: “pháp thân danh vi chúng sanh”, điều này ở hàng trước, hàng thứ tư câu thứ nhất: “thuyết bỉ pháp thân danh vi chúng sanh”. Lời này quả thật đã nói đến tận cùng. Pháp thân là gì? Pháp thân là bản thân mình, trong Thiên tông nói: “bản lai diện mục trước khi cha mẹ chưa sanh”, là chính mình. Phật thành Phật như thế nào? Phật chứng được pháp thân. Phật có tam thân, pháp thân, báo thân, ứng thân. Chúng ta có tam thân chăng? Có, không khác gì Đức Phật. Phật đối với tam thân này rõ ràng minh bạch, ngài đã giác ngộ, còn chúng ta hoàn toàn không biết gì về tam thân của mình, cho nên chúng ta mê. Giác ngộ pháp thân cũng không nhiều hơn, khi mê pháp thân cũng không hề giảm bớt, vấn đề ở chỗ mê ngộ.

Thế nào gọi là chúng sanh? Nghĩa của chúng sanh rất rộng, chúng ta thường thấy chúng sanh, lập tức nghĩ đến rất nhiều người, xem chúng sanh là

như vậy, đây là không hiểu nghĩa của chúng sanh. Chúng sanh là hiện tượng do chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, lớn rồi, hư không là hiện tượng chúng duyên hòa hợp sanh khởi, cho nên hư không là chúng sanh.

Hiện nay chúng ta quan sát được, giữa vũ trụ có rất nhiều tinh cầu, tinh cầu là chúng duyên hòa hợp mà sanh, là chúng sanh. Giới khoa học lại phát hiện, hiện tại tầm nhìn chúng ta rất hạn hẹp, không phải thế giới chân thật. Ngày nay ta chỉ thấy được không gian ba chiều, không gian bốn năm chiều không nhìn thấy được. Nó tồn tại chăng? Tồn tại. Giới khoa học chứng thực, về lý luận mà nói không gian là vô hạn độ, nhưng thực tế mà nói, họ đã chứng minh có không gian 11 chiều tồn tại. Ngày nay chúng ta ở trong không gian vô hạn độ, chỉ thấy được một độ. Không gian vô hạn độ từ đâu mà có? Do chúng duyên hòa hợp biến hiện ra, đều là chúng sanh. Muôn sự muôn vật, hết thảy mọi hiện tượng, hai chữ chúng sanh bao gồm tất cả. Ở đây nói đến chúng sanh, ý nghĩa như trong Phật pháp gọi là “pháp”, nó là một đại danh từ của toàn thể vũ trụ. Thế nào gọi là pháp thân? Cho thấy pháp thân là toàn thể, là một toàn thể hoàn mỹ, không phải bộ phận. Ngày nay những gì ta cảm nhận được là sự cục bộ, một cục bộ rất chật hẹp, vì vậy mới nảy sinh xung đột với người khác.

Tôi dạy quý vị xem gốc cây, đây là đưa ra một ví dụ, con người đều thích cây, trên cây có lá, thân này của chúng ta giống như lá cây. Ngọn cây, một ngọn cây mọc vài phiến lá, nó giống như một gia đình vậy. Tiếp tục quan sát nhánh cây, trên một nhánh cây có mấy ngọn, giống như một chủng tộc vậy. Chủng tộc này của mình với chủng tộc khác lại độc lập, lại đối lập, đối lập tức có xung đột. Tiếp tục quan sát tường tận, quan sát đến sau cùng, đến gốc. Thì ra tất cả lá cây, tất cả cành nhánh, tất cả thân cây, đều từ một gốc sanh ra, ta mới nhìn thấy một gốc cây hoàn chỉnh, hoàn chỉnh mới là chính mình.

Đức Phật nói với chúng ta, pháp thân tận hư không biến pháp giới là chính mình, ta còn có gì nữa để xung đột? Đây là chân tướng sự thật, không phải giả thiết. Chư Phật Như Lai chứng quả, chứng được thật tướng các pháp, thấu hiểu triệt để, minh bạch triệt để, hư không pháp giới và tự thân hòa thành nhất thể. Đây gọi là Phật, là pháp thân đại sĩ. Không thông đạt chân tướng sự thật, ở trong này tùy theo bản thân mà khởi vọng tưởng phân biệt chấp trước, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, đó là phàm phu.

Phàm phu tạo ra tất cả tội nghiệp, pháp thân, pháp tánh của ta không hề mất, không khác gì với Chư Phật Như Lai, không khác. Mắt Phật nhìn tất cả chúng sanh đều là Chư Phật Như Lai, đây là thật không phải giả. Vì sao ngài nhận ra được cái thật? Nhận ra thân thể này của ta là chân vọng hòa hợp, ở ngay trong thân thể này, ngài nhìn thấy pháp tánh, ngài thấy được pháp tướng. Pháp tánh bất sanh bất diệt, pháp tướng nó có sanh diệt, sanh diệt đó không phải sanh diệt trong quan niệm của chúng ta. Thực tế, pháp tướng phi sanh phi diệt, pháp tánh bất sanh bất diệt.

Vì sao nói pháp tướng phi sanh phi diệt? Vì nó biến hóa đa đoan, sát na sanh diệt. Nếu nói nó sanh, nó lập tức diệt. Nói nó diệt, bên dưới lại sanh ra. Như ý niệm của ta vậy, ý niệm thuộc pháp tướng, niệm trước diệt niệm sau sanh, không có niệm trước diệt mà niệm sau không sanh, vậy là có sanh diệt, niệm trước diệt niệm sau sanh. Vì thế không thể nói nó sanh, cũng không thể nói nó diệt, tất cả các pháp tướng đều là như vậy. Pháp tánh tuyệt đối không có sanh diệt, pháp tướng là phi sanh phi diệt.

Đoạn ở trước nói, nếu chúng sanh được “pháp thân huân tập mà có lực”, người này công phu đắc lực. “Phiền não nhạt dần, chán ghét thế gian, cầu đạo niết bàn, tín quy nhất thật, tu lục ba la mật và nhất thiết bồ đề phần pháp”, người này gọi là Bồ Tát. Không nhất định phải thọ giới Bồ Tát, thọ giới Bồ Tát chưa chắc là Bồ Tát. Ý theo đây tu hành, họ mới thật là Bồ Tát, họ ngày ngày đang giác ngộ, niệm niệm không mê mất. Đối với kinh giáo đại thừa, họ đạt được lợi ích chân thật.

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, ta có biết dụng công không? Có biết tu hành không? Biết tu hành, thấy người cũng được, thấy vật cũng được, thấy pháp tánh của nó, thấy pháp tướng của nó. Nếu có thể quan sát từ đây, sẽ không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, đây chính là phiền não nhạt. Còn như đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, không còn tham ái, không còn lưu luyến, nhân duyên thế gian đã nhạt, phiền não ít. Vấn đề là ta biết nhìn hay không? Biết nghe hay không?

Sáu căn duyên sáu cảnh, trong cảnh này đều có tánh, đều có tướng. Ta quan sát pháp tánh, pháp tướng của nó, từ pháp tánh quan sát được nhất thời, từ pháp tướng quan sát được nhân quả. Đây là đạo lý lớn của Phật pháp, ngàn kinh vạn luận cũng chỉ nói đến vấn đề này. Ta mới biết vũ trụ từ đâu đến, rốt cuộc sinh mạng là sao, hoàn toàn hiểu rõ, người này gọi là Bồ Tát. Người này khởi tâm động niệm, sinh hoạt hành vi nhất định là lợi chúng sanh, giúp người khác giác ngộ, giúp người khác cũng hiểu rõ sự thật này. Cho nên những gì họ làm, trong cuộc sống hằng ngày nhất định tương ưng với sáu ba la mật. Không phải họ học, mà nó tự nhiên tương ưng.

Hôm nay bên dưới nói tiếp: “Nhược như thị Bồ Tát trung, tu nhất thiết thiện pháp, mãn túc cứu cánh, đắc ly vô minh”, người này gọi là Phật. Ở đây nói “nhất thiết thiện pháp”, thế nào gọi là tất cả thiện pháp? Chúng ta vừa thấy thiện pháp, cho rằng là thiện pháp của thiện ác đối lập, sai lầm. Thiện pháp của thiện ác đối lập không thành Phật được, cũng không thể thành Bồ Tát. Quả báo chỉ thọ báo nơi ba đường lành trong lục đạo. Thiện pháp ở đây, hai bên thiện ác đều xa lìa, đó gọi là chân thiện, phàm những gì đối lập đều là bất thiện.

Trong Đàn Kinh chúng ta thấy, Lục tổ khai thị cho Huệ Minh lúc lánh nạn. Huệ Minh là một vị tướng quân xuất gia, khi Lục tổ bị ông đuổi theo, nhưng cũng rất khó được, ông biết Lục tổ là người tốt, thật sự chứng đạo, liền cầu pháp với ngài. Ngài nói như thế nào? Ngài ngồi xuống, bảo Huệ Minh bình tâm lại, sau đó khai thị rằng: không nghĩ thiện, không nghĩ ác, lúc này cái gì là bản lai diện mục của Huệ Minh? Từ chỗ này ông giác ngộ, đó gọi là chân thiện, hai bên thiện ác là bất thiện. Ở đây từng chữ từng câu, ta cần phải hiểu nghĩa chân thật của nó.

Ở đây nói tu hành tất cả thiện pháp, phía sau nói: “đầy đủ cứu cánh”, quán pháp như huyễn hóa, quán tất cả pháp tướng, pháp tướng là mộng huyễn bào ảnh, quán tánh thường tịch, đó là thiện pháp. Mỗi ngày sáu căn tiếp xúc với sáu cảnh bên ngoài quán như vậy, đây là tu hành tất cả thiện pháp, như vậy sao có phiền não được? Như vậy sao có vô minh được? Nói như hiện nay gọi là thay đổi quan niệm của mình, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần bên ngoài, quan niệm ta sai lầm. Quan là quan sát, niệm là ý niệm, quan sát cách nghĩ cách làm của mình, sai lầm, ta sửa đổi quan niệm của mình, điều này tuyệt đối chính xác, đây gọi là tu hành tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp thế xuất thế gian, đều bao hàm hết trong đó, không sót một pháp nào. Quan sát tỉ mỉ, lãnh hội tường tận.

“Đầy đủ cứu cánh”, câu này nói về công phu. Chúng ta mới đầu học quán, công phu chưa đạt, phiền não vẫn khởi hiện hành, vẫn còn thị phi nhân ngã, vẫn còn tham sân si mạn, vậy là công phu chưa rốt ráo. Nếu công phu tu học thật sự có sức mạnh, người ta tu hành thiện pháp, nó liên kết được với câu ở trên, “pháp thân huân tập mà có lực”.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ có câu: “Quán pháp như hóa, tam muội thường tịch”, tám chữ này có thể làm phương pháp dụng công bình thường của chúng ta, có thể trong suốt 24 tiếng, vĩnh viễn không gián đoạn quán như vậy, đây chính là pháp thân huân tập có lực. Dần dần hiểu rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ, tìm ra bản lai diện mục của chính mình, mọi vấn đề của thế xuất thế gian đều được giải quyết. Cảnh giới này trong Thiền tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong Giáo môn gọi là đại khai viên giải, trong Tịnh độ tông gọi là lý nhất tâm bất loạn. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, đây là ai? Là pháp thân đại sĩ.

Trong đời của chúng ta, có thể đạt đến cảnh giới này chăng? Điều này phải xem bản thân ta, bản thân ta muốn nhập vào cảnh giới này, không khó lắm, “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Nếu ở thế gian này chúng ta không làm được, Phật tuyệt đối không nói, Phật nói mà chúng ta không làm được, há chẳng phải nói chơi với chúng ta sao? Nói ra có ý nghĩa gì đâu. Phạm những gì Đức

Phật nói trong kinh điển, đều là người thế gian này làm được, vấn đề là ta có chịu thực hành không, có muốn thực hành không? Ta chịu thực hành, muốn thực hành, tu học như lý như pháp, nhất định sẽ đạt được.

Từ chỗ tu học từ từ, có thể đạt đến “viên mãn cứu cánh”. Viên mãn cứu cánh là phá vô minh, phá nhất phẩm vô minh sẽ chứng một phần pháp thân. Ngày nay chúng ta nói ở đây là lý giải, biết rằng có vấn đề này, mình không tự thân đạt được. Điều này nói rõ ta thật sự nghe hiểu, đây gọi là giải ngộ. Giải ngộ là tri thức, chứng ngộ là trí tuệ, chứng ngộ mới lợi ích thật sự. Giải ngộ không thể liễu sanh tử, không thể xuất tam giới, chứng ngộ liễu sanh tử xuất tam giới.

Ta phải đem những gì Phật nói, chứng thực nó trong cuộc sống hằng ngày, chứng thực nghĩa là ta phải quán đúng như vậy. Mở mắt ra nhìn thế giới muôn màu này, không phải bảo ta đừng nhìn, có thể nhìn. Bồ Tát nhìn là nhìn pháp tướng, nhìn pháp tánh, nhìn trong pháp tướng thiên biến vạn hóa, trong này có pháp tánh bất biến, pháp tánh chân thường. Xem trong pháp tướng, đây là nhân quả báo ứng, xem nhân quả báo ứng trong pháp tướng, tâm từ bi liền sanh khởi. Xem trong pháp tánh, trí tuệ phát sanh, đây là trí tuệ bát nhã trong tự tánh, đại từ đại bi vốn đầy đủ trong tự tánh, như vậy mới có thể hiển lộ.

Phàm phu chúng ta mê hoặc điên đảo, mở mắt ra là nhìn một cách mù quáng, không biết nhìn, cũng không biết nghe. Nói cách khác, không biết dùng sáu căn, dùng sai, dùng sai sẽ tạo tội nghiệp. Học Phật tu hành, tu như thế nào? Như vậy mới gọi là tu hành. Bình thường trong cuộc sống hằng ngày, ta biết dùng sáu căn, biết dùng sáu căn chính là tu hành tất cả thiện pháp. Ta lại niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, quá tuyệt vời, như hổ thêm cánh, tương lai vãng sanh nhất định là thượng bửu vãng sanh, còn hoài nghi gì nữa?

Ở đây chúng ta rút ra một kết luận, tóm lại chỉ một câu, thiện dụng sáu căn. Thiện dụng sáu căn tức ở đây nói Bồ Tát tu tất cả thiện pháp, Bồ Tát thị hiện cũng biến hóa đa đoan, thị hiện là pháp tướng. Bồ Tát Quan Thế Âm thị hiện 32 ứng, đáng dùng thân gì để độ liên thị hiện thân đó, cần nói pháp gì cho chúng sanh liền nói pháp đó, thiên biến vạn hóa không có nhất định. Chẳng những không nói pháp nào nhất định, cũng không hiện tướng nào nhất định, tướng hiện ra là “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Quy lạ lại, đây chính là một chữ “duyên”, Bồ Tát tùy duyên. Cho nên ta thấy sự tự tại của ngài, biểu diễn của ngài thật viên mãn, thật tự tại. Chúng ta không biết dùng sáu căn, dùng sáu căn không đúng, cho nên gây ra toàn phiền phức, toàn phiền não, khổ báo vô tận, do dùng sáu căn sai lầm. Đây là nói với chúng ta tương chúng sanh từ đâu mà có, tướng Bồ Tát từ đâu mà có, tướng Phật từ đâu mà có.

Đoạn sau cùng rất quan trọng: “Đương tri như thị chúng sanh, Bồ Tát, Phật đẳng. Đản y thế gian, giả danh ngôn thuyết cố, nhi hữu sai biệt, nhi pháp thân chi thể, tất cánh bình đẳng, vô hữu dị tướng”. Nói đến “chúng sanh”,

chúng sanh ở đây khác với chúng sanh ở trước, chúng sanh này là chỉ hàng phàm phu bình thường như chúng ta. Hai chữ giống nhau, quý vị thấy nó có chỗ nào khác nhau? Ngày nay chúng ta thấy những hữu tình chúng sanh này, nói Bồ Tát, nói Phật, biết là giả danh, là từ trong tâm phân biệt của chúng ta nói ra.

“Thê của pháp thân” là nói từ tánh, tánh là bình đẳng. “Không có dị tướng”, tuyệt đối không có tướng sai biệt. Chúng ta nhất định phải hiểu, tuyệt đối không phải thấy 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp thì gọi là Phật, nhìn thấy tướng này gọi là Bồ Tát, đây là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Khi nào ta đột phá vọng tưởng phân biệt chấp trước, Phật hiện tướng phàm phu ngài vẫn là Phật, Bồ Tát hiện tướng kẻ ăn xin ngài vẫn là Bồ Tát, Phật Bồ Tát cũng có thể hiện tướng côn trùng kiến ngài vẫn là Phật Bồ Tát. Thân tướng như thế nào ngài đều có thể hiện, hiện tùy duyên, không những hiện hình tướng động vật, ngài còn hiện hình tướng thực vật.

Qua sách tịch của các thời đại chúng ta thấy ghi chép rất nhiều về điều này, bất luận tướng như thế nào ngài đều có thể hiện. Nhưng phải biết rằng, không phải ngài hiện tùy theo tâm mình, bản thân ngài không có tâm. Chỉ có không có tâm, không có ý niệm mới có thể phổ hiện, nếu có tâm có niệm không thể hiện được. Vì sao ngày nay chúng ta không thể hiện? Vì ta có tâm có ý niệm nên không thể hiện, đến khi nào chúng ta không còn một ý niệm nào nữa, khi đó ta có thể hiện. Không còn ý niệm nào, trở về với tự tánh. Không phải trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện” sao, lúc đó có thể hiện. Cho nên khi có sự xen tạp vào trong đó, có vô minh, có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, như vậy không thể hiện, thân này gọi là thân nghiệp báo. Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, thân đó gọi là thân pháp tánh, thân pháp tánh cũng gọi là pháp thân. Chúng ta phải tư duy, lãnh hội, quan sát tường tận điều này. Từ trong câu này chúng ta cũng có thể lãnh hội được điều mà Bồ Tát Mã Minh dạy cho chúng ta, đọc kinh, nghe pháp phải là tướng ngôn thuyết, là tướng văn tự, là tướng danh tự. Danh tự nghĩa là chúng sanh, Bồ Tát, Phật, đây là danh tự, toàn là giả thiết. Còn phải là tướng tâm duyên, tướng tâm duyên là ta tư duy về ý nghĩa của nó, suy nghĩ về ý nghĩa của nó. Không được, nghĩ đến là sai, nghĩ là rơi vào trong vọng tưởng, không được nghĩ.

Người bây giờ gọi là “trực giác”, hơi giống. Tu học Phật pháp phải dùng trực giác, tuyệt đối không được rơi vào trong tư duy tưởng tượng. Chúng ta nghe kinh như vậy, nghe hiểu sẽ ngộ, ngộ tức là giác ngộ. Nghe không hiểu cũng đừng nghĩ, càng nghĩ càng tột tệ, càng nghĩ ý nghĩa càng sai. Cho nên nói có thể không ngừng lặp đi lặp lại, không ngừng tiếp xúc, hy vọng huân tập trong thời gian dài, pháp thân huân tập, pháp tánh huân tập, pháp tướng huân tập, ta biết là được. Vấn đề là ta có biết hay không?

Chư vị tổ sư đại đức Thiên tông thường khảo nghiệm thiên sinh rằng: “Có biết chăng?” Biết, mọi thứ rất thông suốt, thuận lợi mọi mặt. Không biết, dù nói như thế nào ta đều không thông suốt. Thật sự không biết, vậy là hoàn toàn giống như học sinh lớp một, học lại từ đầu, dạy ta hiểu thân tôn sư, dạy ta từ tâm bất sát, dạy ta tu thập thiện nghiệp đạo, đó là gì? Quả thật không thể ngộ được, hy vọng trong lục đạo không đọa vào ba đường ác, dùng phương pháp này. Người căn tánh lạnh lợi thông minh, không dùng phương pháp này, dùng phương pháp này có lỗi với họ. Vì sao vậy, hàng căn tánh lạnh lợi, trong đời này họ có thể liễu sanh tử thoát luân hồi, ta phải giúp họ phương pháp thoát ly.

Tuy Kinh Địa Tạng là pháp căn bản, trong đại ý luận quán đại sư Thanh Liên đều đem đại thừa, căn bản của nhất thừa Phật pháp thuật lại cho chúng ta. Sau đó mới biết toàn kinh có cơ sở lý luận, có y cứ lý luận, chúng ta mới sanh khởi tín ngưỡng đối với giáo huấn này, mới chịu y giáo phụng hành.

Xem tiếp câu bên dưới: “cố tri bất đạt kỳ cụ đức thức tâm”, bất đạt là không hiểu, không thông đạt. “Cụ đức thức tâm”, đức là tánh đức, thức tâm là gì? Chính là tâm vọng tượng hiện tại của chúng ta, nếu không thông đạt. “Tiện tu duyên chân như lý nhi đoạn cửu giới, tu nhiệm tu ác”. Hàng thượng căn lợi trí đơn giản, gọi là một nghe ngàn ngộ, lập tức khế nhập. Hàng căn tánh trung hạ không thể, không thể thì sao? Không thể thì dạy ta tu học như lý như pháp, dạy ta đoạn ác tu thiện, thiện ác này là tương đối. Dạy ta đoạn tham sân si, sẽ không đọa vào ba đường ác. Dạy ta tu ngũ giới thập thiện, như vậy có thể được thân người. Dạy ta tín nguyện niệm Phật, tức có thể vãng sanh Tịnh độ.

Không biết, chẳng những thức tâm cụ đức hiện tại của chúng ta, đức này là tánh đức của tự tánh, tánh đức viên mãn, hình tướng thân thể này của chúng ta cũng cụ đức, ai biết? Phật và đại Bồ Tát biết. Chúng ta không phải người như vậy, không phải người thuộc căn tánh này, cần phải đi theo thứ tự.

Nói đến đây, là đem “tánh thức bất tư nghì”, nói về hai chữ tánh thức. Đoạn này là nói thể của bộ kinh này, phạm nói đến thể của kinh, đại khái đều thông tất cả kinh, tất cả kinh đều lấy nó làm thể. Ở trên có chữ bất tư nghì, tánh thức bất tư nghì làm thể. Ở dưới giải thích thêm cho chúng ta “hà danh bất tư nghì”.

“Tông Kính vân, thử thức kiến lập, hữu tình vô tình phát sanh, nhiệm pháp tịnh pháp”. Thực tế mà nói, câu này là giải thích “duy thức sở biến” trong Kinh Hoa Nghiêm. Tánh duy tâm sở hiện, chính là ở trước nói “nhất niệm tự tánh”, nhất niệm tự tánh là chân tâm của mình, có thể hiện tướng. Sum la vạn tượng đều là nó biến hiện ra, nó có thể hiện tướng, nhưng những pháp tướng này thiên biến vạn hóa. Vì sao có biến hóa? Là thức biến, thức là gì? Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là thức.

“Thức kiến lập hữu tình vô tình”. Hữu tình ta thường gọi là động vật, vô tình là thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hiện tượng tự nhiên. Hữu tình, vô

tình đều là tánh thức biến hiện ra. “Phát sanh pháp nhiễm pháp tịnh”, pháp nhiễm pháp tịnh đều là tánh thức biến hiện ra. Nhất chân là tịnh, thập pháp giới là nhiễm. Tứ thánh pháp giới là tịnh, lục phàm pháp giới là nhiễm. Bất luận là pháp nhiễm hay pháp tịnh, đều không lìa tánh thức, tánh thức là chính mình.

Hai câu bên dưới nói về nguồn gốc của hữu tình thế gian: “Nhuộc hữu tri hữu giác, tắc chúng sanh giới khởi”, đây là cội nguồn của hữu tình thế gian. Ngày nay chúng ta nói tất cả động vật, động vật từ đâu mà có? Có tri có giác. “Nhuộc vô tướng vô lự, tắc quốc độ duyên sanh”, đây nói cội nguồn của khí thế gian. Thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên từ đâu mà có? Là do vô tri vô lự mà sanh ra, vô tri vô lự là vô minh, có tri có giác là vọng tưởng, quy nạp thành hai loại lớn. Có vọng tưởng biến thành hữu tình chúng sanh, không có vọng tưởng có vô minh biến thành sơn hà đại địa, biến thành vô tình chúng sanh, đều là pháp tánh biến hiện. Vì thế Kinh Hoa Nghiêm mới nói “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”.

“Nhân nhiễm pháp nhi lục thú hồi toàn”, đây là luân hồi lục đạo, vì sao có luân hồi? “Nhân pháp nhiễm” mà có luân hồi. Nhiễm là ô nhiễm, vốn không có nhiễm ô, sự thật đúng là không có. Ta gặp một việc không như ý, trong lòng rất phiền não, khổ không thể tả. Tôi muốn hỏi, phiền não của quý vị ở đâu, đưa ra tôi xem thử? Ta không tìm thấy, không tìm thấy chẳng phải là giả ư?

Trong Thiên tông có một câu chuyện, Tổ sư Đạt Ma diện bích tại Chùa Thiếu Lâm, Huệ Khả đến tìm ngài, lúc đó là mùa đông. Đến tìm ngài không để ý đến, không hề đếm xỉa đến Huệ Khả, vẫn cứ ngồi thiền. Huệ Khả đứng trong tuyết rất lâu, tuyết lên đến đầu gối, thấy Tổ sư Đạt Ma hình như không có chút tâm từ bi nào, không hề quan tâm đến mình. Sau cùng Huệ Khả dùng dao chặt đứt cánh tay, đem cánh tay cúng dường cho ngài. Tổ sư Đạt Ma nói, sao ông phải khổ như thế? Vì sao lại làm như vậy? Huệ Khả nói, tâm con bất an, xin ngài an tâm cho con. Tổ sư Đạt Ma đưa tay ra, ông đưa tâm đây ta an cho. Vừa hỏi quang phản chiếu “con tìm tâm liễu bất khả đắc”. Vậy thì tốt, ta đã an tâm cho ông, Huệ Khả liền giác ngộ, khai ngộ. Không có, chỉ là vọng niệm, niệm là vọng niệm. Ta thích là thích vọng niệm này, không tìm thấy. Ta khổ não là vọng niệm khổ não, rốt cuộc nó ở đâu? Quý vị nói khổ não, đầu óc của quý vị tế bào nào là khổ não? Không tìm thấy. Bởi vậy mới nói những chúng sanh này là vô lý, hoàn toàn không phải sự thật, không nhiễm nói nhiễm. Vậy mới biết luân hồi lục đạo oan uổng biết bao, nhưng rất nhiều người chịu tội oan uổng trong lục đạo, họ không tỉnh ngộ, ngày ngày khởi vọng tưởng. Chúng ta cần bình tâm quan sát tường tận, mới thấy được chân tướng sự thật.

Câu bên dưới: “Tùy tịnh pháp nhi tứ thánh giai hàng”. Câu này nói rõ nguồn gốc của trí chánh giác thế gian, “giai hàng” là nói đến đẳng cấp. Tứ

thánh là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đây là tùy tịnh pháp. Trình độ tùy tịnh pháp của họ có sâu cạn khác nhau, vì thế họ cũng có cấp bậc. Ở trước nhiệm pháp cũng như vậy, trình độ nhiệm ô không giống nhau, vì vậy họ có lục đạo. Càng lên cao nhiệm ô càng nhẹ, càng xuống thấp nhiệm ô càng nặng. Nhiệm ô nghiêm trọng là địa ngục a tỳ, nhiệm ô nhẹ nhất là trời vô sắc giới. Đây là nói ra nguồn gốc hữu tình, khí thể gian, trí chánh giác thể gian.

Bên dưới là đưa ra kết luận: “Khả vị phạm thánh chi bản, căn khí chi do, liễu thử thức nguyên, hà pháp phi ngộ, chứng tư tâm tánh, hà cảnh bất chân”. Mấy câu này quan trọng vô cùng. Tánh thức là nền tảng căn bản của phạm thánh, là nguồn gốc của căn thân khí giới. Nói rõ vũ trụ từ đâu đến, vạn vật từ đâu đến, sanh mạng từ đâu đến, toàn bộ đều nói rõ ràng.

Bốn câu dưới rất quan trọng: “Liễu thử thức nguyên”, liễu là thấu triệt, thật sự giác ngộ, thấu triệt căn nguyên của thức, căn nguyên của thức chính là nhất tâm tự tánh. Chúng ta niệm Phật, mục tiêu niệm Phật đặt ở đâu? Nhất tâm bất loạn, nếu quả nhiên niệm đến nhất tâm tức kiến tánh, kiến tánh tức thành Phật. “Hà pháp phi ngộ”, tất cả pháp thế xuất thế gian ta đều giác ngộ.

Chư vị đang phát tâm học giảng kinh, học giảng kinh không ngộ sao được? Không ngộ giảng kinh gian khô biết bao, sau khi ngộ giảng kinh rất tự tại. Có cần chuẩn bị kinh chãng? Không cần, không có gì để chuẩn bị, có gì đáng để chuẩn bị đâu? Những gì cần chuẩn bị, nhiều nhất là gì, xem những chữ này mình có biết chãng, không biết thì tra từ điển, chữ không được nói bừa, không được đọc sai. Việc mà ta cần chuẩn bị chính là công phu này, tra thử xem có chữ nào mới chãng? Tra thử danh tướng, xem có từ mới chãng? Điều này không thể nói sai. Mỗi đoạn của kinh văn phân tích rõ ràng, chỉ chuẩn bị những điều này, ngoài những điều này, còn có gì đáng để chuẩn bị đâu? Không cần chuẩn bị.

Chúng ta thành lập Phật học viện khác với trường học thế gian, dùng cách dạy của trường thế gian, dạy pháp lệnh quy chương đó cho chúng ta, vậy coi như là xong.

Thứ bảy pháp sư Ngộ Viên đến, tôi nói thầy đến nhanh, quý vị đến để làm công việc chuẩn bị cho Phật học viện. Hôm qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi, bên YAMAHA họp rồi, họ quyết định làm. Sau khi làm xong giao trường học đó cho chúng tôi, chúng ta sửa sang lại, tôi nghĩ sửa sang lại nhiều nhất là hai năm, chúng tôi liền dọn qua bên đó. Chúng ta phải chuẩn bị cho việc khai giảng, đến đâu để tìm học sinh? Chúng ta phải nghiên cứu phương pháp dạy học, phương pháp này nhất định phải dạy mọi người khai ngộ mới được. Phật học viện, Phật học viện danh xứng với thực, quý vị đến để làm Phật, đến đây để thành Phật, không phải làm phạm phu. Phương pháp dạy học của chúng ta, nội dung dạy học đương nhiên không giống với thế gian. Quý vị thấy các Phật học viện khác, thành lập đã lâu năm, áp dụng phương thức là bắt chước

một số học viện, trong đó đào tạo không phải Phật Bồ Tát, mà là nhân tài quản lý chùa. Phật học viện của chúng ta là đào tạo Phật Bồ Tát, phải học Phật, học Bồ Tát. Nhất định phải “liễu thử thức nguyên, hà pháp phi ngộ, chứng tư tâm tánh, hà cảnh bất chân”.

Nếu thấu hiểu triệt để pháp tánh, pháp tánh chính là tâm tánh, ta liền nhập vào nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới ở đâu? Pháp pháp đều chân, gọi là nhất chân pháp giới. Không phải nhất chân pháp giới lìa xa hoàn cảnh này của chúng ta, tìm một nhất chân khác, không có. Hiện tại chính là nhất chân, tận hư không biến pháp giới chính là nhất chân. Trong kinh Đức Phật nói rất hay, một mê tất cả mê, một ngộ tất cả ngộ. Nếu ta cho rằng đây là nhất chân pháp giới, đó là mười pháp giới, vậy là chưa ngộ. Ta còn có phân biệt, còn chấp trước, còn vọng tưởng, ta chưa kiến tánh. Sau khi kiến tánh, thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay tại đây. Cho nên cổ đức mới nói: “sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ”, quý vị thử nghĩ xem nghĩa là sao? Vì sao thật không đi? Cảnh giới này lập tức biến thành thế giới Cực Lạc, liền biến thành nhất chân pháp giới.

Tôi sợ mọi người không hiểu, nên tôi thường dùng hình ảnh trên ti vi làm ví dụ, đôi kênh, vẫn là hình ảnh này, màn hình này. Màn hình ti vi chính là chân tâm của chúng ta, những gì nó hiện vẫn ở trong đó. Ví dụ này cũng chỉ có thể ví một cách tương tự, không thể ví dụ một cách thiết thực. Vì thế sau khi ngộ, không gian đột phá, đột phá toàn bộ tầng không gian vô hạn. Lúc này ta nhìn thấy nhất chân pháp giới, pháp pháp đều chân. Chân là gì? Chân là tự tánh, không có một pháp nào không phải tự tánh. Cổ nhân dùng kim khí làm ví dụ: “Lấy vàng làm vật dụng, mọi vật đều là vàng”, vật dụng nào không phải là vàng? Sau khi ngộ, pháp nào không phải tự tánh? Đây gọi là bất tư nghi.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “Khả vị tuyệt học chi môn, thê thần chi trách”. “Tuyệt học” là học đạt đến đỉnh điểm, ở trên không còn, đây gọi là tuyệt học. “Thê thần” chính là an tâm. Huệ Khả tâm bất an, đến cảnh giới này tâm ông sẽ an. Trong tông môn nói: “hướng cao lên trên”, tuyệt học chi môn chính là hướng cao lên trên.

“Cổ lập thử thể, vi mê ngộ căn nguyên, phương hiển đại sĩ, hằng sa giới nội, tán ảnh phân hình, sanh tử hải trung, tùy cơ dẫn đạo”. Đây là nói rõ vì sao pháp sư Thanh Liên dùng tánh thức bất tư nghi làm giáo thể của kinh này, mà không phải như một số các pháp sư khác đa phần dụng thật tướng. Những gì ngài nói ở đây, thực tế mà nói không trái với thật tướng, thật tướng chính là chân tướng sự thật. Ngài nói là tánh thức bất tư nghi, vẫn là chân tướng sự thật, nói một cách rất tường tận. Tuy văn tự không nhiều, khiến chúng ta đối với các đại thừa kinh huyền nghĩa khác, quả thật là rất dễ hiểu, dễ thấu triệt, dễ lãnh hội. Ở đây hiểu rõ, xem thêm các pháp sư khác viết về huyền nghĩa hiện thể, chúng ta cũng dễ hiểu hơn. Tuy cách nói khác nhau, nhưng lý là một.

Đây là “căn nguyên mê ngộ”, hiểu rõ lý, lý sự đều thấu triệt, sau đó ta mới biết vấn đề Bồ Tát Địa Tạng hóa độ chúng sanh khắp hư không pháp giới.

Bồ Tát Địa Tạng là ai? Là chính mình, không phải người khác. Chẳng những Bồ Tát Địa Tạng là chính mình, mà tất cả Chư Phật Bồ Tát đều là chính mình. Kinh điển nói rất hay: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tâm chính là tự tánh, duy tâm sở hiện. Bồ Tát Địa Tạng là duy tâm sở hiện, Phật A Di Đà cũng là duy tâm sở hiện, tất cả Chư Phật Bồ Tát khắp mười phương ba đời ai không phải duy tâm sở hiện?

Tất cả chúng sanh giới duy thức sở biến, Phật Bồ Tát chẳng lẽ không phải duy thức sở biến? Biến thành Bồ Tát này, Bồ Tát kia, chư Phật Bồ Tát vô lượng vô biên, hiển thị ra tánh đức không thể nghĩ bàn. Bồ Tát Địa Tạng là phần nào trong tánh đức chúng ta biến hiện ra? Hiếu thân tôn sư. Từ hiếu thân tôn sư biến hiện ra Địa Tạng Vương Bồ Tát. Từ đại từ đại bi biến hiện ra Bồ Tát Quán Thế Âm. Từ lý tánh, tôi gọi là lý trí biến hiện ra Bồ Tát Văn Thù. Từ đại nguyện đốc hành, bây giờ gọi là thực hành, biến hiện ra Bồ Tát Phổ Hiền. Lìa tự tánh thì tất cả đều không có, toàn là tự tánh biến hiện ra.

Hợp với Chư Phật Bồ Tát, tổng thể tất cả chúng sanh, mới là một toàn thể hoàn mỹ của chúng ta. Thiên tông gọi là “bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”, bản lai diện mục hoàn mỹ của chúng ta là một tổng thể, không phải bộ phận, chúng ta phải nhận thức từ chỗ này.

“Tán ảnh phân hình”, là nói cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh, ở đâu có cảm Bồ Tát liền ứng. Ngày nay chúng ta sống trong xã hội này, thấy tất cả chúng sanh, quên mất đức tánh hiếu thân tôn sư, mê hoặc. Không phải họ không có, họ có, đây là tánh đức sao họ không có được? Không ai khai thị cho họ. Do đó chúng ta mới biết sự quan trọng của việc dạy học, tất cả chúng sanh đều có, chỉ là không ai dạy họ. Nếu có người dạy, tánh đức của họ liền hiện tiền.

Các bậc cổ thánh tiên hiền, họ đối với xã hội, đối với nhân dân, đối với chúng sanh, cống hiến lớn nhất là gì? Là giáo hóa. Chúng ta đọc Lễ Ký, đọc Học Ký, bài văn trong Học Ký nếu nói như hiện nay, là giáo dục triết học của người xưa, vừa mở đầu liền nói: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Kiến quốc, ngày nay nói, ta xây dựng một chính quyền, quân dân là lãnh đạo nhân dân, việc gì quan trọng nhất? Dạy học, chỉ có dạy học mới có thể giải quyết vấn đề. Ngoài dạy học ra, các thủ đoạn khác có thể hỗ trợ, không được làm chủ chốt, phải phân biệt chủ khách rõ ràng.

Ngày nay như đất nước mạnh, lãnh đạo toàn thế giới dùng phương pháp gì lãnh đạo? Dạy học là đúng, dùng vũ lực không thể giải quyết. Quý vị có thể diệt một quốc gia của người ta, không thể diệt tâm tánh của họ. Mà người

quốc gia này, sau khi chết đầu thai lại càng phiền phức, đầu thai vào đâu? Đầu thai vào trong nhà quý vị, vậy là hết cách, đây là oan oan tương báo. Bởi vậy dạy học mới có thể giải quyết vấn đề, vũ lực không thể giải quyết vấn đề.

Gần đây có một vài đồng tu, mua một số CD nói về đại chiến thế giới lần thứ hai cho tôi xem, tôi cũng để cho tất cả đồng học cùng xem. Tôi nói cho quý vị biết, tôi xem xong rút ra được một kết luận, chiến tranh không thể giải quyết vấn đề, chỉ khiến cho vấn đề càng phức tạp hơn, kết oán thù với người ta ngày càng sâu nặng, tương lai sau đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ dứt. Đại chiến thế giới lần thứ hai, trên tin tức người ta thống kê rất rõ ràng, bỏ ra 500 vạn ức USD, chết rất nhiều người, tử thương hơn một ức người, chi tiêu hết 500 ức tiền Mỹ. Chư vị thử nghĩ xem, nếu đem 500 ức USD đi cứu tế người nghèo khổ, thế giới sẽ hòa bình, làm gì còn có vấn đề? Chiến tranh Triều tiên, mất hết 180 ức USD, nếu người Mỹ đem 180 ức USD cứu tế Triều tiên, **Chiến tranh không giải quyết được vấn đề.**

Chân tâm, tâm từ bi giúp người, cứu hộ người khác, giải quyết được vấn đề, kết ân đức với người. Thủ đoạn của chiến tranh chỉ kết oán cừu với người khác, làm sao giống nhau được? Chỉ có dạy học, khiến người người hiểu được đạo lý này, chỉ dùng yêu thương mới có thể giải quyết vấn đề xã hội.

Giáo dục Phật giáo, bây giờ chúng ta thấy, bất kì giáo dục nào của thế gian đều không thể sánh bằng, nó là nền giáo dục tìm về cội nguồn. Bất kỳ nền giáo dục nào trong thế gian, đều chỉ là cành lá, như một gốc cây vậy, cành cây, không tìm thấy gốc rễ. Cành cây này và cành cây kia đối lập nhau, trong đối lập sanh ra mâu thuẫn, hai bên không dung hòa nhau. Tìm đến gốc rễ mới biết, thì ra tận hư không biến pháp giới là một nhà, đây là một nền giáo dục giải quyết triệt để mọi vấn đề. Trong nền giáo dục này, chúng ta thật sự đạt được “không sanh không tử”. Đến vấn đề lớn nhất, một vấn đề căn bản nhất, vấn đề sanh tử, chúng ta tìm ra đáp án trong nền giáo dục này, thật sự giải quyết, hướng gì những chuyển nhỏ nhặt khác?

Ngày nay xã hội động loạn, làm sao có thể dập tắt động loạn này? Ngoài Phật pháp ra, không có phương pháp thứ hai. Vì thế vào niên đại 70, lịch sử giới triết học nước Anh, lời của Townenbe thật chính xác. Ông nói, muốn giải quyết vấn đề của thế kỷ 21, chỉ có Phật pháp đại thừa và học thuyết Nho giáo của Khổng Mạnh. Ông ta quả thật rất có học vấn, rất có kiến thức, nói ra lời này không dễ chút nào. Ngày nay tiếp xúc với Phật pháp đại thừa, chúng ta thật sự lãnh hội được.

Làm sao đem Phật pháp đại thừa, phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới. Vì hiện nay rất nhiều người ngộ nhận Phật pháp là Tôn giáo, Tôn giáo với Tôn giáo là đối lập, liên sanh ra bài xích, hai bên không hòa hợp lẫn nhau. Lợi ích chân thật của chúng sanh bị che khuất, cơ duyên bị phá hoại, thật đáng tiếc biết bao.

Hiện nay ở phương tây, rất nhiều người đang bàn luận về văn hóa đa nguyên, chúng ta nghe đến danh từ này, Phật pháp chính là văn hóa đa nguyên. Dạy học của Phật pháp, thực tế mà nói chính là dạy học về nền văn hóa đa nguyên. Làm sao có thể điều chỉnh văn hóa đa nguyên, có thể thống nhất. Thống nhất, không phải nói rất nhiều văn hóa đa nguyên, biến thành một nền văn hóa, không phải vậy, thống nhất là thống nhất từ gốc rễ. Trong đồng có dị, trong dị có đồng, đồng dị không hai, đồng dị là một. Đây là một tư tưởng mọi người đều có thể tiếp thu.

Văn hóa của mỗi dân tộc, đều có nét chân thiện mỹ tuệ riêng, đều nên bảo tồn, đều đáng để phát triển rộng rãi, đều đáng cho đại chúng thưởng thức. Đồng không chướng ngại dị, dị không chướng ngại đồng, đúng như trong Kinh Hoa Nghiêm nói lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Dùng quan niệm tứ vô ngại để dung hòa văn hóa đa nguyên, nền văn hóa này rất đẹp.

Phật giáo, tương lai phải thành lập đại học, chúng ta đừng dùng đại học Phật giáo, đừng dùng danh từ này, lấy tên Đại Học Văn Hóa Đa Nguyên. Tài liệu dạy học trong này là gì? Tài liệu dạy học là Phật pháp đại thừa. Phật pháp đại thừa là tài liệu dạy học của văn hóa đa nguyên, là cuộc sống nghệ thuật cao độ, như vậy tất cả phân tranh trong thế gian đều được giải quyết.

Phải hiểu vì sao Chư Phật Bồ Tát đến đây, như vậy mới thật sự thực hiện, thực hành tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp, ở đây nói “tùy cơ dắt dẫn”. Chỉ có một mục đích, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, phá mê khai ngộ phải dựa vào dạy học, vì thế giảng kinh thuyết pháp tuyệt đối không được gián đoạn. Rất nhiều đồng tu của các nơi, gặp nhiều khó khăn, có một số thì cá nhân, có một số là đạo tràng. Tôi trả lời cho họ chỉ có một câu, nghe kinh quá ít. Không thường đọc kinh, không thường nghe kinh, tự nhiên quý vị sẽ suy nghĩ lung tung, suy nghĩ lung tung làm sao có thể giải quyết được vấn đề? Chỉ có thể làm cho vấn đề ngày càng phức tạp hơn. Vì thế phải đọc kinh nhiều, nghe kinh nhiều, phải hiểu lý, phải y giáo phụng hành, như vậy mới khai trí tuệ, trí tuệ có thể giải quyết mọi vấn đề, chúng ta không thể không biết điều này.

Hai câu dưới nói rất hay: “Chánh dục hiển thử bất sanh diệt pháp tánh chi thể, kỳ tại sanh diệt vô minh vọng tưởng chi trung”. Thể của pháp tánh bất sanh diệt, cũng chính là chân tâm bản tánh của ta, muôn sự muôn vật của tất cả vũ trụ đều nương vào thể này mà sanh, mà hiện. Tự tánh ở đâu? Tự tánh ngay trong “vô minh vọng tưởng sanh diệt”. Ta phải tìm, quan sát trong này, trong này có chân như bản tánh bất sanh bất diệt, nó hòa hợp cùng với sanh diệt. Nếu như không hiểu chân tướng sự thật này, ta chính là phàm phu, tùy nghiệp lưu chuyển. Còn như hiểu rõ chân tướng sự thật này, một khi giác ngộ ta chính là Phật Bồ Tát. Vấn đề này trong Kinh Lăng Nghiêm thường nói đến, nói rất tường tận, cũng nói rất sâu sắc.

Những gì không sanh diệt? Căn tánh của sáu căn không sanh diệt, căn tánh của sáu căn là Phật tánh, là tự tánh, điều này ta dễ nhận ra. Còn có một thứ ta không dễ nhận ra, sắc thân tứ đại của mình, pháp tánh của sắc thân cũng là bất sanh bất diệt. Tuy giới khoa học phát hiện, gọi là vật chất bất diệt, bất diệt là gì? Bất diệt là pháp tánh, sanh diệt là pháp tướng, bất diệt là pháp tánh. Pháp tánh và pháp tướng vĩnh viễn hòa hợp với nhau, xưa nay chưa từng tách rời. Nếu có thể phân biệt rõ ràng, người này chính là Bồ Tát, không hiểu rõ ràng đó là phàm phu.

Bên dưới ngài trích dẫn mấy câu của đại sư Nam Nhạc, “Nam Nhạc vân: đạo nguyên bất viễn, tánh hải phi dao, đản hướng kỷ cầu, mạc tùng tha mịch”. Bốn câu này là đại sư Nam Nhạc nói, đây đều là lời của người có kinh nghiệm. Nếu ta hiểu, biết học, thật sự học được. Đoạn lớn này câu nào cũng hay, câu nào cũng quan trọng, cho nên chúng ta nói ra hết.

“Căn nguyên mê ngộ”, chỉ nói đến đây, thực tế thì nói cũng rất rõ ràng rồi.

Tiếp theo là đoạn thứ ba: “Bồ Tát bốn thức”, trong đoạn lớn này, ở trang thứ bảy, hàng thứ năm từ dưới lên. Đây là đoạn thứ hai biện thể của ngũ trùng huyền nghĩa, biện tánh thức bất tư nghi làm thể, trong này nói ra ba nghĩa, tức là ba đoạn. Bằng chuẩn kinh luận, mê ngộ căn nguyên, chúng ta vừa nói xong mê ngộ căn nguyên. Đoạn sau cùng, Bồ Tát bốn thức, chúng ta lật qua trang. Xem bên dưới là “ngôn Bồ Tát bốn thức giả”. Đoạn này chúng ta không cần nói theo thứ tự từng câu, chỉ nói ra ý nghĩa quan trọng của nó là được.

“Bồ Tát” chuyên chỉ Bồ Tát Địa Tạng, bốn thức của Bồ Tát Địa Tạng, nói như hiện nay, chủ tâm của Bồ Tát Bồ Tát. Dụng tâm của Bồ Tát Địa Tạng ở đâu? Chủ tâm của ngài là gì? Ngài dùng tâm gì? Chính là ý. Trong này nói: “tại Bồ Tát tâm, danh vi bát nhã”, câu này rất quan trọng. Tâm Bồ Tát là trí tuệ, họ hoàn toàn giác ngộ, hoàn toàn minh bạch. Như ở trước nói, vũ trụ nhân sinh rốt cuộc như thế nào? Điều này mở đầu bài tựa nói rất rõ ràng, ở trước chúng ta đã học, trang thứ nhất luận quán. Mọi người mở đến trang thứ nhất, chúng ta xem lại trong trang thứ nhất tổng cộng có năm đoạn, văn tự không dài. Đoạn thứ nhất nói căn nguyên của pháp tánh. Đoạn thứ hai nói về duyên khởi của pháp giới. Đoạn thứ ba nói nguồn gốc của Phật pháp. Đoạn thứ tư nói nguyên khởi của lục đạo. Đoạn sau cùng nói về duyên khởi của kinh này, nói rất tường tận.

Chủ tâm của Bồ Tát, dụng tâm của Bồ Tát là trí tuệ, tâm Bồ Tát là trí tuệ, chủ tâm là trí tuệ. Bồ Tát dùng tâm là từ bi. Chúng ta xem Bồ Tát dụng tâm như thế nào? Mấy câu này nói rất hay, trang thứ chín, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ chữ đầu tiên. “Xiển đề bất đoạn tánh đức chi thiện, ngộ duyên thiện phát. Phật diệc bất đoạn tánh ác, đồng ác nhi hóa”. Hai câu này nói rất hay, hai câu này là lời nói chân thật.

“Xiển đề” là gì? Đây là tiếng Phạn, nhất xiển đề nghĩa là người không có thiện căn, không có thiện niệm, không có thiện hành, không có việc ác gì không làm gọi là xiển đề. Lời này Phật Bồ Tát nói, người như vậy họ cũng chưa đoạn tận thiện của tánh đức, chưa đoạn tận. Đáng tiếc không gặp nhân duyên, không ai dạy họ. Phật dạy họ được chăng? Họ không tiếp thu. Vì sao không tiếp thu? Không có duyên với Phật.

Trong kinh Phật, đương thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể về lão mẫu ở Thành đông, không có nhân duyên với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật nói với bà bà không nghe, trong hàng đệ tử Phật có một người có duyên với bà, Phật phái ông đến nói với bà, bà tiếp thu, bà chịu nghe. Đây gọi là “Phật không độ người không có duyên”, bà không chịu tiếp thu, không chịu nghe, vậy thì còn cách nào khác? Không có duyên.

Từ chỗ này chúng ta cũng có thể lãnh hội được, kết duyên với chúng sanh rất quan trọng. Bất luận là thiện duyên hay ác duyên, chỉ cần có duyên là được, cho nên không thể không kết duyên với chúng sanh. Đương nhiên kết thiện duyên tốt hơn kết ác duyên, trong kết duyên phải không chấp tướng, đó gọi là pháp duyên. Pháp duyên là không chấp tướng, tâm địa thanh tịnh, không có ô nhiễm, duyên đó gọi là pháp duyên. Về tánh mà nói, bất luận là thiện hay là ác, trong tâm đều không chấp trước, thiện duyên, ác duyên đều là pháp duyên. Nếu có chấp trước, vậy là không phải, đó là thiện duyên và ác duyên của thế gian. Thiện duyên ác duyên đều có quả báo, quả báo rất đáng sợ. Pháp duyên là tâm thanh tịnh, quả báo tương lai chính là hóa độ chúng sanh, ta giáo hóa họ chịu tiếp thu, hoan hỷ tiếp thu, đây gọi là pháp duyên.

Nhất định phải hiểu “xiển đề không đoạn thiện của tánh đức”. Cho nên Chư Phật Bồ Tát thấy người ác cũng là Chư Phật Như Lai. Người thông thường không thấy được cái thiện của họ, Phật nhìn thấy. Phật thấy căn tánh sáu căn của họ thanh tịnh không ô nhiễm, như vậy sao bất thiện được? Không có gì khác với Chư Phật Như Lai. Ác của họ từ đâu đến? Ác do si mê mà ra, si mê là giả không phải thật, trong tự tánh không có si mê. Vấn đề này, chỉ có Chư Phật Bồ Tát thấy rõ ràng, cho nên các ngài đối với chúng sanh tạo ác nghiệp nặng nề, vẫn rất mực từ bi, vẫn rất quan tâm, nguyên nhân là đây vậy.

Lại nói: “Phật cũng không đoạn tánh ác, đồng ác mà hóa độ”. Đã thành Phật. Đây là nói đến hai cực đoạn, một cực đoạn là thiện, thành Phật, một cực đoạn là ác, xiển đề. Nói hai cực đoạn, ở giữa không cần nói, hoàn toàn có thể lý giải. Phật có điều ác chăng? Có. Không phải Phật đoạn hết điều ác rồi ư? Không sai, đã đoạn tận. Phật muốn độ chúng sanh ác, phải hiện tướng ác, phải chuyển bờ đề thành phiền não, Phật biến hóa. Quý vị thử nghĩ xem, nếu không có tham sân si, làm sao sanh vào ba đường ác? Phật muốn vào trong ba đường ác, cũng phải hiện tham sân si, như vậy mới vào được ba đường ác. Nếu ngài không hiện tham sân si, ngài không thể độ chúng sanh ba đường ác. Vì thế

tham sân si của Phật là thị hiện, nếu ngài thật sự nhiễm tham sân si, khi đọa vào đường ác thì khó mà ra được. Ngài đối với đường ác có thể tự do đi lại, nghĩa là ngài muốn tham, tham liền hiện tiền, không cần tham, tham lập tức đoạn tận, ngài có năng lực này, vì thế ngài đi lại tự do.

Chúng ta ngày nay, tham sân si đã mọc rễ, không bạt trừ được. Tham sân si của ngài dùng một cách tùy ý, thị hiện tùy ý, nói có là có, nói không là không, ngài có bản lĩnh này. Đây chính là trong Kinh Kim Cang nói: “Vô trụ sanh tâm”, “sanh tâm vô trụ”, sanh tâm và vô trụ là một không phải hai. Ngài sanh tham sân si, tức có thể vào độ chúng sanh trong ba đường ác. Tuy sanh tham sân si, ngài không trụ trong tham sân si, ở trong ba đường ác, bản thân ngài vẫn trú nhất chân pháp giới, không có nhiễm ô. Đây là “đồng ác mà hóa độ”. Phật thị hiện vào trong lục đạo, là đồng ác mà hóa độ. Lục đạo là ô nhiễm, ngài cũng phải thị hiện ô nhiễm mới vào được, ngài là nhiễm mà vô nhiễm. Trên thực tế, chúng ta cũng là nhiễm mà vô nhiễm, nhưng chúng ta mê không giác, ngài giác không mê, cho nên ngài tự tại. Chúng ta mê mà không giác, vì thế không tự tại.

Chúng ta xem tiếp bên dưới: “Kim Địa Tạng đại sĩ, liễu đạt xiển đề đẳng tu ác chi sự, toàn thể tức thị tánh ác chi lý”. Ngài hiểu, cho nên đối với những kẻ ác ngài không la mắng, không trách cứ. Ngài quan tâm đối với họ, chăm sóc họ, giúp đỡ họ, vĩnh viễn không thay đổi. Phạm phu chúng ta không làm được, do không thấu triệt chân tướng sự thật. Phật Bồ Tát thấu rõ chân tướng sự thật, bất luận chúng ta làm điều ác gì, tâm từ bi của Phật Bồ Tát không vì thế mà giảm bớt. Phật Bồ Tát có hiện ở trước chúng ta hiện không? Đây là vấn đề nhân duyên, không phải vấn đề gì khác, là vấn đề nhân duyên. Cho nên tất cả pháp đều là pháp duyên sanh, Phật pháp cũng là pháp duyên sanh, nhân duyên sanh pháp.

Sự, sự tu ác. Có sự, sự đương nhiên có lý, lý là gì? Lý là lý của tánh ác. Tánh làm gì có thiện ác? Nói đến tánh thiện tánh ác, chư vị phải biết, tánh này là tập tánh, không phải bản tánh. Nhất niệm tự tánh đó là bản tánh, trong bản tánh không có thiện ác. Tập tánh là gì? Là a lại da, a lại da là tập tánh, trong này chứa đựng chủng tử trong đó, những chủng tử này huân tập từ vô lượng kiếp đến nay.

Phật chỉ là chuyển biến chứ không phải tiêu diệt, chuyển phiền não thành bồ đề, chỉ làm một cuộc chuyển biến. Nếu như ta tiêu diệt, sau khi thành Phật, những nhân ác tạo ra trong quá khứ khi chưa thành Phật, chúng ta muốn hỏi họ có thọ báo chăng? Nếu sau khi thành Phật, tạo ác không chịu ác báo, tạo thiện không thọ thiện báo, chẳng phải luận nhân quả bị phủ định rồi sao?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong kinh điển ghi chép, ngài từng chịu quả báo ba tháng ăn thức ăn của ngựa, khát thực không có. Đã làm Phật, trong đời quá khứ làm việc xấu vẫn phải thọ báo, chẳng qua ngài thọ báo rõ ràng, biết

trong đời quá khứ mình tạo nhân gì mà bị thọ báo, nhân nhục chịu đựng, ngài cam tâm thọ báo, rất tình nguyện, không hề cảm thấy khó chịu.

Khi chúng ta gặp quả báo, gặp ác báo liền oán trời trách đất, không cam tâm, không tình nguyện, không biết nghiệp nhân quá khứ của mình hiện tiền, quả báo thiện ác đều là nghiệp nhân, đây là nói về tánh ác. Nhưng làm Phật, làm Bồ Tát, hoàn toàn giác ngộ, những nghiệp nhân quả báo này rõ ràng minh bạch, không như phàm phu chúng ta. Phàm phu thọ báo không biết, không biết nghiệp nhân quá khứ.

Những tập khí ác trong quá khứ, Phật Bồ Tát không đoạn tận nó, có lúc dùng đến, độ những chúng sanh ác dùng đến nó. Chẳng hạn, trước đây tôi giảng kinh từng đưa ra ví dụ này, chẳng hạn làm trộm cắp, thủ đoạn của kẻ cắp chuyên nghiệp rất cao minh. Sau này giác ngộ, giác ngộ không còn làm việc xấu nữa, đến cục cảnh sát, phương pháp trước đây của họ vẫn có hiệu quả, có thể dùng nó để bắt trộm. Từ ác biến thành thiện, họ có thể đề phòng kẻ trộm, có thể bắt kẻ trộm. Vẫn một phương pháp đó, dụng tâm khác nhau. Phật Bồ Tát khéo dùng tánh ác, độ tất cả ác đạo chúng sanh. Cho nên đối với tập khí phiền não quý vị hiểu rõ hơn, cũng rất tốt, không có gì xấu. Khi ngộ, từ trong xấu biến thành tốt, khi mê tốt đều biến thành xấu, rất phiền phức. Cho thấy then chốt đều nơi mê và ngộ.

Bên dưới nói, điều này trong kinh thường nói: “Biên tà vô phi trung đạo”. Sau khi ta giác ngộ, biên kiến tà kiến đều là trung đạo. “Ngũ nghịch đương xứ giải thoát”, ngũ nghịch là địa ngục a tỳ, một niệm giác ngộ liền được giải thoát. Có trường hợp này chẳng? Có. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, vua A xà thế tạo tội thập ác ngũ nghịch, tội này đọa vào địa ngục đại a tỳ. Trong Kinh A Xà Thế Vương chúng ta thấy, ông sám hối khi lâm chung, gặp được thiện tri thức khai thị. Vừa nghe khai thị biết mình sai lầm, thành tâm thành ý sám hối, niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Thế Tôn nói rằng, ông ta được thượng phẩm trung sanh, phẩm vị rất cao, đây là điều chúng ta không ngờ. Chúng ta cho rằng là hạ hạ phẩm vãng sanh, đại khái như vậy, đâu ngờ là thượng phẩm trung sanh, như vậy mới không dám coi thường người tạo tội. Có thể vua A xà thế cũng là Bồ Tát thị hiện, dạy chúng ta tuyệt đối đừng dùng ác ý đối xử với người ác, vì sao vậy? Biết đâu khi lâm chung họ biết sám hối, phẩm vị cao hơn chúng ta rất nhiều, chúng ta không thể sánh bằng họ, sao có thể dám coi thường người ác chứ?

Vãng sanh Tịnh độ có hai phương pháp, thứ nhất là bình thường tu hành theo phương pháp lý luận trong kinh. Thứ hai là sám hối khi lâm chung, sám hối lỗi lầm được vãng sanh, sức mạnh sám hối không thể nghĩ bàn. Thật sự quay đầu, chúng ta có câu ngạn ngữ rằng: “lãng tử quay đầu vàng không đổi”,

một khi quay đầu họ là người tốt trong những người tốt, người tốt cũng không sánh bằng họ. Chúng ta phải hiểu điều này, tuyệt đối không được coi thường, đây là “ngũ nghịch đương xứ giải thoát”.

“Phổ hiện sắc thân, du hóa chư thú”, chư thú chỉ cho lục đạo. Địa Tạng đại sĩ ở trong lục đạo không có nơi nào không hiện thân. Hiện thân để làm gì? “Điểm thử mê nguyên, linh tri bình đẳng”, đây là phương hướng chung mà Bồ Tát Địa Tạng hiện thân thuyết pháp, là cương lĩnh chung, mục tiêu chung, chúng ta phải nghi nhớ.

Hiện nay chúng ta học Phật, tương lai tiếp xúc với quảng đại quần chúng, ta dùng nguyên tắc gì để dẫn dắt đại chúng? Phải nhớ nguyên tắc này, “điểm thử mê nguyên, linh tri bình đẳng”. Bình đẳng là pháp giới, bình đẳng là căn nguyên, biết tận hư không biến pháp giới là nhất thể, mới là chân bình đẳng. Người chứng được bình đẳng, trong quan niệm của họ tất cả chúng sanh là chính mình, như vậy mới bình đẳng. Tất cả chúng sanh, chúng sanh là nghĩa rộng, mọi hình tướng trong hư không pháp giới đều là chúng sanh, là chính mình. Tuyệt đối là lấy tận hư không biến pháp giới, khẳng định nhận biết đây là chính mình. Như vậy mới hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật, tâm bình đẳng mới hiện tiền.

Phật nói với chúng ta về nghiệp nhân của mười pháp giới, nghiệp nhân phức tạp vô cùng. Nhưng trong phức tạp, có một nhân tố quan trọng nhất, Đức Phật nói cho chúng ta biết. tâm Phật bình đẳng, tâm Bồ Tát là lục độ, tâm Bích Chi Phật là 12 nhân duyên, tâm A la hán là tứ đế, tâm thiên nhân là thập thiện từ bi hỷ xả, tâm người là ngũ giới thập thiện, súc sanh là ngu si, ngựa quỉ là xan tham, địa ngục là sân nhuế. Như vậy mới biết bình đẳng là tâm Phật, “linh tri bình đẳng” nghĩa là khiến tất cả chúng sanh thành Phật. Trong Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy: “tất cả đều thành Phật”. Hai câu ở đây: “điểm thử mê nguyên, linh tri bình đẳng”, tức là tất cả đều thành Phật, không thể nghĩ bàn.

Nói Bồ Tát “chánh bằng thử bốn thức, nhi khởi chư đại hóa”, hóa là giáo hóa chúng sanh, việc đại hành giáo hóa chúng sanh, chính là giữ tâm này, dùng tâm này, chúng ta cần phải biết.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây.

## Hết tập 9

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 10****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Chư vị đồng học, mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ mười. Ở đây chúng ta tiếp tục học tập tánh thức bất tư nghì làm thể của kinh này, nghĩa là nói về lý luận y cứ Phật thuyết kinh. Ở trước đã nói không ít, nhưng vẫn chưa hết ý. Chúng ta đọc những văn tự ở trước, đối với pháp tánh, pháp tướng, nhiều ít cũng có một chút khái niệm. Pháp tánh và pháp tướng, quả thật là căn nguyên của vạn sự vạn pháp khắp hư không pháp giới.

Đoạn sau cùng này nói về bốn thức của Bồ Tát Địa Tạng, nói Bồ Tát Địa Tạng, chẳng lẽ không phải nói chính bản thân chúng ta? Chúng ta nhất định phải hiểu ý này.

Đại sư Thiên Thai có hai câu nói rất hay: “Tam thiên bất xuất nhất niệm pháp tánh, tam thiên bất xuất nhất niệm vô minh”. Hai câu này ở hàng thứ năm trong trang này. Gọi là “tam thiên bất xuất nhất niệm pháp tánh, tam thiên bất xuất nhất niệm vô minh”. Tam thiên là gì? Vạn sự vạn vật trong hư không pháp giới mệnh danh là tam thiên. Vì sao mệnh danh là tam thiên? Đại sư Thiên Thai giảng Kinh Pháp Hoa, đem “thập như thị” phân phối trong mười pháp giới, mỗi pháp giới đều có thập như thị. Mà mỗi pháp giới, lại đầy đủ mười pháp giới, vậy là thành 100 pháp giới. Mỗi pháp giới mười như thị, liền trở thành 1000 như thị, cho nên gọi bách giới thiên như. Quá khứ 1000, hiện tại 1000, vị lai 1000, gọi là tam thiên.

Thiên thai tông nói tam thiên chính là vũ trụ vạn hữu, tất cả pháp thể xuất thế gian đều bao hàm trong đó, không ra ngoài nhất niệm pháp tánh. Nhất niệm pháp tánh là gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện”, chính là nhất niệm pháp tánh. Lại nói “tam thiên bất xuất nhất niệm vô minh”. Vô minh là gì? Kinh Hoa Nghiêm gọi là “duy thức sở biến”. Ta hợp điều này lại, không khó lãnh hội được ý nghĩa của nó. Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, vô minh là thức, là căn nguyên của thức tâm.

Bên dưới nói: “Kim gia thích Hoa Nghiêm tâm tạo chi văn”, Kim gia là chỉ đại sư Trí Giả. Con cháu của Thiên thai tông tôn xưng đại sư Trí Giả là “kim gia”. Đại sư Trí Giả giải thích Kinh Hoa Nghiêm, ngài nói ra hai ý. “Ước lý tạo tức thị cụ”, cụ là tánh đầy đủ. “Nhị giả ước sự, tức tam thế biến

tạo đẳng”. Nói cách khác, chúng ta nói một cách đơn giản, tất cả đều không ngoài lý cụ và sự tạo. Lý chính là tự tánh, cụ là đầy đủ, vốn có. Tuy trong tự tánh vốn có, nếu không có sự tạo, nó không thể hiện tiền. Nhất định phải biết, lý không tách rời sự, sự không lìa khỏi lý, lý sự là hai mặt của một thể. Tất cả các pháp không có ngoại lệ. Pháp sư lấy tánh thức này làm thể, người căn tánh sắc bén, vừa nghe liền giác ngộ, liền minh bạch. Cổ đức thường nói: “toàn sự là lý, toàn lý là sự”, toàn tướng tức chân, tướng là chỉ hiện tướng, chân tức là chân tánh. Cho nên nói tánh tướng không hai, lý sự nhất như, đây là cảnh giới. Phàm phu chúng ta rất khó hiểu, nó là cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát.

Thế Tôn dạy hàng sơ học, thường dùng ví dụ để nói, hy vọng từ trong ví dụ có thể có một khái niệm. Mà trong ví dụ, lấy mộng huyền bào ảnh nói nhiều nhất, hầu như trong tất cả kinh điển đại thừa, Phật đều có những ví dụ này. Vì đây là kinh nghiệm hầu như mỗi người chúng ta đều có, chúng ta đều từng nằm mộng, đều có kinh nghiệm nằm mộng. Trong mộng có tướng, tướng từ đâu mà có? Tuyệt đối không phải nói từ không sanh có, không có đạo lý này. Tướng từ đâu mà có? Tướng là tự tâm biến hiện ra, tâm ta như thể nào, tâm ở đâu? Không biết, không tìm thấy, tâm không có tướng.

Thế Tôn hỏi tôn giả A nan tâm ở đâu? Tôn giả A nan nói ra bảy nơi, Thế Tôn đều phủ nhận nó. Do đây có thể biết, khi tâm không khởi tác dụng, không hiện tướng, ta không tìm thấy, nó có chăng? Có, có thật, xưa nay chưa hề mất. Nó là bản thể của tất cả vạn pháp trong vũ trụ, tất cả vạn pháp là từ nó sanh ra. Giống như cảnh mộng vậy, cảnh giới trong mộng ví như tất cả vạn pháp trong vũ trụ, là từ tâm ta biến hiện ra, biến hiện ra tướng phần này. Nếu quý vị muốn hỏi tâm ở đâu? Có thể nói toàn bộ cảnh giới tướng trong mộng chính là nó.

Thế Tôn hỏi tôn giả A nan tâm ở đâu? Nếu tôn giả A nan thông minh, nói tất cả tận hư không biến pháp giới đều là tâm, vậy thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không còn gì để nói rồi, nói đúng rồi mà. Nói ở một nơi, vậy là sai, một nơi không thể hàm chứa toàn thể. Bất luận nói một nơi nào đều chứng minh A nan chưa ngộ nhập, căn bản đối với chân tướng sự thật, bất luận là sự hay lý ngài đều mê hoặc, đều không rõ ràng.

Tâm đã biến thành cảnh mộng, cảnh mộng là giả, cảnh mộng là tướng phần của tâm tánh. Tướng phần là vọng, toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng, tâm ở đâu? Tâm đã biến thành tướng. Chúng ta từ ví dụ về cảnh mộng này có thể liên tưởng đến, hiện nay tận hư không biến pháp giới, là tướng phần do tự tánh mình biến hiện ra, duy tâm sở hiện. Tâm này là tâm tánh, hiện ra tướng phần. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, Tịnh độ uế độ, tất cả chúng sanh, hư không pháp giới, đều là tự tánh biến hiện ra. Nói cách khác, không có gì không phải chính mình.

Đây là tâm của Bồ Tát, chúng ta có chăng? Chúng ta cũng có, không khác gì Chư Phật Bồ Tát. Chúng ta hiện nay vì sao gọi là tâm phàm phu, mà không gọi là tâm Bồ Tát? Do chúng ta mê, không thấu triệt hư không pháp giới là chính mình. Mê gọi là phàm phu, giác ngộ gọi là Phật Bồ Tát. Giác ngộ là gì? Tận hư không biến pháp giới là chính mình, vậy là đã giác ngộ. Trước đây Thiền tông nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài giác ngộ là gì? Giác ngộ vấn đề này.

Thế nào gọi là kiến tánh? Nhìn thấy tất cả pháp tướng chính là tự tánh. Trong tất cả hữu tình chúng sanh, tự tánh của hữu tình chúng sanh, Kinh Lăng Nghiêm Phật nói rõ ràng hơn, chúng ta đều có thể cảm nhận được. Căn tánh của sáu căn, nơi mắt gọi là tánh thấy, nơi mắt gọi là tánh nghe, nơi ý gọi là tánh biết. Căn tánh của sáu căn là chân tâm của chúng ta, nó năng hiện.

Trong tự tánh mang theo một phần vô minh liền biến thành thức, thức có thể chuyển biến hiện tượng của tự tánh. Nếu không chuyển biến, pháp giới này gọi là nhất chân pháp giới. Vì có tác dụng của thức, chuyển biến nhất chân pháp giới thành mười pháp giới. Thế nên Đức Phật nói: “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, tất cả pháp này là mười pháp giới, mười pháp giới là từ tâm tướng sanh, do thức biến.

Tánh và thức là một vấn đề, tánh là thể, thức là tác dụng, có thể có dụng, nó mới hiện vô số tướng. Chư Phật Bồ Tát như vậy, tất cả chúng sanh đều như vậy, trong đó sai biệt ở nơi mê ngộ. Khi mê chịu vô tận khổ não, tạo vô lượng tội nghiệp, phải chịu vô lượng khổ báo, khi giác được đại tự tại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói về pháp giới vô chướng ngại, đề phẩm sau cùng là Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Tứ Thập Hoa Nghiêm phiên dịch đầy đủ, “nhập bất tư nghì giải thoát cảnh giới”, quý vị nói tự tại biết bao.

Đại sư Thanh Lương nói với chúng ta về bốn loại vô ngại: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Người giác ngộ. Người mê mọi thứ đều có chướng ngại, lý có chướng ngại, sự có chướng ngại, lý sự chướng ngại, sự sự chướng ngại càng lớn. Hai cảnh giới mê ngộ không giống nhau, hai loại thọ dụng, đây quả thật gọi là hưởng thụ khác nhau một trời một vực.

Đức Phật nói rõ tôn chỉ dạy học, Phật giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Hai câu này chúng ta đều rất quen thuộc, nhưng ý nghĩa hai câu này ít người lãnh hội được. Vì sao ta không lãnh hội được? Vì chưa nhập vào cảnh giới này, khế nhập cảnh giới này mới hiểu được ý nghĩa của hai câu này, mới hiểu tôn chỉ dạy học, nghĩa lý dạy học của Phật pháp.

Ở đây đại sư Thanh Liên đưa ra cho chúng ta một kết luận, bất luận nói về thức tánh hay nói về tánh thức, đều có thể làm kinh thể, đều có thể làm giáo thể, nghĩa là nói y cứ của kinh giáo lý luận. Tánh thức cũng được, thức tánh cũng được, cần phải biết tánh này chính là pháp tánh. Hiện tại pháp

tánh bị vô minh che lấp, cho nên toàn thể thuộc vọng, đại sư Thanh Liên gọi nó là tánh thức, tánh biến thành thức. Ngày nay chúng ta thức làm chủ, tánh không làm chủ. Thức làm chủ chính là bất thức tâm vương chi phối, ngày nay chúng ta dùng tâm này, chứ không phải dùng chân tâm.

Trong kinh luận đại thừa Đức Phật nói rất nhiều: “chân tâm là niệm”. Niệm là gì? Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, trong chân tâm không có. Chúng ta vẫn mang theo vọng tưởng phân biệt chấp trước, tức là dùng vọng tâm, cũng là dùng thức tâm, ở đây gọi là tánh thức. Tánh thức trong Phật pháp thường nói là: “chân như tùy duyên”. Chân như là gì? Là tánh, tùy duyên là thức. Tuy tùy duyên, chư vị phải biết, nó tuyệt đối không thay đổi, cho nên nó là thật. Nếu tùy duyên tùy biến, vậy là không phải thật.

Trong Phật pháp thường nói: “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Chúng ta lại thêm vào hai câu, thêm hai câu này là nói rõ về bốn cảnh giới khác nhau. “Bất biến tùy duyên” là cảnh giới Phật, chân như tùy duyên là tâm Bồ Tát. Bồ Tát này không phải Bồ Tát nào khác, là Bồ Tát lên thuyền từ trở lại độ sanh. Nghĩa là nói họ đã thành Phật từ lâu, hiện nay dùng thân phận Bồ Tát xuất hiện tại thế gian, họ là bất biến tùy duyên.

Loại thứ hai là “tùy duyên bất biến”, đây là Bồ Tát thật, không phải lên thuyền từ trở lại độ sanh. Bồ Tát đang học Phật, ở trong tùy duyên học bất biến, ngày nay chúng ta phải nỗ lực trên phương diện này, trong tùy duyên học bất biến. Học như thế nào? Hôm qua có nói với chư vị, ta nhìn cần phải biết nhìn. Nói rõ hơn một chút, ta nhìn đồ vật cần phải biết nhìn, khi nghe phải biết nghe. Người biết nhìn biết nghe thì sao? Họ nhìn thấy bất biến, trong biến hóa nhìn thấy bất biến. Nghe, trong âm thanh biến hóa nghe được bất biến, đây quả thật là đang học Phật. Ta biết nhìn, biết nghe, đây là Bồ Tát.

Loại thứ ba là “bất biến cũng bất tùy duyên”, đó là ai? Là A la hán, rơi vào thiên chân niết bàn, họ bất biến cũng bất tùy duyên, họ cũng không hóa độ chúng sanh, hôi thân diệt trí, đây là loại thứ ba. Phật không tán thành, ngài thường trách mắng họ.

Loại thứ tư là “tùy duyên tùy biến”, đó là hàng phàm phu chúng ta, nghĩa là ta không biết nhìn cũng không biết nghe, sáu căn của ta ở trong cảnh giới sáu trần hoàn toàn dùng sai. Bồ Tát là biết nhìn biết nghe, sáu căn dùng rất thích đáng, họ ở trong trần duyên kiến tánh. Trần duyên là duyên, tùy duyên kiến tánh, đây là bản lĩnh thật, cho nên họ khai trí tuệ. Chúng ta là tùy duyên tùy biến, tâm bị cảnh giới bên ngoài chuyển, tâm tùy duyên tùy biến là sanh phiền não, tùy duyên bất biến sanh trí tuệ.

Lục tổ Huệ Năng của Thiền Tông thưa với Ngũ tổ: “trong tâm đệ tử thường sanh trí tuệ”. Nếu chúng ta gặp Ngũ tổ, nhất định là: “Trong tâm đệ tử thường sanh phiền não”. Vì sao thường sanh phiền não? Vì tùy duyên

tùy biến. Vì sao không sanh phiền não mà sanh trí tuệ? Vì tùy duyên bất biến, nhìn thấy trong cảnh giới bất biến, trong biến có bất biến, bản thân cũng bất biến. Thân căn mình đang biến, biến trong từng sát na, tánh trong căn bất biến.

Đây là chúng ta nói đến chân như tùy duyên, nói ra với quý vị một vài ý, chúng ta nên tuân thủ nguyên tắc như thế nào để tu học.

Trong kinh cũng có một câu như vậy: “Vô minh thể tướng, bản tự bất hữu, vọng tưởng nhân duyên, hòa hợp nhi hữu, bất thiện tư duy, tâm hành sở tạo”. “Bất thiện tư duy”, tức chúng tôi vừa mới nói ta không biết nhìn, không biết nghe, cho nên mới tạo thành tình trạng như hiện nay. Luân hồi lục đạo, ngũ trược ác thế từ đâu mà có? Do những chúng sanh này “tư duy tâm hành bất thiện gây nên”.

Vọng vốn không có, vọng là không giác, không giác nghĩa là vô minh, vô minh tức là không giác. Trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh chỉ thị rõ ràng cho chúng ta: “Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô”. Hai câu này nói rất hay, bổn giác là gì? Là tự tánh, trong tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vốn có. Ở trước nói với mọi người về “lý cụ”, lý chính là nói đến tự tánh, cụ là vốn đầy đủ. Vọng là chỉ vô minh, không giác, vốn không có.

Hai câu này khiến cho người học Phật chúng ta, kiến lập được tín tâm rất lớn, vốn có nhất định có thể chứng được, vốn không có nhất định có thể đoạn tận, kiến lập tín tâm cho chúng ta đối với việc đoạn vọng chứng chân. Nhưng bất giác, bất giác vốn không từ đâu mà có? Do nguyên nhân gì? Sanh ra khi nào? Những vấn đề này, từ xưa đến nay không biết có bao nhiêu người hỏi đến. Trong kinh Phật có đáp án chẳng? Có, những vấn đề này hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú lâu na từng thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong quyển thứ tư của Kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói với tôn giả Phú lâu na, vô minh từ đâu mà có? Vì sao có vô minh? Thế Tôn chỉ nói ra tám chữ: “Tri kiến lập tri, tức vô minh bổn”. Hai câu này giải thích một cách rõ ràng minh bạch, quý vị có hiểu chẳng? Nếu như hiểu, tức đã phá vô minh, minh tâm kiến tánh, một câu đã thức tỉnh được chúng ta. Nhưng câu này, chúng ta đọc 1000 lần, một vạn lần vẫn không hiểu. Vì sao không hiểu? Vì không biết tư duy, dùng tâm không đúng.

Thế nào gọi là tri kiến? Thế nào gọi là lập tri? Chúng ta mở mắt ra, thấy cảnh giới tướng bên ngoài rất rõ ràng, đây là tri kiến. Thấy một cách rõ ràng minh bạch, trong tâm rõ ràng minh bạch, lúc này không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Không phải nói tôi không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, nên tôi không biết gì. Ta mở mắt ra, có thể nói là không biết gì cả ư?

Thế nào gọi là lập tri? Vừa khởi niệm, động tâm, gọi là lập tri. Thế Tôn nói đó là vô minh. Vì thế mới nói “vô minh vô tri”. Quý vị hỏi vô minh khi nào khởi lên? Vô minh vô tri, không có bắt đầu. Nếu có tri có chung, vậy là biến thành sự thật. Không có bắt đầu, đây là giả, vọng tưởng. Quý vị muốn nói khi nào vô minh khởi lên? Đức Phật nói vô tri vô minh, không có bắt đầu, tức ngay nhất niệm hiện tại. Ta nhất niệm có ý “tôi đã nhìn thấy”, đây chính là vô minh. “Tôi đã biết”, đây chính là vô minh, ta bị vô minh phiền não che lấp.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, cũng nói ta đã thấy, ta đã nghe, lời này là tùy thuận chúng sanh mà nói. Cho nên Phật thuyết pháp là nương vào nhị đế mà nói, tùy thuận tri kiến của chúng sanh. Quý vị nói thân thể này là tôi, tôi cũng nói là tôi, tùy thuận quý vị mà nói. Quý vị chấp trước thân này là tôi, Phật tuyệt đối không chấp trước thân này là tôi, Phật lấy gì làm tôi? Tận hư không biến pháp giới là tôi. Thế nên nói, tùy thuận chấp trước của chúng sanh mà chấp trước, tùy thuận phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, mới có thể giao lưu với chúng sanh. Đây là lời giả, không phải nói thật.

Khi tôi giảng kinh từng nói với quý vị, Thế Tôn nương vào nhị đế thuyết pháp chính là nửa giả nửa thật, dùng phương thức này để dẫn dắt ta từ hư vọng thấy được chân thật, đây là dùng phương tiện thiện xảo. Nếu là thật, hoàn toàn dùng thuần chân, không dùng phương pháp hư vọng, không dùng tục đế, hoàn toàn dùng chân đế, không có gì để nói. “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, đó là thật, chẳng những không nói một câu nào, một ý niệm đều không có, đây là thuần chân.

Phật vĩnh viễn trú trong chân thật, không những Phật cứu cánh viên mãn hằng thường trú trong nhất chân. Nhất chân chính là tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, Phật với Phật gặp nhau không nói một lời nào, đó là thật. Vô lượng trí tuệ, vô lượng công đức viên mãn đầy đủ, hiển hiện viên mãn, ai hiểu? Cho nên Phật nhất định phải tùy thuận chúng sanh, lấy thế tục đế kết hợp dung hòa với chân đế. Dùng phương pháp này giúp đỡ chúng sanh trong mười pháp giới, ngộ nhập thật tướng các pháp, đây là Chư Phật Như Lai đại từ đại bi.

Chúng ta thấy Kinh Hoa Nghiêm nói về thế giới Hoa Tạng, thấy trong Kinh Vãng Sanh nói về thế giới Cực Lạc, thấy Chư Phật Bồ Tát, họ sinh hoạt rất phong phú đa dạng. Phong phú đa dạng thị hiện từ đâu? Vì tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới, chúng sanh này là chúng sanh trong mười pháp giới, hiện vô biên thân, thuyết pháp vô tận, phong phú đa dạng. Đa dạng phong phú là họ nhìn thấy từ hoạt động trong mười pháp giới.

Tuy hoạt động xưa nay chưa từng ngưng nghỉ, tâm họ vĩnh viễn an trú trong nhất chân, mọi hoạt động đều tùy duyên mà thôi. Họ là bất biến tùy

duyên, xưa nay chưa từng động niệm, quả thật đối với trong tất cả pháp không khởi tâm, không động niệm. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đây là Chư Phật Bồ Tát, trong kinh gọi là du hỷ thần thông, là đại tự tại, đại viên mãn. Chúng ta biết Bồ Tát dùng tâm gì, ngày nay chúng ta dùng tâm hoàn toàn tương phản với họ. Chúng ta không biết dùng tâm, không biết chân tướng sự thật.

“Vọng tưởng nhân duyên”, vọng tưởng nhân duyên tức là nói phân biệt chấp trước, phân biệt chấp trước là vọng tưởng nhân duyên. Ngày nay chúng ta chỉ biết vọng tưởng nhân duyên, cho rằng đây là chân tâm của mình, mà quên mất chân tâm. Hoàn toàn không thể lãnh hội, hoàn toàn không thể phát giác, không biết vọng nương vào chân mà khởi. Ta không có chân tâm, không có tự tánh, phân biệt của mình từ đâu mà có? Chấp trước của mình từ đâu mà có? Chúng ta nói ý niệm phân biệt chấp trước này, ý niệm này từ đâu mà có? Ý cứ vào đâu mà khởi lên? Có được tư tưởng này gọi là hồi quang phản chiếu, nhà Phật nói quay đầu là bờ. Một khi quay đầu tìm, phân biệt chấp trước hiện nay của mình, phân biệt của mình từ đâu mà có? Chấp trước của mình từ đâu mà có? Ta tìm điều này, đây gọi là hồi quang phản chiếu. Tìm điều này, tìm không thấy, đây chẳng phải chính là giống như Huệ Khả và tổ sư Đạt ma ư? Huệ Khả tâm bất an, hiện nay người tâm bất an quá nhiều, cầu tổ sư Đạt Ma an tâm cho mình.

Hiện nay tạo tượng Đạt Ma, tượng ngài có một cánh tay đưa ra, đó là gì? Đó chính là đối với Huệ Khả “ngươi đem tâm đến đây ta an cho”, từ câu nói này Huệ Khả hồi quang phản chiếu. Tâm bất an này của tôi, tâm ở đâu? Vì sao bất an? Đi tìm, tìm đến sau cùng không tìm thấy, “tìm tâm liễu bất khả đắc”, Ngài bảo con tìm tâm, con không tìm thấy. Huệ Khả cao minh hơn A nan, A nan nói vẫn ở trong, ở ngoài, tìm lung tung, suy nghĩ bậy bạ, Huệ Khả cao minh hơn. Huệ Khả nói tìm tâm liễu bất khả đắc, đây là đã đến ranh giới của khai ngộ. Cho nên câu bên dưới vừa chỉ điểm, Huệ Khả liền hoát nhiên đại ngộ, “ta đã an tâm cho ngươi rồi”, ta đã an tâm cho ngươi rồi, Huệ khả hoát nhiên đại ngộ. A nan chưa đến ranh giới, còn cách quá xa, A nan suy nghĩ lung tung. Đến khi tìm tâm liễu bất khả đắc, là đến ranh giới, một khi điểm đến là phá ngay. Tông môn gọi đây là kiến tánh, trở thành nhị tổ của Thiên tông.

Công phu ngày nay của chúng ta còn thiếu sót là chưa quay đầu, sau đó ta mới biết tham thiền là phải quay đầu, học giáo lý cũng phải quay đầu, niệm Phật cũng phải quay đầu. Nếu không quay đầu, vĩnh viễn không thể khai ngộ.

Quý vị thấy Bồ Tát Đại Thế Chí, trong Niệm Phật Viên Thông Chương dạy rằng: “Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đồ nhiếp lục căn là quay đầu. Phương pháp tu học của Bồ Tát Quán Thế Âm là “phản văn văn tự

tánh”, phản văn là quay đầu. Dùng nhĩ căn nghe âm thanh bên ngoài, quay đầu lại tìm, có thể nghe được gì? Như vậy mới có thể kiến tánh, phản văn mới có thể thấy được tự tánh.

Ngày nay chúng ta nghe chuyên môn duyên bên ngoài, nghĩ xem ta đã thấy được gì, đã nghe được gì. Càng nghĩ càng mê hoặc, càng nghĩ càng sai. Do tri kiến sai lầm, sanh ra hành vi sai lầm, tạo khẩu nghiệp tùy tiện phê bình người khác, tạo khẩu nghiệp. Thân nghiệp là tùy tiện xâm hại người khác, là ta thấy sai nghĩ sai, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, cảm thọ khổ báo trong ba đường, đều do tư duy tâm hành bất thiện tạo ra.

Do đây có thể biết, không những lục đạo là giả, thập pháp giới cũng là giả. Lục đạo, thập pháp giới đều là duy thức sở biến, đều là vô minh huyền hóa, Kinh Kim Cang nói: “mộng huyền bào ảnh”. Lời Phật nói không sai: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tuyệt đối không phải chân thật. Phật pháp nói đến chân vọng, tiêu chuẩn của nó đặt ở chỗ phàm những gì có biến hóa đều là giả, chính là vọng, vĩnh viễn bất biến đó là chân. Lấy tiêu chuẩn này để nói chân vọng, hư không pháp giới sanh diệt trong từng sát na, nó là biến hóa. Ý này trong Đại Kinh nói rất nhiều. Hiện tượng là vô thường, chúng ta nhất định phải hiểu, nó không phải thường trụ. Nhưng bất kỳ một vọng tướng nào đều là chân vọng hòa hợp, lìa chân, vọng đâu ra? Lìa chân, không có vọng. Vì thế vọng nhất định tùy theo chân, vọng tuyệt đối không lìa chân. Cổ nhân ví dụ: “Lấy vàng làm vật dụng, mọi vật đều là vàng”, ví dụ này hay. Họ dùng vàng ví với chân, ví với tự tánh, vật dụng ví với tất cả mọi hiện tượng. Chúng ta vào trong tiệm vàng tham quan, người ta dùng vàng chế tạo ra rất nhiều trang sức vật dụng, mấy trăm loại, mấy ngàn loại, mỗi kiểu dáng đều không giống nhau. Phàm phu chấp trước vọng tướng, đây là chiếc vòng, đó là sợi dây chuyền, kia là chiếc nhẫn, chấp tướng. Người biết xem, từ trên tướng nhìn thấy tánh, họ nhìn thấy là vàng, dù vật tướng nhiều đến đâu cũng chỉ một thứ là vàng, họ nhìn thấy vàng. Họ nhìn thấy vàng có hoại tướng chăng? Không có hoại tướng, hoàn toàn không phá hoại tướng mới nhìn thấy vàng, không có. Ở trên tướng nhìn thấy, biết đây là chân vọng hòa hợp. Người tu đạo, người kiến tánh, trong mọi sự vật đều thấy chân tánh. Trong hữu tình chúng sanh, ngày nay chúng ta gọi là phàm phu, hiện nay gọi là động vật. Trong tất cả các động vật, nhìn thấy tự tánh của những động vật này, trong kinh có khi gọi là Phật tánh, tự tánh chính là Phật tánh. Họ có Phật tánh, sao họ không phải là Phật? Phật nhãn thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, chính là đạo lý này. Tự tánh của họ và tự tánh của tất cả Chư Phật Như Lai không hai không khác. Tánh của mình tánh nghe của mình, và tánh thấy tánh nghe của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng với tánh thấy tánh nghe của Phật A Di Đà, và tánh thấy tánh nghe của Phật Tỳ Lô Giá Na, nói cho chư vị biết là một tánh, không phải hai tánh, vậy sao

không phải Phật được? Trong Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh vốn thành Phật”, họ vốn thành Phật, không phải khi nào tu thành, không phải, vốn thành Phật.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ có câu: “Tất cả đều thành Phật”, trong vô tình chúng sanh, quý vị có thấy chằng? Là pháp tánh. Một mảnh giấy này, mảnh giấy này là pháp tánh, pháp tánh và Phật tánh là một tánh, không phải hai tánh. Chúng ta lãnh hội từ những điều này, phải ở trong cuộc sống hằng ngày, thường xuyên lãnh hội, không ngừng lãnh hội. Nhất định có một ngày hoát nhiên đại ngộ, thật sự nhìn thấy.

Thật đáng tiếc, phàm phu thật đáng tiếc, tập khí nghiệp chướng sâu nặng, không biết dụng công, không thể ở trong tất cả chúng sanh, trong tất cả huyền tướng thấy được chân tánh, mà biến thành gì? Trong mọi hiện tượng thấy thị phi nhân ngã, bên trong khởi tham sân si mạn. Đây chính là ở đây nói, tư duy tâm hành bất thiện tạo nên. Ở trang thứ mười hàng thứ hai từ dưới lên, chữ sau cùng: “Bất thiện tư duy tâm hành sở tạo”, tám chữ này. Đây là nói chúng sanh trong luân hồi lục đạo, vì sao ta có lục đạo? Vì sao ta không thể vượt khỏi lục đạo? Vì sao ta sống khổ như vậy? Tám chữ nói một cách rất ráo.

Người biết dụng công, chúng ta mới hiểu lời Lục tổ Huệ Năng nói không sai: “người tu đạo chân chánh, chẳng thấy lỗi thế gian”. Người thật sự biết tu hành, người biết tư duy, người biết dụng tâm, không thấy lỗi thế gian. Không những không thấy lỗi thế gian, họ thấy tất cả trong thế gian đều là chân như, đều là vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng viên mãn của tự tánh hiển lộ.

Người biết tu hành đi vào cảnh giới Phật, người không biết dụng tâm đi vào cảnh ma. Trong cảnh giới không có Phật cũng không có ma, Phật và ma là trong tâm ta biến hiện ra. Biết dùng tâm chính là Phật, người không biết dùng tâm chính là ma, cảnh giới bên ngoài làm gì có Phật, làm gì có ma? Không có. Chúng ta tu học đại thừa, nếu đến ý này cũng không lãnh hội được, công phu của mình làm sao đắc lực được?

Hàng thứ mười, xem từ câu sau cùng, hàng sau cùng: “Vô minh huyền xuất, lục đạo y chánh, đương tri bản tự bất hữu, vô minh sở vi”. Chúng ta chỉ xem câu này, đây là nói cho chúng ta biết về chân tướng của luân hồi lục đạo, hiện nay chúng ta ở trong lục đạo. “Nên biết vốn tự không có”, lục đạo vốn không có, lục đạo là gì? Là giấc mộng, lục đạo là một ác mộng. Chúng ta đang trôi lăn trong luân hồi, chính là đang gặp ác mộng. Phật Bồ Tát từ trong mộng tỉnh dậy, chúng ta mê hoặc điên đảo đang ở trong mộng chưa tỉnh, tiếp tục nằm mộng.

Mộng này từ đâu mà có? Từ “vô minh huyền xuất”, huyền là mộng huyền bào ảnh. Vô minh nghĩa là sao? Đối với chân tướng sự thật hoàn

toàn không biết, tùy theo vô minh của mình. Vô minh rất đáng sợ, không thấu triệt chân tướng sự thật, do đó ở trong cảnh giới này khởi vọng tưởng, khởi phân biệt, khởi chấp trước. Tùy thuận vọng tưởng phân biệt chấp trước của mình là làm sai việc.

Người thế gian từ chỗ này, sai lầm đầu tiên, cho rằng căn thân của mình là chính mình, cái sai đầu tiên. Từ nhận thức sai lầm này, sanh ra liên tục không gián đoạn, cứ thế tiếp tục sai. Làm sao giữ được mình, làm sao đề phòng xâm hại, càng nghĩ càng sai, càng làm càng sai, do đó tạo thành sai lầm lớn. Vòng sinh hoạt của ta ngày càng nhỏ, vòng nhỏ nhất là địa ngục a tỳ.

Trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên nói rằng, trong địa ngục a tỳ, những gì cảm nhận được chính là một mình, địa ngục vô gián, địa ngục bao lớn? Thân thể ta lớn bao nhiêu, thân thể này và địa ngục lớn bằng nhau. Tất cả tội hình trong địa ngục, tất cả đều phải chịu cùng một lúc, đây là nguyên nhân gì? Đó là tự tư tự lợi đến cực điểm, một người cũng không dung được, đây là địa ngục a tỳ. Chư vị suy nghĩ tường tận hiện tượng này, hiện tượng này đều là giả, đều không phải thật, đều do quan niệm sai lầm của mình biến hiện ra. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh, không có những thứ này, do vọng thức biến hiện, vô minh là vọng thức.

Trong lục đạo chánh báo là thân, y báo là hoàn cảnh cuộc sống, toàn là giả. Nếu thật sự biết đây là giả, là vô minh, là huyễn hóa, là vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện. Nếu thật sự thấu triệt chân tướng sự thật này, sống trong này cảm thấy rất tự tại. Vì sao vậy? Vì không còn chấp trước, không còn phân biệt, tất cả đều tùy duyên, tùy duyên liền được đại tự tại. Quý vị nói khởi vọng tưởng muốn cố gắng bảo vệ mình, quý vị có bảo vệ được chăng? Không bảo vệ được, là giả, là không, bảo vệ nó làm gì?

Người thế gian mê hoặc điên đảo, lầy tụy đế mà nói, tụy đế là nói về nhân quả, “một giọt nước một hạt gạo, tất cả đều do tiền định”. Trùng thiện nhân được thiện quả, trùng ác nhân gặp ác báo, đây là chân lý thiên kinh địa nghĩa trong lục đạo. Người giác ngộ, ở trong lục đạo hành thiện, biết hư không pháp giới và chính mình là một thể cộng đồng. Ngày nay người ta đề xuất một sanh mạng thể cộng đồng, họ đâu biết như thế nào là sanh mạng thể cộng đồng? Họ biết nói nhưng không hiểu ý nghĩa của nó. Tận hư không biến pháp giới là chính mình, hay nói cách khác, lợi ích tất cả chúng sanh, tức là lợi ích chính mình. Tôn thương tất cả chúng sanh, tức là tôn thương chính mình. Tôn thương tất cả chúng sanh, khi ta chưa giác ngộ, bị đọa vào tam đồ lục đạo. Ta có thể giúp tất cả chúng sanh, quả báo trong ba đường lành, vì sao không giúp tất cả chúng sanh, mà lại tôn thương tất cả chúng sanh?

Quả thật thế gian có một số người dã tâm, muốn xưng bá ở thế gian này, thống trị thế giới này, họ làm được chăng? Tuyệt đối không thể, nhưng có người thật sự thống trị thế giới này chăng? Có, trong kinh Phật nói là chuyên luân thánh vương. Thiết luân vương thống trị một tinh cầu, đồng luân vương, ngân luân vương, kim luân vương. Trong kinh Phật nói kim luân vương, ông thống trị một tinh cầu, đó là người không phải thần. Ông dùng gì để thống trị? Dùng thập thiện nghiệp đạo, bản thân tu thập thiện, khuyên người tu thập thiện, hành thiện mới có được quả báo này, tạo ác không được.

Vào thời đại chiến thế giới lần thứ hai, Hitler muốn thống trị thế giới, người Nhật bản cũng muốn thống trị thế giới, dùng phương pháp gì? Dùng vũ lực, chưa được mấy năm thì mất nước. Chúng ta nhìn thấy chiến tranh này, từ trong này rút ra được một kinh nghiệm, dùng chiến tranh làm thủ đoạn, tuyệt đối không thể thống trị thế giới, sau cùng đi đến hủy diệt, tuyệt đối không phải phương pháp giải quyết vấn đề. Phương pháp thật sự giải quyết vấn đề là gì? Là đại từ đại bi, bố thí, phụng hiến, vấn đề liền được giải quyết.

Đại chiến thế giới lần thứ hai, toàn thế giới chết hơn một ức người, mất hết bao nhiêu tiền? Người phương tây có một thống kê, 500 vạn ức USD. Nếu đem 500 vạn ức USD bố thí khắp nơi, làm việc phúc lợi cho xã hội, toàn thế giới ủng hộ quý vị, quả thật quý vị đã làm vua của toàn thế giới, ai không ủng hộ quý vị chứ? Thời kỳ chiến tranh Triều tiên, chiến tranh dùng hết 180 ức USD, nếu dùng 180 ức USD này để bố thí, bố thí vô điều kiện, Vì thế thủ đoạn chiến tranh không được, dùng tiền bạc giúp người thì được, nhưng bố thí phải vô điều kiện. Bồ thí kèm theo điều kiện quý vị sẽ không làm được, vô điều kiện, người ta cảm đội ân đức, vĩnh viễn không quên. Đây là đại ân đại đức, bố thí ân đức.

Chiến tranh chỉ có thể tạo thành tai hại, tạo thành oán hận. Kết oán hận này, đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt, vô cùng tàn khốc, tự hại hại người.

Những người đồng tu, mua những VCD này cho tôi xem, tôi xem xong cảm nhận một cách sâu sắc, thông qua đây tôi rút ra được kết luận này, chiến tranh tuyệt đối không phải là biện pháp giải quyết vấn đề. Giải quyết vấn đề nhất định phải dùng đại từ đại bi, bố thí ân đức, lấy yêu thương chân thành, yêu thương tất cả chúng sanh, yêu thương đối phương, người ta mới tâm phục khẩu phục. Những người có dã tâm này cũng là dùng sai tâm, tư duy tâm hành bất thiện tạo nên. Tạo thành thảm họa lớn như thế, tạo tội nghiệp nặng như vậy, sau khi chết đều đọa vào tam đồ, sao phải khổ vậy? Phật pháp dạy chúng ta không có gì khác, chính là nói cho chúng ta biết về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, khiến chúng ta thông đạt, khiến chúng ta

minh bạch. Sau đó rốt cuộc làm sao để xử sự đối nhân tiếp vật, bản thân ta sẽ tự biết.

Bên dưới nói về sự khác biệt của lục đạo, đều từ “nhất niệm tâm vô minh sanh ra”. Đại sư lấy nó làm giáo thể, nghĩa là nói với chúng ta, quá khứ chúng ta mê muội điều này, hiện nay từ mê khai ngộ. Ngay trong hoàn cảnh sinh hoạt của mình hiện tại, học tập tư duy thiện, như thế nào là tư duy thiện? Là cách nghĩ làm của chúng ta tương ứng với chân tướng sự thật, đây chính là tư duy thiện. Có thể nói rõ ràng chân tướng sự thật, nói thấu triệt, đích thực là Phật pháp đại thừa.

Do đây có thể biết, muốn giải quyết vấn đề, vẫn là câu nói quen thuộc của chư vị thánh hiền “giáo học vi tiên”. Sau đó chúng ta mới nhớ lại, vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không làm quốc vương? Ngài là thân phận vương tử, vì sao không kế thừa vương vị, từ bỏ vương vị, để làm công tác giáo dục xã hội? Vì ngài đã giác ngộ, ngài muốn giúp tất cả chúng sanh giải quyết vấn đề, giải quyết vấn đề một cách triệt để viên mãn, làm công việc dạy học. Nếu chúng ta nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một người có dã tâm cũng được, ngài không phải muốn thống trị một quốc gia, ngài muốn thống trị toàn thế giới, muốn thống trị tận hư không biến pháp giới. Ngài dùng phương pháp gì? Ngài không dùng quân đội, không dùng vũ lực, mà dùng cách dạy học. Sau khi ngài niết bàn hơn 3000 năm, trên thế giới này có bao nhiêu ức người tôn kính ngài, sùng bái ngài, học tập theo ngài, ngài đã thành công. Đây không phải là một trường hợp rất nổi bật ư? Ngài dẫn dắt chúng ta, dạy chúng ta học tập như thế nào. Chúng ta đã nhìn thấy, nghe thấy, lãnh hội được, mới biết rằng đây mới là con đường nên đi, cần phải giữ tâm này. Tâm đại từ bi, tâm bố thí ân đức.

Bồ Tát Địa Tạng luôn giữ tâm này, đoạn này nói về bản thức của Địa Tạng, nghĩa là Bồ Tát Địa Tạng giữ tâm như thế nào? Bồ Tát Địa Tạng dùng tâm gì? Ngài có thể giúp lục đạo chúng sanh, chỉ có một mục đích, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Đối với bản thân không hề chút có yêu cầu nào, Bồ Tát Địa Tạng không yêu cầu những chúng sanh này cảm kích ngài, không có. Không yêu cầu những chúng sanh này báo đáp ngài, có thể nói hoàn toàn không có điều kiện, yêu thương vô điều kiện, bố thí vô điều kiện, giáo hóa vô điều kiện. Ngài chỉ có một nguyện vọng, hy vọng mỗi chúng sanh đều khai ngộ, mỗi chúng sanh đều thành Bồ Tát, mỗi chúng sanh đều thành Phật. Bồ Tát dùng tâm này, Bồ Tát giữ tâm như vậy, chúng ta cần phải hiểu, cần phải học tập.

Đoạn này chúng ta chỉ giới thiệu đơn giản đến đây thôi. Đoạn thứ ba tiếp theo nói về “minh tông”, minh tông trong ngũ trùng huyền nghĩa. Đoạn văn này ở trang 11, hàng thứ tư: “Minh bất tư nghì hạnh nguyện vi tông giả”. “Tông” là nói cần phải nắm vững cương lĩnh học tập, không thể nắm bắt

cương lĩnh học tập, trong lúc học tập không biết bắt đầu từ đâu, không biết nên học từ đâu? Cho nên đoạn này rất quan trọng.

Đoạn biện thể trong huyền nghĩa ở trước, chư vị phải biết, thể này thông tắt cả Phật pháp, thông tắt cả kinh giáo. Bất luận nói như thế nào, tuy cách nói không giống nhau, ý nghĩa đều tương thông, nhưng “tông” thì khác. Tông là nói về cương lĩnh học tập, mỗi bộ kinh, mỗi pháp môn, cương lĩnh học tập không tương đồng. Đây là chuyên nói về kinh này, chuyên chỉ pháp môn này mà nói.

Ở đây đại sư Thanh Liên cho chúng ta biết, lấy “hạnh nguyện bất tư nghi làm tông”. Kinh này gọi là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện, lấy bốn nguyện của ngài làm cương lĩnh tu học của chúng ta, điều này rất có đạo lý. Vừa mở đầu ngài dẫn kinh cứ điển, đa phần đều từ kinh này. Vừa mở đầu: “chuẩn kinh”, chuẩn nghĩa là y cứ, y cứ kinh này. Kinh chính là kinh này, nếu trích dẫn các kinh khác, nhất định ngài viết ra.

Trong kinh này, Bồ Tát Văn Thù hỏi Phật: “Địa Tạng Bồ Tát ở nơi nhân địa tu hạnh gì, lập nguyện gì, mà được thành tựu việc không thể nghĩ bàn như thế?”. Trong này có nguyện, có hạnh, có nguyện. “Hựu”, hựu cũng là kinh này, trong kinh này có nói như vậy. “Đại sĩ trong đời quá khứ bất khứ thuyết kiếp về trước, do thấy Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, tướng hảo trang nghiêm, liền hỏi Phật này tu hạnh nguyện gì mà được tướng như thế?” Lại có hạnh nguyện.

Bên dưới thêm một đoạn nữa: “Như Lai tự kết tên kinh”, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra đề của kinh này. Phật nói ba danh từ, thứ nhất là Địa Tạng Bốn Nguyện, thứ hai là Địa Tạng Bốn Hạnh, ở đây đưa ra hai danh từ, thứ ba gọi là Địa Tạng Bốn Thệ Lực Kinh. Ngài lấy bốn hạnh và bốn nguyện. “Cho nên biết, hai pháp hạnh nguyện là tông yếu của kinh này”. Đây là nói vì sao ngài phải lập hạnh nguyện làm tông, nói ra trong minh tông, nguyện do ngài lập đề mục này. Sau đó lại giải thích với chúng ta, hạnh và nguyện có quan hệ mật thiết với nhau. Khi chư vị cổ đức giải thích vấn đề này, thường nói với chúng ta, nguyện làm người dẫn đường, dùng hạnh thực hiện nguyện. Nguyện ở trước là lãnh đạo chúng ta, hạnh thực tiễn nguyện vọng của chúng ta, nguyện này sẽ viên mãn, sẽ thành tựu.

Cổ nhân không gọi nguyện, mà gọi là chí, người xưa gọi lập chí. Nếu con người không có chí, đời này ta sống nỗ lực không có mục đích, không có phương hướng, đời này nhất định trôi qua một cách vô ích, không có thành tựu gì. Nếu muốn đời này có thành tựu, quyết định ở chí hướng của mình, nhà Phật gọi là hạnh nguyện.

Chúng ta thấy người thế gian, quan sát từ khi họ còn trẻ, họ đang đọc sách, cầu học, chọn khoa để học là hiển thị nguyện vọng của họ. Có rất nhiều người muốn học y khoa, nguyện vọng của họ là tương lai làm bác sĩ.

Muốn học pháp luật, tương lai làm luật sư. Học kế toán, tương lai làm kế toán. Hiện nay ở nước Mỹ, có ba nghề dễ kiếm tiền nhất. Vì sao họ chọn nghề này? Mục đích ở chỗ lợi, lợi đang mê hoặc họ. Nguyên nhân này không phải bản nguyện, nguyện này là lợi bên ngoài đang mê hoặc, khiến họ sanh ra nguyện vọng này. Phàm những nguyện vọng do lợi ích mê hoặc, không có nguyện nào không tạo tội. Làm luật sư biện hộ cho người lương tâm mê muội, chỉ cần người ta đem tiền đến, tìm mọi cách nói tốt cho họ, tạo tội nghiệp. Làm bác sĩ không có y đức, vốn bệnh này chỉ chữa một hai lần là lành, nhưng lại kéo dài đến 20 lần, 30 lần. Vì sao vậy? Từ từ để họ đem tiền đến khám. Hiện nay đạt được lợi ích nhỏ này, quả báo sau này phải làm sao? Khổ không thể tả.

Cổ nhân đọc sách lập chí, quả thật không như thời nay, ngày xưa không có nhiều khoa, đại khái người đọc sách chỉ chọn một ngành, làm việc chính trị, gọi là “học nhi ưu tắc sĩ”, ngày xưa sĩ chính là làm việc chính trị, tức làm quan. Làm quan phải làm quan tốt, vì dân vì địa phương phục vụ. Vì thế giáo dục ngày xưa, đề xướng đọc sách chí tại thánh hiền. Hiện nay đọc sách chí tại danh lợi, danh lợi sẽ có xung đột, sẽ có đấu tranh. Cổ nhân đọc sách chí tại thánh hiền, thánh hiền không có đấu tranh, thánh hiền lễ nhượng lẫn nhau. Vì thế xã hội hòa thuận, thế giới đại đồng, như vậy sao giống nhau được?

Ngày nay chúng ta tiếp thu giáo dục Phật giáo, muốn học Phật, chí học Phật là gì? Chí tại làm Phật, làm Bồ Tát. Phật Bồ Tát là đại thánh đại hiền, cao hơn một bậc so với chí tại thánh hiền của thế gian. Thử hỏi chúng ta học Phật, phải chăng thật sự đã làm Bồ Tát, làm Phật? Thật sự học Bồ Tát, học Phật sao có thể đấu tranh với tất cả chúng sanh, tuyệt đối không thể. Chúng sanh mê hoặc, họ tranh chúng ta nhường, tuyệt đối không khởi tranh chấp với họ.

Họ muốn gì chúng ta cũng nhường, đều cho họ, cho họ phải chăng chúng ta không còn? Không phải. Vì sao vậy? Vì số mạng có bỏ cũng không được, số mạng không có dù một đồng cũng không thể cưỡng cầu. Họ không biết, tôi biết. Nếu anh cần tôi cho, số mạng anh có, tôi cho anh sẽ giữ được. Còn như số mạng không có, tôi cho chưa được mấy ngày thì cũng mất hết, anh không giữ được. Trong số mạng tôi có đều cho họ hết, vài ngày sau nó lại đến. Hiểu rõ đạo lý này, thấu triệt chân tướng sự thật này, quý vị dám bỏ thí, bỏ thí rất thoải mái, bỏ thí rất hoan hỷ, biết được điều gì? Bỏ thí không cùng tận, càng thí càng nhiều. Bỏ thí tài được giàu có, bỏ thí pháp tăng trưởng trí tuệ, bỏ thí vô úy mạnh khỏe sống lâu. Ai chịu làm điều này? Người hiểu rõ chịu làm, làm gì có chuyện sau khi bỏ thí là tất cả đều không có, không có chuyện đó, điều này không hợp lý.

Đức Phật nói với chúng ta về phú quý mà lục đạo chúng sanh đạt được, đều do trong đời quá khứ có tu, trong đời này tu tích được. Gọi là “dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị”, đời trước ta tu nhân gì, hãy xem quả báo đời này mình lãnh chịu. Đời này ta được phú quý, do đời trước tu nhân phú quý, cho nên mới có thể đạt được. Đời này cuộc sống vật chất của chúng ta rất gian nan, rất khốn khó, đời trước ít tu bố thí tài, không trồng nhân này. Số mệnh không có, đạt được không phải phước, mà là họa. Đây là thật, không hề giả.

Trước đây, khi tôi vừa mới học Phật, nghe có người nói, hình như một vị tướng quân thăng quan, ông được thăng lên trung tướng, thiếu tướng thăng lên trung tướng. Mệnh lệnh chưa ban ra, đại khái là những người thường tiếp xúc với cấp cao nhìn thấy, đem tin này báo với ông ta: đã phê chuẩn rồi, ông sắp được lên trung tướng. Ông ta rất vui mừng, mời bạn bè đến uống rượu chúc mừng, trong buổi tiệc ông lăn đùng ra chết. Nếu không biết tin này, ông sẽ không chết. Người ta nói ông không có mạng, mạng ông chỉ có một sao, thêm một sao nữa liền đề chết ông ta, rất có đạo lý. Phú quý đều có số, không có số mệnh đó, cho họ của cải sẽ bị của cải đề chết.

Tôi nghe nói rất nhiều người, số mệnh không có của cải, chơi cỗ phiếu, khi chơi cỗ phiếu lỗ liền tự sát, đó không phải bị của cải đề chết ư? Họ không có tài mệnh đó, suốt đời đều là mệnh, một chút chẳng do người. Quý vị muốn được của cải, cần phải tu tài bố thí. Đây là chánh pháp Đức Phật dạy cho chúng ta. Nghĩ mọi biện pháp để kiếm tiền, chơi cỗ phiếu là đánh bạc, đó là lấy của cải của người làm của mình, tức là của bất nghĩa. Không phải đạt được bằng thủ đoạn chính đáng, là của bất nghĩa, không được lấy, tuyệt đối không có quả báo tốt đẹp. Của cải chơn chánh từ đâu mà có? Từ tài bố thí, càng thí càng nhiều.

Phật tử tại gia, chỉ cần quý vị bố thí tài, bất luận ta làm ngành nghề gì đều kiếm được tiền, vì sao vậy? Vì số mạng ta có của cải. Người khác làm cùng nghề với mình nhưng không lời, số mạng họ không có của cải, nhưng mình làm lại có lời, đạo lý là đây. Nếu bố thí pháp sẽ được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Nhân như thế nào chiêu cảm quả như thế đó, nhân quả báo ứng không sai chút nào. Phải hiểu đạo lý này, phải thấu hiểu chân tướng sự thật này, trong đời này chúng ta mới biết nên làm như thế nào. Có cách làm chính xác, cách làm đúng. Cho nên lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, thật sự là lợi ích chính mình. Vấn đề này, dù một chút dối trá đều không được làm, tuyệt đối không được hại người, tuyệt đối không được gây thương tổn đến xã hội. Không những không được có hành vi hại người, hại xã hội, đến ý niệm cũng không được có. Cho dù đời này phước báo của mình chưa hiện tiền, suốt đời đều tu bố thí, phước báo chưa

hiện tiền, không sao, đời sau có phước báo lớn, nhân quả tuyệt đối thông ba đời.

Thông thường người thế gian thấy người chết, Phật giáo chúng ta biết, con người có chết chăng? Không chết.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Lăng Nghiêm, vua Ba Tư Nặc có mặt trong hội. Sau khi ông nghe xong mười lần hiển kiến đã giác ngộ, vui mừng vô cùng, biết được như thế nào? Biết rằng bản thân không chết, xác thân này chết, linh tánh không chết. Vì thế Đức Phật nói căn tánh của sáu căn là chân tâm thường trú, không bị sanh diệt theo thân thể sanh diệt này. Ngài lấy sông Hằng làm ví dụ, để nhà vua giác ngộ. Lúc đó vua Ba Tư Nặc 62 tuổi, ông cùng tuổi với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ông cảm thấy bản thân mình suy yếu. Đức Phật hỏi ông, khi ông 20 tuổi so với lúc 10 tuổi, tình trạng thân thể như thế nào? Ông nói 20 tuổi già hơn 10 tuổi, 30 tuổi càng già hơn 20 tuổi. Hiện nay 62 tuổi, mắt hoa, nghe cũng kém. Phật hỏi ông, lần thứ nhất ông nhìn thấy sông Hằng là khi nào? Ông nói lúc ba tuổi, ông đi với mẹ đến chùa dâng hương, đi qua sông Hằng nhìn thấy sông Hằng. Đức Phật nói, năm nay ông 62 tuổi, ông nhìn thấy sông Hằng này và lúc ba tuổi ông nhìn thấy có gì khác nhau chăng? Ông nói không có gì khác. Đức Phật nói, thân thể năm ông ba tuổi và 60 tuổi khác nhau rất lớn, suy lão. Đây là sanh diệt ông đã giác ngộ, khi kiến tánh, ba tuổi thấy và 60 tuổi không có gì khác nhau. Chứng tỏ tánh thấy của ông không tùy theo thân thể suy lão của ông mà thay đổi, từ chỗ này ông đã giác ngộ.

Ngày nay chúng ta nói tuổi tác lớn, nhìn đồ vật bị hoa mắt, đó là nhãn căn ta có bệnh, không phải cái thấy có bệnh, cái thấy không có bệnh. Vì sao khi ta đeo kính lại thấy rõ ràng như thế? Nếu thật sự tánh thấy có bệnh, đeo kính nhìn cũng mơ hồ, vậy mới đúng. Chứng tỏ tánh thấy là bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt là chính mình, sanh diệt là thân này không phải chính mình. Vua Ba Tư Nặc từ chỗ này mà lập tức khai ngộ, rất vui mừng, biết bản thân không chết, bản thân bất sanh bất diệt. Trong thân sanh diệt của chúng ta, có chân tánh bất sanh bất diệt, chân tánh đó mới là chính mình. Tuyệt đối đừng vì thân sanh diệt này, thân giả này, tạo ra vô số tội nghiệp, vậy là sai lầm lớn. Dễ tạo nghiệp nhất là khẩu nghiệp, vì sao vậy? Vì lưỡi, lưỡi chỉ có ba tấc, xuống dưới nữa thì không còn. Vì cái lưỡi ham thích vị ngon, hại mạng biết bao nhiêu chúng sanh, nợ máu của biết bao nhiêu chúng sanh, đời đời kiếp kiếp trả không hết, đây là sai lầm. Chúng ta không biết vì thân thật lại vì thân giả này, vì thân giả liên lụy đến thân thật cũng phải chịu tội, điều này có phiền phức chăng? Chân tướng sự thật này, nói cho chur vị biết, chỉ có Phật nói rõ ràng. Vì sao Đức Phật nói rõ ràng? Vì ngài thấy rõ ràng, chúng ta không nhìn thấy, ngài nhìn thấy. Ngài đem chân tướng sự thật

nói với chúng ta, ta nghĩ lại là thật không phải giả. Những gì Đức Phật nói, chúng ta phải chứng thực nó ngay trong cuộc sống hằng ngày.

Tất cả kinh điển Đức Phật nói, kinh điển đặc sắc đầy đủ bốn pháp “giáo lý hành quả”. Chúng ta học Phật cần phải “tín giải hành chứng”, mới có thể được thọ dụng. Giáo huấn của Phật, chúng ta tin tưởng. Lý luận Đức Phật nói, chúng ta hiểu. Những phương pháp Đức Phật nói, chúng ta làm được, làm được là hành. Từ trong hành, chứng thực điều ta tin, điều ta hiểu, hoàn toàn không có sai lầm, đó gọi là chứng. Tu học Phật pháp không giống với tu học thế pháp, như vậy mới có thể đạt được phá mê khai ngộ, thật sự đạt đến chuyển phàm thành thánh.

Trong này trích dẫn hai câu trong Đại Trí Độ Luận: “Chư Bồ Tát hạnh, nghiệp thanh tịnh, tự được tịnh báo”. Đây là Phật Bồ Tát khác với phàm phu. Hạnh chúng ta tịnh, nghiệp sẽ thanh tịnh, đang tu tịnh nghiệp, tịnh nghiệp nhất định là tịnh hạnh. Hàng phàm phu hạnh không thanh tịnh, nghiệp không thanh tịnh, không thanh tịnh tức bị ô nhiễm. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, trong đó đều xen tạp tham sân si mạn, đều xen tạp tự tư tự lợi. Bị tự tư tự lợi, tham sân si mạn ô nhiễm. Hạnh của mình bị nó ô nhiễm, nghiệp bị nó ô nhiễm, vậy mới có quả báo tam đồ lục đạo.

Bên dưới đại sư đưa ra một vấn đề giả thiết, vì sao phải lập nguyện, sau đó ta mới đạt được quả báo? Đưa ra câu hỏi giả thiết này, đáp cũng rất hay: “tác phước vô nguyện, vô sở thọ lập, nguyện vi đạo ngữ, năng hữu sở thành”. Bên dưới còn có một ví dụ, chúng ta không nói đến. “Tác phước”, người thế gian gọi là tu phước, phương pháp tu phước rất nhiều. Phật dạy Bồ Tát, trong cuộc sống hằng ngày đưa ra sáu cương lĩnh, chúng ta gọi là sáu ba la mật, hoặc gọi nó là lục độ, tức là phương pháp tu phước. Bồ Tát ứng hóa tại nhân gian, tư tưởng của họ, hành vi của họ, không bao giờ tách rời sáu nguyên tắc này, người này chính là Bồ Tát. Bồ thí là tu phước, trì giới là tu phước, nhẫn nhục là tu phước, thiền định, bát nhã không có gì không phải tu phước. Nếu tu phước không có nguyện, không có nguyện vọng, phước báo rất lớn, nhưng vẫn không có thành tựu gì, không thể có thành tựu. Điều này chứng tỏ, nguyện rất quan trọng.

Bồ Tát Phổ Hiền dạy người tu hành, nghĩa là dạy người cách sống, có mười cương lĩnh. Ngài không gọi là thập độ, mà gọi là thập nguyện. Ngài có nguyện, nguyện của ngài ở đâu? Nguyện ở thế giới tây phương Cực Lạc, thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc. Ngài có mục tiêu, ngài có phương hướng, vì sao tôi phải làm như vậy? Phước đức tôi tu tích được, ở sau có nơi quy tụ, nguyện quan trọng vô cùng.

Ngày nay chúng ta phát tâm tu học Tịnh độ, nguyện vọng của mình là cầu sanh tây phương Cực Lạc. Những người ở thế giới tây phương Cực Lạc, trong kinh Đức Phật nói rằng “chư thượng thiện nhơn câu hội nhất xứ”.

Chúng ta muốn tham dự vào dân tộc, đoàn thể của thế giới tây phương Cực Lạc, chúng ta phải đầy đủ điều kiện của nó, điều kiện là thượng thiện. Không đầy đủ thượng thiện rất khó vãng sanh, tuy niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Chư vị cổ đức nói, một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, hết hư cổ họng cũng chỉ uổng công. Vì sao vậy? Tuy ta niệm Phật, nhưng chưa đầy đủ điều kiện. Như trong các Tôn giáo khác nói, quý vị tin vào thượng đế, tin vào thượng đế là có thể lên thiên đường chăng? Không thể, cần phải đầy đủ điều kiện của thiên nhân. Đức hạnh của thiên nhân cao hơn con người, Phật nói thượng phẩm thập thiện, từ bi hỷ xả, tứ vô lượng tâm. Nếu đầy đủ những điều kiện này, không tin thượng đế cũng được sanh lên thiên đường. Không đầy đủ những điều kiện này, dù làm con nuôi của thượng đế cũng không được, cũng không lên được thiên đường. Thế giới tây phương Cực Lạc, đạo lý cũng như vậy. Nhất định phải hiểu, phải lập nguyện.

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vi Đề hy, muốn sanh về thế giới tây phương Cực Lạc. Thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như thế nào mới có thể vãng sanh? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không dạy bà niệm Phật, trước tiên dạy bà tu tịnh nghiệp tam phước, chúng ta thường sơ suất điều này. Tịnh nghiệp tam phước là gì? Là nền tảng của chư thượng thiện nhân, tu thiện trước, ba loại tịnh nghiệp. Mà còn nói với chúng ta rằng: “ba đời chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân”. Không chỉ nói pháp môn Tịnh độ, mà ba đời Chư Phật bất kỳ pháp môn nào đều có, bao gồm vô lượng vô biên pháp môn. Bất luận tu hành pháp môn nào, nếu muốn thành Phật, đều lấy ba tịnh nghiệp này làm nền tảng.

Chúng ta niệm Phật tu Tịnh độ, nếu bỏ quên ba điều 11 câu này, tuy niệm Phật nhưng chưa chắc được vãng sanh, chỉ kết thiện duyên với Tịnh độ mà thôi. Khi nào mới có thể vãng sanh? Trong đời nào nền tảng này đầy đủ, khi đó niệm Phật nhất định vãng sanh.

Bắt đầu tu hành từ đâu? Từ “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”, điều thứ nhất là phước nhân thiên. Điều thứ hai: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”, phước tiểu thừa. Điều thứ ba: “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả”, phước báo của Bồ Tát đại thừa. Nếu không có nền tảng này, niệm Phật không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì thế giới tây phương Cực Lạc là “Nơi câu hội của các hàng thượng thiện nhân”. Tâm ta bất thiện, hành bất thiện, đến thế giới tây phương Cực Lạc còn cãi vã với người khác, đánh nhau với người khác, vậy sao được? Khiến cho thế giới Cực Lạc trở nên hỗn loạn, không đi được. Giới hạn thấp nhất, phải thực hành đầy đủ ba điều 11 câu này, như vậy mới có thể vãng sanh.

Thôi, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 10**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 11****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ mười một.

Tôi dùng bản này là bản cũ, quý vị là bản mới, dưới bản mới có số trang của Ả rập, trong bản cũ tôi dùng không có. Vì thế số trang của tôi dùng là bên cạnh, chữ Trung văn bên cạnh, trang 11 luận quán, hàng thứ sáu từ dưới lên, chúng ta xem từ giữa, tôi đọc qua một lượt mấy câu văn này.

“Tác phước vô nguyện, vô sở thọ lập, nguyện vi đạo ngữ, năng hữu sở thành”. Chúng ta xem câu này, đây là đoạn thứ ba trong ngũ trùng huyền nghĩa, nói về hạnh nguyện bất tư nghi làm tông. Tông chính là cương lĩnh tu học, ở đây đại sư Thanh Liên chỉ cho chúng ta thấy cương lĩnh tu học của kinh này, chính là hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

“Tác phước”, là nói về tu phước, nếu tu phước mà không có nguyện, họ không có phương hướng, không có mục đích. Phước này, nói cách khác, không đạt được kết quả. Nghĩa là nói, bất luận họ làm tốt đến đâu, làm nhiều đến đâu, họ không có biểu hiện thành tích. Pháp thế xuất thế gian đều không ngoại lệ, pháp thế gian gọi là lập chí, nếu người không có chí, suốt đời họ nỗ lực phấn đấu nhưng không có phương hướng, không có mục tiêu, đương nhiên đời này không có thành tích gì, họ không làm được kiến công lập nghiệp. Trong Phật pháp cũng như vậy.

Bên dưới lại nói: “Tịnh thế giới nguyện, diệc phục như thị”. Hoảng nguyện của Phật pháp và người thế gian quả thật không giống nhau, người thế gian “si mê”, đương nhiên hai chữ này không dễ nghe, không ai muốn nghe. Nhưng là chân tướng sự thật, quả thật là si mê. Vì sao Thế Tôn nói chúng ta si mê? Chúng ta đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, quả thật không thấu triệt. Trong Thiền tông gọi là “bản lai diện mục trước khi cha mẹ chưa sinh”, ai biết? Bản lai diện mục trước khi cha mẹ chưa sanh là gì? Quả thật không biết, đây chính là si mê. Đức Phật nói với chúng ta, chúng ta không thể tiếp thu, chúng ta không thể thừa nhận, như vậy sao không phải ngu si? Phật nói là chân tướng sự thật, chân tướng sự thật là gì? Tận hư không biến pháp giới là chính mình. Chúng ta nghe câu này, phản ứng ngay lập tức, nói: ngài nói tầm bậy, đầu óc có vấn đề. Người ta nói lời thật, chúng ta nói đầu óc họ có vấn đề, nói ngài nói tầm bậy. Chúng ta mê mất chính mình, cho rằng thân thể này là chính mình, cho rằng đây là chính xác. Rất

cuộc chúng ta sai hay Phật sai? Tất cả pháp Đức Phật nói, đều có thể chứng thực, có thể chứng minh.

Cho nên Đức Phật dạy chúng ta “tín giải hành chứng”, mục đích sau cùng, Phật muốn chính bản thân chúng ta chứng thực hư không pháp giới là chính mình. Nếu có thể chứng thực, trong Phật pháp gọi người này là Bồ Tát, gọi người này là Phật. Nói cách khác, Phật Bồ Tát chứng thực hư không pháp giới là người của chính mình. Ta chưa chứng thực, ta không thể khẳng định, ta chính là phàm phu. Khác biệt giữa Phật Bồ Tát và phàm phu chính là đây.

Sau khi chứng thực, nguyện của mình phải khác với nguyện khi si mê. Khi si mê, nguyện vọng của chúng ta là hy vọng bản thân mình được an vui, bản thân mình, gia đình mình được hạnh phúc, được hòa thuận. Chí hướng này lớn hơn một chút, hy vọng xã hội mình, dân tộc mình, quốc gia mình được an lạc. Còn lớn hơn, gọi là anh hùng hào kiệt thế gian, có thể mưu cầu thế giới này, hiện nay chúng ta gọi thế giới này là địa cầu, nhân loại trên địa cầu an định phồn vinh, hòa thuận an lạc. Đây là người thế gian, tâm lượng vẫn rất nhỏ.

Người giác ngộ, họ có tịnh thế giới nguyện. Thế giới này là thế giới của tất cả Chư Phật, không chỉ địa cầu này của chúng ta, vô lượng vô biên cõi nước Chư Phật khắp hư không pháp giới. Người học Phật chúng ta, bất luận là tu học pháp môn nào, tông phái nào, hồi hướng của chúng ta luôn là: “nguyện đem công đức này, trang nghiêm cõi nước Phật”. Phật này là tất cả Chư Phật, không phải chỉ một vị Phật, cõi nước của một vị Phật, là trang nghiêm cõi nước tất cả Chư Phật khắp mười phương ba đời, tâm lượng này rộng lớn biết bao. Nhưng người học Phật chúng ta, ngày ngày đọc tám câu kệ này, đọc rất quen thuộc. Ý nghĩa, cảnh giới thật sự trong tám câu kệ, chúng ta sơ suất. Chúng ta chỉ đọc mà thôi, đọc không hề sai, tâm lượng vẫn rất nhỏ bé khởi tâm động niệm vẫn là vì mình, gia đình mình. Chúng ta tu học trong Phật pháp, không những ngay trong đời này, có thể nói là đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp đến nay đều không tương ưng, công phu không đắc lực. Nguyên nhân do đâu? Chính là ở đây. Tâm nguyện chúng ta quá nhỏ, không có nguyện tịnh thế giới. Đọc là một việc, nhưng trong tâm nghĩ lại là một việc khác, tâm khẩu không tương ưng.

Chúng ta xem Bồ Tát Địa Tạng dạy chúng ta như thế nào? Trong kinh Đức Phật nói, tứ giáo Bồ Tát. Tứ giáo đều là từ Thiên thai nói. Đại sư Thanh Liên làm Khoa Chú, ngài cũng là người học Thiên thai, cho nên ngài giải thích kinh này là lấy giáo nghĩa của Thiên thai tông làm chủ.

“Tứ giáo Bồ Tát, mỗi loại đều có hai nguyện thông biệt”. Thông nguyện như thường nói đến “tứ hoằng thệ nguyện”. Biệt nguyện là giúp tất cả chúng sanh “lìa khổ được vui”. Lìa khổ được vui, tâm Bồ Tát là bình đẳng, thanh tịnh, nhưng căn tánh chúng sanh không tương đồng, nói pháp phải khế cơ, giúp chúng sanh lìa khổ được vui cũng phải khế cơ, mới có thể nhận được

hiệu quả. Căn tánh của chúng sanh sai biệt rất lớn, trong Phật pháp quy nạp thành ba loại, ba bậc thượng trung hạ. Bậc hạ tầm nhìn thiên cận, chỉ quan tâm đến an lạc đời này, không nghĩ đến đời sau. Thậm chí rất nhiều người thế gian, không tin có đời sau. Ta nói với họ về đời sau, họ nói đây là hư vọng, không thừa nhận đây là sự thật. Người căn tánh như vậy, trên thế gian này chiếm số lượng không ít. Đối với hạng người này, chúng ta giúp họ hiện tại được an lạc, họ chịu tiếp thu, hoan hỷ học tập.

Hạng căn tánh bậc trung, họ biết có đời sau, biết có kiếp sau, biết có thiên đường, có địa ngục. Họ hy vọng đời này được an vui, càng hy vọng đời sau được an vui, tầm nhìn này xa hơn nhiều so với hạng người trước. Chúng ta phải dạy họ làm sao để đời này được an vui, làm sao để được đời sau an vui, họ hoan hỷ tiếp thu.

Hạng thượng căn tầm nhìn xa rộng, họ nghe Phật thuyết pháp có thể tin hiểu, họ hy vọng đạt được niềm vui niết bàn như Như Lai quả địa. Gặp hạng căn tánh này, đương nhiên chúng ta phải giúp họ. Trong Phật pháp thường gọi đây là chúng sanh căn tánh thuần thực, là phải giúp họ được niềm vui niết bàn.

Bồ Tát phát tâm, nhất định là giúp tất cả chúng sanh được niềm vui niết bàn cứu cánh. Tuy trước mắt họ không thể tiếp thu, cần có sự kiên nhẫn để dắt dẫn họ, khai thị cho họ, khiến họ dần dần giác ngộ được, có thể lãnh hội được. Nghĩa là nói trong quá trình dạy học, không ngừng giúp họ nâng cao, đây là đại từ đại bi. Nếu chỉ giúp họ, nguyện vọng của họ là gì? Họ nguyện được niềm vui của nhân thiên, chỉ giúp họ được niềm vui nhân thiên, vậy là không có tâm từ bi. Giúp họ còn phải giúp họ nâng cao, trong Phật pháp gọi là dùng phương tiện thiện xảo kéo họ lên, đây là bốn nguyện của Bồ Tát.

Đoạn sau cùng này nói về “hành tướng đa môn” của Bồ Tát. Hai chữ “hành tướng” hàm nghĩa rất sâu, rất rộng. “Hành” là thân phận do Bồ Tát thị hiện, điều này chư vị rất rõ ràng, trong kinh thường nói đáng dùng thân gì để độ liền thị hiện thân đó. Nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, vô số thân phận khác nhau, đây là hành tướng. Phương thức hóa đạo chúng sanh cũng thuộc về hành tướng, giáo hóa chúng sanh không có phương pháp nhất định, vô cùng linh hoạt, vô cùng sinh động. Như vậy mới có thể thích ứng thế gian này. Vô số chúng sanh căn tánh bất đồng. Ta có trí tuệ, có phương pháp. Phương pháp cương lĩnh chung, không ngoài tam học, lục độ. Chư vị phải biết rằng tam học, lục độ là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, biết vận dụng một cách linh hoạt, là có thể phổ độ tất cả chúng sanh. Nếu thật sự thấu hiểu nghĩa lý Đức Phật nói, trong Kinh Bát Nhã dạy chúng ta “thâm hiểu nghĩa thú”. Chẳng hạn như giới luật, thông thường chúng ta có nhiều cơ hội nghe kinh, đối với kinh luận dễ hiểu hơn, nhưng về phương diện giới luật lại rất thiếu sót, rất ít người nói. Chúng ta thường coi giới luật, khi đã hình thành thì không

thay đổi, là điều lệ cứng nhắc, rất khó tuân thủ. Đâu biết rằng giới luật rất linh hoạt, phải hiểu tinh thần giới luật.

Mọi người đều biết, nhà Phật nói: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. Bốn câu này cũng là cương lĩnh chung của Phật pháp, nói cùng tận tổng nguyên tắc giáo hóa chúng sanh của tất cả Chư Phật trong mười phương ba đời, không tách rời bốn câu này. Hai câu trước của bốn câu này chính là giới luật, câu thứ ba là định tuệ, tam học ở trong đó. Nguyên tắc chung của giới luật là “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”. Ác là gì? Thiện là gì? Phải hiểu tiêu chuẩn này. Người học Phật chúng ta hiểu rõ, phạm những gì có lợi ích cho riêng mình là ác, phạm những gì có lợi ích đối với chúng sanh là thiện. Vì sao Đức Phật nói với chúng ta như vậy? Thế gian lục đạo phạm phước, ai không vì mình? Vì sao Phật nói vì mình là ác? Chúng ta phải hiểu đạo lý thật sự trong này, vì sao chúng sanh không thể thoát ly luân hồi lục đạo? Vì gốc ngã chấp quá sâu, niệm niệm vẫn vì lợi ích của mình. Quý vị nghĩ xem đây là tăng trưởng ngã chấp, cho nên Phật nói đây là ác. Phật dạy chúng ta phá ngã chấp, phá ngã chấp mới có thể thoát ly lục đạo. Niệm niệm đang tăng trưởng ngã chấp, đến khi nào mới có thể thoát ly luân hồi lục đạo? Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, mới biết mấy câu Đức Phật nói là chân lý. Đức Phật dạy, chúng ta phải thay đổi quan niệm và tâm lý, niệm niệm lợi ích chúng sanh, đây là thiện, đại thiện, chân thiện. Ở trước từng nói với chư vị, tất cả chúng sanh là chính mình. Ở trước nói với quý vị về pháp thân, thế nào gọi là pháp thân? Tất cả chúng sanh là pháp thân, tất cả chúng sanh là pháp tánh. Phật dạy chúng ta thay đổi cách nghĩ cách làm, nếu có thể vì tất cả chúng sanh, chính là vì pháp thân huệ mạng của mình, vậy là đúng.

Tất cả chúng sanh bao gồm mình trong đó, bản thân không thể bao gồm tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh là tổng thể, tổng thể hoàn mỹ, tổng thể hoàn mỹ là bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra của chính mình. Chư Phật Như Lai chứng được pháp thân thanh tịnh, pháp thân thanh tịnh là gì? Tận hư không biến pháp giới là chính mình, đó gọi là pháp thân thanh tịnh. Ai có nhận thức này? Ai khẳng định tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới là chính mình? Người có thể khẳng định sự thật này, chúng ta gọi họ là Phật, gọi họ là Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. Không chịu thừa nhận, không biết sự thật này, là phạm phước. Tiêu chuẩn thiện ác của Phật kiến lập từ chỗ này. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác không vì mình, tức là “chư ác mạc tác”. Khởi tâm động niệm đều vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, là “chúng thiện phụng hành”.

Điều khoản trong giới luật, có một số không thể thay đổi, có một số là tùy thời tùy chỗ mà phải thay đổi. Không thể thay đổi, gọi là căn bản giới. Vì sao vậy? Nó siêu việt thời gian không gian. Căn bản giới của Phật pháp có năm điều, chúng ta gọi là ngũ giới, không sát sanh, không trộm cắp. Đối với

Phật tử tại gia nói không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Siêu việt thời gian và không gian. 3000 năm trước, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, năm giới này rất thích hợp. 3000 năm sau của ngày hôm nay vẫn thích ứng, không hề có sự thay đổi, cho nên đây gọi là căn bản giới. Ngoài giới căn bản ra, đều tùy theo ý thức hình thái, phương thức sinh hoạt khác nhau của thời gian và không gian, cần phải sửa đổi. Đây chính là nói đến bản địa hóa và hiện đại hóa của Phật giáo.

Ngày xưa, giới luật từ Ấn độ truyền sang Trung, vào thời nhà Đường đã làm một cuộc sửa đổi rất nổi bật, y theo nguyên tắc của hiện đại hóa bản địa hóa. Chư vị đều biết Bách Trượng Thanh Quy, Bách Trượng Thanh Quy chính là giới luật Đường triều hóa, thích hợp cho người thời nhà Đường tuân thủ, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chế định Bách Trượng Thanh Quy, cách chúng ta hiện nay đã 1300 năm. Trong 1300 năm này, tư tưởng của chúng ta, phương thức sống của chúng ta có sự thay đổi rất lớn, làm sao thích ứng với cuộc sống của người hiện đại. Chúng ta phải hiểu, người bây giờ nên làm sao để thực hành được nguyên tắc “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý”. Lúc đó họ dùng phương thức gì để đạt được mục đích này, ngày nay chúng ta lại dùng phương thức gì để đạt được mục đích này, chúng ta cần dùng trí tuệ để suy nghĩ điều này, tuyệt đối không thể nói khi đã hình thành thì không thay đổi. Khi đã hình thành thì không thay đổi, hay nói cách khác, bảo người bây giờ làm người thời nhà Đường, đây là điều không thể. Đặc biệt hiện nay hoằng pháp tại nước ngoài, muốn người nước ngoài làm người Trung quốc, làm người xưa, tuyệt đối không thể được.

Ngày nay Phật pháp không thể phổ cập, không thể lợi ích quảng đại chúng sanh, chúng ta không hiểu đạo lý này. Chúng ta hồi tưởng lại, 2000 năm trước Phật pháp truyền từ Ấn độ đến Trung quốc. Chư vị cao tăng đại đức Ấn độ hiểu được, ở Ấn độ người xuất gia ba y một bát, duy trì cuộc sống khát thực. Sau khi đến Trung quốc tiếp nhận sự cúng dường, không còn khát thực nữa, hòa hợp với cuộc sống người Trung quốc. Cũng mang y phục người Trung quốc, không mang y phục người Ấn độ. Cao tăng Ấn độ đến Trung quốc, cũng mang áo tràng của Trung quốc, đây chính là điểm sáng suốt của họ. Người Trung quốc nói, pháp sư Ấn độ bị chúng ta đồng hóa, sống cuộc sống của chúng ta, mặc y phục của chúng ta, sống trong cung điện phòng xá của chúng ta. Đây chính là tùy cơ ứng biến, thực hành trong bản địa hóa, hiện đại hóa, vì thế Phật pháp mới được người đương thời hoan nghênh nhiệt liệt như thế. Nếu chư vị cao tăng đại đức này, kiên trì giữ phương thức sống của Ấn độ, xây dựng đạo tràng theo kiến trúc Ấn độ, vẫn sống theo cách sống của Ấn độ, người Trung quốc sẽ không tiếp nhận, như vậy Phật pháp không thể hoằng dương tại Trung quốc.

Nên nhớ trong kinh Đức Phật thường dạy, Phật không nói pháp nào nhất định. Nguyên lý nguyên tắc mà Đức Phật nói, ngoài nguyên lý nguyên tắc ra, Phật không có định pháp, Phật pháp rất linh hoạt. Chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, đạo lý này là giới học. Nắm bắt được nguyên tắc nguyên lý của giới học, nhất định phải đạt được “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”, như vậy giới luật, giới học mới viên mãn. Chư ác mạc tác, chúng ta thường gọi là giới tiểu thừa, đối với chính mình. Chúng thiện phụng hành là giới Bồ Tát, đối với chúng sanh.

Khi tôi giảng kinh nói với chư vị, nói đến phước báo của Phật, phước tuệ nhị túc tôn. Chúng ta quy y Phật nhị túc tôn, phước tuệ nhị túc tôn. Phước báo chân thật là gì? Chính là “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”, như vậy phước báo mới viên mãn. Xưa nay chưa từng có một ác niệm đối với chúng sanh, không có một hành vi ác đối với chúng sanh, phước báo này rất lớn, phước báo thật sự, có thể quên mình vì người.

Chư Phật Bồ Tát thị hiện tại thế gian này, vì sao vậy? Là vị độ tất cả chúng sanh mà thị hiện, trong kinh chúng ta thường thấy, “chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng”. Nếu là người thông minh, nghe câu nói này, Phật Bồ Tát có thể, vì sao chúng ta không thể? Chúng ta phát tâm nguyện giống như Phật Bồ Tát, tôi sanh vào thế gian này là vì tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, mà sống tại thế gian này. Ta lập tức thay đổi, chuyển phàm thành thánh, chuyển phiền não thành bồ đề, phàm phu và Phật chỉ khác nhau trong một niệm. Nhất niệm của mình thay đổi, mình là người thừa nguyện tái sanh, thân hiện tại của chúng ta là thân thừa nguyện tái sanh. Trước đây chưa nghe Phật pháp không biết, ta đến thế gian thân này là thân nghiệp báo. Nhưng khi đã nghe Phật pháp, chúng ta có thể chuyển thân nghiệp báo thành nguyện thọ thân. Vì sao không chịu chuyển biến? Mỗi chúng ta đều niệm niệm mong cầu tiêu nghiệp chướng, trừ thiên tai. Nghiệp chướng, thiên tai từ đâu mà có? Do nghiệp lực biến hiện. Chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, nghiệp chướng tiêu trừ, nghiệp chướng không còn, thiên tai cũng không có.

Chuyển biến chỉ trong khoảng một niệm, ý niệm ta có thể chuyển chẳng? Nói cho chư vị biết, thật sự xoay chuyển, không những có phước báo, tuệ cũng hiện tiền, trí tuệ khai phát. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất rõ ràng: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”. Trí tuệ đức tướng trong tự tánh của mọi người đều viên mãn, trí tuệ Đức Tướng của Phật không nhiều hơn chúng ta một phần nào, trí tuệ đức tướng của chúng ta không ít hơn Phật một phần nào, pháp bình đẳng. Trí tuệ đức tướng của Phật hiện tiền, trí tuệ đức tướng của chúng ta hiện đang bị chôn vùi trong phiền não, tập khí phiền não che lấp trí tuệ đức tướng của chúng ta. Trong Phật pháp gọi là ngũ cái, năm loại này che lấp tánh đức của chúng ta. Chúng ta đoạn trừ sự che lấp này, trí tuệ đức tướng liền hiện tiền, đoạn trừ bằng cách

nào? Thay đổi quan niệm sẽ đoạn tận. Từ đây về sau, không còn nghĩ cho lợi ích riêng mình nữa, bản thân không có việc gì, buông bỏ tất cả, đối với bản thân không có gì. Sau khi buông bỏ, chúng ta phải nhắc lên, nhắc lên điều gì? Nhắc lên giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, chúng ta đối với tất cả chúng sanh chỉ có việc này.

Vô số phương tiện, vô số thủ đoạn, phương tiện thủ đoạn này là vô lượng vô biên, nhưng mục đích chỉ có một, phương hướng chỉ có một, giúp họ khai ngộ, giúp họ xa lìa si mê, họ cũng có thể lìa khổ được vui. Cho nên tam học, lục độ, tuy nói chín điều, nhưng chín điều này cùng một vấn đề. Triển khai tam học chính là lục độ, quy nạp lục độ chính là tam học. Làm sao thực hành nguyên tắc nguyên lý này vào trong cuộc sống hằng ngày. Đây là học vấn, đây là công phu, chúng ta cần phải tinh tấn nỗ lực tu học, Phật Bồ Tát là tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

Trong bộ kinh này, chúng ta học tập theo Bồ Tát Địa Tạng, học tập Bồ Tát Địa Tạng, bản thân chúng ta chính là Bồ Tát Địa Tạng. Phật pháp đại thừa, chư vị đồng học đều biết, một tức là nhiều, nhiều tức là một. Khế nhập một pháp môn, tất cả pháp môn đều thông đạt, như vậy mới gọi là pháp thân đại sĩ. Pháp thân là viên mãn, không có chướng ngại. Trong kinh thường nói: “mười phương tam thế Phật, cùng chung một pháp thân”. Pháp thân chính là tự tánh, vì sao cùng một pháp thân? Vì hư không pháp giới đều là tự tánh biến hiện ra, lìa tự tánh không có một pháp nào khả đắc. Chỉ cần ta minh tâm kiến tánh, tất cả pháp thế xuất thế gian đều thông đạt, nếu vẫn chưa thông đạt, nghĩa là ta chưa thấy được pháp thân. Ngày nay trong kinh điển đại thừa, chúng ta chỉ nghe nói mà thôi, không phải cảnh giới của mình, chúng ta nghe nói có điều này. Người thông minh sau khi nghe xong, liền nghĩ phương pháp thực hành, đây là người thông minh, nhà Phật gọi là hàng thượng thượng căn. Phương pháp thực hành chính là thay đổi quan niệm, thay đổi tư tưởng, thừa nhận tư tưởng quan niệm trong quá khứ của mình là sai lầm, chúng ta học tập theo Phật. Phật là người tiên tri tiên giác, là tấm gương sáng cho chúng ta.

Chư vị xem đến trang 12 hàng thứ hai, nói về cương lĩnh, “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”, đã nói ra. Đoạn chú giải này nói rất rõ ràng, chư vị tự xem là có thể hiểu. Trong này nói, Phật pháp như biển lớn, biển lớn là ví dụ, sâu rộng vô tận, bốn câu này bao quát tận cùng. Sau cùng “thị chư Phật giáo”. Đây không phải là một vị Phật, là tất cả Chư Phật khắp ba đời mười phương. Họ tu là ba câu này, họ giáo hóa chúng sanh vẫn là ba câu này. Nói cách khác, lìa ba câu này không phải lời Phật dạy. “Tự tịnh kỳ ý” là định, định tâm khởi tác dụng chính là tuệ, tuệ ở đâu? Tuệ ở trong định. Định ở đâu? Định ở trong tuệ. Định tuệ trong sự tương là giới học, làm sao biểu hiện định tuệ trên thân chúng ta, biểu hiện trong cuộc sống của chúng ta, đó gọi là giới học, cho nên tam học là nhất thể.

Trong đoạn văn này, ngài dẫn chứng “ngũ hành” trong Kinh Niết Bàn, năm loại hành vi cuộc sống, Bồ Tát biểu diễn rất nhiều, trong Kinh Niết Bàn quy nạp Bồ Tát hạnh thành năm loại. Trong trang 12 hàng thứ sáu, câu sau cùng: “Niết Bàn minh ngũ hành”.

“Thánh hành vị giới định tuệ, vi tự hành nhân”. Thứ nhất là căn bản, tuyệt đối không thể tách rời, lìa giới định tuệ là phạm phu, chứ không phải thánh nhân. Chúng ta không cần nói về phạm thánh, nói về phạm thánh mọi người không dễ hiểu. Chúng ta nói giác mê, chứ vị dễ hiểu. Lìa giới định tuệ là si mê, mê muội, không lìa giới định tuệ, người này đã giác ngộ, giác mới gọi là thánh.

Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, mọi lúc mọi nơi nhất định tương ứng với giới định tuệ. Trong định tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, ngày nay chúng ta gọi là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, đây là định tuệ. Từ bi là giới học. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác của mình, hiển lộ ra là đại từ đại bi. Đối với tất cả mọi người, đối với mọi sự, đối với mọi vật, đây gọi là đại từ đại bi, đây là “tự hành nhân”. Nghĩa là nói nhân của siêu phạm nhập thánh, nhân của chuyển phạm thành thánh. Sự chuyển biến lớn này của chúng ta, là chuyển từ đây.

Trong năm loại hành, điều này là căn bản, bốn loại sau là thị hiện.

Thứ hai là “phạm hạnh”. Phạm là tâm thanh tịnh, “vị từ bi hỷ xả, vị nhân trung hóa tha”. Đây đủ “từ bi hỷ xả”, xả là buông bỏ, buông bỏ triết để, buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, liền được tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Ta thật sự có thể yêu thương tất cả chúng sanh, yêu thương này là thanh tịnh, bình đẳng, không có phân biệt, không có chấp trước. Họ hành thiện tu thiện trong ba đường lành, quý vị thích họ. Còn như làm ác đọa lạc trong địa ngục, ngạ quỷ, ta vẫn thích họ, không hề có chút tâm phân biệt nào. Vì sao vậy? Vì cùng một pháp tánh, mười pháp giới chúng sanh cùng một pháp tánh. Pháp tánh thanh tịnh vô nhiễm, pháp tánh viên mãn đầy đủ, vì thế sanh Phật bình đẳng, pháp hỷ sanh ra từ đây. Một người học Phật, hiểu rõ đạo lý này, thực hành những đạo lý này trong cuộc sống hằng ngày, người này chính là Bồ Tát. Ý niệm họ đã thay đổi, hành vi của họ cũng thay đổi. Từ là ban vui, bi là bạt khổ, thấy tất cả chúng sanh đang chịu khổ nạn, họ có tâm lân mẫn. Niệm niệm hy vọng giúp họ lìa khổ được vui, dùng phương pháp gì để giúp? Dùng dạy học. Chư vị phải biết, chỉ có dạy học là phương pháp hay nhất. Tất cả Chư Phật đang giáo hóa chúng sanh, đây là một công tác giáo dục, Phật Bồ Tát là người làm công tác nghĩa vụ giáo dục trong tất cả thế gian. Chỉ tận nghĩa vụ, không hưởng thụ quyền lợi. Chúng sanh cung kính đối với Phật Bồ Tát, đó là xuất phát từ tâm cảm ân của họ. Phật Bồ Tát tuyệt đối không có một niệm, mong cầu chúng sanh cung kính cúng dường đối với họ, không có ý niệm này. Nếu vẫn còn ý niệm này, vậy ngài cũng là phạm nhân, ngài cũng đang si mê, không hề giác ngộ. Người giác ngộ tuyệt đối

không thể có một niệm, họ vĩnh viễn duy trì trong trạng thái vô niệm. Vô niệm mới là chánh niệm, vô niệm mới là chánh giác, có niệm chính là si mê.

Loại thứ hai gọi là phạm hạnh, từ chỗ này chúng ta nhớ lại, Phật pháp thường nói: cửa Phật là “từ bi vi bản, phương tiện vi môn”, nói ra ý nghĩa sâu sắc của hai câu này. Từ bi là lòng yêu thương vô điều kiện sâu sắc không có biên giới, tâm yêu thương này bao gồm hư không pháp giới. Đây là lòng yêu thương lớn, chúng ta phải cố gắng bồi dưỡng, phải có tâm lượng. Hiện nay gọi là siêu việt tất cả chủng tộc, siêu việt tất cả Tôn giáo. Bao gồm vô lượng vô biên chủng tộc, hiện nay gọi là các nền văn hóa đa nguyên khác nhau, nó là một tổng thể. Nhà Phật thường nói: “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, hai câu này không phải khoa trương, hai câu này là tự tánh chúng ta, là chân tâm chúng ta vốn như vậy. Tâm tánh của tất cả chúng sanh cũng như vậy, đây gọi là chân tướng sự thật. Trong Kinh Bát Nhã gọi là “thật tướng các pháp”, thực tướng vốn là như vậy.

Thứ ba là “thiên hạnh”, thiên hạnh, thiên là thiên lý, phép tắc tự nhiên, lý thiên nhiên. Ngày nay chúng ta thường gọi là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đây là điều mà người thế gian thường khen ngợi. Rốt cuộc thiên lý là gì? Hai chữ thiên lý này phải nói như thế nào? Lý thiên nhiên, phép tắc thiên nhiên, nghĩa là xã hội chúng ta hiện nay thường gọi là “sinh thái tự nhiên”. Sinh thái tự nhiên chính là thiên lý, không được trái với sinh thái tự nhiên. Người bây giờ tự cho mình thông minh, đi ngược với sinh thái tự nhiên, cho nên làm ô nhiễm địa cầu. Hiện nay trên địa cầu gọi là sinh thái đánh mất sự cân đối, như vậy sẽ đem đến cho chúng ta rất nhiều thiên tai tự nhiên. Thiên tai tự nhiên làm mất thăng bằng của sinh thái. Nói cách khác, cuộc sống của chúng ta xử sự đối nhân tiếp vật, phải giữ cho được tương ứng với sinh thái tự nhiên. Giáo dục truyền thống ngày xưa, tông chỉ mục tiêu dạy tất cả chúng sanh, không giống với giáo dục hiện nay. Tôn chỉ giáo dục ngày xưa nhằm vào ba việc lớn, thứ nhất dạy cho chúng ta về mối quan hệ giữa người và người, đều nói đến sinh thái tự nhiên, phép tắc tự nhiên. Đây không phải lý niệm của thánh nhân, chủ trương của họ muốn chúng ta tuân thủ, vậy là sai. Thực tế mà nói, thánh hiền nhân không có chủ trương riêng, nói cho chư vị biết, không có lý niệm riêng. Những gì họ nói là phép tắc tự nhiên, thuận theo tự nhiên, không hề có chút ý riêng. Phật không có, vì thế Phật nói: “Phật không có pháp nào để nói”, đây là thật. Khổng phu tử cũng không có, Khổng phu tử suốt đời dạy học “thuật nhi bất tác”, ông không có sáng tác, không có sáng ý. Phật cũng không có sáng tác, cũng không có sáng ý, những gì nói ra đều là chân tướng sự thật, bày ra trước mắt, mọi người đều kiến, mọi người đều nghe, nhưng những gì ta thấy ta nghe, ta không nhận ra, chúng ta thấy sai, nghe sai. Đức Phật nhận ra, Phật nghe ra, rồi nói lại cho chúng ta mà thôi, đây là thuộc về thiên hạnh.

Nho giáo, Phật giáo đều nói: “phụ từ tử hiếu”, phụ từ tử hiếu người xưa gọi là thiên tánh, đây thuộc về thiên hạnh. Cho nên dạy chúng ta, vợ chồng,

cha con, anh em, bạn bè, vua tôi, nói với chúng ta ngũ luân thập nghĩa. Ngũ luân thập nghĩa là thiên hành, là phép tắc tự nhiên, tức ngày nay chúng ta gọi là sinh thái tự nhiên. Không phải là phát minh của người nào, không phải chủ trương của ai. Nếu cho rằng đây là chủ trương của Khổng phu tử, lý niệm của Khổng phu tử, vậy là hoàn toàn hiểu sai về Khổng phu tử, căn bản không biết gì về Khổng phu tử.

Đức Phật dạy chúng ta, tịnh nghiệp tam phước mọi người đều quen thuộc: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”, đây là bản tánh của con người. Vương Dương Minh nói: “lương tri lương năng”, con người đều có lương tâm. Tôi nhớ Vương Dương Minh còn có một câu chuyện, một hôm Vương Dương Minh đi ra ngoài gặp một nhóm thổ phỉ, thổ phỉ cướp đoạt. Sau đó nhóm thổ phỉ này biết ông là Vương Dương Minh, mọi người rất tôn trọng ông. Liên hỏi, Vương tiên sinh à, ông nói con người có lương tri lương năng, người làm thổ phỉ như chúng tôi không có lương tâm, ông có thể chứng minh chúng tôi cũng có lương tâm chăng? Chúng tôi sẽ để ông đi. Vương Dương Minh nói, chỉ cần quý vị nghe lời tôi. Được, nghe theo ông. Vương Dương Minh đứng trước đại chúng: “Quý vị cởi áo quần ra”, cởi ra, ở trong còn áo lót, “cởi luôn”, lại cởi nữa, cởi hết. “Cởi quần ra”, sau cùng cởi còn một chiếc, giờ không thể cởi, “đây chính là lương tri lương năng”. Nhóm thổ phỉ nghe vậy, không sai, liền thả ông đi. Đến cuối cùng, khi quý vị cảm thấy mình không thể, không phải lương tri lương năng đã xuất hiện rồi ư? Hiện nay không được, hiện nay mà bảo cởi là họ cởi thật, hết cách. Bởi thế lương tri lương năng chính là thiên tánh, họ vẫn có lòng hổ thẹn, đây gọi là thiên hành, đây gọi là thiên lý. Ở đây nếu chúng ta nói: “sơ địa dĩ thượng, chúng đệ nhất nghĩa thiên”. Nói điều này mọi người không hiểu, càng nói càng phức tạp, không dễ hiểu. Câu bốn chữ bên dưới, chúng ta dùng: “Do lý thành hành, cố danh thiên hành”, nắm bắt câu này, từ câu này chúng ta lãnh hội một cách sâu sắc.

Ngũ luân thập nghĩa, trong Phật pháp gọi là tam phước, ba loại tịnh nghiệp, đây là sinh thái tự nhiên, gọi là hợp lý. Đây là điều đầu tiên trong tông chỉ dạy học của cổ đức, vấn đề đầu tiên.

Điều thứ hai dạy chúng ta về mối quan hệ của con người với đại tự nhiên. Hiện nay chính phủ các nơi trên thế giới, đều đề xướng giữ gìn hoàn cảnh tự nhiên, hiện nay gọi là “hoàn bảo”. Danh từ hoàn bảo này những năm gần đây mới nói, trước đó chưa hề nghe. Mọi người coi trọng hoàn bảo, cho nên rất nhiều chính phủ địa phương, đều có những đơn vị chuyên môn làm công việc về môi trường. Như huyện thị có cục môi trường, chuyên môn làm công việc này. Chúng ta phải yêu thương bảo vệ môi trường sống của mình, núi sông cây cỏ hoa lá có liên quan rất mật thiết với cuộc sống của chúng ta. Ta phải biết làm sao chăm sóc nó, yêu thương bảo vệ nó, nó cũng hồi báo chúng ta. Đừng tưởng rằng thực vật, khoáng vật này vô tri, vậy là sai, sai lầm hoàn toàn.

Ngạn ngữ xưa có câu: “Địa linh nhân kiệt”, quý vị thử nghĩ ý nghĩa câu này, hào kiệt trong con người, môi trường họ sinh trưởng, đó là địa linh, địa linh mới thai nghén ra anh hùng hào kiệt. Đất đó linh như thế nào? Vì sao đất khác không linh, mà đất của họ linh? Đây không phải trong Phật pháp nói ư? “Y báo chuyên theo chánh báo”. Quý vị xem nhân vật nổi tiếng Thác Vũ, tổ tiên tu thiện tích đức biết bao nhiêu đời. Con người tu thiện tích đức sẽ cảm động núi sông đất đai, người xưa gọi là phong thủy, phong thủy tốt. Phong thủy tốt từ đâu đến? Do con người tu thiện tích đức. Nếu con người tạo ác đa đoan, phong thủy sẽ bị phá hoại, điều này chứng tỏ con người và đại tự nhiên có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Chúng ta làm sao có thể cân bằng sinh thái tự nhiên, sinh thái tự nhiên có thể tốt đẹp? Phải tu thiện tích đức. Nói cách khác, đoạn ác tu thiện, hoàn cảnh tự nhiên ở đây dần dần chuyển biến. Lời Đức Phật nói không sai, chúng ta quan sát tường tận, tư duy lãnh hội tường tận, ngài nói rất có đạo lý.

Dạy học trong thời cổ đại, từ nhỏ dạy các em yêu thương động vật, yêu thương bảo vệ cây cỏ hoa lá. Dùng yêu thương đối với hoàn cảnh tự nhiên, hoàn cảnh tự nhiên mới tốt đẹp. Đây là điều thứ hai trong giáo dục.

Điều thứ ba là nói về mối quan hệ giữa người và trời đất quỷ thần. Hiện nay rất nhiều người bảo đây là mê tín. Không mê tín đâu, ngoài cõi người ra, quả thật có cõi trời. Hiện nay có rất nhiều Tôn giáo phương tây, tin có trời, có cõi trời, có thiên thần, có quỷ thần. Ngoài con người ra, chúng ta phân hữu tình chúng sanh thành hai loại lớn, thiên thần và quỷ thần, giống như chúng ta làm ngoại giao vậy, chúng ta phải có mối quan hệ tốt với họ. Ta tôn kính họ, họ yêu thương chúng ta, vậy là quan hệ hòa thuận. Nếu mối quan hệ này không tốt, phiền phức rất lớn. Các vị đế vương thời cổ đại, mỗi năm phải tế tự sông núi quỷ thần, tuyệt đối đừng cho rằng như vậy là mê tín. Sai lầm, không hề mê tín, vì sao vậy? Vì quỷ thần và chúng ta cùng ở nơi khu vực này, gọi là người quỷ sống chung, chúng ta cùng ở một nơi, cùng ở trên một mảnh đất. Do chúng ta sống khác tầng không gian, ngày nay chúng ta sống trong không gian ba chiều, không gian bốn chiều, có thể họ sống trong không gian năm chiều, không gian sáu chiều. Vì thế chúng ta không nhìn thấy họ, họ không thấy chúng ta. Có lúc chúng ta đột phá không gian thời gian cũng có thể nhìn thấy. Khi nào đột phá không gian thời gian? Khi không có vọng niệm. Chư vị phải biết rằng, tầng không gian tạo thành như thế nào? Do vọng tưởng phân biệt chấp trước. Đôi lúc xả bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, đột nhiên nhìn thấy quỷ thần, chính là như vậy. Khi ý niệm khởi lên lại phức tạp, cảnh giới này lập tức không còn nữa. Cho nên chư vị ở Trung quốc, gặp rất nhiều người có công năng đặc dị, không những Trung quốc có, ngoại quốc cũng có. Họ nói họ nhìn thấy quỷ thần. Khi hỏi họ, tâm họ thanh tịnh, nếu tâm loạn, tâm loạn không nhìn thấy. Năng lực này có khi có, có khi mất đi. Vì sao mất đi? Trong tâm loạn liền mất đi.

Trong kinh Phật chúng ta thấy, Kinh Địa Tạng có nói, A la hán muốn giúp một chúng sanh, tìm cha mẹ thân thuộc đã chết của họ, tìm xem rốt cuộc họ ở đường nào? Ngài phải nhập định, vì sao nhập định? Vì trong định đột phá cảnh giới, đạo lý là như vậy. Trong định không có chướng ngại, cũng chính là đột phá tầng không gian thời gian. Họ có thể đột phá tầng không gian ba chiều, không gian bốn chiều, cho nên có thể nhìn thấy đường ngoa quý, nhìn thấy đường địa ngục, thấy được cõi trời. Tùy theo định lực sâu cạn mà họ đột phá được bao nhiêu tầng, người định công cạn đột phá một hai giới hạn, người sâu đột phá càng nhiều giới hạn, đạo lý là như vậy.

Trong kinh chúng ta thấy Thế Tôn, tận hư không biến pháp giới ngài đều có thể biết, đó chính là tất cả tầng không gian thời gian, ngài đều đột phá. Đột phá toàn bộ gọi là nhất chân pháp giới, ngài không có chướng ngại, tâm ngài thanh tịnh đến tận cùng, đạo lý là như vậy. Cho nên chúng ta phải xử lý tốt mối quan hệ giữa người và trời đất quỷ thần, mọi người đều có thể đạt đến hòa bình an lạc. Ta tôn kính thiên địa quỷ thần, thiên địa quỷ thần cũng thương yêu chúng sanh, chúng ta cùng tồn cùng vinh, chung sống hòa thuận. Đây là trọng điểm tôn chỉ của giáo dục ngày xưa, đáng tiếc là người bây giờ không chú trọng.

Tôi thấy những tài liệu đọc kinh của lớp nhi đồng, tôi xem qua, hiện nay không những nhi đồng phải đọc, người già cũng phải đọc. Người già nếu đọc trong cổ tịch họ không hiểu, họ không thể đọc, những tài liệu của nhi đồng, người già cũng có thể đọc. Hiện nay phải nỗ lực phổ cập dạy học này, không chỉ dạy nhi đồng, phải dạy lớp thanh niên, phải dạy lớp thành niên, phải dạy người già, mọi người cùng nhau học tập. Đặt nền tảng từ đây, dần dần nâng cao lên, dần dần khôi phục, thế giới này vẫn có tiền đồ, tiền đồ vẫn sáng suốt. Nếu muốn phổ cập Phật pháp, muốn phát triển rực rỡ, đây là nền tảng tốt đẹp.

Cho nên thiên hành, thuận theo sinh thái tự nhiên, thuận theo đạo lý này.

Thứ tư anh nhi hành. Thứ năm bệnh hành. Hai loại này là Bồ Tát phương tiện thiện xảo thị hiện. “Anh nhi” là du hý nhân gian, có thể gheo người làm vui, không câu nệ hình thức, thiện xảo phương tiện.

Bên dưới chú giải: “Thị đồng tam thừa thất phương tiện, sở tu chi hành”. Đây chính là trong kinh điển đại thừa thường nói, đáng dùng thân gì để độ thoát liền thị hiện thân đó. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp, không có hình thức nhất định, đây gọi là “anh nhi hành”. Thông thường chúng ta gọi là mở rộng cánh cửa phương tiện, anh nhi hành là thuận hành.

“Bệnh hành” là gì? Là nghịch hành. Nghịch hành là dùng phương pháp khác thường để dạy, để giáo hóa. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm chúng ta thấy, Bà la môn Thắng Nhiệt biểu hiện sự ngu si, tham sân si, Cam Lộ Hỏa Vương thị hiện sân nhuế. Tham sân si cũng có thể độ chúng sanh, vận dụng trí tuệ cao độ, ngày nay chúng ta gọi là mặt chính, mặt phụ. Mặt chính mặt phụ, nếu

ta vận dụng trí tuệ khéo léo, mặt chính mặt phụ đều có thể lợi ích chúng sanh. Trong này đều có Bồ Tát. Trong sòng bạc có bạc vương Bồ Tát, quý vị có hiểu chăng? Mỗi lần đánh bạc họ đều thắng, người ta đến thỉnh giáo họ, vì sao ông thắng tiền? Vì bố thí, niệm Phật A Di Đà, bạc vương Bồ Tát mà, quả thật là như vậy. Thuận hay nghịch đều là Bồ Tát đạo. Thế mới biết Phật Bồ Tát thần thông rộng lớn, đạo lý là đây. Tâm họ rất thanh tịnh, tuyệt đối tương ứng với thánh hạnh, tâm họ từ bi, giúp người quay đầu, giúp người giác ngộ. Gọi là ‘không vào huyết hồ, sao bắt được hồ’? Phương pháp đó thật cao minh, không phải hàng phàm phu chúng ta có thể làm được. Ai làm được điều này? Pháp thân đại sĩ, họ ở trong mọi cảnh giới không động tâm, có thể làm như vậy. Chúng ta ở trong cảnh giới này vẫn khởi tâm động niệm, nên không được, nếu ta làm như vậy, chẳng những không thể độ chúng sanh, còn bị chúng sanh độ lại. Đặc biệt là “bệnh hành”, bệnh hành toàn là tật xấu, giống như chúng sanh vậy. Họ là Bồ Tát hóa thân, tuyệt đối không phải phàm phu.

Trong Kinh Niết Bàn Đức Phật dạy chúng ta, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, thị hiện trong ba đường ác, họ thị hiện vô số không ngoài năm loại lớn này. Năm loại lớn này, chư vị nên biết, một chính là năm, năm chính là một. Bất cứ trong một hạnh nào, nhất định bao hàm bốn hạnh khác, đây gọi là Bồ Tát hạnh. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, một tức là nhiều, nhiều tức là một, một nhiều không hai, đạo lý này quán thông tất cả pháp, cho nên mới gọi là Bồ Tát hạnh.

Năm hạnh này, chúng ta có một, không đầy đủ bốn loại khác, cho nên đó là phàm phu hạnh, đó là tạo nghiệp. Cho dù là thánh nhân tiểu quả, thánh hạnh A la hán, Bích Chi Phật, không đầy đủ bốn hạnh khác, Phật trách mắng họ là “tiêu nha bại chủng”, Phật không tán thán họ. Vì sao vậy? Vì không thể lợi ích chúng sanh, chỉ có thể tự lợi, không thể lợi tha. Có tốt chăng? Không thể nói họ không tốt, cũng không thể nói tốt. Nói họ tốt, họ giữ mình thanh khiết. Nói họ không tốt, họ không thể kiến tánh. Nghĩa là nói, họ rất may mắn thoát ly lục đạo, nhưng không thể ra khỏi mười pháp giới. Họ không thể kiến tánh, họ không thể nhập nhất chân pháp giới, đây là sai lầm của họ.

Trong hàng phàm phu chúng ta, có người rất có trí tuệ, người rất có tài, cũng có thể hành thiên hạnh, anh nhi hạnh, bệnh hạnh. Trong lịch sử chúng ta có thể thấy, nhưng họ không đầy đủ thánh hạnh và phàm hạnh, họ chỉ có thể được phước báo nhân thiên, không thể vượt thoát lục đạo. Vì thế chúng ta biết, Phật Bồ Tát thị hiện đầy đủ tất cả năm hạnh này, không thiếu loại nào. Trong anh nhi hạnh có thánh hạnh, có phàm hạnh, vì sao vậy? Mặc dù họ biểu hiện là anh nhi hạnh, bệnh hạnh, thuận cảnh, nghịch cảnh, họ tương ứng với giới định tuệ, họ tương ứng với phép tắc tự nhiên. Trong Phật pháp nói, họ tương ứng với tánh đức của tự tánh, cho nên họ thị hiện anh nhi hạnh, bệnh hạnh đều là Bồ Tát hạnh, không phải phàm phu hạnh. Phàm phu chúng

ta thấy họ là phàm phu, thật ra họ là Bồ Tát. Chúng ta đọc kinh Phật, cần phải hiểu rõ thâm nghĩa này.

Sau cùng ở đây có ba câu, quý vị xem trang 12 hàng sau cùng, ba câu này ở giữa: “Giải thị hành bốn, hành năng thành trí, cố hành mãn nhi trí viên”. Ba câu này rất quan trọng, “giải thị hành bốn”. Khi Đức Thế Tôn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Đức Phật nói rất hay, căn tánh của chúng sanh trong thế gian này, tuyệt đại đa số là nhĩ căn sắc bén nhất, gọi là: “thử phương chân giáo thế, thanh tịnh tại âm văn”. Thánh nhân thế xuất thế gian giáo hóa chúng sanh, đều lấy âm thanh làm Phật sự, làm phương pháp hàng đầu. Dạy học, nghiên cứu thảo luận, chúng ta phải lãnh hội sâu sắc đạo lý này. Sau khi thấu triệt, phải kiên trì đạo lý này, phải vận dụng khéo léo đạo lý này. Đại đa số không thể tiếp thu cũng không sao, một người tiếp thu cũng được.

Trong Phật giáo Trung quốc, ngày xưa tương truyền có rất nhiều người là đơn truyền. Thiên tông tổ sư Đạt Ma truyền cho một mình Huệ Khả, Huệ Khả truyền tiếp, truyền đến đời thứ năm là thiên sư Hoàng Nhẫn, đều là đơn truyền, đến đại sư Huệ Năng mới truyền được 43 người. Được một người có thể tiếp thu, có thể nỗ lực học tập, pháp mạch không bị gián đoạn. Huống gì ngày nay chúng ta có thể lợi dụng khoa học kỹ thuật, mặc dù trước mắt tìm không ra một truyền nhân, chúng ta có thể lưu truyền băng đĩa ghi âm, về sau nhất định gặp được truyền nhân. Có thể truyền nhân này không cùng thời đại với chúng ta, hoặc cùng thời đại nhưng không cùng khu vực, chúng ta chưa từng gặp. Họ nghe được, họ giác ngộ, có thể thực hành.

Hiện nay phương thức truyền thừa, phương tiện hơn ngày xưa nhiều. Ngày xưa thật sự phải đối diện, không đối diện không truyền được. Không đối diện có thể truyền thừa, thực tế mà nói đều không phải người bình thường, nhà Phật gọi là thượng căn lợi trí, người thiện căn phước đức sâu dày. Như Mạnh tử, Mạnh tử làm truyền nhân của Khổng tử, Mạnh tử và Khổng tử chưa gặp mặt. Khổng tử đã qua đời, đọc sách của Khổng tử, học tập Khổng tử, ông học rất giống, học thành công. Trong lịch sử Trung quốc, hậu nhân tôn xưng Khổng tử là “chí thánh tiên sư”, xưng Mạnh tử là “á thánh”, chỉ sau Khổng tử. Ở Trung quốc làm đệ tử tư thực, nghĩa là muốn học với cổ nhân, học với họ nhưng người này không tại thế, Mạnh tử là người đầu tiên, khởi đầu, học tập với người quá khứ. Trong nhà Phật, trong hàng đệ tử tư thực, thành tựu nổi tiếng nhất là đại sư Ngẫu Ích. Đại sư Ngẫu Ích học đại sư Liên Trì, lúc đó đại sư Liên Trì đã vãng sanh, nhưng trước tác của ngài vẫn còn. Hiện nay chúng ta thấy Liên Trì Đại Sư Toàn Tập, bản bốn cuốn bìa cứng dày như vậy. Đại sư Ngẫu Ích chuyên môn học đại sư Liên Trì, coi đại sư Liên Trì là thầy, nỗ lực học tập từ trước tác của ngài, làm học trò của đại sư Liên Trì. Ngài học rất giống, học rất thành công. Đây là nói thời đại này, khu vực này, không tìm thấy chân thiện tri thức, thì tìm cổ nhân.

Tôi thường khuyên mọi người, nếu chúng ta học tập theo Kinh Vô Lượng Thọ, ta trực tiếp làm học sinh của Phật A Di Đà, làm đệ tử tư thực của Phật A Di Đà. Từng câu từng chữ trong Kinh Vô Lượng Thọ nói, nếu có thể lý giải, thật sự thấu triệt, thực hành trong cuộc sống, thật sự làm được, ta chính là đệ tử Phật A Di Đà. Dù Phật A Di Đà có ở thế gian, chúng ta cũng nói là đệ tử tư thực của Phật A Di Đà, Phật A Di Đà sẽ thừa nhận. Trong kinh Phật dạy chúng ta, chúng ta đều nỗ lực thực hành. Phật dạy chúng ta không được làm, chúng ta tuyệt đối không làm. Quyết định làm, quyết định không làm rất linh hoạt. “Giải là gốc của hành”, ta phải lý giải triệt để. Phật dạy chúng ta phải làm, đôi khi có thể không làm, đó là trí tuệ. Ta cần phải xem người, xem việc, xem sự biến hóa của nhân duyên thời tiết, rất linh hoạt. Phật nói không được làm, đôi khi có khai duyên có thể làm. Nói ta làm ta không làm, nói ta không làm ta làm, tất cả đều vì lợi ích chúng sanh, không phải vì mình. Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp chúng sanh kế nhập Phật pháp. Trong kinh Phật nói là một nguyên tắc, nhưng thật sự thực hành có thể biến thông. Giới luật, mỗi giới luật có khai, giá, trì, phạm, mỗi giới đều có khai duyên, không phải cứng nhắc, ta cần phải hiểu đạo lý này. Phải thật linh hoạt, khi nào cần khai, khi nào không được khai. Nguyên tắc này ở đâu? Vì bản thân không được khai, vì chúng sanh có thể khai.

Chúng ta đưa ra một trường hợp, như trộm cắp, vì lợi ích chính mình, tuyệt đối không được trộm cắp, vì lợi ích chúng sanh có thể trộm. Ví dụ như pháp bảo, người ta quý trọng không chịu đưa ra, nhưng nó có thể lợi ích tất cả chúng sanh, thì như thế nào? Trộm, sau khi trộm được, đem nó lưu thông, tất cả chúng sanh trên toàn thế giới được lợi ích, đây là khai duyên. Không thể nói họ không đưa ra, thôi vậy, chúng ta tuyệt đối không thể trộm cắp. Quý vị không sai, giữ được không trộm cắp, nhưng tất cả chúng sanh không được lợi ích. Ai làm việc này? Pháp sư Bát Lạt Mật Đế. Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm được xưng là quốc bảo, ngài trộm nó lưu truyền, không phải ngài đã phạm tội trộm cắp ư? Ngài trộm nó truyền đến Trung quốc, rất nhiều người Trung quốc được lợi ích. Mỗi một giới điều đều có khai duyên, nếu Bát Lạt Mật Đế không trộm, người Trung quốc làm sao có được Kinh Lăng Nghiêm, có thể Kinh Lăng Nghiêm bị thất truyền. Quý vị thử nghĩ xem hành vi trộm cắp của ngài công đức lớn biết bao, ngài không có tội. Đây là đưa ra một ví dụ, vì lợi ích chúng sanh, không phải vì lợi ích riêng mình.

Trong đời này chúng tôi cũng phạm tội trộm cắp, trộm gì? Trộm bản quyền của người. Đại Chánh Tạng của Nhật bản, lúc đó Trung quốc và Nhật bản chưa cắt đứt quan hệ, chúng ta không lui tới với họ. Đồng tu ở Đài Loan bỏ ra 70 vạn, hình như khoảng 70 vạn tiền Nhật, mua bộ Đại Chánh Tạng của Nhật Bản đem về Đài Loan, ở Đài Loan chúng ta cũng in một số lượng lớn, người Nhật Bản cũng không làm gì được. Hiện nay không được, hiện nay đã hợp đồng với người ta, cho nên không thể in tiếp. Nhưng chúng tôi đã in mấy

bản, ở Đài Loan tổng cộng in khoảng mấy ngàn bộ, đây cũng là ăn trộm bản quyền của người. Nếu vì lợi ích cho riêng mình, họ phạm giới trộm cắp. Nếu vì lợi ích chúng sanh, đây là công đức, không phạm tội. Chúng tôi từng làm một lần. Mấy năm trước chúng tôi in Đại Tạng Kinh, tặng cho trong và nước ngoài. Chúng tôi không phải in để kiếm tiền, mà để tặng, không phải mua bán, dùng bản sửa Đại Tạng Kinh. Nếu chúng ta mua bán kiếm tiền, vậy là phạm tội trộm cắp, là sai lầm. Chúng ta in ấn để bố thí, tặng cho người khác, đây là việc tốt. Đây là đưa ra một ví dụ. Mọi người học Phật phải có trí tuệ, thông quyền đạt biến, tâm lượng phải lớn, mỗi niệm đều nghĩ đến lợi ích cho tất cả chúng sanh, đừng vì riêng mình.

Chúng tôi thấy có rất nhiều người, giải thích kinh Phật rất dụng tâm, phân đoạn tầng lớp mạch lạc, chấm phẩy rõ ràng, khiến người đọc tụng rất dễ chịu, rất dễ lý giải, rất dễ hiểu. Tôi lật sau trang bản quyền, “bản quyền có sở hữu, ấn tống bị truy cứu”, vậy là hết. Người này suốt đời làm được chút việc tốt, là phước báo hữu lậu trong lục đạo. Đây là lời Phật dạy, lời của Phật lại để vào “bản quyền có sở hữu, ấn tống bị truy cứu”, đây là ăn trộm pháp của Phật làm lợi ích riêng, tội này rất nặng, vào hưởng phước trong ba đường ác. Họ đã làm việc tốt, nhưng họ hưởng phước trong ba đường ác, họ không đạt được hai đường trời người, có thể biến thành súc sanh, để người ta làm vật cung nuôi dưỡng, phước báo này rất lớn. Chúng ta thấy nhiều người nuôi thú cưng, đại khái là người như vậy. Cho nên mặc dù là tác phẩm của chính mình, cũng không được in vào “bản quyền có sở hữu, in ấn bị truy cứu”. Mấy chữ này chính là bằng chứng thép phán tội của vua Diêm La trong tương lai, có tránh cũng không tránh được, quý vị nói đáng sợ biết bao. Vua Diêm La nói, đây là hành vi trộm cắp Phật pháp, Phật là muốn lợi ích tất cả chúng sanh, lưu truyền mười phương ba đời, sao người có thể trộm cắp Phật pháp? Trộm cắp Phật pháp làm của riêng mình, bất luận ta trộm cắp của Phật, hoặc của chư vị tổ sư đại đức, quả báo đều ở địa ngục a tỳ. Quý vị chướng ngại cơ duyên nghe pháp của tất cả chúng sanh, đoạn pháp thân tuệ mạng của tất cả chúng sanh, tội này nặng hơn bất kỳ điều gì. Người thế gian ngu muội, si mê, không thấu triệt chân tướng sự thật, cố ý vô ý tạo ra tội nghiệp lớn lao như vậy, thật đáng tiếc. Ý niệm họ vừa chuyển, phước báo vô lượng vô biên. Nếu in lên mấy chữ này, trở thành vô lượng vô biên tội nghiệp. Chúng ta phải thấu triệt đạo lý này, phải hiểu rõ chân tướng sự thật, đều là tâm lượng quá nhỏ, đều là vì lợi ích cho riêng mình, phạm phải lỗi lầm này. Quý vị nói họ không hiểu Phật pháp, kinh họ đọc rất nhiều. Quý vị nói họ hiểu Phật pháp, ý niệm tự tư tự lợi kiên cố hơn bất kỳ ai. Người như vậy rất nhiều. Nguyên nhân gì? Vì tập khí phiền não từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng, tuy học được chút ít Phật pháp, cũng không hơn tập khí phiền não, cho nên tập khí phiền não không thay đổi được.

Đoạn văn này, chúng ta dùng “giải thị hành bổn, hành năng thành trí, cố hành mãn nhi trí viên”, để kết thúc đoạn văn này. Chúng ta phải coi trọng việc dạy học, phải coi trọng việc lý giải thấu triệt kinh luận, sau đó hành của chúng ta chính là trí tuệ. Trí tuệ bát nhã trong tự tánh, biểu hiện nơi hành vi trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, trí tuệ chân thật từ trong tự tánh hiển lộ ra biểu hiện nơi hành vi, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là sự lý vô ngại, sự sự vô ngại, đó là Bồ Tát hạnh thật sự.

Thôi, hôm nay hết giờ rồi, chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 11**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 12****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, luận quán trang thứ mười ba, hàng thứ năm từ dưới đếm lên. “Đệ tứ, luận bất tư nghi, phương tiện dụng giả”. Bắt đầu xem từ đây, đây là đoạn thứ tư của huyền nghĩa: “Luận dụng”, chúng ta đọc sơ qua đoạn văn này. “Chuẩn kinh”, chuẩn kinh nghĩa là căn cứ kinh điển bộ kinh này.

“Phật nói với Địa Tạng Bồ Tát rằng, ta ở trong đời ác ngũ trược, giáo hóa chúng sanh càng cường, khiến tâm điều phục, phân thân trăm ngàn ức, rộng thiết phương tiện”. Đây là kinh văn của Kinh Địa Tạng, chú trọng hai chữ “phương tiện”, vì ngài nói: “phương tiện bất tư nghi làm dụng”, tác dụng của kinh này.

Bên dưới trích dẫn toàn là kinh văn của kinh này: “Lại nói với tứ thiên vương rằng, Bồ Tát như vậy”. Bồ Tát như vậy là chỉ Bồ Tát Địa Tạng. “Ở trong diêm phù đề nơi thế giới Ta bà, dùng trăm ngàn vạn ức phương tiện, mà giáo hóa”, ở đây lại nói đến “phương tiện”. “Lại nói với Bồ Tát Địa Tạng, ông muốn dùng trăm ngàn phương tiện giáo hóa chúng sanh”, đây là lần thứ ba nói đến “phương tiện”. “Lại nói, Bồ Tát dùng sức phương tiện nhỏ sạch căn bản nghiệp duyên”, đây là lần thứ tư nói đến “phương tiện”. “Bồ Tát lại dùng sức phương tiện, khiến họ được giải thoát”, đây là lần thứ năm. “Bồ Tát Địa Tạng nói rằng, con cũng dùng trăm ngàn phương tiện độ thoát chúng sanh”, tổng cộng nói ra sáu lần. Đại sư Thanh Liên dùng phương tiện, lại thêm vào bất tư nghi, phương tiện bất tư nghi làm lực dụng của kinh này, đây là có căn cứ. “Cho nên dùng phương tiện làm dụng của kim kinh”, “kim kinh” chính là kinh này.

Hai chữ “phương tiện” nói như thế nào? Bên dưới ngài trích dẫn giải thích của đại sư Thiên thai, đại sư Thanh Liên là đệ tử của Thiên thai tông, cho nên chú thích kinh này đa phần dùng giáo nghĩa Thiên thai.

Đại sư Trí Giả nói ra ba ý nghĩa. Thứ nhất, phương là phương tiện, tiện chính là dụng. “Khéo dùng các pháp, tùy cơ lợi vật”, gọi là phương tiện. Nói cách khác, nghĩa phương tiện này, nói như hiện nay là phương pháp thích đáng nhất, phương pháp thích hợp nhất, phương pháp thích nghi nhất, chính là ý này. Phương pháp dùng không xác đáng, có phương mà không tiện. Dùng cách nói trong Phật pháp chính là khế cơ, khế cơ nghĩa là phương tiện. Bản thân tu học nhất định phải khế hợp căn cơ mình, mới không lãng phí

thời gian, không lãng phí tinh lực, trong thời gian ngắn chúng ta có thể có thành tựu. Giúp người khác, giáo hóa chúng sanh, cũng đều như vậy, luôn hy vọng có thể trong thời gian ngắn nhất, tinh lực ít nhất, nhận được hiệu quả lớn nhất. Phương pháp này gọi là pháp phương tiện.

Cách nói thứ hai, phương tiện gọi là cửa. “Cửa gọi là năng thông, thông cái sở thông, phương tiện quyền lược, chân thật làm cửa, chân thật hiển bày, công do phương tiện”. Ý nghĩa “phương tiện” này là chỉ pháp môn, pháp môn rất nhiều, Phật nói vô số pháp môn, chư vị cần phải biết, đều gọi là cửa phương tiện. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đều có thể gọi là cửa phương tiện.

“Cửa” nghĩa là “năng thông”, thông đến nơi ta hy vọng đạt đến, cho nên nhà Phật gọi là pháp môn. Pháp môn cũng là phương tiện, phương tiện là “quyền lược”, chư vị phải biết điều này. “Quyền” là phương tiện thiện xảo, quyền xảo. Do đây có thể biết, pháp môn không phải chân thật, nhưng nó có thể thông đến chân thật, nhờ cánh cửa này ta có thể chứng được chân thật, đây là “chân thật làm cửa”. Nhưng chư vị phải nhớ, làm cửa cho chân thật, cửa không phải chân thật. Trong Kinh Kim Cang nói: “Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp”, chính là đạo lý này. Phật pháp là cánh cửa để chúng ta chứng được tâm tánh, nếu ta chấp trước Phật pháp thì không thể chứng được. Đây mới nói, phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng văn tự, lìa tướng danh tự, danh tự là danh từ thuật ngữ, lìa tướng tâm duyên, như vậy mới chứng được chân thật. “Chân thật hiển bày”, câu này trong Thiền tông chính là đại triệt đại ngộ, trong giáo môn là đại khai viên giải, trong Tịnh độ là lý nhất tâm bất loạn, trong Mật tông là tam mật tương ưng, đã hiển bày. “Công do phương tiện”, nếu không có cửa phương tiện, ta không thể nào chứng được.

Chư vị phải biết, pháp môn là giảng kinh thuyết pháp, đây là pháp môn. Huân tu thời gian dài là phương tiện, không có huân tu thời gian dài, không thể nhất môn thâm nhập, tuyệt đối không thể hiển thị chân thật. Chân thật ở đâu? Ngay tại đây, không lìa lúc này. Nhất chân pháp giới ở đâu? Không phải nói lìa thế giới Ta bà này, đi tìm một nhất chân pháp giới khác. Lìa thế giới hiện tại của chúng ta, đi tìm nhất chân pháp giới, không tìm thấy. Cảnh giới hiện thực của chúng ta chính là nhất chân pháp giới, vì sao ta không thể chứng đắc? Vì ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng đắc.

Trong Hoa Nghiêm phẩm Xuất Hiện đức Phật nói rất hay, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Trí tuệ là năng chứng, đức tướng là sở chứng. Đức tướng là gì? Nhất chân pháp giới, nhất chân pháp giới chính là đức tướng. Vì có vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc, đây là Phật nói rõ sự khác biệt giữa Phật và chúng sanh. Vì sao Phật làm Phật? Vì sao chúng sanh làm chúng sanh? Vì sao Phật trú trong nhất chân

pháp giới? Vì sao chúng sanh trú trong ngũ trước ác thế? Đây là nói rõ chân tướng. Vì chúng sanh có vọng tưởng, có chấp trước, ở giữa còn có phân biệt. Có vọng tưởng phân biệt chấp trước, cho nên trú trong ngũ trước ác thế. Chư Phật Bồ Tát không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, ngài trú nhất chân pháp giới. Đây đồng nghĩa là đem nguyên tắc chung, cương lĩnh chung của tu học nói với chúng ta. Ngày nay chúng ta dùng phương pháp gì, để đoạn tận vọng tưởng phân biệt chấp trước của chúng ta. Đoạn tận vọng tưởng phân biệt chấp trước tức thành Phật. Cũng có thể nói, ta có thể đoạn tất cả chấp trước, liền chứng được A la hán. Ta có thể buông bỏ tất cả phân biệt, ta chính là Bồ Tát. Nếu tiếp tục đoạn tận vọng tưởng, ta sẽ thành Phật, vấn đề là như vậy, nghiêm trọng nhất là chấp trước. Do đây có thể biết, chúng ta học Phật bắt đầu từ đâu? Học tất cả đều không chấp trước. Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta: “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Không hề có phân biệt chấp trước, có một chút phân biệt chấp trước tức không tùy thuận. Trong tùy thuận còn nói đến hằng thuận. Hằng là vô cùng vô tận, không phải tùy thuận tạm thời, tùy thuận vĩnh hằng, trong tất cả pháp không phân biệt, không chấp trước, đây gọi là Phật pháp.

Ở trong Phật pháp, chúng ta nghiên cứu giáo lý, chúng ta niệm Phật tu hành, nếu có phân biệt, có chấp trước, nói cho chư vị biết, đây đều là pháp thế gian. Giới hạn của thế pháp và Phật pháp ở đâu? Chính là một bên có phân biệt, có chấp trước một bên không có phân biệt, không có chấp trước. Không có phân biệt, không có chấp trước, ăn cơm mặc áo đều là Phật pháp. Cho nên nói pháp nào không phải Phật pháp? Chỉ cần không có phân biệt chấp trước, pháp pháp đều là Phật pháp. Tông môn nói: “đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên”. Nguyên là gì? Nguyên là tự tánh, nhất niệm tâm tánh, đó là nguồn gốc. “Tả hữu phùng nguyên”, nghĩa là trái phải đều kiến tánh, pháp pháp đều kiến tánh. Chỉ cần lìa vọng tưởng phân biệt chấp trước, liền kiến tánh.

Vì thế dạy học, pháp môn là dạy học, đây là phương tiện, “công do phương tiện”. Dạy học nếu không đạt được hiệu quả, đó không phải Phật pháp. Bất luận pháp môn gì, dạy học có thể đạt được hiệu quả, không có một pháp nào không phải Phật pháp. Nhà Phật rất thông đạt, không có chấp trước. Phật không nói chỉ có Phật biết thuyết pháp, trong kinh nói năm hạng người nói pháp, ngoại đạo cũng có thể nói pháp. Nói pháp chỉ cần nói có thể khiến người khai ngộ, đó chính là Phật pháp, người đó chính là Phật Bồ Tát. Do đây có thể biết, Phật pháp không chú trọng hình thức, nó chú trọng thực chất. Điều này chúng ta đặc biệt thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, trong kinh này cũng có, kiếp trước Bồ Tát Địa Tạng là Bà la môn nữ, tín đồ của Bà la môn giáo. Theo chúng ta thấy bà không phải tín đồ Phật giáo, là tín đồ của Bà la môn giáo. Tín đồ của Bà la môn giáo, bà cũng nghe lời Phật, bà cũng

thực hành theo lời Phật dạy, bà khai ngộ, cũng đã chứng quả. Bà không hề từ bỏ Bà la môn giáo, vẫn là tín đồ của Bà la môn giáo.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Bà la môn Thắng Nhiệt, đó là trưởng lão của Bà la môn, là đại sư trong Bà la môn giáo, không phải là tín đồ. Ông nghe Phật giảng kinh thuyết pháp và khai ngộ, ông hành Bồ Tát đạo, vẫn dùng thân phận trưởng lão Bà la môn giáo hành Bồ Tát đạo. Phật không hề bảo ông, người phải bỏ Bà la môn giáo, trên hình thức người phải làm tín đồ Phật giáo. Không có. Chúng ta phải hiểu điều này, vấn đề này bây giờ gọi là văn hóa đa nguyên.

Trong kinh Đức Phật nói, đồng không chướng ngại dị, dị không chướng ngại đồng, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đây là chân lý, đây là chân tướng sự thật. Đồng là gì? Là giác ngộ, đồng giác, giác ngộ triệt để chân tướng nhân sinh vũ trụ. Về sự tướng, mỗi người có thể thị hiện, biểu diễn tùy theo duyên của mình, mới hình thành xã hội này, pháp giới muôn màu muôn vẻ. Ngày nay chúng ta gọi là chân thiện mỹ tuệ, muôn màu muôn vẻ. Nếu chúng ta chấp trước vào những hình tượng này, nhất định phải nói đây là tín đồ Phật giáo, đó là ngoại đạo, thật ra chính bản thân mình cũng là ngoại đạo, cầu pháp bên ngoài tâm. Chúng ta nói họ mê, bản thân mình cũng đang mê. Điều này rất nhiều người học Phật, suốt đời không thể khế nhập vào cảnh giới Phật, không thể nhập vào tri kiến Phật, nguyên nhân là đây, chính là phân biệt, chấp trước. Sợ nhất là chúng ta mặc trên người y phục này, đi đến đâu cũng thấy mình lớn, gọi là đầu tròn áo vuông chính là trên cả mọi người. Người ta thấy chúng ta, phải chấp tay xưng thượng nhân, thật ra chúng ta có cái danh thượng nhân, trên thực tế là hạ nhân, không phải thượng nhân. Tham sân si mạn, vọng tưởng phân biệt chấp trước, không hề giảm bớt chút nào. Cầu người khác cung kính cúng dường, tương lai lấy gì để trả cho người ta? Chúng ta xem chư Phật Bồ Tát, thấy trong kinh điển, ngài đối với tất cả chúng sanh khiêm tốn như thế, cung kính bình đẳng. Chúng ta không lưu ý, không để tâm, không siêng năng học tập. Chỉ học công cao ngã mạn, khinh thị người khác, như vậy là phạm sai lầm lớn.

Học Phật, học đạo bắt đầu học từ đâu? Bồ Tát Phổ Hiền dạy: “lễ kính chư Phật”, bắt đầu học từ đây. Chư Phật nào? Tất cả chúng sanh là chư Phật. Không những hữu tình chúng sanh là chư Phật, vô tình chúng sanh cũng là chư Phật. Tất cả chúng sanh không phải chỉ nói hữu tình, vô tình cũng bao gồm trong đó.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, nói về vô tình chúng sanh. Chiếc bàn là thiện tri thức, chiếc ghế là thiện tri thức, lư hương là thiện tri thức, chân đèn là thiện tri thức, đây là nói vô tình chúng sanh. Vô tình chúng sanh sao gọi nó là thiện tri thức? Nói từ pháp tánh, nói từ biểu pháp, từ sự biểu pháp chúng ta giác ngộ, nó chính là thầy chúng ta, nó tượng trưng

cho một pháp môn. Chúng ta thấy cặp chân đèn, đang đốt cây đèn sáp, vừa thấy trong tâm liền giác ngộ. Nên “đốt cháy thân mình, chiếu soi người khác”, chúng ta học được từ chỗ này. Chiếu soi người khác là phục vụ cho người, hy sinh chính mình phục vụ cho người khác, điều này học được từ cây đèn sáp. Từ lư hương cũng học được ý này, cây hương đó, hương là dùng hương thơm cúng dường người, đèn sáp là dùng ánh sáng cúng dường người, dùng hết khả năng của mình, cúng dường tất cả chúng sanh, biểu trưng ý này. Chúng ta hiểu được ý này, chân đèn vì sao không phải thiện tri thức? Lư hương sao không phải? Đương nhiên là thiện tri thức. Dùng bản năng của mình, toàn tâm toàn lực cúng dường tất cả chúng sanh, không có phân biệt, không có chấp trước, không có bất kỳ điều kiện nào.

Ngày nay chúng ta nhìn thấy là một thế giới bi thảm, nhìn thấy thế nhân quá nhiều khổ nạn, làm sao để giúp họ? Nói đạo lý quá sâu sắc họ không hiểu, họ cũng không có nhiều thời gian để học tập, ngẫu nhiên tiếp xúc vài phút, thời gian mười mấy phút. Chúng ta phải đem điều quan trọng nhất, những gì họ có thể tiếp thu truyền đạt cho họ. Điều gì quan trọng nhất? Lòng yêu thương quan trọng nhất. Yêu thương bình đẳng tất cả chúng sanh, trong này tuyệt đối không thể có cao thấp, thí xả vô điều kiện. Thí xả nói như hiện nay gọi là phục vụ, giúp người khác, phục vụ tất cả chúng sanh vô điều kiện, giúp tất cả chúng sanh, với tâm yêu thương chân thành, mỗi người đều có thể làm như vậy, thiên hạ thái bình. Không thể nói quá nhiều, không có nhiều thời gian để nói nhiều như vậy, quan trọng nhất là hai câu này. Chúng ta khuyên người khác, bản thân chúng ta phải làm được, không làm được khuyên người khác cũng vô dụng. Người ta nói, ông chỉ biết nói, bản thân thì không làm được. Chúng ta phải làm được, làm gương cho mọi người noi theo.

Ngôn thuyết là pháp môn, làm ra tám gương cũng là pháp môn. Ngôn thuyết là phương tiện, làm ra tám gương vẫn là phương tiện. Đây là ý thứ hai, ý thứ hai thâm sâu hơn ý thứ nhất, ý thứ ba nói càng sâu sắc.

“Phương tức là bí, tiện tức là diệu”. Sự sâu cạn này quả thật là tùy theo cảnh giới tu học khác nhau của mình, mà lãnh hội khác nhau. “Bí” không phải bí mật, nói cho chư vị biết, trong Phật pháp không có bí mật, bí mật thường không phải là việc tốt, việc làm sai trái mới bí mật. Bí trong Phật pháp là thâm mật, lý quá sâu, sự quá rộng, người thông thường không thể lý giải. Cần phải dạy học, huân tu, tham ngộ thời gian dài, dần dần mới có thể lý giải, đây là thâm mật, nó không phải bí mật.

“Tiện” là diệu, diệu là xảo diệu, thiện xảo. “Diệu đạt đến phương, tức là chân mật”, ở sau nói hai loại trước giải thích ý nghĩa cạn. Sau cùng giải thích này mới là “ý của phẩm này”. Cho nên pháp sư Thanh Liên, nói với chúng ta phương tiện bất tư nghì làm dụng. Mật này nghĩa là bất tư nghì, tác dụng của kinh này sâu rộng vô lượng. Đương nhiên ba ý nghĩa, ở sau bao

ôm ở trước, ở trước không bao gồm ở sau. Tác dụng thật sự của kinh, đó là ý thứ ba, nhưng hiển thị trên hình tướng, là hai ý ở trước. Vì sao có hai loại tác dụng ở trước? Hai loại tác dụng này đều sanh ra từ tác dụng thứ ba, chúng ta cũng biết cũng hiểu ý này.

Như ở trước nói: “khéo dùng các pháp, tùy cơ lợi vật”, vì sao chúng ta không làm được? Hai câu này chính là khế lý khế cơ. Chúng ta tiếp dẫn tất cả đại chúng, rất hy vọng làm được khế lý khế cơ, mà thực tế chúng ta không làm được. Chúng ta cũng biết Phật có vô lượng pháp môn, mỗi pháp môn đều có thể giúp người minh tâm kiến tánh. Trong Kinh Bát Nhã nói: “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, nhưng chúng ta ở trong tất cả pháp môn vẫn có cao thấp, vẫn có sâu cạn, có rất nhiều sai biệt. Nguyên nhân này do đâu? Nguyên nhân là do ta chưa thấu triệt ý nghĩa thứ ba, chưa thấu đạt câu “diệu đạt đến phương”, khi thấu triệt câu này, pháp pháp đều viên dung. Hai chữ “diệu đạt”, đạt là đạt đến, diệu đạt tức minh tâm kiến tánh của Tông môn. Phương tức là bí, bí là tự tánh, đối với hữu tình là Phật tánh, đối với vô tình là pháp tánh, Phật tánh và pháp tánh đều là tự tánh. Nếu có thể kiến tánh, đương nhiên mọi vấn đề đều được giải quyết, tánh mới là chân bí, thật sự thâm mật.

Hai loại trước bất luận là tự mình tu hành, hay là ta giáo hóa chúng sanh, đều có thể làm đến phương tiện thiện xảo. Bản thân tu hành có thiện xảo, công phu đặc lực, phiền não nhẹ, trí tuệ trưởng, đây là đạo lý nhất định. Phiền não giảm nhẹ từng ngày, trí tuệ ngày ngày đang tăng trưởng. Bởi vậy trong quá trình tu học, nghĩa là trong cuộc sống hằng ngày được pháp hỷ sung mãn. Không nhập cảnh giới này, cuộc sống chúng ta luôn chìm đắm trong phiền não, hoạn nạn khôn khổ. Cuộc sống như nhau nhưng cảm thọ bất đồng, một bên là pháp hỷ sung mãn, một bên là chìm ngập trong hoạn nạn khôn khổ, đây là mê ngộ khác nhau.

Chúng ta đọc tiếp đoạn văn bên dưới: “Cũng có thể dùng đầy đủ ba ý này”. Tuy ba ý, thực tế mà nói ba mà một, một mà ba, như vừa nói ở sau thâm sâu hơn ở trước, ở sau có thể bao gồm ở trước.

“Lệ như Duy Ma sở thuyết, phương đẳng sở khai, cổ Kinh Khê tác, tiên thoái chi thích, dung dữ thủ môn bí chi đàm”. Kinh Khê là tổ sư Thiên thai tông. “Tiên thoái chi thích” nghĩa là giải thích sâu cạn. Chúng ta thường nói kinh điển có thể nói sâu, nó thể nói cạn, có thể nói dài, có thể nói ngắn. Nhưng bản thân không khế nhập cảnh giới, thì không thể có năng lực này, nhập cảnh giới này sẽ có năng lực này. Cho nên diễn giảng rất linh hoạt, sinh động, giảng kinh không nhất định phải ở trên bục giảng, chú thích không nhất định chú thích toàn kinh. Bình thường chúng ta tiếp xúc nói chuyện với người, nên nhớ đều là giảng kinh, trong tâm niệm niệm giúp người khác giác ngộ, không nói lời thừa thãi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời không nói một câu dư thừa.

Chúng ta viết thư lui tới với người, viết thư chính là chú giải kinh, nghĩa là chú thích kinh. Chúng ta muốn học kinh giáo là học ngay trong cuộc sống hằng ngày, tiếp xúc bình thường với người trong mỗi ngày. Tiếp xúc bằng ngôn ngữ, tiếp xúc bằng văn tự, học như vậy sao lại học không được? Đương nhiên tiến bộ rất nhanh. Nếu nói rời khỏi bục giảng tức không phải giảng kinh, không viết chú giải tức không phải chú kinh, như vậy học giáo lý đến khi nào mới có thể học thành tựu? Suốt đời đều không thành tựu được. Tu học nhất định phải thực hành trong cuộc sống, tu học và cuộc sống hòa hợp thành một, làm gì có chuyện công phu không đắc lực? Trong kinh điển chúng ta thấy, Chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư đại đức, mỗi người đều hòa thành một, công phu thành phiền. Thành phiền tức là hòa nhập vào trong sinh hoạt, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, xử sự đối nhân tiếp vật, tất cả đều là Phật pháp.

Thế nào gọi là Phật pháp? Giác pháp. Phật nghĩa là giác ngộ, giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Quý vị nói ngài an vui biết bao, sống cuộc đời giác chánh tịnh. Chúng ta không biết, không biết nên sống đời mê tà nhiễm. Mê tà nhiễm quá khổ, giác chánh tịnh là niềm vui chân thật. Đức Phật dạy chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Đây không phải khẩu hiệu, rất thực tế.

Bất luận ở thế gian này chúng ta có thân phận gì, có địa vị gì, đi theo ngành nghề nào, sống cuộc đời ra sao. Trong Kinh Hoa Nghiêm hiển thị cho chúng ta thấy, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, tất cả đều sống cuộc sống giác ngộ, tất cả đều hưởng thụ đại tự nhiên, đại viên mãn. Như đế vương, đế vương sống đời đại tự tại, đại viên mãn. Kẻ ăn xin, ăn xin cũng sống đời đại tự tại, đại viên mãn, không có sai biệt. Khi mê sai biệt rất lớn, đế vương đại phú đại quý, kẻ ăn xin bần cùng hạ tiện, vậy thì không giống nhau, khi ngộ đều giống nhau. Vì sao vậy? Vì khi ngộ đều sống đời giác chánh tịnh, giác chánh tịnh là cuộc sống bình đẳng, sung mãn trí tuệ, sung mãn an vui. Đây là thật, không phải giả, là bất tư nghi.

Trong kinh điển đại thừa thường nói: “bình đẳng chân pháp giới”. Chư vị phải biết, nhất chân chính là bình đẳng, không bình đẳng sao có thể trở thành nhất? Nhất là tâm nhất, sao tâm lại nhất? Trong tâm không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước là nhất. Vừa khởi tâm động niệm liền rơi vào hai ba. Đây là Phật pháp nói cho chúng ta về nguyên tắc chung, cương lĩnh chung. Chúng ta nắm bắt nguyên tắc cương lĩnh này, nắm bắt được phương hướng mục tiêu này, chúng ta tu học không bị đi sai đường, không đi đường oan uổng. Quên mất mục tiêu này, không thể tránh khỏi đi vào ngã rẽ, không thể tránh khỏi đi qua rất nhiều đoạn đường oan uổng, chịu hết mọi đau khổ, lúc đó mới nắm được phương hướng.

Bên dưới nói: “Kim Địa Tạng diệc nhiên, tuy chủ bí diệu chi đàm, tất kiêm môn pháp chi thuyết”. Bồ Tát Địa Tạng, đương nhiên ngài nhập vào

cảnh giới này. Kinh điển là cảnh giới đại viên mãn. Chúng ta triển khai kinh văn, trong phẩm thứ nhất nhìn thấy Phật phóng quang, Phật phóng đại quang minh vân, câu thứ nhất “đại viên mãn quang minh vân”, câu này thống nhiếp toàn bộ tất cả pháp, vậy mới viên mãn. Đây chính là “diệu đạt đến phương”. 12 câu quang minh vân, hiển thị ra đại viên mãn, trong đại kinh nói, một tức là nhiều, nhiều tức là một, một nhiều không hai. Đại viên mãn là một, nói thành 12 câu là nhiều, hàng sơ học chúng ta không biết như thế nào gọi là viên mãn. Từ 12 câu hợp lại để xem, có thể nhận ra được chút ý nghĩa.

Nghĩa lý cảnh giới trong Kinh Địa Tạng sâu rộng vô tận, mỗi câu mỗi chữ đều là xúng tánh, nhưng kinh văn không thâm sâu, chúng ta xem giống như đọc truyện vậy, giống như xem tiểu thuyết vậy, không khó lý giải. Như ở trước nói về pháp môn, nói về phương tiện, là dùng ngôn thuyết rất cạn, biểu đạt nghĩa lý thậm thâm vô tận, đây là hiển thị đại dụng của kinh này.

Ở đây nói rất hay: “Ba loại giải thích đều đầy đủ”, Thiên thai tông giải thích về ba ý nghĩa của phương tiện, kinh này hoàn toàn đầy đủ. “Bao gồm đại ý kinh này”, hiện nay chúng ta nói, tổng quát, bao quát toàn bộ đại ý của bộ kinh này.

“Hà dĩ ngôn chi, lương do Địa Tạng đại sĩ, ư trần điểm kiếp tiền, hiện thân giáo hóa, tùy cơ xảo đạo, pháp dụng thiên nghi”. Pháp là pháp môn, phương là phương tiện, đây là cạn nhất, ngài vận dụng rất thích đáng, “nghi” là thích đáng. “Hiện thật thời trần, quyền môn khả nhập”. Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa chúng ta, mục tiêu sau cùng là giúp chúng ta thành Phật.

Hai câu bên dưới rất quan trọng: “Phát bồ đề tâm, ư lại da thức nội, điểm Như Lai tạng ư vô minh tâm trung, tư chánh diệu đạt ư phương, tức thị Pháp Hoa chân bí”. Bồ Tát dạy chúng ta “phát tâm bồ đề”, Bồ Tát dạy chúng ta về “Như Lai tạng”, nói từ đâu? Nói trong vọng tâm, trong chân tâm không có gì để nói. Ngày nay chúng ta phát tâm bồ đề, dùng gì để phát? Vẫn phải dùng thức tâm để phát. Là tâm ý thức, chúng ta không còn gì. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay do tâm ý thức làm chủ. Ngày nay học Phật vẫn nương vào tâm ý thức. Vô lượng kiếp đến nay tâm ý thức chúng ta mê, không giác. Hy vọng ngày nay tâm ý thức này có thể giác mà không mê. Chúng ta nhìn từ địa vị Bồ Tát, A la hán, Bích Chi Phật, quyền giáo Bồ Tát. Dùng Thiên thai tông để nói, Thiên thai biệt giáo thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng đều dùng A lại da thức. Đẳng địa mới phá một phần vô minh, thấy một phần chân tánh. Hàng phàm phu chúng ta học Phật, không thể lìa tâm ý thức. Tâm ý thức dùng chánh đáng thì tương ứng với Phật tri Phật kiến, đây là điều chúng ta phải học tập. Chúng ta chưa minh tâm kiến tánh, phải dựa vào chỉ dẫn của Phật, phải dựa vào Phật pháp. Kinh giáo giống như ngọn hải đăng vậy, nó chỉ phương hướng cho chúng ta, chúng ta đi theo phương hướng này, là có thể đi đến chân thật, đạt đến mục đích của chúng

ta. Lại nói với chúng ta chân ở đâu? Như Lai tạng là chân, chân ở trong vọng, chân vọng không hai. Sau khi giác ngộ vọng chính là chân, khi mê chân ở trong vọng.

Kinh Địa Tạng như vậy, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, cho đến Kinh Vô Lượng Thọ, tất cả kinh điển đại thừa há không phải như vậy sao? Đều có thể nói “diệu đạt u phương”, họ dùng phương pháp rất khéo léo. Vấn đề ngày hôm nay, chúng ta có thể lãnh hội được.

Đoạn bên dưới nói, là điều mà chúng ta cần phát tâm học tập: “Hựu phục nhất mao nhất đế, nhất sa nhất trần, ngã tiệm độ thoát, sử hoạch đại lợi”. Đây chính là tâm vô thượng bồ đề. “Mao” là nói sợi lông chánh báo trên thân mình, “đế” là một giọt nước vô cùng vi tế, một hạt cát, một hạt bụi, đều hình dung đến việc rất nhỏ, người thế gian thường sơ suất, không quan tâm đến. Bồ Tát đến vấn đề vô cùng vi tế cũng không bỏ qua, cũng không sơ suất, niệm niệm đều muốn giúp tất cả chúng sanh, giúp chúng sanh khai ngộ, “đại lợi” là khai ngộ. Từ điểm này chúng ta thấy, Bồ Tát từ bi đến tận cùng. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có chú ý đến những việc nhỏ này hay không? Việc nhỏ này rốt cuộc là chỉ điều gì? Từng li từng tí trong cuộc sống hằng ngày, có thể làm gương tốt cho người thế gian hay không? Ý nghĩa là như vậy. Không thể làm gương tốt cho người thế gian là pháp thế gian, có thể làm gương tốt cho người thế gian gọi là Phật pháp. Không thể làm gương tốt cho người thế gian là pháp mê tà nhiễm, có thể làm gương tốt cho người thế gian là pháp giác chánh tịnh. Vấn đề cực kỳ nhỏ, như chúng ta cầm khăn lên lau mặt, lau xong, xếp lại một cách ngay ngắn vuông vức, đặt lại đây, đây chính là “nhất mao nhất đế, nhất sa nhất trần”. Không đến nỗi sau khi dùng xong, vứt đại xuống đó, đây là mê. Bồ Tát không như vậy, Bồ Tát phải làm gương tốt cho người noi theo, không phải làm vì mình, làm vì chúng sanh. Trong cuộc sống hằng ngày, điều cực kỳ vi tế, quý vị nói không ai nhìn thấy, không ai thấy có quỷ thần nhìn thấy. Quỷ thần cũng phải độ họ, quỷ thần cũng là chúng sanh. Niệm niệm có tâm độ chúng sanh, niệm niệm có biểu hiện độ chúng sanh, đây là điều chúng ta phải học tập. Học làm Bồ Tát, học làm Phật, chính là học Bồ Tát, học Phật.

Điều này nói trong kinh này, trong này ngài so sánh, như Kinh Pháp Hoa nói: “Cử thủ đê đầu, tụ sa vi tháp, hàm khai tiểu thiện, thành Phật hề sai”. “Tiểu thiện” không khác đại thiện, lớn nhỏ không hai, sao có thể sơ suất được? Những lời này trong kinh, đều nói đến hành vi của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta thử nghĩ xem, mỗi lần chúng ta đến một nơi tụ tập với người, vì sao không được người khác tôn trọng? Không được người khác hoan hỷ? Cuối cùng ép phải đi vào đường cụt. Không được trách người khác, nhất định phải quay đầu lại nỗ lực kiểm điểm bản thân, tìm ra khuyết điểm của mình, thật sự sửa đổi bản thân, như vậy tiền đồ mới sáng sủa, mới đạt được sự yêu thương ủng hộ của quảng đại quần

chúng, sau đó mới có thể giáo hóa họ. Không được người khác tôn kính, dù Đức Phật đến cũng vô dụng, họ không tôn kính quý vị, căn bản họ không nghe lời quý vị, cũng không để ý đến những gì quý vị làm, đối với họ quý vị không còn cách nào khác, không độ được họ. Vì thế đối với người, đối với việc, đối với vật, nhất định phải học cách bao dung, phải học chân thành, phải học từ bi, phải có phương tiện, càng phải có kiên nhẫn. Đến cảnh giới Phật Bồ Tát, không bỏ một người nào. Cho nên giáo dục, thành tựu giáo dục là dạy người xấu thành người tốt, khiến người ác biến thành người thiện, biến người phàm thành thánh nhân, đây là giáo dục thành tựu. Không phải nói người này không dạy được, khai trừ họ, vậy không được, giáo dục này không thành công. Giáo dục thế gian và giáo dục Phật giáo khác nhau ở chỗ này.

Quý vị xem sách của Nho giáo, Khổng phu tử nói: “Cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản”. Khổng phu tử không muốn dạy họ, không dạy nữa. Phật pháp không như vậy: “đệ tử nhà Phật không bỏ một ai”. Cho nên từ bi của Đức Phật vượt trên Khổng phu tử, trí tuệ của Phật, phương tiện thiện xảo cũng vượt qua Khổng phu tử. Chúng ta đối với Khổng phu tử không thể không tôn kính, không thể không khâm phục, nhưng dạy học của ông vẫn có giới hạn. Nói cách khác, ông đối với học sinh vẫn có điều kiện, Phật không có điều kiện, không có giới hạn. Chúng ta thấy hàng đệ tử Phật, người dù ngu ngốc đến mấy Phật cũng nhận, ngài có phương pháp. Như Châu Lợi Bàn Đà Già là người hoàn toàn không có sức ghi nhớ, không ai không ruồng bỏ ông, Phật vẫn nhận ông, điều này không dễ.

Bản thân chúng ta phải biết, ngày nay ta tiếp xúc với đại chúng, không có năng lực giúp người, bản thân phải giác ngộ. Vì sao vậy? Vì mình chưa đủ đức hạnh, chưa đủ trí tuệ, chưa đủ phương tiện thiện xảo, không thể giáo hóa chúng sanh, quay đầu lại phải lo cho thân mình, tu chính mình. Đây là lựa chọn của trí tuệ, không thể nói người không thể thành tựu người khác, cũng hủy luôn chính mình, vậy là sai. Cổ nhân nói không thể kiêm thiện thiên hạ, cũng phải biết tự hoàn thiện mình. Ta không có năng lực giáo hóa tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh. Ta quay đầu lại, chân thành niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, ta phải thành tựu chính mình. Khi đến thế giới Cực Lạc có thành tựu lớn, sau đó trở lại cũng không muộn, ta có duyên với tất cả chúng sanh, sau đó quay lại độ chúng sanh, không được không chịu cầu tiến. Không được nói họ không thể thành tựu, thời gian tinh lực của tôi cũng vì thế mà lãng phí mất, tôi cũng không có thành tựu, vậy là sai. Có duyên thì phải giúp chúng sanh, hành Bồ Tát đạo. Không có duyên, nhất định phải biết tự hoàn thiện mình. Muốn hoàn thiện mình trong pháp môn Tịnh độ, chính là chân thành niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, đây là chân thiện.

Ngày xưa, đạo tràng đại khái đều thiết kế có hạ viện, ngày xưa xây dựng đạo tràng ở trong núi sâu. Hạ viện cũng là đạo tràng, thiết lập trong đô

thị, tiếp dẫn chúng sanh. Trên núi là bản thân tu hành, đô thị dưới núi là báo đáp chúng sanh. Chúng ta tu hành nhận sự cúng dường của Phật tử tại gia, không thể không báo ơn họ, cho nên cũng phái người vào trong đô thị, giảng kinh thuyết pháp cho họ, dạy họ tu hành, bản thân nhất định ở trong núi tu hành.

Lần trước, tôi ở Perth Úc châu nhìn thấy tiểu thừa, có hai mươi mấy pháp sư, họ vẫn làm như vậy. Đạo tràng của họ ở trong núi, cách đô thị đi xe khoảng hai tiếng đồng hồ. Trong phố họ cũng có một giảng đường, thường có hai pháp sư trú ở đó, họ luân phiên đến ở đó, giảng kinh thuyết pháp. Rất như pháp, là phương pháp ngày xưa của Trung quốc, đến đây vẫn có thể thấy, quả thật không dễ. Họ ở đó, khi tôi thấy vậy rất khâm phục, tôi cũng rất thích. Ở Perth họ có một đạo tràng lớn, nghe nói có thể dung nạp năm sáu trăm người, đây là nơi họ thường giảng kinh.

Lần này tôi đến Sydney, ở Sydney họ cũng có một đạo tràng nhỏ, đạo tràng đó quá nhỏ. Diện tích hai tầng lầu của họ, chưa bằng phòng học này của chúng ta. Đạo tràng nhỏ này, nhà ở Sydney rất đắt, họ thuê, tiền thuê một tháng một ngàn, tiền Úc và tiền Singapore gần bằng nhau, làm công việc gì? Làm mạng internet, có hai ba vị pháp sư chuyên phụ trách mạng internet. Họ nói với tôi, mỗi ngày người lên mạng xem có hơn một vạn người. Vậy họ cũng không phải tiểu thừa, họ cũng phổ độ chúng sanh, tất cả những gì trong mạng chúng ta có ở chỗ họ đều có, họ mở ra cho tôi xem. Toàn bộ chương trình trên mạng của chúng ta họ đều có, nội dung của họ rất phong phú, làm một cách rất tốt, rất mạch lạc, rất trật tự, mở ra xem đều có thể khiến người sanh tâm hoan hỷ. Lần này tôi ở Sydney, có mấy hội họ đều tham gia, sau đó mời chúng tôi đi thăm đạo tràng nhỏ đó của họ. Họ còn có thể duy trì được phong cách ngày xưa, chúng ta cần phải học tập, chúng ta cũng rất muốn học nhưng không có phước báo.

Hiện nay ở Đại lục, Cửu Hoa Sơn vốn là một đạo tràng tu hành rất tốt, bây giờ mở đường xe chạy lên đến nơi, khách tham quan từ sáng đến tối không ngừng, muốn tu hành cũng đành chịu. Hiện nay thật sự muốn tu hành, phải tìm một nơi thật kín để trốn mới được, bằng không khách khứa đến tìm quá đông, rất chướng ngại trong việc tu hành.

Những sự và lý này chúng ta cần phải hiểu rõ, cần phải minh bạch.

Ý của đoạn này là việc thiện nhỏ không thể không làm, việc thiện cực kỳ nhỏ đều không sơ suất, đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm. Việc ác nhỏ đều phải đoạn trừ, tích điều ác nhỏ sẽ thành điều ác lớn. Ngày nay chúng ta đúng là điên đảo, cho rằng điều ác nhỏ không sao, có thể tạo, việc thiện nhỏ cũng chẳng đáng gì, không cần làm. Chúng ta là việc thiện nhỏ không làm, việc ác nhỏ vẫn làm, vì thế đạo nghiệp không thể thành tựu, không thể tiến bộ, nguyên nhân là đây.

Người thời xưa, họ đối với điều ác nhỏ, điều thiện nhỏ đều rất coi trọng. Điều ác nhỏ không làm, điều thiện nhỏ chịu làm, bởi vậy họ thành công, là thành công như thế nào? Chúng ta thử nghĩ xem.

Bên dưới tiếp tục nói đến kinh này: “Huống nãi thiên cung tập chúng, cập sở hợp phân thân, số du hằng sa, Văn Thù võng trắc, dĩ thành Phật đạo giả, hà thù thọ hạ phân thân”. Đây là điều chúng ta thấy trong kinh này, cung trời Đao lợi tập hợp chúng, chúng ta thấy vô lượng vô biên phân thân của Bồ Tát Địa Tạng, ở trước Phật phân thân đó hợp thành một thân. Phân thân là hóa thân. Bất kỳ một vị Phật Bồ Tát nào, hóa thân đều vô lượng vô số. Trong Kinh Phạm Võng nói Thế Tôn có trăm ngàn ức hóa thân Phật Thích Ca Mâu Ni.

Ứng hóa thân của Chư Phật Bồ Tát không có hình tướng nhất định, tùy loại hóa thân. Như Phẩm Phổ Môn nói về 32 ứng thân, họ ở trong mười phương thế giới, trong mười phương còn có ba đời, trong ba đời lại có mười phương, trùng trùng vô tận. Chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng, đáng dùng thân gì để độ, liền thị hiện thân đó. Chư vị phải biết rằng, Phật Bồ Tát không có thân tướng, không có thân tướng mới có thể hiện tất cả thân tướng khác nhau. Phật Bồ Tát không có pháp gì để nói, không có pháp gì để nói mới có thể ứng cơ thuyết pháp, có pháp rất khó khế cơ.

Bây giờ chúng ta ra bên ngoài giao tiếp, người ta mời chúng ta đi diễn giảng, trước tiên phải chuẩn bị tốt bài giảng, đó là có pháp để nói, không khế cơ. Trong trường hợp đó, mọi người có thể nhận thấy rất rõ ràng, thái độ thần tình rất cứng nhắc, không tự nhiên, không linh hoạt, hoàn toàn không giống với bình thường chúng ta diễn giảng. Tiện cho việc gì? Tiện cho việc phiên dịch, cho nên mới làm dự bị như vậy. Trên thực tế, làm dự bị chẳng khác nào nói bác sĩ chẩn đoán cho bệnh nhân, trước tiên là kê đơn thuốc, đem theo đơn thuốc đi khám bệnh. Quý vị thử nghĩ, đơn thuốc này, sau khi người bệnh uống xong bệnh có lành chăng? Không đáng tin, dựa vào vận may.

Lần này chúng tôi diễn giảng trong tổ chức hòa bình của Tôn giáo thế giới, chúng tôi cũng chuẩn bị, nhưng ở trong trường hợp đó hoàn toàn vô dụng, phần diễn giảng đó đem phát cho mọi người tham khảo. Lúc đó, sau khi chúng tôi nghe các Tôn giáo báo cáo xong, tôi nói chuyện với mọi người đều không dùng bản thảo, không dùng bài chuẩn bị trước vẫn tốt hơn.

Khi chúng ta sơ học dùng bản thảo, giữ đúng quy củ, dùng phương pháp này để huấn luyện. Mục tiêu sau cùng, chúng ta hoàn toàn thoát ly bản thảo. Tuy thoát ly bản thảo, vẫn không trái với nguyên tắc nguyên lý này, như Khổng lão phu tử nói: “tùy theo ý muốn, mà không lệch lạc”. Ta nói pháp cho người, nói cạn nói sâu, nói dài nói ngắn, đều phù hợp với tiêu chuẩn nội điển của buổi giảng. Phù hợp tiêu chuẩn là thiện, tùy ý gọi là

khéo léo, khéo khéo không lìa thiện, thiện không lìa khéo léo. Đây là ứng cơ thuyết pháp, đây mới là phương tiện thiện xảo.

Bên dưới nói rõ, đây là từ bi của Bồ Tát Địa Tạng, học trò của Bồ Tát Địa Tạng, đã làm Phật không biết có bao nhiêu, nhưng ngài vẫn còn làm vị Bồ Tát.

“Thượng trú Bồ Tát giả, uyển tợ địa trung dũng xuất”. “Địa trung dũng xuất” là Kinh Pháp Hoa, công án trong Kinh Pháp Hoa, hiển thị đại từ đại bi của Bồ Tát. Thật ra trong cảnh giới này, phàm phu chúng ta phân biệt có Phật, có Bồ Tát, có chúng sanh. Nhưng đối với họ, hoàn toàn lìa xa tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, không có Phật, không có chúng sanh, đó là cảnh giới của họ. Ở đây đại sư giải thích cho chúng ta, dù sao chúng ta cũng là phàm phu, vẫn còn vọng tưởng, những lời này là nói với chúng ta.

Mấy câu bên dưới cũng đáng cho chúng ta học tập: “Đại sĩ xuất giả lợi sanh, dĩ phát bồ đề tâm vi nhân, vô duyên đại bi vi căn, vô đặc phương tiện vi cứu cánh lợi sanh”. Đây là điều chúng ta nhất định phải tuân theo, phải học tập. “Xuất giả lợi sanh”, đương nhiên đó là nói ngài, chúng ta làm gì có được công phu này? Đối với thân phận chúng ta phải nói như thế nào? Chúng ta có thể quên mình vì người. Bồ Tát có thể xuất giả lợi sanh, chúng ta có thể quên mình vì người, đừng quá xem nặng lợi ích riêng mình. Chẳng hạn hiện nay cũng có một vài thầy nói, đợi tôi tu hành chứng quả, minh tâm kiến tánh, tôi mới ra đi hoằng pháp lợi sanh. Vậy là xong, đời này quý vị không thể minh tâm kiến tánh, ở thế gian này không có nói pháp, chúng ta cũng không minh tâm kiến tánh, vậy là hết, ở thế giới này Phật pháp lập tức đoạn tuyệt. Không có ai chịu ra giảng kinh thuyết pháp, cũng không ai dám ra giảng kinh thuyết pháp, vậy làm sao duy trì mạng mạch của Phật pháp?

Lúc đó thầy Lý dạy chúng tôi, chúng tôi làm gì đủ tư cách học giảng kinh? Làm gì có tư cách hoằng pháp? Vì chưa khai ngộ, vẫn là một phàm phu luôn bị phiền não chi phối. Nhưng nếu không làm, Phật pháp sẽ đoạn diệt. Thầy Lý dạy tôi, nếu có cơ duyên chúng ta nhất định phải làm, làm như thế nào? Biết chừng nào nói chừng đó. Lời Không phụ tử dạy chúng ta: “Biết thì nói biết, không biết nói không biết, vậy là biết”. Ta biết một câu thì nói một câu, không biết thì đừng nói. Không được miễn cưỡng không biết cứ cho là biết, vậy là phạm sai lầm lớn, điều chúng ta không biết quá nhiều.

Học giảng kinh, bản thân chưa khai ngộ, giảng như thế nào? Giảng của cổ nhân, giảng chú giải của người khác, thầy dạy chúng tôi phương pháp này. Chỉ cần chúng ta đừng nói sai ý trong chú giải, nếu họ chú sai họ chịu trách nhiệm, chúng ta không chịu trách nhiệm, ta cứ giảng theo chú giải của họ, không nói theo ý mình, vậy là không sai. Thêm ý mình, thường hay có sai lầm, cần phải chịu trách nhiệm, điều này rất phiền phức. Khi nào mới được dùng ý mình? Khi mình đã ngộ nhập, chúng ta gọi là khai ngộ, đã quán thông viên dung, nói ngang nói dọc, nói cạn nói sâu, đều nói một cách

tự tại, được. Chưa đến trình độ này, hoàn toàn dựa vào cổ nhân. Khi chúng tôi mới học giảng kinh, năng lực nương vào cổ nhân cũng không có, nương vào thầy, hoàn toàn giảng lại bài của thầy. Giảng sai thầy chịu trách nhiệm, chúng tôi không chịu trách nhiệm. Mới học dùng phương pháp này, trước tiên học thầy, giai đoạn thứ nhất, giai đoạn thứ nhất này đặt nền móng vững chắc, học tập cổ nhân. Sau đó mới thoát ly khỏi chú sở của cổ nhân, bản thân nhập vào cảnh giới, đây gọi là cửa phương tiện. Chúng ta dùng của thầy, đây là phương tiện đầu tiên. Tiếp đến dùng của cổ nhân, từ phương tiện đầu tiên đi vào phương tiện. Sau cùng hoàn toàn không y theo bất kỳ chú giải của người nào, trực tiếp theo kinh văn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đây gọi là phương tiện chân thật. Thoát ly phương tiện chân thật, thì bản thân ta thành Phật rồi. Bồ Tát vẫn còn y theo kinh Phật mà.

Vì thế sau khi viên mãn bồ đề, chúng được quả Phật viên giáo cứu cánh viên mãn, hoàn toàn thoát ly kinh điển, những gì ta nói chính là kinh. Chúng ta cần phải hiểu, nương tựa như thế nào, làm sao để nâng cao lên, điều này có lợi cho việc tu học của bản thân.

## Hết tập 12

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 13****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, luận quán trang thứ mười ba, đoạn sau cùng. “Đệ tứ, luận bát tư nghi, phương tiện dụng giả”.

Ý nghĩa của mỗi chữ trong đoạn văn này, đã từng nói với chư vị. Hôm nay chúng ta cần thảo luận, sau khi chúng ta đọc xong nên học tập như thế nào, đây mới là điều quan trọng. Tác dụng của bộ kinh này, nếu luận đến chỗ rốt ráo, thật sự có thể giúp chúng ta chứng được quả Phật viên giáo cứu cánh. Đã có tác dụng lớn lao như thế, ngoài ra đều có thể nói là những thứ vụn vặt. Ngày nay chúng ta nói xã hội an định, thế giới hòa bình, phước báo của nhân dân. Đối với kinh này mà nói, đây là vấn đề đơn giản, chẳng có gì không làm được. Do đó cổ nhân thường nói, bộ kinh này trong thời kỳ mạt pháp, là bộ kinh điển quan trọng nhất để độ chúng sanh, điều này không hề quá đáng. Chúng ta suy nghĩ tường tận, trong hội Địa Tạng, Đức Thế Tôn đem sứ mạng giáo hóa chúng sanh sau khi ngài diệt độ, giao phó cho Bồ Tát Địa Tạng. Phật không trụ thế, đặc biệt là 10 ngàn năm trong thời kỳ mạt pháp, trách nhiệm giáo hóa chúng sanh do Bồ Tát Địa Tạng gánh vác, pháp môn Địa Tạng đối với thời kỳ mạt pháp quan trọng biết bao, chúng ta có thể nghĩ cũng biết.

Mạt pháp là mạt ở đâu? Điều này chúng ta cần phải rõ ràng, phải minh bạch. Thực tế mà nói chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp hình thành như thế nào? Chẳng lẽ thật sự có giới hạn này sao? Không tìm ra giới hạn này. Ba thời kỳ, nói thật đều do nhân tâm dày mỏng, dạy học tốt xấu. Thời kỳ chánh pháp nhân tâm thuần hậu, tiếp thu được giáo huấn của Như Lai, dạy học thù thắng. Thời kỳ tượng pháp kém hơn một bậc, nhân tâm thuần hậu không bằng thời kỳ chánh pháp, Phật không xuất hiện, nhưng vẫn còn Bồ Tát, vẫn còn A la hán đến giáo hóa chúng sanh. Do đây có thể biết, thánh nhân thị hiện ở thế gian này, há chẳng phải đều do nghiệp cảm của chúng sanh sao? Chúng sanh lấy tâm thuần thiện, lấy hành vi thuần thiện, cảm động Phật Bồ Tát đến giáo hóa. Chúng sanh tâm địa bất thiện, Phật Bồ Tát không đến, không có Phật Bồ Tát, không có La hán, không có thánh hiền xuất thế. Nhưng chúng ta từng đọc trong kinh điển, Phật pháp lấy “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”. Lại nói “đệ tứ nhà Phật không bỏ một ai”. Chúng sanh khổ nạn, Phật Bồ Tát không đến, há chẳng phải từ bỏ chúng ta sao? Như vậy nghĩa là sao? Chúng ta nên lãnh hội như thế nào? Phật Bồ Tát đích

thực là đại từ đại bi, ngài vẫn ứng hóa tại thế gian, nhưng không dùng thân phận thánh hiền, mà dùng thân phận phàm phu chúng ta. Do đây có thể biết, chư Phật Bồ Tát vĩnh viễn hàng thuận chúng sanh. Quý vị giống một vị thánh hiền, họ liền thị hiện thánh hiền, giúp quý vị thành thánh hiền. Còn như là phàm phu, họ liền thị hiện phàm phu, hòa quang đồng trần với quý vị, thị hiện phàm phu, hòa hợp với phàm phu, không nói pháp thánh hiền, vì sao vậy? Pháp thánh hiền chúng sanh nghe không hiểu, không lọt tai. Nói với chúng sanh pháp phàm phu, nói thiện pháp trong phàm phu. Đây chính là tùy loại hiện thân, tùy cơ thuyết pháp. Nếu nói với hàng hạ căn về thượng pháp, họ nghe không hiểu, không có hứng thú, họ không chịu học tập. Hàng hạ căn nói hạ pháp, nói trung pháp, hơi cao hơn một chút, họ còn có thể nghe lọt tai.

Quý vị xem, giảng kinh thuyết pháp với người bây giờ, nói gì? Nói về phát tài, họ vừa nghe mắt liền mở to, có thể dạy tôi phát tài, người ta sẽ đến. Cho nên ngày nay Chư Phật Bồ Tát đến thị hiện, giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh cũng nói về vấn đề phát tài, cũng nói về hưởng thụ, họ mới hoan hỷ tiếp thu. Sau khi tiếp thu, huân tập lâu ngày, mới dần dần chuyển biến quan niệm của họ. Sự hưởng thụ này không lâu dài, phàm là hưởng thụ ngũ dục lục trần của thế gian, thời gian lâu ngày đều sanh ra tâm lý chán ghét. Lại tùy theo tuổi tác lớn lên, đến lúc già, 70, 80 tuổi, niềm vui ngũ dục lục trần thế gian, ý niệm này nhạt nhẽo. Quý vị nhìn thấy rất náo nhiệt, tôi thấy không có chút thú vị nào. Lúc trẻ cũng thường đến hộp đêm, hiện nay nhìn thấy ý niệm đều không sanh khởi. Tùy theo tuổi tác của họ, tùy theo tinh lực của họ mà dần nâng cao lên. Đến sau cùng khi họ sắp chết, lúc này họ mới sợ hãi, lại khuyên họ niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thật sự chịu niệm Phật, thật sự vãng sanh, mục đích Phật Bồ Tát độ chúng sanh không phải đã đạt được rồi sao?

Cho nên mới nói, Kinh Kim Cang nói, Phật không có nói pháp nào nhất định, Phật cũng không thị hiện thân phận nào nhất định. Hoàn toàn xem nhu cầu của chúng sanh, sở thích của chúng sanh, nhu cầu của chúng sanh, mãn nguyện cho tất cả chúng sanh.

Trong hội nghị Tôn giáo, chúng tôi tiếp xúc với mỗi vị lãnh tụ Tôn giáo, tôi tĩnh tâm quan sát đều là Phật Bồ Tát ứng hóa, thị hiện vô số thân phận khác nhau. Lại có một lý niệm, hy vọng xã hội an định, hy vọng thế giới hòa bình, hy vọng Tôn giáo có thể hợp tác, hy vọng bản thân giảng kinh thuyết pháp không phê bình hủy báng các Tôn giáo khác. Đây không phải Phật Bồ Tát thì không nói ra được. Họ có quan niệm này, chúng ta khẳng định đó là Phật Bồ Tát hóa thân vào trong Tôn giáo đó, làm lãnh tụ, làm người lãnh đạo. Nếu không phải Phật Bồ Tát ứng hóa vào trong các Tôn giáo, vào trong các dân tộc, muốn dung hợp các nền văn hóa khác nhau, các Tôn giáo khác nhau có thể đoàn kết nhất trí, điều này rất khó khăn. Chúng ta tiếp xúc mới thấy được, cho nên tôi chấp tay xưng mọi người là Bồ Tát, xưng hô từ trong tâm,

không phải tâng bốc, là sự thật, họ là Phật Bồ Tát thị hiện. Cho nên thế giới này vẫn còn cứu được, không phải thật sự đến ngày tận thế, có thể cứu được. Nhiều Phật Bồ Tát trú thế như thế, ở đây nỗ lực cứu vãn đại kiếp nạn cho chúng sanh. Chúng ta công hiến cho họ một số phương pháp, để họ làm tham khảo, hy vọng kết hợp với trí tuệ của mọi người, chúng ta cùng nhau sáng tạo sự an định hòa bình, hưng thịnh phồn vinh, đây thật sự là từ bi tế thế. Tuy làm những công việc này, siêng năng nỗ lực thúc đẩy, trước sau giữ tâm thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Làm thành công không phải công lao của riêng mình, tuyệt đối không kể công. Việc làm thành công, chúng sanh có phước, oai thần của Chư Phật Bồ Tát trong ba đời mười phương gia trì, chúng ta có công đức gì chứ? Việc làm không thành công, tâm địa chúng ta cũng rất thẳng băng, cũng không sanh phiền não. Biết được điều gì? Chúng sanh nghiệp chướng quá nặng, cần phải chịu nghiệp báo này, tuy chúng ta tận tâm tận lực, vẫn không có cách nào cứu vãn. Chư Phật Bồ Tát từ bi, từ bi cũng không thể thay đổi định nghiệp của chúng sanh, điều này nhất định phải chúng sanh và Phật Bồ Tát hợp tác, chịu tiếp thu giáo huấn của Phật Bồ Tát.

Trong thời kỳ mạt pháp, vì sao chiêu cảm thiên tai lớn lao như vậy? Vì không có hiếu đạo. Chẳng những không có hiếu hạnh, đến khái niệm về hiếu cũng không có, điều này thật đáng sợ. Sự khác biệt giữa chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp, chúng ta cũng có thể dùng điều kiện hiếu đạo để quan sát. Chánh pháp, người người đều có thể tận hiếu. Tượng pháp, hiếu đạo suy yếu, tuy nói nhưng không thực hành, trong hành vi bị chiết khấu rất lớn. Thời kỳ mạt pháp chẳng những không thực hành, không có hiếu hạnh, quan niệm hiếu đạo cũng quên hết. Làm sao để cứu vãn thế nhân? Không có gì khác ngoài việc đề xướng hiếu đạo, ngoài việc dạy hiếu đạo, khuyến hiếu đạo. Hiếu là nền tảng của Phật pháp. Cũng có thể nói, hiếu là căn nguyên hạnh phúc mỹ mãn của tất cả chúng sanh. Cứu chúng sanh, phải cứu độ từ căn bản, cứu độ từ căn bản chính là hiếu đạo.

Phật giáo Trung quốc, một hai trăm năm gần đây chúng ta không nói. Xem trong quá khứ, truyền đến Trung quốc từ thời hậu Hán, thời Tùy Đường đạt đến đỉnh cao nhất, trong lịch sử gọi là thời đại hoàng kim của Phật giáo, trong triều không ai không tín phụng, không ai không tuân hành, đế vương đại thần làm gương cho tất cả nhân dân. Mặc dù đến cuối thời đại, hoàng đế không tận hiếu, sau khi chết trong thụy hiệu vẫn có chữ hiếu. Đây là nói tuy không làm được, họ vẫn biết hiếu đạo là việc tốt, vẫn muốn có chữ này, sau khi chết được vẻ vang. Bởi vậy các bậc đế vương ngày xưa, lấy hiếu trị thiên hạ, dùng lễ trị thiên hạ.

Phật pháp giáo hóa tất cả chúng sanh, cũng lấy “hiếu từ” làm căn bản. Phật pháp Trung quốc lấy tứ đại Bồ Tát làm cương lĩnh, tứ đại Bồ Tát chính là tứ đại danh sơn của Trung quốc. Chư vị phải biết, bốn vị này là nhất thể,

không thể tách rời, tách rời là sai lầm, bốn vị là nhất thể. Bắt đầu từ Địa Tạng, Địa Tạng chính là hiếu đạo. Địa là đại địa, tạng là bảo tạng. Chúng ta sống trên địa cầu này, ăn uống đi ở, thọ dụng tinh thần vật chất, đều phải dựa vào đại địa. Ngũ cốc lương thực sanh trưởng từ đại địa, chúng ta phải dựa vào nó để duy trì sinh mạng. Ăn mặc đi ở, tài nguyên nào không dựa vào đại địa? Nâng cao hơn, văn minh nâng cao hơn, hưởng thụ vô số nghệ thuật, tất cả trên bảo, cũng đều khai quật từ đất tinh luyện ra thành bầy bấu. Cho nên đức Phật dùng đại địa ví với tâm địa của chúng ta. “Địa” là biểu pháp, chúng ta thấy đại địa liền nghĩ đến tâm địa của mình. Tâm địa ta có vô tận trí tuệ, có vô tận đức năng, trí tuệ và đức năng chính là bảo tạng. Đại địa sanh trưởng vạn vật, hiển thị ra chân thiện mỹ tuệ phong phú đa dạng. Nhưng tâm địa chúng ta, hiển thị ra tận hư không biến pháp giới, trong kinh Đức Phật gọi là y chánh trang nghiêm. Tận hư không biến pháp giới y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, là tâm địa trí tuệ đức năng phong phú đa dạng của chúng ta, là tâm địa bảo tạng chân thiện mỹ tuệ của ta. Ai biết được? Phật biết. Chúng sanh là mê mà không giác, chư Phật Bồ Tát giác mà không mê, ngài biết, cho nên hiếu tâm của ngài mới viên mãn.

Thế nào gọi là hiếu? Ở trước đã nói, phù hiệu mà người Trung quốc viết, văn tự là phù hiệu, ý nghĩa hàm chứa trong phù hiệu này, chúng ta cần phải lãnh hội. Ý nghĩa của phù hiệu này, tượng trưng hư không pháp giới là nhất thể, nếu có nhận thức này, đây gọi là hiếu tâm, tận hư không biến pháp giới là nhất thể. Quý vị xem chữ này trên là chữ “lão”, dưới là chữ “tử”, hai chữ này hợp lại. Lão là đời trước, tử là đời sau, đời trước và đời sau là nhất thể, đây gọi là hiếu. Người phương tây nói, đời trước và đời sau có sự khác biệt, khác biệt tức không hiếu, không có hiếu. Danh xưng khác biệt này từ phương tây đến, người xưa không có. Đời trước còn có đời trước nữa, đời sau còn có đời sau nữa, quá khứ vô thi, vị lai vô chung, vô thi vô chung là nhất thể. Chính là trong kinh Phật thường nói: “đọc cùng tam tế, ngang biến thập phương”, đây là nghĩa của chữ hiếu.

Tam tế, thập phương là tổng thể sanh mạng của chúng ta, khái niệm này chính là khái niệm của hiếu. Nếu thật sự lãnh hội được, thật sự có nhận thức này, nhận thức này là Phật tri Phật kiến. Phạm phu chúng ta không nhận thức, Phật Bồ Tát nhận thức. Các bậc thánh hiền ngày xưa thật đáng nể, họ có thể tạo ra chữ này, vẽ ra phù hiệu này, họ có nhận thức này. Họ không có nhận thức này, sao có thể vẽ ra được phù hiệu này được?

Toàn thể sinh mạng, chúng ta nói từ ví dụ, ví thân thể này của chúng ta, thập pháp giới ví như mười bộ phận trên thân thể chúng ta, đầu mắt não tủy, tay chân ngực bụng, mười bộ phận, mười bộ phận là nhất thể thu nhỏ. Như một quốc gia, một dân tộc, đó chính là một tế bào trên thân thể. Hiện nay khoa học phân tích càng tỉ mỉ, tế bào tiếp tục phân tích, phân tích thành nguyên tử, điện tử, hạt căn bản. Dân tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, Tôn

giáo khác nhau, giống như nguyên tử, điện tử, hạt căn bản trong tế bào của thân thể, không tách rời tổng thể này.

Đối với Chư Phật Bồ Tát, đúng là hư không pháp giới là nhà mình, là một nhà, tất cả chúng sanh là chính mình. Trong kinh này chúng ta từng đọc, thế nào gọi là pháp thân? Tất cả chúng sanh là pháp thân. Tất cả chúng sanh là gì? Chính là hư không pháp giới, chúng sanh là hiện tượng do chúng duyên hòa hợp mà sanh. Hữu tình là chúng sanh, vô tình là chúng sanh, pháp giới là chúng sanh, hư không là chúng sanh, không có một pháp nào không phải chúng duyên hòa hợp mà sanh. Cho nên ý nghĩa chúng sanh rất rộng, đừng thấy chúng sanh liền cho rằng tất cả là loài hữu tình, như vậy là tầm nhìn rất hạn hẹp, như vậy sao có thể xưng là pháp thân?

Trước tiên chúng ta phải có khái niệm về hiểu, phải có nhận thức chân thực về hiểu, đây là khái niệm của Chư Phật Như Lai, nhận thức của Chư Phật Như Lai quả địa. Chúng ta kiến lập từ đây, chính là kiến lập Phật tri Phật kiến.

Trong đại vũ trụ này, người giác ngộ không phải ít, rất nhiều, địa cầu này của chúng ta người giác ngộ ít. Nếu thấy mười phương pháp giới, Chư Phật Bồ Tát vô lượng vô biên, Thanh văn, La hán vô lượng vô biên, người giác ngộ không phải số ít, nhiều. Người mê nhiều, người giác ngộ càng nhiều, cho nên sinh mạng mới sanh sanh không ngừng. Nếu người giác ngộ ít, người mê hoặc nhiều, vậy là xong. Vì thế phải biết, người giác ngộ nhiều, người không giác ngộ ít. Ngày nay chúng ta là thiếu số người không giác ngộ, Chư Phật Bồ Tát, A la hán giác ngộ, giúp thiếu số chúng sanh bất giác này, giúp chúng ta giác ngộ. Sau đó ta mới có thể nhận thức Kinh Địa Tạng, mới có thể thấu triệt Kinh Địa Tạng, hiểu rõ pháp môn Địa Tạng, ta mới có thể tu, có thể học, có thể dạy. Pháp môn Địa Tạng như vậy, có pháp môn nào ngoại lệ chẳng? Không có, không có ngoại lệ. Chẳng những tất cả pháp môn trong Phật pháp như vậy, quý vị mở ra xem, kinh điển pháp môn của các Tôn giáo khác chẳng lẽ không như vậy?

Nhà Phật thường nói: “viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên”. Viên nhân là ai? Là pháp thân đại sĩ trong Kinh Hoa Nghiêm, Viên giáo Bồ Tát tri kiến viên dung. Không những điển tịch của các Tôn giáo trong thế gian bày ra trước mắt viên dung, mà tất cả các pháp không có một pháp nào không viên dung. Sách các em mẫu giáo học: “mèo con chạy, chó con kêu”, cũng là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, cũng là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, viên dung. Sáu chữ này, có thể đem nghĩa kinh của Đại Phương Quảng, Kinh Địa Tạng phát huy đến triệt để. Quý vị thử nghĩ xem, hướng gì là kinh điển các Tôn giáo khác?

Vì sao ngày nay chúng ta giảng không viên mãn? Bản thân chưa nhập tri kiến viên mãn, chưa nhập vào tri kiến Phật. Chưa nhập vào tri kiến Phật, là chúng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước, chúng ta không biết hư không

pháp giới là một tổng thể, cho nên vĩnh viễn không thể kiến lập hiệu đạo. Chữ hiệu này, hiển thị hư không pháp giới là một tổng thể. Trên đến cứu cánh quả Phật, dưới đến địa ngục a tỳ, tổng thể.

Chúng ta có thể nói, nhân thiên trở lên là tế bào tốt trong thân thể chúng ta, bát nạn tam đồ là trên thân chúng ta mọc lên những tế bào xấu. Không thể đoạn trừ tế bào xấu, hiện nay không thể mổ cắt nó đi, chúng ta không cắt đi được. Phải làm sao bồi dưỡng tế bào xấu, khôi phục thành tế bào tốt, đây là dạy học. Vì xấu là không bình thường, nó vốn là bình thường, vốn là tốt, xấu là tạm thời không bình thường, có thể khiến nó khôi phục. Điều này phải dựa vào dạy học, phải dựa vào tu dưỡng. Vì thế Bồ Tát Địa Tạng tiêu biểu, thâm nhập vào hoàn cảnh cực kỳ ác liệt, địa ngục a tỳ, vẫn là lấy hiệu đạo giáo hóa những chúng sanh đó. Đại thừa Phật pháp lấy Địa Tạng làm nền tảng, từ trong hiệu đạo tiếp tục thăng hoa làm từ bi, từ bi là phát triển rực rỡ của hiệu đạo. Dạy học của Phật pháp lấy “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”.

Do đây có thể biết, Phật pháp mở đầu là hiệu từ. Từ là Bồ Tát Quan Âm làm đại biểu. Bồ Tát Địa Tạng biểu trưng cho hiệu, Bồ Tát Quan Âm biểu trưng từ. Từ là hiệu phát triển rực rỡ, nói cách khác, từ là thực hành hiệu. Từ bi phương tiện là thực hành hiệu đạo, thành Phật chính là hiệu đạo viên mãn. Đẳng giác Bồ Tát hiệu đạo chưa viên mãn, họ vẫn còn nhất phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, hiệu đạo chưa viên mãn. Đến Như Lai quả địa, hiệu đạo mới thật sự viên mãn.

Ở trước chúng tôi từng nói với quý vị, hiệu đạo bắt đầu từ hiệu thuận cha mẹ. Hiếu dưỡng thân cha mẹ, hiếu dưỡng tâm cha mẹ, hiếu dưỡng chí cha mẹ, làm viên mãn ba phương diện này, là viên giáo Phật quả. Cha mẹ nào không hy vọng con cái mình, người xưa gọi là thành long thành phụng, đây là khái niệm của người thế gian. Thành long thành phụng là tốt đẹp đến cực điểm, họ không biết tốt đẹp đến cực điểm là làm Phật. Nếu họ biết làm Phật, họ sẽ không muốn con cái làm long làm phụng, nhất định muốn con cái làm Phật, làm Bồ Tát. Chúng ta có thể dùng long phụng biểu trưng quả địa của Như Lai, là họ không biết, nhưng họ có hy vọng, luôn hy vọng con cái nổi tiếng, đạt đến đỉnh cao nhất. Đây là kỳ vọng của cha mẹ đối với con cái. Kỳ vọng của thầy đối với trò, nếu vị thầy hy vọng học sinh tương lai thành tựu không bằng mình, người này không phải thầy giáo, không xứng đáng làm thầy.

Ngày xưa thầy giáo gọi là sư đạo, luận sư đạo ngang với hiệu đạo, luận thầy giáo ngang với cha mẹ, có đạo lý rất lớn. Ngày xưa làm thầy giáo, hy vọng duy nhất, là hy vọng học sinh vượt qua mình, gọi là màu xanh xuất phát từ màu lam mà hơn hẳn màu lam, đây mới gọi là sư đạo. Quý vị xem sách cổ, nếu ngày xưa thầy giáo dạy học, thầy dạy học đều rất nghèo, vì họ không theo sự nghiệp sản xuất, giống như người xuất gia chúng ta vậy. Nguồn gốc sinh hoạt của họ, do học sinh cúng dường, gia đình học sinh giàu

có cúng dường nhiều một chút, nghèo khó cúng dường ít hơn. Như Khổng phu tử dạy học, gia đình học sinh cúng dường thầy giáo, tặng lễ vật gọi là thức tu. Tu là gì? Là thịt khô, người Trung quốc gọi là Lạp nhục, từng miếng, từng dây, một năm tặng một ít cho thầy, lễ vật nhỏ bé nhất. Người làm thầy, không ai có cuộc sống không khó khăn, người xưa gọi là tú tài nghèo. Nhưng họ rất có địa vị trong xã hội, trong xã hội không ai không tôn kính họ, tôn kính đức hạnh của họ, tôn kính tu dưỡng của họ, tôn kính công hiến của họ đối với xã hội, dạy một cách vô tư. Họ dạy học sinh này, tương lai học sinh thi đỗ công danh, nếu như học sinh thi không đậu, con cái của họ cũng dạy như vậy nhưng thi đậu, xã hội này sẽ mắng nhiếc họ là có tư tâm. Họ thà con cái mình thi không đậu, thi rớt, học trò thi đậu, đại chúng xã hội khen ngợi họ, thầy giáo này không có tư tâm, đại công vô tư, được xã hội khen ngợi.

Học trò vĩnh viễn không quên ân đức thầy, học trò đối với cuộc sống của thầy, đối với gia quyến con cái của thầy cũng chăm sóc suốt đời, chẳng khác nào chăm sóc cha mẹ anh em mình vậy. Khi họ gặp khó khăn, sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ. Ngày xưa thầy trò như cha con, hiện nay không còn, hiếu đạo đều không còn, sư đạo lấy đâu ra? Thế gian sao không loạn được? Sư đạo sao không suy được? Chúng ta phải biết nhân tố động loạn suy vi này ở chỗ nào. Chúng ta phải đề xướng hiếu đạo. Người thế gian vong ân phụ nghĩa, chúng ta cực lực đề xướng tri ân báo ân, dù một chút ân đức cũng không quên, phải toàn tâm toàn lực báo đáp nồng hậu, làm cho thế nhân thấy. Không phải nói trong giảng đường, phải thực hành, phải thể hiện nó trong cuộc sống hằng ngày. Học cách dùng tâm chân thành, tâm hiếu thuận đối diện với tất cả chúng sanh, tận tâm tận lực giúp tất cả chúng sanh, đây gọi là hành Bồ Tát đạo. Chúng sanh đó không tin Phật, chúng sanh đó hủy báng Phật, ta cũng dùng tâm chân thành, tâm hiếu thuận, phục vụ cho họ, giúp đỡ họ một cách vô tư. Họ sẽ hồi tâm chuyển ý, họ sẽ quay đầu. Họ cũng có lương tâm, lương tâm của họ hiện nay bị vật dục che mờ, không nhìn thấy tâm gương tốt, họ không tin thế gian còn có người tốt. Nếu họ thấy được tâm gương tốt, họ sẽ giác ngộ, sẽ quay đầu. Chúng ta tuyệt đối không được trách chúng sanh tạo nghiệp, chỉ trách mình làm chưa đủ, chưa tốt, không thể cảm động những chúng sanh tánh ác này, sao có thể trách người được? Mỗi niệm đều trách người, đẩy trách nhiệm cho người khác, là lỗi lầm lớn nhất của ta. Chúng ta tu học, vì sao không thể thành tựu? Đọc kinh nghe pháp vì sao không thể khai ngộ? Tu hành vì sao không nhập cảnh giới Phật? Chính là vì quan niệm sai lầm này, luôn đẩy trách nhiệm cho người khác. Sai, họ sai, tôi không sai, đâu biết rằng bản thân hoàn toàn sai lầm, họ không sai, chính mình sai. Sở dĩ Phật Bồ Tát có thể thành Phật Bồ Tát, điểm khác nhau là đây, Phật Bồ Tát mỗi niệm thấy lỗi lầm của mình. Nếu quý vị không tin, xem trong Lục Tổ Đàn Kinh, đại sư Huệ Năng là người như thế nào? Ngài làm

như thế nào? Ngài không thấy lỗi thế gian, không phải không có mắt, không phải không có trí tuệ, chẳng lẽ không nhìn thấy lỗi thế gian? Nhìn thấy. Ngài nói, đó không phải lỗi của người thế gian, là lỗi của chính mình, cho nên ngài có thể thành thánh thành hiền. Hai câu nói của ngài, chúng ta đừng hiểu lầm: “người tu đạo chân chánh, chẳng thấy lỗi thế gian”. Người thật sự tu đạo, nhìn thấy lỗi thế gian đều là lỗi của mình, thế gian không có lỗi, do tôi làm gương không tốt. Nếu thật sự không thấy lỗi thế gian, há chẳng phải biến thành ngu si sao? Làm gì có Phật Bồ Tát ngu si chứ? Quan niệm này không giống nhau. Toàn bộ thiên tai trên thế gian hôm nay do ai tạo thành? Tôi tạo thành, tôi chưa làm hết trách nhiệm, tôi chưa tu hành tốt, tôi chưa dạy tốt, không làm gương tốt cho chúng sanh. Lỗi lầm do mình, không do chúng sanh. Ta có thể xoay chuyển ý niệm này, như vậy là tương ứng với tâm bồ đề, Bồ Tát đạo.

Trong giới kinh dạy rằng, trong kinh giới đại thừa, hiếu thuận tất cả chúng sanh, hiếu gọi là giới. Chúng ta đâu hiểu được đạo lý này? Thậm chí có một số người vô tri ngu muội, mang trên người bộ y phục này, đầu tròn áo vuông, công cao ngã mạn, mình là trên hết, cho rằng tất cả mọi người phải kính lễ mình, tất cả mọi người phải cúng dường mình, tất cả mọi người phải hiếu thuận mình. Không biết mang trên người bộ áo quần này, phải hiếu thuận tất cả chúng sanh. Không biết Phật Bồ Tát dạy chúng ta phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, sao có thể tác oai tác quái, sao có thể có thái độ ngạo mạn này? Bản thân ta có hành vi biểu hiện này, sao có thể khiến chúng sanh tâm phục khẩu phục? Sao có thể khiến chúng sanh tôn kính mình, học tập theo mình?

Bồ Tát Địa Tạng không đơn giản, giáo chủ cõi u minh. Cõi u minh đều là chúng sanh tạo tội nghiệp cực nặng, ngài ở trong này làm tấm gương tốt cho họ noi theo, thể hiện cho họ thấy. Bồ Tát Địa Tạng ở trong Địa Ngục, hiện hình tướng không phải như vậy. Mọi người đều từng thấy chân tế cô hồn, khi cúng cô hồn, đôi diện bàn cô hồn thường cắm một hình quỷ vương bằng giấy, Tiêu Diện đại sĩ, mặt mũi hung dữ, đó là ai? Là Bồ Tát Quan Âm.

Chư Phật Bồ Tát ở trong cõi nào, thị hiện hình tướng ở cõi đó. Bồ Tát Địa Tạng ở địa ngục, thị hiện hình tướng chúng sanh trong địa ngục. Ở trong đường ngạ quỷ, thị hiện hình tướng của đường ngạ quỷ. Ở trong đường súc sanh, thị hiện thân súc sanh. Tùy loại hóa thân mới có thể ứng cơ thuyết pháp. Ta độ chúng sanh ở cõi nào, nhất định phải hiện thân hình ở cõi đó, tuyệt đối không phải dùng một thân tướng có thể độ tất cả chúng sanh, không thể.

Lấy người thế gian để nói, người bản cùng hạ tiện, nếu gặp một người có phước đức lớn, đến đó giáo hóa chúng sanh, họ vừa nhìn thấy sợ bỏ chạy ngay, không dám thân cận. Làm sao để tiếp xúc họ? Chúng ta cũng phải dùng thân phận bản cùng hạ tiện, lập tức hòa hợp với họ, phải hiểu đạo lý

này. Vì thế phải biết quán cơ, căn cơ như thế nào, chúng ta nhất định phải tương ứng với họ, như vậy mới có thể giúp họ. Ta tiếp xúc, họ mới có thể hoan hỷ. Anh với tôi là đồng loại, anh và tôi là bình đẳng. Anh cao hơn tôi quá nhiều, có sai biệt lớn như vậy người ta sẽ xa rời mình.

Đức Phật đến thế gian này, vì sao không hóa thân đến, nhất định phải ứng thân đến? Ứng thân nghĩa là đầu thai, dùng phương thức này đến, mọi người nhìn thấy, ông cũng là người, tôi cũng là người, tôi là cha mẹ sanh ra, ông cũng là cha mẹ sanh ra. Thấy ông có thể thành tựu, đại khái tôi cũng không kém. Nếu ngài hóa thân đến, đến giáo hóa chúng sanh, quý vị nhìn thấy, ông ta là thần, chúng ta là người, không được. Chúng ta là thân huyết nhục do cha mẹ sanh ra, ông là thiên thần giáng phàm, sao tôi có thể học ông? Dạy học liền giảm hiệu quả. Nhất định phải hiện thân đồng loại, nhất định phải trên nền tảng đồng loại, dần dần đưa họ nâng cao, vấn đề này nhanh không được, dục tốc bất đạt, phải từ từ.

Cho nên “hiếu từ” không thể lìa phương tiện. Phương là phương pháp, tiện là phương pháp vô cùng thích hợp. Đối với chúng sanh như thế nào, đối với hoàn cảnh ra sao, phải dùng phương pháp gì. Đối với một người, khi họ gặp thuận cảnh và khi họ gặp nghịch cảnh, phương pháp không giống nhau. Khi họ hoan hỷ, khi họ phiền não, phương pháp cũng khác nhau. Bồ Tát có trí tuệ, Bồ Tát có thể quán cơ, phương pháp đó ngài vận dụng rất linh hoạt, không hề cứng nhắc, vì thế có thể tùy duyên, có thể hóa đạo tất cả chúng sanh.

Kinh này tổng cộng có 13 phẩm, trong 13 phẩm có thể phân thành bốn đoạn lớn. Đoạn lớn thứ nhất, nói về Bồ Tát Địa Tạng, xưng tán đức hạnh của ngài. Đây là dạy chúng ta phải học tập, ngài có thể phân thân, ngài đồng ý vào địa ngục, ngài bằng lòng giáo hóa ngạ quỷ. Người bình thường nhìn thấy tam đồ, thường trốn tránh, lẩn tránh, còn ngài thì không. Đây là dạy chúng ta phải phát đại tâm, càng là nơi khổ nạn, chúng ta càng phải đi. Về điểm này, người xuất gia trong nhà Phật hiện nay, không bằng tín đồ Thiên chúa giáo. Thần phụ của Thiên chúa giáo, chúng ta thấy trong nhiều quốc gia, những thổ dân đó sinh hoạt rất thanh bản, họ xây dựng giáo đường ở đó, ở đó truyền đạo. Chúng ta thấy quá khổ, nơi đó không thể đến, điều này không sánh bằng họ. Người ta là hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng, chúng ta sợ khổ sợ nạn, họ không sợ khổ, không sợ gian nan, thật sự có thể hy sinh bản thân, thành tựu người khác, sao chúng ta không tán thán được?

Đoạn lớn thứ hai có ba phẩm kinh, Phẩm Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên, Phẩm Nghiệp Cảm Chúng Sanh Diêm Phù Đề, Phẩm Danh Hiệu Địa Ngục. Đây là gì? Đây là nói về xã hội hiện thực, quán cơ. Ta cần phải thấu triệt, chúng sanh vì sao biến thành chúng sanh? Đặc biệt là chúng sanh khổ nạn nơi cõi Diêm phù đề. Ta phải hiểu vì sao họ biến thành chúng sanh? Vì sao họ chịu khổ chịu nạn? Vì sao họ đọa vào tam đồ? Trong kinh này đưa ra

cho chúng ta một tổng kết: “Bất hiếu cha mẹ”, bất kính Tam bảo. Tam bảo chúng ta không nói. “Bất kính sư trưởng”, cho nên mới biến thành như thế. Bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, hiếu đạo, sư đạo đều không có, sau đó tùy thuận phiền não của mình, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Tùy thuận tự tư tự lợi của mình, tùy thuận tham sân si mạn của mình, vậy làm sao không tạo nghiệp được? Như vậy mới tạo mười ác nghiệp thân khẩu ý, cảm thọ khổ báo trong lục đạo tam đồ. Đoạn này nói, khiến chúng ta thấu triệt hoàn cảnh hiện thực, gọi mở điều này cho chúng ta.

Ngày nay chúng ta phải thấu hiểu là toàn bộ thế giới, vì đối tượng dạy học của chúng ta là toàn thế giới. Hiện nay dạy học có thể lợi dụng khoa học kỹ thuật cao, phương tiện hơn ngày xưa rất nhiều. Hiện nay không cần xây dựng đạo tràng, không cần đem tiền chôn xuống đất, không khởi tác dụng, thật đáng tiếc. Bản thân tu thân dưỡng đạo, ở trong ngôi thảo am là đủ.

Đương thời Đức Thế Tôn đêm ngủ dưới gốc cây, chúng ta ngày nay, nghiệp chướng quá sâu nặng không thể làm được, không có thể lực này. Ngủ dưới cây ngoài trời một đêm liền sanh bệnh, cho nên ở am tranh cũng được.

Trước đây tôi thường nghĩ đến, ở Đại lục liệu trại của dân Mông cổ rất hay, tôi rất ngưỡng mộ. Ở giữa dựng một đại Phật đường, xung quanh dựng mấy liệu trại của Mông cổ, liệu nhỏ một người ở một trại, quý vị xem tự tại biết bao. Tôi cũng có ý, muốn mua một ít liệu trại của Mông cổ đem đến Úc châu, ở như vậy cũng khá thoải mái. Môi trường sống càng đơn giản càng tốt, càng nhỏ càng tiện, chúng ta có nhiều thời gian, mỗi ngày lễ Phật, tụng kinh, bái sám.

Một am tranh, xung quanh là nơi để mình nhiều Phật, nhiều Phật kinh hành. Trong đó có một gian phòng, ban ngày xếp tám nệm lại, để vào trong tủ, chính là Phật đường. Khi mệt, trải nệm ra trở thành căn phòng, chỉ một phòng. Khi nghe kinh, cộng tu, chúng ta có một niệm Phật đường để cộng tu, có một giảng đường cùng nhau giảng kinh nghiên cứu giáo lý. Lợi dụng khoa học kỹ thuật hiện nay, chúng ta giảng kinh nghiên cứu giáo lý đều đưa lên mạng, làm thành CD, truyền bá trên toàn thế giới. Cho dù ở trong núi sâu, chúng ta hoàng pháp lợi sanh cũng có thể truyền đến toàn thế giới, điều này ngày xưa không làm được. Ở nơi đây tu hành chơn chánh, đào thải tập khí phiền não của mình, bồi dưỡng đạo tâm của mình, thành tựu trí tuệ đức năng của mình. Sau đó có duyên, giáo hóa chúng sanh, không có duyên, tu tâm dưỡng tánh, đào tạo học sinh, khiến tuệ mạng Phật pháp không đến nỗi đoạn tuyệt, Phật pháp đời này qua đời khác có nhân tài xuất hiện. Đây là điều chúng ta cần phải làm.

Mục tiêu sau cùng của việc hoàng dương Phật pháp, chúng ta ngày ngày hy vọng, hy vọng bản thân có năng lực, thành lập một đài truyền hình vệ tinh để truyền bá. Dùng ti vi truyền bá Phật pháp vào trong mỗi gia đình, truyền đến toàn thế giới. Đây là đạo tràng, đạo tràng thời hiện đại, chúng ta phát

triển theo mục tiêu này, nỗ lực theo phương hướng này. Nhất định phải biết quán cơ, chúng sanh thời hiện đại cần gì? Người phương đông cần gì? Người phương tây cần gì? Đều phải hiểu các dân tộc khác nhau, mỗi một dân tộc họ cần gì? Chúng ta giảng kinh thuyết pháp, chúng ta dạy học, làm tròn nguyện vọng của họ, họ sẽ hoan hỷ. Đây gọi là khế cơ, như vậy mới có thể tiếp thu.

Trong đoạn thứ ba, tán thán, lợi ích tồn vong, khen ngợi của các vua Diêm la. Trong này gọi mở cho chúng ta rất nhiều, nói với chúng ta rất nhiều phương pháp khác nhau, dùng phương pháp gì tiếp xúc những đại chúng này. Trong kinh điển nói, chúng ta phải lãnh hội ý nghĩa của nó. Chẳng hạn như nói về đốt hương, tụng kinh, treo phan, tạo tượng, cúng tăng. Nếu ta hiểu và thực hành theo nghĩa hẹp của nó, vậy là chưa hiểu ý của Phật.

Đốt hương nghĩa là sao? Phải khiến cho tất cả chúng sanh trên toàn thế giới, dân tộc khác nhau, Tôn giáo khác nhau, làm thế nào để kiến lập tín tâm đối với chánh pháp. Hương tượng trưng tín hương, vậy là thật sự đã đốt hương, giúp họ kiến lập tín tâm. Không những là ngôn giáo, còn có thân giáo, ý giáo, tam luân giáo hóa, ta phải làm cho họ có niềm tin với mình.

Như hiện nay chúng ta tiếp xúc với Tôn giáo bên ngoài, chúng ta vừa tiếp xúc, họ liền có niềm tin với ta. Không đến nỗi xem ta thành người xấu, họ không cảm thấy ta sẽ gây tổn hại đến họ, họ tiếp xúc rất hoan hỷ. Tuy chúng ta có trở ngại về ngôn ngữ, nhưng về tâm trạng, chúng ta có thể thể hiện một cách rất thân thiết. Kiến lập tín tâm, đây chính là đốt hương.

Tụng kinh là gì? Quan niệm ý kiến của hai bên đều câu thông. Từ điểm này quý vị phải hiểu, phải lãnh ngộ, tuyệt đối không cứng nhắc vào chữ nghĩa. Chấp chặt vào chữ nghĩa, cố nhân nói đây là con một sách, ăn mà không tiêu hóa. Học Phật, thầy Lý nói, học thành con một Phật, chấp chặt vào từng câu từng chữ trong kinh điển, ta không thể lãnh hội, không thể lãnh ngộ, làm sao có thể thực hành vào trong xã hội hiện thực? Làm sao có thể phổ độ chúng sanh?

Trong tất cả kinh điển đại thừa ta thấy, đối tượng Phật tiếp xúc, đối tượng dạy học, đều là mọi chủng tộc khác nhau, các nền văn hóa khác nhau, tất cả tư tưởng và Tôn giáo tín ngưỡng khác nhau. Ở đây chúng ta cần phải lãnh hội được, phải thấy rõ ràng, ngày nay chúng ta đối diện sự thật. Kinh điển gọi mở cho chúng ta, dạy phương pháp cho chúng ta, dạy nguyên tắc cho chúng ta, chúng ta đều áp dụng trong cuộc sống. Vì thế kinh điển rất linh hoạt, Phật pháp cũng rất linh hoạt. Trong đoạn lớn này, là dạy ta tiếp xúc như thế nào.

Tạo tượng, tức tạo thành hình tượng như thế nào khiến tất cả đại chúng đều hoan hỷ. Chúng ta thấy trong kinh tạo tượng, lập tức tạo tượng Bồ Tát, tạo tượng Phật, ý của Phật không phải như vậy. Mà ngài dạy chúng ta, trong các chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tạo một hình tượng khiến tất cả đại chúng đều có thể tiếp nhận, đều có thể hoan hỷ. Tạo tượng như vậy mới

có lợi ích, mới có thể giải quyết vấn đề cho xã hội, mới có thể tiêu trừ tai nạn cho tất cả chúng sanh.

Tai nạn không ngoài hai loại, do con người tạo ra, con người gây ra chiến tranh, chiến tranh là nhiều phương diện. Đạo thương đối lập là chiến tranh, về phương diện kinh tế cũng là chiến tranh, văn hóa bất đồng cũng đang chiến tranh, chỉ cần đối địch đều là chiến tranh. Muốn chiếm lợi ích của người khác, khởi ý niệm này chính là chiến tranh. Chiến tranh là nghĩa rộng, chiến tranh là nhiều phương diện, làm sao tiêu trừ?

Thật sự có thể làm được giữa người và người yêu thương lẫn nhau, đó chính là từ bi, kính yêu lẫn nhau. Bồ thí cúng dường vô điều kiện, bồ thí cúng dường không kèm theo bất kỳ điều kiện nào, bồ thí cúng dường không yêu cầu bất cứ báo đáp nào. Bồ thí cúng dường như vậy gọi là xứng tánh, phước báo đó không cùng tận. Bồ thí một chút liền so đo tính toán, phước báo đó rất có giới hạn, dù bồ thí nhiều đến đâu, phước báo cũng rất ít. Trong kinh Phật thường nói điều này, chúng ta cần phải lãnh hội. Đây chính là giữa người với người, phải kiến lập mối quan hệ thật tốt. Mọi chủng tộc, tất cả chúng sanh khắp tận hư không biến pháp giới, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp đối với họ.

Tiêu trừ tai nạn do con người gây ra, tiêu trừ tai nạn do người gây ra, nói cho chư vị biết, thiên tai tự nhiên cũng chuyển biến theo. Vì sao vậy? Vì y báo chuyển theo chánh báo. Tâm người ở đây thiện, có thể lương thiện, tâm tốt, hành vi tốt, hoàn cảnh địa lý đó trở thành tốt, chúng ta gọi là phong thủy chuyển thành tốt. Người xưa thường nói: “Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”. Chúng sanh có phước, hoàn cảnh này liền chuyển tốt, biến thành đất phước. Chúng sanh không có phước, ở đây hoàn cảnh vốn tốt, phong thủy tốt, họ ở một thời gian, chưa đến hai ba năm phong thủy trở thành xấu. Cảnh tùy tâm chuyển, chứ không phải tâm tùy cảnh chuyển, tâm tùy cảnh chuyển là phàm phu.

Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “có thể chuyển cảnh, tức đồng Như Lai”. Cho thấy Phật Bồ Tát là cảnh tùy tâm mình chuyển. Phàm phu mới là tâm tùy cảnh chuyển, đây là sai lầm. Tâm là chủ, cảnh là tâm biến hiện. Cho nên tiêu trừ tai nạn do con người gây ra, thiên tai tự nhiên cũng không còn.

Nền tảng căn bản chính là hiếu từ, chính là hiếu thân tôn sư, không có gì khác. Có thể nhận được hiệu quả này, lại tiến thêm một bước, đó chính là đoạn cuối cùng của kinh này. Từ phẩm danh hiệu thứ chín, so sánh công đức của sự bố thí, hộ pháp, thấy nghe lợi ích, đến sau cùng là chúc lụy nhân thiên. Đây là dần dần nâng cao, giúp họ khai ngộ, giúp họ được phước.

Thiện căn, căn tánh lành lợi, giúp họ thành Phật. Thành Phật, có phá hoại Tôn giáo tín ngưỡng của họ chăng? Không có, không phá hoại. Thành Phật là thành gì? Là thành tựu trí tuệ viên mãn. Nếu ta nói thành Phật, họ không hiểu. “Tôi tin giáo lý của ông”, họ không muốn tiếp thu. Thành tựu trí

tuệ viên mãn, họ cần chăng? Họ cần, bất kỳ tôn giáo nào đều thích mình có trí tuệ viên mãn, người của dân tộc nào họ cũng hy vọng mình có trí tuệ viên mãn, phước báo viên mãn, thành Phật. Chúng ta đừng nói với họ về thành Phật, thành tựu trí tuệ viên mãn, thành tựu phước báo viên mãn. Họ thành Phật, thành Bồ Tát, bản thân họ vẫn không biết, trên thực tế họ là Bồ Tát thật, Phật thật. Cần phải làm cho họ có thể tiếp thu, có thể lý giải, họ có thể thực hành.

Phật pháp dạy học, gọi là phương tiện thiện xảo chính là đây, đặc biệt là cơ duyên thành thực. Tất cả mọi loại chúng sanh, không ai không cầu của cải, không ai không cầu thông minh trí tuệ, không ai không cầu mạnh khỏe sống lâu. Cầu như thế nào họ không biết, chúng ta dạy họ phương pháp cầu, nói tường tận với họ. Anh muốn cầu là quả báo, quả tất có nhân. Anh muốn quả báo mỹ mãn, nhất định phải tu thiện nhân, thiện nhân nhất định có thiện quả. Nói thấu triệt đạo lý nhân quả với họ, trong bộ kinh này nói rất nhiều. Những thủ đoạn không như lý, không như pháp, tuyệt đối không có được thiện quả. Điều này chúng ta có thể quan sát tường tận, có thể đưa ra ví dụ để chứng minh. Xã hội hiện nay và xã hội ngày xưa, cơ cấu hoàn toàn khác nhau. Tư tưởng người hiện đại, và tư tưởng người xưa cũng hoàn toàn khác nhau. Tư tưởng người xưa rất bảo thủ, tư tưởng người bây giờ khai phóng. Vì người xưa tiếp xúc, suốt đời họ tiếp xúc phương diện nhỏ. Quả thật có người suốt đời không giao tiếp với thôn trang bên cạnh, quý vị xem sinh hoạt của họ nhỏ biết bao. Ở trong thành thị của mình, suốt đời chưa đến thành thị bên cạnh. Ngày xưa trường hợp này rất nhiều, giao thông không phương tiện, ngôn ngữ có chướng ngại.

Lúc tôi còn nhỏ, từng ở Phúc Kiến sáu năm, Phúc kiến thuộc vùng Khuu Lăng, giao thông không phương tiện. Cho nên suốt đời ở một chỗ, nhiều người quả thật không hề qua lại. Thôn trang này ngôn ngữ khác với thôn trang khác, Phúc Kiến có rất nhiều ngôn ngữ, rất phức tạp.

Nhưng hiện nay do khoa học kỹ thuật phát triển, giao thông nhanh chóng, toàn thế giới hợp thành một xã hội. Tham quan du lịch trở thành một bộ phận không thể thiếu trong cuộc sống người hiện đại, họ có kỳ nghỉ, họ không nghỉ ở nhà, mà đi du lịch, cho nên không gian cuộc sống quá lớn, diện tích tiếp xúc rất rộng. Làm sao để những chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, Tôn giáo tín ngưỡng khác nhau, cùng chung sống trên địa cầu này? Địa cầu trở thành một xã hội lớn của chúng ta, làm sao có thể chung sống hòa bình? Thật sự có thể làm được cùng tồn cùng vinh, hạnh phúc mỹ mãn, phải dựa vào dạy học. Trong Học Ký nói: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, dạy học quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Cho nên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không làm quốc vương, vì sao vậy? Vì chính trị không đạt được mục tiêu này. Ngài cũng không làm tướng quân, vũ lực không giải quyết được vấn đề này. Ngài đi làm việc giáo dục xã hội. Thân phận của Đức Phật Thích

Ca Mâu Ni, địa vị của ngài, nói như người bây giờ, ngài là một người làm theo nghĩa vụ, không nghĩ đến báo đáp, không cần đáp đền. Ngài là người làm công tác giáo dục xã hội, mà còn là người làm công tác giáo dục xã hội đa nguyên. Ngài làm gương cho chúng ta, hậu thế chúng ta giác ngộ.

Quý vị xuất gia, có thể chưa giác ngộ vấn đề xuất gia, đã xuất gia một cách hồ đồ, sau khi xuất gia phải làm một người giác ngộ. Ta vốn phải giác ngộ mới xuất gia, ai ngờ vẫn còn mơ hồ đã xuất gia, sau khi xuất gia nhất định phải giác ngộ, bản thân nhất định phải làm một người thầy dạy học về nền văn hóa đa nguyên, gọi là pháp sư. Pháp sư là thầy dạy học về nền văn hóa đa nguyên. Nên nhớ, chúng ta phát tâm vì nghĩa vụ, ta chỉ làm hết trách nhiệm của mình, tuyệt đối không yêu cầu gì đối với cuộc sống, chỉ cầu tứ sự cúng dường, ăn đủ no, mặc đủ ấm, có một nơi đủ che nắng che mưa, vậy là đủ. Chúng ta so với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cuộc sống vật chất đã nâng cao rất nhiều. Nâng cao quá nhiều, có lỗi với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khiến xã hội đại chúng thấy, xuất gia không tẻ, quý vị thấy cuộc sống của họ quá tốt, nơi ở chẳng khác gì hoàng cung, xuất gia quá sướng. Khiến đại chúng xã hội phát sanh quan niệm sai lầm, không thể như vậy. Quý vị sống cuộc sống vật chất như vậy, nếu quý vị không đạt được thành tựu, tương lai nhất định đọa lạc. Nếu đạo nghiệp thật sự thành tựu, ta vẫn sống cuộc sống rất thanh bần, vậy là ta đã làm tấm gương tốt nhất cho thế nhân, mọi người không ai không xưng tán. Chúng ta không cần người xưng tán, người ta xưng tán là ngưỡng mộ, liền phát tâm học tập theo, mục đích là đây.

Chúng ta học Phật, lấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm thầy. Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc chưa từng đến, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới này, cuộc sống của ngài chính là tấm gương sáng cho chúng ta, chúng ta phải học theo ngài. Cuộc sống thanh bần là cuộc sống mạnh khỏe nhất, cuộc sống thanh bần là cuộc sống hạnh phúc nhất, người thế gian không biết. Vì sao vậy? Vì vô ưu vô lo, không vương không bận, quý vị xem tự tại biết bao. Hợp thành nhất thể với đại tự nhiên, quý vị xem cuộc sống này lành mạnh biết bao, tốt đẹp biết bao.

Ngày nay chúng ta từ bỏ đại tự nhiên, sống chung với những người tham sân si mạn, khiến cuộc sống thật khó khăn, thật gian khổ. Không biết rằng trở về với thiên nhiên, đó mới là hạnh phúc mỹ mãn thật sự. Chư Phật, chư vị tổ sư đại đức, cuộc sống của họ đều trở về với tự nhiên. Chúng ta quan sát từ những điều này, lãnh ngộ từ những điều này, sau đó mới thật sự học được “phương tiện”, học được “thiện xảo”, biết nên sống như thế nào. Cuộc sống chính là học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo.

Ở đây nói phương tiện bát tư nghi, chúng ta đã hiểu, cũng có thể thực hành, đúng là phương tiện thiện xảo không thể nghĩ bàn. Phương tiện ở đây không thêm vào hai chữ “thiện xảo”, thật ra nghĩa của thiện xảo hàm nhiếp viên mãn trong đó. Học kinh như vậy, mới có thể đạt được lợi ích chân thật,

mới có thể giúp tất cả chúng sanh khổ nạn, mới có thể tiêu trừ tai nạn do con người gây ra và thiên tai tự nhiên. Nỗ lực của chúng ta, chúng ta có lòng tin, tiền đồ rất sáng suốt. Huống gì còn có Chư Phật Bồ Tát, long thiên hộ pháp thiện thần gia trì. Đây là điều chúng ta phải học tập, phải siêng năng, phải nỗ lực.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 13**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 14****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Giới Niệm****Biên tập: Nguyên Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Xin mở kinh ra, Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, trang thứ mười bốn phần quán luận, bắt đầu xem từ dưới lên hàng thứ hai, đây là đoạn huyền nghĩa cuối cùng nói về “Phán giáo”. Trước tiên, chúng ta đọc qua đoạn văn này.

*“Đệ ngũ phán vô thượng đề hồ, vi giáo tướng giả, phàm ngôn giáo giả, thị thông đồ chi ngôn, đăn hữu chỉ huy, phân phán biện thuyết, giai danh vi giáo, tứ giáo nghĩa vân, thông ngôn giáo giả, dĩ thuyên lý hóa vật vi nghĩa, thuyết năng thuyên lý, hóa chuyển vật tâm, cố ngôn giáo dã”.*

Chúng ta xem đoạn văn này, đoạn văn này trước tiên nói cái gì gọi là giáo? Nếu nói như hiện nay, giáo là giáo học, chính là để phân biệt bộ kinh này, khóa trình của môn này, phải học vào lúc nào? Giống như người chủ quản lý việc dạy học trong trường của chúng ta, để sắp xếp những đề mục và tiến trình dạy học của trường, họ sắp xếp nó vào một học hệ nào, sắp xếp học môn này vào lịch trình năm nào. Nhưng trước đây, đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp, thật sự không có ý này. Phán giáo là do các vị Tổ sư đại đức sau này, vì để tiện cho sự giảng dạy mà làm.

Nhưng Phật pháp viên dung, do đó chúng ta nhất định không thể chấp chặt cho rằng pháp này là của cổ đức nói. Pháp của ngài nói có lợi ích, nhưng nếu chúng ta chấp chặt vào đó, thì tác dụng hoàn toàn trái ngược, không chỉ không được lợi ích, mà trái lại bị tổn hại.

Chỗ này nói với chúng ta rằng, phàm là nói giáo, giáo là danh xưng phổ thông, giáo chính là dạy học. Ý của nó có chỉ huy, có xét đoán, có biện luận, tất cả đều gọi là giáo. Chỉ huy chính là bây giờ chúng ta nói chỉ đạo, xét đoán, biện luận, các vị cũng rất dễ hiểu, đây đều gọi là giáo. Ta chỉ đạo người khác chính là giáo người, ta phân tích, phán đoán cho người khác cũng là dạy người, ta cùng với người biện luận, giảng giải vẫn gọi là dạy người, tất cả đều thuộc về giáo. Ở trong bốn giáo nghĩa của Thiên Thai nói, thông ngôn giáo là lấy sự giảng lý hóa vật làm nghĩa, ý này nói rất hay.

*“Thuyết năng thuyên lý”.* Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài hoàn toàn dùng ngôn thuyết, không có dùng văn tự để ghi lại. Văn tự là do người đời sau làm, sau khi Đức Phật diệt độ, các đệ tử cảm thấy lời giáo huấn của Đức Phật, thật sự có lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nếu cứ truyền miệng cho nhau, qua thời gian lâu nhất định có sai lạc, về sau cái sai ấy cứ truyền mãi, đây là điều

không thể tránh khỏi. Xưa nay trong ngoài nước đều có hiện tượng này, khó mà khiến cho người đời sau sinh khởi lòng tin. Do đó, dùng văn tự để ghi lại trở thành việc rất cần thiết.

Vì thế, các đệ tử mới tổ chức tập kết kinh điển, kết tập cũng là chỉnh lý, dùng văn tự ghi lại những lời giáo huấn của Đức Phật, để truyền lại cho đời sau. Tình tiết của sự tập kết, các vị cũng được nghe rất nhiều, ở đây không cần nói để khỏi mất thời gian.

“*Văn dĩ tải đạo*”, điều này Cổ nhân Trung Quốc đã chủ trương, đạo lý ngôn ngữ, văn tự đã nói, người bây giờ gọi là chân lý. Lý người bây giờ gọi là chân lý, đạo lý chân thật, sự tương chân thật. Sở dĩ “*thuyết năng thuyên lý*”, mục đích của thuyết giáo ở chỗ nào? Mục đích là “*hóa chuyển vật tâm*”. Đây là công năng của giáo dục, mục đích của giáo dục.

Chúng ta học Phật, phát tâm xuất gia, làm đệ tử Phật, sứ mạng của chúng ta chính là kế tục huệ mạng của Đức Phật, truyền bá giáo hóa của Đức Phật, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, đây là sứ mạng duy nhất của chúng ta. Chúng ta đến thế giới này để làm việc này, ngoài việc này ra, còn những việc khác không phải là việc của chúng ta làm. Việc từ thiện cứu tế rất nhiều, sự nghiệp từ thiện của xã hội có phải là việc chúng ta nên làm hay chẳng? Không phải. Chúng ta cần phải làm sự nghiệp đại từ thiện, chúng ta cần phải làm sự nghiệp từ tế căn bản, đó là cứu độ pháp thân huệ mạng của tất cả chúng sinh.

Sự nghiệp từ thiện của người đời làm là sự nghiệp nhỏ. Người không có ăn ta cầm một ít vật thực đến cho họ ăn, người không có áo quần mặc ta cầm vài bộ áo quần đến cho họ mặc, đó là việc nhỏ. Chúng ta giúp đỡ là giúp đỡ việc lớn: “*Chuyển hóa vật tâm*”. Hóa là biến hóa, chuyển là chuyển biến. Trong đây không nói nhân tâm, mà nói vật tâm. Nói nhân tâm thì trong chín pháp giới chỉ độ được một pháp giới, nói vật tâm là nói bao quát cả chín pháp giới, vật có thể bao gồm cả người, nhưng người không thể có vật. Do đó, ý nghĩa này rất rộng. Cũng chính là ngày nay nói tất cả hữu tình chúng sinh, chứ vật bao gồm tất cả hữu tình chúng sinh.

Chúng ta cần phải giúp đỡ họ, làm một đại chuyển biến, cần phải giúp đỡ chúng sinh, chuyển hóa người mê hoặc điên đảo thành bậc giác ngộ, chánh tri chánh kiến, việc dạy học này mới có thành tích đáng nói. Chuyển mê thành ngộ, hóa tà thành chánh, chuyển nhiễm thành tịnh, đây là cương lĩnh chung mà Đức Phật dạy cho chúng ta. Chúng ta cần phải giúp đỡ người khác thay đổi, trước tiên chúng ta cần phải thay đổi chính mình, sau đó dạy người khác thì họ mới có lòng tin với chúng ta. Nếu chính chúng ta không thay đổi, mà dạy người khác thay đổi thì họ sẽ không có lòng tin với chúng ta. Lời nói không dứt khoát, thế nào cũng được. Vì sao vậy? Vì chính mình không đủ lòng tin, nên cần phải chính mình thay đổi, tự độ rồi, sau đó mới có thể độ người. Độ chính là thay đổi, chính là hai chữ “*hóa chuyển*” này.

Chân lý mà Đức Phật nói cho chúng ta, là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung. Câu thứ nhất trong Luân Quán, pháp sư Thanh Liên đã nói “*nhất niệm tự tính*”, tận cùng hư không, biến khắp pháp giới đều do nhất niệm tự tánh biến hiện ra. Trong Hoa Nghiêm, Đức Phật nói cho chúng ta biết hư không pháp giới tất cả chúng sinh “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm của ai? Tâm của chính mình. Thức của ai? Thức của chính mình.

Do đó, hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, không phải người khác, không có người khác. Nếu bạn có thể chấp nhận, có thể khẳng định, thì bạn làm Phật rồi. Đức Phật với phàm phu khác nhau chính là ở điểm này. Đức Phật chấp nhận hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, còn hàng phàm phu thì không chấp nhận hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, không thừa nhận. Không chấp nhận chính là tri kiến của hàng phàm phu, tà tri tà kiến, chấp nhận là Phật tri Phật kiến, chánh tri chánh kiến.

Nhưng muốn phàm phu chấp nhận, việc ấy không phải dễ. Vì sao? Vì phàm phu mê muội quá lâu, từ vô lượng kiếp mãi cho đến ngày nay. Nay bạn vạch trần nó, nói ra chân tướng thật sự, họ không tin, họ không thể tin. Ở ngay trong hội giảng của chúng ta có hai hạng người, một hạng người trong đời quá khứ họ đã gieo trồng thiện căn phước đức nhân duyên rất sâu dày, nên bạn giảng cho họ nghe thì họ tin, họ chấp nhận. Ngoài ra còn một hạng người đã huân tập kinh giáo một thời gian dài, được gọi là thâm nhập kinh tạng, thâm giải nghĩa thú. Hạng người này giảng cho người khác nghe thì họ tin tưởng, họ có thể chấp nhận. Không phải hai hạng người này thì rất khó khăn.

Tuy là khó khăn nhưng Phật tuyệt đối không bỏ một chúng sinh. Chúng sinh có thể giáo hóa được thì Đức Phật không bỏ họ, chúng sinh không thể giáo hóa được, Ngài cũng không bỏ. Bạn muốn hỏi Ngài vì sao? Đức Phật biết chúng sinh không chịu tiếp nhận sự giáo hóa, chúng sinh chống lại, cũng là do tâm hiện thức biến của chính mình, cũng cùng một thể với mình, không phải ở ngoài tâm tánh của chính mình. Ngoài pháp không có tâm, ngoài tâm không có pháp. Do đó, mới có đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Đây là chân ái, đại ái, người mê không có, người giác mới có.

Người mê luôn luôn bị tình ái bao quanh. Tình là mê, các vị cần phải hiểu rõ, con người mê tình. Giác là trí, trí là chân thật. Chân thật thì vĩnh hằng bất biến, tình sẽ thay đổi, tình là thiên biến vạn hóa, không bao giờ ổn định. Trí thì ổn định, vĩnh viễn không thể thay đổi. Cũng có thể nói phàm phu khác với Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Phật Bồ Tát lý trí, phàm phu là tình cảm.

Làm thế nào có thể chuyển tình thức thành trí tuệ? Chủ trương của Tướng tông là “*Chuyển thức thành trí*”. Thức chính là tình, chính là chuyển tình thức thành trí tuệ, đây đều là làm thay đổi, làm chuyển biến.

Dưới đây thì nói rõ ràng hơn: “*Hóa chuyển có ba nghĩa*”, chúng ta nhất định cần phải hiểu điều này, nhất định cần phải rất nghiêm túc để học tập. “*Một là chuyển ác làm thiện, hai là chuyển mê thành giải*”, ‘giải’ chính là

ngộ “*ba là chuyển phàm thành thánh*”. Đây là ba giai đoạn, giai đoạn thứ ba mới là kết quả, mới có thành tựu. Giai đoạn trước là nhân địa, giai đoạn thứ ba chính là kết quả, tu nhân chứng quả. Các vị xem kỹ, câu thứ nhất là giới, giới học, câu thứ hai là định tuệ, câu thứ ba này mới là chứng quả.

“*Chuyển ác làm thiện*”, tiêu chuẩn của ‘*thiện*’ là giới. Giới căn bản là Ngũ giới, Thập thiện, nhất định cần phải tuân thủ, nhất định cần phải làm được. nếu không làm được thì cần phải sinh tâm hổ thẹn, cần phải sám hối nghiệp chướng, nhất định cần phải làm được. Bạn không làm được điều thứ nhất thì điều thứ hai bạn không có phần. Ba điều này giống như lầu ba tầng, chuyển ác làm thiện là tầng thứ nhất, chuyển mê khai ngộ là tầng thứ hai. Bạn không có tầng thứ nhất thì làm sao có tầng thứ hai? Kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm 32 đến phẩm 37 nói rất rõ ràng, rất minh bạch về Ngũ giới, Thập thiện, chúng tôi chọn làm thời khóa buổi tối, mục đích là ở điểm này.

Thời xưa, con người rất thuần hậu, phong tục thiện lương, bên ngoài ít có sự cám dỗ, con người sống trong sự an bình. Ở trong hoàn cảnh ấy, tu hành chứng quả thì thù thắng hơn so với hoàn cảnh của chúng ta bây giờ, hoàn cảnh sinh hoạt bây giờ của chúng ta đối với sự tu học mà nói thì rất bất lợi. Cảnh duyên bên ngoài, sức mạnh của cám dỗ rất lớn, rất lớn. Thực tế mà nói, nếu không có thiện căn sâu dày, thì làm thế nào có thể chống chọi để vượt qua sự cám dỗ? Sự cám dỗ là gì? Đó là Ma.

Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, Đức Phật nói cho chúng ta, có bốn loại ma. Thứ nhất, ngũ âm ma. Các vị suy đoán thử, ý nghĩa thực sự của ma ngũ âm ở chỗ nào? Ngũ âm vì sao có thể trở thành ma? Ngũ âm là chỉ cho cái thân này. Thân xác thịt vật chất này là sắc, hữu tình chúng sinh là tướng do tâm sắc hòa hợp mà có, tâm pháp là thọ tướng hành thức. Nói ngũ âm chính là nói về sắc thân này của chúng ta, sắc tâm hòa hợp thành các thứ này, vì sao gọi nó là ma?

Chư Phật Bồ Tát cũng cần phải thị hiện sắc thân thì các Ngài mới có thể hóa độ chúng sinh, Chư Phật Bồ Tát cũng phải biến thành ma ư? Bạn luyện tiếc cái sắc thân này, đây chính là ma. Sở dĩ nói ma ngũ âm chính là nói tính tự tư tự lợi, mỗi niệm mỗi niệm đều nghĩ về cái sắc thân này, thì ngũ âm này biến thành ma. Nếu bạn hiểu được, giống như vấn đề “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*” được nói ở trong Tâm Kinh, thì chính là thành Phật, không phải là ma, chuyển ma thì thành Phật.

Đây là chuyển biến, sắc tâm hòa hợp thì thành Phật rồi. Sau đó, chúng ta mới thật sự hiểu rõ vì sao nói ma là nó, nói Phật cũng là nó. Phật và ma chỉ trong một niệm, một niệm thay đổi thì ma chính là Phật. Do đó tôi đã sớm nói qua với đại chúng, ma cũng rất đáng yêu, ma cũng không phải hoàn toàn không tốt, một niệm giác thì nó là Phật. Chúng ta muốn giúp đỡ ma thành Phật, cần phải giúp đỡ ma này của chính mình thành Phật, nếu ma này của mình không thành Phật thì ma bên ngoài sẽ đến quấy nhiễu. Ma với ma cùng chung

chí hướng, thì bạn sẽ chịu sự ảnh hưởng của nó, sẽ bị nó quấy nhiễu. Loại ma thứ nhất này, ta cần phải hiểu rõ.

Thứ hai, phiền não ma, phiền não là gì? Chúng ta nói loại ma này là thất tình, ngũ dục. Người đời đối với thất tình, ngũ dục đều sinh tâm ưa thích. Nếu khi không được như ý thì họ lại sinh ra sân hận, thấy người khác được thì họ sinh tâm đố kỵ, bạn thấy có phiền phức chẳng? Đây gọi là ma.

Thứ ba, Tử ma, tử ma là gì? Chúng ta tu học mà không được thành tựu, thì thọ mạng đã đến, công phu tu học đời này của chúng ta, nói thật chỉ ồng phí. Đây là sự dẫn vật, là sự chướng ngại lớn. Vì thế, người thông minh cần phải tỉnh ngộ, con người nhất định sẽ chết, có ai mà không chết đâu? Có sinh ắt có diệt, chúng ta có biết được thọ mạng mình sống bao lâu chẳng? Không biết, thế thì cần phải nắm bắt từng chút thời gian để làm việc lớn cầu thoát sinh tử ra khỏi ba cõi, thế là bạn giác ngộ rồi.

Việc này, cần phải làm ngay không được trì hoãn, thời gian của chúng ta không nhiều, không phải là dài vô hạn, thì sao có thể lười biếng? Sao có thể buông lung? Bạn nghĩ rằng thời gian còn rất dài sao? Bạn thử xem những lời tiên đoán xưa và nay, trong nước và ngoài nước đều nói năm 1999 là tận thế. Chúng ta xem tin tức thời sự đầu tiên đăng trên tờ báo ngày hôm qua, Tổng thống nước Nga, Diệp Nhĩ Tân (Vladimir Putin) nói: “*Âu chiến (chiến tranh thế giới) rất có thể bùng phát*”, ông ta đưa ra lời cảnh cáo, hy vọng nước Mỹ có thể suy nghĩ kỹ lại, đừng tùy tiện phát động chiến tranh, e rằng đại chiến thế giới lần thứ III sẽ xảy ra, chẳng phải là việc tốt. Vì thế, chúng ta cần phải có sự cảnh giác cao độ, cần phải nắm bắt thời gian từng phút từng giây, đó chính là đã giác ngộ. Bạn cho rằng tương lai còn rất dài, hôm nay không làm thì ngày mai làm, năm nay không làm thì năm sau làm, thì bạn đã mê rồi, bạn đã sai rồi. Do đó, chúng ta cần phải đồng mãnh, tinh tấn, nhất là ở trong thời đại hiện nay.

Thứ tư, Thiên ma. Thiên ma được nói ở đây chính là hoàn cảnh bên ngoài. Hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, đó đều không phải cái ở trong chính chúng ta, mà là cái bên ngoài.

Ba loại ngũ ám ma, phiền não ma, tử ma đã nói ở trước đều là cái ở trong thân chúng ta, cái sẵn có của bản thân. Chúng ta nói người khác là ma, nhưng ma này của chính mình cũng không hiểu được. Do đó, muốn thay đổi, trước cần phải thay đổi chính mình đã, sau đó mới có năng lực chuyển hóa người khác.

Bắt đầu chuyển từ đâu? Chuyển ác thành thiện. Thiện ác y theo mười tiêu chuẩn mà Đức Phật đã định ra cho chúng ta, rất dễ nhớ. Sát sinh là ác, là đại ác. Không sát sinh là thiện, là đại thiện. Không chỉ không sát sinh mà còn muốn quyết tâm không làm não hại chúng sinh, đó là thiện trong thiện, đây là nói đừng bao giờ để cho chúng sinh vì ta mà sinh phiền não. Chúng sinh vì ta mà sinh phiền não, thì ta có lỗi với chúng sinh, thì ta đã tạo ác nghiệp, như

thế vẫn có thể hại họ, cũng có thể giết họ? Đây là điều chúng ta cần phải thay đổi.

Thường thường chúng ta hữu tâm hay vô tâm, hữu ý hay vô ý, cũng khiến cho rất nhiều chúng sinh vì ta mà sinh phiền não, đây là ác. Vì sao mình làm ác? Không có điều gì khác ngoài tâm ích kỷ. Khi tâm ích kỷ khởi lên, thì chính mình không có được lợi ích, mà còn khiến người khác bất bình, ví dụ như đố kỵ, cản trở. Đố kỵ với người khác, chúng ta phá hoại việc tốt của người khác, ngăn cản việc tốt của người khác thì chính mình có được lợi ích gì hay không? Không có gì cả. Không có lợi ích gì cả thì vì sao phải làm? Đó là do đố kỵ mà làm. Vậy thì còn cách gì nữa? Không hiểu nổi cách làm này, thật sự là làm tổn hại người nhưng cũng gây bất lợi cho mình. Người ta chịu tổn hại thì nhỏ, còn chính mình chịu tổn hại rất lớn.

Đặc biệt là đối với Tam bảo, chúng tôi ở trong đó mấy mươi năm, chính mình thể nghiệm được. Chúng tôi muốn hoằng pháp, muốn giúp đỡ người khác nhưng gặp phải không biết bao nhiêu sự trở ngại, nó đến từ đâu? Nó đến từ các vị đồng đạo của chúng ta, đây chính là cớ nhân nói đồng hàng tương kỵ. Đến từ các vị đồng đạo của chúng tôi, đến từ các đạo tràng trong Phật môn. Chúng tôi muốn hoằng dương chánh pháp, nhưng họ không thích. Những lời từ miệng nói ra hoàn toàn trái lại với những việc làm, hành vi của họ. Họ nghĩ đủ mọi cách để cản trở, để quấy nhiễu, nhưng chúng tôi vẫn chăm chỉ nỗ lực để làm, đương nhiên thành quả của chúng tôi làm, giảm xuống rất nhiều.

Nhưng chỉ cần chúng tôi cố gắng nỗ lực, dùng tâm chân thành hộ trì chánh pháp, nối tiếp huệ mạng của Phật, làm lợi ích chúng sinh. Chúng ta dùng tâm chân thành để cảm động các thứ ma này, hy vọng các yêu ma quỷ quái này cũng có thể hồi đầu hộ trì chánh pháp. Chỉ cần chúng ta dùng tâm chân thành đối đãi họ, làm việc với tâm không tư hữu, không tham cầu thì lâu ngày yêu ma quỷ quái ấy cũng sẽ hồi đầu. Vì sao? Vì họ có Phật tánh, họ không phải không có thiện căn. Họ cũng có thiện căn nhưng do nghiệp chướng tập khí quá sâu dày đã cản trở thiện căn của họ. Chúng ta quyết định không nên oán trách họ.

Sáng sớm hôm nay, tôi tiễn Graeme của Úc Châu và Lý cư sĩ, tôi ngồi nơi bàn nói chuyện với họ. Chúng ta giúp đỡ một người mà mình thích thì chúng ta rất vui vẻ, giúp đỡ một kẻ địch, giúp đỡ một oan gia thì chúng ta sẽ càng hạnh phúc hơn, càng an vui hơn. Niềm hạnh phúc, an vui này, các bạn không lãnh hội không, nhưng hai người họ có thể nghe hiểu được.

Thời xưa, các bậc thánh hiền có nói “*Nhân giả vô địch*”. Một người nhân từ không bao giờ có oan gia, không có đối thủ, không có kẻ thù. Họ đối địch với ta ta không đối địch với họ, họ ghét ta ta thương họ, họ hãm hại ta ta giúp đỡ họ, đây là Bồ Tát, đây là đồng thể đại bi. Chúng ta hiểu được ma cũng là nhất niệm tự tánh. Phật là nhất niệm tự tánh, ma cũng là nhất niệm tự tánh, thế thì Phật bình đẳng với ma.

Chúng ta dùng tâm bình đẳng để đối đãi, dùng tâm bình đẳng để cung kính, dùng tâm bình đẳng để cúng dường, chuyên ác làm thiện, ngày ngày cứ tư duy, ngày ngày cứ phản tỉnh, cứ kiểm điểm. Ngay trong một ngày này chúng ta khởi tâm động niệm, xử lý sự việc, đối nhân xử thế có thiện chăng? Thập thiện, ngũ giới chính là tiêu chuẩn, không cần làm quá nhiều, quá nhiều thì không nhớ nổi. Nên dùng tiêu chuẩn này để nhận định, để kiểm điểm, để phản tỉnh, tìm ra cách để sửa đổi lỗi lầm, dừng cảm sửa đổi lỗi lầm. Ngày ngày phản tỉnh, ngày ngày sửa lỗi, phản tỉnh phát hiện lỗi lầm của mình. Tôi nói cho các vị biết, đây chính là sự giác ngộ của nhà Phật giảng. Bạn không mê lầm, thì bạn giác ngộ rồi, bạn có thể sửa đổi những sai lầm của mình, chân thật tu hành.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói “thực hành”, thật sự sửa đổi khuyết điểm của mình, đây chính là một sự thay đổi. Người tu hành cần phải bắt đầu làm từ chỗ này, mỗi thời mỗi khắc đều nghĩ đến ta còn có ý niệm ác chăng? Còn có làm hành vi ác, động cơ ác chăng? Đây là sự chuyển hóa tầng thứ nhất, tầng thứ hai thì tiến bộ hơn một bước. Thứ nhất là trì giới, trì giới là chuyển ác thành thiện, tiến thêm một bước nữa phá mê khai ngộ.

Chúng ta bỏ tầng thứ nhất, bắt đầu làm từ tầng thứ hai có được chăng? Nói cho các vị nghe, không được. Vì sao không được? Thói quen xấu, tâm niệm ác, hành vi quấy của ta, nếu không thể sửa đổi, đó là gốc mê của bạn, làm sao có thể khai ngộ được? Không thể được. Do đó, trong Phật pháp có nói cho các vị, có một niệm phân biệt chấp trước, thì chắc chắn không thể khai ngộ. Khi nào thì ta khai ngộ? Khi buông bỏ hết sự phân biệt chấp trước, thì ta khai ngộ. Nếu không chấp vào ngũ ấm là thân mình, vậy cái gì là thân mình? Tận hư không biến pháp giới là thân mình, tất cả chúng sinh là thân mình, thì ta khai ngộ. Đây là sự thật, đây là chân tướng.

Ví dụ tôi ở trong giảng đường cùng với đại chúng, sắc thân này của chúng ta, ở ngay trong toàn bộ sinh mạng của chúng ta, sinh mạng là nhất thể, thì giống như một tế bào trong thân thể, hư không pháp giới là toàn bộ thân thể của chúng ta. Ngày nay chúng ta quên mất, tế bào này nó độc lập, nó không thừa nhận là một bộ phận của cơ thể, đó gọi là mê. Khi nào giác ngộ? Toàn bộ thân thể mới là chính mình. Nhất chân pháp giới, thập pháp giới, hết tất cả chúng sinh đều là chính mình. Đó là vì sao? Nhất niệm tự tánh.

Nói cho quý vị biết, nhất niệm tự tánh sở hiện, nhất niệm tự tánh sở biến, đó vẫn còn cách một tầng, đã nói đến mức gần nhất mà còn không thể hiểu thấu suốt, còn cách một tầng, đích thực là cái gì? Chính là nhất niệm tự tánh, tánh tướng không hai.

Người xưa lấy vàng để là thí dụ, “*lấy vàng để làm vật dụng, thì vật dụng nào cũng đều là vàng*”. Vàng ví với nhất niệm tự tánh, pháp giới chúng sinh ví cho vật dụng. Vật dụng chính là vàng, vàng chính là vật dụng. Vàng và vật dụng làm sao có thể tách rời? Tiếp đó chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, vốn

đĩ hư không pháp giới, tất cả chúng sinh chính là nhất niệm tự tánh. Nhất niệm tự tánh ở đâu?

Tông môn sau khi khai ngộ, có nói một câu “*tất cả đều là đạo, trái phải gặp nguôn*”. Tiện tay nhặt một vật, không phải không đúng, bạn thấy công án của Thiên tông, thử hỏi bạn nhất niệm tự tánh là gì? Cục phân khô cũng là nhất niệm tự tánh, người thông minh, người khế nhập hiểu được. Một cử động, một lời nói, một nụ cười của bạn, nó chứng minh cho bạn, không sai. Kiến giải này, được gọi là nhập tri kiến Phật, gọi là Phật tri Phật kiến, người nhập tri kiến Phật, thì làm Phật rồi, đây mới là “*chuyển mê thành giải*”.

Do đó cơ sở chuyển mê thành giải, là chuyển ác thành thiện. Nói thật ra, nếu người có thể làm được chuyển ác thành thiện, người này chắc chắn không bị đọa vào ba đường ác, người có thể chuyển mê thành giải, thì họ có cơ hội vượt khỏi luân hồi trong sáu đường, vượt qua thập pháp giới. Thế thì hãy xem bản nguyện của họ, nếu họ có nguyện chắc chắn vượt qua. Sau khi vượt qua, đó là “*chuyển phàm thành thánh*”, đây là giáo dục, đây là dạy học. Chúng ta cần phải nhớ kỹ, chư Phật Bồ Tát đã làm việc này. Nay chúng ta đi theo chư Phật Bồ Tát, học tập theo các Ngài, cũng làm việc này. Do đó, ba loại chuyển hóa này, trước phải chuyển hóa chính mình, sau đó chuyển hóa người khác. Ý này đã nói rõ ràng rồi.

Phần sau nói: “*Kim Địa Tạng đại sĩ, hiện thân lục đạo, u tứ bất khả thuyết, dụng tứ tất đàn phó duyên, tùy cơ thuyết giáo hóa chuyển vật tâm, đại khái bất việt thử tam*”. Đoạn này nói Bồ Tát Địa Tạng đã làm được, bản thân của Ngài làm rất viên mãn. Do đó, Ngài có thể giúp đỡ người khác. Chúng ta xem toàn bộ kinh đã nói, đích xác là ba sự việc này.

“*Hiện thân lục đạo*” là sự thật, tuyệt đối không thể nói Bồ Tát Địa Tạng chỉ làm Giáo chủ U Minh ở địa ngục, còn các đường khác thì không có, không đúng, đều hiện trong sáu đường. Bồ Tát từ bi, địa ngục khổ nhất, vì thế đối với chúng sinh tội khổ nơi địa ngục nên Ngài đặc biệt quan tâm họ, chiếu cố đến họ nhiều một chút. Kỳ thực tâm của Ngài thanh tịnh, bình đẳng.

Chỗ này nói “*đối với tứ bất khả thuyết*”. Đây là Thiên Thai tông nói, cách nói của Thiên Thai tông, là căn cứ Kinh Niết Bàn. Kinh Niết Bàn nói Lục bất khả thuyết, Thiên Thai tông nói Tứ giáo, rút ngắn Lục bất khả thuyết thành Tứ bất khả thuyết, phối hợp Tạng, Thông, Biệt, Viên.

Thứ nhất nói “*Sinh sinh bất khả thuyết*”, đây là Tạng giáo. Tạng giáo nói nhân duyên năng sinh, các pháp sở thuyết đều là thật có, do đó gọi là sinh sinh, đây là Tiểu thừa giáo nghĩa. Cách nói này, chúng sinh thông thường rất dễ dàng tiếp nhận, vì sao vậy? Vì tùy thuận Tục Đê mà nói, cũng chính là tùy thuận tri thức của người thế gian mà nói, điều này rất dễ tiếp nhận.

Vì sao nói “*bất khả thuyết*”? Giảng đến chỗ cứu cánh, đến đây không còn gì để nói. Tuy những thứ này bày ra trước mặt, có nhân duyên, nhân còn có nhân, hỏi đến chỗ tận cùng. Hỏi đến tận cùng thì không còn cách để nói nữa

rồi. Do đây có thể biết, người thế gian thực sự mê hoặc, họ có thể khẳng định việc ngay trước mắt, nếu tiến về phía trước một bước thì không biết, nếu lùi về phía sau một bước cũng không biết. Kỳ thực, việc này trước mắt, sao họ lại không hiểu được chứ?

Thứ hai, đây là Thông giáo. Thông giáo nói “*sinh bất sinh bất khả thuyết*”. Thông giáo nói năng sinh, sở sinh đều là đương thể tức không, do đó nói sinh bất sinh, trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng. Trong Kinh Kim Cang nói tâm năng sinh bất khả đắc, tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, ba tâm này bất khả đắc.

Trong kinh, Đức Phật thường nói “*tất cả pháp từ tâm tướng sinh*”. Tâm năng sinh bất khả đắc, tất cả vật sở sinh thế nào? Các vật đều là vật duyên sinh, không có tự tánh. Duyên khởi tánh không, không có tự thể, do đó đương thể tức không, liễu bất khả đắc. Năng sinh, sở sinh đều bất khả đắc, đây là hiểu rõ chân tướng sự thật. Giáo nghĩa này, phía trước thông với Tiểu thừa, phía sau thông với Đại thừa, vì thế gọi nó là Thông giáo.

Thứ ba gọi là “*bất sinh sinh bất khả thuyết*”, đây là Biệt giáo. Biệt giáo nói lý bất sinh của chân như, nó sinh ra sự sai biệt của mười pháp giới, do đó gọi là bất sinh sinh. Đạo lý này, nói ra so với phía trước lại nhập sâu thêm một tầng, chân như xác thực là bất sinh. Bất sinh, vì sao có thể sinh ra? Vì sao sinh ra tướng sai khác của mười pháp giới?

Chúng tôi nói một ví dụ cho các vị dễ hiểu, tâm không cần phải nói chân tâm, vọng tâm, chúng ta chỉ nói tâm của phàm phu đã nói. Trong tâm không có mộng nhưng vào ban đêm khi bạn ngủ, nó sẽ khởi mộng. Mộng xác thực là cái do tâm biến hiện ra, nhưng trong tâm xác thực không có mộng. Trong tâm cần phải có mộng, thì tối nào bạn cũng phải mộng thấy giống nhau, sao có thể thay đổi? Ngay trong một đời của bạn, ngày ngày nằm mộng từ trước đến giờ chưa có hai giấc mộng giống nhau.

Từ ví dụ này, các vị suy nghĩ kỹ để thể hội, trong chân tâm đích thực không có tướng. Trong chân tâm, thật sự giống như câu “*bổn lai vô nhất vật*” của Đại sư Lục tổ Huệ Năng đã nói. Vì sao có thể biến hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm? Những thứ này làm sao biến hiện ra được? Chúng ta không biết. Đức Phật nói với chúng ta, những thứ này từ vô minh biến hiện ra, vô minh từ đâu đến? Vô minh do chân tâm khởi lên. Vô minh giống như một người trong chúng ta đứng ở dưới ánh sáng, thân con người là chân như, chân tâm, còn cái bóng do đèn chiếu hiện ra đó là vô minh. Cái bóng ấy là cái nương nơi thân mà có. Do đó, tách rời chân như thì không có vô minh. Vô minh là cái nương nơi chân như mà sinh khởi. Nó làm sao sinh khởi? Do mê mất chân tâm.

Tướng Tôn nói “*nhất niệm bất giác mà có vô minh*”. Một niệm bất giác ấy vô cùng vi tế, chắc chắn chúng ta không thể phát hiện ra. Một niệm vọng động rất vi tế, cho nên tướng của vô minh là tướng động. Tướng của một niệm tâm

tánh là tướng tĩnh, là tướng tịch tĩnh. Tuy nương nơi vô minh biến hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nếu như ta mang theo vô minh, khi nhìn mười pháp giới y chánh trang nghiêm là tướng động, vọng động. Nếu đã phá trừ vô minh, thì thấy mười pháp giới y chánh trang nghiêm là tướng tịch diệt, tướng tịch diệt thanh tịnh. Đây chính là ‘*tướng tùy tâm chuyển*’ mà ở trong kinh mà Đức Phật đã nói.

Cái mà hàng phàm phu chúng ta thấy được là tướng động, cái mà Phật Bồ Tát thấy là tướng bất động. Phàm phu thấy tất cả hiện tượng này, động vật có sinh lão bệnh tử, thực vật có sinh trụ dị diệt, hư không pháp giới, khoáng vật có thành trụ hoại không. Thông thường nói bốn tướng, trong mắt của chư Phật Bồ Tát không có. Không có bốn tướng này, thì tất cả các pháp không sinh không diệt, tất cả các pháp thường trụ bất biến. Chúng ta không thấy được, các Ngài thấy được tất cả. Khi nào thì ta thấy được, khi ta là Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn. Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn thấy tất cả pháp ở trước mắt chúng ta không sinh không diệt, thanh tịnh trang nghiêm.

Nhẫn nghĩa là chấp nhận, là khẳng định, Đức Phật khẳng định, ta cũng khẳng định. Đức Phật là người nói pháp này, tôi chấp nhận, bạn chính là Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn. Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn, trong Kinh Nhân Vương Đức Phật nói hạ phẩm Vô Sinh Nhẫn Thất địa, trung phẩm Bát địa, thượng phẩm Cửu địa. Khi nào bạn có thể nhìn được tất cả pháp không sinh, không diệt, xin chúc mừng, tôi thiểu thì bạn cũng là Bồ Tát Thất địa, quán sát tỉ mỉ, ở ngay trong sinh diệt, thấy không sinh, không diệt.

Nói cách khác, chính là ở trong pháp tướng để thấy được pháp tánh, ở trong vạn tượng để thấy được nhất niệm tự tánh. Pháp tánh chính là nhất niệm tự tánh, do đó, ta đã thấy, chính là thiên tông nói “*minh tâm kiến tánh*”. Tánh ở chỗ nào? Tánh thì ở trong tất cả chúng sinh, trong tất cả vạn pháp, vàng chính là vật dụng, vật dụng chính là vàng, không tách rời nhau. Dùng vàng ròng làm rất nhiều đồ vật, ta cần vàng, bạn nói với ta, không có vàng. Cái mà ta thấy đều là vòng đeo tay, nhẫn, đủ các hình tượng, không thấy được vàng. Họ không biết các đồ vật kia chính là vàng. Thấy được vàng thì tùy tiện lấy một món đồ, đó chính là vàng, không sai. Do đó, tất cả chúng sinh chính là tự tánh chân như của chính mình.

Đoạn trước của Luân Quán nói rất hay “*nhất niệm tự tánh*”, nhất niệm chính là tự tánh, tự tánh chính là nhất niệm. Một niệm thì thấy được tự tánh, hai niệm thì không thấy được, hai niệm là mê. Mục đích niệm Phật của Tịnh tông ở đâu? Mục đích ở nhất tâm bất loạn, nhất tâm chính là nhất niệm. Nhất tâm thì thấy được tự tánh, nhất tâm thì thấy được nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là gì? Trước mắt chính là nhất chân pháp giới. Pháp giới này bất sinh bất diệt, không đến không đi, không dơ không sạch, không một không khác. Thật sự thấy được, bạn cảm thấy tất cả vạn pháp này có khác có đồng,

có sinh có diệt, có đến có đi, đó là ảo tưởng của mình, ta nhìn lầm rồi. Tất cả mọi người đều nhìn lầm, thì họ cho là đúng. Thế thì có cách nào nữa?

Hôm nay tôi nói, họ phản đối tôi. Họ nói, đầu óc của tôi có vấn đề, nhìn sự việc không được rõ ràng, cái mà mọi người thấy được đều giống nhau, vậy đành lòng phải tùy theo họ. Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*”. Trong sự tùy hỷ, thành tựu chính mình, lợi ích người khác. Đây là bất sinh sinh bất khả thuyết.

Thứ tư, Viên giáo. Viên giáo nói “*Bất sinh bất sinh bất khả thuyết*”. Viên giáo nói lý của chân như và sự của mười pháp giới là một không phải hai, do đó, gọi là bất sinh bất sinh.

Bốn thứ này đều gọi là bất khả thuyết, đây là nguyên lý của bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Chỉ có thể lãnh hội, không thể dùng ngôn thuyết, cho nên gọi là bất khả thuyết. Chân lý xưa nay đều không có cách nào để nói, Đức Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo, ở trong bất khả thuyết vẫn dùng ngôn thuyết. Ngôn thuyết, bạn cần phải thực sự hiểu được bất khả thuyết, thì mới thể hội được ý nghĩa của pháp Phật nói. “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, nếu ta tưởng là hữu thuyết thì vĩnh viễn không thể hội được nghĩa chân thật của Như Lai.

Khi nào thì thật sự lãnh hội được pháp của Phật nói, nói mà không nói, không nói mà nói, mới là đại ngộ. Tông môn giáo môn khi khai ngộ chính là đã khế nhập cảnh giới này rồi. Vì thế, người liễu ngộ liền nói kệ để tán Phật, cảm tạ ân đức. Đây gọi là phương tiện thiện xảo.

Bồ Tát Địa Tạng hiện thân trong sáu đường, ở đường nào thì Ngài hiện thân hình của đường ấy. Ở ngay trong mỗi một đường cũng rất phức tạp. Ở cõi người, người thì có thân người nam, người nữ, có người giàu sang, có kẻ nghèo hèn, dòng tộc khác nhau, đáng dùng lấy thân gì để độ thì Ngài liền hiện thân hình ấy. Trong loài người có nam, nữ già trẻ, làm đủ các nghề nghiệp rất phức tạp, Bồ Tát không chỗ nào không hiện thân, chúng sinh không nhận biết, Bồ Tát cũng không lộ chân tướng.

Hôm qua, ở Dallas fax cho tôi, các vị đều nghe rồi đó. Bây giờ, ở Dallas đang mở Phật thất, hôm qua là ngày thứ tư, có lão cư sĩ họ Mã đã 80 tuổi, niệm Phật vãng sinh ở trong Phật thất. Sau khi nhiều Phật xuống, cư sĩ ấy ngồi ở trong đó mà vãng sinh. Người ấy lại chẳng phải là Bồ Tát thị hiện đến làm bằng chứng cho chúng ta đây sao? Vãng sinh cần phải vãng sinh giống như thế, bà ấy rất có phước báo. Sáng sớm hôm nay, Ngộ Đạo fax đến cho tôi, nói rằng mọi người niệm Phật cho bà ấy hơn 30 tiếng đồng hồ. Phật thất nhiều người như thế, hơn một trăm người niệm Phật cho bà ấy, niệm hơn 30 tiếng đồng hồ, thật không thể nghĩ bàn.

Chúng tôi kiến lập một đạo tràng ở đó, kiến lập đạo tràng là để làm gì? Giúp người làm Phật, đây gọi là đạo tràng. Đạo tràng này có một người tại chỗ này thực sự vãng sinh làm Phật, thì đạo tràng này thành tựu. Vì thế, hôm qua

tôi nói với mọi người không bị lỗ vốn. Chúng tôi ở đó đã đầu tư vốn một trăm năm mươi vạn Mỹ kim, lại có một người vãng sinh thì có lãi rồi. Chúng tôi nghe xong rất vui mừng.

Ở Singapore, Niệm Phật đường này của chúng ta, tương lai không biết có được bao nhiêu người được vãng sinh, thù thắng vô cùng, phải y giáo phụng hành mới được. Đây là Bồ Tát hiện thân ở sáu đường, làm chứng minh cho chúng ta. Chúng ta giảng kinh thuyết pháp, khuyến khích mọi người, thị chuyển, khuyến chuyển. Thị là gì? Chúng ta tự làm tấm gương cho mọi người xem, đây là thị chuyển. Các loại ngôn thuyết là khuyến chuyển. Vãng sinh làm tấm gương sáng, đây là làm chứng chuyển. Thật sự chứng minh niệm Phật vãng sinh là sự thật không phải giả.

Hậu sự của lão cư sĩ họ Mã vãng sanh, hôm nay lo liệu rất viên mãn. Cảnh sát, Pháp y đến khám nghiệm tử thi, họ đều cảm thấy rất viên mãn. Cũng để cho người ngoại quốc xem, có thể vãng sanh như vậy, không có bệnh, cũng không đến bệnh viện, ra đi tự tại biết bao. Niệm Phật đến 30 tiếng đồng hồ, tôi nghĩ diện mạo như đang sống, để người ngoại quốc thấy được sẽ cảm động, tướng lành này thị hiện ra rất tốt, không thể nói ngay trong đó. Không thể nói lý lẽ này rất sâu, rất khó, nhưng vẫn là việc cần phải làm.

“*Dùng Tứ Tất Đàn phó duyên, tùy cơ thuyết giáo*”. Đây chính là điều tôi thường khuyên giải với các vị đồng tu, chúng ta cần phải dùng thái độ như thế nào để qua lại với người khác. Điều này phải học Phật, thái độ của Phật dùng là Tứ Tất Đàn, Tứ Nhiếp Pháp. Chúng ta học hiểu Tứ Tất Đàn, Tứ Nhiếp pháp, khi quan hệ qua lại với tất cả chúng sinh, không có đến nơi nào mà không được lợi ích, ta sẽ được sự hoan nghênh của quần chúng, sẽ được mọi người kính mến. Bất luận làm việc gì cũng được thành công, nhân duyên của bạn tốt, có duyên với người.

Trong Tứ Tất Đàn, cái thứ nhất “*thế giới tất đàn*”, như thế nào gọi là Thế giới tất đàn? Tôi nghĩ các vị trong đây đều hiểu được, khiến cho tất cả chúng sanh sinh tâm hoan hỷ. Thế là nói về thời gian, giới là nói về không gian. Dùng thời gian, không gian thì bao quát tất cả chúng sinh, không chỉ chúng sinh hiện tại, chúng ta cần phải khiến cho họ sinh tâm hoan hỷ, mà quá khứ, vị lai cũng lại như thế. Ba đời mười phương tất cả chúng sinh, chúng ta tiếp xúc với họ, việc đầu tiên, cần phải dạy người sinh tâm hoan hỷ, đây là Bồ Tát. Ngay khi họ không thích, không thích thì chúng ta tránh. Ngay lúc đó chúng ta không tiếp xúc, nghe được họ cũng mừng.

Bạn thấy người ấy sợ mình, ta không thích họ thì họ tránh né. Về sau, dần dần họ hiểu, đây là họ tôn kính ta, họ sợ ta sinh phiền não, họ để cho ta vui vẻ. Sau khi họ hiểu rõ, thì họ sẽ đến tìm bạn, bạn không cần phải tìm họ. Họ đến tìm bạn, họ đến để sám hối với bạn, thay đổi vật tâm. Đây là điều thứ nhất.

Thứ hai, “*Vị nhân tất đàn*”. Tất đàn, tất là phổ biến, danh từ này là do Hoa Phạm hợp dịch. Đàn là tiếng Phạn, tất là tiếng Trung quốc, tất là phổ biến,

bình đẳng, đàn là đàn na, bồ thí. Đầu tiên là bồ thí hoan hỷ, nhất định không thể để cho tất cả chúng sinh vì ta mà sinh phiền não, nhất định cần phải khiến cho tất cả chúng sinh nhờ ta mà sinh hoan hỷ, đây là việc của Phật, Bồ Tát đã làm.

Việc thứ hai cần phải bồ thí rộng khắp, ‘vị nhân’, tôi thường luôn nói mỗi niệm đều vì chúng sinh, không nên vì bản thân mình. Phải nên suy nghĩ cho chúng sinh, cần phải khiến cho chúng sinh được phước, cần phải khiến cho chúng sinh được lợi ích. Nghĩ đến họ, đừng nghĩ cho bản thân, nghĩ cho bản thân thì sai, nghĩ đến người khác là đúng. Tất cả Chư Phật Bồ Tát đều có cách nghĩ này, chắc chắn không có một Đức Phật nào, một vị Bồ Tát nào nghĩ cho bản thân mình. Đây là chỗ khác biệt giữa Phật và chúng sinh.

Chúng sinh tuy nghĩ đến người khác, nhưng vẫn còn nghĩ về bản thân, không thể quên được bản thân. Chư Phật Bồ Tát nhớ nghĩ đến chúng sinh, chúng sinh chính là bản thân mình, không có nghĩ về bản thân mình, cho nên gọi là bậc giác ngộ. Nghĩ đến người khác, mà vẫn còn nghĩ về bản thân mình, tuy giác ngộ rồi nhưng chưa có giác ngộ được thấu triệt. Trong giác vẫn còn vướng lại một phần mê, không thanh tịnh, do đó không thể thành Đại Giác, đạo lý ở chỗ này.

Mỗi niệm, mỗi niệm cần phải nghĩ cho người khác, mỗi niệm, mỗi niệm cần phải nghĩ về những chúng sinh khổ nạn. Ít nhất, bạn không thể thông suốt đạo lý chân tướng sự thật trong đó, cũng phải nên nghĩ đến nhân duyên quả báo. Chúng sinh đang chịu khổ, quả báo hiện tiền, quả báo này là do nhân gì? Nhân như thế nào thì duyên như thế này, bạn cần phải nghĩ đến, rồi sau đó lại nghĩ đến làm thế nào để giúp họ giải quyết, đưa ra cách để đối trị.

Vì thế, trong Tứ tất đàn, cái thứ ba là ‘*Đối trị*’. Bạn có phương pháp đối trị, đem phương pháp này để bồ thí cho họ, nhất định có phương tiện khéo léo. Cần phải quán sát căn cơ, họ có thể tiếp nhận được chăng? Thích tiếp nhận chăng? Thí như một người bệnh, Bồ Tát là vị bác sĩ, bác sĩ vừa nhìn qua thì biết người bệnh đau ở chỗ nào, họ sẽ có phương pháp để điều trị, nhưng người bệnh cần phải có lòng tin đối với bác sĩ. Nếu người bệnh không có lòng tin với bạn, thì không chịu tiếp nhận, nếu có tiếp nhận nhưng không đủ lòng tin, không chịu uống thuốc của bạn cho, thì không có hiệu quả. Nếu có lòng tin đối với bác sĩ, có lòng tin tuyệt đối, bạn uống thuốc của bác sĩ cấp, sẽ rất có hiệu quả. Đạo lý trong đó cũng rất sâu.

Bồ Tát hiểu rõ căn tánh của chúng sinh, biết chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, họ đã tạo biết bao nghiệp duyên. Vì thế, Bồ Tát có thể căn cứ vào bệnh tình mà cho thuốc, thuyết pháp cho họ nghe. Sau khi họ nghe xong thì có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Việc này, chúng ta thường thấy ở trong kinh. Đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp, trong khi thính chúng vẫn chưa nghe xong, nghe được một nửa, thì họ khai ngộ, chứng quả, chúng ta thấy được rất nhiều.

Vì sao có có hiện tượng này? Có thể quán sát căn cơ, nói pháp khế hợp căn cơ, chạm vào cửa ngõ của họ, tháo gỡ những bế tắc cho họ, chỗ bế tắc liền khai thông, đây gọi là đối trị, điều này không dễ. Nếu chính mình không phải là người đối diện thì rất khó đối trị được. Bản thân mình ngộ càng sâu, ngộ càng triệt để, hiệu quả đối trị càng rõ ràng, càng thù thắng.

Thứ tư ‘*Đệ nhất nghĩa tất đàn*’. Đệ nhất nghĩa tất đàn nói những gì? Chúng ta cần phải dùng lời bây giờ để nói, giúp cho họ niệm Phật, vãng sinh, làm Phật, đây mới là Đệ nhất nghĩa. Không thể vãng sinh, nói cách khác quyết định không thể rời khỏi sáu đường, không thể rời khỏi sáu đường thì phiền phức rất lớn. Suốt đời này, họ tiếp nhận sự giáo huấn của ta, có thể chuyển ác làm thiện, không thể phá mê khai ngộ, đời sau được sinh vào đường lành. Sau khi sinh về đường lành, ở đây hưởng phước, còn có thể duy trì được đoạn ác tu thiện chăng? Rất khó nói.

Ngày nay, chúng ta thấy thế gian người đại phú đại quý cũng nhờ đời trước họ đoạn ác tu thiện. Quả báo của họ được, đời này hưởng phước. Đời này hưởng phước thì hưởng hồ đồ rồi, mê muội rồi. Do đó, Phật Bồ Tát, Tổ Sư Đại đức, thị hiện cho ta thấy có phước không hưởng. Vì sao? Duy trì sự cảnh giác cao độ, phước hưởng hết nhất định mê hoặc điên đảo, lập tức thoái chuyển, lập tức đọa lạc.

Chư vị bình tĩnh quan sát thế giới này, sẽ thấy rất rõ ràng. Bạn thấy người đại phú đại quý, có ai không tạo nghiệp? Đời trước tu tích thiện căn phước đức rất lớn, cảm được quả báo này. Rất đáng tiếc, thời gian của quả báo không lâu, thọ mạng của con người không dài, thời gian bạn hưởng phước không lâu. Hưởng phước hết rồi, thì đi vào ba đường. Trong Phật pháp nói oan của ba đời. Đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc. Hưởng phước thì không biết tu phước nữa, vì thế phước không thể hưởng, đây là chân lý.

Khi nào có thể hưởng phước? Đến khi nào không còn mê muội. Nói cách khác, hạn độ thấp nhất là chúng quả vị A La Hán, có thể hưởng phước. Pháp thân Đại Sĩ hưởng đại phước báo, y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, y chánh trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng. Pháp thân Đại sĩ hưởng lạc, các ngài ở trong đó có thể hưởng thụ. Các ngài đến thế giới này của chúng ta, không thể hưởng thụ. Đến thế giới này của chúng ta, hưởng thụ là cái gì? Chúng ta sẽ học theo các ngài, chúng ta cũng hưởng thọ. Các ngài hưởng thụ thì không có vấn đề, nhưng chúng ta hưởng thụ thì gay go. Vì thế, các ngài muốn thay chúng sinh chịu khổ, các ngài muốn thị hiện không hưởng thọ, có phước báo mà không hưởng thụ, để chúng ta học theo các ngài.

Phật Thích Ca Mâu Ni cần gì phải đến thế giới này của chúng ta, thị hiện làm một vị tăng khổ hạnh chứ? Ngài là bậc phước báo viên mãn, phước tuệ nhị túc tôn, vì sao thị hiện làm một người khổ hạnh, hàng ngày phải ôm bát ra ngoài để khát thực? Nói với chúng ta, trước khi chưa chứng đắc quả A La

Hán, chưa chứng đắc Chánh Giác, không được hưởng phước, hưởng phước thì sẽ tạo tội nghiệp. Ở trong giai đoạn này, có phước phải nên biết cho mọi người hưởng, cho tất cả chúng sinh hưởng, còn bản thân mình quyết định không thể hưởng.

Người xuất gia nhận sự cúng dường của tín đồ, tiền tài có được dễ dàng. Nếu những thứ cúng dường này sử dụng không thích đáng thì sẽ bị đọa vào ba đường. Vì thế, các vị cần phải quán sát cẩn thận. Những lão hòa thượng được cúng dường rất nhiều, bạn thấy sao? Thấy những vị ấy qua đời thế nào? Nay chúng ta cần phải biết cảnh giác. Bạn thấy khi những vị ấy qua đời tinh thần hỗn loạn mơ hồ, người chết với tướng trạng ấy thì không tốt, đó là tướng xấu, thì chúng ta giác ngộ được.

Sự thị hiện của Phật Bồ Tát, sự thị hiện của Tổ sư Đại đức, thật xác thực. Chúng ta không thể đi vào con đường này. Chúng ta không thể bắt chước theo họ. Nói không chừng, họ là Phật Bồ Tát thị hiện. Thị hiện tướng trạng này cho chúng ta thấy, bạn được cúng dường nhiều, bạn hưởng phước giống như tôi, thì bạn cũng sẽ bị giống như tôi vậy.

Sự thị hiện này của họ là giả, chúng ta là thật, chúng ta thật thì đọa địa ngục. Chúng ta cũng không biết họ là thật hay là giả, chúng ta vẫn dùng tâm cung kính để đối đãi. Họ là vị thầy tốt của chúng ta, thị hiện tấm gương cho chúng ta thấy, chúng ta dùng tâm như thế thì đúng rồi. Họ đều là đại thiện tri thức của chúng ta, đều là giúp cho ta giác ngộ, đều là giúp đỡ ta sửa đổi lỗi lầm của mình. Chúng ta nhất định không thể coi thường họ.

Phật Bồ Tát thị hiện, không biết có thị hiện chánh diện hay thị hiện phản diện. Không luận là chánh diện hay phản diện đối với chúng ta cũng có tác dụng giáo hóa rất sâu sắc. Đây cũng nói đến ‘*Cảnh duyên không có đẹp xấu*’ của đại sư Ngẫu Ích đã nói, đẹp xấu ở tâm mình. Chúng ta dùng thái độ này để đối đãi, họ là Bồ Tát thị hiện. Chúng ta dùng tâm phàm phu để cư xử, họ bị đọa lạc, chúng ta là phàm phu, đối với chúng ta không khởi tác dụng giáo hóa, chúng ta đang xem trò cười.

Có thể thấy được thiện ác, thị phi, cảnh giới bên ngoài không, đều do một niệm của chính mình, điều này chúng ta cần phải hiểu, nhất định cần phải giúp đỡ người tu hành chứng quả. Hôm nay, giúp đỡ người tu hành chứng quả, chính là vãng sinh Tịnh độ. Nhất định cần phải hiểu được ngoài pháp môn này ra, ngay trong đời này muốn chứng đắc quả, quyết định không thể được. Vì sao? Không luận tu học pháp môn nào, cũng cần phải đoạn kiến tư phiền não. Đoạn kiến tư phiền não đâu phải chuyện dễ. Trong tâm chúng ta cần phải hiểu rõ, làm không được.

Chúng ta cần phải tìm ngay trong đời này, pháp môn nào có thể làm được để tu, chúng ta mới có được thành tựu. Pháp môn làm không được, bạn muốn tu nó, bạn không cho là lãng phí thời gian của bạn, lãng phí tinh lực của bạn, thế thì thật đáng tiếc. Do đó, pháp nhất định cần phải kế cơ, mới có thể thu

được hiệu quả. Chư Phật Bồ Tát đều là dùng Tứ tất đàn phó duyên. Phó duyên chính là cảm ứng, chúng sinh có cảm, thì họ có ứng. Ứng này của họ là Tứ tất đàn.

**Hết tập 14**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 15****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, luận quán trang 15, xem từ hàng thứ nhất, câu thứ hai, chúng ta đọc đoạn văn này.

“Kim Địa Tạng đại sĩ, hiện thân lục đạo, u tứ bất khả thuyết, dụng tứ tất đàn phó duyên, tùy cơ thuyết giáo, hóa chuyển vật tâm, đại khái bất viết thử tam”. Lần trước chúng ta học đến đây, đã giới thiệu với chư vị về “tứ bất khả thuyết”, điều này này xuất phát từ Kinh Đại Niết Bàn. Trong Kinh Đại Niết Bàn Đức Phật nói sáu loại bất khả thuyết, đại sư Thiên thai quy nạp nó thành bốn loại, phối hợp với tứ giáo tạng, thông biệt, viên, đã giới thiệu qua.

Bên dưới là “tứ tất đàn phó duyên, tùy cơ thuyết giáo”, đây là nghệ thuật dạy học của Thế Tôn, nghệ thuật biểu đạt. Bốn loại bất khả thuyết ở trước, có thể nói là giáo thể của tứ giáo, giáo thể của tứ giáo tạng, thông, biệt, viên, chúng ta cần phải lý giải. Nhưng về phương pháp kỹ thuật lại vô cùng quan trọng, vì nó áp dụng trong cuộc sống hiện thực của chúng ta.

“Phó duyên” chính là cảm ứng, chúng sanh có cảm Phật liền có ứng. Phật ứng, không phải Phật có ý của tứ tất đàn, vậy là sai. Trong cảm ứng, chúng ta quan sát tường tận, phát hiện ngài có bốn nguyên tắc. Bốn nguyên tắc này hiển thị, cũng chính là thực hành đại từ đại bi của ngài, thực hành nguyện vọng phổ độ chúng sanh của ngài. Bốn nguyên tắc này, ở đây gọi là Tứ tất đàn.

Đàn là bồ thí, đàn na là bồ thí, tất là phổ biến, không có phân biệt, không có chấp trước. Danh từ này trong phiên dịch gọi là Phạn Hoa hợp dịch, tất là tiếng Trung quốc, đàn na là tiếng Ấn độ, là tiếng Phạn, Phạn Hoa hợp dịch. Nghĩa là biên thí. Chúng ta thường tán thán Bồ Tát Quan Thế Âm “biên thí cam lồ”, cũng chính là ý này.

Bốn nguyên tắc này, chúng ta phải nắm bắt, y giáo phụng hành. Vì sao vậy? Kiến lập mối quan hệ giữa người với người, giữa người với tất cả chúng sanh, vì sao Đức Phật được tất cả đại chúng kính yêu? Vì sao chúng ta lúc nào cũng khiến mọi người ghét bỏ, khiến người không thích? Nếu quý vị biết bốn nguyên tắc này, như vậy sẽ giống như Phật Bồ Tát, được tất cả chúng sanh yêu kính, đây là điều chúng ta cần phải học.

Tứ tất đàn, thứ nhất là “thế giới tất đàn”. Thế giới, nói như hiện nay chính là vũ trụ, chính là thời gian và không gian. Bồ thí phổ biến khắp vũ trụ, khắp thời gian không gian. Bồ thí điều gì? Bồ thí tâm hoan hỷ, yêu

thương. Ta không yêu chúng sanh, làm sao chúng sanh yêu ta được? Ta ghét bỏ người khác, người ta nhất định ghét ta, đây là điều đương nhiên. Người xưa nói: “người biết yêu người, thường được người yêu”. Cho nên Phật Bồ Tát điều đầu tiên chính là bố thí yêu thương, yêu thương chân thành, yêu thương bình đẳng, yêu thương vô điều kiện, chúng sanh nào không hoan hỷ tiếp nhận? Đây là nguyên tắc đầu tiên. Chúng sanh không thích ta, ghét ta, khi ta thấy người đó, lập tức tránh né, khiến họ hoan hỷ, đây chính là bố thí yêu thương. Sau này người đó, quý vị xem tôi ghét anh ta, mỗi lần gặp anh ta lập tức tránh đi, anh ta sợ tôi. Thời gian lâu ngày, đột nhiên họ giác ngộ, anh ta rất yêu thương tôi, tôn trọng tôi, sợ tôi giận, khiến tôi hoan hỷ. Ý niệm đó thay đổi, họ trở lại kính trọng quý vị, họ cũng yêu thương quý vị.

Vì thế oan gia đối đầu, phải dùng thời gian từ từ xoay chuyển. Họ có hiểu lầm, có thành kiến, ta phải dùng trí tuệ, dùng yêu thương để hóa giải. Nhà Phật có câu nói: “Oan gia nên giải không nên kết”, vì thế Phật Bồ Tát không kết oán với bất kỳ ai. Chúng ta học Phật đầu tiên phải học điều này, không kết oán thù với tất cả chúng sanh, đây là điểm tu học căn bản. Tất cả chúng sanh bao gồm động vật, bao gồm thực vật, bao gồm tất cả thiên địa quỷ thần. Đức Phật dạy chúng ta, kết pháp duyên còn thù thắng hơn thiện duyên, trên thực tế pháp duyên chính là thiện duyên. Pháp duyên và thiện duyên sai biệt ở đâu? Thiện duyên là có cảm tình, pháp duyên là trí tuệ, sai biệt ở điểm này. Kết thiện duyên với tất cả chúng sanh, là trí tuệ làm chủ, không phải tình thức. Tình thức, đó là thiện duyên, thiện duyên không thể thoát ly ba đường lành, pháp duyên có thể thoát ly lục đạo, thoát ly mười pháp giới. Điều này nói rõ Phật pháp cần phải kiến lập trên nền tảng của trí tuệ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ dạy cho chúng ta ba thứ chân thật: “trú chân thật tuệ”, tâm vĩnh viễn an trú trong trí tuệ chân thật.

Nguyên tắc thứ hai là “vị nhân tất đàn”, thứ nhất là yêu thương chân thành, bình đẳng, thanh tịnh, yêu thương này biến mãn khắp hư không pháp giới. Đây là nghĩa của thế giới tất đàn, đây là nền tảng tâm từ bi của Phật Bồ Tát. Thứ hai là đối với người, nghĩa là tâm đại từ đại bi này khởi tác dụng. Vị nhân tất đàn, lúc nào cũng nghĩ cho người khác, nghĩ cho người, không nghĩ cho riêng mình. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, vì điều gì? Vì tất cả chúng sanh.

Người thế gian, trong cuộc sống hằng họ cũng có mục tiêu, vì sự nghiệp chính mình, vì gia đình, vì con cái, vì cha mẹ, vì tông tộc, đây là người thế. Tâm lượng họ lớn hơn một chút, yêu nhân dân, vì dân tộc, vì quốc gia. Được như vậy rất đáng để người tôn kính rồi. Tâm lượng Phật Bồ Tát càng lớn, vì hư không, vì pháp giới, vì tất cả chúng sanh. Lớn có thể bao dung nhỏ, nhỏ không thể bao dung lớn. Cho nên tâm lượng của Chư Phật Bồ Tát mới viên mãn, mới cứu cánh. Niệm niệm vì người, vì người bao gồm chính mình, mình cũng là một trong chúng sanh đó. Vì mình thì không thể bao

gồm chúng sanh, tâm lượng này rất nhỏ. Tâm lượng nhỏ gọi là tạo nghiệp, tâm lượng lớn gọi là tích lũy công đức, sai biệt không giống nhau.

Hai điều kiện này, có thể được tất cả chúng sanh sanh khởi tôn kính đối với ta, sanh khởi yêu thương đối với ta, tâm kính yêu tự nhiên sanh khởi, tự nhiên sanh khởi. Mỗi chúng sanh, trong đức tánh đều có yêu thương chân thành, muốn Phật Bồ Tát chiêu cảm, dẫn dắt kính yêu chân thành trong tự tánh của họ ra.

Đây là hai ý trước của tứ tất đàn, ở sau là giúp chúng sanh khế nhập cảnh giới của Phật.

Thứ ba là “đôi trị”, hai loại trước kiến lập mối quan hệ rất tốt, làm bạn với chúng sanh, làm người bạn tốt nhất, người bạn đáng tin cậy nhất, người bạn tín nhiệm nhất, sau đó biết người bạn này rất có lợi ích cho ta. Ta thấy họ có lỗi lầm, liền hướng dẫn, khuyên cáo, giúp họ đoạn ác tu thiện, giúp họ chuyển mê thành ngộ, đây là đôi trị. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: “ban cho lợi ích chân thật”, nhưng lợi ích chân thật này vẫn chưa viên mãn, chưa cứu cánh.

Nguyên tắc thứ tư là “đệ nhất nghĩa tất đàn”. Đệ nhất nghĩa là gì? Là giúp họ chuyển phàm thành thánh. Từ bi, yêu thương, hiệp trợ này, mới đạt đến cứu cánh viên mãn. Chúng ta muốn học cách độ chúng sanh, giúp người khác, có hiểu nguyên tắc này chăng? Nếu không hiểu nguyên tắc này, dù có tâm tốt giúp người, người ta không tiếp nhận. Ta giúp người khác, người khác còn cho rằng: họ có mục đích gì, chắc không phải ý tốt, tuyệt đối đừng để mắc lừa. Mình có tâm tốt, đôi lại là sự hiềm nghi, ghét bỏ của người, quý vị có cảm nhận như thế nào? Bởi vậy rất dễ thoái tâm, Bồ Tát đạo khó hành, thôi vậy. Đâu biết rằng là do bản thân mình không hiểu phương pháp, sai lầm do mình, tuyệt đối không do đôi phương. Quý vị thử nghĩ xem, Chư Phật Bồ Tát điều đầu tiên là yêu thương chân thành phổ biến không có phân biệt, ta có chăng? Niệm niệm nghĩ cho chúng sanh, ta có chăng?

Chúng ta không làm được hai điều trước, vừa mở đầu là muốn giúp người hạ thủ từ chỗ đôi trị, vì thế người ta không chịu được. Chư Phật Bồ Tát con đường trước đó các ngài làm rất tốt, cho nên Chư Phật Bồ Tát khuyến khích làm thiện, họ hoan hỷ tiếp thu, chúng ta đâu hiểu được đạo lý này? Trong kinh thường nói đến tứ tất đàn, cũng thường đọc, thậm chí ta cũng biết nói, nhưng không biết thực hành như thế nào. Giảng kinh thuyết pháp, khổ hơi rất cổ khuyên người, thỉnh chúng ở dưới còn nhú mày trợn mắt: sao ông mắng tôi? Sao toàn nói xấu tôi vậy? Đây đều do chúng ta sơ suất hai điều trước trong tứ tất đàn. Vì thế thiện tâm giúp người khác được hiệu quả ngược lại, bản thân cần biết phản tỉnh kiểm điểm. Đây là nói Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa trong cửu pháp giới, họ giữ vững nguyên tắc xử sự đối nhân tiếp vật của mình. Trên thực tế, chúng ta

nói giữ vững, họ là tự nhiên như vậy, “pháp vốn như vậy”. Hàng sơ học chúng ta, cần phải giữ vững.

Thực hành Tứ tất đàn, chúng ta gọi là phương tiện thiện xảo, trong phương tiện chính là Tứ nhiếp. Tứ nhiếp mới thực sự thực hiện Tứ tất, điều đầu tiên của Tứ nhiếp pháp là “bố thí”, cúng dường. Ngày nay chúng ta gọi là kết duyên với người, chỉ nói suông, nói bằng miệng thôi thì được gì? Phải thật sự làm được. Quý vị nói giúp đỡ, bây giờ tôi gặp khó khăn, quý vị giúp tôi thật. Nói suông dù nói nhiều đến đâu, ai tin mình? Thật sự phải làm, việc đầu tiên là phải bố thí, trong bố thí có tài thí, có pháp thí, có vô úy thí. Chúng ta phải tùy thuận cơ duyên, họ cần gì, chúng ta giúp họ điều đó, tận tâm tận lực công đức sẽ viên mãn. Trong này hoàn toàn là ứng dụng của trí tuệ, thực hành của trí tuệ.

Ở Trung quốc, từ xưa đến nay, sự giao tiếp giữa người với người đều phải chuẩn bị một phần lễ vật, có qua có lại. Ngày xưa, một số gia đình nhận lễ vật của người khác đều ghi chép lại, chuẩn bị một cuốn sổ ghi lại. Vì sao vậy? Đến khi trả lễ, xem người ta tặng bao nhiêu, chúng ta thêm vào một chút. Nếu không ghi lại, người ta tặng lễ mình nhiều, nếu như ta trả lễ ít, vậy là thiếu tình người. Giới hạn thấp nhất là bằng nhau, thêm một chút lại càng tốt. Người xưa các giao tiếp thông thường cũng vậy, không giống người bây giờ.

Người phương tây đối với điều này, quả thật không như người phương đông. Người phương tây nhìn vẻ bên ngoài làm rất tốt, khi gặp mặt gật đầu mỉm cười. Hiện nay người phương đông gặp mặt hình như không có lễ phép, nhưng khi gặp khó khăn, chúng ta thật sự có thể giúp đỡ người, vẫn còn lợi ích thực tế. Người phương tây đến khi lễ tết gửi một tấm thiệp chúc, tặng một đóa hoa tươi, đây chính là lễ tiết của họ. Thực tế mà nói, văn hóa xưa vẫn rất bác đại tinh thâm, có nguồn gốc lâu xa, đáng để phát triển rực rỡ.

Bố thí mới kết ân huệ chân thật, giao tình sâu đậm.

Thứ hai, đây đều nói về phương pháp. “Ái ngữ”. Ta thật sự yêu thương họ, quan tâm họ, muốn giúp họ, ái ngữ là ngôn ngữ, ngôn ngữ yêu thương họ. Chư vị phải biết, không phải nói lời dễ nghe, là có lợi ích thật sự với họ, nói lời yêu thương, cho nên đánh họ, mắng họ đều là yêu thương. Nhưng giao tình này phải đủ, nếu giao tình chưa đủ, đối phương không dễ tiếp nhận.

Trong tứ nhiếp pháp ở trước, đặc biệt là bố thí, đây là kết chặt tình cảm sâu dày, tình ý sâu dày. Sau đó nhìn thấy lỗi lầm của người, mới có thể khuyên can. Mà khuyên thiện sửa lỗi, khuyên thiện không sao, có thể ở trước mặt đại chúng. Nói ra lỗi lầm thì không được, nếu nói lỗi lầm của người, khuyên họ sửa đổi sai lầm, không được có sự hiện diện của người thứ ba. Vì sao vậy? Phải để ý sĩ diện của họ, hiện nay gọi là không được tổn thương lòng tự trọng của họ. Vậy thì khi nào? Khi không có mặt người thứ ba, lúc này có thể nói lỗi lầm của người, đây là bạn tốt, là chơn thiện tri thức.

Trước đây khi tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý dạy học sinh, nhất định kêu học sinh vào phòng, tuyệt đối không để người thứ ba nhìn thấy, lúc này mới giáo huấn. Thầy Lý giáo huấn học sinh, học sinh đó nhất định chịu tiếp thu, biết sửa đổi. Nếu quan sát học sinh này không thể tiếp thu, hoặc khi giáo huấn, bên ngoài tiếp thu nhưng không sửa đổi, thầy Lý tuyệt đối không dạy. Vì sao vậy? Như vậy là kết oán thù, có học sinh như vậy. Chúng tôi thấy có một số học sinh đúng là bằng mặt không bằng lòng, thầy Lý đối với những học sinh này rất khách sáo, tuyệt đối không nói khuyết điểm của họ. Có khi chúng tôi cũng hỏi, vì sao thầy không nói bạn này? Thầy chỉ cười, kết chút thiện duyên, đừng kết ác duyên, người này họ chỉ thích lời dễ nghe, nghe người khác tâng bốc mình, tuyệt đối không thể chịu được người khác nói lỗi mình. Bởi vậy dạy học phải biết quán cơ, phải hiểu người này căn tánh như thế nào, phải dùng thời gian dài để dẫn dắt họ. Đến khi nào họ thật sự giác ngộ, thật sự minh bạch, có ý quay đầu, lúc đó mới dạy. Khi chưa có ý quay đầu, thiện tri thức họ rất kiên nhẫn, lúc này không nói. Như những xử sự đối nhân tiếp vật này, chúng ta cần phải hiểu, đây là học vấn thật sự.

Quý vị thấy một vị thiện tri thức, người thiện đối với họ rất tốt, người ác cũng đối tốt với họ, đây là nguyên nhân họ làm người thành công. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, người thiện hay người ác, họ đều ứng xử rất tốt đẹp, chúng ta thường nói họ rất biết cách làm người, họ làm người thành công. Đây là thực hành của trí tuệ, hiển thị của trí tuệ.

Từ đâu để nhận ra thiện tri thức? Họ có trí tuệ, họ có kiên nhẫn, có phương pháp, họ biết cách giúp người ác trở thành người thiện, giúp một người xấu trở thành người tốt, đây gọi là thiện tri thức. Giúp một người mê trở thành người giác ngộ, giúp phàm phu trở thành thánh nhân, đây là đại thiện tri thức. Cho nên ái ngữ, chúng ta đừng hiểu lầm ái ngữ là lời nói đường mật, nhìn nhận như vậy là sai. Ái ngữ là ngôn ngữ thật sự yêu thương đối phương.

Thứ ba là “Lợi hành”. Hành là chỉ hành vi của ta, hành vi của ta nhất định phải lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh. Bất luận chúng sanh có cách nhìn, suy nghĩ như thế nào đối với Phật Bồ Tát, cách làm của Phật Bồ Tát tuyệt đối đem đến lợi ích cho xã hội, lợi ích chúng sanh, bất luận đối phương có chấp nhận hay không, nhất định là lợi ích chân thật.

Bồ thí vô tư, phụng hiến vô điều kiện, chúng ta muốn hỏi vì sao họ làm như vậy? Mở đầu kinh này có nói đến, tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới với mình là nhất thể, chúng ta gọi là một sanh mạng thể cộng đồng. Tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới với mình là một sanh mạng thể cộng đồng. Trong Phật pháp gọi là “vô duyên đại từ”. Từ là yêu, yêu thương lớn, vô duyên là không có điều kiện. “Đồng thể đại bi”, tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới với mình là nhất thể, thể là gì? Là nhất niệm tự tánh, đây là thật, tuyệt đối không hư vọng. Hết thấy chúng sanh

khấp hư không pháp giới, là nhất niệm tự tánh biến hiện ra. Đức Phật nói với chúng ta, Phật thân chứng cảnh giới này. Vì thế sự thù thắng của Phật pháp, lợi ích của Phật pháp, Đức Phật nói nhất định phải tự mình chứng, chứng thực. Hết thấy chúng sanh khấp hư không pháp giới, đúng là nhất niệm tâm tánh biến hiện ra. Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, tâm và thức là cùng chung, tất cả chúng sanh trong mười pháp giới là cùng chung. Trong kinh điển đại thừa thường nói: “mười phương ba đời Chư Phật, cùng chung một pháp thân”. Nói đến pháp thân đó chính là thể cộng đồng. Hết thấy các pháp, tất cả pháp thể xuất thể gian, đều từ thể này sanh ra, cho nên gọi là cùng một pháp thân. Không những tất cả mọi người, tất cả hữu tình chúng sanh, từ trong pháp thân biến hiện ra. Vô tình chúng sanh, cũng là pháp thân này biến hiện ra. Hư không thể giới, vẫn là lý thể này biến hiện ra. Vì thế Kinh Hoa Nghiêm mới nói: “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”. Hữu tình và vô tình, nếu không phải cùng một thể biến hiện ra, sao có thể nói là “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, làm sao đồng được? Cho nên thật sự thấu triệt chân tướng sự thật này, tình và vô tình chính là hư không thể giới. Ngày nay chúng ta nói động vật, thực vật, khoáng vật, cùng một thể sanh mạng. Họ thật sự thấu suốt, giác ngộ triệt để, tâm yêu thương mới thanh tịnh bình đẳng, phổ biến khắp hư không pháp giới. Nói như chúng ta hiện nay, họ sống trong trí tuệ, họ sống trong tình yêu bao la, người này gọi là Phật, gọi là Bồ Tát. Hành vi của họ nhất định lợi ích tất cả chúng sanh, đối với việc không có lợi cho chúng sanh, họ tuyệt đối không làm. Đối với việc không đem đến lợi ích cho chúng sanh, họ tuyệt đối không nghĩ đến. Những gì họ suy nghĩ, những gì họ nói và làm, nhất định lợi ích tất cả chúng sanh, đây gọi là lợi hành.

Sau cùng là “đồng sự”, đây là nhiếp thọ tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh. Phương pháp thù thắng nhất, chính là trong Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương nói: “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Thực hiện hai điều này. Chúng sanh thích gì, Phật Bồ Tát tùy thuận, có thể theo họ đến cùng. Chẳng hạn họ thích đánh bài, Bồ Tát ngày ngày đánh bài với họ. Họ thích khêu vũ, Bồ Tát ngày ngày khêu vũ với họ, thị hiếu giống với họ, dùng thị hiếu của họ để độ họ. Họ mê trong ngũ dục lục trần, Bồ Tát cũng giả giống như họ, hai người có sở thích như nhau, như vậy mới thành bạn tốt. Họ mê, Bồ Tát giác, Bồ Tát dùng phương pháp này, giúp họ phá mê khai ngộ. Bồ Tát có trí tuệ, đánh bài nhất định ngày ngày thắng tiền, nhất định cao minh hơn, họ mới khâm phục sát đất. Sau cùng nhất định thỉnh giáo, anh đánh bài rất giỏi, rất cao minh, anh có phương pháp gì có thể đánh hay như vậy? Ngài liền nói với họ, niệm Phật A Di Đà sẽ đánh hay, vậy là độ được họ rồi. Họ không tin, tôi ngày ngày niệm Phật A Di Đà, cho nên mới cao minh như thế. Đây là phương tiện thiện xảo. Nhưng “đồng sự” này, chúng ta có học được chăng? Rất khó, nếu ta không có định công, không có

trí tuệ chân thật, ta sẽ bị họ độ lại. Ta độ không được họ, ngược lại bị họ độ ta, thật sự đọa lạc, vậy là sai.

Trong tứ nhiếp pháp, bố thí, ái ngữ, lợi hành chúng ta cần phải học. Đồng sự phải xem định công của mình, trí tuệ của mình. Nếu mình chưa đủ định công trí tuệ, dùng phương pháp đồng sự, không ai không đọa lạc. Ở đây chúng ta thấy, ai thực hành đồng sự trong tứ nhiếp pháp? Là pháp thân đại sĩ. Trong kinh điển đại thừa chúng ta thấy, tiêu chuẩn này là phá nhất phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, bốn điều này mới có thể viên mãn, cả bốn phương pháp này đều có thể dùng. Nếu chưa phá vô minh, chưa chứng pháp thân, ta chỉ có thể dùng ba phương pháp trước, điều thứ tư không thể dùng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Trong đại thừa Hiền giáo, chư vị tổ sư đại đức hạn chế chúng ta rất nghiêm ngặt. Thật sự trong tứ nhiếp pháp, đến điều thứ ba là vẽ một giới tuyến, muốn chúng ta nghiêm giữ giới luật. Định công và trí tuệ chúng ta chưa đủ, giữ vững phạm vi này chắc chắn có lợi cho chúng ta. Nhưng trong Mật giáo, bốn loại này đều có. Chư vị phải biết, Mật giáo là Phật pháp cao cấp nhất trong Phật pháp. Ai có tư cách học Mật? Kinh điển đại thừa nói rất rõ ràng, Bồ Tát bát địa, đó không phải phá nhất phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, mà vô minh sắp phá tận, pháp thân sắp viên mãn. Do đây có thể biết, đồng sự với tất cả chúng sanh là bát địa Bồ Tát. Nếu hạ thấp tiêu chuẩn này xuống một chút, cũng là viên giáo sơ trụ Bồ Tát. Từ đó có thể thấy, tam hiền Bồ Tát, Bồ Tát trước thất địa, tuy đồng sự với chúng sanh, vẫn còn kiêng kỵ. Nghĩa là nói phải xem năng lực của mình, điều gì có thể đồng sự, điều gì không thể đồng sự, bản thân họ rõ ràng. Đến bát địa Bồ Tát, mới không có kiêng kỵ này, định tuệ của họ đã thành tựu. Nói cách khác, đồng sự với tất cả chúng sanh, tuyệt đối không bị ảnh hưởng bởi tất cả chúng sanh, thật sự đạt đến ngoài không chấp trước, trong không động tâm mới được. Mà đồng sự với tất cả chúng sanh, nhất định là lợi hành, nhất định là để giúp chúng sanh này, thành tựu chúng sanh này. Thành tựu, ở trước nói đến ba ý, “hóa chuyển tam nghĩa” ở trước kinh văn này, trang 14 câu cuối cùng. “Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành giải, chuyển phàm thành thánh”, nhất định là ba mục tiêu này. Nếu không phải ba mục tiêu này, đồng sự với tất cả chúng sanh, không ai không đọa địa ngục.

Tôi theo học với đại sư Chương Gia ba năm, đại sư là bậc chân thiện tri thức, ngài không truyền mật pháp cho tôi, vì sao vậy? Vì chưa đủ trình độ, nhưng đối với giáo nghĩa của Mật giáo, ngài nói với tôi rất nhiều. Tôi hiểu Mật pháp là trong lớp nghiên cứu Phật pháp, như chúng ta học khóa tiến sĩ vậy. Sinh viên lớp tiến sĩ trình độ như thế nào? Như vừa nói là bát địa Bồ Tát. Nếu không phải bát địa Bồ Tát, phàm phu muốn học pháp môn này, tất cả đều đọa vào địa ngục a tỳ.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói một cách rất cảm khái, không những nói còn viết lên sách. Quý vị thấy ông có một cuốn sách nhỏ gọi là Cốc Hương Tập, trong đó có không ít bài trả lời nghi vấn của người học Mật tông. Trong này nói rất rõ ràng, ông khẳng định thế gian hiện nay, đã không còn căn tánh mật pháp. Ông từng nói với tôi, ở Đại lục, nửa thế kỷ, 50 năm lại đây, tu học theo mật pháp thành tựu, ông nói chỉ có sáu người, vậy mới biết điều này khó khăn biết bao. Nhưng niệm Phật thành tựu, không thể tính hết. Những năm về già ông cũng rất khổ tâm, ông là A xà lê của Mật tông, chúng ta thường gọi là Kim Cang thượng sư. Ông truyền mật pháp, nhưng ông lấy mật pháp dạy người đều khuyên người niệm Phật A Di Đà, ông nhất định dạy người đọc Kinh Vô Lượng Thọ, đọc Kinh Di Đà Yếu Giải. Kinh Vô Lượng Thọ đương nhiên đó là bản hội tập của thầy ông, Hạ Liên Cư là thầy ông, ông là truyền nhân của Hạ Liên Cư, cũng là truyền nhân duy nhất của Hạ Liên Cư. Ông là một học sinh tốt, không cô phụ giáo huấn của thầy, quả thật y giáo phụng hành. Ông khuyên người học Mật đọc Kinh Vô Lượng Thọ, đọc Kinh Di Đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, đọc Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Dụng ý của ông tương đồng với dụng ý của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ ngày xưa, thời đại của đại sư Vĩnh Minh, người học thiền rất nhiều, đại sư thấy rất rõ ràng. Không phải căn tánh của thiền, học thiền không thể thành tựu. Nhưng họ có chấp trước, không chịu buông bỏ, do đó đại sư Vĩnh Minh dùng phương pháp đồng sự, ngài cũng học thiền. Trong Thiền tông thị hiện đại triệt đại ngộ, quay lại chuyên tu Tịnh độ, niệm Phật A Di Đà, đây là phương pháp đồng sự. Như vậy, ngài khuyên người học Thiền, niệm Phật A Di Đà cầu sanh thế giới Cực Lạc, mọi người không còn gì để nói. Nếu ngài không đại triệt đại ngộ trong Thiền tông, muốn khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, có người sẽ hủy báng ngài, không thể tin. Cho nên sau khi ngài triệt ngộ trong Thiền tông, mới trở về chuyên tu Tịnh độ, đề xướng thiền tịnh song tu, “có thiền có tịnh độ, giống như mang sừng hổ”, đây là lời khuyên người khác. Hậu nhân không hiểu dụng ý của tổ sư, đến bây giờ có người nói thiền tịnh song tu, họ muốn mang sừng hổ. Họ không biết lời của tổ sư là thấy người học thiền không thể thành tựu, dùng phương pháp này khuyên họ quay đầu. Nếu chuyên tu Tịnh độ, vậy thì không còn gì để nói, đi cọn đường này là đúng. Nghĩa là nói, quý vị học theo thiền không thể đạt đến mục đích, tu theo Tịnh độ còn có thể thành tựu.

Do đây có thể biết, phương pháp của Hoàng Niệm Tổ, nghĩa là nói quý vị học Mật không thể thành tựu, nếu nương theo Kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Yếu Giải, Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên, Tịnh độ còn có phần. Nhất định phải hiểu dụng ý trong cách nói của chư vị tổ sư đại đức, tuyệt đối không phải dạy ta học hai pháp môn, tuyệt đối không phải dạy ta học ba

pháp môn. Hiện nay còn có thiên tịnh mật tam tu, quý vị xem có nguy chăng? Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Tôi ở các nơi trên thế giới, chuyên môn đề xướng Kinh Vô Lượng Thọ, nương theo một bộ kinh. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở Bắc Kinh, cũng từng nói với học sinh, cách làm này của pháp sư Tịnh Không, nhất định có đạo lý của ông. Tôi ở Bắc Kinh, nghe học sinh của ông nói lại, ông ta nói tôi nhất định có dụng ý riêng. Dụng ý gì, đạo lý gì, ông không nói ra. Chuyên tu, nhất môn thâm nhập, khế hợp với căn tánh của người bây giờ nhất. Tu Tịnh độ, Tịnh tông là ngũ kinh nhất luận. Trong ngũ kinh, Hoàng Niệm Tổ đưa ra ba loại, đều là kinh điển Tịnh độ, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Di Đà Yếu Giải, Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện. Bây giờ tôi đề xướng một môn, nếu thật sự thông suốt, rõ ràng, minh bạch một môn này, vậy là đủ, “một tức là nhiều”, ngoài ra đều bao hàm trong đó. Nhưng bộ kinh này, phải hiểu rõ ràng minh bạch.

Lần này thật khó được, có cơ hội này, chúng ta nói một lần thật tường tận. Lần này nói tường tận, chư vị sẽ hiểu từng câu từng chữ, không những bao gồm tất cả pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, mà những gì tất cả Chư Phật khắp ba đời mười phương nói đều bao hàm trong đó.

Thời đại đã đi vào thế kỷ 21, trong thế kỷ lớn này, cuộc sống của chúng ta bận rộn hơn, căng thẳng hơn ngày xưa quá nhiều. Không những đời sống tinh thần căng thẳng, đời sống vật chất cũng căng thẳng theo, đâu còn thời gian để học nhiều pháp môn như vậy? Trong thời đại hiện nay, những gì chúng ta học, điều phải học càng ít càng tốt, nói ngắn gọn, thích hợp căn tánh người thời đại này. Từ tinh hoa ngắn gọn mà nói, có thể nói trong tất cả các kinh, không gì hơn Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà còn đơn giản hơn Kinh Vô Lượng Thọ, nhưng Kinh A Di Đà nhìn vẻ bên ngoài rất cạn cợt, thực tế ý nghĩa vô cùng thâm sâu, rất ít người hiểu, đặc biệt là phần tử tri thức. Phần tử tri thức rất khó kiến lập tín nguyện từ Kinh A Di Đà, vì sao vậy? Rất nhiều người cho rằng đây là câu chuyện thần thoại, là tác phẩm văn học nhỏ, rất khó khởi tín tâm. Thông qua giải thích của đại sư Ngẫu Ích, Liên Trì, mới biết kinh này rất thâm sâu, cho nên rất nhiều người không hiểu Kinh Di Đà. Yếu Giải quá khó, Số Sao quá khó hiểu, xem chú giải trái lại xem không hiểu, xem kinh hình như hiểu, thật ra căn bản không hiểu kinh, đây là độ khó. Kinh Vô Lượng Thọ, nói thật, dù ta không xem chú giải, quả thật cũng có thể hiểu, thật sự có thể được lợi ích. Y theo những giáo huấn trong kinh điển, thật sự thực hành, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành trì. Nếu hiểu cạn thì hành cạn, hiểu sâu thì hành sâu, đều có thể được lợi ích, đúng là “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thu”, đây là lợi ích của kinh này. Phân lượng thích hợp, không quá dài cũng không quá ngắn, thật sự khó được. Hạ Liên Cư tuyệt đối không phải người bình thường, ông cũng là Phật Bồ Tát tái sanh, đây là Phật Bồ Tát tái sanh. Cổ nhân có xem xét điều này,

từng làm mấy lần hội tập đều không lý tưởng, có thể nói đều có khiếm khuyết. Đến bản của Hạ Liên Cư xuất hiện, mới thật sự là một bộ tập đại thành cả năm loại nguyên bản dịch xuất hiện. Khi bản này xuất hiện, đại sư Ấn Quang đã vãng sanh, ngài không thấy được. Đối với bản của Vương Long Thư ngài có phê bình, cũng có phê bình bản của Ngụy Mặc Thâm, bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh càng không cần phải nói, nó không phải là bản hoàn chỉnh. Nếu tổ sư Ấn Quang thấy được bản này, chắc chắn gật đầu, quả thật bản này hội tập rất hay. Chúng tôi tuyên dương bản này, cũng gặp trở lực rất lớn. Có rất nhiều pháp sư phê bình tôi, nói quan niệm tôi sai lầm, đây là bản hội tập của cư sĩ, cư sĩ luôn thấp hơn một bậc. Nhưng trong Đại Tạng Kinh, kinh điển do cư sĩ dịch cũng không ít, trong Đại Tạng Kinh đều có. Cho rằng một khi xuất gia, mang lên người bộ y phục này là cao hơn. Không mang y phục này thì không công cao ngã mạn, khi mang vào rồi cảm thấy mình cao hơn người khác quá nhiều, đây là sai lầm, là phiền não khởi hiện hành.

Hội tập, người hội tập đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, vì sao không phê bình ông ta? Bản hội tập của Vương Long Thư đã đưa vào đại tạng, đây là một việc lớn. Ngày xưa, trước tác của mình có thể nhập tạng, tức là đã được chư vị cao tăng đại đức đương thời, mọi người đều khẳng định, mọi người đều đồng ý. Cho rằng ta nói không sai, chánh tri chánh kiến, những gì ta nói đều khế hợp với tâm Phật mới được nhập tạng, nhập tạng là một tiêu chuẩn rất cao. Bản thân Vương Long Thư, công phu niệm Phật không tệ, đứng vãng sanh. Nếu ông hội tập là sai lầm lớn, sao có thể đứng vãng sanh? Cổ thánh tiên hiền đã làm gương, làm mô phạm cho chúng ta. Hạ Liên Cư không phải một nhân vật tầm thường.

Có một năm tôi ở tại Miami, giảng về nhận thức Phật giáo, lần đó tôi ở phía đông nước Mỹ, từ New York DC, và giảng trong mấy thành phố, tất cả đều giảng đại ý Kinh Địa Tạng. Điểm sau cùng là Miami, do cư sĩ Tăng Hiến Vĩ tiếp đón, năng lực phiên dịch của Tăng cư sĩ rất tốt. Tôi thấy trong hàng thánh chúng có không ít là người Mỹ, cho nên lúc đó tôi thương lượng với Tăng cư sĩ đề tài, nói về nhận thức Phật giáo, do ông phiên dịch, chủ yếu là đối với người phương tây. Nhận thức Phật giáo đã lưu thông rất rộng, y theo trong CD cũng viết thành sách. Đây cũng là tùy thuận cơ duyên, chúng tôi đổi thành đề tài như vậy. Chứng minh Phật pháp rất linh hoạt, không phải cứng nhắc. Chúng ta cũng phải quán cơ, tùy cơ ứng biến. Bài diễn giảng này cũng vượt ra ngoài dự liệu của chúng tôi, lưu thông rất rộng, hiện nay đã hoàn thành bản dịch tiếng Anh.

Hôm trước cư sĩ Lý Văn Hoa nói với tôi, Tịnh tông học hội quyết định in 10 ngàn cuốn, vì lớp tri thức phần tử ở Singapore, tiếp thu giáo dục Anh ngữ vẫn chiếm đại đa số. Để tiện lợi cho họ thấu triệt Phật giáo nói về điều gì, không đến nỗi phát sanh ngộ nhận. Những vấn đề này, nói thật, chúng ta

đều học được từ trong Phật giáo đại thừa. Cũng quan sát thời đại này, thế kỷ tiếp theo, nhu cầu bức thiết là gì?

Kinh Hoa Nghiêm bao nhiêu năm lại đây, có rất nhiều pháp sư, cư sĩ đến tìm tôi, hy vọng tôi mở giảng bộ kinh này. Bộ kinh này trước đây từng giảng ở Đài Bắc, chưa giảng xong, tôi tính trước sau cũng có 17 năm. Nhưng vì thường ra nước ngoài, một lần xuất ngoại là làm lỡ, chỉ giảng đến Phẩm Thập Hồi Hương. Vì thế thật không dễ, bộ đại kinh này phân lượng quá lớn, cần rất nhiều thời gian. Chỉ có thường trú ở một chỗ, mới có thể giảng bộ kinh này.

Lần này có nhân duyên đến Singapore, cuộc sống an định hơn. Mục đích chủ yếu khi nói bộ kinh này, là giúp hàng hậu học, cung cấp cho họ một phần tài liệu tham khảo. Mà thực tế bộ kinh này, đối với xã hội hiện đại có giúp ích rất lớn. Xã hội này là xã hội động loạn bất an, mà trong Kinh Hoa Nghiêm, hiển bày cho chúng ta thấy một xã hội rất hòa thuận, hai bên thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Ngày nay chủng tộc khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, học thuật khác nhau, văn hóa khác nhau, phương thức sống khác nhau. Chúng ta sống trên địa cầu này, làm sao có thể yêu thương tôn trọng lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, thật sự phải học tập theo Kinh Hoa Nghiêm.

Tôi ở Úc châu tham gia tổ chức hòa bình tôn giáo thế giới, tất cả có hơn 30 Tôn giáo tập hợp với nhau, đều thảo luận về vấn đề này. Mọi người đều ý thức rằng, xung đột, chiến tranh đem đến đau khổ, đen đến thảm họa cho con người, làm sao để hóa giải. Trong hội nghị, tôi nghe một thần phụ của Thiên chúa giáo, báo cáo một cách rất cảm khái, ông hy vọng mỗi Tôn giáo, khi truyền giáo cho tín đồ, đừng công kích Tôn giáo khác, lý niệm này rất hay.

Khi đến lượt tôi nói chuyện, tôi nói chúng ta không những không được công kích các Tôn giáo khác, nhất định phải tán thán Tôn giáo khác, phải giúp Tôn giáo khác, đây thực hành theo Kinh Hoa Nghiêm. Tôi nói với họ, trong Kinh Hoa Nghiêm, pháp pháp đều bình đẳng. Phật giáo đệ nhất, Cơ đốc giáo cũng đệ nhất, Thiên chúa giáo cũng đệ nhất, mọi người đều đệ nhất, vậy là ổn, bình đẳng, “bình đẳng chân pháp giới”. Trong Hoa Nghiêm không có thứ hai, trong Phật pháp đều không có thứ hai.

Trong Kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy 25 viên thông, 25 vị Bồ Tát đều nói họ là pháp môn đệ nhất, không có thứ hai. Thứ nhất là đúng, thứ hai là sai. Kinh Phật là đệ nhất, Thánh kinh cũng đệ nhất, Kinh thánh mẫu của thiên chúa giáo cũng đệ nhất, Kinh Cô-ran của Hồi giáo cũng đệ nhất, mọi người đều đệ nhất. Như vậy mới có thể tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau. Khác dân tộc, khác văn hóa, khác Tôn giáo vẫn là người một nhà. Người bây giờ gọi là thôn địa cầu, chúng ta là thôn dân của thôn địa cầu, là người cùng một thôn trang, phải cùng nhau sáng tạo đời

sống hạnh phúc mỹ mãn, đây mới là mục tiêu mọi người hy vọng. Cho nên hiện nay rất nhiều Tôn giáo có thể bắt tay hợp tác với nhau.

Chính phủ Úc châu đang đề xướng, xây dựng một trung tâm hoạt động văn hóa đa nguyên, thực tế chính là các Tôn giáo khác nhau, mọi người cùng nhau hoạt động, kiến lập một trung tâm hoạt động. Trung tâm hoạt động này thiết lập trong trường học, đất của trường, đại học Griffith, trường học ở Brisbane. Chủ trì việc này, là xứ trưởng văn hóa đa nguyên của Queensland, trước đây ông là cục trưởng của cục sự vụ dân tộc thiểu số, hiện nay đã thăng chức, bây giờ đại khái đang làm công tác về nền văn hóa đa nguyên.

Ông ta nói với tôi, ông nói thầy nhất định rất có hứng thú đối với vấn đề này, liền kéo tôi đến trường, đi tham quan tình hình dự trù của họ. Tôi hỏi ông ta, trung tâm hoạt động này ông dự kiến bao nhiêu kinh phí? Ông ta nói, kiến trúc trung tâm này cần khoảng 130 vạn, thêm một số thiết bị bên trong, dự tính khoảng 200 vạn tiền Úc, tiền Úc gần tương đương với tiền Singapore, giá trị tương đương. Tôi nghe thế, lúc đó liền ủng hộ ông ta 10 vạn, ông ngỡ ngác. Đây là số tiền ủng hộ đầu tiên, hiện tượng tốt. Chúng ta đang học bổ thí, ái ngữ, lợi hành, thực hành ngay lập tức. Tôi thật sự ủng hộ ông ta, chúng ta hy vọng Tôn giáo có thể đoàn kết, Tôn giáo có thể chung sống hòa bình. Chúng ta biết đoàn kết chủng tộc, đoàn kết văn hóa khác nhau, tôi đã nghĩ từ lâu, chính trị không làm được, vũ lực không làm được. Vũ lực đánh qua đánh lại, chỉ kết thêm thù hận mà thôi, không giải quyết được vấn đề. Cho dù ta hủy diệt một đất nước của họ, nếu dân tộc này vẫn còn một người, họ sẽ báo thù.

Chúng ta xem lịch sử nhà Thanh, đầu thời nhà Thanh, hình như thời đại Nộ Nhĩ Cáp Xích, tiêu diệt dòng họ Diệp Hách, đó cũng là một tộc. Tộc trưởng của Diệp Hách Thị, khi sắp chết phát lời thề độc, trong dòng tộc này của tôi tương lai dù chỉ còn một người nữ, cũng phải báo thù. Từ Hy thái hậu chính là Diệp Hách Thị, quả thật là một người nữ trong tộc của ông cũng phải hủy diệt quốc gia của họ, Từ Hy thái hậu đến để báo thù.

Điều này nói rõ, dùng vũ lực không thể giải quyết được vấn đề, vũ lực kết thêm thù đại hận, khi gặp cơ duyên nhất định đến báo thù. Người bây giờ không biết nhân duyên quả báo, không biết quả báo thông ba đời. Kinh tế không thể giải quyết vấn đề, hiện nay mọi người đều thích làm kinh tế, khiến khắp nơi trên thế giới đều khủng hoảng. Kinh tế mang đến thảm họa, không giải quyết được vấn đề này, khoa học kỹ thuật cũng không giải quyết được vấn đề. Thật sự có thể giải quyết vấn đề, trong đại hội chúng tôi yêu cầu chư vị lãnh tụ Tôn giáo đoàn kết lại, “giáo dục Tôn giáo”, tôi nói chỉ cần dựa vào điều này. Vì thế tôi thấy các vị lãnh đạo Tôn giáo này, tôi đều chấp tay cung kính: “chư vị Bồ Tát”, Bồ Tát thật. Cơ đốc giáo tôi gọi họ là mục sư Bồ Tát, Thiên chúa giáo tôi gọi họ là thần phụ Bồ Tát. Mọi người

tôi đều xưng Bồ Tát, Bồ Tát là cứu thế cứu nhân, chỉ có dựa vào quý vị. Họ cũng rất cảm khái nói: “tôi có tâm, cũng đang muốn nghiên cứu”. Tôi nói với họ, tôi nói những gì quý vị đang nghĩ không thể thực hành, nguyên nhân ở đâu? Vì quý vị có tông không có giáo. Họ nghe xong cũng gật đầu, cũng đồng ý cách nói này của tôi. Tôi nói quý vị có tông, cần phải có giáo hóa, dạy học. Tôi nói, ngày nay tôi đang làm việc giáo dục Phật giáo, Cơ đốc giáo quý vị làm giáo dục Cơ đốc, giáo dục Thiên chúa. Nếu không thể thực hành trong giáo dục, không thể dùng phương pháp dạy học thức tỉnh tin đồ, thiên tai ở thế gian này không thể hóa giải, chúng sanh không được cứu. Phương pháp duy nhất là dựa vào giáo dục.

Hôm đó sau khi đại hội kết thúc, trong lúc diễn giảng tôi kiến nghị cho họ, thứ nhất là phải cường hóa tổ chức, đây là tổ chức mang tính thế giới, tổ chức hòa bình Tôn giáo. Thứ hai phải chuẩn bị ngân sách, nếu không có ngân sách không thể làm việc, nhất định phải có tổ chức. Thứ ba, chúng ta phải thành lập một trường đại học văn hóa đa nguyên, đào tạo giáo viên. Trường học này, thầy truyền giáo của các Tôn giáo đều đào tạo ở đây. Tương lai bất luận chúng ta truyền giáo nào, quan niệm cơ bản của ta, mục tiêu sau cùng là một xã hội an định, thế giới hòa bình, người người đều có thể sống đời hạnh phúc mỹ mãn, chúng ta có mục đích như vậy. Bất luận ta thuộc Tôn giáo nào, y theo kinh nào, chúng ta đều phải quy kết về mục tiêu này, phương hướng này. Thực hành như thế nào? Đến sau cùng, chúng ta cần phải có một công ty truyền bá vệ tinh của mình, Tôn giáo sư của mỗi Tôn giáo, mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp qua đài truyền hình, truyền bá lý niệm của chúng ta đến khắp thế giới, đưa vào trong gia đình của mỗi tín đồ. Khiến họ học Tôn giáo mình, cũng có thể tiếp xúc Tôn giáo khác, hai bên thấu hiểu lẫn nhau, nhận thức lẫn nhau. Sự ngộ nhận trong đó đều được hóa giải, mâu thuẫn được hóa giải, xung đột được hóa giải, hòa bình liên hiện thực, an định được hiện thực. Đây là khi tôi ở trong đại hội kiến nghị cho họ, chúng ta nhất định phải nỗ lực theo phương hướng này.

Úc châu đối với việc phúc lợi người già làm rất tốt, điều này rất nhiều quốc gia trên toàn thế giới, đều không thể sánh với người Úc châu, nhưng cũng thiếu thôn về cuộc sống tinh thần. Câu chuyện về thôn Di Đà của chúng tôi xuất phát từ đây, thôn Di Đà là vào năm 83 tôi ở San Francisco, Cam cư sĩ ở cùng chung cư, có được một ít khai thị, tôi ở đó giảng một tuần. Tôi nghĩ, đạo tràng của thế kỷ 21 chắc là của chung cư người già, đối tượng dạy học của chúng ta là người về hưu. Đối với lớp trẻ chỉ đem đến cho họ một khái niệm, Phật giáo là gì, khiến họ nhận thức rõ ràng. Sau khi về hưu, cố gắng niệm Phật, học Phật. Cho nên đạo tràng sau này không còn là tự viện am đường, mà chính là trung tâm phúc lợi của người già. Đó là khởi vọng tưởng, không ngờ đến đây, khi cư sĩ Lý Mộc Nguyên nghe được, ông rất nỗ lực, ông làm thật, quả thật rất khó được. Tôi nói, ông làm thật, vậy tôi giúp

ông, ông không làm tôi sẽ đi vân du, tự tại vô cùng. Ông làm thật, ông muốn thực hiện lý tưởng này.

Tôi nói, hầu như tất cả Tôn giáo, đều có thành lập viện dưỡng lão, viện dưỡng lão và viện cô nhi. Người thông thường thành lập viện dưỡng lão, đều có một quan niệm hiện thực, ở đó nuôi người già, sau đó sẽ chết, già chết, cho nên họ gọi là công trình không hy vọng. Gọi người già là công trình không hy vọng, khiến người khác nghe thấy đều rất khó chịu. Nhưng tôi nói với họ, tôi nói viện dưỡng lão là công trình có hy vọng nhất, vì sao vậy? Đây là trạm chuyển đổi cuối cùng, nhất định phải đạt đến mục tiêu của Tôn giáo họ. Mục tiêu của Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo ở thiên đường, những người già này ở viện dưỡng lão của mình, ta nhất định phải giúp họ lên thiên đường. Nếu họ không thể lên thiên đường, tội của mình rất nặng.

Phật giáo thành lập thôn Di Đà, nhất định phải giúp họ vãng sanh Tịnh độ, đây là công trình có hy vọng nhất, chúng ta gọi đây là chuyển phàm thành thánh. Chúng ta không chỉ dưỡng thân họ, còn nâng cao đời sống tinh thần của họ. Mỗi ngày giảng đạo cho họ, giảng giải cho họ về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, nói cho họ biết rõ về chân tướng sự thật của cõi trời và nhân gian. Khiến những người về hưu này đều rõ ràng minh bạch, họ sẽ cố gắng lựa chọn, tinh tấn nỗ lực tu học, giúp họ đạt đến mục tiêu lý tưởng của Tôn giáo mình. Cho nên đây là công trình có hy vọng nhất, sao lại là công trình không hy vọng chứ? Chúng ta cần phải nỗ lực, phải siêng năng làm, chúng ta toàn tâm toàn lực hiệp trợ với Lý Mộc Nguyên, thực hiện Thôn Di Đà ở đây.

Lần này tham gia hội nghị Tôn giáo Úc châu, hội nghị cử hành tại Sydney. Tôi đến Sydney, ngẫu nhiên nghe bên đó cũng thành lập một thôn cho người già về hưu, tôi còn nghe nói chính phủ Úc châu đồng ý, thôn người già về hưu này với mô hình nhỏ. Tương lai trong đó thu nhận, khoảng sáu bảy mươi người, có thể hoàn toàn thu nhận người Hoa. Có thể thiết Phật đường trong đó, mà còn đồng ý toàn bộ ăn chay, họ đến nói với tôi, quả thật khó được.

Ở các quốc gia khác, có thể làm được điều này quả thật không dễ. Có thể cũng là đầu tiên, đầu tiên sẽ ảnh hưởng rất lớn, nó là trường hợp mở đầu. Có một trường hợp như thế, về sau các khu vực khác, có thể yêu cầu chính phủ làm như vậy, có ví dụ để dẫn chứng. Đối với mô hình nhỏ Thôn Di Đà này, tôi toàn lực giúp nó, hy vọng nó hoàn thành nhanh chóng, có thể thực hiện. Chúng ta thật sự thực hiện, thật sự giúp người.

Ở đây Đức Phật nói về Tứ tất đàn, Tứ nhiếp pháp, chúng ta tuyệt đối không được lơ là, phải siêng năng học tập. Học được điều này, pháp duyên hồng pháp tự nhiên sẽ thù thắng. Ta cũng rất biết làm người, nhân duyên rất tốt, đi đến đâu đều được người hoan nghênh. Học cách làm người, học cách giao tiếp, kiến lập quan hệ giữa người và người. Trong kinh Phật đúng

là cao minh nhất, Thế Tôn trong thời gian không gian vô hạn, vận dụng những phương pháp này, được sự kính yêu ủng hộ của tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới. Phương pháp này chính xác, không thể không học. Tôi học được một chút, cho nên quý vị thấy tôi đi khắp nơi nhân duyên đều rất thù thắng, đã học được một chút, vẫn tiếp tục nỗ lực.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây.

**Hết tập 15**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 16****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Mời mở kinh bốn ra, Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyễn Kinh, luận quán trang thứ 15! Chúng ta đọc qua kinh văn hàng thứ nhất một lần, bắt đầu đọc câu thứ hai.

“Kim Địa Tạng đại sĩ hiện thân lục đạo, ư tứ bất khả thuyết dụng tứ tất đàn, phó duyên tùy cơ thuyết giáo, hóa chuyển vật tâm đại khái bất việt thử tam”. Đoạn này đã nói tường tận cho quý vị rồi. Tứ tất đàn và tứ nhiếp pháp, là phương thức mà mười phương ba đời tất cả chư Phật hóa độ chúng sanh. Chúng ta nhất định phải học tập. Đem tứ tất, tứ nhiếp làm nguyên tắc xử sự, đối người, tiếp vật của bản thân chúng ta. Cũng tức là nói, dùng lời bây giờ mà nói là làm thế nào để làm cho tốt những mối quan hệ xã hội, làm thế nào để giao tiếp với tất cả chúng sanh, đây là phương pháp tốt nhất, có thể hòa thuận với tất cả tộc quần, với tất cả những nền văn hóa khác nhau. Hai phương pháp này vô cùng quý báu. Phật có thể phổ độ chúng sanh trong mười pháp giới, có thể gặt hái được những thành tựu viên mãn như vậy, chính là dùng phương pháp này. Chúng ta nên ghi nhớ, “hóa chuyển vật tâm”, hóa chuyển ba mục tiêu trước đây, chính là giúp đỡ chúng sanh chuyển ác làm thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, là ba mục tiêu này.

Đại sư Thanh Liên từ trên cơ sở này mà phán giáo tướng. Đây là ngài đem y cứ của phán giáo nói ra cho chúng ta. Điều văn trong luận quán trước đây đích thực là rất hay, đặc biệt là người hiện tại chúng ta bắt buộc phải học tập.

Dưới đây ngài dùng phương thức của tông Thiên Thai. Đại sư Thanh Liên ngài học về tông Thiên Thai. Dùng “ngũ thời” phân pháp của tông Thiên Thai. Ngũ thời này ở đây trong hàng thứ ba:

“Nhất Hoa Nghiêm thời

Nhị Lộc Uyển thời

Tam Phương Đẳng thời.

Tứ Bát Nhã thời.

Ngũ Pháp Hoa Niết Bàn thời”.

Đức Thế Tôn năm xưa tại thế đích thực là tùy cơ thuyết giáo. Ngài không có hình thức trường học, cũng không có phân trình độ học sinh, mọi

người đều cùng nhau nghe Phật giảng kinh thuyết pháp. Phật thuyết pháp đa phần đều là có người khởi thỉnh, trong thính chúng hoặc là người xuất gia hoặc là người tại gia, nêu ra vấn đề của họ, Đức Phật ngay trong hội chúng giải đáp cho mọi người. Cho nên chúng ta thấy trong kinh điển rất nhiều đều là vì đương cơ mà giải đáp. Phật tuy là vì một người mà giải đáp, hoặc là vì thiếu số người mà giải đáp, nhưng ý nghĩa mà Đức Phật giảng đều rất sâu rất rộng, có thể khế nhập tất cả những căn cơ khác nhau. Đây là điều chúng ta nói Phật thuyết pháp viên âm, viên mãn chi âm. Phật dùng một âm mà thuyết pháp, chúng sanh tùy loại mà được hiểu. Người lợi căn, người trình độ cao, họ nghe ý nghĩa sâu rộng. Người hạ căn, người trình độ kém, ý nghĩa họ nghe được nhỏ hẹp. Nói tóm lại, đều có thể được lợi ích. Đây là chân tướng một đời Đức Phật thuyết pháp.

Phân khoa phann giáo, đây là việc của người đời sau. Tổ sư đại đức vì thuận lợi cho người đời sau, người đời sau đích thực không bằng đời trước đó. Chúng ta thường nói đời sau hơn hẳn đời trước. Về văn minh khoa học kỹ thuật đích thực là như vậy, thế hệ sau chắc chắn hơn hẳn thế hệ trước. Nhưng trong Phật Pháp, trong giáo dục đạo đức của Trung Quốc ngày xưa, đích thực là thế hệ sau không bằng thế hệ trước. Cho nên pháp vận của Phật, chư vị hiểu được, chánh pháp, tượng pháp, mật pháp, diệt pháp. Đây không phải là nói rõ thế hệ sau không bằng thế hệ trước sao? Từ đó có thể biết, sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật, tác dụng phụ của nó chính là sự thoái hóa của luân lý đạo đức. Những vật dục của nhân loại, tham, sân, si, mạn tăng trưởng. Tỉ mỉ mà phản tỉnh, mà tư duy, thì không phải là hiện tượng tốt. Cho nên cổ thánh tiên hiền không đề xướng những việc này. Chúng ta chắc chắn không phải là thông minh tài trí không bằng người nước ngoài, hiện tại người nước ngoài cũng thừa nhận, chúng ta là dân tộc thông minh nhất trên thế giới. Chúng ta vì sao không đề xướng? Người xưa có trí tuệ chân thật, biết được những thứ này nếu như muốn đề xướng, muốn phát triển sẽ làm cho ngày tận thế mà người nước ngoài nói đến xảy ra sớm hơn. Người có trí tuệ không làm những việc này, tức làm cho ngày tận thế lùi lại, lùi lại tốt hơn. Người nước ngoài làm những việc này, là làm cho ngày tận thế xảy ra sớm hơn. Đặc biệt họ nói đến sớm hơn tức là năm nay, năm 1999 thế giới tận thế. Những điều này chúng ta phải thấy cho rõ ràng, cho thấu đáo. Những gì là lợi ích chân thật? Những gì là thiện quả chân thật. Chúng ta nếu như đạt được là thiện quả thật sự, là lợi ích chân thật. Cổ nhân vì lợi ích cho người hiện tại, tiện lợi cho người hiện tại học tập, đem tất cả pháp mà Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm đã thuyết, phân loại, chỉnh lý, tiện lợi cho người sơ học. Giống như trường học hiện nay sắp xếp khóa trình vậy, những thứ nào xếp cho lớp một, những thứ nào xếp cho lớp hai. Đây là Tổ sư Đại đức họ dụng tâm. Phật Thích Ca Mâu Ni đương

thời không có ý nghĩ này, cũng không có cách nghĩ này, cũng không có cách làm này.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này. Phân khoa phán giáo của các tông các phái Tổ sư Đại đức rất đáng được chúng ta làm tham khảo, tiện lợi cho chúng ta tu học. Nhưng không được cố chấp, cố chấp là sai. Đây là một loại phương tiện quyền nghi, hiểu rõ đạo lý này, chúng ta đọc những thứ của Tổ sư Đại đức liền có thể được lợi ích, không đến nỗi tạo thành phân biệt tông môn. Nghĩa là trong quá trình tu học hoặc là trong việc hoằng pháp không đến nỗi tạo thành chướng ngại. Điều này trong xã hội hiện tại đặc biệt quan trọng. Hiện nay không những là trong Phật môn, không được có những phân chia này, không được có những mâu thuẫn này, thậm chí hiện nay chúng ta đề xướng đa nguyên văn hóa, cư xử giữa những tôn giáo khác nhau, cư xử giữa những dân tộc khác nhau, đều phải dẹp bỏ hiểu nhầm, dẹp bỏ những ngăn cách, mới có thể thực sự đạt đến sống chung cùng phát triển, cư xử hòa thuận. Cho nên phải hiểu được bốn ý này.

Ngũ thời. Hiền Thủ và Thiên Thai đều có những kiến giải tương đồng. Thứ nhất là thời Hoa Nghiêm, dưới đây có đoạn chú giải nhỏ. “Ước kinh lập danh”. Sau khi đức Thế Tôn thị hiện thành đạo, bộ kinh đầu tiên giảng về Hoa Nghiêm. Nhưng hiện tại người thế gian rất nhiều người không thừa nhận. Kinh Hoa Nghiêm giảng ở đâu? Giảng ở trong định, không có ai nhìn thấy. Phàm phu chúng ta chỉ nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi thiền dưới gốc cây bồ đề, đang nhập định. Ai biết được Ngài ở trong định giảng Kinh Hoa Nghiêm? Cho nên hiện nay người phương Tây nói đến Phật Giáo bắt đầu nói từ A Hàm, tức là bắt đầu nói từ Lộc Uyển, thuyết pháp cho năm vị tỳ kheo, đối với Hoa Nghiêm họ không thừa nhận. Thậm chí có rất nhiều người nói Hoa Nghiêm là ngụy tạo, không phải là kinh Phật nói. Hoa Nghiêm từ đâu mà có? Là Bồ Tát Long Thọ lấy về từ Long cung. Vì thế có rất nhiều người nói Hoa Nghiêm là Bồ Tát Long Thọ ngụy tạo, không phải là Phật thuyết. Đây là quan niệm của người thế gian, cách nghĩ và cách nhìn của họ, điều này phù hợp với tinh thần khoa học mà ngày nay nói đến. Khoa học phải có bằng chứng. Long cung? Hiện tại tàu ngầm lặn đến đáy biển không phát hiện ra long cung, cho nên họ không thể chấp nhận. Lộc Uyển hiện nay nơi này vẫn còn tại Ấn Độ, mọi người có thể đến để thấy được, điều này họ thừa nhận. Điều này chúng ta không nói đến nữa, chỉ cần hiểu được có một sự việc như vậy. Nhưng các nhà khoa học cũng khẳng định thời gian không gian là đa nguyên. Nếu như khẳng định thời gian không gian đa nguyên, vậy thì long cung và thiên cung rất có khả năng, cũng tức là khẳng định có lục đạo.

Lục đạo là gì? Là sáu loại không gian khác nhau. Chúng ta nói là không gian ba chiều, không gian bốn chiều, không gian năm chiều. Lão cư

sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với chúng tôi hiện tại các nhà khoa học phương tây thừa nhận có không gian mười một chiều tồn tại. Nhưng không gian này làm sao để mà đột phá nó, hiện tại nghĩ chưa ra phương pháp này. Lý luận mà Phật Pháp nói, không gian là vô số chiều, không phải chỉ 11 chiều, không gian vô hạn chiều.

Không gian hình thành như thế nào? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hình thành nên. Vậy chúng ta nghĩ xem tất cả chúng sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vô lượng vô biên, tầng không gian sẽ vô lượng vô biên. Làm sao để đột phá? Trong Phật Pháp nói buông bỏ. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền đột phá được. Đến trên Như Lai quả địa là triệt để buông bỏ rồi, hoàn toàn đột phá được. Lúc này không gian được gọi là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là bản lai diện mục của không gian. Từ nhất chân biến thành thập pháp giới. Thập pháp giới không phải là chân thật. Vì sao vậy? Nhà Phật nói “chân” là vĩnh viễn sẽ không bị thay đổi, đó là chân. Phạm là có thay đổi thì không phải là chân thật. Thập pháp giới từ đâu mà có? Từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà biến hiện ra. Vậy là nó có sanh. Chúng ta đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi, giới hạn này đột phá được, nó có sanh có diệt, có sanh có diệt thì không phải là chân thật, mà là giả. Cho nên phải hiểu được thứ này nó đến như thế nào, rồi sau đó quý vị mới biết cách làm thế nào để đột phá nó. Cho nên nhà Phật coi trọng việc tu thiền định.

Ấn Độ ngày xưa rất nhiều lãnh đạo của các tôn giáo, không có ai không coi trọng thiền định. Từ trong thiền định buông bỏ phân biệt chấp trước, xem quý vị buông bỏ được bao nhiêu, thì quý vị có thể đột phá được bấy nhiêu tầng thứ. Các nhà tôn giáo Ấn Độ cổ đều khẳng định sự thật của lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là sáu loại thời không khác nhau. Họ dùng phương thức thiền định để đột phá, họ thấy được địa ngục, thấy được thiên đường, dục giới thiên, sắc giới thiên, vô sắc giới thiên họ ở trong định đều nhìn thấy. Họ vì sao không thể đột phá lục đạo? Đến thiên đình của sắc giới, họ sản sanh nhận thức sai lầm, thiên đình của vô sắc giới cũng sản sanh nhận thức sai lầm. Nhận thức sai lầm gì vậy? Họ cho rằng đó là khởi nguyên của vũ trụ sinh mạng, họ nhìn thấy rồi. Đây là sự hiểu nhầm. Cho nên công phu không thể hướng thượng nâng cao được nữa. Đây là nguyên nhân không xuất ly ra khỏi lục đạo.

Đức Thế Tôn nhìn thấy hiện tượng này, họ có loại năng lực này, đạt đến biên duyên của sự đột phá, mà không thể đột phá được. Cho nên Phật mới giáng sanh tại Ấn Độ, giúp những người này siêu việt lục đạo, siêu việt thập pháp giới. Đây chính là điều nhà Phật nói cơ duyên thành thực rồi, thế nên Phật đến giúp đỡ họ.

Sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật, nhất định sẽ tăng trưởng tham, sân, si, mạn của tất cả chúng sanh, hưởng thụ vật dục. Tăng trưởng tham, sân, si, mạn, tham muốn hưởng thụ vật dục, thì định công sẽ không thể nào. Đây là điều nhà Phật nói rõ nguyên nhân làm cho đời sau không bằng đời trước, là nguyên nhân này. Nhưng chúng ta phải hiểu được, cho dù là thời kỳ mạt pháp, có người thiện căn sâu dày hay không? Có, là số ít, rất ít. Từ đó có thể biết, gọi là chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp, cũng không phải là điều nhất định. Thời đại đương thời của Đức Thế Tôn cũng có người tham muốn hưởng thụ. Đó chính là mạt pháp trong chánh pháp, Phật cũng không độ được họ, họ không chịu buông bỏ sự hưởng thụ vinh hoa phú quý. Đây chính là trong mạt pháp ở trong chánh pháp. Trong thời mạt pháp cũng có người thực sự giác ngộ, có thể xả bỏ tất cả hưởng thụ vật dục, tu tâm thanh tịnh, là chánh pháp trong mạt pháp. Đây là nói rõ pháp không có định pháp.

Kiểu phán thiết của Tổ sư là vì đại đa số người mà nói, trong đó có một số ít ngoại lệ. Cho nên chúng ta nhìn thấy phán thiết của Tổ sư không nên nhứt chí rằng, chúng ta sanh vào thời mạt pháp rồi. Trong mạt pháp quý vị có thể làm chánh pháp, quý vị có thể thành tựu. Chỉ cần quý vị có thể giác ngộ, quý vị có thể xả bỏ tất cả những hưởng thụ vật dục. Tôi vẫn thường xuyên nhắc nhở các vị đồng tu, xả bỏ tất cả ý niệm khồng chế đối với người, sự, vật, không nên có tâm này; xả bỏ tất cả những ý niệm chiếm hữu đối với người, sự, vật, quý vị có thể xả bỏ được hai loại ý niệm này, thì quý vị là chánh pháp chúng sanh trong thời mạt pháp. Quý vị có tư cách tu bồ đề đạo, tu bồ đề hạnh. Đây mới là ý nghĩa chân thật của việc Đức Phật thuyết pháp cho chúng ta.

Hoa Nghiêm, nó là sau khi Thế Tôn thành đạo, đem những thứ Ngài thấy được nghe được, cảnh giới sở nhập của Ngài viên mãn mà nói ra cho chúng ta. Cảnh giới trên quả địa của chư Phật, gọi là nhất chân pháp giới, thế giới Hoa tạng, Thế giới Cực Lạc, danh xưng tuy khác nhau, trên thực tế là cùng một sự việc. Cảnh giới này ở đâu vậy? Chính ngay trước mắt chúng ta, chính ngay hiện tại. Chúng ta là mê mà không giác, họ là giác mà không mê. Nên họ hưởng thụ được là nhất chân, chúng ta hưởng thụ được là phiền não, là vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta hưởng thụ những điều này. Người ta hưởng thụ là thanh tịnh bình đẳng giác. Sai biệt chỉ trong một niệm, trong một niệm mê ngộ mà thôi.

Hoa Nghiêm chúng tôi vừa mới chỉ giảng đến đoạn mở đầu, chưa giảng xong phần tự phần, chúng ta cũng có thể lãnh hội được một chút ý nghĩa, càng về sau càng thù thắng. Chúng ta nên học Thiện Tài, chỉ có điều kiện của Thiện Tài, điều kiện của Thiện Tài là gì? Học mà biết áp dụng. Đặc sắc của Thiện Tài là học rồi lập tức liền dùng đến, tuyệt đối không phải sở

học không phải là sử dụng. Học rồi lập tức liền có thể thực tiễn vào trong cuộc sống của chúng ta, trong công việc, trong xử sự, đối người, tiếp vật, thì người này gọi là Thiện Tài. Học rồi mà không dùng, không biết dùng, không thể biến thành cuộc sống của bản thân, không thể thực tế, thì người đó không phải là Thiện Tài. Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường nói người đó là loại người gì? Phật tử ngốc. Đọc sách mà không biết thực tiễn, không thể ứng dụng gọi là con mọt sách. Học Phật không thể thực tiễn, không thể ứng dụng được chính là Phật tử ngốc. Cho nên Thiện Tài làm đại biểu cho chúng ta, là một điển phạm tu học Phật Pháp, chúng ta phải học tập theo ngài, học rồi biết áp dụng.

Hoa Nghiêm về hiện tượng để xem, chính là hư không pháp giới văn hóa khác nhau, dân tộc khác nhau, cuộc sống khác nhau. Các loại khác nhau đều có thể tương dung lẫn nhau, đều có thể cư xử hòa mục, đều có thể tôn trọng lẫn nhau, kính ái lẫn nhau, hợp tác với nhau. Trên hình tượng nhìn thấy rồi. Loại hình tượng này chính là điều hiện đại rất nhiều nhà chính trị thiết tha mơ ước, mong cầu. Đâu biết được toàn bộ ở trong Kinh Hoa Nghiêm? Cho nên Hoa Nghiêm hiện bày cho chúng ta là xã hội an định, thế giới đại đồng. Chúng ta hiện nay nói là hòa bình an vui. Chúng ta nếu muốn đạt đến mục tiêu này, không học Hoa Nghiêm thì làm sao được? Trong Hoa Nghiêm có lý luận chân thật, cảnh giới viên mãn, phương pháp tinh mật, cho nên trong Phật Pháp gọi đây là căn bản pháp luân, rất có lý.

Phật tuy là từ trong định mà tuyên thuyết, bởi vì trong định nếu như người không có năng lực đột phá cảnh giới thời gian không gian, quý vị không thể nào tham gia pháp hội này. Cho nên không phải phàm phu, không những phàm phu không biết, Thanh văn, A la hán cũng không biết. Bích chi Phật, quyền giáo Bồ Tát cho đến tông Thiên Thai nói Phật trong Tạng giáo của tứ giáo, Phật của Thông giáo đều không có phần, đều không có năng lực tham gia pháp hội này. Nhưng chúng ta trong pháp hội này nhìn thấy có chư thiên, có các thần chúng, cũng nhìn thấy Thanh văn Duyên giác, cũng nhìn thấy có một số quốc vương đại thần, đặc biệt là ở trong đoạn cuối của phẩm Hạnh Nguyên, Thiện Tài đồng tử 53 lần tham học chúng ta nhìn thấy. Đây là sự việc gì vậy? Những người này toàn là Chư Phật Như Lai ứng hóa. Trong phẩm Phổ Môn nói cần dùng thân gì để độ họ liền hiện thân đó, vì vậy trên hội Hoa Nghiêm họ dùng là tùy loại hiện thân. Đây là điều chúng ta nhìn thấy, giống như là dân tộc không tương đồng, tín ngưỡng không tương đồng, đủ các loại bất đồng, bất đồng là tướng. Đồng là gì? Đồng là pháp thân đại sĩ. Nói cách khác, điều họ chứng đắc được đều là vô thượng bồ đề. Hiện thị rõ ràng cho chúng ta đồng không trở ngại dị, dị không trở ngại đồng, đồng dị không hai. Đây là hiện thị ra chân tướng của vũ trụ chúng sanh. Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật

rồi, ý niệm phân biệt chấp trước của chúng ta sẽ được hóa giải. Quý vị có phân biệt, quý vị có chấp trước, đó là gì? Đó là đồng và dị là hai sự việc, không phải là cùng một sự việc. Xa lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đồng dị sẽ không phải là hai thứ nữa, không có chướng ngại nữa. Vì vậy tất cả chướng ngại đều là từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh ra. Lìa bỏ được tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đây chính là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát. Ngày nay chúng ta không thấy được cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, là bởi vì bản thân có phân biệt, có chấp trước. Không nhìn thấy cảnh giới của chư Phật cũng chính là không thấy được chân tướng sự thật thực sự. Chân tướng sự thật thực sự trong kinh điển Đại thừa gọi là nhất chân pháp giới, gọi là thể giới Hoa Tạng, gọi là Thế giới Cực Lạc, gọi gì cũng được. Chúng ta không nhìn thấy được, nguyên nhân chính tại đây vậy.

Cho nên thời Hoa Nghiêm, Thế Tôn đem cảnh giới bản thân thân chứng của Ngài đều giải bày ra hết, trần thuật ra cho mọi người thấy. Đáng tiếc là phàm phu chúng ta nhìn không hiểu được. Phật mới dùng pháp phương tiện, bắt đầu dạy từ phương pháp tối sơ, phương pháp dễ hiểu nhất, đây chính là thời thứ hai, tại Lộc Dã Uyển bắt đầu dạy học. Học trò đầu tiên là năm người, năm vị tỳ kheo. Việc dạy học của Phật Thích Ca Mâu Ni thời kỳ đầu tiên năm người học trò, bắt đầu từ đây. Thuyết minh cho họ chân tướng của nhân sanh vũ trụ, đem chân tướng của nhân sanh vũ trụ phân thành rất nhiều tầng thứ để giải thích.

Đầu tiên phải khiến cho họ có thể hiểu được, trong thường thức của họ có thể tiếp thu, đây là giảng về đạo lý làm người. Về sau Tổ sư đem Phật pháp này phân thành năm thừa: nhân thừa, thiên thừa, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát thừa, ngũ thừa Phật Pháp. Giảng cho quý vị về nhân thừa thì dễ hiểu. Điều này mọi người rất dễ dàng tiếp thu, dạy cho quý vị đạo lý làm người, dạy quý vị làm thế nào có thể giữ được thân người, đời đời kiếp kiếp không mất thân người. Điều này rất nhiều người thích nghe. Trong số học trò này có một số người thông minh lanh lợi, nghe nói còn có trời, trời tốt hơn người mà. Trong tâm họ hướng đến việc sanh thiên. Vị trí này bèn nâng lên một tầng rồi. Quý vị muốn sanh thiên, Phật liền đem tình hình cõi trời nói rõ cho quý vị, nói cho quý vị phương pháp sanh thiên. Trời có 28 tầng, vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi, không thể siêu việt. Vậy là càng có người thông minh hơn biết luân hồi không phải là sự việc tốt đẹp gì, nghĩ cách làm thế nào để có thể siêu việt. Khi quý vị có ý niệm này, Phật liền nói rõ cho quý vị về nguyên do của lục đạo luân hồi, luân hồi này hình thành như thế nào, dùng phương pháp gì để siêu việt, dần dần nâng cao tầng thứ dạy học. Đây chính là khởi nguyên của ngũ thời.

Cho nên vào thời kỳ tại Lộc Dã Uyển, thời đại dạy học này giống như mở tiểu học vậy, Phương Đẳng giống như mở trung học, Bát Nhã giống như mở đại học, giai đoạn cuối cùng Pháp hoa, Niết bàn đây là nghiên cứu sở. Thời kỳ Pháp Hoa gọi là khai quyền hiển thật. Từ đó có thể biết, Lộc Uyển, Phương Đẳng, Lộc Uyển nếu như từ kinh mà nói thì gọi là A hàm. Phương Đẳng Bát Nhã đều thuộc về quyền giáo, quyền xảo phương tiện. Đến Hoa Nghiêm mới thực sự chắc chắn cảnh giới trên Như Lai quả địa, Pháp hoa và Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng. Phật nhất định phải đem cảnh giới mà bản thân Ngài trên quả địa đã chứng, cũng có thể làm cho tất cả chúng sanh đều chứng đắc, đều khế nhập. Nói cách khác, phải giúp đỡ chúng sanh thành Phật, thì việc dạy học của Ngài mới thực sự đạt đến viên mãn.

Chuyển phàm thành thánh. Trước đây tôi đã giới thiệu qua với chư vị có tiểu Thánh có đại Thánh. Phật giúp đỡ chúng sanh, hướng dẫn chúng sanh là muốn dạy họ thành Phật, mới mãn nguyện của Ngài, đến Pháp hoa Niết bàn, vậy mới mãn nguyện. Cho nên chúng ta tu học nếu như thực sự giống Thiện Tài, một đời viên mãn thành Phật. Thiện Tài dựa vào điều gì? Tinh tấn không giải đãi. Thực sự nhìn thấu, thực sự buông bỏ, người này chính là Thiện Tài.

Đoạn văn dưới đây nói:

“Tiền hậu tứ thời, phán vị hữu định, bất thuộc tiền hậu sở nhiếp giả, giai thu quy Phương Đẳng”. Hoa Nghiêm, Lộc Uyển, Bát Nhã, Pháp Hoa đích thực có giới hạn rất rõ ràng. Phương Đẳng thì rất rộng rãi. Phạm là bốn thời này không thể thu vào, thì đều quy về Phương Đẳng.

Dưới đây nêu ra ví dụ. Như Quang Minh, kinh Kim Quang Minh, kinh Thắng Man, kinh Đại Tập, kinh Lăng Nghiêm, tất cả đều thu vào trong Phương Đẳng.

Nay Địa Tạng Bốn Nguyện kinh cũng hợp để nhiếp vào Phương Đẳng thời thứ ba. Kinh Địa Tạng Bốn Nguyện trong cổ nhân phán giáo cũng thu vào trong Phương Đẳng. Nhưng Đại sư Thanh Liên phán giáo, phán giáo này trong trang thứ 14 hàng thứ hai từ dưới lên: “phán vô thượng đề hồ vi giáo tướng giả”. Vô thượng bồ đề là giáo tướng, là Pháp Hoa Niết Bàn, là thời thứ năm. Tổ sư dùng điều này làm ví dụ, dùng ví dụ làm phán thiết. Hoa Nghiêm phán làm nhũ, Lộc Uyển phán làm lạc, Phương Đẳng phán làm sanh tô, Bát Nhã phán làm thực tô, Pháp hoa Niết bàn mới phán làm đề hồ. Đây là những sản phẩm làm từ sữa của thời cổ Ấn Độ. Từ sản phẩm làm từ sữa mà tinh chế. Từ sữa tinh chế thành lạc, từ lạc tinh chế thành sanh tô, sanh tô lại tinh chế thành thực tô, thực tô tinh luyện nữa là thành sản phẩm làm từ sữa ngon nhất- đề hồ. Đề hồ là gì? Trong kinh Phật thường nói đến.

Năm xưa lão pháp sư Đạo Nguyên ở Đài Loan, ngài là một pháp sư giảng kinh, ngài học qua kỹ thuật giảng kinh, ở Đài Loan trong các lão

pháp sư giảng kinh hiểu được các phương pháp này chỉ có một mình Ngài. Đây là người trong ngành giảng dạy, là người chuyên giảng dạy. Ngài thường thường giảng kinh, trong kinh nói về hai sự việc, suốt đời ngài cũng không làm rõ ràng được, cái gì là đề hồ không biết được, còn Am ma la quả nữa, thường thường nói đến. Năm nọ, ngài đến Ấn độ triều Thánh, đến Ấn Độ rồi liền hỏi người Ấn Độ, trong kinh Phật giảng am ma la quả có hay không? Người Ấn Độ nói có. Anh cầm đến cho tôi xem thử. Vừa nhìn thấy là trái mà người Đài loan gọi là quả ôi, rất nhiều, hóa ra chính là thứ này à. Đề hồ là gì? Cũng bung đến rồi. là salad. Thứ mọi người thường ăn, thứ ngon nhất trong các đồ chế biến từ sữa. Sau khi trở về Đài Loan, đề hồ, trái am ma la tôi đều nhìn thấy rồi, ở đâu vậy? Bày ra trước mặt. Nên Phật dùng thí dụ đều là thứ mà mọi người rất thường dùng đến, sẽ không tìm những thứ hiếm có để làm ví dụ, bởi vì mọi người sẽ không hiểu. Trong cuộc sống hằng ngày thường xuyên tiếp xúc đến. Dùng ví dụ này để phán giáo, mùi vị giảng dạy gọi là pháp vị, dùng điều này để ví dụ cho pháp vị.

Đây là Phương Đẳng. Phương Đẳng đó là sanh tô, làm sao có thể so sánh với đề hồ chứ? Vì sao Ngài đem kinh này phán thành đề hồ? Phán làm đề hồ, giáo nghĩa trong kinh này tương đồng với Hoa nghiêm, Pháp hoa.

Bây giờ thực sự mà nói, chúng ta rõ ràng tương đối nhiều rồi. Chúng ta có thể khẳng định tất cả những kinh pháp mà Đức Phật thuyết, môn môn đều là số một, không có số hai. Ngũ thời phán giáo mới có thứ một, thứ hai, thứ ba. Cách phân chia của họ, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là thứ nhất, Bát Nhã là thứ hai, Phương Đẳng là thứ ba, Lộc Uyển thời là thứ tư. Trên thực tế làm gì có kiểu phân biệt này, kiểu chấp trước này? Không có. Cho nên tông Hoa Nghiêm nói: “Viên nhân thuyết pháp vô pháp bất viên”. Không những Phật pháp môn môn đều là số một, trong thế pháp cũng là môn môn là số một. Tất cả pháp thế xuất thế gian đều bình đẳng, chắc chắn không có phân biệt cao thấp. Nếu như có phân biệt cao thấp, điều này từ đâu mà biến hiện ra? Từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị mà biến hiện ra. Nếu như quý vị thật sự buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì pháp thế xuất thế gian chắc chắn là bình đẳng, bình đẳng chân pháp giới. Chân pháp giới chính là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là pháp giới bình đẳng, nhất chân pháp giới là pháp giới thanh tịnh. Xa lìa được chấp trước thì quý vị liền thanh tịnh, xa lìa được phân biệt thì quý vị liền bình đẳng, xa lìa vọng tưởng thì quý vị liền giác ngộ viên mãn.

Cho nên đề của Kinh Vô Lượng Thọ rất hay, hướng dẫn chúng ta nguyên tắc tu hành: thanh tịnh bình đẳng giác. Trong đề kinh có năm chữ này, nói với chúng ta đầu mối của việc tu học, then chốt của việc tu học, trung tâm của việc tu học, là thanh tịnh bình đẳng giác. Bất luận quý vị tu học pháp môn nào, đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, tổng phương

hướng, tổng mục tiêu. Cho nên mới nói “pháp pháp bình đẳng, không có cao thấp”. Đây mới là chân tướng sự thật. Sau đó chúng ta hiểu được Tổ sư Đại đức đây là phương tiện thuyết pháp để tiện lợi cho người sơ học. Sơ học nhờ phương tiện này mà nhập môn, có được lợi ích. Nếu như chấp trước phương tiện này, vậy là sai lầm rồi, vậy quý vị trong Phật Pháp khế nhập được vô cùng hữu hạn. Thế nên nhất định không được chấp trước.

Dưới đây pháp sư Thanh Liên giả thiết hỏi đáp. Dưới đây giải thích tường tận, giải thích từ lý mà nói, từ sự mà nói, Ngài giải thích rất hay. Đoạn văn tự này hoàn toàn không khó hiểu, chư vị xem xem liền có thể hiểu. Chúng ta ở đây có thể tinh lược bớt đi.

Mời xem trang thứ 15 hàng cuối cùng, chúng ta xem phần trả lời của ngài. “Pháp Hoa đại thu, Niết bàn quân thập, sở ứng ký giả, giai dĩ ký ngật”. Đây là nói rõ về nghĩa thú mà Tổ sư đại đức phán giáo. Tuy là cách nói của tông Thiên thai, nhưng trong Phật môn thông thường các tông các phái cũng đều có thể thừa nhận, cũng có thể tiếp thu. Đến Kinh Pháp Hoa khai quyền hiển thật, làm một tổng kết cho tất cả pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết trong 49 năm. Kinh Pháp Hoa là tổng kết. Cho nên nhà Phật có nói là Pháp Hoa thành Phật, Lăng Nghiêm khai trí tuệ, Pháp Hoa thành Phật. Vì sao có cách nói này? Vì đương thời Phật lúc phương tiện thuyết, từng giảng qua Nhất xiển đề không thể thành Phật, không thể làm Phật. Nhất xiển đề là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó chính là chúng sanh không có thiện căn. Chúng sanh không có thiện căn làm sao có thể làm Phật? Phật đến cuối cùng, trong hội Pháp Hoa cách nói của Ngài có khác, Nhất xiển đề cũng có thiện căn, Nhất xiển đề cũng có thể làm Phật. Vậy mới viên mãn. Cho nên gọi là Pháp Hoa thành Phật, là ý nghĩa này vậy. Cùng với trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói “tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”, mới có thể kết hợp với nhau được. Đây là Pháp Hoa đã làm một tổng kết. Dem bi tâm Phật độ chúng sanh viên mãn hoàn toàn hiển thị ra hết. Trong kinh Niết bàn, đây là chọn lấy tinh hoa, tinh hoa gì vậy? Tinh hoa của Pháp Hoa. Cũng có thể nói tất cả tinh hoa mà Đức Phật thuyết trong 49 năm. Niết Bàn thực sự mà nói chính là di chúc của đức Thế Tôn, nói trong một ngày một đêm, thời gian nói ngắn, ghi chép lại đặc biệt tường tận, đặc biệt hoàn chỉnh. Đức Thế Tôn dành thời gian sắp rời xa thế gian, đối với tất cả chúng sanh trong thế gian này niệm niệm không quên, dinh ninh dặn dò, hi vọng chúng ta hiểu rõ những giáo nghĩa mà Ngài đã thuyết, y theo phương pháp mà Ngài đã hướng dẫn để tu học, nhất định có thể phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

Kinh Địa Tạng giảng vào lúc nào?

“Phật nay thượng thăng Đạo lợi vì ba sự việc”. Điều này đoạn trước có nói qua rồi. Đây là đức Thế Tôn sau khi thời kỳ Pháp Hoa kết thúc, Đức Phật thượng thăng Đạo lợi thiên, kinh này giảng tại Đạo lợi thiên. Ở Đạo

lợi thiên ba tháng, sau khi giảng xong là ngày 14 tháng 2, từ Đạo lợi thiên trở lại Diêm phù đề, ngày hôm sau là ngày 15 nhập Bát Niết Bàn. Cho nên đại sư phán thiết bộ kinh này, kinh này là sau Kinh Pháp Hoa, là trước kinh Niết Bàn. Pháp Hoa, Niết Bàn phán làm vô thượng đề hồ, thì kinh này làm sao không phải là vô thượng đề hồ chứ? Cho nên căn cứ điều này mà phán giáo. Phật thượng thăng Đạo Lợi thiên nói bộ kinh này có ba sự việc, điều này quan trọng.

Thứ nhất là thuyết pháp cho mẫu thân. Báo ân. Chúng ta hiểu được Phật Pháp là sư đạo. Sư đạo kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Sư đạo là dạy học, là giáo dục. Dạy những gì? Chính là dạy hiếu. Sở hành của Phật Bồ Tát, hành gì vậy? Hành hiếu. Nói thật tình thì Phật pháp triệt thì triệt chung, chính là một chữ hiếu mà thôi. Điều này chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Đức Thế Tôn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật hướng dẫn cho chúng ta căn bản tu học, tịnh nghiệp tam phước, Phật ở trong ba điều cuối cùng làm một tổng kết. Ba điều này “tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân”. Tam thế là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Bồ Tát muốn tu hành thành Phật thì ba điều này là chánh nhân của họ, gọi là “nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc”, quý vị nếu như không từ ba điều này mà đặt nền móng, không những là Phật pháp Đại thừa quý vị sẽ không thành tựu, Tiểu thừa cũng không thể thành tựu. Chúng ta làm sao có thể không coi trọng chứ? Trong ba điều này câu thứ nhất: “hiếu dưỡng phụ mẫu”, tiếp theo là “phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Tiếp theo là điều thứ hai là “thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm uy nghi”. Điều thứ ba là “phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”. Nói với chư vị rằng toàn là hoàn thành cho câu thứ nhất “hiếu dưỡng phụ mẫu”. Hiếu dưỡng phụ mẫu là cương lĩnh. Mười câu sau này là cách nói khác về hiếu dưỡng phụ mẫu. Đoạn sau có một câu làm không được cũng là bất hiếu. Hiếu đạo đến lúc nào thì viên mãn? Thành Phật mới viên mãn. Đẳng giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá thì hiếu đạo vẫn chưa viên mãn. Cho nên nội dung dạy học của nhà Phật là gì? Hiếu đạo, hiếu đạo cứu cánh viên mãn.

Phật ở đây biểu diễn thị hiện làm tấm gương cho chúng ta thấy, bản thân thành Phật, tu hành viên mãn rồi, độ chúng sanh công đức cũng viên mãn, đây là ân đức của cha mẹ. Còn phải biểu diễn một tí, làm cho chúng ta thấy, “thuyết pháp cho mẫu thân”, báo ân mẫu thân, ý nghĩa này sâu sắc, rộng lớn biết bao. Nói cách khác, chúng ta nếu như không có sự thành tựu của Phật Thích Ca Mâu Ni thì là bất hiếu rồi. Thực sự người có thể hiếu thuận cha mẹ, sẽ không khởi một niệm ác nào đối đãi chúng sanh, khởi ác niệm là có lỗi với cha mẹ, không dám làm một việc xấu nào, làm việc xấu cũng có lỗi với cha mẹ. Tu học, không dám không chăm chỉ, không dám

không nỗ lực, không thể đoạn ác tu thiện, không thể phá mê khai ngộ, không thể chuyển phàm thành thánh, là đại bất hiếu. Cho nên tri ân báo ân. Trong Phật pháp từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, đều muốn làm cho tốt bốn chữ này, làm cho viên mãn. Không chỉ là trong Kinh Bát Nhã, tám khoa mục tu học của nhị địa Bồ Tát, trong đó có khoa mục tri ân báo ân này. Không phải nói tri ân báo ân, đến nhị địa Bồ Tát mới tu, nhị địa Bồ Tát là đặc biệt nhấn mạnh về tri ân báo ân. Tri ân báo ân là từ lúc bắt đầu học Phật đã phải tu rồi. Làm sao biết được? Trong bộ kinh này dạy cho chúng ta, chúng tôi trong kinh đề đã giới thiệu tường tận cho quý vị rồi.

Phật Pháp Đại thừa ở Trung Quốc là cử bốn vị Bồ Tát để làm đại biểu. Vị thứ nhất chính là Địa Tạng. Địa là biểu thị cho tâm địa. Trong tâm địa hàm tàng vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, tâm địa là bảo tàng. Dùng phương pháp gì để khai mở tâm địa bảo tàng ra? Hiếu, hiếu thân tôn sư liền có thể làm cho bảo tàng trong tự tánh của quý vị, trong chân tâm quý vị đều khai phát ra hết. Cho nên hiếu đạo và sư đạo có mối liên hệ với nhau. Hiếu thân tôn sư, trên thế gian này trong những quốc gia dân tộc khác, chúng ta rất ít nghe nói, cổ Ấn Độ và Trung Quốc đặc biệt coi trọng. Dạy học của Nho gia chính là đặt cơ sở trên hiếu đạo. Cơ sở của Phật Pháp cũng là trên hiếu đạo. Cho nên Phật Pháp truyền đến Trung Quốc lập tức liền được Trung Quốc tiếp thu, được Trung Quốc đón nhận, có đạo lý. Cơ sở của nó, mục tiêu của nó chính là điều mà cổ thánh tiên hiền hướng đến. Vì vậy Phật Pháp đến Trung Quốc cùng với văn hóa vốn có của nó dung hợp thành một thể. Nếu chúng ta nói Phật giáo là bên ngoài đến, lời này đã không còn thích hợp nữa, không phải là sự thật. Sự thật là dung hợp thành một thể. Ý nghĩa này chúng ta phải hiểu.

Ngày nay chúng ta nếu muốn hoằng dương Phật Pháp, không thể không đặc biệt chú trọng hiếu đạo. Vì sao vậy? Không có hiếu đạo thì không có Phật pháp. Cho nên năm xưa lúc tôi chưa rời Đài Loan, có rất nhiều pháp sư ra nước ngoài hoằng pháp, tôi đi đưa tiễn, tôi thường khuyên họ đến nước ngoài không nên xây chùa chiền, họ rất ngạc nhiên, vậy chúng tôi làm sao mà kiến lập đạo tràng? Xây từ đường. Tôi nói thầy xây từ đường công đức còn lớn hơn cả xây chùa chiền, thầy tiếp dẫn tín đồ càng rộng rãi. Bởi vì xây một ngôi chùa Hoa kiều học Phật, người Trung Quốc mới đi đến, tín đồ Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo, tôn giáo khác họ không đến. Thầy xây một ngôi từ đường trong đó cúng tổ tiên, người Trung Quốc đối với tổ tiên cảm tình rất nặng, họ đều đến. Từ đường, không nên xây từ đường của một dòng họ nào đó, tôi khuyên họ xây Trung hoa dân tộc bá tánh tổ tiên từ đường, tất cả người Trung Quốc chung một ngôi từ đường. Tốt lắm. Trong từ đường này giảng kinh thuyết pháp, trong từ đường có thể thờ Phật, có thể thiết lập một Phật đường, ý nghĩa càng lớn hơn xây dựng ngôi chùa.

Nhưng những pháp sư này không có ai tiếp thu kiến nghị của tôi, mỗi người vẫn đến bên đó xây dựng một ngôi chùa kiểu Trung Quốc, tín đồ rất ít.

Ở New York, cư sĩ Thẩm Gia Trinh rất có danh vọng, các nơi trên thế giới đều biết có một người như vậy, ở nơi đó ra sức xiển dương Phật pháp, lễ thỉnh pháp sư Diễn Bồi trú tại Singapore đến Mỹ để chủ trì Phật Pháp, hoằng pháp lợi sanh. Pháp sư Diễn Bồi nhận lời rồi, bên Singapore đều giao lại cho người khác, chuyên tâm đến Mỹ để hoằng pháp. Điều này là pháp sư Diễn Bồi nói với tôi. Đến New York trú tại Đại Giác tự, những nơi này tôi đều đã đến, ở nơi đó giảng kinh, người nghe kinh khoảng ba bốn mươi người, sau khi giảng xong, những thính chúng này chúc mừng pháp sư: thưa pháp sư pháp duyên của Ngài thù thắng quá, hôm nay đến nhiều người như vậy. Pháp sư Diễn Bồi nghe xong toát cả mồ hôi lạnh, vô cùng thất vọng. Pháp sư ở Singapore giảng kinh thính chúng có mấy trăm đến cả ngàn người, đến nơi đó ba bốn mươi người đã là ghê gớm lắm rồi, pháp duyên rất thù thắng. Ngài ở lại New York khoảng một hai tháng nhanh chóng quay về, không trở lại nữa. Pháp sư Diễn Bồi thường nói: chúng ta người giảng kinh phải xem thính chúng, không có thính chúng thì nơi đó làm sao mà đến được? Ở Mỹ đích thực là như vậy. Thông thường giảng kinh ở bên đó, thính chúng có bao nhiêu? Hai ba người, năm sáu người, có được mười mấy người thì pháp duyên này rất thù thắng. Cho nên quý vị học biết giảng kinh rồi, tương lai mời đến Mỹ giảng kinh, trong lòng quý vị nên biết, không thể sánh với bên này được. Chúng tôi đến các địa phương ở Mỹ, đi khắp nơi làm gương, đi biểu diễn, lâm thời người tụ tập cũng có thể tụ tập được mấy trăm người, đó chỉ là thỉnh thoảng một lần hai lần. Ngày ngày giảng kinh không có ai đến nghe. Vì vậy có lúc quý vị thấy chúng tôi đến bên đó khi nào đông người cũng có đến sáu bảy trăm người. Đó là bao nhiêu năm mới đến một lần, người từ nơi xa đến cũng muốn đến thăm một tí, nghĩa là như vậy. Thường thường ở bên đó giảng kinh, thính chúng rất ít. Chỗ chúng ta đây kỳ trước có một vị đồng học là pháp sư nào đó ở Ngũ Đài sơn, cùng đến với Không Nhất, nghe nói đi Mỹ rồi, pháp sư Hiện Ý phải không nhỉ? Mắc lừa rồi, mắc lừa lớn rồi. Sau khi đi rồi, nếu thực sự phát tâm hoằng pháp lợi sanh, quý vị nhất định sẽ hối hận. Cho nên nhất định phải hiểu rõ ràng. Ở đây đồng học người Mỹ rất nhiều, tôi nói đều là lời chân thật.

Tôi ở Mỹ pháp duyên thù thắng nhất, dường như thông thường các pháp sư đều không sánh bằng pháp duyên của tôi, tôi ở các nơi giảng kinh đại khái cũng có sáu bảy mươi người đến một trăm người, vậy là rất thù thắng, rất hiếm có rồi. Hiện nay chúng tôi ở Mỹ dùng truyền hình quảng bá, điều này tốt. Nghe nói, đây là hội trường Dương nói với tôi, hình như hiện nay tỷ suất người thu xem cũng gần vượt qua 20.000 nhà rồi. Đây là toàn

nước Mỹ, không phải là một khu vực, một khu vực không nhiều đến vậy, toàn nước Mỹ mới có hơn 20.000 nhà thu xem. Hơn nữa kênh phủ sóng bao gồm cả Canada, bao gồm cả Mexico và Panama, tức là khu vực Bắc Mỹ, khu vực này đều có thể thu xem được. Phạm vi lớn như vậy mới chỉ có hơn 20.000 nhà thu xem tiết mục này. Cho nên bất cứ giảng kinh ở khu vực nào thính chúng cũng rất ít rất ít. Đến Mỹ rồi, thực sự sức lực, thời gian của quý vị đều bị lãng phí mất. Tôi lấy được quốc tịch Mỹ, tôi không muốn đi Mỹ. Chư vị nên cẩn thận, bình tĩnh mà quan sát mà tư duy, duyên Phật Pháp vẫn là tại Trung Quốc. Tôi hiện nay nếu như đến Trung Quốc thuyết pháp, đi giảng kinh, tôi nghĩ thính chúng của tôi ít nhất cũng có mấy mươi ngàn người, thậm chí cả một trăm mấy đến hai trăm ngàn người, tôi đều tưởng tượng đến được.

Lần trước pháp sư Nhân Đức thỉnh tôi đến Cửu Hoa Sơn tôi không dám đi, tôi biết được tình hình này. Ông ấy mời tôi lên núi ở 20 ngày giảng một bộ kinh Địa Tạng, tôi nhắm tính ít nhất cũng sẽ có 200.000 người. Tôi làm sao mà dám đi? Cho nên hiện nay người trong nước rất hi vọng, tôi nói tôi biết, tôi hoàn toàn hiểu được, vì sao lại không đi? Chư vị đồng tu nhiệt tình quá, người nhiều quá không dám đi. Nếu như mọi người có thể bình tĩnh một chút, tôi đi khắp nơi thăm viếng mọi người, mọi người không nên đến thăm tôi, thì tôi sẽ nhanh chóng trở về. Mỗi người đều đến một nơi để thăm tôi, tụ tập nhiều người như vậy, hơn nữa người trong nước không giữ trật tự, ra sức mà chen lên trước, nếu người nhiều ngộ nhỡ có một người bị trượt ngã, bị người ta giẫm lên, chúng tôi làm sao mà ăn nói với họ? Tôi sợ nhất là sự việc này.

Năm trước tôi đến Thượng Hải, lúc xuống máy bay, ở sân bay có hơn 3000 người đến nghênh đón tôi, tôi bị họ bao vây ở đó, không chừa quây được, người nào cũng không chịu tránh ra, cho nên sợ. Nếu như có trật tự, mọi người đứng đó, xếp hàng hàng mà đứng, tôi sẽ gặp mặt từng người, vậy thì rất tốt. Họ không có tổ chức, không có trật tự, như vậy làm cho tôi sợ không dám trở về, không phải là không muốn về, rất muốn trở về định cư, chỉ là mọi người nhiệt tình quá độ. Tôi vô cùng cảm kích, vô cùng cảm kích. Chư vị hiểu được tình huống sự thật này là tốt lắm rồi.

Nguyên nhân thứ hai là để thăm hỏi thiên thần khác, đây là hộ pháp, chúng ta đều phải học. Ở một nơi hoàng pháp lợi sanh, tất nhiên có được rất nhiều người nhiệt liệt hộ trì, Phật pháp mới có thể thuận lợi phát triển rộng ra.

Ngày nay chúng ta ở Singapore, cư sĩ Lý Mộc Nguyên dẫn đầu, những đồng tu ở Singapore trên dưới toàn tâm toàn lực hộ trì, vô cùng khó được, vô cùng hiếm có. Tôi đi qua rất nhiều quốc gia, chư vị đồng tu cũng nhiệt tình tiếp đãi, đó là cảm tình. Singapore nơi này không phải là do cảm tình,

mà là lý trí, là trí tuệ, không giống nhau. Kiểu hộ trì trí tuệ, nhiệt tình này này vĩnh viễn không bị suy. Cảm tình hộ trì cư xử một thời gian, về mặt đã khác rồi. Nên nói là “người chẳng ai tốt mãi, hoa cũng chẳng thơm mãi”, nhất định phải hiểu đạo lý này. Cảm tình không tin cậy được. Nhất định không thể đợi chờ đến lúc sắc mặt họ thay đổi rồi mới dọn đi, vậy thì chẳng còn ý nghĩa gì. Lần sau không thể đến nữa. Cho nên chúng ta hiểu được lúc nhiệt tình còn rất cao, nhanh chóng rời đi. Vì sao vậy? Lần sau còn có thể đến được. Quý vị cảm thấy tốt, tiếp đãi rất tốt, quý vị lưu luyến không đi, khi mặt mày găm xuống rồi, thì nơi này duyên đã đoạn mất. Những nhân tình thế sự này chúng ta phải hiểu cho được. Phật dạy chúng ta phải ứng phó như thế nào, chúng ta đều hiểu rõ, luôn phải chăm chỉ học tập. Vì thế mỗi khi đến một nơi nào đó cùng mọi người kết duyên hoan hỷ. Nếu như thực sự thông đạt hiểu thấu về Phật Pháp, vậy thì thời gian tương đối dài, duyên ở Singapore này chúng ta đã 12 năm thời gian bồi dưỡng ra được. Những nơi khác vì sao không bồi dưỡng ra được? Ngay cả Đài Loan cũng không bồi dưỡng ra được. Nguyên nhân do đâu? Họ thật nghe, người Singapore trung thực, từ nhỏ đã tiếp thu sự giáo dục của chính phủ, từ nhỏ đã trung thực, nghe lời, tuân thủ pháp luật. Đây là ưu điểm của họ. Vì thế người Singapore nhất gan, không dám làm những việc phạm pháp. Trên báo chí ở Singapore quý vị nhìn thấy, người phạm pháp đều không phải là người Singapore, người nước ngoài đến. Người bản địa dường như không có phạm pháp. Quý vị đi mua hàng hóa hàng thật đúng giá, không lường gạt quý vị. Cho nên học Phật Pháp họ cũng học rất trung thực, giảng kinh họ cũng trung thực để nghe, bảo họ làm họ trung thực mà làm. Mười mấy năm nay làm ra được thành tích như vậy, không phải là ngẫu nhiên.

Tôi từ năm 1978, năm 77 hay 78 gì đó, lần đầu tiên đến đây, về sau mỗi năm ít nhất cũng đến một lần, đến nơi đây giảng kinh ít nhất cũng một tháng. Sau khi tôi rời đi, băng ghi hình, băng ghi âm trong một tháng đã giảng này rất nhiều người ở trong nhà còn không ngừng nghe đi nghe lại. Cho nên ở bên này kiến lập một sự nhận thức chung. Ngày nay ở giảng đường này với lý niệm của thôn Di Đà, mọi người nhiệt tâm như vậy là cơ sở trong mười năm, ngày nay chúng ta nhìn thấy thành quả này nhất định không phải là ngẫu nhiên. Chúng ta đến một nơi khác, muốn đạt đến thành tựu này ít nhất cũng phải mất mười năm. Đời người chúng ta có được mấy lần mười năm? Tôi hiện nay giảng kinh đại khái cũng còn có thể giảng được mười năm nữa. Càng về sau tuổi tác lớn quá rồi, thể lực không cầm cự nổi. Cho nên trong mười năm này, trọng điểm của chúng tôi phải giúp đỡ những pháp sư trẻ tuổi, hi vọng Phật Giáo sau này có người, chúng tôi mới

có thể tận hiếu đạo, mới xứng đáng với cha mẹ, xứng đáng với thầy giáo, xứng đáng với những vị hộ pháp này. Những vị hộ pháp này và thiên thần không có gì khác nhau.

Điều cuối cùng, vì chúng sanh cực khổ trong lục đạo muốn ra khỏi chỗ đó, phó chúc cho Địa Tạng dạy dỗ, để chờ đợi Di Lặc hạ sanh. Điều này là gì? Điều này chính là bồi dưỡng pháp sư trẻ tuổi tục Phật huệ mạng. Đức Thế Tôn vì ba việc này. Chúng ta ngày nay vừa vắn cũng vì ba sự việc này.

Đại sư Thanh Liên trong đoạn Luận quán viết rất hay. Ngài ở đây nói với chúng ta, trong ngũ trùng huyền nghĩa, mỗi một điều Ngài đều dùng ba chữ “bất tư nghi” này để biểu thị. Bởi vì danh, thể, tông, dụng, mỗi mỗi đều xứng tánh. Đã là xứng tánh, vậy thì không thể nghi bàn, chính là vô thượng đề hồ rồi.

**HẾT TẬP 16**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 17****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Mời mở kinh bốn ra, Luận quán trang thứ 17, hàng thứ hai. Bắt đầu từ đoạn này, là đoạn lớn thứ hai.

Trong đoạn lớn thứ nhất giới thiệu về ngũ trùng huyền nghĩa. Đoạn lớn thứ hai đây cũng là điều rất khó được. Thông thường trong các chú giải không thấy nhiều. Đại sư Thanh Liên cung cấp cho chúng ta một pháp quán, “tổng thị quán pháp”. Pháp là phương pháp, quán là quan niệm. Phật pháp, thế pháp chỉ ở chỗ quán niệm không đồng. Thế pháp là một quan niệm sai lầm, trái ngược với chân tướng sự thật. Phật pháp là quan niệm chính xác. Chánh nghĩa là tương ứng với chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Đây là điều chúng ta y cứ theo tiêu chuẩn của nó mà nói ra. Từ đó có thể biết, học Phật hoàn toàn chỉ là chuyển biến quan niệm của chúng ta mà thôi, chuyển biến quan niệm sai lầm thành quan niệm chính xác. Đây là tổng cương lĩnh của việc tu hành.

Chúng ta xem đoạn văn này.

“*Sơn gia lập pháp, hữu giáo hữu quán yên, giáo dĩ khai giải, quán dĩ khởi hạnh*”. Sơn gia là cổ đức tôn xưng đối với đại sư Trí Giả. Nên trong giáo lý Thiên thai nhìn thấy hai chữ sơn gia này, chính là hậu học xưng hô đối với đại sư Trí Giả. Trong phương pháp dạy học của ngài có giáo có quán. Giáo là dạy học. Dạy học chủ yếu là dạy quý vị sáng lý, hiểu rõ những đạo lý này. Quán là nói về khởi hành. Cũng tức là nói phải đem những đạo lý mà quý vị đã hiểu rõ đó thực hành cho được. Đem những quan niệm sai lầm chuyển biến trở lại, đây gọi là hành. Đây chính là khởi hành. Cho nên giáo và quán có những gì khác nhau. Ý nghĩa bao hàm của nó, hai câu này nói rất rõ ràng. Chúng ta học giáo, nghiên cứu kinh giáo của nhà Phật là khai giải, mục đích là khai giải. Sau khi giải rồi đó là tu hành, tu hành là thuộc về quán.

Dưới đây ngài nêu ra một ví dụ, “như cao minh tương lại”. Cao là dầu, minh là ánh đèn, đèn sau khi thắp sáng phải nhờ vào dầu, nương nhờ vào nhau, dầu nếu như không có lửa, nó không khởi tác dụng, không thể khởi tác dụng chiếu sáng. Ánh đèn nếu không có dầu nó sẽ bị tắt mất. Cho nên

tác dụng chiếu sáng nhất định là dầu đèn nương nhau. Dem ví dụ này ví cho giáo, quán, mỗi quan hệ của giáo và quán, cũng giống như mỗi quan hệ giữa dầu và đèn vậy. Hai thứ này không tách rời nhau.

Ví dụ thứ hai nói “mục tức giao tu”, đây cũng là một ví dụ. Thí dụ như đi đường, đi đường chân phải chuyển động, nhưng nếu quý vị không có con mắt nhìn không thấy đường, thì quý vị không thể nào đi được. Đây là đem mục ví dụ cho giáo, tức ví dụ cho quán. Mắt giúp cho chân, chân giúp cho mắt, vậy mới đạt được mục đích.

“*Tức u tứ môn nhập thanh lương trì hi.*” Tứ môn chính là giáo, giải, quán, hành. Bốn môn này, quý vị mới có thể thoát ly khổ hải, khế nhập cảnh giới của Phật. Cảnh giới của Phật ví dụ cho ao thanh lương.

Mấy câu sau đây rất quan trọng. “*Hậu đại truyền kỳ giáo giả, cự khả đồ thủ văn ngôn, nhi bất minh quán hành hồ?*” Hậu thế là chỉ cho thời đại mật pháp của chúng ta, thời đại mật pháp người học Phật cũng không ít, nhưng vì sao không có thành tựu? Học giáo không thể khai giải, tham thiền không thể khai ngộ, niệm Phật không thể đắc nhất tâm, trì chú không thể tương ưng. Nguyên nhân là do đâu? Không có quán hành. Chỉ có giáo lý, không có quán hành, chắc chắn không thể thành tựu. Cho dù chúng ta đem Phật Pháp giới thiệu cho người khác, đây chính là nói giảng kinh thuyết pháp, cũng giảng một số lý luận. Lý luận giảng có huyền diệu bao nhiêu đi nữa, mà không liên quan gì đến hành trì trong cuộc sống của thánh chúng, cách giảng như vậy người hiện đại sẽ không dễ dàng tiếp thu. Vì sao vậy? Người hiện đại nói chuyện hiện thực, tất cả các sự việc đầu tiên đều phải nói đến hiện thực. Nếu như không liên quan gì đến hiện thực, họ không có thời gian, cuộc sống của họ vô cùng bận rộn, tâm tình của họ rất khẩn trương, nếu như nghe rồi mà không liên quan gì đến cuộc sống của bản thân, không đạt được lợi ích chân thật, thì lần sau họ không đến nữa.

Từ đó có thể biết, chẳng những chúng ta phải giới thiệu giáo lý, còn phải giới thiệu quán hành, giúp cho họ đem những lý luận nhà Phật này thực tiễn vào trong cuộc sống, làm cho họ lập tức liên đạt được lợi ích, liền đạt được điều tốt đẹp. Đây là điều mà người hiện đại yêu thích, mong cầu. Chúng ta không thể không hiểu những sự thật này. Đây gọi là quán cơ, người hiện đại căn cơ như thế nào?

Dưới đây nêu một ví dụ, “*đơn luân song dục, ô năng viễn vận*”, xe có hai bánh, xe một bánh, chim thì phải nhờ vào đôi cánh, nếu như chỉ có một cánh thì nó làm sao bay được? Xe này làm sao mà chạy? Hiện nay xe có bốn bánh, thiếu một bánh cũng không chạy được. Đây là ví dụ nói với chúng ta rằng giáo và quán có mỗi liên hệ mật thiết.

“*Cổ kim lược thuật đại đồ, dĩ kiến kinh bất đồ thuyết nhi đồng quy u bí mật tàng trung*”. Bí mật tàng là tự tánh. Đoạn này nói rõ Đại sư Thanh

Liên vì sao trong Luận quán có đoạn văn này, đem duyên khởi của nó, dụng ý của nó nói ra cho chúng ta.

Dưới đây nói: “giáo có Tạng, Thông, Biệt, Viên”, bốn giáo này, ba giáo trước là quyền là thô, một giáo sau mới thật mới diệu. Viên giáo mới là chân thật thuyết. Tạng, Thông, Biệt đều là phương tiện, đều là phương thức. Cho nên đến hội Pháp Hoa, Đức Phật đem nghĩa thú mà Ngài một đời giảng kinh thuyết pháp nói ra, duy chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba. Câu nói này vô cùng quan trọng, chúng ta không thể xem thường mà lướt qua. Nhất thừa pháp là chân thật, nhị thừa tam thừa là pháp phương tiện. Nhị thừa tam thừa có hay không? Có, Phật nói đến rất nhiều, chúng ta hiểu rõ ý của Phật, đối với nhị thừa, tam thừa sẽ không chấp trước nữa. Nếu như kiên cố chấp trước trong nhị thừa tam thừa, thì quý vị suốt đời này sẽ không thể nào đạt được pháp chân thật. Vậy chúng ta có nhị thừa, có tam thừa, cuối cùng là kế nhập nhất thừa, quý vị mới thật có thọ dụng. Nếu như dừng nơi nhị thừa, dừng nơi tam thừa, là sai. Cho nên trong Kinh Pháp Hoa câu này vô cùng quan trọng, làm cho chúng ta hốt nhiên đại ngộ. Nhị thừa, tam thừa ví dụ như là bậc thang, nhất thừa là đỉnh lầu, quý vị bắt buộc phải dùng phương pháp này quý vị mới có thể kế nhập nhất thừa. Đây là quý vị minh giáo.

Quán cũng có ba loại, Thiên Thai lập ra tam quán. Đoạn kinh văn này ở hàng thứ tư, câu cuối cùng: “quán hữu tích, thể, thứ dữ bất thứ”. Tích không quán, thể không quán, có thứ đệ quán, có bất thứ đệ quán. “*Như thứ dĩ đối tứ giáo, tiền tam vi khả tư nghi, hậu nhất vi bất tư nghi*”. Tích không quán, thể không quán, thứ đệ quán là có thể nghĩ bàn. Bất thứ đệ là không thể nghĩ bàn. Bất thứ đệ là không có thứ lớp. Cách quán trong Kinh Hoa Nghiêm nói đến chính là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Hoa Nghiêm là viên dung, cho dù nói là thứ đệ, thứ đệ không trở ngại viên dung, viên dung không trở ngại thứ đệ. Về sự tướng có thứ đệ, về lý thể không có thứ đệ. Nói cách khác, chúng ta trên hành vi trong cuộc sống xử sự, đối người, tiếp vật có thứ đệ, trên tâm lý không có thứ đệ. Tâm địa chắc chắn là thanh tịnh, nhất định là viên dung. Cho nên thứ đệ và bất thứ đệ là một không phải hai. Đây mới là thật, mới là diệu.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây. Đoạn này trong hàng thứ bảy đếm từ dưới lên.

“*Kim kinh ký tại Pháp Hoa hậu thuyết, duy minh thuần viên diệu giải, dĩ khởi phá tư diệu hạnh*”. Điều này trước đây lúc phán giáo đã nói qua rồi. Kinh Địa Tạng giảng vào lúc nào? Sau thời Pháp Hoa, trước thời Niết bàn. Niết bàn là giảng cuối cùng hết. Phật thuyết kinh Niết Bàn rồi nhập diệt. Nói cách khác, bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, là bộ kinh thứ hai trước khi Phật diệt độ. Ý theo phán giáo của tông Thiên Thai. Đây là phán

tại thuần viên. Pháp Hoa là thuần viên rồi, nó ở sau Pháp Hoa thì có lý gì lại không viên? Thuần diệu. Từ đó có thể biết, tất cả những hành pháp được giảng ở đây, hành pháp của bản kinh này, cũng là diệu hạnh không thể nghĩ bàn.

Đoạn văn tiếp theo nói. *“Tắc dĩ chỉ quán thập chương, dĩ tiên lục chương khai giải hậu tứ chương khởi hành đồng dã”*. Chỉ quán là Thiên thai đại sư tạo, là nguyên tắc chỉ đạo tu hành cao nhất của tông Thiên Thai, có Ma ha chỉ quán, có Tiểu chỉ quán. Tiểu chỉ quán là phương tiện nhập môn. Ở đây giảng nghĩa thú hành pháp của bản kinh này tương ưng với Chỉ quán của tông Thiên Thai.

*“Cố dĩ quán chúng sanh nghiệp duyên, nghiệp cảm đẳng văn, tức không giả trung, dĩ hiển Địa Tạng bất tư nghĩ sự. Tắc năng quán vô phi nhất tâm tam quán, sở quán vô phi tam đế nhất cảnh”*. Cách nói này đã nâng cao vị trí của kinh Địa Tạng rồi. Đúng là nói “viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên”. Kinh Địa Tạng, cổ đức đều đem nó liệt vào trong Phương đẳng, trong ngũ thời thì liệt vào thời Phương đẳng. Tuy kinh liệt vào thời Phương đẳng, Đại sư Thanh Liên chú giải cho chúng ta, trên thực tế là liệt nó vào thời Pháp Hoa Niết Bàn, bởi vì nó vừa vắn được thuyết vào thời gian giữa Kinh Pháp Hoa và kinh Niết Bàn. Cho nên bản kinh này “quán chúng sanh nghiệp duyên nghiệp hoặc”, những đoạn kinh văn này, tông Thiên Thai đã nói trong Tam quán: không quán, giả quán, trung quán. Điều này hiển thị Bồ Tát Địa Tạng sự không thể nghĩ bàn. Bồ Tát Địa Tạng trong cứu pháp giới phổ độ tất cả chúng sanh. Đây là Địa tạng sự không thể nghĩ bàn, cũng chính là sự mà chúng ta tâm tâm đều hướng đến muốn học tập. Những sự này thực sự mà nói, chính là Chư Phật Như Lai thị hiện trong cứu giới cần dùng thân gì để độ liên hiện thân đó. Cần thuyết pháp gì cho chúng sanh thì thuyết pháp đó. Hiện thân, hiện hình không có pháp nhất định. Pháp được thuyết càng không có định pháp, thực sự là tùy cơ thuyết pháp, tùy loại hiện thân, đặc đại tự tại. Hiện thị ra viên mãn đại từ bi. Họ làm sao có thể đạt được cảnh giới không thể nghĩ bàn như vậy? Đây là quán hành. “Năng quán vô phi nhất tâm tam quán”, đây chính là nói Bồ Tát Địa tạng, nói Bồ Tát Địa Tạng cũng chính là nói Chư Phật Như Lai, họ thị hiện trong cứu pháp giới không có gì khác là nhất tâm tam quán, đây là từ trên năng quán mà nói. Từ sở quán mà nói là tam đế nhất cảnh. Nhất cảnh là gì? Nhất cảnh là nhất chân pháp giới.

Dưới đây lược cử cho chúng ta về tam quán. Đoạn này nói: *“Tam quán giả, nghĩa duy tam chủng, nhất giả từng hành duy ư vạn cảnh quán nhất tâm, vạn cảnh tuy thù diệu quán lý đẳng”*. Đẳng là bình đẳng. Tất cả những

hiện tượng sai biệt, đạo lý của nó là một. “Nhu quán ám đẳng tức kỳ ý dã”. Nêu ra một ví dụ. Ám là quán ngũ âm. Hoặc là quán 18 giới, quán lục nhập đều được. Đây là nêu ra một ví dụ về quán ngũ âm.

Trong Bát Nhã Tâm kinh cũng là quán ngũ âm. Ngũ âm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đây là từ hành. Quý vị trong vạn cảnh, trong vô lượng vô biên cảnh duyên, cảnh là môi trường vật chất, duyên là môi trường nhân sự. Phàm phu chúng ta chấp trước tướng, chấp trước tướng liền sản sanh một quan niệm sai lầm. Trong sai lầm này đã muôn ngàn sai biệt, thế là tùy theo quan niệm này mà khởi vô lượng phân biệt, vô lượng chấp trước. Vậy là phiền phức rồi. Chúng ta ngày nay trở thành như thế này, khởi tâm động niệm đều là tạo nghiệp, tương lai phải chịu khổ báo trong tam đồ, ai tạo thành vậy? Quan niệm sai lầm của chúng ta tạo thành. Quý vị nếu như oán trời trách người, thì quý vị tạo tội nghiệp càng nặng hơn. Quý vị tương lai đọa lạc càng khổ hơn. Vì sao vậy? Không liên can gì đến trời đến người khác, bản thân tự tạo còn đi trách người khác, vậy tội quý vị không phải càng nặng rồi sao? Tự làm tự chịu, không ai có thể thay thế quý vị cả. Chân tướng sự thật này chỉ có chư Phật Bồ Tát rõ ràng, họ hiểu rõ ràng, năng lực của họ chính là trong tất cả các cảnh giới khác nhau, trong thiên biến vạn hóa của môi trường nhân sự, của môi trường vật chất mà quán nhất tâm. Nhất tâm là lý. Cảnh giới thiên biến vạn hóa từ đâu mà có? Lớn đến hư không pháp giới, nhỏ đến vi trần, nhỏ cho đến một niệm, hoàn toàn là do nhất niệm tự tánh biến hiện ra. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm tuy không đồng, nhất niệm tự tánh tương đồng. Cho nên nói “vạn cảnh tuy thù”, thù là khác nhau, “diệu quán lý đẳng”, quý vị có thể nhìn thấy thể tánh của tất cả pháp này, căn nguyên của tất cả pháp này, hóa ra là giống nhau. Sự và lý này chúng ta ở đây không nói nhiều nữa, đoạn trước đã giảng quá nhiều rồi, nhắc lại một tí có lẽ chư vị đã hiểu rõ rồi. Đây là loại thứ nhất.

Thứ hai là “*nhị ước pháp tướng, như quán tứ đế*”. Tứ đế là pháp căn bản trong Phật pháp, chúng ta nhất định không được cho rằng Tứ đế là Đức Phật nói cho hàng Tiểu thừa. Thiên Thai đại sư giảng Tứ đế, Tạng giáo Tứ đế, Thông giáo Tứ đế, Biệt giáo Tứ đế, Viên giáo Tứ đế. Chúng ta đọc Sớ của đại sư Trí Giả mới biết được Tứ đế, 37 phẩm trợ đạo, bao gồm tất cả Phật pháp, pháp pháp đều như vậy.

Chúng ta gần đây đang học Kinh Hoa Nghiêm, đang đọc Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng nhiều nhất, Hoa Nghiêm giảng tường tận nhất, giảng còn tỉ mỉ hơn cả Kinh Pháp Hoa. Không có pháp nào không phải là viên nhiếp tất cả pháp. Đây gọi là Viên quán. Vì sao vậy? Tất cả pháp đều là nhất niệm tự tánh biến hiện ra. Thế nên trong tất cả pháp bất cứ một pháp nào cũng liên quan đến tự tánh, giống như trước đây nói, “cao minh tương lại, mục tức giao tư”, trong Phật Pháp nói tánh tướng bất nhị, lý sự nhất

như. Tướng là hiện tướng. Bất luận là tướng lớn, hay tướng nhỏ, thể giới hư không là tướng lớn, hạt bụi lỗ chân lông là tướng nhỏ, bất luận là lớn hay nhỏ đều là nhất niệm tự tánh. Quý vị nếu như trong tướng thấy được tánh rồi, tướng có muôn ngàn sai biệt, tánh chỉ có một. Tướng khác thể đồng, lý đồng, tánh đồng. Nếu như chúng ta lãnh hội được đạo lý này, tự nhiên quý vị sẽ nghĩ đến, tất cả những tộc quần trên thế gian này, làm sao mà nói là không thể hòa hợp? Chắc chắn có thể cư xử hòa thuận, không thể cư xử hòa thuận đều là do không hiểu rõ đạo lý này, không hiểu được chân tướng sự thật. Tùy thuận theo quan niệm sai lầm của bản thân, tùy thuận theo tập khí phiền não của bản thân, mà làm sai thôi. Hoan hỷ cư xử hòa thuận lẽ ra phải là hiện tượng rất tự nhiên, không có mảy may miễn cưỡng nào. Tất cả chúng sanh có thể cư xử hòa thuận chính là điều lành mạnh nhất. Giống như thân thể của một người vậy mạnh khỏe an vui, trên thân thể cũng là các loại tộc loại khác nhau, mắt và tai khác nhau, tai và lỗ mũi lại không giống, đầu và tay khác nhau, tay chân và thân lại không giống, không phải là rất nhiều tộc loài cùng chung trên một thân này sao? Nó nếu như vừa đánh nhau thì phiền phức rồi. Con người của quý vị sẽ ngã bệnh, sinh bệnh, thậm chí phải bỏ cả mạng. Chúng có thể hòa thuận ở chung với nhau, chúng không đấu tranh, thì thân thể con người quý vị mới mạnh khỏe an vui. Đây là nói nghiệp báo thân của chúng ta. Trong Phật Pháp nói ứng hóa thân. Hư không pháp giới là pháp thân của chúng ta, vẫn là một cái thân. Sinh mệnh chúng ta trong toàn thể pháp thân này cũng giống như một tế bào vậy. Thân thể này là vô số tế bào hợp thành. Cùng một đạo lý như vậy, pháp thân là vô lượng vô biên y chánh trang nghiêm tổ hợp thành. Nó đến như thế nào? Tổ thành như thế nào? Trong Kinh Hoa Nghiêm có câu: “duy tâm sở hiện” nói rõ nó đến như thế nào, thập pháp giới y chánh trang nghiêm đến như thế nào, vì sao lại có thập pháp giới y chánh trang nghiêm? Là “duy thức sở biến”. Duy thức là nói rõ nguyên do của tướng sai biệt. Duy tâm là giảng về sở y của tướng chung. Nhưng thức và tâm là một không phải hai. Cho nên khác và giống là một không phải hai. Từ trên hình tướng nói với quý vị là trong giống có khác, trong khác có giống, giống không trở ngại khác, khác không trở ngại giống. Vì sao vậy? Bởi vì giống khác là cùng một căn nguyên. Tôi và người khác cũng là cùng một căn nguyên. Không thể hòa thuận với người khác chính là tổn hại đến bản thân, mình và người không phải hai.

Trong Phật Pháp khó được nhất, đáng quý nhất là viên quán. Đây là điều mà Thế Tôn thường tán thán, gọi là: viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên, viên nhân quán pháp, vô pháp bất viên. Duy chỉ có người viên quán, tâm địa vĩnh viễn là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Đây là thứ hai, tức trên pháp tướng mà quán, cũng chỉ nêu một ví dụ.

“Tam thố sự tướng, như vương xá kỳ xà, danh tùng sự lập”. Đây là xứ sở mà đức Thế Tôn giảng kinh, Vương xá thành. Kỳ xà quật tại núi Linh Thứu.

“Tên từ sự lập, mượn sự để quán”, cho nên những danh tự nhà Phật này, danh hiệu của Phật Bồ Tát đều là giúp đỡ chúng ta, sửa đổi những quan niệm sai lầm của chúng ta. Danh hiệu của con người cũng vậy, danh hiệu của nơi chốn cũng như vậy, danh hiệu của vật cũng như vậy. Đây là điều thông thường trong cuộc sống hằng ngày chúng ta sơ suất mất. Nếu như quý vị có thể tùy theo cảnh giới này, đều có thể nhập quán, nhập quán niệm Như Lai. Tu hành chứng quả, làm gì cần đến ba đại a tăng kỳ kiếp, làm gì cần đến thời gian như vậy? Làm gì có điều khó đến vậy? Vấn đề là chúng ta thường mê trong danh tướng, phân biệt danh tướng, chấp trước danh tướng. Thực sự gọi là ba đời chư Phật đều bị hàm oan. Trong bài kệ khai kinh nói “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, chúng ta hiểu sai ý nghĩa Như Lai rồi. Kiên cố chấp trước còn tự cho là đúng, vậy thì còn cách gì nữa? Quan niệm cũ luôn luôn không đổi lại được. Tất cả người sự vật đều có tên, “tên từ sự lập, mượn sự để quán”, đây là phương pháp. Chư vị nếu như có thể hiểu được ý nghĩa của mấy câu này, mọi người biết được thế giới tây phương Cực Lạc sáu trần thuyết pháp, trước mắt chúng ta tại sao không phải là sáu trần thuyết pháp? Tuyệt đối không thua thế giới tây phương Cực Lạc. Đợi chúng ta sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, chúng ta đối với những quán pháp này sẽ dùng được, tức biết rồi, ở thế giới Ta bà chưa biết được, đến thế giới Cực Lạc liền biết được. Cho nên nhìn thấy thế giới Cực Lạc sáu trần thuyết pháp. Thế giới Cực Lạc làm sao mà biết? Sanh đến nơi đó là Phật A Di Đà bốn nguyện gia trì, nên biết rồi. Thế giới tây phương Cực Lạc tất cả những vật tướng, đều là Phật A Di Đà bốn nguyện oai thần biến hóa mà làm. Chúng ta nghĩ xem, thế gian chúng ta nhiều vô số phải chăng là Phật A Di Đà nguyện lực biến hóa mà ra? Quý vị có thể nói không phải không? Quý vị có thể nói là phải không? Phải và không phải đều không tồn tại, then chốt vẫn là một niệm tâm của quý vị. Quý vị một niệm giác là phải, một niệm bất giác là không phải. Từ đó có thể biết, về sự không có phải hay không phải, về danh cũng không có phải hay không. Phải và không phải ở tại tâm quý vị. Điều này chính là Ngẫu Ích đại sư đã nói: “cảnh duyên không đẹp xấu, đẹp xấu khởi từ tâm”, tâm của bản thân. Vậy nên tâm quý vị một niệm thiện, hư không thế giới tất cả vạn pháp đều là thiện, quý vị một niệm ác toàn là ác. Một niệm ác tâm khởi lên thế giới không có người nào là tốt, một niệm thiện tâm khởi lên thì chúng sanh A tỳ địa ngục cũng không tồi, đẹp xấu khởi từ tâm. Chư Phật, Bồ Tát nhìn tất cả chúng sanh đều là Phật. Phàm phu nhìn Phật, Bồ Tát vẫn là phàm phu. Điều này chứng tỏ Phật ở trong kinh nói cảnh tùy tâm chuyển, đây là lời

chân thật. Sau đó mới hiểu được, Phật Pháp tu hành vì sao coi trọng tu quán như vậy.

Tu quán là tu sửa quan niệm. Nói cho rõ ràng hơn nữa, tu sửa quan niệm sai lầm của chúng ta. Tu sửa các quan niệm bất thiện của chúng ta. Đây là tu hành chân thật. Đây chính là trong tông môn thường nói “tu từ căn bản”. Căn bản là gì? Tâm địa là căn bản. Tâm thiện lương, thì hành của quý vị tự nhiên thiện, không có thứ gì là bất thiện. Chúng ta ngày nay đọc đến kinh Phật, đọc đến khai thị của Tổ sư, dường như cũng có được một chút thể hội, có được một chút rõ ràng. Quan niệm vì sao chuyển mãi cũng không được? Nhân tố then chốt chính là ngã chấp. Cho nên chư vị đồng tu phải biết, quý vị chấp trước ngã chư Phật Như Lai giảng kinh thuyết pháp cho quý vị, lợi ích mà quý vị đạt được chỉ là nhân thừa mà thôi. Nói cách khác, quý vị nhất định không thể siêu việt lục đạo luân hồi. Quý vị nghe hiểu, quý vị hiểu rõ rồi, quý vị có thể lãnh hội rồi, nhưng quan niệm của quý vị chưa chuyển đổi được. Quý vị chưa có công phu quán hành. Tông Thiên Thai nói lục tức Phật rất hay. Ngày nay chúng ta đang ở giai đoạn nào? Danh tự tức Phật. Chúng ta đang ở giai đoạn này. Chúng ta là danh tự. Trong danh tự nói hay hơn nữa, nói đến hoa trời rơi xuống vẫn còn phải làm việc sanh tử luân hồi. Đây tức là nói quý vị tuy nói có hay, quý vị đọc được nhiều, nghe được nhiều, nhìn thấy nhiều, người bây giờ nói quý vị là tiến sĩ Phật học, quý vị là nhà Phật học. Nhà Phật học, tiến sĩ Phật học có ích gì? Có hiểu mà không hành, chẳng lợi ích gì, vẫn là ngày ngày tạo nghiệp, khởi tâm động niệm tạo nghiệp, nói năng tạo nghiệp, hành trì tạo nghiệp, thân khẩu ý đều đang tạo nghiệp, chắc chắn không thể miễn trừ quả báo. Nghiệp nhân quả báo chẳng sai mảy nào. Không phải nói tôi hiểu được rất nhiều Phật Pháp, thì nghiệp tôi tạo tương lai có thể không chịu quả báo. Không có đạo lý như vậy, vẫn còn phải thọ báo. Ác nhân có ác báo, thiện nhân có thiện quả, có lý gì lại không chịu quả báo được chứ? Người không thọ quả báo là gì? Không tạo nghiệp thì không chịu quả báo. Quý vị tạo nghiệp chắc chắn không miễn được quả báo. Những đạo lý này, chân tướng sự thật này, phải rõ ràng phải thấu suốt.

Nhập vào “quán hạnh vị” vậy là tốt rồi. Quán hạnh vị là thật làm. Đạo lý mà Đức Phật đã nói chúng ta hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ rồi lập tức liền làm, y giáo phụng hành, tuyệt không làm trái. Đây là nhập quán hạnh. Quán hạnh chính là công phu của quý vị đắc lực rồi. Không có quán hạnh, tu như thế nào công phu cũng không đắc lực, vì vậy tuy tu thiền mà không thể đắc định, đừng nói đến khai ngộ, ngay cả định cũng không thể đắc. Niệm Phật chẳng những không đạt được nhất tâm, công phu thành phiền cũng không đạt được. Nên gọi là miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng chỉ hoài công. Vì sao vậy? Vì không nhập được quán hạnh vị. Trong danh tự

vị, hữu danh vô thực, cho nên ngày nay chúng ta mong cầu, chúng ta không dám mong cầu cao quá, cao quá làm không được. Quán hạnh vị chúng ta nhất định phải tranh thủ, không nhập được vị thứ này, chúng ta niệm Phật không thể vãng sanh. Quý vị nói xem điều này quan trọng biết bao. Công phu quán hạnh đắc lực rồi, liền có thể chứng công phu thành phiền. Trong pháp môn niệm Phật nói công phu thành phiền là sự nhất tâm bất loạn còn cạn, không phải là sâu. Nhưng có được một chút công phu như vậy, thì chắc chắn được sanh Tịnh Độ, đây là điều thù thắng của Tịnh Độ. Những pháp môn khác thì không được. Những pháp môn khác quán hạnh cũng không ích lợi gì.

Trong quán hạnh vị không thể liễu sanh tử, không thể ra khỏi tam giới, phải lên cao hơn một bậc nữa “tương tự vị”, tương tự vị mới có thể thoát ly lục đạo luân hồi. Quý vị nói xem điều này khó biết bao. Nhưng vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc quán hạnh là được. Đây là điểm thù thắng của pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ sở dĩ có thể “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thu”, bản thân ít nhất phải có công phu này. Tiếp đó được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, chúng ta mới có thể siêu việt tam giới vãng sanh Tịnh Độ. Đạo lý chính là đây vậy. Cho nên pháp môn này gọi là pháp môn nhị lực, không phải hoàn toàn nhờ vào Phật lực, mà bản thân quý vị còn phải có một chút cơ sở, không có chút cơ sở nào thì Phật lực gia trì không nổi, bản thân nhất định phải đến quán hạnh vị. Trong danh tự vị Phật lực chưa gia trì được. Quan niệm thực sự thay đổi rồi, thay đổi từ đâu vậy? Tôi thường thường nhắc nhở đồng tu, quá khứ niệm niệm đều là vì bản thân, hiện tại niệm niệm vì chúng sanh. Đây là điều then chốt vậy. Quan trọng là thay đổi từ đây. Trước đây mỗi mỗi đều không như ý, oán trời trách người, hiện tại biết quay đầu phản tỉnh kiểm điểm, biết được bản thân đời này gặp được đều là tự làm tự chịu. Nhà Phật nói rằng “hồi đầu thị nạn”, thực sự quay đầu rồi.

Đức Phật ở trong tất cả kinh thường hướng dẫn chúng ta, “thọ trì đọc tụng, diễn thuyết cho người”, chúng ta trung thực làm theo những lời Phật dạy. Thọ là tiếp thu. Tất cả những giáo huấn mà Đức Phật dạy trong các kinh ta đều tiếp thu rồi. Việc Đức Phật dạy cho chúng ta làm, chúng ta nghiêm túc nỗ lực mà làm; Phật nói việc không được làm, chúng ta nhất định không làm. Không những trên sự không làm, ý niệm cũng không sanh. Đức Phật dạy chúng ta không tham, không sân, không si. Chúng ta đối với tất cả người, sự, vật trong thế gian xuất thế gian, ý niệm tham sân si cũng không khởi. Đây gọi là quán. Nhưng phiền não tập khí vô thì kiếp dưỡng thành, thời thời khắc khắc nó sẽ khởi lên, sẽ khởi hiện hành. Loại ý niệm này vừa mới khởi lên, quý vị phải dụng công phu đối trị. Pháp môn niệm Phật chính là một câu A Di Đà Phật, niệm thứ nhất khởi lên hoặc là tâm

tham, hoặc là tâm sân nhuế khởi lên, niệm thứ hai liền A Di Đà Phật. Dùng danh hiệu A Di Đà Phật mà thay thế nó. Đây gọi là chân niệm Phật. Đây gọi là biết niệm Phật. Công phu niệm Phật này đã có năng lượng rồi. Phiền não chưa đoạn được, một câu danh hiệu Phật này đủ để có thể không chế phiền não, nó vừa khởi lên, lập tức trấn áp nó xuống. Đây chính là điều mà nhà Phật nói “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Niệm là vọng tưởng khởi lên. Giác là công phu của quý vị không được chậm trễ. Niệm thứ hai liền trấn áp nó xuống. Như vậy mới có thể vãng sanh. Loại công phu này rất miên mật, chăm chỉ mà làm, vừa không làm, phiền não liền khởi hiện hành, tùy thuận phiền não ngay. Công phu làm lâu rồi, thông thường đối với các đồng tu, nếu như quý vị thật làm, ba tháng đã có hiệu quả rồi. Quý vị sẽ cảm thấy thân tâm quý vị an vui. Phiền não tạp niệm ít, trí tuệ nhiều, tăng trưởng rồi. Sáu tháng liền có hiệu quả rất rõ ràng.

Chúng ta hiện nay bản thân chưa có tiến bộ, nguyên nhân là gì? Không làm. Từ sáng đến tối vẫn là tùy thuận phiền não, không biết dụng công. Cho rằng mỗi ngày ở niệm Phật dường niệm mấy tiếng đồng hồ, vậy được không? Phải ngay trong cuộc sống hằng ngày, phải ngay trong xử sự, đối người, tiếp vật thực sự hạ công phu, thực sự buông bỏ được, thực sự nhắc lên được, buông bỏ tham sân si, nhắc lên một câu danh hiệu Phật. Một câu danh hiệu Phật này đầy đủ tất cả Phật Pháp, viên viên mãn mãn không khiếm khuyết mảy may nào, công phu mới có thể đắc lực, mới có thể sản sanh hiệu quả, mới có thể đạt được lợi ích chân thật của Phật Pháp. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là “trú chân thật huệ”. Đây chính là trú chân thật huệ. Ý niệm vừa khởi, danh hiệu Phật liền nhắc lên rồi. Đó chính là trú chân thật huệ.

Quán hạnh, “mượn sự mà quán”, thực sự mà nói, đoạn lớn cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham học. Đại sư Thanh Lương nói “qua sự luyện tâm”. Qua sự luyện tâm chính là ở đây nói mượn sự mà quán, thực sự tu hành. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là đang tu quán.

“Dĩ đạo chấp tình”, đạo là khai thông. Khai thông phân biệt chấp trước của chúng ta, khai thông tình chấp. Tình chấp là mê. Nên chư vị phải biết, tình gọi là mê tình. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật giảng một là tình, một là tướng. Người tình nhiều hướng xuống là đọa lạc, người tướng nhiều hướng lên là siêu thăng. Tướng chính là quán, quán tướng, là thuộc về tuệ. Tình là mê. Người thế gian đều hướng đến đa tình. Đa tình là gì? Là ba đường ác. Họ không muốn thoát ra. Tình chấp sâu như vậy, trong mắt Phật, Bồ Tát hạng này rất khó độ, chúng sanh ác đạo. Hiện nay trong thế gian này thời gian rất ngắn ngủi, nháy mắt họ đã vào đường ác rồi, lay gọi cũng không tỉnh nữa. Không phải là Phật, Bồ

Tát không từ bi, mà bản thân quý vị không giác ngộ. Cho nên chúng ta chuyển ý niệm trở lại, trong đời này chúng ta được thân người. Vì sao vậy? Đến để làm gì? Đến để vì tất cả chúng sanh phục vụ. Chịu khổ chịu tội là đều nên vậy, là bổn phận của tôi. Làm cho chúng sanh lìa khổ được vui là công việc của tôi, là việc tôi nên làm. Quý vị đem ý niệm chuyển lại như vậy, thì quý vị siêu phàm nhập thánh. Tư tưởng này là tư tưởng của Phật, Bồ Tát. Niệm niệm vì bản thân, niệm niệm vì bản thân hưởng thụ ngũ dục lục trần. Đây là quan niệm của ba đường ác, quan niệm vô cùng sai lầm. Chúng ta ở trong kinh giáo điển tịch nhìn thấy chư Phật, Bồ Tát, Tổ sư đại đức đại triết đại ngộ, phước huệ song tu, họ vì sao không hưởng phước? Thậm chí họ vì sao không muốn cải thiện môi trường sinh sống của bản thân? Không phải là họ không thể, không phải là họ làm không được, dễ như trở bàn tay, toàn là do đại từ đại bi, làm tấm gương cho hậu học chúng ta noi theo. Làm cho chúng ta ở đây đại triết đại ngộ. Thực sự thể hội được Đức Phật trước khi nhập diệt khuyên dạy chúng ta “lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”. Nhà Phật thường nói “tỳ kheo thường mang ba phần bệnh”. Bệnh gì vậy? Ăn không no, ngủ không đủ, bệnh đói. Vì sao bảo quý vị thường mang ba phần bệnh? Thời thời khắc khắc có tánh cảnh giác. Cuộc sống trải qua quá sung túc, tâm cảnh giác không còn nữa. Rất dễ dàng thuận tiện nào tạo tác nghiệp ác, không dễ dàng xuất ly. Cho nên thực sự muốn xuất ly, chúng ta bắt buộc phải hạ quyết tâm trong đời này, mấy mươi năm ngắn ngủi nóng lạnh không là dài lắm, mím môi cố gắng, nghe theo lời Phật, cuộc vất vả một tí là tốt, nhất định có điều tốt. Cho nên chúng ta nhìn thấy người khác cuộc sống đủ các hưởng thụ, không có tâm ngưỡng mộ, cho dù chúng ta có khả năng, cũng có thể hưởng thụ được, nhưng nhất định không hưởng thụ. Đó chắc chắn không phải là việc hay ho gì. Cho dù bản thân quý vị có đạo hạnh, có định công, có trí tuệ có thể làm được sự sự vô ngại, hỏi quý vị có tâm từ bi hay không? Nếu như có tâm từ bi, thì quý vị phải làm tấm gương tốt cho người hiện tại, cho người đời sau. Tấm gương tốt như thế nào? Tấm gương có lợi ích đối với họ. Tấm gương có lợi ích chính là tấm gương về khổ hạnh, tức là sống một cuộc đời bình thường như vậy, trong cuộc sống bình thường đó, nếu như có thể hạ thấp mức độ xuống, thấp đến mức độ của người nghèo khổ thông thường trong thế gian này, như vậy là tốt. Đây mới là thực sự đại từ đại bi.

Gần đây chúng ta có một cơ hội, có một số đồng tu phát tâm giúp chúng ta xây dựng đạo tràng. Tôi nói với họ, đạo tràng của chúng ta làm một nhà tranh nhỏ, không nên xây dựng điện đường hòa nhoáng. Cuộc sống của chúng ta càng đơn giản, càng chất phác, tâm càng tự tại. Đạo tràng xây dựng nguy nga tráng lệ, dễ dàng khởi tâm tham, không muốn đến thế giới Cực Lạc, tôi ở chỗ này rất tốt, giống như hoàng cung vậy, Phật A Di Đà

đến tiếp dẫn quý vị, quý vị còn không muốn đi, chỗ của con đây có thua gì chỗ của ngài đâu. Há không phải là sai lầm trầm trọng rồi sao? Ngôi nhà tranh nhỏ đơn giản thì xả bỏ dễ dàng, không có tâm lưu luyến, cuộc sống sống thanh đạm một chút, đơn giản một chút, đối với thế gian này tâm tham ái sẽ càng ít đi, ý nguyện cầu sanh Tịnh Độ sẽ mạnh mẽ thêm. Không chỉ vì bản thân mà cũng vì chúng sanh mà lo nghĩ. Tại gia, xuất gia biết bao nhiêu người tu hành, nhìn thấy chúng ta như vậy, nhìn thấy hành vi của chúng ta, nhìn những người tu hành chúng ta, như xem dáng vẻ của Tổ sư vậy, nhìn dáng vẻ của Phật, Bồ Tát vậy. Nhất định phải hiểu được đạo lý này. Chư Phật Bồ Tát, Tổ sư đại đức năm xưa tại thế, trong suốt cuộc đời cũng là giữ được tùy duyên mà không phan duyên. Chúng ta ngày nay cũng phải tuân thủ, tùy duyên, duyên thù thắng có lúc cũng gây ra phiền phức, cũng trở thành chướng ngại. Cho nên nhất định phải hiểu được phước báo lớn quá, nhiều quá, để cho tất cả chúng sanh hưởng, để cho đại chúng hưởng, bản thân nhất định không được hưởng phước. Hưởng phước không mê là chư Phật Bồ Tát tái lai, đó chắc chắn không phải là phàm phu. Nhưng chư Phật Bồ Tát ngày nay cũng sẽ thị hiện khổ hạnh, sẽ không thị hiện đi hưởng phước. Đây mới là thị hiện đại từ đại bi.

Dưới đây nói Phương đẳng, danh hiệu. Phương đẳng là giảng về danh tự của kinh. Phổ Hiền là giảng về danh tự của người, không có thứ gì không phải là biểu pháp. Điều có thể mượn nó để làm quán hạnh. Chúng ta bình thường niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát, trong đó có quán hạnh hay không? Nếu như không có quán hạnh, niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát là niệm Phật trong “danh tự tức”. Nếu như chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này, niệm niệm tương ứng với vô lượng giác, đây chính là quán hạnh niệm Phật. Giác mà không mê, danh hiệu A Di Đà Phật nếu từ ý nghĩa của nó mà nói, chính là Vô lượng giác. A dịch là vô, Di Đà dịch là lượng, Phật là ý nghĩa của giác, vô lượng giác, niệm danh hiệu này. Sau khi niệm rồi, trong một ngày, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, đều phải giác mà không mê, là chân thật niệm Phật. Một câu danh hiệu Phật này quý vị được ích lợi rồi. Nếu như tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, thuận cảnh khởi tâm tham, nghịch cảnh khởi tâm sân nhuế, vậy thì danh hiệu Phật đó có ích lợi gì chứ? Há chẳng phải là “hết rách cổ họng chỉ hoài công” sao? Ích lợi hay không ích lợi do nơi cuộc sống của quý vị, đối với người, đối với sự, đối với vật có thể nhắc nổi giác quán của quý vị hay không. Niệm danh hiệu Phật Thích Ca Mâu Ni, phải niệm cho ra tâm từ bi của bản thân quý vị. Thích Ca là nhân từ. Chúng ta đối với người, đối với vật phải nhân từ. Mâu ni là thanh tịnh tịch mặc. Đối với tâm địa bản thân phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng là đối với bản thân, mọi lúc mọi nơi lúc căn trần tương tiếp, có thể nhắc lên tâm nhân từ của bản thân, tâm thanh

tỉnh của bản thân hay không? Quả nhiên có thể nhắc lên được, thì quý vị thực sự niệm Phật Thích Ca Mâu Ni rồi. Cho nên danh hiệu của chư Phật Bồ Tát, làm sao không phải là phương pháp quán hạnh, nhân duyên tác quán của chúng ta chứ?

Đoạn dưới đây nói.

“*Tường giải vân, tam chủng quán pháp, nghĩa uẩn kinh sớ*”. Trong chú giải Kinh Pháp Hoa của Đại sư Thiên Thai giảng rất nhiều, giảng rất rõ ràng. Ý nghĩa ở đây là uẩn tàng trong kinh sớ, tức là Pháp Hoa Kinh Văn Sớ, do đại sư Trí Giả tạo. Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm, là đại sư Trí Giả giảng huyền nghĩa của Kinh Pháp Hoa. Chư vị thường thường nghe đến là “cửu tuần đàm diệu”, kinh đề này chính là ngữ trùng huyền nghĩa của Kinh Pháp Hoa. Đại sư Trí Giả đương thời giảng trong 90 ngày. Phân lượng kinh đề huyền nghĩa của ngài, và phân lượng của Pháp Hoa Kinh Văn Cú gần như tương đồng. Đây là một trong ba bộ lớn của Pháp Hoa.

“*Thiên Thai y chư đại thừa kinh, lập tứ chủng tam muội, tu thập thừa quán pháp trực tựu âm tâm*”. Âm tâm chính là thọ, tưởng, hành, thức trong ngũ âm. “Hiển ba ngàn pháp, tức từ hành quán nghĩa”, trong đây lập cho chúng ta “bốn loại tam muội, mười thừa quán pháp”. Đối với cuộc sống hằng ngày của chúng ta tu quán đều có giúp đỡ, đặc biệt là bốn loại tam muội. Chúng ta hiện nay dùng trì danh niệm Phật, trì danh niệm Phật cũng dùng bốn phương pháp này để niệm. Bốn loại phương pháp quý vị tùy ý chọn một loại là được. Thực sự mà nói thuận tiện nhất là loại cuối cùng trong bốn loại, loại đó chính là phương pháp mà pháp sư Đệ Nhàn truyền cho người thợ hàn, niệm mệt rồi nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe rồi niệm tiếp, không có chút áp lực nào, rất nhẹ nhàng. Trong đây tuy không có áp lực nhưng phải có nghị lực. Đó chính là quý vị phải chăm chỉ, nhất định không được giải đãi. Nếu như giải đãi thì công phu của quý vị bị mất đi, quý vị không thể thành công. Bản thân nhất định phải chăm chỉ. Người thợ hàn sẽ dĩ có thể thành tựu, chính là ông không giải đãi. Ông rất chăm chỉ để niệm. Cho nên ông niệm ba bốn năm có thể đứng mà vãng sanh. Trong kinh Phật thường nói thiện căn duy nhất của Bồ Tát chính là tinh tấn. Người thợ hàn làm được tinh tấn. Niệm mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong lại nhanh chóng tiếp tục niệm, ngày đêm đều không buông lơi, lúc nào mệt rồi thì lúc đó nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe rồi lúc nào tỉnh giấc lập tức liền niệm Phật. Vậy mới có thể thành công. Đây là một loại trong bốn loại tam muội.

Hôm nay chúng ta giảng đến đây.

**HẾT TẬP 17**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 18****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mời mở kinh bốn ra, Luận quán trang thứ 17, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

“Tuồng giải vân: tam chủng quán pháp, nghĩa uẩn kinh số. Thiên Thai y chư Đại thừa kinh lập tứ chủng tam muội, tu thập thừa quán hạnh, trực tựu âm tâm hiển tam thiên pháp, tức từng hành quán nghĩa”.

Đây là giải thích ba loại quán pháp, loại thứ nhất là từ hành, loại thứ hai là pháp tướng, loại thứ ba là thác sự. Đây là thuyết minh tỉ mỉ cho chúng ta bốn loại tam muội, mười loại quán pháp, chính là từng hành. Trước hết chúng ta xem bốn loại tam muội là gì, mười thừa quán pháp là gì, giới thiệu đơn giản về danh tướng này.

Hôm nay tôi phát cho quý vị một tờ tư liệu tham khảo, tư liệu tham khảo này là từ trong Giáo Thừa Pháp Số mà trích lục ra. Hai đoạn này đều là xuất xứ từ Thiên Thai chỉ quán. Trong kinh giáo Đại thừa thường nói vô lượng tam muội, tại sao lại chỉ có bốn loại? Nói vô lượng tam muội từ trên hình thức mà nói, có thể quy nạp thành bốn loại lớn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là tám vạn bốn ngàn tam muội. Vô lượng pháp môn chính là vô lượng tam muội. Từ trên hình thức mà nói có thể quy nạp bốn loại này. Giáo Thừa Pháp Số dùng biểu giải để liệt ra cho chúng ta, giúp cho chúng ta vừa nhìn đã hiểu rõ.

Bốn loại hình thức này, làm thế nào để chọn lựa. Điều này phải quán cơ. Đặc biệt là phải quán sát bản thân, căn tánh của bản thân, thể lực của bản thân, tình trạng tinh thần của bản thân, môi trường sinh sống của bản thân, quý vị chọn lựa cho thích hợp, thì tu học sẽ dễ dàng, công phu dễ dàng đắc lực, không được miễn cưỡng. Nhìn thấy người khác tu gì mọi người tán thán, quý vị cũng đi mô phỏng, chưa chắc đã có hiệu quả. Đặc biệt là chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp, căn tánh kém xa thời kỳ chánh pháp và tượng pháp. Đây là sự thật, không thể không hiểu rõ, không thể không thừa nhận. Thời kỳ mạt pháp đương nhiên cũng có một số người lợi căn, nhưng cũng chỉ là thiểu số. Chúng ta phải cháng thuộc về hạng người căn tánh lợi, bản thân phải rõ ràng, phải sáng suốt.

Bốn loại tam muội này, loại thứ nhất là “thường hành”, chư vị xem trong bảng chú giải “diệt danh Phật lập”, cũng gọi là Phật lập tam muội,

tức là Ban châu tam muội. Ban châu là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó đoạn trước đã nói rồi.

Đoạn chú giải nhỏ dưới đây.

“Ban châu kinh lấy 90 ngày làm một kỳ, chuyên niệm bí Phật”. Bí Phật là Phật A Di Đà ở thế giới tây phương Cực Lạc. Chúng ta ở trong Kinh Hoa Nghiêm nhìn thấy, Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham học, vị thiện tri thức đầu tiên là tỳ kheo Kiết Tường Vân. Ngày nay chúng ta dùng là bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, dùng bản này. Tỳ kheo Kiết Tường Vân chính là vị tu pháp môn này, nên Thiện Tài Đồng Tử đi thăm viếng, ông ấy không có ở đạo tràng, ông ở ngọn núi khác. Quý vị nghĩ xem đó là đại biểu cho ý nghĩa gì? Không có ở đạo tràng, đạo tràng là ví dụ cho pháp môn thông thường, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là đạo tràng. Núi khác là một pháp môn đặc biệt, Ngài ở một ngọn núi khác, đến nơi đó mới tìm ra ngài. Ngài ở nơi đó đi kinh hành, ở nơi đó niệm Phật, cho nên ngài tu chính là Ban châu tam muội. Thường hành, không ngồi, không nằm, cho nên cũng gọi là Phật lập. Trong kinh Ban châu Đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp này, một kỳ là 90 ngày, tức ba tháng, ba tháng là một kỳ. Quý vị nếu như muốn tu học pháp môn này, phải suy nghĩ đến thể lực, tình trạng tinh thần có thể làm được hay không? 90 ngày không ngủ nghỉ, 90 ngày không được ngồi xuống, không được nằm xuống. Thể lực của con người nói cho cùng cũng có hạn, tu Ban châu tam muội dùng phương pháp gì? Dùng sợi dây mà treo lên, lúc ngủ gật thì treo nơi đó, hai tay đầu treo ở đó. Nói cách khác, là đứng mà ngủ. Có như pháp hay không? Chúng ta chưa nhìn thấy. Trong Kinh Hoa Nghiêm tỳ kheo Kiết Tường Vân dùng phương pháp này, chưa nhìn thấy. Đây chính là một phương pháp miễn cưỡng. Chúng ta phải biết được, phải hiểu được. Phật ở trong kinh luận nhiều lần răn dạy chúng ta, không tu khổ hạnh vô ích. Kiểu khổ hạnh này đối với đạo tâm của chúng ta không có ích lợi gì.

Thực sự mà nói, đạo tâm là gì? Điều này trong kinh đã dẫn chứng là chuyển hóa, chuyển biến. Thực sự là chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Đó là đạo tâm. Quý vị dùng phương pháp này có thể chuyển được hay không? Quả nhiên có thể chuyển được, vậy là tốt. Nếu như dùng phương pháp này cho mới lạ lập dị, làm cho khác người, để được đại chúng tôn kính cúng dường, quý vị khởi tâm động niệm là sai rồi. Vậy là biến thành đối người đối mình, phan duyên không phải là tùy duyên. Cho nên pháp sư Quán Đảnh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh trong Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Số Sao, đoạn cuối nói về 100 loại quả báo của niệm Phật, quả báo thứ nhất chính là đọa địa ngục. Phải xem quý vị dùng là tâm gì? Cho nên phương pháp tu học này phải trẻ tuổi, tinh thần, thể lực đều hơn hẳn người bình thường, có thể dùng phương pháp này. Phương pháp này tu định, tam muội là định. Định có thể khai tuệ, thì mục đích mới đạt được.

Nếu như chỉ có thể đắc định, không thể khai tuệ, nói cho quý vị biết vẫn không thể gọi là tam muội. Tam muội gọi là chánh thọ, bản ý của nó là chánh thọ. Trí tuệ không khai thì thọ đó không phải bình thường rồi. Cho nên định là thủ pháp, không phải là mục đích, giới luật là thủ pháp của thủ pháp, nhân giới đắc định, nhân định khai tuệ, khai tuệ mới là mục đích. Tông môn nói đại triệt đại ngộ, giáo môn nói đại khai viên giải. Đó là mục đích của chúng ta. Lúc đó mới thực sự là tam muội, tam muội chân thật. Cho nên Phật ở trong kinh giảng những nghĩa thú này, chúng ta phải lý giải được, phải thâm giải được, không đến nổi sản sanh ngộ nhận, không đến nổi tu sai pháp môn. Sau khi đắc được tam muội sẽ không bị mất đi nữa. Đó là chân thật. Cũng có người sau khi đạt được cũng bị mất đi. Đó nguyên nhân là gì? Do công phu còn cạn, chưa đủ sâu, chưa khế nhập cảnh giới thì sẽ bị mất đi. Phàm sẽ bị mất đi, phải quy nạp về nhân tố căn bản của nó, cũng không ngoài việc thị dục chưa đoạn tận được. Thị là thị hiếu, sở thích của họ, dục vọng chưa xả bỏ sạch sẽ được. Cho nên 90 ngày một kỳ tu xong rồi, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, đặc biệt là hiện tại, hiện tại thế giới muôn màu này, quý vị tiếp xúc với cảnh giới tướng sáu trần bên ngoài, quý vị còn mảy may ham muốn, ưa thích, còn có một tí ti dục vọng, bị nó mê hoặc lại khởi lên, lập tức bị mê, lập tức liền thoái chuyển rồi.

Xã hội hiện tại là xã hội khai mở, khác với trước đây rồi, trước đây xã hội bảo thủ. Nói cách khác, ô nhiễm nhẹ. Hiện tại ô nhiễm vô cùng nghiêm trọng. Trước đây giai cấp sĩ đại phu, dùng cách nói hiện tại là phân tử tri thức, không có một ai không đọc sách thánh hiền. Cho dù là họ làm không được, họ hiểu được, họ phóng túng, họ phóng dật, trong một tình huống nào đó, họ cũng hiểu được dừng lại. Hiện nay không có nữa. Người hiện tại không đọc sách thánh hiền, hoàn toàn tùy thuận theo phiền não của bản thân. Vậy không nguy quá rồi sao? Thật là làm gì tùy thích, không sợ tam đồ địa ngục. Thực sự mà nói, vì sao mà không sợ? Họ không tin tam đồ địa ngục. Cảnh giới tam đồ địa ngục không có hiện tiền, họ cũng không quan tâm tam đồ địa ngục. Họ dám làm. Đây là đọc sách thánh hiền và không đọc sách thánh hiền, rất khác nhau.

Sách thánh hiền nói về điều gì? Chỉ là sáng lý thôi. Sách Phật là sách thánh hiền. Giảng về những điều gì? Giảng về chân tướng của nhân sinh chúng ta, về môi trường sinh sống của bản thân chúng ta, làm cho quý vị hiểu được chân tướng sự thật. Tư tưởng của quý vị liền thuận chánh, ngôn hạnh của quý vị tương ứng với chân tướng sự thật, Thánh hạnh, Bồ Tát hạnh. Không hiểu được chân tướng sự thật, quý vị nghĩ sai, điều quý vị nói, điều quý vị làm hoàn toàn sai rồi. Tư tưởng hành vi sai lầm liền khởi lên những biến hóa rất lớn, biến hiện ra tam đồ địa ngục, bản thân quý vị đi chịu tội. Tam đồ địa ngục từ đâu mà đến? Là tâm niệm bản thân quý vị biến hiện ra.

Tất cả pháp từ tâm tướng sanh, duy thức sở biến. Không phải từ bên ngoài đến, không phải người khác để cho quý vị chịu, là bản thân quý vị biến hiện ra. Thực sự gọi là tự làm tự chịu. Vốn không có sự việc này, trong tâm thanh tịnh, làm gì có thứ này? Chẳng những không có tam đồ, lục đạo cũng không có, thập pháp giới cũng không có. Đều là bản thân vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Quý vị có thể trách ai chứ? Oán trách người khác, tăng trưởng tội nghiệp của bản thân, làm nặng thêm khổ báo của bản thân. Đây là nói lời chân thật cho quý vị, nói lời chân thật.

Công phu tu hành, phải xem từ đâu? Từ thị dục mà xem. Thị hiếu của quý vị, dục vọng của quý vị, nếu như mỗi năm mỗi nhạt dần, công phu của quý vị tiến bộ rồi. Trí tuệ của quý vị nhất định tăng trưởng. Bởi vì điều này tương đương như hai mặt sáng tối vậy. Đen tối bớt đi rồi thì ánh sáng liền nhiều lên, ánh sáng ít rồi thì đen tối nhiều lên. Nó là cùng một sự việc. Cho nên Phật nói “phiền não tức bồ đề”, tăng giảm hỗ tương nhau. Thị dục của chúng ta nhạt đi một phần, trí tuệ bát nhã của chúng ta liền tăng lên một phần. Thị dục của chúng ta nếu như nhiều thêm một phần, thị hiếu dục vọng, thị dục tăng thêm một phần, trí tuệ của chúng ta liền giảm một phần. Chư Phật Như Lai thị dục đoạn tận hoàn toàn không có nữa, cho nên mới chứng đắc vô thượng bồ đề rốt ráo viên mãn. Danh tự này cũng là giả lập, không được chấp trước danh tự, không được phân biệt danh tự, chấp trước danh tự, phân biệt danh tự vẫn là rơi vào trong thị dục. Quý vị nghĩ xem, vẫn còn chưa sạch sẽ. Cho nên chư Phật Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta, đặc biệt nhắc nhở chúng ta bảo chúng ta không nên chấp trước tướng ngôn thuyết, không nên chấp trước tướng danh tự, không nên chấp trước tướng tâm duyên. Quý vị mới có thể đắc chân thật nghĩa. Chân thật nghĩa không phải nơi người khác, chân thật nghĩa là tự giác. Tuyệt đối không phải nói Như Lai chân thật nghĩa là chân thật nghĩa của Phật Thích Ca Mâu Ni, chân thật nghĩa của Phật Tỳ Lô Giá Na, sai rồi, là tự tánh giác ngộ. Đó là chân thật nghĩa. Họ không nói nguyện giải chân thật nghĩa của chư Phật, là nói nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa. Như Lai là tự tánh. Từ tánh mà nói, không phải là từ tướng mà nói.

Loại tam muội thứ hai chính là phương thức tu hành, “thường tọa”. Thường tọa cũng gọi là “nhất hạnh tam muội”. Trong Thiền tông Trung Quốc dùng là điều này. Văn Thủ Vấn Bát Nhã Kinh, trong đây nói rõ cũng là dùng “90 ngày làm một kỳ, chuyên duyên pháp giới”, dùng phương pháp này để khai ngộ. Tuy là thường ngồi cũng phải có phương pháp điều thân. Nếu như mỗi ngày thời gian ngồi nhiều quá, không có hoạt động, chúng ta biết sinh lý chịu không nổi, sẽ ngồi cho sinh bệnh luôn. Cho nên có một số dụng công không như pháp, ngồi đến cuối cùng mạch máu của đôi chân bế tắc, xảy ra vấn đề, phải chữa mắt chân, chúng tôi đã nhìn thấy rồi. Đó là gì?

Ngồi thiền không như pháp, không hiểu pháp, nhất định miễn cưỡng chống đỡ, đến cuối cùng thân thể trở thành tàn phế. Vì thế đường chủ trong thiền đường, đó là người đã có kinh nghiệm, họ hiểu được, họ có thể quan sát tình hình tu hành của mỗi người, gặp phải những chướng nạn này, họ có phương pháp để giải quyết cho quý vị, để giúp đỡ quý vị. Thiền và mật nếu như không có thiện tri thức thực sự ở bên cạnh quan sát, hướng dẫn quý vị, thì cơ hội xảy ra bệnh rất nhiều rất nhiều. Chúng ta ngày nay nhìn thấy rất nhiều người thân kinh phân liệt, những bệnh nhân nhẹ một chút lúc không phát tác dường như rất bình thường, vừa phát tác lập tức không bình thường nữa. Một người đang đàng hoàng như vậy, tôi ở nước ngoài nhìn thấy rất nhiều đều là sinh viên, du học sinh, có một số lấy được học vị thạc sĩ, lấy được học vị tiến sĩ. Lúc chưa học Phật rất tốt, rất bình thường, học Phật học được nửa năm một năm, nghe nói họ bị thân kinh phân liệt, phải vào bệnh viện tâm thần rồi. Chúng tôi nghe nói vậy, buồn biết bao. Nguyên nhân là gì? Tu học không như pháp. Cho nên tu học phải như lý như pháp, mới có thể được thọ dụng. Không như lý không như pháp, không có thiện tri thức ở bên cạnh hướng dẫn, bản thân tu mù luyện bậy, rất ít người không xảy ra bệnh. Sau khi xảy ra bệnh rồi cũng hết thuốc chữa. Có không ít người xảy ra bệnh đến tìm tôi, gia thân quyến thuộc của họ dẫn đến tìm tôi, tôi không có năng lực đó, không có cách gì cứu họ. Đạo tràng mà họ thân cận, thiện tri thức mà họ thân cận, cũng không thể cứu họ. Thực sự mà nói, những người thầy của họ phải chịu trách nhiệm. Ông làm cho một người lành lặn trở thành một người như vậy, ông làm sao mà xứng đáng với người ta?

Vậy nên trong tất cả pháp môn, pháp môn niệm Phật là pháp môn ôn hòa tốt đẹp nhất, không dễ dàng xảy ra sai lầm. Không có thiện tri thức bên cạnh hướng dẫn cũng được, chỉ cần quý vị trung thực y theo những điều trong Kinh Vãng Sanh đã giảng mà làm, Kinh Vãng Sanh chính là Tịnh Độ tam kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Kinh Phật Thuyết A Di Đà.

Ở Trung Quốc từ xưa đến nay người y theo Kinh A Di Đà tu học nhiều nhất, mười năm trở lại đây, chúng tôi đề xướng Kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao phải đề xướng bộ kinh này mà không đề xướng tiếp bộ Kinh A Di Đà? Có rất nhiều người nghi hoặc, không hiểu được đạo lý này. Ngày xưa đề xướng Kinh A Di Đà chắc chắn có lợi ích, chắc chắn có điều tốt. Vì sao vậy? Dân quốc trở về trước, Dân quốc sơ niên, hoàn cảnh xã hội Trung Quốc, giáo dục còn chưa phổ cập, người tiếp nhận giáo dục không nhiều, phong tục còn tương đối thuần phác, con người rất thật thà, nói rõ với quý vị rằng lão bá tánh thời xưa là lão bá tánh thiện lương nhất, dễ dạy, dạy họ niệm Phật họ sẽ thật thà mà niệm Phật, Kinh Di Đà đủ để dùng rồi. Nhưng hiện nay không được nữa, hiện nay trường học nhiều, cơ hội được giáo dục phổ biến, nói

cách khác, con người không trung thực nữa. Họ ngày ngày suy nghĩ lung tung, bộ Kinh Di Đà này họ xem là câu chuyện thần thoại. Kỳ thật, kinh nghĩa của Kinh Di Đà rất thâm sâu. Quý vị xem Sớ Sao của đại sư Liên Trì, Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, họ vừa xem, xem không hiểu, hình như chú giải còn sâu sắc hơn cả kinh. Họ nếu như không hiểu được một chút đạo lý, họ làm sao có thể tiếp thu chứ? Cho nên Kinh Vô Lượng Thọ khế hợp nhất với căn cơ chúng sanh hiện tại, đặc biệt là trong một xã hội dân chủ phóng khoáng này. Họ hiểu lý, họ phải hiểu được đạo lý. Họ phải biết đây rốt cuộc là chuyện gì, không giảng cho họ rõ ràng, không giảng cho họ thấu đáo, họ không thể tiếp thu. Hơn nữa dịch bản của Kinh Vô Lượng Thọ quá nhiều, mỗi một bản dịch chữ vị tỉ mỉ xem xem, trong đó đều có rất nhiều câu văn rất tối nghĩa, không dễ hiểu, không dễ lý giải, đọc ra cũng không thuận cho lắm. Bởi vì nguyên nhân này, cho nên mới có bản hội tập xuất hiện.

Lần đầu tiên hội tập là đời nhà Tống cư sĩ Vương Long Thư, bản hội tập này lưu thông rất rộng rãi, hơn nữa được thu vào trong Long Tạng. Nếu như bản hội tập này không có giá trị, làm sao có thể thu thập vào trong Đại Tạng Kinh chứ? Đại sư Liên Trì chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao, trong đó trích dẫn kinh văn Kinh Vô Lượng Thọ, gần như một nửa là trích dẫn bản hội tập của Vương Long Thư. Cho thấy bản của ông ấy được chư Tổ sư khẳng định. Trong bản này có vấn đề hay không? Đương nhiên có vấn đề. Nếu như không có vấn đề, hậu nhân hà tất phải hội tập? Không cần thiết phải hội tập mới lại. Hội tập đích thực chưa được viên mãn, cho nên Tiền Thanh có tiết hiệu bản của Bành Tế Thanh. Đây là việc của thời kỳ Càn Long. Có bản hội tập lần thứ hai của Ngụy Mặc Thâm. Đó là việc của thời kỳ Hàm Phong. Bản do Ngụy Mặc Thâm hội tập đích thực tốt hơn bản hội tập của Vương Long Thư, nhưng cũng không thể làm cho người ta mãn ý. Đến thời đại Dân quốc Lão cư sĩ Hạ Liên Cư làm lại một lần hội tập nữa. Chúng ta từ truyện ký nhìn thấy ông ấy dùng thời gian mười năm mới hoàn thành định bản này, bản mà hiện tại chúng ta đọc. Bản này chữ vị tỉ mỉ đối chiếu với năm nguyên bản dịch để xem, so sánh để xem, chúng ta không thể không khâm phục. Đương thời cao tăng đại đức rất tán thán đối với bản này. Dân quốc sơ niên, tại Trung Quốc pháp sư Từ Chu trì giới tinh nghiêm, đã làm cho bản hội tập của Kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập của Hạ lão cư sĩ một khoa phán. Cho nên người đầu tiên làm khoa phán cho kinh này là pháp sư Từ Chu. Chúng tôi làm khoa phán là lấy khoa phán của pháp sư Từ Chu làm cơ sở. Khoa phán của pháp sư Từ Chu, là tôi đến Bắc Kinh thăm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ông ấy tặng cho tôi. Pháp sư Từ Chu có giảng qua bản này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trong lời bạt có ghi lại. Vì thế đây là một bản vô cùng trân quý hiếm có. Bản này nhất định sẽ lưu thông trong thời kỳ mạt pháp chín ngàn năm, quảng độ chúng sanh. Quả nhiên bản này sau khi chúng tôi lưu

thông ra được đón nhận vô cùng, vượt hơn cả mong đợi của chúng tôi. Chúng ta nghĩ xem vì sao lại có hiện tượng như vậy? Chúng sanh thiện căn, phước đức, nhân duyên thành thực. Thứ hai là oai thần của mười phương tất cả chư Phật Bồ Tát gia trì. Chúng ta mới thấy được những hiện tượng này. Bản thân chúng ta chẳng qua cũng chỉ là làm một chút tăng thượng duyên mà thôi, chắc chắn không có năng lực này. Năng lực này đến từ chúng sanh thiện căn, phước đức thành thực, đến từ mười phương ba đời chư Phật Bồ Tát oai thần gia bị. Đây là điều vì sao chúng tôi phải hoằng dương bản hội tập này. Đạo lý chính là đây vậy.

Tông môn thiên tọa, điều thân, kinh hành, họ ngồi một thời gian phải đứng lên vận động, nhất định không phải cứ ngồi hành xác như vậy, như vậy sẽ ngồi cho thân thể bệnh mất. Thân thể là bộ máy, bộ máy này cần phải vận động. Đoạn trước thường hành là vận động, tức là chúng ta nói đi kinh hành. Kinh hành là vận động tốt nhất. Cho nên trong niệm Phật đường chắc chắn phải lấy kinh hành làm chính, thời gian phải chiếm dài nhất.

Niệm Phật đường chúng ta hiện nay có mấy vị pháp sư đang dẫn dắt, sư Ngô Vĩnh nói với tôi họ kinh hành một tiếng đồng hồ, tĩnh tọa 50 phút, tôi nghe xong giật mình, tôi nói với họ thời gian tĩnh tọa dài quá, thời gian tĩnh tọa chắc chắn không thể vượt qua nửa tiếng đồng hồ, lý tưởng nhất là 20 phút, quý vị kinh hành một tiếng đồng hồ, ngồi xuống nghỉ ngơi 20 phút, đủ rồi. Lúc nghỉ ngơi cảm thấy thể lực mình khôi phục rồi, lại kinh hành tiếp. Như vậy mới tốt. Đương nhiên niệm Phật đường người nhiều, mỗi một người tình hình sức khỏe khác nhau, mọi người cùng hành động đích thực có những bất tiện cho một số người.

Tôi năm xưa nghĩ đến vấn đề này, ở nước ngoài pháp sư ít, người dẫn dắt mọi người cùng tu không dễ dàng, cho nên tôi liền nghĩ ra một phương pháp, tôi dùng máy niệm Phật, không cần đến pháp sư đánh pháp khí để lãnh đạo, chúng ta chia niệm Phật đường thành ba khu vực. Khu vực thứ nhất là đường đi kinh hành nhiều Phật. Tượng Phật chúng ta thờ giữa Phật đường, nhiều Phật sẽ tương đối thuận tiện. Trước Phật tượng chỗ này chúng ta trải thảm để lạy Phật, là khu vực lạy Phật. Hai bên đường nhiều Phật dựa vào tường vách, chúng ta trải bồ đoàn, khu vực để tĩnh tọa, hoàn toàn khai mở. Tức là nói quý vị thích nhiều Phật quý vị cứ việc đi kinh hành tại khu vực nhiều Phật, quý vị nhiều Phật mệt rồi, bản thân quý vị muốn nghỉ ngơi, bản thân đến nơi chỗ bồ đoàn để diện bích. Quý vị cảm thấy ngồi lâu rồi, cần phải vận động vận động, quý vị đến trước Phật để lạy Phật. Quy củ trong Phật đường chắc chắn ngăn cấm nói chuyện, nhất định tịnh khẩu. Đi vào niệm Phật đường thì không được vọng tưởng, không được nói chuyện với bất cứ người nào, pháp sư đi vào cũng không chào hỏi, thấy cũng như không thấy, quyết không phá hoại chánh niệm. Phương pháp này sau khi

phổ biến rất được mến mộ. Đi vào niệm Phật đường không có mảy may áp lực nào. Quý vị tùy tiện lúc nào đi vào cũng được, quý vị có việc bất cứ lúc nào cũng có thể rời đi, không cần chào hỏi bất cứ ai. Quý vị đi vào nhẹ mà vào, lúc đi ra cũng nhẹ mà đi ra. Cho nên trong đây không cần đến người xuất gia lãnh chúng. Chúng ta dùng máy niệm Phật là được rồi. Người đi kinh hành, nương theo máy niệm Phật niệm Phật ra tiếng, tĩnh tọa trong tâm niệm Phật hoặc là nghe âm thanh niệm Phật, không niệm ra tiếng. Lúc lạy Phật cũng chuyên tâm nghe danh hiệu Phật, trong tâm có thể mặc niệm, cũng không niệm ra tiếng. Lạy Phật niệm ra tiếng thì tổn khí, tổn hại thân thể. Lúc tĩnh tọa là lúc quý vị nghỉ ngơi, cần khôi phục thể lực, cho nên không niệm ra tiếng là tốt nhất. Niệm Phật ra tiếng chỉ là lúc đi kinh hành, nhiều Phật kinh hành thì cần niệm Phật ra tiếng. Luôn lấy kinh hành nhiều Phật làm chính. Nhưng hiện nay chúng ta người nhiều, nhiều Phật bồ đoàn nhiều như vậy vòng qua vòng lại, tôi ở đó xem thấy rất chóng mặt. Cũng không có cách gì, chỗ nhỏ quá, người nhiều quá. Nhiều Phật tốt nhất là nhiều một vòng tròn, không nên lượn qua uôn lại, đó là lý tưởng nhất. Nhưng hiện tại niệm Phật đường chúng ta không được, người nhiều quá, tương lai chúng ta ở Dương Thố Cảng nơi này niệm Phật đường hình tròn, sau khi xây xong đại khái cũng có thể được, nơi đó tôi nghe nói có thể dung chứa 1500 người, có thể dung nạp 1500 người, nếu như nói là ba bốn trăm người đi niệm Phật, vậy thì lý tưởng nhất, không gian này đủ rồi.

Cho nên môi trường tu học rất quan trọng. Phải hiểu được điều tâm như thế nào, điều thân như thế nào, niệm Phật niệm cho được rất dễ chịu, niệm rất an vui, niệm đến pháp hỷ sung mãn. Vậy mới tương ứng. Nếu như niệm đến phiền não khởi hiện hành, niệm đến toàn thân không dễ chịu, vậy là phương pháp dụng công của quý vị có sai lầm rồi. Quý vị nhất định phải nhanh chóng điều chỉnh nó trở lại. Niệm Phật, tham thiền đều phải chú trọng những điều này. Phương pháp này sau khi tôi đề xướng ra cũng làm theo rồi, sau này tôi thấy đại sư Hành Sách, ngài dạy mọi người phương pháp niệm Phật dụng công và phương pháp của tôi rất tương tự. Tôi nhìn thấy rất hoan hỷ. Phương pháp ngài dùng phân ban, phân thành ba ban, mỗi một ban bốn vị pháp sư lãnh đạo. Lúc đó chưa có máy niệm Phật. Ngài cũng dùng một ban nhiều Phật, hai ban tĩnh tọa. Người nhiều Phật niệm Phật ra tiếng, người tĩnh tọa nghe danh hiệu Phật mặc niệm. Ban này nhiều một cây hương, ban thứ hai liên tiếp tục, ban này đối xứng tĩnh tọa. Dùng phương pháp này để điều hòa. Niệm Phật đường hai mươi bốn tiếng đồng hồ danh hiệu Phật không gián đoạn. Nó là chế định luân ban. Dùng phương pháp này, nhưng lúc đó đạo tràng người nhiều, có pháp sư lãnh đạo. Chúng ta hiện tại muốn tìm 12 pháp sư đến lãnh đạo, tìm không ra, đi đâu mà tìm chú? Hơn nữa ngày đêm không gián đoạn, tương đối dễ dàng.

Ngày nay chúng ta dùng máy niệm Phật, phương pháp này tốt. Đạo tràng của chúng ta cũng 24 tiếng đồng hồ không gián đoạn. Nên tôi tại Úc châu, Úc châu niệm Phật đường không lớn, năm mươi sáu mươi người niệm Phật vô cùng thích hợp. Bên cạnh Phật đường của chúng tôi là nhà nghỉ ngơi. Trong nhà nghỉ ngơi này còn có giường nệm, người thuận tiện phát tâm niệm Phật tại niệm Phật đường, ban đêm niệm Phật niệm mệt rồi, có thể đến bên đó nghỉ ngơi, nghỉ ngơi tại niệm Phật đường mặc áo tràng, quý vị đến nơi đó nằm nghỉ trên giường áo tràng không nên cởi ra. Vì sao vậy? Tạm thời nghỉ ngơi, áo tràng vừa cởi ra, ngủ quên rồi không biết, ngủ đến ngày mai rồi mà cũng chưa biết. Hi vọng ngủ một tiếng đồng hồ hai tiếng đồng hồ, vừa tỉnh trở lại, lập tức trở về với niệm Phật đường. Cho nên có một nhà cho nam chúng nghỉ ngơi, có một nhà cho nữ chúng nghỉ ngơi. Như vậy đối với đồng tu niệm Phật hoàn toàn không có áp lực. Bản thân quý vị tùy thời có thể điều chỉnh. Quý vị thích kinh hành, nhiều Phật niệm Phật, nhiều mệt rồi thì quý vị chỉ tĩnh. Quý vị ngồi nghỉ, thực sự ngồi có lúc buồn ngủ thì phòng kê bên có chỗ nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi tiếp tục nhanh chóng niệm. Phương thức này của tôi thực sự mà nói đều là từ phương pháp của Lão hòa thượng Đệ Nhàn dạy cho người thợ hàn mà có được.

Pháp sư Đệ Nhàn dạy đồ đệ của Ngài, chỉ là một câu A Di Đà Phật, niệm mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi nhanh chóng tiếp tục niệm, không kể ngày đêm. Không có thời gian. Đồ đệ người thợ hàn của ngài thực sự chân thành, y giáo phụng hành, vì thế niệm đến ba bốn năm ông ấy thành công rồi, ông ấy vãng sanh tự tại biết bao, biết trước giờ đi, trước vãng sanh một hai ngày ông ấy đi thăm bạn bè của mình, ông ấy từ khi vào chùa ba bốn năm chưa từng ra khỏi cửa, giống như là nhập thất rồi, đâu cũng không đi, chỉ ở đó thật thà mà niệm, ngày hôm đó ông phá lệ, ra ngoài đến trong thành thăm viếng bà con bạn bè, đó là đi từ biệt. Sau khi trở về ông ấy có một người hộ pháp, một bà già chăm sóc cuộc sống cho ông ấy, nấu cơm cho ông, giặt áo quần, chăm sóc cho ông, ông nói với bà này: ngày mai không cần nấu cơm cho tôi nữa. Bà lão nghe xong cho là gì? Ông ấy hai ngày nay ra ngoài thăm bạn bè, có lẽ ngày mai lại có bạn bè mời ông ấy ăn cơm, nên không cần nấu cơm cho ông nữa. Bà lão này chỉ nấu hai bữa cơm, bữa trưa và bữa tối. Sáng sớm ông tự làm, bữa sáng đơn giản. Đến trưa bà lão này lại đến xem xem sư phụ có ăn cơm hay không? Lúc đến, nhìn thấy sư phụ đứng đó, đã vãng sanh rồi, đứng mà đi. Lão pháp sư Đệ Nhàn rất tán thán ông, không xuất gia uổng phí. Tán thán ông, pháp sư giảng kinh, phương trượng trú trì tông tâm chưa chắc đã bằng ông. Ông ấy xuất gia chưa thọ giới, chưa từng cùng đại chúng cùng lên điện, ông ấy không biết chữ, cũng không biết đọc kinh, cũng chưa từng nghe qua giảng kinh lần nào. Chỉ là một điều trung thực. Sư phụ dạy ông ấy, trung thực niệm một câu A

Di Đà Phật, niệm mệt rồi thì ông nghỉ ngơi chốc lát, ông nghỉ ngơi xong rồi thì niệm tiếp tục, ông ấy liền y giáo phụng hành, đã thành tựu rồi.

Chúng ta nghe nói, cũng muốn theo phương pháp của ông ấy mà làm, được hay không? Chắc chắn bị mê. Vì sao vậy? Chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, ông ấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không còn nữa. Cho nên đây là người ngu, ngu không thể được. Chúng ta và ông ấy khác nhau. Người hạ ngu bé quan có thể thành tựu, người như chúng ta bé quan sẽ phát điên, sẽ bị bệnh thần kinh. Rất nhiều người trẻ tuổi phát tâm đi nhập thất, lúc vẫn còn sống thì leo tường nhảy xuống mà chạy mất, mạng này thì cứu được rồi. Nếu như không chịu nhảy tường bỏ chạy thì quý vị bị bệnh thần kinh phân liệt. Chúng tôi thấy rất nhiều. Cho nên học Phật phải quán cơ. Đặc biệt là phải quán sát bản thân là căn cơ gì. Ông ấy phương pháp này có thể thành tựu, chúng ta không thể nào học ông ấy. Chúng ta không phải là người căn tánh như ông ấy. Điều này nhất định phải hiểu được. Nhưng phương pháp của ông ấy chúng ta có thể dụng vào niệm Phật đường, là một phương pháp tốt. Dùng vào niệm Phật đường, chúng ta dùng mấy niệm Phật, đặc biệt là thiếu người xuất gia hướng dẫn. Cho nên tôi đem phương pháp này giới thiệu cho rất nhiều Tịnh Tông học hội, đều là đạo tràng của cư sĩ tại gia. Hơn nữa phương pháp này phổ biến tương đối có hiệu quả. Rất nhiều đồng học đến nói với tôi: rất đặc lực. Vì thế phương pháp này là từ nơi này mà có được.

Phương thức thứ ba là “bán hành bán tọa”. Trong tiểu chú giải nói: “Pháp Hoa, Phương Đẳng, đẳng sám hạn kỳ bất định, hoặc tam thất, nhất thất đẳng”. Chúng ta đả Phật thất là thuộc về loại này.

Tổ sư Đại đức biên soạn cho chúng ta rất nhiều sám nghi, sám nghi chính là phương pháp tu hành. Trong Vạn Tục Tạng thu thập vào rất nhiều. Đây là thuộc về loại này, bán hành bán tọa. Thí dụ như chư vị từng tham gia tam thời hệ niệm, tam thời hệ niệm Phật sự thuộc về sám nghi, trong đó có ngòi cũng có kinh hành, cũng có kinh hành nhiều Phật. Thời gian tam thời này là một ngày. Phật thất pháp sự là bảy ngày. Hiện nay còn nghe nói có tổ chức Phật nhất, Phật nhị, Phật tam gì đó. Đó chỉ là phương pháp biến thông, cũng tốt. Chỉ cần chịu niệm Phật đều tốt.

Loại cuối cùng là “phi hành phi tọa” cũng gọi là “tùy tự ý”, trong chú giải nói: pháp hành các kinh, không chuyên hành tọa, đều thuộc vào pháp này. Phương pháp mà pháp sư Đệ Nhàn dạy người thợ hàn thuộc về loại này, mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe rồi nhanh chóng niệm tiếp. Lúc niệm đứng mà niệm cũng được, ngồi mà niệm cũng được, đi mà niệm cũng được. Tùy ý. Cho nên điều này đối với người hiện đại chúng ta là thuận tiện nhất. Chúng ta dùng phương thức này giúp đỡ chúng sanh niệm Phật, thành tựu chúng sanh niệm Phật, rất được xã hội đại chúng đón nhận. Tu hành dụng

công không thể đem lại cho mọi người áp lực. Đi vào Phật môn đồng thời cũng chắc chắn không được làm cho người ta có áp lực, không làm cho người khác có áp lực, bản thân sẽ không có áp lực. Cho nên khuyên người học Phật, khuyên người niệm Phật, nhất định không thể hỏi người ta xin một đồng tiền nào. Người khác phát tâm cúng dường thì được, chúng ta nhất định không được có ý muốn người khác cúng dường. Quý vị có ý niệm này thì tâm sai rồi, hoàn toàn không tương ứng. Một sai tất cả sai. Đạo lý này chúng ta phải hiểu. Chúng ta hoằng pháp lợi sanh, đúng là cần đến tài lực, nhưng phải ghi nhớ, có tiền thì làm, không có tiền thì không làm, tiền nhiều thì làm nhiều, tiền ít thì làm ít. Quý vị nói xem như vậy tự tại biết bao. Tiền từ đâu mà đến? Tự nhiên mà đến. Điều này tốt. Tôi chưa từng nghĩ đến phải làm thế nào để mà kiếm ra tiền. Đó là việc khổ.

Tổ sư Đại đức làm gương cho chúng ta, đúng vậy, ở Trung Quốc có không ít tự viện tông lâm trùng hưng như thế nào? Tuyệt đối không phải là người xuất gia ra ngoài hóa duyên để xây dựng, không có đạo lý này. Việc hóa duyên này chư vị xem Đại Tạng Kinh, quý vị lật xem trong bộ kinh nào có hóa duyên? Không có, chưa nhìn thấy, chưa nghe qua. Chư Phật Bồ Tát, trong kinh, chúng ta thấy cũng có hóa duyên, hóa một người, cơ duyên thành thực rồi, hóa một người, không có đi khắp nơi hóa tiểu duyên, không có sự việc này. Trưởng giả giàu sang chỉ hóa một người. Quý vị nghĩ xem Bồ Tát Địa Tạng hóa một mình Mãn công, Cửu Hoa Sơn là sản nghiệp của ông ấy, một mình ông quyên góp là thành tựu rồi, một người là được rồi. Hóa tiểu duyên há không phải là mệt chết sao? Đi tìm nhiều người như vậy phiền phức. Hơn nữa hóa duyên hóa người này căn cơ của họ thành thực rồi, họ sẽ rất hoan hỷ, rất vui lòng, tuyệt đối không gây phiền phức cho họ, cũng sẽ không gây cho họ chút áp lực nào. Họ đích thực có năng lực này, đưa ra rất dễ dàng.

Chúng ta ngày nay muốn làm thôn Di Đà cũng là hóa duyên, hóa một người, cư sĩ Hồng Cung Lan, ông ấy có năng lực này, ông ấy cũng có nguyện tâm này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên có ý muốn làm thôn Di Đà. Cư sĩ Hồng, hai người họ chưa từng gặp mặt, có ý muốn cuối đời làm một việc tốt, quý vị thấy hai người không phải chí đồng đạo hợp rồi sao? Lý Mộc Nguyên nghĩ đến việc muốn tìm ông ấy, ông ấy cũng nghĩ đến việc tìm Lý Mộc Nguyên, sự việc này là vừa khéo như vậy. Cho nên cư sĩ Lý Mộc Nguyên vừa nghe nói cư sĩ Hồng muốn tìm ông ấy, lập tức đi gặp ông ấy, lúc vừa gặp nhau, hai người đã bàn đến việc này. Đúng là chí đồng đạo hợp, đất được hiến tặng rồi, hơn nữa hứa với Lý cư sĩ lúc xây dựng nếu không đủ thì tìm ông ấy. Đây là duyên thành thực, Phật, Bồ Tát an bài rồi. Đây không phải là người an bài. Tin tức truyền đến rồi, có một số người tùy hỷ, đó là tùy hỷ công đức, nhất định không phải là kêu gọi quyên góp, nhất định

không phải phân công người này góp bao nhiêu tiền, người kia góp bao nhiêu tiền, như vậy không phải là hại người ta rồi sao? Ai còn dám vào cửa Phật nữa? Vào cửa Phật đều là cần tiền, vậy không nguy quá sao? Người bỏ tiền ra nhiều thì vị trí xếp hàng trước, được tiếp đón tốt. Người bỏ tiền ra ít xếp vào một bên không ai quan tâm. Cư Sĩ Lâm không có hiện tượng này. Rất nhiều người đối với Cư Sĩ Lâm có công hiến rất lớn, bỏ ra tài lực rất lớn, đến Cư Sĩ Lâm cũng ngồi ở phía góc ăn cơm, không có ai nhận biết. Mọi người chúng ta đều không quen biết, Lý cư sĩ quen biết, nhìn thấy gật gật cười cười, ông ấy ở bên cạnh, không có ai chiêu đãi. Đạo tràng này là đạo tràng bình đẳng, là đạo tràng chánh pháp. Tuyệt đối không vì ông hộ trì có công rồi đặc biệt lễ nghĩa, tiền ông bỏ ra ít thì lạnh nhạt gạt qua một bên, không có, đều bình đẳng như nhau. Lý cư sĩ nói ông bỏ tiền ra, ông làm công đức là việc của ông, không liên quan gì đến tôi. Vì sao tôi phải tiếp đãi ông. Vì sao tôi phải đặc biệt chiếu cố đến ông? Lý niệm chính xác. Cho nên chúng tôi hoan nghênh các đồng tu học Phật khắp nơi trên thế giới đến Singapore quan sát học tập, đến tham quan, xem xem cách làm của chúng tôi ở địa phương này. Bình thường chúng ta giảng kinh chỉ là giảng như vậy, quý vị cũng chưa chắc có thể tin tưởng, quý vị cũng chưa chắc có thể lãnh hội được, tận mắt đến đây xem xem, chúng tôi ở đây không những ngày này giảng kinh, đem những điều đã giảng đều thực tiễn được, đều làm được rồi. Chư vị có thể tỉ mỉ đến xem xem. Hi vọng đem lý niệm này, đem cách làm này, đem về nơi bản thân quý vị cư trú, hi vọng mọi người đều có thể xây dựng một đạo tràng như pháp. Hi vọng đạo tràng quý vị xây dựng hơn hẳn Singapore. Vì sao vậy? Cổ nhân nói rất hay: “người sau hơn kẻ trước”, đây là đạo lý chắc chắn. Quý vị đến nơi đây tham quan, những điều tốt ở đây quý vị đều học được, những điều không tốt ở đây quý vị đều cải tiến. Đạo tràng của quý vị đương nhiên hơn hẳn nơi đây. Đây chính là nguyên nhân vì sao người sau hơn kẻ trước. Chúng ta ở đây kiến lập mức cơ sở, mức độ thấp nhất. Hi vọng mọi người lúc làm đều cao hơn chúng ta ở đây, thì chúng ta làm mới có ý nghĩa, mới có giá trị. Nếu như những đạo tràng khác không bằng chúng ta thì chúng ta thất bại rồi. Hi vọng chúng ta là tiêu chuẩn thấp nhất trong thế kỷ hiện đại này. Chúng ta tu học, đồng tu tại gia là mức độ thấp nhất của người tại gia, xuất gia là mức độ thấp nhất của người xuất gia, đạo tràng là mức thấp nhất của đạo tràng. Chúng ta không có mảy may ý niệm kiêu mạn nào, chân thành từ bi, khiêm tốn cung kính. Đối với tất cả mọi người, mọi việc, mọi vật đều phải duy trì tâm thái này.

Hai câu dưới đây chúng ta phải ghi nhớ, quý vị xem ba loại trước là “thật tướng lý quán”, loại cuối cùng này là “duy thức sự quán”, đây là kiểu phán pháp của cổ đức, không thể nói là không có lý, nhưng chúng ta nhất định không được chấp trước cách phán pháp của họ cung cấp cho chúng ta

tham khảo. Rốt cuộc là thuộc về lý quán hay thuộc về sự quán. Sự thật không có nhất định, hoàn toàn do nơi con người. Con người nếu như không nhập lý, tu Ban châu tam muội, tu nhất hạnh tam muội cũng là sự quán, cũng không phải là lý quán. Thậm chí “quán” đó cũng không đạt đến được, chỉ có sự, không có quán. Đây là sự thật. Chúng tôi cũng từng gặp không ít rồi. Sự tướng là chiếu theo sự, chưa nhập quán được. Nhập quán công phu của họ đã đặc lực rồi, thật có công phu. Đó chính là nói quan niệm của họ thay đổi, tư tưởng thay đổi rồi. Vậy mới nhập quán. Một là từ trong duy thức sự lý mà nhập quán.

Quán, công phu có ba tầng, cạn nhất là “quán chiếu”, sâu hơn một tầng nữa là “chiếu trú”, cao nhất là “chiếu kiến”. Đây là ba thứ lớp của quán chiếu. Cùng với trong niệm Phật chúng ta nói đến công phu thành phiền, sự nhất tâm bất loạn, lý nhất tâm bất loạn. Danh xưng chúng ta dùng không giống nhau, cảnh giới sự thật là tương đồng. Quán chiếu chính là Tịnh Tông chúng ta nói công phu thành phiền. Chiếu trú là chúng ta nói sự nhất tâm bất loạn. Chiếu kiến chính là lý nhất tâm bất loạn. Bất luận từ lý hay từ sự, đều có thể thành tựu công phu này. Cho nên trong pháp môn niệm Phật của chúng ta có lý niệm, có sự niệm.

Quý vị xem đại sư Liên Trì, đại sư Ngẫu Ích trong chú giải Kinh Di Đà giảng rất tường tận. Hoàn toàn không phải nói lý niệm mới có thể đặc lý nhất tâm, sự niệm đặc sự nhất tâm, không phải vậy. Trong lý niệm có công phu thành phiền, có sự nhất tâm bất loạn, có lý nhất tâm bất loạn. Trong sự niệm cũng như vậy, cũng có công phu thành phiền, sự nhất tâm bất loạn, lý nhất tâm bất loạn. Lý sự là hai con đường, hai phương thức, hai phương thức đều giống nhau, đều có thể khế nhập lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là chiếu kiến. Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, đó là thành tựu cao nhất trong quán. Cho nên bất luận là lý, hay là sự, nếu như không nhập quán thì không thể nói đến công phu. Lời này nếu tôi nói rõ hơn chút nữa, thẳng hơn chút nữa, bất luận là sự, hay là lý, quý vị ở trong đây tu học, nếu như không thể chuyển biến trở lại quán niệm của quý vị, thì quý vị không đạt được lợi ích chân thật. Nhất định phải chuyển biến quán niệm của bản thân. Chuyển biến quán niệm gì vậy? Nói thẳng thắn hơn tí nữa, nói rõ ràng hơn tí nữa là chuyển biến quan niệm tự tư tự lợi, đem tự tư tự lợi chuyển biến thành lợi ích tất cả chúng sanh. Vậy là sự tu hành này quý vị đã đạt đến điều tốt rồi. Quý vị thực sự đang tu, tu là tu sửa. Tự tư tự lợi là quan niệm sai lầm, lợi ích chúng sanh là quan niệm chính xác. Đem quan niệm sai lầm tu sửa thành quan niệm chính xác, đây gọi là tu quán. Đây là một tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh của việc tu học Phật Pháp. Vì thế bất luận là từ lý, hay là từ sự, lý sự là mỗi cá nhân gặp duyên khác nhau, trong lý có sự, trong sự có lý, hoàn toàn không phải nói trong duy

thức sự quán thì không có lý. Trong duy thức sự quán là nói thật tướng lý. Trong thật tướng lý cũng nói duy thức sự. Vì thế Tổ sư tuy có mấy cách nói này, vừa rồi tôi đã nói với mọi người, có thể cung cấp cho chúng ta làm tham khảo, nhất định không được cố chấp. Nếu như cố chấp là sai lầm rồi. Vậy chính là nói “chết trong câu cú”. Đây là nói về bốn loại tam muội, chỉ đơn giản giới thiệu cho quý vị đến chỗ này thôi. Nói rõ phương pháp tu hành tuy rất nhiều, trên hình thức cũng không ra ngoài bốn loại này.

Dưới đây “thập thừa quán pháp”, đây là chỉ quán của Thiên Thai, là khóa trình quan trọng nhất, cũng là tông cương lĩnh, tông nguyên tắc tu hành. Thập thừa đương nhiên chính là mười loại. Trong biểu giải này liệt kê ra rất rõ ràng, nó phân thành thượng, trung, hạ căn. Tuy là phân thành thượng trung hạ, chúng ta ở trong Kinh Hoa Nghiêm nhìn thấy, Hoa Nghiêm hiển thị cho chúng ta, nói là viên dung không trở ngại hành bố thí, hành bố thí không trở ngại viên dung, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, cho nên Bồ Tát sơ phát tâm, có thể tu học khóa trình của Đẳng giác Bồ Tát, tu học Đẳng giác Bồ Tát cũng nhất định không xả bỏ thời khóa của Bồ Tát sơ phát tâm. Điều này so với trong trường học thông thường của chúng ta hiện nay, phương thức tu học hoàn toàn không tương đồng. Chúng ta ở trường học cầu học, lên đến lớp hai nhất định đem khóa trình của lớp một đều bỏ sạch hết, làm gì có chuyện vẫn còn đọc sách vở của lớp một? Phật Pháp không như vậy, Phật Pháp đến Đẳng giác Bồ Tát khóa trình sơ phát tâm vẫn đọc, vẫn học, chưa vứt bỏ. Làm sao biết được? Quý vị nghĩ xem ngũ giới thập thiện là khóa trình của sơ phát tâm, Đẳng giác Bồ Tát vẫn phải giữ gìn như vậy. Không phải nói đến Đẳng giác thì ngũ giới có thể không cần giữ nữa, thập thiện có thể không cần nữa, vẫn phải kiên trì, vẫn phải tuân thủ. Sau đó quý vị mới nhìn thấy Phật Pháp dạy học viên dung. Điều này đặc biệt trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng.

Hơn nữa ở Trung Quốc dạy học của Nho gia thực sự mà nói cũng không ngoại lệ. Nho gia dạy học, trẻ con 7 tuổi đi học, chúng ta từ trong Lễ Ký có thể nhìn thấy, trẻ con có người rất thông minh, rất lanh lợi, cũng có người 6 tuổi đi học, còn có 5 tuổi đi học, số đó ít. Đa số là 7 tuổi đi học. Thầy giáo dạy gì? Dạy quét nhà ứng đối, dọn dẹp ứng đối họ suốt đời đều không vứt bỏ. Vì sao vậy? Phụng sự cha mẹ. Hiếu tử chăm sóc cha mẹ, không thể để cho người giúp việc trong nhà dọn dẹp, bản thân tương lai công danh thành tựu, địa vị cao rồi, đại giàu có rồi, trong nhà người giúp việc rất nhiều, nhưng chăm sóc cha mẹ nhất định là bản thân làm. Quét nhà có thể để người trong nhà quét, lúc cha mẹ dùng cơm thì người chăm sóc luôn là việc của người làm con cái phải làm. Nếu như con cái không ở đó chăm sóc cha mẹ là bất hiếu rồi. Từ đó có thể biết, làm đến tể tướng, nếu như cha mẹ họ còn, vẫn phải là tự bản thân chăm sóc cha mẹ, phải đích thân chăm sóc. Lúc nhỏ

học được suốt đời đều không xả bỏ được, lên tiểu học, trẻ con học Tứ Thư, Ngũ Kinh. Những thứ đó tương đương với khóa trình của lớp tiến sĩ, vậy là chẳng khác gì trong Kinh Hoa Nghiêm giảng cả. Sơ phát tâm đã học khóa trình cao nhất, đến địa vị cao nhất cũng không xả bỏ những thứ ban đầu thầy giáo đã dạy cho quý vị, không bỏ qua, không có vứt bỏ.

Cho nên Phật Pháp đến Trung Quốc có thể được từ triều đình đến nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh, không phải là không có lý. Tư duy, cách làm của Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc và những điều trong Phật Pháp Đại thừa giảng rất gần gũi. Vì vậy kinh giáo vừa truyền đến Trung Quốc có thể ở Trung Quốc bén rễ tốt tươi, phát huy rộng lớn, có nguyên nhân, có đạo lý. Phật Pháp năm xưa truyền bá không chỉ tại Trung Quốc, bốn phương tám hướng, nhưng ở những khu vực khác đều suy tàn rồi, chỉ có ở Trung Quốc phát triển lớn mạnh. Đây là do cùng với văn hóa cổ xưa của Trung Quốc có mối liên hệ mật thiết.

**HẾT TẬP 18**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 19****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mời mở kinh bốn ra, Kinh Địa Tạng luận quán trang thứ 17, hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

“Thiên Thai y chú Đại thừa kinh, lập tứ chủng tam muội tu thập thừa quán pháp, trực tợ âm tâm, hiển tam thiên pháp, tức từng hành quán nghĩa”. Bốn loại tam muội này, giới thiệu qua với chú vị rồi. Ở đây nhắc đến “thập thừa quán pháp”, cũng phải giới thiệu đơn giản về danh từ này, chúng tôi đem đoạn này trong Giáo Thừa Pháp Số photo ra phát cho chú đồng học, đây là chỉ quán của Thiên Thai, cũng là cương lĩnh tu hành của tông Thiên Thai, nó phân thành mười điều. Mười điều này đối với người tu hành đều có sự giúp đỡ rất lớn, dù người niệm Phật cũng không ngoại lệ. Trong mười điều có thể phân thành ba đoạn, nhắm tới ba bậc căn cơ thượng trung hạ.

Thứ nhất là “quán bất tư nghi cảnh”. Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy được. Trong bộ kinh Địa Tạng này, đoạn trước chúng ta đọc qua Ngũ trùng huyền nghĩa. Ngũ trùng huyền nghĩa Đại sư Thanh Liên đều thêm cho nó câu bất tư nghi, nói rõ bộ kinh này và Hoa Nghiêm, Pháp Hoa không có gì khác. Cho nên trong đoạn lớn này, đây là đoạn lớn thứ hai “tổng thị quán pháp”. Đoạn này thực sự mà nói chắc chắn không thể thiếu được. Nếu như thiếu mất đoạn này, trong Ngũ trùng huyền nghĩa đoạn trước thêm bất tư nghi, chắc chắn sẽ gây cho người khác sự hoài nghi. Kinh này từ xưa đến nay đều liệt vào trong bộ Phương đẳng. Bộ Phương Đẳng là Đại thừa nhập môn, làm sao có thể sánh ngang hàng với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa được? Trong quán pháp, tức là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh tu hành đã là cùng Pháp Hoa và Hoa Nghiêm không khác gì nhau, đương nhiên đây là thuộc về cảnh giới bất tư nghi rồi. Đối với Ngũ trùng huyền nghĩa đoạn trước ông đã nói chúng ta mới có thể tin tưởng, mới không đến nỗi nghi hoặc.

Trong chỉ quán điều thứ nhất là đối với thượng căn lợi trí. Nói cách khác, người trung hạ căn tánh không làm được. Dưới đây có một đoạn giải thích đơn giản.

“Nhất niệm cụ túc tam thiên tánh tướng, bách giới thiên như, thử cảnh tức không tức giả tức trung”. Gọi là quán, tức người hiện đại nói là: cách

nhìn, cách nghĩ. Cách nhìn đối với toàn thể vũ trụ nhân sanh. Trong triết học gọi nó là nhân sinh quan, vũ trụ quan. Cách nhìn của quý vị có chính xác hay không? Có phải là chân tướng sự thật hay không? Nếu như quý vị nhìn thấy đích thực là chân tướng sự thật, thì quan niệm của quý vị là chính xác. Nhà Phật nói là “chánh tri chánh kiến”. Nếu như cách nhìn, cách nghĩ của quý vị trái ngược với chân tướng sự thật, trong Phật pháp gọi là “tà tri tà kiến”. Tà tri tà kiến là quý vị nhìn sai, quý vị nghĩ sai rồi. Sự thật là gì? Sự thật là nhất niệm tự tánh. Nhất niệm ở đây chư vị phải hiểu được nhất niệm chính là tự tánh, nhất niệm chính là chân tâm, nhất niệm chính là chân như. Niệm thứ hai là mê rồi. Niệm thứ hai liền biến thành A lại da thức. Chư vị phải hiểu được, niệm thứ nhất là chân tâm, niệm thứ hai là vọng tâm. Sai biệt giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu chính là chỗ này. Chư Phật Bồ Tát vĩnh viễn duy trì nhất niệm. Phàm phu một niệm vừa khởi lên, lập tức liền rơi vào niệm thứ hai. Nên nói là “ba tâm hai ý”, liền rơi vào ba tâm hai ý rồi. Ba tâm là gì? A lại da, mặt na, ý thức. Đây gọi là ba tâm. Hai ý chính là chỉ cho mặt na và ý thức. Mặt na là ý căn, thứ sáu là ý thức, rơi vào rất nhanh. Tất cả chúng sanh lúc sáu căn tiếp xúc sáu trần đều là một niệm, không khác gì với Chư Phật Như Lai, cho nên Phật thành Phật vì sao nói: đại địa chúng sanh đồng thành Phật đạo. Chính là đạo lý này vậy.

Có người nào, chúng ta lấy người làm ví dụ, sáu căn tiếp xúc sáu trần niệm thứ nhất không phải là chân tâm. Niệm thứ nhất và chánh kiến, chánh tri của Chư Phật Như Lai, không có mấy may sai biệt. Đáng tiếc là niệm thứ nhất vừa khởi lên, lập tức liền trở thành niệm thứ hai, sai chính là sai nơi đây vậy. Tốc độ này nhanh quá, gần như cùng với niệm thứ nhất đồng thời khởi lên, rơi vào niệm thứ hai rồi. Niệm thứ hai là gì? Phân biệt chấp trước vọng tưởng. Trong niệm thứ nhất không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước. Có thể duy trì được niệm thứ nhất người này chính là Phật, chính là pháp thân đại sĩ. Giữ không được lập tức đọa lạc vào trong niệm thứ hai, đọa lạc vào trong ba tâm hai ý. Người này liền gọi là phàm phu. Sai biệt giữa phàm và thánh là đây vậy. Một niệm trú nhất chân pháp giới, ba tâm hai ý trú thập pháp giới. Chân tướng sự thật này chúng ta phải hiểu được.

“Nhất niệm cụ túc tam thiên tánh tướng”. Tam thiên tánh tướng là nói như thế nào? Đây là trong Kinh Pháp Hoa nói thập pháp giới, nói thập như thị. Điều này ở đây không cần phải nói nhiều nữa.

Thập pháp giới, mỗi một giới đều đầy đủ mười như thị, hơn nữa trong mỗi một pháp giới lại có mười pháp giới, mỗi một pháp giới có mười như thị, cho nên gọi là “bách giới thiên như”. Về thời gian mà nói, quá khứ, hiện tại, vị lai. Nói thiên như, quá khứ 1000, hiện tại 1000, vị lai 1000 là “ba ngàn tánh tướng, trăm giới ngàn như”. Hai câu nói này đại biểu cho

điều gì? Đại biểu tận hư không biến pháp giới tất cả vạn sự vạn vật. Dem những đạo lý, hiện tượng, tác dụng này toàn bộ đều bao gồm vào trong đó, một thứ cũng không bỏ sót. Đây là tánh tướng. Hư không pháp giới tất cả chúng sanh cũng là ý nghĩa của hai câu này. Nói hư không pháp giới tất cả chúng sanh thì mọi người dễ hiểu. Cảnh giới này là “tức không, tức giả, tức trung”.

Về thể mà nói là không. Trong Kinh Kim Cang nói cho chúng ta rất hay: “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”, mọi người biết ba tâm bất khả đắc. Đây là nói năng hiện bất khả đắc, sở hiện là hiện tượng, tướng là giả, “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, hư vọng là giả. Đoạn cuối Kinh Kim Cang trong kệ tụng nói với chúng ta: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, đó chính là giả. Tướng là giả, tánh là không, tướng là giả. Quý vị phải nhận thức cho rõ ràng, hiểu được tánh là không, tánh bất khả đắc. Hiểu được tướng là giả, tướng bất khả đắc. Tâm của quý vị đã định lại rồi, vọng tướng, phân biệt, chấp trước sẽ không còn sanh khởi nữa. Vì sao có vọng tướng, phân biệt, chấp trước? Không hiểu được chân tướng sự thật. Cho rằng ta thực sự có thể đạt được, cho rằng tướng này thực sự là bị ta đạt được. Đây là cách nhìn, cách nghĩ vô cùng sai lầm. Quý vị có thể đạt được gì?

Trung quán là gì vậy? Trung quán là nói về tác dụng. Tuy tướng là giả, nhưng hoàn toàn không phải không có tướng. Có tướng liền có tác dụng. Người thực sự rõ ràng, người thực sự giác ngộ, họ dùng trung. Trung này chính là nhà Phật nói trung đạo. Trung đạo mới là đệ nhất nghĩa. Nho gia cũng hiểu được rồi. Phật Pháp chưa truyền đến Trung Quốc, thời đó Trung Quốc cổ thánh tiên hiền cũng biết được dùng trung. Trung là gì? Nói với quý vị rằng bình đẳng là trung, hơi có một chút thiên lệch, có phân biệt nhẹ nặng là không trung rồi. Giống như một cái cân tiêu ly vậy, hơi có một chút lệch là không trung nữa.

“Phi không phi hữu, tức không tức hữu”, đó chính là trung đạo, mảy may thiên lệch cũng không có. Chư vị có thể lãnh hội được hay không? Chân thành là trung đạo. Thanh tịnh bình đẳng giác là trung đạo. Chư vị nghĩ nghĩ xem, cổ nhân nói là “bất thành vô vật”, không chân thành thì có thiên lệch. Không thanh tịnh nhất định có thiên lệch, không bình đẳng nhất định có thiên lệch. Thiên lệch thì không phải là trung đạo.

Dùng trung như thế nào? Chúng ta có thể duy trì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi chính là dùng trung. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nói với chư vị rằng chính là nhất niệm. Nhất niệm là dùng trung. Cho nên năm câu mười chữ này là cùng một sự việc. Quý vị nếu như đem năm thứ này phân ra, thì quý vị không dùng trung nữa. Quý vị sẽ không còn nhất niệm nữa. Ở đây nói tận hư không biến pháp giới

là nhất niệm. Tận hư không biến pháp giới là dùng trung. Vì sao quý vị phải dùng trung? Đạo lý ở chỗ thể là không, tướng là giả, chính là một đạo lý như vậy.

Ngày nay chúng sanh bao gồm cả bản thân chúng ta nữa, vì sao lại suy nghĩ lung tung? Vì sao lại có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước kiên cố như vậy? Vọng tưởng, phân biệt không thể buông bỏ, còn cứ tiếp tục kiên cố như vậy, trong Phật Pháp bất luận là tu đại công đức như thế nào, trên thực tế đều chỉ là những phước báo hữu lậu trong lục đạo. Như thế nào mới gọi là công đức? Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì tất cả phước quý vị tu được đều biến thành công đức. Chỉ cần có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, công đức sẽ không có phần. Đây là nói lời chân thật với quý vị. Thông thường mọi người đều là tu phước, làm gì có công? Lúc nào phân biệt, chấp trước ít đi, tâm địa thanh tịnh rồi, đó gọi là công đức. Nếu như vẫn là tạp niệm tràn đầy, vọng tưởng chưa đoạn, quý vị nghĩ xem công của quý vị ở đâu?

Chúng ta nói một ví dụ dễ hiểu nhất, trì giới có công, thiền định là đức. Tu định có công, khai huệ là đức. Quý vị trì giới không thể đắc định, quý vị tu định không thể khai huệ, đó đều không phải là công đức. Không phải là công đức thì trở thành gì rồi? Trở thành phước đức. Trì giới được phước báo nhân thiên, tu định được quả báo sắc giới, vô sắc giới, đều trở thành phước đức biên sự, không phải là công đức. Công đức có thể liễu sanh tử, có thể xuất tam giới. Phước đức thì không được. Nên Lục Tổ trong Đàn Kinh nói “thử sự phước bất năng cứu”. “Thử sự” là chỉ cho điều gì? Sanh tử đại sự. Tu phước không thể cứu được. Hà huống chúng ta ngày nay tu được là gì? Chúng ta ngày nay tu ngay cả phước đức cũng không tu. Quả là ngày ngày đang tạo tội nghiệp. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nghiêm trọng như vậy, cho nên ngay cả phước cũng không có. Chúng ta phải nhận thức cho rõ ràng, phải hiểu được chân tướng sự thật. Chúng ta từ sáng đến tối làm là những gì? Chúng ta tương lai tiền đồ quả báo ở đâu? Bản thân bình tĩnh mà tư duy sẽ rõ ràng thấu đáo, minh bạch sáng suốt, còn cần có người nói với quý vị sao? Còn phải thỉnh giáo người khác sao? Người thực sự giác ngộ thì trung thực rồi. Như thế nào là trung thực? Đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian, xử sự, đối người, tiếp vật không phân biệt nữa, không chấp trước nữa, không nghĩ đến nữa, cũng không nói nữa. Tâm của họ định rồi. Đây là công đức. Người tâm định rồi, liền có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trong hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, thành tựu tâm thanh tịnh của bản thân, thành tựu bản thân không ô nhiễm nữa, hằng thuận chúng sanh. Trong đây không có phân biệt, không có chấp trước, gọi là hằng thuận. Không có phân biệt, không có chấp trước là trong nội tâm mà nói. Về sự vẫn là có phân biệt, vẫn có chấp trước. Phải biết

được lúc này phân biệt tức là vô phân biệt, chấp trước tức là vô chấp trước. Bởi vì phân biệt chấp trước là hằng thuận chúng sanh, không phải là bản thân. Bản thân đích thực không có phân biệt, không có chấp trước, là hằng thuận chúng sanh. Đây chính là Vĩnh Gia đại sư nói “phân biệt diệc phi ý”, họ không còn rơi vào ý thức nữa. Nói cách khác, sự phân biệt, chấp trước của họ là nhất niệm. Chúng ta phân biệt chấp trước là niệm thứ hai, niệm thứ ba, là từ trong ba tâm hai ý mà khởi phân biệt chấp trước. Vậy là phiền phức rồi. Người ta là trong một niệm phân biệt chấp trước, đó là tùy thuận chúng sanh. Người này là Phật, người này là Bồ Tát.

Những đạo lý này trong một số kinh Đại thừa, chúng tôi gần đây giảng đến, cùng nhau học tập Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Vô Lượng Thọ, và Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, đều giảng đến rất nhiều. Hoa Nghiêm về sau, những đạo lý chân tướng sự thật này còn phải lặp lại vô số lần, nó rất sâu, nói rất rộng. Phật, Bồ Tát toàn là hi vọng chúng ta có thể hồi tâm, có thể giác ngộ, có thể trong đời này kế nhập cảnh giới này. Cảnh giới này đại sư Thanh Lương nói là cảnh giới vô chướng ngại, tức là cảnh giới bất tư nghì, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

Từ đó có thể biết, tất cả những chướng ngại từ đâu mà ra? Từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh ra. Xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sự sự vô ngại. Vô ngại chính là đại tự tại. Mọi người đều đã đọc qua Tâm Kinh rất thuộc rồi. Câu đầu tiên trong Bát Nhã Tâm Kinh: “quán tự tại Bồ Tát”, vì sao Ngài đắc đại tự tại? Chính là Ngài có thể “quán bất tư nghì cảnh”, Ngài có thể vĩnh viễn duy trì nhất niệm, cho nên Ngài đắc đại tự tại. Đại tự tại là thọ dụng trên Như Lai quả địa. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói “hưởng thụ cao nhất của đời người”, hưởng thụ cao nhất chính là đắc đại tự tại, Phật quả của Viên giáo. Hàng thượng căn vừa nghe đã triệt ngộ, họ liền nhập vào cảnh giới này. Nói cách khác, cách nhìn của họ về nhân sinh vũ trụ lập tức liền chuyển trở lại rồi. Vừa chuyển được thì cùng Chư Phật Như Lai và pháp thân đại sĩ không hai không khác. Đây gọi là đại pháp viên đốn.

Chúng ta có thể chuyển được hay không? Hoàn toàn nơi bản thân. Bản thân chúng ta biết chúng ta không phải là hàng thượng căn, chúng ta là hàng trung, hạ căn. Nhưng căn tánh thượng căn là điều có thể bồi dưỡng được. Phương pháp bồi dưỡng chính là không ngừng huân tu đại kinh nhất thừa liễu nghĩa. Huân là huân tập trên lý luận. Sửa đổi quan niệm sai lầm của chúng ta. Tu là tương ưng trên hành trì. Theo một số phương pháp cảnh giới mà Đức Phật giảng trong kinh, nỗ lực mà làm, hi vọng làm cho được nó, không thể chỉ làm đến một trăm phần trăm, làm được một phần trăm, hai phần trăm cũng tốt. Nói chung, nhất định phải phát tâm để làm, ngày ngày đều làm, năm năm đều làm, kiên nhẫn miệt mài. Như vậy thâm thoát

rồi cảnh giới liền được chuyển, liền nâng cao bản thân. Không từ trên quan niệm mà chuyển đổi, mà chuyển đổi từ trên hành trì, vậy thì khó rồi. Đó chính là nói “chỉ nhìn mà chẳng bao giờ có được”. Điều then chốt này, chính là đang khắc phục tập khí phiền não của bản thân. Có thể khắc phục hay không?

Phàm phu nhiều kiếp luân hồi, tu hành không thể chứng quả. Nguyên nhân là gì? Nguyên nhân thứ nhất chính là không thể khắc phục bản thân, không có công phu khắc phục bản thân, vậy là thất bại rồi. Chúng ta thực sự nghĩ đến làm công phu khắc phục bản thân. Phải bắt tay từ đâu? Bản thân chư vị nên cẩn thận mà suy nghĩ xem. Bắt đầu từ việc không khởi vọng tưởng, bắt đầu từ việc không nói chuyện, chắc chắn có hiệu quả. Nói nhiều một câu không bằng nói ít đi một câu, bớt nói một câu không bằng không nói chuyện. Nhà Phật tu hành vì sao coi trọng tịnh khẩu? Quý vị thấy trong niệm Phật đường có “chỉ ngữ”, thiền đường “chỉ ngữ”, đây là điều chư vị thường thấy. Giảng đường tuy không treo bảng “chỉ ngữ”, cũng là cố gắng tốt nhất không nên nói chuyện. Nói chuyện là lúc đặt câu hỏi, có nghi hoặc nhất định phải hỏi.

Thế Tôn năm xưa giảng kinh thuyết pháp, đa phần đều là giải đáp những nghi vấn cho học trò, giải đáp nghi vấn của thính chúng. Ngoài nêu câu hỏi ra, không nói lời vô ích, ngoài nghiên cứu thảo luận ra, cũng không có nhiều lời. Nên tâm này vĩnh viễn duy trì thanh tịnh bình đẳng giác. Đây gọi là đạo tâm. Chúng ta phàm phu thì khó rồi, khó là đối với điều này có ý kiến, đối với điều kia cũng có ý kiến. Ý kiến rất nhiều. Chính là không biết chân tướng sự thật là tức không, tức giả, tức trung. Không hiểu được chân tướng sự thật. Ý kiến thì cả đống. Ý kiến vĩnh viễn không thể đoạn. Chư Phật Như Lai cùng với nhau, ngàn năm, vạn năm, vô lượng kiếp, không có một câu nào cần nói, không có gì để nói. Chư Phật và chư Phật gặp nhau, trong thiền tông có một hình dung từ “miệng treo trên tường”, không có việc gì nữa. Phàm phu và phàm phu có ý kiến, ý kiến đó ngàn năm vạn năm cũng kéo không hết. Nguyên nhân là không hiểu được chân tướng sự thật.

Dùng trung, trung là gì? Quý vị phải hiểu cho rõ ràng. Nếu như quý vị muốn đem trung và hai bên đối lập lại, từ hai bên lại thêm một cái trung, thì trung đó vẫn là một bên. Có, không là hai bên, trung đạo và có không hai bên đối lập lại trở thành một bên, không phải là trung nữa. Trung là nhất niệm. Xa lìa tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là trung. Cho nên chỉ có hàng thượng căn mới biết dùng trung. Nếu như nói trung đối lập với hai bên có không thì chúng ta cũng biết dùng. Chúng ta dùng vẫn là xảy ra lỗi. Vì sao vậy? Hiểu nhầm rồi, đó không phải là trung, vẫn là biên.

Chúng ta xem điều thứ hai. Hai, ba, bốn, năm, sáu, năm điều này là hàng trung căn tu tập. Đối với chúng ta mà nói là tiện lợi, chúng ta có chỗ

để hạ thủ, điều ở trước đích thực chúng ta không có chỗ để hạ thủ. Mười câu này là tổng cương lĩnh tu hành. Cũng chính là kiến lập cương mục nhân sinh quan, vũ trụ quan chính xác.

“Chân chánh phát bồ đề tâm”, đại sư Thiên Thai trên phát bồ đề tâm còn thêm chữ “chân chánh”, nghĩa là gì? Biết chúng ta phát bồ đề tâm là giả chứ không phải là thật. Phát bồ đề tâm ngoài miệng mà thôi. Kỳ thực hoàn toàn không liên quan gì đến bồ đề tâm. Điều này quan trọng.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ dạy cho chúng ta, niệm Phật cầu sanh tây phương Tịnh Độ, trong phẩm “tam bối vãng sanh” nói với chúng ta, thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm, điều kiện thứ nhất cũng là “phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”, cũng tức là nói từ thượng thượng phẩm đến hạ hạ phẩm điều kiện thứ nhất, không phát bồ đề tâm, quý vị có nhất hướng chuyên niệm, vẫn không thể vãng sanh. Sau đó mới biết phát bồ đề tâm là quan trọng biết bao. Chúng ta mỗi ngày niệm Phật sơ suất đối với việc phát bồ đề tâm. Bồ đề tâm là gì? Ở đây họ nói tứ hoằng thệ nguyện, đúng vậy, tứ hoằng thệ nguyện chính là bồ đề tâm. Phát bồ đề tâm chân chánh là gì? Ở đây giảng cho chúng ta là “vô tác”, không sai, vô tác mới là bồ đề tâm thực sự. Vì sao vậy? Vô tác là từ trong nhất niệm chân tâm mà phát ra. Không có tác ý. Tác ý là gì. Cố ý mà cầu. Vậy là sai rồi. Vô tác là tự nhiên như vậy, là từ trong tự tánh mà lưu xuất ra. Từ trong ba tâm hai ý mà phát tâm thì đó đều là hữu tác, không phải là vô tác. Từ trong nhất niệm tự tánh mà phát ra thì đó là vô tác.

“Y thượng diệu cảnh phát vô tác, tứ hoằng thệ nguyện mãn kỳ mãn tha, thượng cầu hạ hóa”. Hạng người này vì sao họ không phải là thượng căn, mà họ là trung căn? Phân biệt chấp trước của họ chưa đoạn được. Cũng như trên đã nói đến diệu cảnh, tức là nói pháp Đại thừa, nhất thừa đại pháp viên đốn. Họ nghe rất nhiều rồi. Bình thường huân tập đại pháp nhưng tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khó đoạn. Họ hiểu được, không phải là họ không hiểu.

Bồ đề tâm là gì? Thương xót tất cả chúng sanh. Hư không pháp giới tất cả chúng sanh mê mất tự tánh, đều đang trong lục đạo luân hồi. Bản thân chúng ta cũng là như vậy. Chúng sanh trong lục đạo đáng thương. Chúng ta thương xót bản thân, thương xót tất cả chúng sanh, phải độ bản thân cũng phải giúp đỡ tất cả chúng sanh. Vậy mới thượng cầu hạ hóa. Chúng ta cầu Phật đạo, tu học Phật đạo, vì sao vậy? Vì giúp bản thân vĩnh thoát luân hồi, siêu việt thập pháp giới, vì điều này. Còn phải giúp đỡ tất cả chúng sanh trong đang trong luân hồi, cũng phải giống như bản thân xuất ly, siêu thoát vậy. Thực sự có tâm này.

Luân hồi từ đâu mà có? Quý vị nên biết luân hồi từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà biến hiện ra. Nó đến như vậy. Điều này trước đây

nói “ba ngàn tánh tướng, trăm giới ngàn như”, hiện tượng phức tạp này, quý vị phải hiểu được căn nguyên của nó là gì. Đầy đủ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ba thứ này đều đầy đủ, thì lục đạo luân hồi liền xuất hiện. Ba điều này Phật Pháp nói là kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Chấp trước là kiến tư phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, vọng tưởng là vô minh phiền não. Là từ trong đây mà biến hiện ra. Cho nên chỉ cần quý vị xa lìa tất cả chấp trước, tất cả pháp thế xuất thế gian đều không chấp trước nữa, thì luân hồi không còn. Lại còn có thể đối với tất cả pháp không phân biệt thì thập pháp giới không còn nữa. Vọng tưởng đoạn được rồi thì quý vị siêu việt 41 cấp bậc, trong Kinh Hoa Nghiêm nói 41 vị pháp thân đại sĩ. Quý vị siêu việt rồi. Quý vị chứng đắc Phật quả viên mãn. Quý vị phải hiểu được đạo lý này. Sau đó bản thân mới thực sự là hoát nhiên đại ngộ. Nếu như ta không chịu xả bỏ chấp trước thì chắc chắn không thoát khỏi luân hồi. Vì sao quý vị có phân biệt chấp trước? Do không biết được tất cả cảnh giới tướng, tâm năng đắc, pháp sở đắc đều là tức không, tức giả, tức trung. Không hiểu được chân tướng sự thật.

Kinh Kim Cang hay, nói với chúng ta thứ năng đắc là giả, thứ sở đắc cũng là giả. Tâm năng đắc, pháp sở đắc tất cả đều bất khả đắc. Phàm phu không hiểu được chân tướng sự thật, trong bất khả đắc còn muốn đắc được, còn muốn kiên cố chấp trước, còn muốn duy trì vĩnh viễn. Làm gì có chuyện như vậy? Toàn là vọng tưởng. Thực sự tham thấu rồi, thực sự hiểu rõ rồi, thì không còn vọng tưởng nữa, không còn phân biệt, cũng không chấp trước nữa. Vậy quý vị mới hiểu được dùng trung. Trung là công đức thành tựu. Lý này rất sâu, sự vô cùng rộng. Sự là phong phú rộng lớn mà không có biên tế. Thực sự bỏ đề tâm sanh khởi rồi, bỏ đề tâm là tâm giác ngộ, thực sự giác ngộ rồi. “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, trong đây nhất định không có phân biệt, không có chấp trước. Hiện tại nói là không phân tộc loài, không phân tôn giáo, tất cả chúng sanh phải bình đẳng đắc độ. Phật dạy cho chúng ta phải dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sanh.

Trong tôn giáo nói Thượng đế cũng lại như vậy. Thượng đế yêu thương thế nhân cũng là tâm bình đẳng, cũng là tâm thanh tịnh, cũng không có phân biệt tộc loài, cũng không có phân biệt chủng loại khác nhau. Người Trung Quốc thường nói thần, định nghĩ của thần là công bằng chánh trực, gọi đó là thần, đại công vô tư đây là thần. Trong Phật Pháp nói là thiên thần, đều đầy đủ từ bi hỷ xả- tứ vô lượng tâm. Vậy mới có thể sanh thiên. Tu hành Thập thiện nghiệp đạo, tâm của họ là từ bi hỷ xả. Hành của họ là thượng phẩm thập thiện. Đây là điều kiện sanh thiên. Thiên thần đối với người, trong kinh Phật cũng nói có đến thưởng phạt, người thế gian làm thiện, thần có ban thưởng, người thế gian làm ác, thần có trừng phạt. Chư

vị phải hiểu được thưởng phạt đều là từ tâm thương yêu mà sanh ra. Cũng giống như một người mẹ hiền đối với con cái vậy, con cái làm việc tốt thì khen ngợi chúng vài câu, con cái làm việc xấu phải trừng phạt chúng. Khen thưởng họ là thương họ, phạt họ cũng là thương họ. Vì sao đứa trẻ khác làm việc xấu họ cũng không quản? Chúng ta phải hiểu được đạo lý này. Không thể hiểu sai ý nghĩa của nó. Phải thâm nhập để tư duy, bình tĩnh để quan sát. Thần yêu thương thể nhân chắc chắn không có phân biệt, không có chấp trước. Thưởng phạt đốn quý vị đến thiên đường, hoặc là đưa quý vị đến địa ngục đều là một lòng thương yêu. Địa ngục để quý vị dày vò, để quý vị hối cải, để quý vị thay đổi. Không phải nói dọa đến địa ngục vĩnh viễn không thể trở lại. Không có đạo lý như vậy. Thời gian thọ tội trong địa ngục dài bao nhiêu đi nữa cũng có thể chịu xong được.

Thực sự mà nói, trong Phật Pháp nói rất rõ ràng. Thời kiếp đọa địa ngục dài hay ngắn là do quý vị có thể sửa đổi lỗi lầm, hồi tâm hay không? Quý vị giác ngộ sớm một ngày, sám hối hồi tâm rồi thì ra được thôi. Còn không biết hối hận, còn không biết giác ngộ, vậy thì ở địa ngục chịu tội thêm vài lần nữa. Lúc nào giác ngộ lại rồi, thì lúc đó liền rời đi. Đây là từ bi, đây là đại ái. Như vậy mới thông tình đạt lý. Chúng ta mới biết được thiên thần thực sự đáng được chúng ta tôn kính. Phật hướng dẫn học trò ngày mồng một đầu năm, ngày đầu tiên tế trời, cúng trời, đạo lý chính là đây vậy. Đáng được chúng ta tôn kính.

Phải phát nguyện độ chúng sanh, đây là động lực để chúng ta tu hành chứng quả, nó đang thúc đẩy. Người học Phật đối với danh lợi thế gian, hưởng thụ ngũ dục lục trần trong thế gian đều bỏ hết. Sức mạnh gì đang thúc đẩy họ? Chính là nguyện lực. Người thế gian vì sao ra sức mà làm việc? Có lợi để ham, có danh vị để đắc, họ mới ra sức mà làm việc. Nếu như nói quý vị đi làm việc không được lợi ích gì, không được danh vị gì, quý vị vẫn đi làm chẳng? Không làm nữa, con người sẽ giải đãi lười biếng. Phật, Bồ Tát danh vẫn lợi dưỡng ngũ dục lục trần tất cả đều bỏ hết, vì sao vẫn còn ra sức mà làm? Người thế gian nhìn thấy cho đó là ngốc nghếch, ngốc đến thế, Phật, Bồ Tát đều là ngốc nghếch. Ai biết được động lực thúc đẩy họ làm là nguyện lực, chính là nguyện thứ nhất “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, chúng sanh này bao gồm cả bản thân trong đó, sau đó mới thực tiến đến ba đại sự khác. Việc thứ nhất là đoạn phiền não, việc thứ hai là cầu học vấn, việc thứ ba là chuyển phàm thành thánh. Đây là ba mục tiêu của Phật Pháp. “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn” chính là chuyển ác thành thiện. “Pháp môn vô lượng thế nguyện học” chính là chuyển mê thành ngộ. “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”, chính là chuyển phàm thành thánh. Muốn đạt được ba mục tiêu này, ngoài động lực lớn là nguyện lực ra, còn có sức mạnh nào có thể thôi thúc được?

Quý vị ngày nay không thể đoạn phiền não, không chống đỡ nổi tập khí phiền não, quý vị không chịu học pháp môn, giải đãi biếng nhác, đều là do không có nguyện thứ nhất. Thực sự phát nguyện thứ nhất này, quý vị còn dám không làm sao? Bản thân chúng ta sớm một ngày thành tựu, chúng sanh sẽ sớm một ngày lìa khổ, sớm có ngày hưởng phước. Bản thân chúng ta chậm một ngày thành tựu, chính là để cho tất cả chúng sanh chịu tội thêm một ngày nữa. Không phải là vì bản thân, vì bản thân có thể giải đãi, có thể biếng nhác, có thể không làm, đây là vì tất cả chúng sanh. Quý vị xem xem chúng sanh khổ như vậy, họ lìa khổ được vui nhờ vào ai? Nhờ những người phát bồ đề tâm này. Người này là chỗ nương tựa thực sự của họ, người này là cứu chủ thực sự của họ. Phát bồ đề tâm chính là phát tâm phải làm người cứu thế. Cứu độ tất cả tai nạn thế gian, chúng ta nói rất nhiều, chỉ có dạy học, những phương pháp khác đều không thể nào đạt được. Cho nên Phật Bồ Tát chuyên tâm từ sự để làm công tác dạy học. Làm một nhà giáo dục xã hội tự nguyện, trong vô lượng đời đời kiếp kiếp theo đuổi công tác giáo dục xã hội, chỉ làm hết nghĩa vụ, không có quyền lợi hưởng thụ. Một câu này hàm nghĩa rất sâu. Tất cả chư Phật Bồ Tát đều làm thị hiện này. Vì sao vậy? Nếu như hưởng thụ quyền lợi, thì rất dễ dàng đọa lạc.

Đức Phật trước khi diệt độ, khuyên bảo hậu nhân “lấy giới làm thầy”, “lấy khổ làm thầy”. Phật Thích Ca Mâu Ni một đời Ngài làm được rồi. Nên lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy, Ngài không phải chỉ là nói trên miệng, chỉ thuyết giáo chúng ta, mà bản thân Ngài đã làm được. Một đời không có sai lầm, đây chính là trì giới. Một đời trải qua cuộc sống với mức thấp nhất, lấy khổ làm thầy. Chưa từng nghĩ đến việc nâng cao cuộc sống vật chất của mình lên một mức nữa. Không có. Hi vọng đại địa tất cả chúng sanh cuộc sống được hạnh phúc mỹ mãn, bản thân sống được là được rồi. Chúng sanh mới chịu nghe theo sự dạy dỗ của Ngài, mới từ trong nội tâm khâm phục Ngài, tôn kính Ngài, tán thán Ngài, không thể không học tập theo Ngài. Nếu như Phật Thích Ca Mâu Ni sống cuộc sống hòa nhoáng xa xỉ, trên thân đeo đầy châu báu, châu quang bảo khí, ai mà học tập theo Ngài chứ?

Chúng ta nhìn thấy hiện tại vẽ tượng Phật, đức tượng Phật làm cho toàn thân đều là anh lạc, châu quang bảo khí, đó là chúng ta tôn kính đối với Ngài, trên thực tế Ngài không phải như vậy. Đức Thế Tôn một đời là một khổ hạnh tăng. Cuộc sống đó hiện nay chúng ta sống không nổi, ba y một bát, ngày ngày đi khát thực, ở đó tu thanh tịnh bình đẳng giác. Người ta cúng dường thứ gì thì ăn thứ đó, nhất định không có phân biệt.

Trong An Thế Cao Truyện Ký, chư vị biết long vương ở hồ Cung Đình, là bạn học tiền kiếp của Ngài. Người bạn học đó, An Thế Cao nói lúc ông ấy tại thế là người xuất gia, “minh kinh hiệu thí”, minh kinh là thông đạt giáo lý, cho nên ông ấy có trí tuệ. Hiếu thí là yêu thích bố thí, ông ấy tu

phước. Cho nên ông ấy làm long vương. Long vương đó rất linh nghiệm. Thực sự có người đến lay ông ấy có cầu tất ứng. Sự linh nghiệm của ông ấy là trí tuệ. Phước báo rất lớn. Người trong chu vi một ngàn dặm không có ai không đi lay ông ấy, đó là hiếu thí. Vì sao lại bị đọa vào long vương? Chính là lúc đi khát thực, cũng không phải là ngày ngày đều như vậy, thỉnh thoảng có một lần, hai lần, cơm người ta cúng dường không ngon, trong tâm có một niệm không vui: tôi là một người tu hành tốt như vậy, hôm nay lại khát thực được thứ như thế này. Chính là ngay nơi một niệm đó không tự tại, rơi vào thần đạo. Ông là người có học vấn, là người có tu dưỡng, sẽ không trên hình sắc mà trong tâm có một chút không vui như vậy, trên hình sắc không có, rơi vào cõi súc sinh. Long vương đó là thân mãng xà, con mãng xà lớn. Quý vị nghĩ xem, chúng ta so sánh với ông ấy xem, ông ấy rơi vào cõi thần, thì chúng ta rơi vào cõi nào? Chúng ta không vui liền nổi tức giận, người ta không vui không lộ thanh sắc, rơi vào trong cõi này. Cho nên bản thân cần thận suy nghĩ xem. Tiền đồ của chúng ta như thế nào? Phật, Bồ Tát Tổ sư đại đức làm tấm gương tốt cho chúng ta, chúng ta rốt cuộc là cách học như thế nào? Ngày ngày nói học Phật, thậm chí đối với người xuất gia, thầy của trời người, người nào nhìn thấy quý vị mà không gọi quý vị là pháp sư? Sư là gì? Sư phạm. “Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, gọi quý vị là “sư”, quý vị liền nghĩ đến hai câu nói này. Quý vị không thể làm mẫu mực cho chúng sanh, không thể làm mô phạm cho xã hội đại chúng, một câu này gọi đến quý vị, trong tâm quý vị là cảm giác như thế nào? Có cảnh giác hay không? Có sám hối hay không? Có chăm chỉ học tập hay không? Người ta ngày ngày gọi chúng ta là pháp sư, gọi cho chúng ta hãi hùng lo sợ, chỉ sợ danh không đúng thật. Danh không đúng thật thì phải đọa lạc, không sánh bằng long vương hồ Cung Đình. Đức học của chúng ta không bằng ông ấy, ông ấy làm long vương một cái hồ. Chúng ta tương lai đọa lạc đến đâu chứ? Niệm Phật còn muốn vãng sanh, làm gì có chuyện đơn giản như vậy. Thầy Lý Bình Nam thường nói: một vạn người niệm Phật, thực sự có thể vãng sanh chỉ có hai ba người mà thôi. Chúng ta chính là hai ba người đó hay sao? Quý vị có chắc chắn hay không? Phải thật tu, phải thật làm.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư trong Tịnh Ngữ nhiều lần kêu gọi muốn chúng ta phải “thật làm”, cho nên đoạn phiền não là vì ai? Vì tất cả chúng sanh khổ nạn, vì bản thân vô lượng kiếp đến nay, trong luân hồi chịu nhiều khổ nhục như vậy, phát tâm nhất định đoạn phiền não, không còn làm lục đạo luân hồi nữa. Đoạn phiền não thành tựu đức hạnh của bản thân, học pháp môn thành tựu học vấn của bản thân, có đức hạnh, có học vấn, có trí tuệ mới có thể độ chúng sanh, mới có thể độ bản thân. Chúng ta ngày nay đoạn phiền não, học pháp môn, sự việc này đều không kịp nữa, thời gian không đủ dùng, còn có thời gian nào để vọng tưởng, để nói chuyện phiếm, để làm

chuyện thị phi? Đó chính là thực sự không muốn xuất ly sanh tử, thực sự không muốn thoát ly lục đạo, vẫn hi vọng làm việc lục đạo luân hồi, vẫn là hi vọng đọa ba đường ác. Đó không phải là ý này sao? Sự việc này không phải rõ ràng trước mắt sao? Quý vị đi về đâu phải xem tâm hành của quý vị, không phải là nơi lời nói của quý vị. Lời nói có tốt đến mấy, nói đến nổi hoa trời rải xuống, cũng là vô ích, phải sanh tử như thế nào vẫn là sanh tử như thế ấy. Chúng ta làm sao mà không cảnh giác được?

Vì sao nhất định phải chuyển phàm thành Thánh? Phải làm Phật? Nếu như không làm Phật thì không thể độ tận chúng sanh. Chữ tận này là nói điều gì? Các tộc loại khác nhau. Cũng tức là nói quý vị là Đẳng giác Bồ Tát, quý vị có thể độ thập địa trở xuống, Đẳng giác quý vị độ không được. Quý vị là thập địa Bồ Tát quý vị sẽ không thể độ thập địa Bồ tát, quý vị chỉ có thể độ tam hiền Bồ Tát. Quý vị nếu muốn phổ độ, tất cả chúng sanh đều độ, trên bao gồm Đẳng giác, dưới đến chúng sanh A tỳ địa ngục, thì quý vị nhất định phải thành Phật đạo. Vì sao phải nỗ lực tu học viên thành Phật đạo? Là vì phổ độ tất cả chúng sanh, thực hiện đại nguyện của quý vị “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, nguyện này mới thật sự thực hiện được, không thành Phật không thể thực hiện. Vì sự việc này mới “thượng cầu hạ hóa”, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Thượng cầu hạ hóa là đồng thời. Đây là Bồ Tát. Không những đại thừa đồng thời, Tiểu thừa thánh giả cũng có người lợi căn, cũng đồng thời. Người căn độn họ thành tựu bản thân trước, rồi giúp đỡ người khác sau. Đại thừa Bồ Tát chắc chắn là đồng thời. Giúp đỡ người khác chính là giúp đỡ chính mình, giúp đỡ bản thân chính là giúp đỡ người khác. Tự tha bất nhị, tánh tướng nhất như. Trong câu đầu tiên nói “y chỉ diệu cảnh”, chính là nói sự việc này vậy.

Điều thứ ba nói “thiện xảo an tâm chỉ quán”. Xảo là nói phương pháp, phương pháp rất xảo diệu. Thiện là như lý. Phương pháp này rất xảo diệu, lại không trái với chân tướng sự thật. Đây gọi là thiện. Thiện xảo là nói đối với điều gì? Tâm này an trên chỉ quán. Ý nghĩa này dưới đây giải thích đơn giản. “Thế tiền diệu lý”, thế là thế hội, đạo lý trước đây thực sự rõ ràng rồi, thực sự hiểu rồi, đạo lý này chính là đoạn trước “chân chánh phát bồ đề tâm”, là đạo lý này. Thật sự hiểu rồi, thật sự rõ ràng rồi.

“Hằng thường tịch nhiên danh vi định, tịch nhi thường chiếu danh vi huệ”. Bồ đề tâm thực sự phát rồi, họ tu những gì? Tu định tu huệ. Sự tu học của họ, mọi lúc mọi nơi vĩnh viễn không gián đoạn. Định chính là chỉ. Huệ chính là quán. Tâm của họ an nơi chỉ quán, chính là không rời định huệ. Như thế nào là định? “Hằng thường tịch nhiên”, mọi lúc mọi nơi, trong tất cả các cảnh giới.

Cảnh giới này có hai loại: môi trường nhân sự, môi trường vật chất, nhà Phật nói cảnh, duyên, dùng hai chữ này. Cảnh tiêu biểu cho môi

trường vật chất, duyên tiêu biểu cho môi trường nhân sự. Trong tất cả cảnh duyên không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là định. Đây là thực sự công phu, thực sự tu hành. Đây là nguyên tắc tu hành rất tốt, một cương lĩnh rất tốt, tương ứng với tổng nguyên tắc dạy học của đức Thế Tôn. Thế Tôn trong một đời dạy học, tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc chính là danh hiệu Thích Ca Mâu Ni. Mâu Ni chính là tịch tĩnh. Tâm thường thường là tịch tĩnh. Vì sao lại tịch tĩnh? Chính là đối diện với tất cả người, sự, vật đều không khởi tâm, không động niệm, đều không phân biệt, không chấp trước. Người khác nói với ta cũng không phân biệt, không chấp trước. Nhưng họ nói ta cũng nghe rất rõ ràng, rành mạch phân minh, đó là huệ. Ta hoàn toàn không phải là một người nộm. Ta mỗi mỗi đều rõ ràng, mỗi mỗi đều thấu suốt. Đó là huệ. Ta mỗi mỗi đều rõ ràng, mỗi mỗi đều thấu suốt, lại không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây là định công. Định huệ đẳng học. Đã không thiên về định, lại không thiên về huệ, định huệ là quân bình. Đây gọi là thiền. Thiền là định huệ quân bình. Lúc này mới là hạnh phúc thực sự, là hưởng thụ thực sự. Đây gọi là tam muội. Tam muội chính là hưởng thụ bình thường của chư Phật Bồ Tát.

Vậy phàm phu chúng ta hưởng thụ là gì? Phàm phu có năm loại thọ. Năm loại thọ này là không bình thường: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Vì sao nói không bình thường? Trong tự tánh không có. Trong một niệm tâm tánh, không có những thứ này. Cho nên nó là giả, là hư vọng. Nhưng phàm phu chúng ta lại sinh sống trong những thứ này. Quý vị nói xem khổ biết bao.

Hiện tại trong xã hội này, nói thật lòng chỉ có khổ không có lạc, chỉ có ưu không có hỷ. Quý vị nói xem có thể tham hay không? Quý vị nếu như cho rằng quý vị còn có một chút lạc, thì đó là gì? Đó là hút thuốc phiện, tiêm morphine, kích thích một chút, rồi cho rằng mình đang lạc. Đâu ngờ rằng khổ ngay đằng sau đó. Hiện tại cho là lạc, cho là hỷ, đó là gì? Tạo tác tất cả ác nghiệp, làm những việc tổn người lợi mình, không biết rằng những việc này sau khi làm rồi, cũng giống như hút thuốc phiện, tiêm morphine vậy, hậu quả là gì? A tỳ địa ngục. Quý vị làm việc sát, đạo, dâm lại cho là lạc. Làm gì hiểu được vừa chớp mắt liền đến địa ngục rồi, so với quả báo hút thuốc phiện, tiêm morphine không biết là nghiêm trọng gấp bao nhiêu lần. Người thế gian mê hoặc điên đảo, chẳng những không có năng lực phân biệt đúng sai, thiện ác, tà chánh, ngay cả lợi hại hại thân cũng không thể phân biệt. Con người ngu si đến mức độ này, cho nên họ dám tạo ác nghiệp. Lúc quả báo hiện tiền hối hận cũng không kịp nữa. Người thực sự tu hành, “thiện xảo an lập chỉ quán” vô cùng quan trọng. Chúng ta nếu như hiểu được phương pháp này, niệm Phật có lý gì lại không đặc nhất tâm chú? Ngày nay chúng ta trong niệm Phật dường không những nhất tâm

không đạt được, ngay công phu thành thiền cũng không đạt được. Nguyên nhân là gì? Vừa vặn tương phản với điều này. Không phát bồ đề tâm, tâm an ở đâu? An tại “khổ lạc ưu hỷ xả”. Vậy thì làm sao được? Công phu làm sao có thể đắc lực chứ? Nếu như thực sự phát bồ đề tâm, thực sự đem tâm an nơi định huệ, công phu niệm Phật rất dễ dàng thành tựu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây.

**HẾT TẬP 19**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 20****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Hôm nay chúng ta vẫn tiếp tục xem đoạn “thập thừa quán pháp”, trong mười câu này đoạn trước chúng ta nói qua ba câu rồi. Hôm nay xem từ câu thứ tư.

“Đệ tứ phá pháp biến, dĩ tam quán phá tam hoặc, tam quán nhất tâm, vô hoặc bất phá”. Vấn đề này, đối với chúng ta mà nói, có thể nói là vô cùng quan trọng. “Tam hoặc” ba loại mê hoặc. Trong đây chính là chỉ cho kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Ba loại lớn này, ba loại mê hoặc, làm thế nào để phá trừ mê này, đây là nói phá mê khai ngộ. Phá kiến tư phiền não, quý vị liền đắc chánh giác. Phá trần sa phiền não quý vị liền đắc chánh đẳng chánh giác. Phá vô minh phiền não quý vị liền đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên A nậu đa la tam miệu tam bồ đề là nói về quả, vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là mục đích mà người học Phật mong cầu. Bất luận tông phái nào, pháp môn nào, bất luận là Thế Tôn một đời giáo hóa, hay là tất cả những giáo huấn của ba đời chư Phật, tất cả đều lấy đây làm mục đích. Cho nên mới nói pháp môn bình đẳng, không hai không khác, mới nói tất cả đều quy về một mối, đều quy về phá tam hoặc, thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dùng phương pháp gì để phá tam hoặc? Phương pháp rất nhiều. Phật ở trong kinh nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn loại phương pháp khác nhau. Trong tứ hoằng thế nguyện chúng ta đọc đến “pháp môn vô lượng thế nguyện học”, vô lượng vô biên phương pháp đều là vì vấn đề này. Tông Thiên Thai trong rất nhiều phương pháp, họ dùng phương pháp chỉ quán này. Chỉ quán, thực sự mà nói là chỗ ngộ của tông Thiên Thai, hiện tại mà nói là phát minh của tông Thiên Thai. Đây là trí tuệ chân thật. Cho nên đương thời cao tăng Tây vực đến Trung Quốc truyền giáo, nhìn thấy những phương pháp mà Đại sư Thiên Thai dùng đến, họ vô cùng tán thán. Nói phương pháp này và phương pháp mà đức Thế Tôn giảng trong hội Lăng Nghiêm giống nhau. Thời đó người Trung Quốc tuy đã đến Tây vực để cầu pháp, nhưng chưa thấy bộ Kinh Lăng Nghiêm này. Không những chưa từng thấy qua, nghe cũng chưa từng nghe đến. Nguyên nhân là gì? Từ triều đình đến nhân dân của Ấn Độ, bao gồm cả người xuất gia, cho rằng Lăng Nghiêm là bảo tạng duy nhất của quốc gia. Người nước ngoài

đến lưu học, những Phật Pháp khác có thể cho họ xem, kinh điển đưa cho họ xem, Kinh Lăng Nghiêm là bí mật, không chịu truyền cho người khác, xén pháp. Cho nên Ấn Độ hiện tại Phật pháp không còn nữa, quả báo của xén pháp.

Kinh Lăng Nghiêm truyền đến Trung Quốc vô cùng khó khăn. Ba La Mật Đế để hết tâm tư lên đem đến Trung Quốc, thời đó đem đến Trung Quốc, hải quan khám xét rất nghiêm, soát trên thân. Hai lần đầu đều bị rà soát ra. Nói cho cùng ông ấy là người xuất gia, nên không có trách mắng gì. Lần thứ ba xẻ cánh tay ra, dẫu kinh vào trong đó, rồi để cho nó liền lại, lành lại rồi, như vậy mới xuất cảnh, người ta rà soát soát không ra, đem kinh này đưa đến Trung Quốc. Sau khi đem đến, lại rạch cánh tay, lấy kinh ra. Vậy là viết thành chữ rất nhỏ, rất nhỏ, chữ đó rất nhỏ. Quý vị xem xem bút ký mà đại sư Hoàng Nhất viết, quý vị đã xem qua hay chưa? Cư sĩ Lý Mộc Nguyên đưa cho quý vị xem, quý vị chưa xem đến à? Chưa xem đến thì tìm Lý cư sĩ, kêu ông ấy đem đến cho quý vị xem xem, quý vị mới hiểu được một thời cao tăng thành tựu như thế nào. Chúng ta ngày nay học tập, so với thế hệ trước, thì đi xách dép cỏ cho người ta họ cũng không cần, chúng ta luôn luôn ra vẻ ta đây, xem xem sự cần khổ của người ta, ngài viết chữ thực sự nhỏ như kiến vậy, còn nhỏ hơn chữ mà hiện tại chúng ta thấy trên báo, chữ khải chân phương, từng nét từng nét, từng nét thẳng thẳng, tinh thần làm học vấn của người ta, quý vị sau khi xem xong còn có lời gì mà nói nữa? Ba La Mật Đế cũng dùng phương thức này để mang kinh Lăng Nghiêm đến Trung Quốc, lên đem ra nước ngoài. Lên đem đi là phạm pháp, sau khi đem đi rồi, kinh đưa đến Trung Quốc, nhanh chóng trở về, vì sao vậy? Sợ trên triều đình trách mắng nhân viên hải quan mất chức, vì sao lại để cho người ta lên đem quốc bảo ra nước ngoài. Ông ấy trở về nhận tội. Trở về nhận sự trừng phạt. Quý vị nghĩ xem tinh thần như vậy, vì pháp mà quên thân, thà xả bỏ sinh mạng, cũng phải đem Phật Pháp truyền khắp thế gian. Cho nên đại sư Trí Giả suốt đời chưa từng thấy được Kinh Lăng Nghiêm, chỉ là từ lời Cao tăng Ấn Độ nghe nói, Ấn Độ có một bộ kinh như vậy. Cương lĩnh tu hành mà Phật nói đến và tông Thiên Thai phát minh “tam chỉ tam quán” vô cùng tương tự. Đại sư Thiên Thai tại núi Thiên Thai dựng một đài bái kinh, quý vị hiện nay có thể cũng đã đi thăm rồi. Mỗi một ngày, đại sư Trí Giả ở nơi đó hướng về phương tây lễ bái, cầu cảm ứng, cầu cho bộ kinh này có thể đến được Trung Quốc, lạ 18 năm, mãi cho đến lúc Ngài viên tịch. Tinh thần này đáng khâm phục. Cảm ứng pháp sư Ba La Mật Đế, lên đem bộ kinh này đến Trung Quốc. Sự tinh thành của đại sư Trí Giả lễ bái đến 18 năm.

Nhưng chỉ quán của tông Thiên Thai và điều nói trong Kinh Lăng Nghiêm Samatha, tam ma, thiên na, trong đó còn có sai biệt, nhưng đích

thực là rất gần gũi. Nên Lăng Nghiêm sau khi truyền đến Trung Quốc, những pháp sư giảng kinh ngày xưa đều dùng giáo nghĩa Thiên Thai để giải thích Lăng Nghiêm. Dùng chỉ quán để ghép với Samatha, thiền na. Mãi cho đến thời nhà Minh pháp sư Giao Quang mới nêu ra ý kiến, ngài nói điều này vẫn có sai biệt. Sai biệt ở đâu vậy? Tam chỉ tam quán của đại sư Thiên Thai vẫn là dùng tâm ý thức, mà Thế Tôn trong hội Lăng Nghiêm dạy cho chúng ta pháp môn chỉ quán không phải dùng tâm ý thức. Cho nên Đại sư Giao Quang nêu ra vấn đề, trong Kinh Lăng Nghiêm nói “xả thức dùng căn”. Chú sớ của Lăng Nghiêm, cách nói của Lăng Nghiêm liền trở thành hai phái tân cựu. Phái cổ xưa lấy Trường Thủy làm đại biểu. Tân phái chính là đại sư Giao Quang, lấy ông làm đại biểu. Đến thời cận đại, chuyên nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm là pháp sư Viên Anh, chúng ta ở trong truyện ký của ngài nhìn thấy, năm ngài 25 tuổi có hứng thú với bộ kinh này, phát tâm chuyên nghiên cứu. Đến năm hơn 70 tuổi, bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của Ngài mới ra đời. Công lực một đời, trước tác của pháp sư Viên Anh có hai bộ sách thành thực nhất, một là Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, hai là Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa. Hai bộ này là hai tác phẩm thành thực của Ngài, vô cùng quý giá. Giảng nghĩa của Ngài, chư vị phải tỉ mỉ mà quan sát, gần như sáu mươi phần trăm là y cứ theo Chánh Mạch của đại sư Giao Quang. Ngoài ra tham khảo cổ kim chú sớ Lăng Nghiêm. Cũng có thể nói, giảng nghĩa của Ngài là đại tập thành của cổ kim Lăng Nghiêm chú giải. Người hiện tại chúng ta nếu như học Lăng Nghiêm, từ giảng nghĩa của Ngài mà nhập môn là thuận tiện nhất, nhưng trong đây vẫn còn có sự sai biệt. Đại sư Giao Quang nói rất hay, “xả thức dùng căn”, đó không phải là việc mà người trung, hạ căn có thể làm được. Nói một cách chân thật thì vẫn là thuộc về bậc thượng căn lợi trí. Nhưng phương pháp mà tông Thiên Thai giảng thì hành nhân trung hạ căn tánh có thể dùng được. Tuy không phải là cứu cánh viên mãn, nhưng đích thực là phương tiện tối sơ. Chúng ta có phương tiện khéo nhập chân thật. Vậy là tốt.

Tam quán là không, giả, trung tam quán. Đoạn trước trong hàng thứ nhất nói “tức không, tức giả, tức trung”, đó chính là nhất tâm tam quán. Quý vị có thể dùng nhất tâm tam quán, ba loại hoặc này đều dễ dàng phá trừ. Ba loại hoặc phá trừ, chư vị nên biết, liền siêu việt thập pháp giới, phá nhất phẩm vô minh chứng nhất phần pháp thân, vào báo độ của Phật. Cùng với trong Thiên tông nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là cùng một cảnh giới như nhau. Kiến tánh thành Phật của thiên tông là quả vị viên giáo sơ trụ trở lên. Phá nhất phẩm vô minh liền chứng nhất phần pháp thân. Tông Thiên Thai nói là “phần chứng tức Phật”, phần chứng tức Phật là từ viên giáo sơ trụ đến Đẳng giác vị, 41 địa vị này đều gọi là phần chứng tức Phật. Phần là bộ phận. Đây là chân thật không phải giả. Thực sự chứng

đắc rồi. Đến Như Lai quả vị đó gọi là cứu cánh Phật, đó là viên mãn. 41 phẩm vô minh phá hết rồi, đó gọi là cứu cánh vị. Cho nên cứu cánh chỉ có một vị. Trong phân chứng có 41 vị. Chúng ta cũng phải từ chỗ thấp nhất mà hạ thủ.

Làm thế nào để phá kiến tư, để phá trần sa. Bệnh hiện tại của chúng ta nặng nhất, đây là trị bệnh. Bệnh này là “phá pháp biến”. Biến là phổ biến, pháp chính là pháp chấp. Ba loại mê hoặc đều là từ trong pháp chấp mà sanh ra. Từ trong pháp chấp sanh ra ngã chấp. Chúng ta trước tiên phải từ đây mà hạ thủ. Trong ngã chấp, tôi thường thường nói, chúng ta trong mỗi niệm đều có một ý niệm muốn không chế, tất cả người, sự, vật. Ý niệm muốn chiếm hữu tất cả người, sự, vật, ý niệm này không phải là quý vị cố ý sản sanh ra, quý vị không nghĩ đến ý niệm này. Phật pháp gọi là câu sanh phiền não, không phải là học mà có được. Tập khí phiền não này đến như thế nào? Đời đời kiếp kiếp dưỡng thành, rất khó đoạn, đều cho rằng đó là điều bình thường. Đâu có hiểu được đây là căn bản của sanh tử luân hồi.

Nếu chúng ta phá ngã chấp, thì bắt đầu phá từ đâu? Quý vị hiện tại thực sự tìm cho được nhân tố căn bản, quý vị phải nghĩ cách đoạn cho được nó. Đoạn như thế nào? Nhìn thấu, buông bỏ. Nhìn thấu là quán, buông bỏ là chỉ, vẫn là hai chữ này. Nói chỉ quán không dễ hiểu, nói cho quý vị nhìn thấu, buông bỏ thì dễ hiểu. Nhìn thấu là gì? Hiểu rõ chân tướng sự thật. Đây gọi là nhìn thấu. Xả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước gọi là buông bỏ. Đó là phá pháp, tức phá tam hoặc. Vì vậy nhất định phải hiểu được, chúng ta nếu như muốn không chế tất cả người, sự, vật. Chiếm hữu tất cả người, sự, vật, là điều không thể được. Căn bản là vọng tưởng. Vì sao vậy? Năng không chế, năng chiếm hữu, sở không chế, sở chiếm hữu đều là tất cánh không. Nếu như có sự thật này tồn tại, sự không chế, chiếm hữu của quý vị, đó cũng là điều có thể thông cảm được, có thể nói thông được, nhưng không thể được vì căn bản là không tồn tại. Quý vị là oan uổng mà tạo tội nghiệp, khởi tâm động niệm là tạo nghiệp. Quý vị đang oan uổng tạo nghiệp. Bởi vì quý vị tạo nghiệp, cảnh giới biến hiện ra là hư huyền, chính là quả báo, quý vị đi mà chịu. Cho nên quả báo từ đâu mà có? Tự làm tự chịu. Mấy người hiểu được chân tướng sự thật này? Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta đời này gặp được bất luận là thuận cảnh hay là nghịch cảnh, bất luận là hưởng phước hay là thọ tội, tâm của quý vị bình rồi, bình tĩnh rồi, không còn oán trời trách đất nữa. Biết được điều gì? Tôi đời này gặp được là quả báo bản thân tạo tác, bất cứ người nào cũng không liên quan, thì nội kết này mới có thể cởi bỏ được. Tiền đồ mới sáng sủa lên. Nếu như vẫn là mê hoặc trong cảnh giới này, cho rằng bản thân chúng ta hưởng phước, chịu tội, đều là có liên quan đến người khác. Đặc biệt gặp phải nghịch cảnh, oán trời trách người. Đây là tội càng thêm tội, chiêu cảm đời sau không

như ý, đời sau càng khổ hơn đời này, đời sau càng đáng thương hơn đời này. Nên gọi là càng mê càng sâu. Vậy là không thể giải quyết vấn đề. Chư Phật Bồ Tát cũng là nhìn thấy tất cả chúng sanh mê hoặc điên đảo, ở trong biển khổ này, biển khổ là nghiệp lực của chính mình biến hiện ra, vốn là không có. Càng mê càng nặng, càng lún càng sâu. Phật, Bồ Tát xuất hiện tại thế gian này là giúp đỡ chúng ta, giúp đỡ chúng ta điều quan trọng nhất là giúp chúng ta hiểu rõ được chân tướng sự thật. Cho nên Ngài giảng kinh thuyết pháp, giảng những gì? Chân tướng của vũ trụ nhân sanh, giúp chúng ta khai giải, giúp chúng ta giác ngộ. Thực sự giác ngộ rồi, quý vị tự nhiên sẽ quay đầu. Không những sẽ không có ý niệm không chế tất cả người, sự, vật, ngay thân thể này của bản thân cũng buông bỏ, cũng sẽ không cố ý mà không chế. Không muốn chiếm hữu tất cả người, sự, vật, cũng không muốn chiếm hữu thân thể này. Như thế nào? Sẽ không coi thân thể này là ta. Coi thân thể này là gì? Một bộ phận mà ta sở hữu, là thứ ta sở hữu, không phải là ta. Quý vị xem tất cả chúng sanh ngộ nhận xem thân này là ta, phải bảo dưỡng thân thể này, phải hộ trì cái thân thể này, làm cho thân thể này mạnh khỏe trường thọ, làm cho thân thể này hưởng phước. Đâu có biết tất cả tạo tác đều là tội nghiệp. Chúng ta có thể dùng sức lực con người này giúp cho thân thể này mạnh khỏe trường thọ sao? Chư vị tỉ mỉ suy nghĩ sẽ biết được, không thể nào. Đương nhiên chúng ta không thể làm tổn thương thân thể này, tổn thương thân thể này là sai lầm rồi. Phật Pháp là chánh pháp, Phật đạo là giác đạo, triệt để giác ngộ. Trong Phật Pháp, thân thể này dùng để làm gì? Làm công cụ giúp đỡ tất cả chúng sanh. Đoạn trước trong câu thứ hai nói “thực sự phát bồ đề tâm”, phát bồ đề tâm chính là phải phát nguyện phục vụ cho tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới, phục vụ cho tất cả chúng sanh phải có công cụ, không có công cụ lấy gì để phục vụ? Thân thể là một công cụ, là một công cụ phục vụ cho tất cả chúng sanh. Công cụ này phải giữ gìn, không thể làm tổn hại đến nó. Giữ gìn như thế nào? Tương ứng với tự tánh là điều lành mạnh nhất, trái ngược với tánh tướng thì chúng ta ngược đãi công cụ này rồi. Dùng những vật lý, thuốc men này để giúp đỡ thân thể này, cũng không hẳn không phải là một việc tốt. Nhưng đây là trị ngọn, không phải là trị gốc. Trị gốc phải trị từ đâu? Tương ứng với tánh đức. Tánh đức là gì? Chúng ta biểu thị là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đây là tánh đức. Niệm niệm tương ứng với mười chữ này thì thân thể quý vị làm sao mà không mạnh khỏe được? Chân thành không có hư ngụy, thanh tịnh không có ô nhiễm, bình đẳng không có ngạo mạn, chánh giác thì không mê hoặc, từ bi không có oán hận. Quý vị nói xem thân thể quý vị làm sao mà không tốt chứ? Chư Phật Bồ Tát thân thể mạnh khỏe, chưa từng có bệnh. Sự sanh bệnh là thị hiện, “Duy Ma thị tật”, đó là thuyết pháp, đó là khiến người giác ngộ. Chúng ta thấy chư Phật Bồ Tát trước

nay chưa từng nhìn thấy tướng suy già, không già, không bệnh, không chết. Vì sao vậy? Vì tương ưng với tánh đức, không có sanh tử. Đây mới là thực sự hiểu được đạo lý của sức khỏe, đại đạo lý của sức khỏe. Tương ưng với tánh đức tự nhiên liền có thể phá tam hoặc, vậy là càng xảo diệu hơn phương pháp tam quán dùng ở đây. Đây thực sự là phương tiện thiện xảo. Không thể nào tương ưng với tánh đức, chúng ta liền dùng phương pháp tam quán: không, giả, trung. Biết được hư không pháp giới tất cả chúng sanh, phạm vi của tất cả chúng sanh vô cùng rộng lớn.

Chúng sanh là gì? Phạm là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi thì gọi là chúng sanh. Con người chúng ta thân thể này là chúng duyên hòa hợp. Đức Phật ở trong kinh điển thường nói “tứ đại ngũ uẩn” hòa hợp thành thân tướng này. Đây là chúng duyên hòa hợp. Tất cả động vật đều là chúng duyên hòa hợp mà hiện tướng, tất cả thực vật, tất cả khoáng vật, hư không thể giới, chư vị nghĩ xem có thứ nào không phải là chúng duyên hòa hợp? Đều là chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi hiện tượng.

Hiện tại các nhà khoa học phát hiện có sự tồn tại của các thời gian không gian khác nhau. Không gian ba chiều là không gian mà hiện tại chúng ta đang sinh sống. Có không gian bốn chiều. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, các nhà khoa học hiện đại đích thực chứng minh có không gian 11 chiều tồn tại. Nhưng trên lý luận mà nói tầng không gian là vô tận. Điều này hoàn toàn tương đồng với trong Phật Pháp nói. Phật Pháp nói thế gian, thế gian vô lượng vô biên, Phật Pháp nói pháp giới, nói thập pháp giới là nói đại lược đơn cử. Hà huống mười là đại biểu cho vô tận, pháp giới chính là thập giới, vô lượng vô biên, pháp giới vô lượng vô biên, chư vị nên hiểu đều là từ nhất niệm tự tánh mà biến hiện ra. Nhất niệm tự tánh nó đích thực có, nhưng nó không có tích tướng, nó không có dấu vết. Sáu căn của chúng ta duyên không đến được, mắt không nhìn thấy được, nó không phải là sắc pháp. Tai cũng không nghe được, nó không phải là thanh pháp, trong tâm cũng không nghĩ đến được, cho nên Đức Phật nói sự việc này “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”. Quả nhiên tâm hành xứ diệt, cảnh giới này quý vị liền thân chứng. Nên kinh giáo Đại thừa thường nói “duy chứng tự tri”, quý vị chứng đắc rồi, quý vị cũng không thể nào nói với người khác được, nên gọi là “như người uống nước, lạnh nóng tự biết”, nước tôi uống, quý vị hỏi nước như thế nào? Nóng hay không? Nóng. Rốt cuộc nóng đến mức độ nào quý vị làm sao mà biết được? Nước này mát, mát đến mức độ nào, quý vị cũng không biết được. Bắt buộc phải bản thân quý vị tự nếm một miếng quý vị mới biết được. Làm sao có thể nói ra được? Cho nên nói cảnh giới này gọi là cảnh giới bất tư nghì, không thể đo lường, không thể nghị luận. Không thể nghị luận chính là “ngôn ngữ đạo đoạn”, không thể suy lường chính là “tâm hành xứ diệt”. Điều này chứng tỏ năng hiện nhất niệm tự

tánh, nhất niệm tự tánh, phi không phi hữu, phi thường phi đoạn, phi sanh phi diệt, phi lai phi khứ. Trong Trung Quán nói là “bát bát”, hình dung chân tướng sự thật này. Năng hiện lý thể như thị, pháp tướng sở hiện sao không phải như thị được. Làm gì có ngoại lệ?

Chư vị nếu như có thể trên pháp tướng, tức là trên tất cả hiện tướng, tất cả chúng sanh pháp, có thể thấy được pháp tướng của tất cả pháp, cũng là không sanh không diệt, không đến không đi, không thường không đoạn, không cấu không tịnh. Quý vị liền kiến tánh. Trên tướng quý vị đã kiến tánh rồi. Trên tướng kiến tánh, tức là phá được tướng. Quý vị nhất định sẽ không bị những hiện tướng này mê hoặc nữa. Biết được hiện tướng này tức không, tức giả, tức trung. Thể tánh của tất cả chúng sanh này là không, năng sở đều không, tất cả những pháp tướng này là giả tướng. Trong Kinh Kim Cang nói “mộng huyễn bào ảnh”. Đức Phật nhiều lần dặn dò chúng ta “ung tác như thị quán”, tất cả những pháp tướng, pháp tướng thế gian, pháp tướng xuất thế gian đều là mộng huyễn bào ảnh. Chúng ta đối diện chân tướng sự thật này, phải hiểu được dùng trung.

Trung là nói về tác dụng, thọ dụng của chúng ta. Chư Phật Bồ Tát thị hiện tại cửu pháp giới giáo hóa tất cả chúng sanh, chính là dùng trung. Ý nghĩa của trung này rất sâu, ý nghĩa của trung này rất rộng. Trung là bao dung tất cả, không có mảy may thiên lệch. Nói thêm với chư vị cho rõ ràng, nói cụ thể hơn chút nữa, dùng trung chính là dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Dùng trung dùng sai, dùng có thiên lệch, sai ở đâu? Thiên lệch ở đâu? Nếu như trong đây xen tạp một chút tự tư, xen tạp một chút ngã kiến là thiên lệch, là sai lầm rồi, rất dễ dàng nảy sanh sai lầm, đó chính là bản thân tâm danh lợi chưa buông bỏ được, bản thân ý niệm tham muốn hưởng thụ chưa buông bỏ được, một thứ sai thì tất cả đều sai lầm. Vì sao vậy? Vì tâm chân thành dường như là chân thành, kỳ thực chân thành bị phá hoại rồi, quý vị có tư dục ở trong đó, phá hoại mất chân thành, thanh tịnh cũng bị phá hoại mất, bình đẳng cũng bị phá hoại rồi, ngay cả từ bi cũng bị phá hoại. Vậy thì không phải là trung đạo nữa. Thực sự muốn làm đến trung đạo, nếu chúng ta dùng như trong Kinh Kim Cang đã nói, thì nhất định làm đến vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, để hành chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đây chính là tâm Bồ Tát, hạnh Bồ Tát. Biểu hiện ra bên ngoài, nhìn thấu là trí tuệ, trí tuệ sung mãn. Buông bỏ là thiên định. Tự tánh bốn định, hình thái cuộc sống của quý vị, biểu hiện ra bên ngoài là tự tại. Đắc đại tự tại. Đối với tất cả chúng sanh tùy duyên mà không phan duyên. Đây chính là dáng vẻ phong thái mà Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, quý vị sống cuộc sống của chư Phật Bồ Tát, quý vị liền thành Phật, quý vị liền thành Bồ Tát. Điều này phải nghiêm túc mà làm mới được. Tu hành của nhà Phật quan trọng nhất

là “tu quán”. Hai chữ tu quán này không dễ hiểu, hiện nay nói sửa lại cách nhìn của chúng ta đối với nhân sanh vũ trụ. Ngày xưa cách nhìn đối với nhân sinh vũ trụ của chúng ta là sai lầm, “vũ trụ nhân sinh” phải dùng “vũ trụ chúng sanh” thì ý nghĩa càng rõ ràng hơn, càng thấu đáo hơn. Cách nhìn đối với vũ trụ tất cả chúng sanh.

Năm xưa chúng tôi mới học Phật, ở trong hội của thầy Lý, thầy Lý hướng dẫn chúng tôi đối với những chúng sanh này phải từ tám phương diện mà quan sát, thì chúng ta mới không đến nỗi mê hoặc. Tất cả chúng sanh ngày nay chúng ta nói người, sự, vật, phân biệt nó thành ba loại lớn này. Chúng ta phải xem thể của nó, thể là nhất niệm tự tánh, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tâm thức chính là nhất niệm tự tánh. Quán tướng của nó, tướng là chúng duyên hòa hợp mà hiện ra. Trong Kinh Bát Nhã thường nói “duyên khởi tánh không”, duyên khởi là nói về tướng, tánh không là nói về thể của nó. Tướng này là chúng duyên hòa hợp mà sanh, không có tự tánh, đương thể tức không, liễu bất khả đắc. mấy câu này là dạy chúng ta quán sát hiện tướng. Tất cả những hiện tướng là “đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Trong Kinh Kim Cang nói “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, quý vị làm sao mà cho là thật được? Thực sự mà nói, quý vị cho là thật cũng không được, quý vị cho là thật là đang vọng tưởng, vẫn là hư vọng, thật làm gì có? Quý vị cho rằng là thật thì có cái “cho là thật”? Sai rồi, chỉ là vọng tưởng mà thôi. Quý vị làm sao hiểu được chân tướng sự thật. Cho nên tướng là giả tướng, là huyễn tướng. Hơn nữa nói với quý vị tướng đó căn bản nó không tồn tại. Nói căn bản là không tồn tại, quý vị lại không hiểu.

Chúng ta trong Kinh Hoa Nghiêm trước đây đã nói qua. Đoạn sau của Kinh Hoa Nghiêm còn phải lặp lại rất nhiều lần, nói rõ huyễn tướng không thật, tất cả những hiện tướng đều sát na sanh diệt. Phật giảng cho chúng ta bởi vì sanh diệt đồng thời cho nên mới không tồn tại. Chúng ta ngày nay cảm giác huyễn tướng này sẽ tồn tại, nguyên nhân là gì? Là chuyển biến của nó, là sự tương tục của nó, làm cho chúng ta ở đây sản sanh một huyễn giác, dường như nó tồn tại. Một người sinh sống trong thế gian này có được mấy mươi năm, có một số thứ thời gian tồn tại của nó dường như càng lâu hơn, chúng ta thấy một gốc cây dường như nó có được hơn một ngàn năm, hai ngàn năm lâu như vậy. Đó là gì? Đó là nó chuyển biến, huyễn tướng tương tục. Trên thực tế, nó vẫn là sát na sanh diệt. Không có một thứ gì là thực sự. Cho nên tướng là giả.

Dụng, quý vị biết dùng trung, quý vị liền thành tựu công đức chân thật, công đức là chân thật. Ngoài ra đều không phải là chân thật. Quý vị nếu như dùng sai lệch rồi, thì quý vị đang tạo tác nghiệp chướng, tức tạo nghiệp rồi.

Nói cách khác, không biết dùng trung, thì có việc gì là không tạo nghiệp? Trong nghiệp có phân tịnh nghiệp và nhiễm nghiệp. Trong nhiễm nghiệp có phân thiện nghiệp, có phân ác nghiệp, còn có một thứ gọi là vô ký nghiệp, quý vị chắc chắn đang tạo nghiệp. Thiện nghiệp ác nghiệp tiêu chuẩn thấp nhất là ngũ giới thập thiện, tiêu chuẩn thấp nhất. Tương ứng với ngũ giới thập thiện thì quý vị tạo là thiện nghiệp, trái ngược với nó là quý vị tạo ác nghiệp. Quý vị biến hiện chính là chuyển biến hiện, tương tự như vậy này tùy theo tạo tác của quý vị mà biến hiện ngay trước mắt quý vị. Tướng tùy tâm chuyển, “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, lời này là chân lý, là chân tướng sự thật, thân thể của chúng ta từ tâm tưởng sanh, dung mạo của chúng ta từ tâm tưởng sanh, tình trạng sức khỏe thân thể của chúng ta từ tâm tưởng sanh. Xung quanh cuộc sống của chúng ta tất cả hoàn cảnh cũng là từ tâm tưởng sanh. Cho nên Phật mới nói “cảnh tùy tâm chuyển”, đây là một câu chân thật. Đây là một sự thật. Trong tâm chúng ta nghĩ gì nó liền biến hiện cảnh giới đó.

Chư Phật Bồ Tát an trú trong chánh niệm, trước đây nói họ trú trong định tuệ, “thiện xảo an tâm chỉ quán”, chỉ quán là định tuệ, là chánh niệm. Cảnh giới sở hiện là bình thường, môi trường sinh sống bình thường gọi là nhất chân pháp giới. Quan niệm của chúng ta có sai lầm, có thiên lệch, xem thử độ sai lầm thiên lệch của quý vị cạn sâu lớn nhỏ khác nhau, cảnh giới sở hiện ngàn vạn sai biệt, nên Phật dạy cho chúng ta thập pháp giới. Thập pháp giới đến như thế nào? Là trên mức độ thiên lệch cách nhìn cách nghĩ của chúng ta khác nhau, mức độ thiên lệch càng nhỏ thì tầng thứ trong thập pháp giới càng cao. Cách nhìn cách nghĩ của chúng ta và tự tánh, chân tướng sự thật, mức độ sai lệch càng lớn thì biến thành lục đạo tam đồ, là một sự việc như vậy.

Thập pháp giới cũng là hư huyền không thật, mộng huyền bào ảnh. Đây đều là trên dụng, trên tác dụng, biến hiện những cảnh giới tướng này, không hiểu được những chân tướng sự thật này, nguồn gốc của những hiện tượng này, mê ở trong đó rồi cho rằng đây là sự thật. Mê ở trong đây là phiền phức lớn rồi, lúc mê mất tâm không làm chủ được. Tâm tùy cảnh chuyển, có thể nói lục đạo phàm phu không có thứ gì không phải là tâm tùy cảnh chuyển. Trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật giảng rất hay, “nếu có thể chuyển cảnh tức đồng Như Lai”, đó là gì? Quý vị thực sự hiểu được cảnh tùy tâm chuyển, quý vị cũng có thể thực sự làm được cảnh tùy tâm chuyển vậy thì quý vị là Phật, là Bồ Tát, quý vị giác ngộ rồi.

Nói cách khác, tâm tùy cảnh chuyển là phàm phu, cảnh tùy tâm chuyển là Phật, Bồ Tát, là thánh nhân. Nhưng quý vị phải hiểu được, cảnh tùy tâm chuyển là chân tướng sự thật, tâm tùy cảnh chuyển là hiện tượng mê hoặc,

không phải là thật. Tâm tùy cảnh chuyển thì tâm quý vị càng mê càng sâu. Cảnh đó là càng biến càng hồng. Đây gọi là mê hoặc điên đảo.

Trong tam chỉ tam quán, chúng ta mới hiểu được hạt nhân của nó ở dùng “trung”, trong tam quán không, giả, trung, hạt nhân là phải hiểu được dùng trung. Trung là gì? Trung là tâm chân thành. Tâm chân thành là gì? Không có một chút vọng niệm mới là chân thành. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên giải thích định nghĩa của thành là: “nhất niệm bất sanh thị vị thành”. Thành là gì? Thành là chân tâm của chúng ta, thành là bản tánh của chúng ta, đáng tiếc là chúng ta không biết dùng. Quý vị biết dùng thì ngay lúc đó sẽ thành Phật. Thành Phật làm gì phải mất ba đại a tăng kỳ kiếp? Chúng sanh và Phật là ngay trong một niệm. Quý vị biết dùng chân thành quý vị là Phật. Hiện tiền thành Phật rồi. Tâm của Phật là gì? Tâm của Phật là nhất niệm bất sanh. Chúng ta nếu như có thể làm được nhất niệm bất sanh, há không phải là hiện tiền thành Phật rồi sao? Ý niệm của chúng ta nhiều quá, rất muốn nhất niệm bất sanh, những lại cứ vọng niệm nhiều như vậy. Đây nguyên nhân là gì? Tập khí vọng tưởng từ vô thủy kiếp đến nay, quý vị muốn trấn áp trấn áp không được, muốn đoạn đoạn không được, chúng ta mới phát hiện ra đây là tai nạn thực sự của bản thân, tu hành không thể chứng quả, trong nhân gian không thể sống cho tốt, căn nguyên chính tại đây vậy. Đức Phật cho chúng ta một phương pháp thuận lợi nhất, dạy cho chúng ta niệm Phật. Trước đây là “thiện xảo an tâm chỉ quán”, chúng ta là “thiện xảo an tâm Phật hiệu”, còn thuận tiện hơn cả chỉ quán. Đây là lý do vì sao pháp môn nhiều như vậy, tất cả Chư Phật Như Lai lại tán thán pháp môn niệm Phật. Phương pháp niệm Phật rất nhiều, vì sao Chư Phật Như Lai lại tán thán trì danh niệm Phật. Đạo lý chính là đây vậy. Chúng ta không có cách gì nên đem tâm an trên Phật hiệu. Niệm niệm đều là A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra không có một tạp niệm nào, đây gọi là chánh niệm. Niệm A Di Đà Phật phải chăng thực sự là chánh niệm? Không phải. A Di Đà Phật vẫn là một vọng niệm. Dùng một vọng niệm để đối phó tất cả vọng niệm, là một phương pháp như vậy. Có người nói: “tôi dùng một hai ba bốn cũng được”. Được, cũng được thôi. Nhưng vì sao nhất định phải dùng A Di Đà Phật? Dùng A Di Đà Phật tương ứng với bản nguyện của Phật A Di Đà. Đó chính là nói quý vị tương lai nhất định vãng sanh đến thế giới Cực Lạc làm Phật, quý vị niệm một hai ba bốn có thể không chế vọng tưởng tạp niệm của quý vị, nhưng không có duyên với thế giới Cực Lạc, quý vị không vãng sanh được. Vấn đề chính là quý vị niệm một hai ba bốn niệm rất tốt, vọng niệm không còn nữa, quý vị có chắc chắn hết sanh tử, ra khỏi ba cõi không? Nếu như không ra khỏi ba cõi, thì vẫn phải làm việc lục đạo luân hồi. Đây chính là đạo lý niệm một hai ba bốn không bằng niệm A Di Đà Phật.

Tất cả Chư Phật Như Lai khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, không khuyên chúng ta niệm một hai ba bốn, quý vị lại cứ niệm một hai ba bốn, không phải là quý vị đối đầu sao? Đối đầu với ai? Đối đầu với bản thân. Không đối đầu với Chư Phật Như Lai mà đối đầu với bản thân. Vẫn là tùy thuận với tập khí vọng tưởng của bản thân. Không tin tưởng sự giáo huấn của thầy giáo, phương pháp thầy giáo dạy nhất định có đạo lý trong đó, nhất định có điều tốt trong đó. Bản thân chúng ta nghĩ ra phương pháp dĩ nhiên cũng có điều tốt, điều tốt này luôn không sánh bằng điều tốt của thầy giáo, nên tâm quý vị phải an nơi đâu? Chư vị nghĩ xem một bộ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, trên thực tế Tu Bồ đề chỉ hỏi hai sự việc, một là “vân hà hàng phục kỳ tâm?”, vấn đề này hỏi là phiền não tạp niệm của chúng ta nhiều quá, dùng phương pháp nào để có thể không chế được nó, có thể hàng phục được những vọng tưởng tạp niệm này? Đây là vấn đề lớn. Vấn đề thứ hai là hỏi “ung vân hà trú?” Tâm chúng ta nên an trú ở đâu? Một bộ Kinh Kim Cang chỉ là hai vấn đề này. Hai vấn đề này nếu như trong tông Tịnh Độ giải đáp thì làm gì mà phiền phức như vậy? Làm gì mà rườm rà như vậy? “Vân hà hàng phục kỳ tâm”? Nam mô A Di Đà Phật là hàng phục rồi. Ý niệm vừa khởi, một câu Phật hiệu nhắc lên trấn áp nó, lâu dần lâu dần trong tâm chỉ có Phật hiệu, không có vọng niệm nữa. “Ung vân hà trú? Nam mô A Di Đà Phật, quý vị liền đem tâm an trú trên danh hiệu A Di Đà Phật là được rồi, vấn đề liền giải quyết rồi, còn cần đến rườm rà như vậy sao? Giảng nhiều lời vô bổ làm gì. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng một bộ Kinh Kim Cang giải đáp hai vấn đề này. Giảng cho ai? Giảng cho người không tin tưởng pháp môn niệm Phật. Thực sự tin tưởng niệm Phật làm gì Phật Thích Ca Mâu Ni phải giảng nhiều như vậy, phí nhiều lời như vậy? Cho nên pháp môn này, người nào tu? Hàng thượng thượng căn tu, pháp môn trong một đời viên thành Phật đạo. Một câu danh hiệu Phật liền đầy đủ tam chỉ tam quán, một câu danh hiệu Phật viên nhiếp vô lượng pháp môn. Lời này không phải là lời tôi nói, là đại sư Liên Trì nói, đại sư Ngẫu Ích nói. Một câu A Di Đà Phật này, chính là tất cả pháp mà hết thầy Chư Phật Như Lai đã nói, không có pháp nào không hàm nhiếp vào trong đó. Đây không phải là tông Thiên Thai nói “nhất tâm tam quán” thì là gì?

Chúng ta ngày nay niệm một câu A Di Đà Phật này đích thực không tương ưng với nhất tâm tam quán. Chúng ta trong đây còn xen tạp vọng tưởng, xen tạp tạp niệm, cho nên một câu danh hiệu Phật niệm không có hiệu quả, không có biểu hiện thành tích. Chúng tôi cũng từng thấy trong niệm Phật đường có một số người niệm được pháp hỷ sung mãn, mấy ngày mấy đêm tinh thần không mệt không chán. Đó nguyên nhân là gì? Họ dùng tâm chân thành niệm Phật, dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, cho nên mới có hiệu quả. Chúng ta dùng tâm xen tạp niệm Phật, dùng tâm nghi ngờ niệm

Phật, cho nên không thu được hiệu quả. Chư vị tỉ mỉ nghĩ xem, phải chăng là như vậy?

Đại Thế Chí Bồ Tát hướng dẫn chúng ta “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, chúng ta ở niệm Phật đường chưa làm được, chúng ta trong lúc niệm Phật sáu căn vẫn còn phan duyên cảnh giới bên ngoài, chưa thu sáu căn trở lại, mắt vẫn cứ nhìn đông nhìn tây, trong tâm vẫn là vọng tưởng, phân biệt, ở niệm Phật đường nhìn người này, cùng với người ta nháy mắt liếc mảy, tâm vẫn còn tán loạn. Nhìn thấy người quý vị yêu thích sẽ cùng người ta cười cười gật đầu, nhìn thấy người không như ý vẫn sân si, trừng trừng đôi mắt, quý vị làm sao mà tương ưng được? Cho nên tâm quý vị không định lại được. Quý vị không phải tâm chân thành, tâm thanh tịnh niệm Phật. Ta niệm Phật, niệm một câu danh hiệu Phật vì chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, vì tất cả chúng sanh trong pháp giới, đó là tương ưng với tâm từ bi. Chư vị nghĩ xem, chúng ta niệm Phật không thu được hiệu quả, nguyên nhân do đâu vậy? Vì sao người khác niệm Phật có thể thu được hiệu quả rất tốt, nguyên nhân đó của họ ở đâu? Quý vị tìm cho ra điều này, nhân tố làm cho chúng ta không đạt được hiệu quả làm cho tiêu trừ, nguyên nhân làm cho người ta có hiệu quả rất tốt chúng ta phải ghi nhớ, để chọn lấy. Công phu niệm Phật của chúng ta cũng sẽ đắc lực, cũng sẽ có hiệu quả rất tốt.

Tam hoặc nếu như lần lượt phá là tiêm tu, đồng thời phá là đốn siêu, trong Phật Pháp nói hai môn đốn tiêm. Đốn siêu nhanh, pháp môn niệm Phật là đại pháp viên đốn. Làm thế nào dùng phương pháp “đô nhiếp lục căn”? Quán Thế Âm Bồ Tát trong hội Lăng Nghiêm đã nói. Đại Thế Chí Bồ Tát đề xuất “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Quán Thế Âm Bồ Tát làm tám gương cho chúng ta noi theo là “phản văn văn tự tánh” chính là “đô nhiếp lục căn”, dùng một chữ này để làm đại biểu. Nhĩ phản văn, nhãn phải phản quán. Thế nào gọi là “phản”? Không duyên với cảnh giới bên ngoài, chính là phản trở lại, chính là đô nhiếp. Nói cách khác, mắt có thể không nhìn sao? Được, nhắm mắt không nhìn. Tai có thể không nghe sao? Không thể nào. Tai không thể nào đóng lại. Ngủ say rồi, lỗ tai vẫn có thể nghe được âm thanh bên ngoài. Cách phản của tai như thế nào? Thực sự mà nói “phản” đó không phải nói chúng ta không nghe nữa, không nhìn nữa, không phải. Ý nghĩa của phản chính là ở đây nói tam quán. Tam quán chính là phản văn, mắt nhìn sắc tướng, tai nghe âm thanh, lập tức hiểu được thể tướng dụng của tất cả chúng sanh tướng rõ ràng thấu suốt. Đây chính là phản quán. Sẽ không tùy theo cảnh giới tướng mà chuyển. Biết được thể không tịch, tướng hư huyền, biết được nhân duyên quả của hiện tượng. Ngày xưa thầy Lý dạy cho chúng tôi từ tám phương diện mà nhìn nhận. Bất cứ một việc nào đều phải từ tám phương diện mà quan sát. Thể, tướng,

dụng là ba phương diện, nhân, duyên, quả là ba phương diện, sáu phương diện rồi, cộng với sự, lý nữa. Quý vị từ tám phương diện này quan sát, quý vị sẽ không bị mê hoặc, sẽ không bị cảnh giới chuyển. Bất cứ một sự vật nào, quý vị vừa nhìn liền có thể nhìn thấu tám mặt, quý vị sẽ biết nhìn, sẽ biết nghe. Những phương pháp này sau khi học rồi phải luyện tập vào trong cuộc sống hằng ngày, luyện cho được vô cùng thuần thục, sáu căn vừa tiếp xúc cảnh giới sáu trần tám mặt này đồng thời hiện tiền. Vậy quý vị mới được gọi là không mê, quý vị mới được gọi là biết nhìn. Đối với quán của “chỉ quán” này là hơi hơi có một chút cách thức, nhưng lại không sâu sắc. Quý vị biết xem, xem không sai, nhưng rất cạn cợt, chưa đủ sâu. Sâu thêm một tầng thì thế nào? Tám mặt này mỗi một mặt đều có tám mặt. Thể có thể của thể, tướng của thể, dụng của thể, có nhân của thể, duyên của thể, quả của thể, có sự của thể, lý của thể. Nói đến sự, có thể của sự, tướng của sự, dụng của sự, trong sự có nhân duyên quả, có sự của sự, lý của sự. Như vậy 8 nhân 8 là 64. Chúng ta thấy sắc, nghe thanh, trong khoảng sát na 64 mặt rất rõ ràng, thì cách nhìn, quán sát sự vật của quý vị mới có chút độ sâu. Điều này vẫn chưa đủ sâu, độ sâu không có đáy. 64 mặt trong mỗi mặt đó lại có 64 mặt, sau đó chúng ta mới rõ ràng ý nghĩa của câu nói “chư Phật Bồ Tát quán sát nhập vi” này. Chúng ta không thể không cúi đầu, không thể không ngũ thể đầu địa. Chúng ta thực sự sánh không bằng, chúng ta ngay cả 8 mặt cũng không thể nào để ý cho hết được. Người ta có thể quán sát nhập vi, ‘vi’ đó là độ sâu không đáy, rộng lớn vô biên. Cho nên người ta mới có thể một lỗ chân lông, một hạt bụi, có thể quan sát vô lượng vô biên pháp giới, nếu như không hiểu được những chân tướng sự thật này, chúng ta đối với nhiều danh từ pháp tướng trong kinh Phật chỉ mơ mơ hồ hồ mà xem qua. Làm gì hiểu được chân thật nghĩa của nó? Dùng tam quán phá tam hoặc trên bất kỳ sự vật nào, trên sự việc nào cũng được, chánh báo một lỗ chân lông, y báo một hạt bụi nhỏ, quý vị có thể dùng tam quán quán sát một pháp này, tam hoặc đều có thể phá được. Hà hướng trong tất cả các pháp? Sáu căn của chúng ta trong mỗi ngày, mỗi phút, mỗi giây tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, quý vị nhìn bằng cách nào? Quý vị có thể dùng chánh quán của Phật, Bồ Tát quán sát chính xác. Chấp trước, phân biệt, vọng tưởng đều không rồi. Đây là tam hoặc. Chấp trước là kiến tư phiền não, nghiêm trọng nhất. Phân biệt là trần sa phiền não. Vọng tưởng là vô minh phiền não. Thấy sắc nghe thanh trong mỗi mỗi pháp đều có thể đồng thời phá ba loại phiền não này. Trong tất cả pháp không còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nữa. Tâm của quý vị thanh tịnh rồi. Tâm thanh tịnh chính là tâm chân thành. Tâm thanh tịnh chính là tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh chính là tâm chánh giác. Tâm thanh tịnh chính là đại từ đại bi. Tánh đức viên mãn hiện tiền.

Thế nào gọi là dụng công? Thấy sắc nghe thanh, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, đó là đạo tràng, đó là dụng công. Vấn đề là chúng ta có hiểu hay không, có biết hay không. Khế nhập cảnh giới này chúng ta mới thực sự thể hội được thế nào gọi là đại tự tại. Câu đầu tiên trong Tâm Kinh ý nghĩa liền thể hội ra được, “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời”, “hành thâm bát nhã ba la mật” chính là nhất tâm tam quán, tam quán nhất tâm. Tam quán không phải có thứ lớp, không phải có sai biệt, một tức là ba, ba tức là một.

Vừa rồi tôi phân tích với quý vị từ tám phương diện mà quán sát, một tức là tám, tám tức là một. Thâm nhập được một tầng, tám tám sáu mươi tư, trong một niệm chính là sáu mươi tư, sáu mươi tư chính là một niệm. Chư Phật Như Lai trên quả địa, quán sát nhập vi là một niệm, đồng thời không có trước sau, không có thứ lớp, quý vị nếu như không hiểu được đạo lý này, hiểu rõ đạo lý này là nhìn thấu. Luyện tập trong cuộc sống thường nhật là thực sự làm đến công phu, thật biết dụng công, dụng công trong cuộc sống thường nhật, lúc ăn cơm từng hạt cơm đều là nhất tâm tam quán. Lúc uống trà mỗi một hớp trà đều là nhất tâm tam quán. Như vậy mới có thể “tánh thành vô thượng đạo”. Cho nên Tổ sư đại đức nói chúng ta không biết ăn cơm, không biết uống trà. Hòa thượng Triệu Châu bảo quý vị “uống trà đi”, quý vị thật sự bung tách trà uống luôn, người ta uống trà là nhất tâm tam quán, chúng ta uống trà là suy nghĩ lung tung. Ở đó dẫn khởi tham, sân, si, mạn, lá trà này ngon hay không, nước ngon hay không, trình độ công phu tốt hay không, suy nghĩ lung tung. Người thế gian còn tán thán: ồ, anh giỏi quá, anh hiểu được trà đạo. Quý vị nói xem còn cách gì nữa?

Cho nên Phật Pháp sau khi thâm nhập vào rồi, vị nó là vô cùng. Quý vị hãy chăm chỉ, nỗ lực. Nói, nói không hết, nói chỉ có thể là một cách nhắc nhở. Bản thân quý vị nhất định phải tư duy kỹ, phải khế nhập, phải ngộ nhập, quý vị mới có được sở đắc, mới có chỗ ngộ, có chỗ nhập. Nói như thế nào cũng chỉ là một sự nhắc nhở.

## HẾT TẬP 20

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 21****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mở kinh bôn ra! Địa Tạng Bồ Tát Bôn Nguyên Kinh, Luận Quán trang thứ 17, hàng thứ hai từ dưới đếm lên. Ở đoạn này Đại sư Thanh Liên nêu ra cho chúng ta “thập thừa quán pháp”, đây là cương lĩnh tu hành quan trọng của tông Thiên Thai. Bốn điều trước, điều thứ nhất là “quán bất tu nghì cảnh”. Thứ hai là “chân chánh phát bồ đề tâm”. Thứ ba là “thiện xảo an tâm chỉ quán”. Thứ tư là “phá pháp biến”. Lần trước đã giới thiệu qua rồi. Hôm nay chúng ta bắt đầu bàn từ điều thứ năm “thức thông tắc”.

“*Khổ tập, thập nhị nhân duyên lục tế trần sa vô minh vi tắc*”. “Tắc” là tắc nghẽn, là chướng ngại. Tắc nghẽn gì? Tắc nghẽn trí tuệ chúng ta, tắc nghẽn chúng ta làm cho không thể minh tâm kiến tánh. Mục đích cuối cùng của Phật pháp, là làm cho chúng ta khôi phục trí tuệ đức năng mà tự tánh vốn có đủ. Trí tuệ đức năng vốn đủ trong tự tánh không thể hiện tiền, là vì có chướng ngại, Phật trong tất cả kinh luận nói rất nhiều. Đại sư Thiên Thai đem lời đức Thế Tôn dạy qui nạp lại, nói cho chúng ta “khổ” là quả báo của thế gian. “Tập” là nghiệp nhân của thế gian. Điều này trong Tứ đế nói rất rõ ràng, rất thấu triệt. Chúng ta ở đây không thể giảng xa quá, nhiều quá.

“Thức thông tắc” chủ yếu là từ trên Tứ đế mà nói. “Thập nhị nhân duyên” là Duyên giác, trong kinh thường nói là Bích Chi Phật. Pháp môn mà họ tu học từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến lão tử. Tổng cộng 12 cương mục, gọi nó là thập nhị nhân duyên. Trong thập nhị nhân duyên có nhân, có quả. Về quả không có cách nào để đoạn. 12 điều cũng phân phối cho ba đời, cũng tức là quá khứ, hiện tại, vị lai. Nhân duyên của quá khứ, chúng ta không có năng lực siêu việt thời gian, cho nên quá khứ chúng ta cũng không làm gì được. Vị lai là chỉ cho đời sau, thực sự mà nói cũng không làm gì được. Thực sự có thể làm được là nhân quả ngay trong đời này, tức là tám cương mục giữa, từ “thức” đến “ái, thủ, hữu”, năm điều trước là thuộc về quả báo, nên thực sự có thể dụng công, thực sự có thể đoạn được một điều trong Thập nhị nhân duyên, vậy là thành tựu rồi. Trên thực tế, có thể đoạn chỉ có ba điều: ái, thủ, hữu, chính ba điều này.

Ái là mê hoặc. Chúng ta nói “hoặc nghiệp khổ”. Thủ và hữu đều thuộc về nghiệp. Quả báo là khổ. Cho nên nơi chúng ta có thể hạ thủ chính là từ hoặc nghiệp. Nếu như con người có thể đoạn hết ái dục, cửa này nhìn thấu

rồi, pháp thể xuất thế gian đều là tất cánh không, vô sở hữu, bất khả đắc. Chỉ có thực sự triệt để nhìn thấu, mới có thể đoạn hoặc, đoạn hoặc chứng chân. Điều này rất khó, rất khó, là điều hàng thượng thượng căn tu tập.

Thủ chính là thủ xả, cũng chính là thông thường chúng ta nói được mất. Người thế gian thường nói sợ được sợ mất. Đây là tạo nghiệp. Thủ cũng là nhiệm trước. Trong Phật pháp thường nói chấp tướng. Vừa nhiệm trước, nhất định liền “có” rồi. Có điều gì? Có tham, sân, si, mạn; có thị phi nhân ngã, trong thức A lại da quý vị liền có chủng tử, chủng tử nghiệp tập. “Hữu” là chỉ cho trong thức A lại da rơi vào chủng tử nghiệp tập. Đã là “hữu” rồi, nên sau đó liền có quả báo “sinh lão bệnh tử”.

Đức Phật nói đạo lý này, thuyết minh cho chúng ta ba đời chính là quá khứ, hiện tại, vị lai, nguyên nhân căn bản của luân hồi trong ba đời. Chúng ta biết được những đạo lý này, mới hiểu được luân hồi trong ba đời là sự việc như thế nào. Nếu muốn siêu việt lục đạo luân hồi thì mười hai nhân duyên này cũng giống như 12 vòng liên kết vậy, quý vị có thể phá được một vòng, thì toàn thể nó sẽ bị tan rã.

Đức Phật dạy chúng ta phá bỏ từ điểm nào? Từ ái, thủ, hữu. Hàng thượng thượng căn, nhìn thấu chân tướng của tất cả sự lý thế gian, cho nên ái dục họ có thể đoạn. Đây là thượng căn lợi trí. Hàng trung, hạ căn tánh không được, ở đây họ chưa đoạn được. Phật liền dạy cho chúng ta từ “thủ”, từ đây mà đoạn. “Bất thủ” tức là không chấp tướng. Chúng tôi trên giảng tòa thường khích lệ quý vị đồng tu, không phân biệt, không chấp trước, không phân biệt không chấp trước chính là từ “thủ” mà hạ thủ. Từ đó có thể biết, “ái thủ hữu” ba chữ này không phải nói sự tướng, mà nói đến dụng tâm. Trên sự tướng không thể tách rời, quý vị mỗi ngày ăn cơm ba bữa, quý vị phải mặc áo quần chống đỡ với khí hậu lạnh giá. Đây là sự tướng. Quý vị bắt buộc phải có phòng ốc che mưa che gió. Không phải từ trên sự mà ly, mà từ trên tâm, từ trên ý niệm mà ly. Điều này không thể hiểu sai. Trong cuộc sống hằng ngày tất cả đều tùy duyên, giống như Phật Bồ Tát vậy, nhất định không nên phân biệt, không nên chấp trước, vậy là có phương pháp khai mở được Thập nhị nhân duyên.

Loại thứ ba từ trên “hữu” mà đoạn. Điều này cũng không dễ dàng. Gọi là “vi nhi bất hữu”, đó là cảnh giới rất cao. Thực sự mà nói, từ trên hữu mà đoạn là những người nào? Đa số là người tái lai, chư Phật Bồ Tát ứng hóa thân vào trong thế gian chúng ta. Chúng ta nhìn thấy họ cũng có ái, họ cũng có thủ, nhưng không có “hữu”. Đây là công phu cao. Trong thiền môn nói: “bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân”, đó chính là từ trên “hữu” mà đoạn. Họ cùng với tất cả chúng sanh hòa quang đồng trần.

Trong Phật Giáo Trung Quốc, một nhân vật đại biểu rõ ràng nhất là Tề Công hòa thượng. Thông thường chúng ta xem trong tiểu thuyết Tề Công

Truyện, việc đó không đáng tin, nếu như thực sự chư vị muốn hiểu được Tể Công trưởng lão, trong Đại Tạng Kinh có truyện ký Tể Công, phân lượng truyện ký của Ngài rất nhiều, hình như có sáu quyển thì phải, phân lượng tương đối nhiều. Đây là từ trên “hữu” mà đoạn. Ái thủ của họ là biểu diễn, khác với phàm phu chúng ta, họ là biểu diễn, là thị hiện. Nhưng tại thế gian chư Phật Bồ Tát thị hiện rất nhiều, nhục thân phàm phu chúng ta không biết được. Chúng ta đọc kinh Phật rồi, biết được có sự việc như vậy. Vì vậy chúng ta đối với một số thị hiện, nhất định không thể coi thường, không được kinh mạn, bởi vì chúng ta là phàm phu không biết họ là người nào, họ có phải là Phật Bồ Tát, có phải là A la hán thị hiện hay không, chúng ta làm sao mà biết được? Họ cũng chắc chắn sẽ không tiết lộ thân phận của mình. Trong Đại kinh nói các loại thị hiện, họ chỉ có một mục đích là giác ngộ tất cả chúng sanh. Bất luận là thị hiện chánh diện, hay là thị hiện phản diện, hành thiện hay là làm ác. Quý vị tỉ mỉ mà quan sát, đều là giáo hóa thế nhân, đều là giúp đỡ thế nhân giác ngộ.

Nếu như tuân tự theo 12 nhân duyên mà lưu chuyển, vậy là “tác” rồi, vĩnh viễn trong lục đạo luân hồi. Ví dụ như nói ái là tham ái. Thủ là chiếm hữu, không chế, hữu là tạo nghiệp. Nghiệp khí này chùng tử rơi vào trong A lại da thức, dẫn đến quả báo của đời sau. Đây chính là quý vị vĩnh viễn không thể nào siêu việt lục đạo luân hồi. Nhưng tất cả phải hiểu được, nếu như không thể siêu việt lục đạo luân hồi, chúng ta trong đời này khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, ác nghiệp nhiều hơn thiện nghiệp, đặc biệt là sinh sống trong thời đại này, không có thiện tri thức hướng dẫn chúng ta, giống như trong kinh Địa Tạng có nói “khởi tâm động niệm toàn là tội nghiệp”. Tương lai quả báo nhất định ở tại tam đồ. Nói đời sau được phước báo nhân thiên, thực sự mà nói điều đó là rất mong manh. Bản thân chúng ta bình tĩnh mà phản tỉnh phản tỉnh, chúng ta ngũ giới thập thiện, tu được như thế nào? Ngũ giới thập thiện tu không tốt, so với tiêu chuẩn trên kinh luận kém quá xa. Đời sau thân người không có được nữa. Phật ở trong kinh nêu ra cho chúng ta một ví dụ, hiện tại người được thân người mất đi thân người, đời sau được thân người lại, Phật nói ra ba ví dụ. Ví dụ thứ nhất nói là “đất trên móng tay, đất trên trái đất”, Phật ở trên đất nắm một nắm đất bùn, đất cát, số lượng đất trên tay ví dụ cho người được thân người, Ngài rải đất này xuống, đất trên móng ngón tay còn lưu lại một tí, còn chưa rơi xuống, người đời sau có thể được thân người là một tí đất còn lưu lại trên móng tay, người không được thân người là đất rơi xuống lại trên đại địa. Được mấy người đời sau có thể được thân người? Bản thân chúng ta phải bình tĩnh mà suy nghĩ xem. Chúng ta trong đời này tạo tác các việc, chúng ta suy nghĩ là gì? Làm được là những gì? Đời sau được quả báo như thế nào, không cần hỏi người khác, bản thân bình tĩnh suy nghĩ liền biết được.

Người bình tĩnh mà suy nghĩ dễ dàng giác ngộ, suy nghĩ đến điều này đáng sợ. Đáng sợ liền nhanh chóng quay đầu. Hồi đầu thì chắc chắn trong cuộc sống hằng ngày không khởi một ác niệm nào, không thể khởi ác niệm hại chúng sanh, càng không thể khởi ác niệm hại người. Ý niệm đã không thể khởi đương nhiên sẽ không có những hành vi. Chúng ta vì sao phải làm như vậy? Hi vọng không bị rơi vào ác đạo. Đức Phật hướng dẫn chúng ta, đây là ba mục tiêu mà trong kinh đã nói. Mục tiêu thứ nhất dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, chuyển ác làm thiện, như vậy mới có thể được thân người, không mất thân người. Quý vị không chịu làm, quý vị không thể trách Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát giảng rõ ràng như vậy, bản thân quý vị không làm, vậy thì cũng hết cách rồi. Từ đó, chúng ta cũng rất rõ ràng mà nhìn ra được, Đức Phật hướng dẫn chúng ta ba mục tiêu. Thứ nhất là chuyển ác làm thiện, tức là dạy chúng ta ở trong lục đạo có thể giữ gìn được hai cõi người trời, nhất định không rơi vào ba đường ác. Đây là yêu cầu thấp nhất của dạy học Phật Pháp. Thứ hai là phá mê khai ngộ. Phá mê khai ngộ là những người nào? Là những người ngoài lục đạo. Trong thập pháp giới nói là Thanh Văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Đó là chuyên mê thành ngộ, siêu việt lục đạo. Mục tiêu cuối cùng là chuyển phàm thành thánh. Đây là siêu việt thập pháp giới, chúng nhất chân pháp giới. Trong nhất chân pháp giới mới gọi là Thánh nhân. Vì sao vậy? Kiến tánh rồi. Phá nhất phẩm vô minh, chúng nhất phần pháp thân. Đó là chuyên phàm thành Thánh.

Dưới đây nói đến “lục tế”, đây chính là phản diện với lục ba la mật của Bồ Tát. Phản diện của bố thí là xan tham. Xan tham là tế. Đây là phiền não vô thủ kiếp đến nay. Bản thân có lúc không đành bố thí, không chịu cúng dường cho người khác, chúng ta nói là bòn xén. Bản thân chưa đạt được, luôn nghĩ đủ cách để muốn cho được. Sau khi được rồi lại không chịu bố thí. Cho nên Đức Phật dạy chúng ta dùng phương pháp bố thí phá xan tham phiền não từ vô thủ kiếp đến nay, phiền não này nặng nhất, xếp vào điều số một. Thứ hai là ác nghiệp, thân khẩu ý ba nghiệp bất thiện, tạo thành ác nghiệp đây là tế. Đức Phật dạy cho chúng ta dùng phương pháp trì giới phá ác nghiệp. Sân nhuế là tế, Đức Phật dạy chúng ta dùng phương pháp nhẫn nhục để phá sân nhuế. Giải đãi, phóng dật, biếng nhác, đây là tế, Phật dạy chúng ta dùng phương pháp tinh tấn để phá giải đãi. Tán loạn là tế, tâm tán loạn, ý chí không thể tập trung, Đức Phật dạy chúng ta dùng phương pháp thiền định. Ngu si là tế, Đức Phật dạy chúng ta dùng phương pháp trí tuệ bát nhã để phá ngu si. Sáu loại phiền não này gọi là lục tế. Lục đạo chúng sanh đều có.

Dưới đây nói là “trần sa vô minh”, đây là phiền não càng vi tế hơn, phiền não càng phức tạp hơn, vô lượng vô biên. Dùng trần sa để ví dụ, phiền não nhiều quá, giống như trần sa vậy. Chúng ta có những thứ này,

điều Đức Phật nói chúng ta đều có đủ. Cho nên trí tuệ của chúng ta không khai, tâm tánh bế tắc, nguyên nhân là ở đây vậy. Chúng ta phải nhận thức cho rõ ràng. Làm thế nào mới có thể dẹp bỏ chướng ngại vật này, làm cho nó có thể thông suốt vô ngại? Hai điều sau của Tứ đế là đạo và diệt, tu đạo. “Đạo” là nhân, nhân xuất thế gian. “Diệt” là quả báo xuất thế gian. Đoạn trước “khổ” là quả báo thế gian. “Tập” là nhân của thế gian. Sắp xếp của Tứ đế là Khổ Tập Diệt Đạo. “Diệt” là quả của xuất thế gian. “Đạo” là nhân của xuất thế gian. Sự sắp đặt ở đây, quả của pháp thế gian xếp vào thứ nhất. Nói ra mọi người dễ dàng hiểu được, thế gian khổ quá, nhắc đến cảm xúc chúng ta rất sâu sắc. Khổ từ đâu mà có? Đây giảng là tập. Dưới đây nói chúng ta làm sao để tu đạo, để chứng diệt. Diệt này là Đức Phật trong kinh điển thường thường nói đến “Đại bát niết bàn”. Đại bát niết bàn ở đây ý nói là diệt. “Diệt nhân duyên”, trước đây nói mười hai nhân duyên, đây là tắc. Quý vị có thể diệt trừ 12 nhân duyên này, vậy là thông rồi. Nghĩa là lục đạo và Tứ thánh pháp giới thông rồi, không có chướng ngại nữa, quý vị có thể siêu việt lục đạo luân hồi, chứng nhập Tứ thánh pháp giới.

Làm thế nào để đối phó lục tế? “Trí lục độ”. Trong lục độ có bát nhã ba la mật. Vì sao ở đây dùng “trí”? Chữ “trí” này dùng ở đây ý nghĩa rất sâu sắc, nó rõ người không có trí tuệ sẽ không tu lục độ. Phật Bồ Tát ngày ngày giảng cho chúng ta, chúng ta có làm theo hay không? Không làm theo. Vì sao lại không làm theo? Vì không có trí tuệ, nghe rồi chỉ là gió thoảng qua tai. Vậy thì phải làm thế nào chúng ta mới có thể làm được? Nghe nhiều liền khai trí tuệ. Cho nên thời gian dài huân tu là điều vô cùng quan trọng. Phật Bồ Tát rất từ bi, ngày ngày hướng dẫn chúng ta, thời thời giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta, làm cho chúng ta có cơ hội huân tập thời gian dài không gián đoạn. Chúng ta phải hiểu được khổ tâm của Phật. Phương pháp Đức Phật dạy học thiện xảo, nghe lâu rồi, huân tập lâu rồi, không hay không biết liền khai trí tuệ, liền muốn làm, chăm chỉ mà y giáo phụng hành, học Bồ Tát đạo, học Bồ Tát hạnh. Bồ Tát đạo là học tồn tâm của Bồ Tát. Phàm phu thực sự, những đồng tu trung hạ căn tánh này, trong lục đạo chúng sanh đại đa số là người trung hạ căn tánh. Thời gian dài không gián đoạn huân tu thì sẽ khởi tác dụng.

Bản thân chúng tôi là một ví dụ. Chúng tôi từ nhỏ loại lục tế này không những có mà còn vô cùng kiên cố. Những thứ của mình vì sao phải cho người khác? Tôi từ nhỏ sinh sống trong một gia đình nghèo khổ, gia đình hoàn toàn không giàu có, ngay cả tiểu khang cũng không được, trong nhà không có sản nghiệp gì, đất đai nhà cửa đều không có, cũng không có tích lũy gì. Cả nhà tôi người cũng không nhiều, cả nhà bốn người, nhờ công việc của phụ thân kiếm được một ít tiền lương để duy trì cuộc sống. Cho nên chúng tôi đối với tất cả những vật tư đều vô cùng trân quý, có được

không dễ dàng. Như vậy liền nuôi thành thói quen tham tiếc. Tôi lúc nhỏ thích đọc sách, nhưng sách của tôi đừng nói là tặng cho người khác, cho người khác mượn xem tôi cũng sẽ không đồng ý. Vì sao vậy? Sách sau khi mượn xong làm cho sách tôi bị bẩn, tôi rất không vui. Đồ vật của tôi tôi rất trân trọng, sách tôi học rồi đều rất sạch sẽ. Tôi viết chữ trên sách cũng viết rất ngay ngắn, trên sách tuyệt đối không có gấp làm dấu ở trên đó. Người ta mượn sách xem đến đâu thì gấp ở đó một cái, mang về lại quyển sách này tôi không cần nữa. Vì sao đến nay có thể bỏ thí rộng rãi như vậy? Ngày ngày nghe kinh, ngày ngày nghe pháp, thời gian lâu rồi, dần dần hiểu rõ, sửa đổi lại quan niệm sai lầm ngày xưa, sự sửa đổi này rất khó khăn.

Tôi theo đại sư Chương Gia ba năm, ngài dạy tôi dùng ba năm công phu, làm cho tôi giác ngộ được, hơn nữa trong ba năm chăm sóc và đốc thúc cho tôi, tôi chịu làm, chịu học. Tôi tôn trọng thầy giáo, tôi nghe lời thầy giáo, dần dần chuyển đổi quan niệm, hành vi chuyển đổi, mới có được một chút thành tựu như vậy.

Ở đây dùng “trí” dùng rất hay, nói với chúng ta ngày ngày phải đọc sách. Tam phước trong Quán kinh điều cuối cùng: “đọc tụng Đại thừa khuyến tấn hành giả”, hai câu nói này là bổ trợ cho nhau. Khuyến người khác, thực sự mà nói chính là khuyến bản thân. Khuyến người khác người ta có thể tiếp thu hay không không cần phải để ý nhiều. Vì sao vậy? Khuyến người khác, thực sự mà nói là khuyến bản thân. Giảng kinh thuyết pháp phải chăng là để cho người khác nghe? Không phải, mà cho bản thân nghe. Lúc nào mới là giảng cho người khác nghe? Sau khi chuyển phàm thành thánh là giảng cho người khác nghe. Chuyển mê thành ngộ vẫn còn là giảng cho bản thân nghe. Nói cách khác, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật trong thập pháp giới, giảng kinh thuyết pháp cũng là cho bản thân nghe. Siêu việt thập pháp giới chứng được pháp thân đại sĩ, lúc đó có thể nói là giảng kinh cho người khác nghe, là lợi tha, không phải là tự lợi. Phật Bồ Tát trong thập pháp giới, lợi tha thực sự đều là tự lợi, chúng ta nên biết điều này.

Trần sa vô minh là khó phá trừ nhất, phải dùng phương pháp gì? “Nhất tâm tam quán”. Trần sa phức tạp biết bao, số lượng rất nhiều. Nhất tâm có thể đối trị. Làm thế nào để được nhất tâm? Phương pháp của Tịnh Tông chúng ta là trì danh niệm Phật. Trong Kinh Di Đà hướng dẫn chúng ta, mục đích trì danh niệm Phật ở đâu? Nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo. Nhất tâm bất loạn phá trần sa hoặc. Tâm không điên đảo phá vô minh hoặc. Tức dùng một câu danh hiệu Phật này. Phương pháp này tuyệt diệu rồi. Chỉ cần trung thực mà niệm, gọi là trung thực trong đây không có hoài nghi, không có xen tạp, không có gián đoạn, thì gọi là trung thực niệm. Chỉ cần cứ tiếp tục niệm như vậy tự nhiên có một ngày đạt được thành công, trong

thiền môn nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là cùng một hiệu quả như nhau. Phương pháp dùng không giống nhau, mục đích đạt được hoàn toàn tương đồng. Căn cứ theo Thế Tôn trong kinh luận dạy cho chúng ta, thì còn phải thù thắng hơn thành tựu ở trong thiền môn. Vì sao vậy? Họ được tất cả chư Phật hộ niệm, được tất cả chư Phật tán thán. Cho nên đây thực sự là pháp môn không thể nghĩ bàn. Chúng ta dùng phương pháp này để tu học thì thông rồi.

Đoạn này giới thiệu ra, tôi có thêm một tổng kết. Chúng ta nêu tu đạo, đạo là phương pháp, như lý như pháp mà tu học, buông bỏ ái thủ hữu, hiểu được sự thật của ái thủ hữu là bất khả đắc. Đó chỉ là một huyền tướng mà thôi. Thực sự là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chắc chắn không phải là sự thật. Trong Kinh Kim Cang nói với chúng ta “tam tâm bất khả đắc”, nói rõ quý vị có thể đạt bất khả đắc. Chư pháp duyên sanh, duyên sanh không có tự tánh, không có tự thể. Phàm là nhân duyên sanh pháp đều không có tự thể. Cho nên nói đương thể tức không, liễu bất khả đắc. Quý vị đạt được bất khả đắc. Hư không pháp giới tất cả chúng sanh, ngày nay chúng ta nói tất cả người, sự, vật, đều bất khả đắc. Thế pháp bất khả đắc, nói thêm với quý vị Phật Pháp cũng bất khả đắc. Nên Đức Phật mới nói: “pháp còn phải xả, huống là phi pháp”. Phật Pháp, thế pháp đều bất khả đắc. Ba chữ “bất khả đắc” trong kinh Đại Bát Nhã, đức Thế Tôn nói trên cả ngàn lần. Một bộ kinh Đại Bát Nhã chúng ta xem xong rồi, trí nhớ của chúng ta không tốt, vừa xem xong rồi thì không nhớ gì nữa, nhưng ba chữ “bất khả đắc” sẽ ghi nhớ rất kỹ càng. Vì sao vậy? Xem nhiều quá, khắp nơi đều thấy Phật nói “bất khả đắc”, ba chữ bất khả đắc này ấn tượng vô cùng sâu sắc. Số lần này nhiều quá. Biết được bất khả đắc rồi còn vọng tưởng gì nữa?

Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huán, Viên Liễu Phàm vì sao tâm thanh tịnh, không có vọng tưởng? Ông biết được bất khả đắc, khởi vọng tưởng bất khả đắc, quý vị đạt được là trong số mệnh vốn có rồi. Trong số mệnh không có muốn như thế nào cũng không có được. Vậy thì chi bằng không cần nữa. Tâm thanh tịnh hiện tiền, ông ấy cũng chưa phải thực sự thanh tịnh. Ngày xưa trên giảng tòa tôi thường nói Liễu Phàm tiên sinh là phàm phu chuẩn, chúng ta chưa đủ tiêu chuẩn, ông ấy là phàm phu chuẩn. Vì sao vậy? Thuận theo vận mệnh mà đi, hoàn toàn không thể thay đổi, tức mạng luận, chuẩn phàm phu.

Chúng ta hiện tại phải hạ thủ từ đâu? Đối với pháp thế xuất thế gian, tất cả người, tất cả sự, tất cả vật phải buông bỏ ý niệm không chế, ý niệm chiếm hữu, hạ thủ từ đây. Nếu như muốn không chế tất cả người, sự, vật, chiếm hữu tất cả người, sự, vật, quý vị nếu như không chịu buông bỏ, thì quý vị đời này bất luận tu học pháp môn nào, đều không thể thành tựu. Vì sao vậy? Tắc, bế tắc rồi. Chắc chắn không thông nữa. Quý vị còn có thành

tự gì nữa? Quý vị học Phật Pháp, cậy mình thông minh lanh lợi, nói đến nổi hoa trời rơi xuống, nhưng tương lai phải đọa tam đồ, thì vẫn phải đọa tam đồ như thường. Luân hồi lục đạo vẫn là luân hồi lục đạo như thường. Quý vị có thành tựu gì đáng nói đâu? Nhất định phải hiểu được nên hạ thủ từ đâu. Phải thâm nhập kinh tạng. Thâm nhập kinh tạng, đối với hiện tiền chúng ta mà nói “nhất môn thâm nhập”, một bộ kinh mà thâm nhập, khai thác nghĩa lý sở tàng trong bộ kinh đó. Chúng ta đi là đi trên con đường này. Nghĩa lý của một bộ kinh này nếu như được quý vị khai thác rồi, một kinh thông tất cả kinh đều thông, vấn đề của quý vị giải quyết được rồi, mọi thứ quý vị đều thông đạt. Điểm này rất quan trọng. Chứ không phải thâm nhập kinh tạng, là bảo quý vị đi nghiên cứu Đại Tạng Kinh, vậy thì suốt đời quý vị cũng chưa thông được. Thâm nhập kinh tạng là quý vị chọn lựa một bộ, chọn bộ kinh nào? Trên lý luận mà nói thì chọn bất cứ bộ kinh nào cũng được, bởi vì pháp là bình đẳng, “pháp môn bình đẳng không có cao thấp”, bất cứ bộ nào cũng giống nhau. Nhưng chúng ta nhất định phải suy xét đến trình độ của bản thân, tình hình cuộc sống. Bộ kinh điển nào, những pháp môn nào chúng ta tu học cảm thấy thuận tiện, không cố sức quá, chướng ngại tương đối ít, vậy mới dễ dàng.

Vì sao thời kỳ mạt pháp về sau còn 9000 năm, chư Phật Bồ Tát đều tán thán Tịnh Độ? Chúng ta đem Kinh Vô Lượng Thọ so sánh với những kinh điển khác, đích thực Kinh Vô Lượng Thọ dễ dàng, pháp môn niệm Phật thuận tiện. Bất luận lúc nào, bất luận ở đâu, một câu danh hiệu Phật không có bất kỳ chướng ngại nào, có đồng tham đạo hữu có thể cùng nhau đồng tu, không có đồng tham đạo hữu một mình trung thực niệm cũng có thể thành công. Quý vị trong một gia đình, cả nhà không niệm Phật, quý vị niệm Phật người ta ghét, mình không niệm ra tiếng, trong tâm niệm thầm cũng không có chướng ngại. Pháp môn này thuận tiện.

Danh hiệu Phật niệm như thế nào thì mới tương ưng, Đại Thế Chí Bồ Tát đã giảng cho chúng ta: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đô nhiếp lục căn, chúng ta nói cách khác chính là buông bỏ vạn duyên, mắt không tham sắc, tai không tham âm thanh, lưỡi không tham khẩu vị, cho đến ý không tham chư pháp. Đây gọi là đô nhiếp lục căn. Cũng tức là Quán Thế Âm Bồ Tát trong hội Lăng Nghiêm nói: “phản văn văn tự tánh”, Ngài dùng nhĩ căn làm một ví dụ. Tai là nghe âm thanh bên ngoài, không nghe âm thanh bên ngoài, thu về nghe tự tánh. Tự tánh là thanh tịnh tịch diệt. Sau đó là tịnh niệm tương tục. Tịnh niệm, không hoài nghi, không xen tạp chính là tịnh niệm. Tương tục là không gián đoạn. Từ đó có thể biết, tịnh niệm tương tục và đô nhiếp lục căn có mối liên hệ vô cùng mật thiết. Ngày nay chúng ta tịnh niệm tương tục vì sao lại làm không được? Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn vì sao lại làm không được? Nguyên nhân

làm không được, là do chúng ta không thể nào thu nhiếp sáu căn, mắt tham nhìn sắc tướng bên ngoài, tai tham nghe thanh trần bên ngoài. Cho nên công phu của quý vị không đắc lực. Sáu căn còn phan duyên sáu trần bên ngoài. Đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Chúng ta niệm Phật công phu không đắc lực, nguyên nhân là do đâu? Sau khi hiểu rõ rồi, mắt buông bỏ sắc trần, tai buông bỏ thanh trần, mũi buông bỏ hương trần, lưỡi buông bỏ vị trần, thân buông bỏ xúc trần, ý buông bỏ pháp trần. Sáu trần buông bỏ rồi, tịnh niệm tương tục tự nhiên được thành tựu. Công phu của quý vị đắc lực rồi, vãng sanh mới thực sự được chắc chắn. Cho nên có thể tu lục độ là trí tuệ. Nhất tâm tam quán là trí tuệ càng cao hơn. Như vậy chúng ta mới có năng lực siêu việt thập pháp giới, thông Như Lai quả địa, không chỉ là Bồ Tát, mà thông Như Lai địa.

Thứ sáu là “đạo phẩm điều thích”, điều này không thể giảng kỹ, giảng kỹ chiếm thời gian nhiều quá. “Đạo phẩm” là chỉ cho điều gì? 37 phẩm trợ đạo. 37 phẩm trợ đạo trong kinh luận nói rất nhiều rồi. Trong Kinh Di Đà có nói đến. Chú giải của đại sư Liên Trì, đại sư Ngẫu Ích văn chương rất dài, nói vô cùng vi tế.

“Vô tác đạo phẩm”, đây là phân phối trong tứ giáo- Tạng, thông, biệt, viên. Vô tác tứ đế, Vô tác 37 phẩm trợ đạo đều thuộc về Viên giáo. 37 phẩm trợ đạo, đại sư Thiên Thai cũng phân nó vào trong tứ giáo. Thông thường chúng ta đều cho rằng tứ đế, 37 phẩm trợ đạo là Tiểu thừa tu. Thiên Thai nói với chúng ta: Tứ đế mà Tiểu thừa sở tu là Sanh diệt tứ đế, 37 phẩm trợ đạo mà Tiểu thừa tu là sanh diệt đạo phẩm. Cho nên Tứ đế, 37 phẩm trợ đạo xuyên quán toàn thể Phật Pháp. Giảng đến cuối cùng vô tác là Viên giáo vô tác tứ đế, vô tác 37 đạo phẩm. Đây là pháp mà đại Bồ Tát sở tu.

“Nhất nhất điều đình, tùy nghi nhi nhập”, nghĩa là tùy theo Tứ giáo, tùy thuận tứ giáo. Nói cách khác, chính là tùy thuận căn tánh của tất cả chúng sanh. Họ là tạng giáo căn tánh, liền dùng phương pháp tạng giáo. Thông giáo căn tánh thì dùng phương pháp của thông giáo. Biệt giáo căn tánh dùng phương pháp của biệt giáo. Viên giáo căn tánh dùng phương pháp của viên giáo. “Nhất nhất điều đình, tùy nghi nhi nhập”. Đều có thể kế nhập. Đoạn này chúng ta tuy không nói kỹ, trên thực tế bộ Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, từ đầu đến cuối hoàn toàn bao gồm chúng sanh căn tánh tứ giáo, cho đến phương pháp điều đình đều có trong bộ kinh này. Kinh này tổng cộng có 13 phẩm. Chúng ta ở trong đây đều có thể học được. Thập thừa quán pháp từ thứ hai đến thứ sáu, dưới đây chư vị có thể nhìn thấy, đây là người trung căn. Chúng ta hiện nay đại đa số đồng học đều thuộc về người trung căn.

Dưới đây đoạn cuối bốn điều là đối với người hạ căn mà nói, chúng ta cũng không thể lược qua. Chúng ta tuy nói là người trung căn, thực sự mà nói phương pháp tu học của hạ căn chúng ta cũng vẫn chưa làm được.

“*Đệ thất, đối trị trợ khai, nhược chánh đạo đa chương, viên lý bất khai, tu tu sự trợ*”. Dưới đây nói “vị ngũ đình tâm, lục độ đẳng”. Điều này phải thật làm. Bốn chữ đầu đề, chữ “khai” cuối cùng, “khai” là khai trí tuệ. Thông thường chúng ta nói là khai ngộ. Vì sao không thể khai ngộ? Vì sao không thể khai trí tuệ? Phải dùng phương pháp gì giúp đỡ chúng ta khai ngộ, giúp đỡ chúng ta khai trí tuệ? Sự việc này quan trọng.

“Chánh đạo”, bất luận quý vị tu hành là một pháp môn nào, pháp môn tu chính cũng là chánh đạo. Chúng ta hiện nay tu Tịnh Độ, Tịnh Độ tam kinh, hiện nay nói Ngũ kinh. Trong ngũ kinh đó bất kỳ bộ nào, chúng ta chọn lựa ra làm pháp môn tu chính suốt đời, một đời tu hành nương tựa vào bộ kinh luận này. Hiện nay chúng ta đa phần chọn là Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là viên lý bất khai. Đạo lý cứu cánh viên mãn, chúng ta không thể nào hiểu rõ. Vì sao lại không rõ ràng? Đa chương, chương ngại quá nhiều. Chương ngại này đến từ vô lượng vọng tưởng, vô lượng phân biệt, vô lượng chấp trước. Cho nên chúng ta tuy tu học vẫn không thể khai ngộ. Lúc này đại sư Thiên Thai dạy cho chúng ta, nhất định phải trên sự mà tu học, giúp đỡ chúng ta khai ngộ. Ngài nêu một ví dụ, thí dụ như “ngũ đình tâm, lục độ đẳng”. Về tông cương lĩnh mà nói chính là nhìn thấu, buông bỏ. Tôi năm xưa học Phật, đây là lần đầu tiên gặp mặt đại sư Chương Gia, Ngài truyền thọ cho tôi sáu chữ, “nhìn cho thấu, buông xuống được”, so với ở đây nói còn đơn giản hơn, còn tóm tắt hơn, đối với người sơ học chúng ta mà nói rất có hiệu quả. Ý nghĩa của hai câu nói này vô cùng sâu rộng. Cũng giống như trước đây nói “tùy nghi nhi nhập”. Chúng ta có thể lý giải được bao nhiêu thì phải làm được bấy nhiêu. Dần dần thâm nhập.

Tôi học Phật đến năm nay được 47 năm, ý nghĩa nhìn thấu, buông bỏ càng thể hội càng sâu, càng thể hội càng rộng, rộng vô biên tế, sâu đến vô cùng, chúng ta mới nắm được bao nhiêu? Phải không ngừng chăm chỉ nỗ lực tinh tấn, nhìn thấu và buông bỏ hỗ trợ cho nhau. Nhìn thấu đích thực giúp cho quý vị buông bỏ. Buông bỏ giúp quý vị càng nhìn thấu hơn một tầng nữa. Nhưng nếu như quý vị không chịu buông bỏ, tầng thứ quý vị đã nhìn thấu cũng chỉ đến đó mà thôi, không thể nâng cao thêm nữa. Nhìn thấu một tầng, tầng đó nhanh chóng buông bỏ. Nếu như không buông bỏ thì sự nhìn thấu này cũng là dừng lại nơi cảnh giới trước mắt.

Tôi thể hội được đại sư Chương Gia dạy cho tôi pháp môn này, là một phạm phu từ sơ phát tâm cho đến vô thượng đạo, chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn, phương pháp mà họ dùng đến, phương pháp tuy là vô lượng vô biên, vô lượng pháp môn tổng kết lại chính là cương lĩnh này.

Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ là công phu. Nếu dùng pháp thế gian để nói nhìn thấu là học vấn, buông bỏ là công phu chân thật.

Đại sư Trí Giả nêu “ngũ đình tâm”, đây là điều trong Thiên Thai chỉ quán hướng dẫn cho kẻ sơ học. Đại sư Trí Giả vô cùng khiêm tốn, lúc Ngài vãng sanh chúng đệ tử thỉnh giáo Ngài: Ngài vãng sanh Thế giới Cực Lạc, phẩm vị của Ngài rốt cuộc cao chừng nào? Đại sư vô cùng khiêm tốn: bởi vì tôi lĩnh chúng cho nên tôi chúng được là ngũ phẩm vị, ngũ phẩm vị chính là ngũ đình tâm quán. Vị thứ này không cao, là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Điều này cho chúng ta một sự cảnh giác rất lớn. Ngài nói bởi vì Ngài lĩnh chúng nên bận tâm nhiều, phải lo nhiều việc, Ngài là trú trì một đạo tràng cho nên đối với phẩm vị vãng sanh phải hi sinh rồi, xả thân vì người, hi sinh phẩm vị của bản thân mà thành tựu đại chúng. Nói cách khác, nếu như Ngài không lĩnh chúng, không quản những việc không đâu này, phẩm vị sẽ cao, chắc chắn không phải là ngũ phẩm vị rồi.

Chư vị nghĩ xem lời này ý là gì? Hiện nay xã hội này, là xã hội cạnh tranh. Người thế gian tranh danh lợi, người xuất gia cũng nhiễm vào cái tập khí này, cũng ở đó mà cạnh tranh. Nếu quý vị tranh đến tay rồi, có thể giống như đại sư Trí Giả ngũ phẩm vị vãng sanh hay không? Nói cách khác, trong đây hàm ý rất sâu. Đại sư Trí Giả nhất định có chắc chắn về sự vãng sanh, phẩm vị thấp một chút cũng không sao, chắc chắn về điều vãng sanh. Nếu như chúng ta ngay cả chắc chắn về vãng sanh cũng không có, đi tranh, tranh được rồi bản thân còn tiếp tục việc luân hồi. Thậm chí bất hạnh còn đọa vào ba đường ác, đó không phải là sai lầm quá lớn rồi sao? Thực sự không bằng những bà già, ông lão từ sáng đến tối niệm một câu A Di Đà Phật, địa vị gì họ cũng không có, danh vọng gì cũng không có, người ta niệm Phật vãng sanh tướng lành hi hữu, họ thật vãng sanh rồi. Đại sư Trí Giả biểu diễn cho chúng ta thấy, đó là sự giáo hóa rất sâu sắc. Chúng ta nếu có thể lãnh hội được, đặc biệt là trong thời đại này, trước thế chiến thứ hai vài năm, chúng ta nhìn thấy thời đó một số đại đức, các vị cư sĩ viết một số văn chương, cảm giác được thế gian này tai nạn nhiều quá, tai nạn nghiêm trọng quá, khuyên mọi người trung thực mà niệm Phật.

Ngày nay xã hội này đại loạn, tai nạn nhiều, so với 50 năm trước không biết đã tăng thêm bao nhiêu lần, nhưng chúng ta nhìn xem người có tâm cảnh giác dường như không nhiều như trước đây. Từ đó có thể biết, hiện nay nhân tâm càng mê càng nghiêm trọng, mê hoặc họ mới tạo nghiệp. Mê là căn bản của tất cả chướng duyên. Chúng ta nghĩ đến chỗ này, thì cũng có thể lãnh hội được. Vào thời đại đó người hướng dẫn nhiều, người thuyết pháp nhiều, hoàn cảnh tu học tốt hơn hiện tại. Nói cách khác, người giác ngộ rất nhiều. Hiện nay xã hội này ai dạy quý vị? Không có ai dạy, không có ai giảng nữa, chúng ta nghe được đều là danh văn lợi dưỡng, đều là ngũ

dục lục trần, ở trong đó làm công việc, quý vị nói xem làm sao mà không nguy?

Pháp căn bản của Thiên Thai quán giáo, ngày xưa chúng tôi ngày xưa lúc giảng Kinh Di Đà cũng rất đề tâm giảng qua, giảng rất tường tận, phải hạ thủ từ đâu? Phải từ tứ niệm xứ mà hạ thủ.

Tứ niệm xứ là trí tuệ. Tứ chánh cần là giới luật. Từ tứ niệm xứ sửa đổi quan niệm sai lầm của chúng ta. Từ tứ chánh cần chúng ta có một phương hướng chính xác mà nỗ lực. Từ tứ như ý túc chúng ta giác ngộ được tâm an lý đặc. Đây là pháp môn chung, vô lượng vô biên pháp môn đều kiến lập trên cơ sở này. Cơ sở này, chúng tôi đọc qua, cũng giảng qua, nhưng tu học không đắc lực. Thực sự đúng như chỗ này đã nói: chánh đạo đa chướng, viên lý bất khai, tu tu sự trợ, ngũ đình tâm, lục độ cách chúng ta vẫn còn xa quá. Chúng ta từ trên biểu đồ ở đây mà xem, thì chúng ta làm gì được là trung căn, thực sự mà nói là hạ căn. Không những là hạ căn mà còn là người hạ căn trong hạ căn. Người ta hạ căn từ ngũ đình tâm, lục độ mà hạ thủ, chúng ta vẫn là làm chưa được. Trình độ đó còn phải hạ thấp xuống nữa, hạ thấp đến mức thấp nhất, không thể hạ được nữa. Nói cho chư vị biết, đó chính là trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói tam phước, đó là thấp nhất, không có thấp hơn nữa. Tam phước điều đầu tiên là: “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Không có điều gì thấp hơn nữa. Đây là thấp nhất rồi. Còn thấp hơn nhiều so với ngũ đình tâm. Chúng ta nếu như ngay cả điều này cũng không làm được, thì quý vị cũng hết cách rồi.

Ngày nay hiếu đạo, sư đạo đã không tồn tại nữa. Nhưng chư vị nên biết, đây là đại căn đại bản của Phật Pháp. Mười phương ba đời tất cả chư Phật giáo hóa chúng sanh là từ trên cơ sở này mà kiến lập, hiếu thân tôn sư. Chúng ta ngày nay phải đề xướng. Đề xướng phải từ bản thân chính mình làm ra hình mẫu cho mọi người cùng thấy. Người trong xã hội ngày nay khởi tâm động niệm, hành vi tạo tác, đều là tổn người lợi mình. Tri ân báo ân, nếu chúng ta nói ra người ta lại cười nhạo, làm gì có chuyện gọi là tri ân báo ân? Ân nghĩa không còn nữa. Người hiện tại chỉ là có lợi hại, có lợi là bạn bè, không có lợi là kẻ thù. Đây là xã hội gì vậy? Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật rồi, mới biết được bản thân phải làm như thế nào. Chúng ta ngày nay phải hạ thủ từ đâu, thực sự phải từ hiếu thân, phải từ tôn sư, phải tu thập thiện, từ đây mà hạ thủ. Điều này trong ngũ thừa Phật pháp là nhân thừa Phật pháp. Con người còn làm chưa tốt, thì những điều khác chẳng cần bàn đến nữa. Nhất định phải hành động, phải bắt tay làm, phải chăm chỉ nỗ lực mà làm. Làm không được thì phải có tâm này niệm niệm không quên, lúc có được cơ hội y nhất định phải chăm chỉ mà làm cho được.

Ân đức hộ pháp của chúng ta, chúng ta hiểu được hộ pháp quan trọng hơn bất cứ điều gì. Không có hộ pháp chúng ta làm sao được thành tựu ngày hôm nay? Nên quản trưởng Hàn hộ trì chúng tôi 30 năm, chúng tôi tại quê hương của bà ấy kiến lập một thư viện Hoa Tạng để kỷ niệm bà ấy, tri ân báo ân.

Tôi sinh trưởng trong thời kỳ kháng chiến là học trò lưu vong, chúng tôi rời gia đình, thầy giáo trong trường chăm sóc chúng tôi, ân đức của thầy giáo trong cuộc đời của tôi mà nói hơn cả cha mẹ. Thời gian nhận sự chăm sóc của thầy giáo nhiều. Hiện nay có cơ hội như vậy, tôi muốn ở những nơi ngày xưa tôi từng học xây dựng một ngôi trường trung học để kỷ niệm thầy giáo. Hiệu trưởng thời đó là tiên sinh Châu Bang Đạo, biệt hiệu của ông ấy là Khánh Quang, tôi xây một ngôi trường trung học Khánh Quang kỷ niệm thầy giáo. Chúng ta phải thật làm báo ân cha mẹ, báo ân thầy giáo. Không phải chỉ nói ngoài miệng, nói ngoài miệng thì chẳng có năng lực gì, không có cơ duyên. Có năng lực này, có cơ duyên này thì phải bắt tay hành động. Đây là chúng ta thực tiễn việc tu học Phật pháp.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây.

**HẾT TẬP 21**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 22****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Chúng ta xem tiếp Thập thừa quán pháp thứ tám.

“Bát, tri vị thứ, tu hành chi nhân miễn tăng thượng mạn cố”. Bệnh “tăng thượng mạn” là từ xưa đến nay thường có. Cái gì gọi là tăng thượng mạn? Bản thân chưa chứng đến địa vị này mà cho rằng đã chứng đắc, không hiểu được vị thứ của bản thân.

Ngày xưa tôi gặp một vị cư sĩ, vị cư sĩ này học Phật rất kiên thành. Ông ấy nói với tôi ông chứng được A la hán quả, tôi liền khuyên ông ấy không nên nói. Ông ấy nói thực sự chứng được rồi, lời nói rất khẳng định. Tôi bị ông ấy ép cho cũng hết cách. Tôi nói đã chứng được quả A la hán, thì sáu loại thần thông ông đều đầy đủ rồi. Chúng tôi ngồi trong nhà, tôi nói bên ngoài nhà, những người đi trên đường lớn kia, ông có thấy hay không? Ông ấy nói không thấy. Tôi nói vậy ông chưa chứng đến A la hán quả. Chứng đến quả A la hán, ông nhất định biết được, trong tâm tôi nghĩ chuyện gì ông cũng biết được, ông có tha tâm thông. Tôi nói vậy ông chưa khôi phục được năng lực này, chắc chắn ông chưa chứng đắc. Như vậy mới đánh tan được ý niệm của ông ấy, gặp ai cũng nói với người ta ông ấy thực sự chứng quả A la hán. Đây là không biết vị thứ tu hành của mình. Rất có khả năng trong tu hành đạt được một chút pháp hỷ, đạt một chút khinh an, thế là liền sanh ra ngộ nhận.

Vị thứ này phải rất rõ ràng, rất sáng suốt, chúng ta sẽ không có những vấn đề này nảy sanh. Thí dụ như trước đây nói “ngũ đình tâm”, “lục độ”. Lúc Đại sư Trí Giả vãng sanh, học trò của Ngài thỉnh giáo Ngài: Ngài đời này tu trì hoằng pháp lợi sanh, Ngài vãng sanh là phẩm vị như thế nào, đại sư nói với mọi người rằng: “ta chỉ chứng đắc ngũ phẩm vị vãng sanh”. Ngũ phẩm vị chính là ở đây nói ngũ đình tâm. Đình là đình chỉ, tâm là tán loạn, tâm tán loạn đình chỉ rồi, vị thứ này không cao. Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc vào cõi phàm thành đồng cư. Thực sự mà nói, vị thứ này ngũ đình tâm mỗi một đồng tu chúng ta đều có thể đạt được. Nếu như nói là sự nhất tâm, lý nhất tâm, vậy đích thực là không dễ dàng, phẩm vị đó cao rồi. Cho nên điểm thù thắng của thế giới Cực Lạc không phải nơi cõi thật báo trang nghiêm, mà ở cõi phàm thánh đồng cư. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Thông thường loại công phu này không thể nào thành tựu được. Đây chính là đè nén phiền não, chưa đoạn được phiền não. Công phu đè nén phiền não

chỉ cần, nói thật thì chưa bằng Tiểu thừa sơ quả. Tiểu thừa sơ quả tam giới 88 phẩm kiến hoặc đã đoạn tận rồi, là Tiểu thừa sơ quả, trong Viên giáo là Bồ Tát sơ tín vị. Chúng ta làm gì có năng lực đó? Nói thật thì tu trì một đời Viên giáo sơ tín vị Bồ Tát chúng ta cũng không đạt được. Điều này chúng ta phải hiểu được, bản thân biết được rồi tâm thành kính mới sanh khởi được, không dám công cao ngã mạn. Công phu đoạn chúng như vậy trong Đại thừa Tiểu thừa đều nói vô cùng rõ ràng, con số phiền não cũng nói rất tường tận.

“Ngũ đình tâm quán” là đề nén phiền não, căn bản là chưa đoạn. Cách nói của Đại sư Trí Giả, thực sự mà nói chính là giúp chúng ta học tập. Đại sư Trí Giả niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, ngài vì chúng ta hiện thân thuyết pháp. Trong sử truyện Trung Quốc có ghi chép, đại sư Trí Giả là hóa thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không phải là người phổ thông, thị hiện làm hình mẫu cho chúng ta thấy, hướng dẫn chúng ta, khiến cho chúng ta học theo Ngài. Ý nghĩa này rất sâu sắc. Chúng ta nếu như có thể lãnh hội được, đặc biệt là trong thời đại này, thời đại này chúng ta phải tự tu học như thế nào, phải hoằng pháp lợi sanh như thế nào, hoằng pháp lợi sanh chính là giúp đỡ người khác tu học, mọi người đều nghĩ đến xây dựng đạo tràng, tiếp dẫn chúng sanh.

Sáng sớm hôm nay nhận được tin fax từ một vị đồng tu ở Đài Bắc chuyển đến, trong tờ fax này nhắc đến, hiện tại thế kỷ 21 này, phương thức hoằng pháp phải tùy theo thời đại mà thay đổi, ông ấy cho rằng đã không còn là đạo tràng nữa, mà là đài truyền hình. Cách nhìn này rất chính xác. Cho nên khuyên tôi đến đài truyền hình giảng kinh, giảng kinh truyền hình trực tiếp, chứ không phải là ở phòng học nhỏ như chúng ta, rồi đem băng ghi hình đưa đến đài truyền hình. Vì sao vậy? Vì thiết bị của chúng ta so với đài truyền hình thì kém xa lắm. Ngày xưa tôi từng ghi âm tại đài truyền hình, thiết bị của họ thực sự là hàng đầu. Nhân viên công tác tham gia ghi hình hơn 20 người. Trong đài truyền hình thông thường là ba bộ máy ghi hình, từ mỗi một góc độ hình ảnh nó có sự thay đổi, chúng ta dùng một cái máy để đó thì hình ảnh cứng nhắc. Người hiện tại thích hoạt bát, hình ảnh cứng nhắc nhìn lâu rồi họ cảm thấy chán. Cho nên hình ảnh phải luôn luôn thay đổi. Chúng ta phải nghĩ ra phương pháp làm cho hiện trường giảng kinh của chúng ta phải đạt đến tiêu chuẩn phòng ghi hình như đài truyền hình, thì hiệu quả này sẽ lớn hơn. Đài truyền hình chỉ thỉnh thoảng họ cho chúng tôi mượn, nhiều nhất cũng chỉ một thời gian ngắn, một tuần lễ mười ngày thôi. Chúng ta không thể nào giảng kinh thời gian dài ở đó được. Đây là nhắc nhở tôi, tôi liền nghĩ đến chúng ta phải mở rộng thiết bị hiện trường của chúng ta, chúng ta cũng cần phải bồi dưỡng nhân tài chuyên nghiệp, nỗ lực làm theo phương hướng này. Ngày nay đối với việc hoằng pháp trên toàn thế giới, đích thực tuyệt đối không phải là chùa chiền, lấy tài lực xây dựng chùa chiền, dùng để

mở rộng thiết bị của chúng ta cũng dồi dào dư dả. Máy quay phim của chúng ta thực sự là không đủ. Hiện nay chỉ có thể quay đến giảng tòa, không quay đến thính chúng được. Tốt nhất có thể có được hai bộ máy quay phim để có thể quay đến được thính chúng toàn đạo tràng, làm cho hình ảnh có thể hoạt bát hơn. Đây đích thực là một kiến nghị rất tốt, cũng là nhắc nhở chúng ta. Ngày nay trên đài truyền hình xem tiết mục của chúng ta một trăm mấy mươi ngàn người. Đây là con số chúng ta biết, còn có một số chúng ta không biết được, căn cứ theo tính toán thông thường có hơn cả triệu người. Mỗi ngày chúng ta quảng bá trên toàn thế giới, nên ông ấy cũng nhắc nhở tôi, trên giảng đường bất luận là nói dài hay nói ngắn, nói sâu hay nói cạn, đều phải nghĩ đến thính chúng, là thính chúng trên toàn thế giới, chứ không phải là mấy người trước mặt thôi. Đây là nhắc nhở tôi quán cơ, phạm vi này phải rộng lớn, phải nghĩ đến ngòi trước máy truyền hình rất nhiều người còn chưa được tiếp xúc với Phật pháp. Chúng ta không thể không quan tâm đến những đồng tu mới học Phật này, giúp đỡ họ nhận thức Phật pháp, giúp đỡ họ hiểu được Phật pháp, giúp đỡ họ tu học.

Ngũ đình tâm cũng gọi là ngũ phẩm vị. Kinh Pháp Hoa trong phẩm Phân Biệt nói đến công phu vừa mới đắc lực. Nói cách khác, trong Lục tức vị họ là Quán hạnh tức vị. Mọi người nghĩ xem, Quán hạnh tức vị trước đó là gì? Danh tự tức vị. Đó chính là hữu danh vô thực. Đến Quán hạnh công phu của quý vị mới tính là đắc lực. Trong đây nói năm điều. Điều thứ nhất gọi là “tùy hỷ”. Trong kinh nói: “Nhược văn thị kinh, nhi bất hỷ tử, khởi tùy hỷ tâm, đương tri dĩ vi, thâm tâm giải tướng”. Tông Thiên Thai liệt ngũ đình tâm quán là khai thị của Phật đà trong Kinh Pháp Hoa. Tuy nói là Kinh Pháp Hoa, trên thực tế bao gồm cả tất cả kinh điển Đại thừa, nghe đến kinh điển Đại thừa, quý vị sẽ không hỷ báng, quý vị sanh tâm hoan hỷ, tùy hỷ, người này trong đời quá khứ thiện căn đã sâu dày rồi. Dùng thiện căn này gặp được thiện duyên, họ liền có thể thâm nhập. Thiện căn thiện duyên này, trước đây chúng tôi đều đã báo cáo qua với chư vị rồi. “Hiếu học”. Đây là nhân tố số một để chúng ta một đời tu học thành hay bại, nhất định phải hiếu học, không hiếu học vậy thì không có cách gì nữa rồi. Thực sự hiếu học thì có thiện tri thức, quý vị sẽ gặp được thiện tri thức, có nhân duyên này. Thiện tri thức đích thực là Phật Bồ Tát thị hiện, đúng như nhà Phật nói “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”, một mình quý vị hiếu học, quý vị sẽ gặp được thầy giáo tốt, đồng tham đạo hữu. Quý vị không hiếu học thì không có cách gì, cả đời quý vị cũng không gặp được, thiện tri thức ngay trước mặt, ngày ngày gặp mặt nhau, lại để lỡ qua. Quý vị có gặp được hay không? Không gặp được. Ngày ở cùng nhau mà cũng không gặp được, đây là lời chân thật. Vì sao vậy? Bản thân không hiếu học, bản thân thực sự hiếu học, giao lưu với thiện tri thức cho dù là thời gian ngắn thôi, thực sự có được lợi ích.

Trong Đàn Kinh nói đến thiền sư Vĩnh Gia, thiền sư Vĩnh Gia thân cận Lục tổ thời gian một ngày, ngài đạt được lợi ích một đời cũng dùng không hết, đó là thực sự thân cận thiện tri thức. Đây cũng là điều mà Ấn Quang Đại sư đã nói: một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, Vĩnh Gia có mười phần thành kính tuy thời gian rất ngắn, thân cận được một ngày mà lợi ích đạt được là viên mãn. Không có thành ý, ngày ngày ở cùng với Tổ sư cũng không gặp được thiện tri thức, chư vị nên hiểu được thâm nghĩa này. Đây là điều thứ nhất, tức nói về thiện căn của quý vị, quý vị không có thiện căn, không có phước đức, quý vị không gặp được duyên. Gặp được duyên phải đầy đủ thiện căn, phước đức.

Thứ hai là đọc tụng. Trong kinh nói: “hà huông đọc tụng thọ trì giả”, từ đó cho thấy, trong đọc tụng bao gồm cả thọ trì, trong kinh văn giảng như vậy. Kinh Đại thừa ngày ngày phải đọc, chúng ta ngày nay chủ yếu dựa vào Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ có ngày ngày đọc hay không? Một ngày không bỏ thời khóa. Chúng ta là người xuất gia, rất nhiều cư sĩ tại gia ngày ngày đều đọc Kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều lần, có người một ngày đọc đến mười lần. Chúng ta phải chăng thực sự đọc tụng? Không yêu cầu phải đọc nhiều như vậy. Một ngày ít nhất nên đọc một lần, một năm 360 ngày mỗi ngày đều không thiếu, có thể đọc hai lần càng tốt. Mới bắt đầu đọc một lần, sau khi quen rồi tốc độ quý vị đọc cũng nhanh, người đọc thuộc Kinh Vô Lượng Thọ, từ đầu đến cuối đọc một lần chỉ 30 phút. Nhưng đọc chưa thuộc, chúng ta mới đọc cũng phải mất hai tiếng đồng hồ, càng thuộc thì tiến độ càng nhanh hơn, số lần quý vị đọc có thể tăng lên nhiều hơn. Quý vị có thể đọc, quý vị có thể hiểu được nghĩa của nó, thường thường nhớ kỹ lời Phật dạy trong lòng, trong cuộc sống hằng ngày khởi tâm động niệm tất cả tạo tác, đều sẽ nghĩ đến lời giáo huấn trong kinh, sẽ không trái ngược với lời kinh dạy, y giáo phụng hành, đây gọi là đọc tụng. Đọc không hiểu nghĩa của nó, không thể thực tiễn vào trong cuộc sống của mình, vậy không phải là đọc tụng. Đây là điều thứ hai trong ngũ phẩm.

Điều thứ ba là “thuyết pháp”. Trong kinh nói: “Như Lai diệt hậu, nhược hữu thọ trì đọc tụng, vi tha nhân thuyết”. Đây là thuyết pháp. Thuyết pháp này ngày nay chúng ta nói cơ hội giáo dục, tùy duyên thuyết pháp, không nhất định phải thăng tòa, không nhất định là tại giảng đường, tùy thời tùy nơi, gặp người nào, thấy người này có thiện căn, có thể tiếp thu liền giảng cho họ, nói sâu hay nói cạn, phải xem căn cơ của đối phương, tùy cơ thuyết pháp. Đây là thuộc về cơ hội giáo dục, thích nói với người, đem Phật Pháp giới thiệu cho người khác.

Thứ tư “kiêm hành lục độ”. Trong kinh nói: “Huông phục hữu nhân năng trì thị kinh, kiêm hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhất tâm, trí tuệ”. Câu nói này thực sự mà nói chính là thực hành, chúng ta từ nơi Phật mà học

được, phải đem thực hành vào trong cuộc sống bản thân. Lục độ sẽ không cần nói tỉ mỉ nữa. Sáu nguyên tắc của Bồ Tát hạnh, chúng tôi cũng từng vì các đồng học chế định một bản “tu hành thủ tắc”, trong đó tiết lục Kinh Vô Lượng Thọ và kinh văn trong Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo Kinh, tổng cộng rút ra hơn 100 điều, hơn 100 điều chư vị tỉ mỉ xem xem không ra khỏi lục độ. Lục độ là tổng cương lĩnh. Nếu như chúng ta thời thời khắc khắc đều có thể nghĩ đến, có thể đem hơn 100 điều kinh giáo này đều thực tiễn hết, trở thành cuộc sống của chúng ta, biến thành tư tưởng của chúng ta, biến thành nguyên tắc đối nhân xử thế của chúng ta. Quý vị chính là y giáo phụng hành. Đây là thuộc về tự lợi, kiêm hành thuộc về tự lợi. Điều cuối cùng gọi là “chánh hạnh lục độ”, chánh hạnh lục độ không những là tự lợi, hơn nữa là lợi tha. Trong kinh nói: “Nhược năng thanh tịnh trì giới, lợi căn trí tuệ, năng đạt vấn nạn”. Có thể giúp đỡ người khác giải trừ nghi hoặc, chư vị nghĩ xem năm điều này, năm điều này gọi là ngũ đình tâm, đây là năm phẩm vị. Trong lục tức là quán hạnh tức Phật. Chúng ta ít nhất phải làm đến tầng thứ này, thì vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc thực sự được chắc chắn. Đây là mức độ thấp đến mức không thể thấp hơn nữa. Đại sư Trí Giả thị hiện cho chúng ta, hướng dẫn chúng ta học tập.

Lục độ, đó là Bồ Tát hạnh, càng cao hơn một tầng nữa. Từ quán hạnh liền đến tương tự vị, từ tương tự lại hướng thượng nâng cao là phần chứng vị. Phần chứng vị chính là pháp thân đại sĩ. 41 pháp thân đại sĩ là phần chứng vị. Tứ thánh pháp giới là tương tự vị. Trong lục đạo là quán hạnh vị. Quán hạnh vị chưa ra khỏi lục đạo, nhưng quán hạnh vị niệm Phật có thể đời nghiệp vãng sanh. Điều này tuyệt lắm rồi, đây là điều trong bất cứ một pháp môn nào cũng không có. Tịnh Tông thù thắng chính là thù thắng ở đây vậy. Chỉ cần một chút công phu nhỏ này cũng có thể quyết định vãng sanh. Cho nên tất cả chư Phật Bồ Tát tán thán pháp môn này không phải là không có lý. Bản thân chúng ta phải biết tự ái tự độ, không được mơ mộng viễn vong, lý luận nói có cao bao nhiêu bản thân hoàn toàn làm không được, thì vẫn cứ sanh tử luân hồi. Cho nên nhất định phải “biết vị thứ”.

Vị thứ, Thiên Thai và Hiền Thủ nói rất tỉ mỉ. Thiên Thai nói tứ giáo. Hiền Thủ nói ngũ giáo. Tứ Giáo nói về tạng, thông, biệt, viên. Tạng giáo thông thường chúng ta nói Tiểu thừa, Thanh văn Duyên giác. Vị thứ của họ có tứ quả tứ hướng. Chúng ta hiện nay tu học rốt cuộc ở vị thứ nào? Đại thừa, chúng ta rốt cuộc là Thông giáo, là Biệt giáo, hay là Viên giáo? Từ trên căn tánh mà nói, trong mỗi giáo đều có tam Hiền thập Thánh. Tam Hiền thập Thánh công phu giải hạnh hai bên hoàn toàn không tương đồng. Cho dù đoạn chứng tiếp cận nhau nhưng trí tuệ không tương đồng, giống như Viên giáo thất tín vị Bồ Tát kiến tư phiền não đoạn tận rồi, tương đương với Tiểu thừa A la hán quả. A la hán cũng là đoạn tận kiến tư, nhưng trí tuệ hoàn toàn

không tương đồng. Trí tuệ của hàng viên giáo cao. Chúng ta thấy trong Kinh Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan và tôn giả Phú Lô Na, trí tuệ đã không giống nhau, chúng ta có thể nhìn thấy được, A Nan là Viên giáo căn tánh, Phật thuyết những kinh điển Đại thừa kia, nhất thừa liễu nghĩa, ngài có thể nghe hiểu được, ngài có thể lý giải được, tuy có thể nghe hiểu, tuy có thể lý giải được, ngài không làm được, phiền não nặng. Tôn giả Phú Lô Na nghe Thế Tôn trong hội Lăng Nghiêm nói pháp, ngài nghe không hiểu, ngài đã đoạn kiến tư phiền não rồi, ngài là tứ quả la hán. Tôn giả A Nan chỉ đoạn kiến hoặc, 88 phẩm kiến hoặc, là Sơ quả tu đà hoàn. Trên hình tượng là dáng vẻ như vậy. Nhưng chúng ta tỉ mỉ suy nghĩ xem, không phải là như vậy. Tôn giả A Nan là Viên giáo sơ tín vị Bồ Tát. Phú Lô Na là Tứ quả thánh nhân của Tạng giáo, chúng ta vừa thấy như vậy đã rất rõ ràng, rất minh bạch rồi, người viên giáo trí tuệ cao. Tôn giả A Nan hiện tại ở đâu? Chư vị đều hiểu được, quý vị đọc trong Kinh Vô Lượng Thọ, Ngài vãng sanh thế giới Cực Lạc rồi. A Nan hiện tại ở thế giới tây phương Cực Lạc, quả báo không thể nghĩ bàn, vị thứ này phải rõ ràng. Chúng ta ngày nay nỗ lực, có thể làm đến ngũ phẩm vị là khá lắm rồi. Ngũ phẩm vị công phu đặc lực, với người niệm Phật là công phu thành phiền. Đây là sự nhất tâm cạn nhất. Tuy nói là sự nhất tâm, sự nhất tâm cạn sâu trình độ sai biệt rất lớn. Nói thật tình thì không chỉ là cử phẩm, cử phẩm thì trình độ lớn hơn. Trong cử phẩm mỗi một phẩm còn có cử phẩm. Chúng ta phải hiểu được ý nghĩa này. Bản thân chúng ta rốt cuộc ở phẩm vị nào, phải rất rõ ràng, rất sáng suốt, sẽ không có công cao ngã mạn. Khiêm tốn, chăm chỉ nỗ lực học tập, đây là đại ý của “tri vị thứ”.

Thứ chín là “năng an nhẫn”, điều này vô cùng quan trọng. “U nghịch thuận cảnh, an nhiên bất động, sách tán ngũ phẩm, nhi nhập lục căn”. Trong Kinh Kim Cang nói rất hay. “Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn”, trong kinh nói phạm vi của tất cả pháp rất rộng. Tất cả pháp thế xuất thế gian, quý vị nếu muốn thành tựu. Then chốt ở chữ “nhẫn”, quý vị không thể nhẫn, thì quý vị sẽ không thể thành tựu, cho nên nhẫn nhục ba la mật là then chốt để thành tựu tinh tấn, thiền định, bát nhã. Quý vị nếu như không thể nhẫn thì ba điều sau nhất định không có. Quý vị muốn thành tựu tinh tấn, muốn thành tựu thiền định, bát nhã, quý vị nhất định phải tu nhẫn nhục ba la mật. Trong nghịch cảnh nhất định không sanh tâm sân nhuế. Trong thuận cảnh nhất định không sanh tâm tham ái, cảnh duyên thuận nghịch phiền não đều không sanh. Đây là nhẫn nhục. Mọi người chúng ta hiểu được đạo lý này, cũng muốn làm, vì sao lại làm không được? Nguyên nhân làm không được chính là nghiệp chướng quá nặng, nghiệp chướng tập khí quá nặng. Cho nên phải trên sự tướng mà nỗ lực.

Thế Tôn vì chúng ta chế định một số giới luật. Giới luật toàn là sự. Một số sự tướng này nói thật tình thì vốn là không có chướng ngại. Đến viên

giáo, đến pháp thân đại sĩ, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Họ không có chướng ngại. Vì sao không có chướng ngại? Pháp thân đại sĩ trong tất cả cảnh duyên, tự nhiên không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Họ có chướng ngại gì? Chúng ta ngày nay vì sao lại chướng ngại? Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần là khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, là tạo nghiệp. Pháp thân đại sĩ trong cảnh duyên không tạo nghiệp. Cho nên thành tựu của họ chính là định tuệ. Định là không động tâm, tuệ là rõ ràng, mọi thứ rõ ràng, mọi thứ đều sáng suốt là tuệ. Định tuệ hiện tiền, đây gọi là tam muội, gọi là chánh thọ. Chúng ta không có, chúng ta hiện tiền thọ là những gì? Khổ lạc ưu hỷ xả. Chúng ta làm những việc này. Phải biết được khổ lạc ưu hỷ xả, trong lục đạo luân hồi mới có, ngoài lục đạo không có loại thọ này, đều là hưởng thọ tam muội, hưởng thọ định tuệ. Công phu định tuệ có cạn sâu không đồng, đều thuộc về chánh thọ. Công phu định tuệ càng sâu, hưởng thọ lại càng tự tại, đó là chân lạc, thế giới Cực Lạc. Chúng ta gặp cảnh giới hiện tiền khởi tâm động niệm rồi, bản thân lập tức liền có cảnh giác. Cảnh giác được điều gì? Lại tạo nghiệp rồi. Không chỉ là hành vi, niệm mới vừa sanh khởi đã tạo nghiệp rồi. Khởi tâm động niệm là ý đang tạo nghiệp. Quý vị nói xem làm sao không nguy chứ?

Người niệm Phật chỉ dùng một câu danh hiệu Phật, phương pháp này thực sự là thù thắng tuyệt diệu. Niệm vừa khởi liền A Di Đà Phật, liền đem nó chuyển thành A Di Đà Phật. Đây gọi là chân tu hành, đây gọi là chân dụng công, biết dụng công. Nhất định không thể làm cho vọng niệm tương tục. Vọng niệm tương tục chính là tạo nghiệp rồi. Cổ nhân thường nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, niệm là ý niệm khởi lên, cũng tức là nói phân biệt chấp trước. Niệm này vừa mới khởi lên, lập tức liền một câu A Di Đà Phật, chuyển đổi nó trở lại. Một câu A Di Đà Phật chính là giác. Quý vị phải giác cho nhanh. Đây là sự thù thắng của pháp môn niệm Phật hơn hẳn các pháp môn khác. Điều này dễ dàng. Một câu danh hiệu Phật liền trấn áp được vọng niệm của quý vị, thay thế tâm phân biệt của quý vị rồi, thay thế tâm chấp trước, thay thế tâm tham sân si mạn, khôi phục chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác của tự tánh quý vị. Đây gọi là niệm Phật. Tuyệt đối không phải “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn”, tâm này vẫn giống như tâm bình thường, vậy thì có ích gì đâu? Người niệm Phật này không thể vãng sanh, chỉ là kết duyên lành với thế giới tây phương Cực Lạc mà thôi, trong A lại da thức gieo vào được một chủng tử Di Đà. Đời này không thể vãng sanh, vẫn còn phải làm việc lục đạo luân hồi. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này, hiểu được chân tướng sự thật này. Trong đời này nếu muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, vĩnh thoát luân hồi, biết được bản thân nên tu như thế nào. Dùng một câu danh hiệu Di Đà này, thuận cảnh nghịch duyên đều thay thế được hết.

Dưới đây nói, “Sách tán ngũ phẩm nhi nhập lục căn”. Thế nào gọi là “nhập lục căn”? Sáu căn đều tương ưng. Còn phải từ ngũ phẩm hạ thủ, chính là hạ thủ từ năm phương pháp này. Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương dạy chúng ta tùy hỷ công đức, “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Hai câu nói này rất quan trọng. Là nơi chúng ta thực sự tu hành hạ thủ. Mười nguyện, thực sự mà nói, trong mỗi một nguyện đều đầy đủ chín nguyện khác, mới gọi là Phổ Hiền hạnh nguyện. Hoàn toàn không phải mỗi một nguyện là độc lập, cách nhìn của quý vị như vậy là sai, là hoàn toàn trái ngược với kinh giáo rồi.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “hành bố không trở ngại viên dung, viên dung không trở ngại hành bố”, “một tức là nhiều, nhiều tức là một”, giảng cho quý vị rõ ràng biết bao. Nói có thứ lớp, tâm niệm là viên dung, cho nên một pháp tức viên mãn hàm nhiếp tất cả pháp. Chúng ta làm thế nào để hằng thuận chúng sanh? Lễ kính, tán thán, cúng dường, sám hối đều là tùy thuận, đều là hằng thuận. Tùy hỷ như thế nào? Cũng là lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối. Đối với tất cả mọi người, đối với tất cả sự, đối với tất cả vật, đây gọi là tu hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền cũng là từ ngũ phẩm vị mà tu lên, cũng từ quán hạnh mà tu lên. Hàng lợi căn, trong quán hạnh liền có tương tự, liền có phần chứng.

Trong Hoa Nghiêm chúng ta thấy Đẳng giác Bồ Tát không xả bỏ tu hành ngũ phẩm. Tu hành ngũ phẩm là sơ tín vị Bồ Tát tu hành. Đẳng giác Bồ Tát vẫn còn tu pháp môn của sơ tín vị, đây gọi là Viên tu viên chứng. Bản thân chúng ta nhất định không phải là thượng căn. Nếu như bản thân cho rằng mình là người thượng căn, vậy là tăng thượng mạn rồi. Đích thực không phải là thượng căn. Không phải là thượng căn, đại khái là trung căn. Kỳ thực trung căn thì chúng ta cũng là tăng thượng mạn. Thập thừa quán pháp này, nó có thượng trung hạ tam căn. Trung căn từ “chân chánh phát bồ đề tâm” đến “đạo phẩm điều thích”, đây là trung căn. Chúng ta tử tử mà đối chiếu, chúng ta đã đạt đến trình độ này hay chưa? Trong hạ căn, đây là mới từ “đối trị trợ khai” đến cuối cùng “vô pháp ái”. Trong đối trị trợ khai, vừa mở đầu vẫn nói cho chúng ta “ngũ đình tâm”, “lục độ”. Nếu như ngay cả điều này chúng ta cũng chưa đạt được, thì vị thứ hạ hạ căn chúng ta cũng không có. Cho nên suy nghĩ xem có đáng để ngạo mạn hay không? Còn cho rằng bản thân thật giỏi dang, không đọc giáo lý thực sự không biết được, không biết được trời cao đất dày. Đọc nhiều rồi thì vẻ kiêu ngạo của chúng ta mới hạ xuống bớt, liền biết không được như vậy nữa. So với những người tu hành khác, chúng ta thua xa lắm. Chúng ta một đời có thể làm được, thực sự mà nói, miễn cưỡng cũng chỉ làm đến được ngũ phẩm vị mà thôi. Nói theo đại sư Trí Giả, có thể đạt đến trình độ mà đại sư Trí Giả thị hiện, đã vô cùng khó khăn rồi. Đây là điều chúng ta nhất định phải hiểu.

“Nhi nhập lục căn”, đây là thân tâm chúng ta đều tương ứng với ngũ phẩm. Địa vị này vẫn thuộc về quán hạnh vị. Tương tự vị là gì? Giống như Phật Bồ Tát. Quán hạnh vị là học Phật Bồ Tát, vẫn không giống. Tương tự vị có một chút giống. Có một chút giống là kiến tư phiền não thực sự đoạn rồi. Cũng tức là nói đối với thế pháp, Phật Pháp nhất định không có chấp trước, còn có phân biệt, đây là tương tự, nhất định không có chấp trước. Đến phân biệt cũng không còn nữa, phân biệt chấp trước hoàn toàn buông bỏ rồi, hoàn toàn đoạn trừ rồi, quý vị chính là phân chứng vị. Phân chứng vị là gì? Vọng tưởng chưa hết. Chư vị phải hiểu được phân chứng vị là pháp thân đại sĩ, tương tự vị là tứ thánh pháp giới. Quán hạnh vị là lục đạo phàm phu. Từ đó có thể biết, phân biệt chấp trước làm sao có thể không đoạn? Quý vị có thể đoạn chấp trước, vắng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, đây là quán hạnh vị, sanh cõi Phạm thánh đồng cư. Trong cõi Phạm thánh đồng cư cũng có tam bối cửu phẩm, xem quý vị công phu quán hạnh sâu cạn. Thêm bước nữa có thể lìa tất cả phân biệt, quý vị liền sanh cõi Phương tiện hữu dư, ở đây cao hơn cõi Phạm thánh đồng cư. Nếu như phá thêm nhất phẩm vô minh quý vị liền sanh cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo trang nghiêm là pháp thân đại sĩ.

Vô minh chính là vọng tưởng, có 41 phẩm. Cho nên pháp thân đại sĩ có 41 vị thứ, thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác. Đến Như Lai quả vị đó gọi là cứu cánh vị. Cứu cánh chỉ có một vị. Phân chứng có 41 vị. Chúng ta đến lúc nào ngũ phẩm có thể nhập lục căn? Cũng tức là nói thân tâm chúng ta hoàn toàn tương ứng với ngũ phẩm. Người thế gian thường nói: “niệm tư tại tư”, đó chính là tương ứng, niệm niệm đều không quên mất, niệm niệm không có xả bỏ, niệm niệm tự hành hóa tha.

Điều cuối cùng, “vô pháp ái”. Pháp ái là gì? Chấp trước đối với pháp tu. “Mạc trước thập tín, tương tự chi đạo, tu nhập sơ trú, chân thật chi lý”. Đây đều là vị thứ. Thập tín Bồ Tát, ở đây “thập tín”, “sơ trú” đều là nói viên giáo. Đây là Thiên thai chỉ quán. Thiên Thai y theo Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Hoa thuần viên, cho nên ở đây nói thập tín là Viên giáo thập tín Bồ Tát. Thập tín là tương tự chi đạo, tương tự vị. Tương tự tức Phật trong lục tức Phật. Vậy quả báo của họ ở đâu? Tứ thánh pháp giới. Chư vị phải hiểu được, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, là tứ thánh pháp giới trong thập pháp giới, chính là Thập tín tương tự vị. Họ không phải là chân thật, họ ở trong thập pháp giới. Đây là khuyên quý vị, bởi vì những người này thực sự mà nói có công phu thiên định, định công rất sâu, A la hán có cửu thứ đệ định, có trí tuệ, định khởi tác dụng chính là trí tuệ. Phạm phu chúng ta xem thần thông quảng đại, nhưng những người này chưa kiến tánh, tâm mà họ dùng vẫn là thức tâm. Chẳng qua thức tâm họ dùng được chánh, chúng ta dùng thiên lệch, chúng ta dùng tâm ý thức dùng rất thiên lệch, họ dùng được

chánh. Cho nên họ là chánh giác, không phải là chánh đẳng chánh giác. Chư vị nên ghi nhớ, trong thập pháp giới Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật đều là chánh giác. Thế nào mới là chánh đẳng chánh giác? Viên giáo sơ trú trở lên. 41 vị pháp thân đại sĩ gọi là chánh đẳng chánh giác. Điều này phải rõ ràng. Phật trong Tạng giáo đều thuộc về chánh giác. Từ đó có thể biết, trong chánh giác tầng thứ cũng rất phức tạp, cũng có cạn sâu cao thấp không tương đồng. A la hán là chánh giác, Bích chi Phật cũng là chánh giác. Bích chi Phật cao hơn A la hán. Bồ Tát trong Tạng giáo cũng là chánh giác, lại cao hơn Bích chi Phật. Phật trong Tạng giáo cũng là chánh giác, lại cao hơn Bồ Tát. Những vị thứ này chúng ta đều phải rõ ràng, đều phải hiểu rõ mới không đến nỗi có công cao ngã mạn. Công cao ngã mạn là đại phiền não, tham sân si mạn chướng ngại sự tinh tấn của bản thân. Bởi vì kiêu mạn hiện tiền liền cho mình đúng, hướng thượng lên cao hơn nữa vô cùng khó khăn. Ai chướng ngại quý vị? Mạn chướng ngại quý vị. Cho nên nhất định phải đoạn trừ. Phải biết được “sơ trú chân thật chi lý”, đây là pháp chân thật, kiến tánh rồi. “Phá nhất phẩm vô minh, kiến nhất phần chân tánh”, đây chính là nhập Viên giáo sơ trú. Lý mà Sơ trú chứng đắc được là tự tánh. Thiên tông nói là minh tâm kiến tánh.

Thập thừa quán pháp, chúng ta chỉ giới thiệu đến đoạn này.

Xem tiếp nguyên văn dưới đây.

Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh, luận quán trang thứ 17, hàng thứ hai từ dưới đếm lên. Chúng ta đọc qua đoạn văn này, đoạn này dễ đọc. “Thiên Thai y chú Đại thừa kinh, lập tứ chủng tam muội, tu thập thừa quán pháp, trực tựu âm tâm, hiển tam thiên pháp, tức từng hành quán nghĩa”. Ngài giảng đến Tam quán. Tam quán, thứ nhất chính là “từng hành quán”. Trong “từng hành quán” quan trọng nhất chính là quý vị phải hiểu được “tứ chủng tam muội” và “thập thừa quán pháp”. “Âm tâm” chính là tâm trong ngũ âm, cũng tức là tám thức. Tám thức 51 tâm sở, dùng là tâm này. Tông Thiên Thai nói đều rất thực tế. Thiên Thai đại sư phát minh ra “tam chỉ tam quán”, tam chỉ tam quán đích thực là ngài phát minh ra. Phương pháp tu hành này tốt, vô cùng thiết thực. Phạm phu chúng ta có nơi để hạ thủ. Phương pháp này rất tương tự với Thế Tôn trong hội Lăng Nghiêm nói về nguyên tắc nguyên lý tu hành. Nhưng thời đại đó, Kinh Lăng Nghiêm chưa truyền đến Trung Quốc, đại sư Trí Giả nghe nói có sự việc như vậy, cho nên ở trên núi Thiên Thai lập một đài bái kinh, mỗi ngày hướng về phương tây lễ bái, cầu cảm ứng, hi vọng Kinh Lăng Nghiêm có thể truyền đến Trung Quốc, ngài lay 18 năm, ngày ngày đều lay. Quý vị xem tâm thành kính như vậy, thật không dễ. Gọi là “tinh thành sở chí, kim thạch vi khai”, ngài có tâm thành kính như vậy, cảm ứng được sau này Ba la mật để đem bộ kinh này đưa đến Trung Quốc. Đại sư Thiên Thai chưa từng nhìn thấy Kinh Lăng Nghiêm, sau khi kinh truyền

đến Trung Quốc, người đương thời chú giải Lăng Nghiêm liền dùng tam chỉ tam quán của Thiên Thai đại sư, giải thích cho Samatha, Vipassana, thiền na trong Kinh Lăng Nghiêm nói đến, dùng giáo nghĩa Thiên Thai để giải thích. Những trước tác đại biểu là Trường Thủy Sớ. Chư vị hiện tại nhìn thấy chú giải của Kinh Lăng Nghiêm Trường Thủy Sớ, đây là đại biểu cho một phái thời xưa, đều là cách nói này. Đến đời nhà Minh đại sư Giao Quang xả bỏ cách nói này, căn cứ theo giáo nghĩa của Kinh Lăng Nghiêm, đề xướng “xả thức dùng căn”, Thiên Thai là dùng thức, “trực tợ âm tâm, hiển tam thiên pháp”, đây là dùng thức, không phải dùng căn. Nhưng lý luận của đại sư Giao Quang nói không sai, phù hợp kinh nghĩa của Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta làm không được. Xả thức dùng căn, đó là người thế nào? Trong thiên tông nói hàng thượng thượng căn, trung hạ căn không có phần. Nhưng tông Thiên Thai nói hàng trung hạ căn cũng có phần. Giao Quang nói tuy hay, nhưng chúng ta làm không được. Trường Thủy Sớ tuy nói không bằng đại sư Giao Quang, nhưng chúng ta có thể dùng được. Cho nên cổ kim chú sớ đều hay.

Cận đại lão pháp sư Viên Anh, Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của Ngài chúng ta học tập rất thuận tiện. Ngài dung hợp các cách nói của cổ kim, ngài một đời chuyên nghiên cứu Lăng Nghiêm, chúng ta ở trong lời tựa của Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa nhìn thấy, tự văn của Ngài viết rất dài, ngài 25 tuổi đã phát tâm học Lăng Nghiêm, Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa đến năm 74 tuổi mới hoàn thành, một đời chuyên tu chuyên hoằng dương, ngài kiến lập một đạo tràng ở Thượng Hải tên là Viên Minh Giảng Đường. Viên Minh chính là giáo nghĩa của Kinh Lăng Nghiêm. Cho nên ngài mở học viện Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện, chuyên môn nghiên cứu một bộ kinh này, điều này rất chính xác. Đáng tiếc từ Ngài về sau không có người kế thừa nữa. Có thể thấy việc này thật khó. Chúng ta học kinh giáo, nếu như dùng nơi danh tự vị thì không thể thành tựu. Mức độ thấp nhất phải có thể đạt đến quán hạnh vị. Pháp sư Viên Anh là nhân vật như thế nào? Chúng ta tỉ mỉ quan sát cũng là quán hạnh vị, ngũ phẩm vị, nhưng học sinh sau này ngay cả ngũ phẩm vị cũng không có. Đây là điều bản thân chúng ta phải biết, chúng ta một đời nỗ lực, thực sự mà nói cũng chỉ có thể đạt đến ngũ phẩm vị, càng hướng thượng sẽ rất khó. Nhưng chúng ta phải nỗ lực. Nỗ lực hướng thượng đi lên, đây là chư Phật Bồ Tát kỳ vọng đối với chúng ta. Đây là thuyết minh về quán hạnh vị.

Trong ba loại quán pháp thứ nhất là “tùng hành”. Thứ hai là “ước pháp tướng”. Dưới đây giải thích: “Hựu y chư kinh, ư ngôn cú, ước sự tướng pháp, nhập tâm thành quán”. Ở đây giải thích đều rất đơn giản, nhưng lý và sự vô cùng sâu rộng. Đây là nói sự pháp tướng, phải nhập tâm thành quán. Làm thế nào để “nhập tâm thành quán”, trước đây đã nói qua, trong hàng thứ tư

đếm từ dưới lên nói: “nhị ước pháp tướng, như quán tứ đế, ngũ hành chi văn, nhập nhất niệm tâm dĩ vi viên quán”, câu này là giải thích điều này. Cho nên pháp mà Đức Phật thuyết, nếu như chúng ta không hiểu quán pháp, quán pháp này chính là biểu pháp mà ngài thuyết pháp, nếu quý vị không hiểu ý nghĩa này, thì ý nghĩa thực sự của pháp mà đức Phật thuyết quý vị không thể nào hiểu được. Trong kệ khai kinh nói: “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, Như Lai chân thật nghĩa nằm ngoài ngôn ngữ, nằm ngoài sự tướng.

Sự tướng, ví dụ như giảng đường của chúng ta, trong giảng đường thờ cúng Phật tượng, cúng dường hương hoa, đây đều là sự tướng. Sự tướng này có ý nghĩa gì? Quý vị phải hiểu được. Quý vị hiểu được mới có thể nhập quán. Chúng ta thờ tượng Phật, tượng Phật đại biểu cho điều gì? Tượng Phật đại biểu tự tánh giác. Ba loại trí, ba loại giác, tượng Phật đại biểu điều này. Ba loại trí là trí tuệ trong tự tánh vốn có: nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí. Ba loại giác là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Nó biểu thị cho ý nghĩa này. Biểu thị là tánh đức. Tự tánh vốn có đủ ba đức này. Thờ cúng Bồ Tát đại biểu cho tu đức. Chúng ta là người tu Tịnh Tông, thông thường cúng dường Tây Phương Tam Thánh, ở giữa thờ cúng Phật A Di Đà, hai bên thờ cúng Quan Âm, Thế Chí. Quan Âm biểu thị từ bi, Thế Chí biểu thị trí tuệ. Chúng ta ngày nay nói là lý trí. Thờ cúng hai vị Bồ Tát này làm cho chúng ta ngày ngày đều nhìn thấy, nhắc nhở chúng ta, cuộc sống công việc của chúng ta, xử sự, đối người, tiếp vật phải có ái tâm, phải có lý trí. Lý trí thì không phải làm việc theo cảm tính. Ái tâm chân thành thì có thể làm cho sự việc đạt đến sự viên mãn. Thờ tượng là biểu thị cho ý nghĩa này. Phía trước hình tượng Phật, Bồ Tát cúng đèn, ngày xưa cúng đèn đều cúng đèn dầu, thắp đèn nên, đèn biểu thị cho ánh sáng, chiếu đại thiên thế giới. Ánh sáng gì vậy? Ánh sáng của trí tuệ, ánh sáng của từ bi, biểu thị cho ý nghĩa này. Đèn nến cháy dần dần sẽ không còn nữa, “thắp sáng bản thân, chiếu sáng người khác”, dùng lời hiện đại chính là phục vụ xã hội, phục vụ chúng sanh, xả thân vì người, làm cho quý vị nhìn thấy sự tướng này, quý vị có thể nhập nhất tâm. Biết được bản thân nên làm như thế nào. Chúng ta ngày nay đối với sự tướng này là không biết gì cả, nên gọi là mê tín. Điều này chúng ta phải nên biết. Chúng ta thực sự là đang mê. Mê tín, không biết tin là điều gì.

Ngày nay Phật Giáo bị suy tàn đến mức độ này, nguyên nhân là do đâu? Không có người đọc kinh, không có người nghiên cứu kinh điển, không có ai giảng giải kinh điển. Phật pháp suy, không những suy, Phật pháp cũng có thể bị diệt mất. Phật pháp như kinh đã nói, là ngọn đèn sáng cho tất cả chúng sanh trong biển khổ. Chúng ta muốn cứu chúng sanh, trước phải cứu Phật pháp, muốn cứu Phật pháp thì phải y giáo tu hành, thì phải nghiêm túc mà nỗ lực, hạ thủ công phu trong giáo lý. Đây là chánh nghiệp của chúng ta,

đặc biệt là đệ tử xuất gia, người xuất gia làm gì? Chính là làm sự việc này. Đệ tử xuất gia không phải là xây chùa. Phật Thích Ca Mâu Ni đương thời tại thế không có việc xây chùa chiền. Mỗi ngày chư vị đồng học cùng nhau nghiên cứu thảo luận, sửa đổi tư tưởng kiến giải, nói năng hành vi sai lầm của bản thân. Mọi người cùng nhau làm việc này, cuộc sống trải qua rất đơn giản, trải qua rất tự tại, tương ứng với đại tự nhiên. Gốc cây ngủ một đêm, ngày ăn một bữa. Đối với ngũ dục lục trần thế gian, danh văn lợi dưỡng chắc chắn không có tham sân si. Sống cuộc sống như vậy.

Ngày nay chúng ta nếu muốn hưng giáo, nếu muốn thực sự lợi ích chúng sanh, vẫn phải bắt tay từ đây. Đây là điều chúng ta phải hiểu rõ, phải giác ngộ. Rất nhiều người không hiểu được đạo lý này, cho rằng xuất gia nhất định phải xây một ngôi đạo tràng nguy nga lộng lẫy, liền cảm thấy rất vinh dự. Thực sự là sai rồi. Sự việc này Đức Phật rõ ràng, không phải không rõ ràng. Ngài nói năm lần 500 năm, Phật nói 500 năm thứ nhất “giới luật thành tựu”, 500 năm thứ hai “thiền định thành tựu”, 500 năm thứ ba “đạo văn thành tựu”, 500 năm thứ tư “tháp miếu thành tựu”, 500 năm thứ năm “đấu tranh thành tựu”, đấu tranh kiên cố. Chúng ta hiện tại là 500 năm thứ năm. Cho nên không xây đạo tràng mọi người không có việc gì, tương an vô sự, vừa xây đạo tràng thì ý kiến lại đến rồi, đấu tranh đến rồi. Trong tình hình này, nếu như khôi phục đến kiểu ngủ dưới gốc cây một đêm, ngày ăn một bữa, mọi người vô sự rồi, không đấu tranh nữa. Đấu tranh liền tiêu trừ thôi.

Ngày nay chúng ta tu đạo, nói lời chân thật thì phải thực sự cải tử hoàn sinh, cứu vãn Phật giáo, tiêu trừ tất cả nghiệp chướng chúng sanh, ở am tranh, am tranh từ đâu mà có? Bản thân tự làm. Bản thân chặt vài gốc cây, làm một am tranh nhỏ, mọi người không còn tranh chấp gì nữa, đạo tâm mới có thể kiến lập.

Hiện nay trong nước có tin tức cho tôi, hi vọng tôi về nước lá rụng về cội. Tôi nói được, tôi rất nhiều năm đều có hi vọng này. Tôi trở về nước, tôi xây đạo tràng thì làm nhà tranh, nhất định không cần xây nhà cửa, làm nhà tranh, mọi người cùng nhau tu, làm một ngôi nhà tranh lớn, mỗi một người liêu phòng của mình, bản thân tự làm một am tranh nhỏ, chúng ta sống cuộc sống của người xuất gia như vậy. Thực sự mà nói, thực sự trở về chúng ta có thể sống cuộc sống đi khát thực, đạo tràng không cần nấu cơm. Chúng ta giáo hóa một địa phương, những bá tánh nông thôn họ cũng hoan hỷ, chúng ta đi khát thực, sống cuộc sống như vậy tốt. Thực sự là không tranh với người, không cầu ở đời, làm cho mọi người đều chế ngự được tham sân si mạn, thiên hạ liền thái bình. Nếu như tham muốn hưởng thụ, tạo tội nghiệp. Hiện tại hưởng thụ rất tốt, sau khi chết rồi tìm tam đồ mà đến, vậy thì khổ kia cũng phải lãnh đủ rồi. Hiện tại khổ một chút, tương lai thấp nhất cũng được sanh thiên, cũng hưởng phước trời. Đồng học các vị có người muốn đi cùng tôi,

đi theo tôi tương lai đều ở lều tranh, ngay nhà cửa như thế này cũng không có. Vậy mới thực sự như pháp. Tu hành như lý như pháp nhất định có điều tốt.

Dưới đây nói đến “thác sự”. Đây là quán pháp thứ ba.

“Thác sự tướng, như vương xá kỳ xà, danh từng sự lập, tá sự vi quán, dĩ đạo chấp tình”. “Chấp” chính là chấp trước, “đạo” là khai thông, khai thông tình chấp của chúng ta. “Tức như Phương đẳng Phổ Hiền kỳ lệ khả thức”. “Thác sự” và trước đây nói “ước pháp tướng” không giống nhau. Trước đây ước pháp tướng là chú trọng pháp tướng. Ở đây chú trọng sự tướng. Trong kinh nói Vương Xá Thành, núi Kỳ Xà Quật, đây thuộc về sự tướng. Danh hiệu của Phật Bồ Tát cũng thuộc về sự tướng. Giống như kinh điển Phương đẳng, Phương đẳng thuộc về sự tướng. Phổ Hiền, Văn Thù, Địa Tạng, đây đều thuộc về sự tướng. Từ sự tướng liền hiểu được hàm nghĩa của nó. Cho nên nói trong Phật pháp không có pháp nào không phải là thâm nghĩa của biểu pháp. Quý vị có thể từ đây mà kế nhập, mới có thể thành tựu viên quán.

Đoạn văn dưới đây chúng ta đọc tiếp,

“Thác sự, vị tâm vi năng thác, y chánh sự vi sở thác”. Y là y báo, chánh là chánh báo, y báo chánh báo những sự việc này, đây là sở thác. “Phụ pháp, vị tâm vi năng phụ, chư pháp môn vi sở phụ, tức sự pháp nhị quán chi nghĩa”. Hàm nghĩa trong đây có sai biệt, chúng ta nhất định phải rõ ràng, nhất định phải sáng suốt. Sau đó chúng ta ở trong Phật pháp sẽ học được, bất luận là đối với sự tướng, hay là đối với pháp tướng, đều có thể tùy duyên mà tác quán. Tác quán này thông thường chúng ta nói gợi ý, trên sự tướng có gợi ý, trên hiện tướng cũng có gợi ý. Gợi ý liền sanh trí tuệ. Trí tuệ mới đắc được thọ dụng chân thật. Đây là nói ra danh tướng trước, sau đó mới dạy cho chúng ta làm thế nào để trên sự tướng, trên pháp tướng mà tu quán. Cũng tức là làm thế nào để xem tất cả sự tướng, xem tất cả pháp tướng, trong sự tướng, trong pháp tướng đạt được gợi ý trí tuệ.

Dưới đây cũng có nêu một vài ví dụ, hướng dẫn chúng ta một số nguyên tắc tu học.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây.

**HẾT TẬP 22**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 23****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mở kinh bốn ra! Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, luận quán trang thứ 18, bắt đầu xem từ hàng thứ hai.

“Quán kim kinh tánh thức bốn Như Lai tạng, nhất niệm cụ túc thập giới bách giới tam thiên tánh tướng. Như thử chỉ quán giản khứ giới nhập, duy quán ngũ âm trùng đảm”. Trước hết chúng ta nói qua một cách đơn giản về câu này. Đại sư Thanh Liên phán giáo lấy “tánh thức” làm giáo thể của bốn kinh này. Điều này trước đây đã nói qua với chư vị rồi.

“Tánh thức” chính là Như Lai tạng tánh. Một niệm đầy đủ mười giới trăm giới. “Thập giới” thường nói là mười pháp giới. “Bách giới” đại sư Thiên Thai nói, mỗi một pháp giới đều đầy đủ mười pháp giới, cho nên mười lần mười là một trăm. “Ba ngàn tánh tướng”, đây là từ trong Kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn giảng cho chúng ta về “thập như thị”, mỗi một pháp giới đều đầy đủ mười như thị. 100 giới tức là 1000 như, gọi là “trăm giới ngàn như”, quá khứ 1000 như, hiện tại 1000, vị lai 1000, gọi là “ba ngàn tánh tướng”. Đây là đem pháp giới hư không, hiện tượng tất cả chúng sanh toàn bộ đều bao quát hết. Mấy câu nói này bình thường chúng ta nói tận hư không biến pháp giới, đều nói hết rồi.

Hiện tại dạy chúng ta quán pháp. Quán pháp chính là dạy chúng ta kiến lập nhân sinh quan, vũ trụ quan chính xác, đây là danh từ hiện đại.

“Thử như chỉ quán giản khứ giới nhập”. Giới là 18 giới, nhập là sáu nhập. Đây là điều trong quá trình đức Thế Tôn thuyết pháp thường đem bách giới thiên như quy nạp thành năm âm, sáu nhập, 12 xứ, 18 giới. Đây là tiện cho thuyết pháp mà làm ra sự quy nạp như vậy. Bây giờ chúng ta đem 18 giới sáu nhập đều tinh lược nó bớt, dạy chúng ta quán “ngũ âm trọng đảm”, chuyên môn nơi “năm âm” mà hạ công phu.

“Tự thử ngũ âm tiên giản sắc pháp, thứ giản thọ, tướng, hành tam tâm sở pháp”. Giản cũng có nghĩa là tinh lược, chúng ta lược bỏ bớt nó. Trong năm âm “chỉ quán sáu thức tâm vương”, thọ tướng hành thức chỉ đơn thuần quán thức. “Sáu thức” chỉ quán thức thứ sáu.

“Dĩ tiền ngũ thức tất y đệ lục ý thức, đồng thời nhi khởi, phương năng thủ cảnh, tạo thiện ác nghiệp”. Đây là từng tầng từng tầng mà chọn lọc, cuối cùng lựa chọn là thức thứ sáu, muốn chúng ta phải ở nơi này mà tác quán.

Tông môn giáo môn Tổ sư đại đức thường nhắc nhở chúng ta “tu từ căn bản”. Căn bản là gì? Tâm chính là căn bản. Phàm phu từ trong tâm ý thức mà hạ thủ. Đây là phương tiện tối sơ nhất. Chúng ta dụng công tương đối dễ dàng đắc lực.

Dưới đây ngài nêu lời trong Kinh Lăng Nghiêm để làm chứng. Lăng Nghiêm nói: “Lục vi tặc môi, tự kiếp gia bảo, ý căn tặc chi cự khôi dã, công lực kham đại, dĩ đệ thất thức vi sơ y căn, dữ tiền ngũ căn tương ưng hòa hợp, tạo chư thiện ác chi nghiệp, giai nạp đệ bát thức trung, như thương khổ thanh vật tùy thời xuất nội”. Đoạn này không khó hiểu. Vì sao trong sáu thức chỉ lấy ý thức thứ sáu? Năm thức trước khởi tác dụng nhất định dựa vào thức thứ sáu. Mà thức thứ sáu và thức thứ bảy có mối quan hệ liên đới. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, đem sáu thức ví dụ cho sáu giác. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, tiếp xúc với cảnh giới sáu trần chỉ có liễu biệt, còn chưa có phân biệt. Ai phân biệt? Thức thứ sáu phân biệt. Chư vị phải biết, phân biệt liền có tốt xấu, liền có thiện ác, vậy là tạo nghiệp rồi. Liễu biệt không tạo nghiệp, liễu biệt là tuệ, phân biệt liền tạo nghiệp. Cho nên thức thứ sáu là tội đầu họa nhất. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đọa lạc trong lục đạo, làm việc sanh tử luân hồi. Trong lục đạo kinh điển nói rất hay, chắc chắn là thời gian trong ba đường ác dài, thời gian trong ba đường thiện ngắn. Hiện tượng này tạo thành như thế nào? Thực sự mà nói, quý vị tìm ra nguyên nhân số một chính là thức thứ sáu, hư vọng phân biệt, nên sức mạnh của nó lớn nhất. Nó đối nội có thể duyên đến thức A lại da, đối ngoại có thể duyên đến hư không pháp giới. Trong sáu thức chỉ có phạm vi duyên của nó lớn nhất. Cho nên trong Bách Pháp chư vị có thể nhìn thấy tâm sở tương ưng, 51 tâm sở thức thứ sáu đều tương ưng hết, tám thức khác đều không thể nào tương ưng với nhiều tâm sở như vậy, chỉ có ý thức thứ sáu tâm sở tương ưng viên mãn đầy đủ. Có thể thấy được công lực của nó rất lớn. Câu nói này nói không sai tí nào. Nó khởi lên nhất định liên kết cả thức thứ bảy, thức thứ bảy là mặt na, gọi là ý căn. Thức thứ bảy là nhiệm ô ý. Thức thứ bảy là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt, phiền phức chính tại nơi này vậy.

Trong Kinh Lăng Nghiêm “tự kiếp gia bảo”, câu nói này là ví dụ. “Gia bảo” là chỉ cho trong tự tánh vốn đã đầy đủ trí tuệ đức năng. Bởi vì phân biệt của ý thức thứ sáu, chấp trước của mặt na thức bảy, trí tuệ đức năng trong tự tánh chúng ta liền không thể hiện tiền, ví dụ cho đạo tặc cướp mất trí tuệ đức năng của chúng ta, dùng ý nghĩa này vậy. Cho nên nó và “năm căn trước tương ưng hòa hợp”, đây chính là tạo nghiệp.

“Tạo chư thiện ác chi nghiệp”. Nghiệp tập chủng tử đều rơi vào trong thức A lại da, thức A lại da giống như một cái nhà kho vậy. “Tùy thời xuất nội”, xuất là khởi hiện hành, gặp được duyên chủng tử này liền khởi hiện hành, khởi hiện hành chính là quả báo, quả báo thiện ác. “Nội” là chứa vào

trong. Sự việc này chúng ta phải rõ ràng, phải sáng suốt, nếu không bình thường nói dụng công tu hành, tu hành quý vị không biết bắt đầu từ đâu mà tu. Dụng công, công phu không đắc lực. Nguyên nhân là gì? Nhân tố căn bản này chưa làm cho rõ ràng.

Ngày xưa tôi từng nghe người ta nói về đả Phật thát, có người nói đả Phật thát là đánh đổ thức thứ bảy. Tôi từng nghe người ta nói như vậy, nghe người ta nói như vậy, tôi nghe xong cảm thấy rất kỳ lạ, thức thứ bảy làm sao mà đánh đổ được? Đánh không đổ được, đánh không đến. Dùng phương pháp gì để mà đánh đến nó? Nhưng có được ý niệm này cũng coi như khá lắm rồi. Thức thứ bảy đích thực là sự việc rất phiền phức. Bởi vì nó chấp trước kiên cố cho nên mới có lục đạo luân hồi. Điều này trong giảng tòa tôi thường nói với chư vị rồi. Lục đạo, thập pháp giới nó đến như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ba thứ này đều đầy đủ. Hiện tượng lục đạo hiện tiền, ba sự việc này trong kinh Phật cũng gọi là kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Dùng phiền não để làm đại biểu. Phải hiểu được kiến tư phiền não chính là chấp trước, trần sa phiền não chính là phân biệt, vô minh phiền não chính là vọng tưởng. Ba thứ này là gốc của lục đạo thập pháp giới. Từ căn bản mà tu, tức phải nhổ trừ những thứ này. Đoạn kiến tư phiền não, buông bỏ chấp trước đối với pháp thế xuất thế gian, tất cả người, tất cả việc, tất cả vật. Cách nói của tôi mọi người sẽ dễ hiểu. Trong chấp trước nghiêm trọng nhất là có dục vọng không chế, có ý niệm này, có hành vi chiếm hữu. Như vậy là phiền phức rồi. Quý vị có ý niệm và hành vi không chế tất cả người, sự, vật, chiếm hữu tất cả người, sự, vật. Ý niệm là vọng tưởng, hành vi là tạo nghiệp. Thực sự mà nói, niệm cũng là tạo nghiệp. Niệm là ý nghiệp, hành vi là thân nghiệp, ngữ nghiệp, thân ngữ ý ba nghiệp đều đầy đủ rồi. Chư vị thử nghĩ xem có được mấy người không tạo nghiệp? Được mấy người thực sự buông bỏ? Người buông bỏ không tạo nghiệp, chắc chắn họ là Phật Bồ Tát. Cho nên chư Phật Bồ Tát và phàm phu sai biệt chỉ trong một niệm. Một niệm giác họ buông bỏ, một niệm mê họ liền khởi phân biệt chấp trước. Khởi phân biệt chấp trước là mê. Thực sự hiểu rõ chân tướng những sự lý này, vậy là giác ngộ rồi.

Thực sự mà nói, tám thức 51 tâm sở có hay không? Chư vị nghĩ xem Bách Pháp Minh Môn Luận của Pháp tướng tông, chư vị đã đọc qua, một bộ Bách Pháp chỉ là giải thích hai câu nói trong kinh điển, thật sự nói đến chỉ là một câu, chứ không phải hai câu, chỉ giải thích câu “nhất thiết pháp vô ngã”. Bách Pháp chính là giải thích một câu nói, mà đức Thế Tôn thường giảng trong kinh điển: “nhất thiết pháp vô ngã”. Bách Pháp chính là giải thích tất cả pháp, tất cả pháp vô lượng vô biên. Bồ Tát Di Lặc tạo Du Già Sư Địa Luận đem tất cả pháp quy nạp thành sáu trăm sáu mươi pháp, Bồ Tát Thiên Thân nhìn thấy, điều này đối với sơ học vẫn là vô cùng khó khăn, Ngài đem 660

pháp quy nạp lại thành 100 pháp, để tiện lợi dạy cho người sơ học. Trong Bách Pháp hữu vi pháp và vô vi pháp. Tám thức là tâm pháp, 51 tâm sở pháp, 11 sắc pháp, 24 bất tương ưng hành pháp, đều là quy nạp vào một loại hữu vi pháp.

Quý vị đọc Kinh Kim Cang, đoạn cuối có một bài kệ: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Tám thức tâm vương là hữu vi pháp, là mộng huyễn bào ảnh, căn bản là không có những thứ này. Nhưng quý vị khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền biến hiện ra những thứ này, biến hiện ra những thứ này là đủ cho quý vị thọ rồi. Vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp làm việc sanh tử luân hồi, làm những việc quả báo thiện ác khổ lạc, chính là những pháp hữu vi này nó hại chúng ta, chúng ta mê ở trong đó, không có giác ngộ. Trong Kinh Kim Cang nói rất hay, những thứ này trong tự tánh vốn là không có. Đây là “một niệm bất giác mà có vô minh”. Trong Tướng tông nói rất rõ ràng. Những thứ này từ đâu mà có? Sanh khởi như thế nào? Là một niệm bất giác liền biến thành vô minh, “vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trường lục thô”, phát triển thành huyễn tướng y báo chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới. Thập pháp giới đều là hư huyễn, đều là mộng huyễn bào ảnh. Xa lìa thập pháp giới, nên mới gọi là nhất chân pháp giới. Đó là điều chân thật. Nhất chân pháp giới thuộc về vô vi pháp, không phải là hữu vi pháp. Thập pháp giới đều là hữu vi pháp.

Đại sư Thiên Thai nói rất hay, lục đạo là quán hạnh vị, tứ thánh pháp giới là tương tự vị, không phải là chân thật. Nhất định không nên đem tương tự xem thành là chân thật, quý vị ở đây sanh ra ngộ nhận, quý vị sẽ vĩnh viễn không thể chứng đắc chánh quả. Tương tự vị là tiểu quả, không phải là chánh quả, chánh quả nhất định là siêu việt thập pháp giới, nhất chân pháp giới là chánh quả. Những sự việc này giải thích rõ ràng dường như lại không khó. Muốn khế nhập cảnh giới thì khó, không phải một việc dễ dàng. Khó ở chỗ nào? Khó là chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay tập khí sâu quá, đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp huân tập tập khí. Chúng ta muốn đoạn cũng không đoạn được. Rất nhiều đồng tu đến nói với tôi: Thực sự muốn đoạn, nhưng cảnh giới vừa hiện tiền bản thân không làm chủ được, lại chạy theo cảnh giới. Nguyên nhân là gì? Hiểu chưa đủ thấu triệt, cũng chính là nhận thức chưa đủ rõ ràng. Huân tu của Phật pháp vô cùng quan trọng. Nếu không phải là người thượng thượng căn thì huân tu quan trọng. Người thượng thượng căn đến như thế nào? Trong đời quá khứ năng lượng Phật pháp huân tu sâu dày, họ có nhân tố, đời đời kiếp kiếp học Phật, đời đời kiếp kiếp trì giới, trì giới mới không mất thân người. Mức độ thấp nhất ngũ giới thập thiện, phải thanh tịnh, phải thực sự làm được, có thể giữ được thân người, không mất thân người. Năng lực huân tu Phật pháp mạnh, niệm niệm không bị quên mất, mới được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần gia hộ. Quý vị được thân người có cơ hội lại nghe

được Phật pháp, thiện quả nhiều đời tu hành, huân tập thành thượng căn lợi trí.

Người trung hạ căn tánh, không phải nói quý vị chưa học qua Phật pháp, chưa từng học Phật thì quý vị không có thiện căn, quý vị có thiện căn. Giáo đoạn không liên tục nên thiện căn phước đức này như có như không, trong đời này có duyên gặp được rồi, công phu không đặc lực, đây mới là nguyên nhân thật sự. Nếu muốn công phu đặc lực, có cách gì không? Có. Tăng cường huân tập kinh giáo là được. Huân tập kinh giáo nhất định là ngày ngày không ngừng, có thể được 10 năm, 20 năm, 30 năm nó liền khởi tác dụng. Đối với đoạn ác tu thiện liền cảm thấy không khó khăn nữa. Ngày nay mọi người đối với tập khí vọng tưởng rất khó đoạn, là do năng lực huân tu kinh giáo ít quá. Cho nên Thế Tôn năm xưa tại thế, làm gương cho chúng ta, làm mô phạm, chúng ta phải lưu ý. Nhất định không được sơ suất. Phật đà tại thế mỗi ngày giảng kinh tám tiếng đồng hồ, đại chúng tham gia pháp hội thiện căn, phước đức, nhân duyên đều sâu dày hơn chúng ta, mỗi ngày còn được huân tập tám tiếng đồng hồ. Họ nghe kinh có thể khai ngộ, có thể chứng quả, đạo lý chính là đây vậy. Thời gian huân tu của chúng ta ít quá, cho nên nghe rồi không khai ngộ, chẳng những không khai ngộ, nghe rồi còn suy nghĩ lung tung, dùng ý nghĩ của mình để dò đoán ý nghĩa kinh Phật dạy. Toàn là đoán sai thôi. Đây là trong quá trình tu học, không có thiện tri thức hướng dẫn quý vị. Đức Phật trong Kinh Hoa Nghiêm, Đại Trí Độ Luận đều nói: “Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải”, ở thế gian người thông minh trí tuệ thế nào, cũng không thể hiểu được ý nghĩa của Phật. Vì sao vậy? Người thế gian đọc kinh Phật, nghe kinh Phật đều là suy nghĩ lung tung, cho rằng bản thân hiểu, kỳ thật sai lầm rất lớn, họ làm gì hiểu được. Tu học Phật Pháp phải như thế nào mới có thể giải Như Lai chân thật nghĩa? Cổ đức dạy trước hết cầu căn bản trí, sau khi căn bản trí thành tựu rồi, hậu đắc trí tự nhiên theo đó mà hiện tiền. Như vậy mới có thể hiểu được chân thật nghĩa của Phật.

Thế nào gọi là căn bản trí? Trong Kinh Bát Nhã nói rất hay: “bát nhã vô tri, vô sở bất tri”, vô tri là căn bản trí. Vô tri khởi tác dụng liền vô sở bất tri. Chúng ta hiện nay phạm sai lầm lại vừa vặn tương phản với điều này. Chúng ta hiện nay học những gì? Học hữu tri. Quý vị hữu tri liền hữu sở bất tri, khó là đây vậy. Trong thời đại này, người hiểu được đạo lý này không nhiều. Dân quốc sơ niên còn có một vài thiện tri thức, đại đức của tướng tông đều là những cư sĩ tại gia. Họ đề xướng phải hạ thủ từ căn bản trí. Tuy có một vài người đề xướng, nhưng người tin tưởng không nhiều, người hưởng ứng không nhiều.

Phật Pháp Trung Quốc truyền thừa cổ xưa mấy ngàn năm đều hạ thủ từ căn bản trí. Nhà Phật chú trọng căn bản trí, rất gần gũi với phương thức dạy dỗ trẻ con của nhà Nho. Cho nên nhà Phật có năm năm học giới. Bất luận là tại gia học Phật hay là xuất gia học Phật, bắt buộc phải trải qua quá trình này,

năm năm học giới không phải là học giới luật, giới đó là giáo giới của thầy giáo, năm năm tuân thủ giáo giới của thầy giáo. Thầy giáo dạy những gì? Bồi dưỡng căn bản trí cho quý vị. Đây gọi là sư thừa. Hiện nay không còn nữa. Tôi một đời học Phật coi như rất may mắn dính được một chút biên duyên, tức là lúc mới học Phật, thầy giáo hướng dẫn trong năm năm học một bộ kinh, tu một pháp môn, tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, khi gặp mặt, ông đưa ra cho tôi ba điều quy ước. Thứ nhất nhận ông làm thầy giáo, tiếp thu hướng dẫn của thầy, ngoài thầy giảng kinh thuyết pháp ra, bất cứ người nào giảng kinh thuyết pháp đều không thể nghe. Ngoài tiếp thu một mình thầy chỉ đạo ra, bất cứ người nào giáo giới cũng không được nghe, đó là điều kiện đầu tiên. Hạn chế vô cùng nghiêm khắc. Điều kiện thứ hai là những thứ trước đây đã học đều phải buông bỏ hết, ông không thừa nhận. Thứ ba là sách mà tôi xem bất luận là sách Phật hay sách thế gian, nếu chưa được ông đồng ý không được xem. Tôi chấp nhận. Phương pháp này là gì? Phương pháp này là huấn luyện căn bản trí. Tất cả đều không được xem, không được nghe, chuyên môn theo học một mình thầy, thầy dẫn đường, thầy chỉ đường, thầy chịu trách nhiệm. Nếu như quý vị không chịu nghe lời, đi nghe khắp nơi, tùy tiện mà đọc, thì thầy không thể nào dạy quý vị được. Vậy là quý vị đi theo con đường quảng học đa văn rồi. Quý vị chính là hữu tri, không phải học vô tri. Biện pháp này của thầy dạy quý vị không được xem, cũng không được nghe, cũng không được đọc. Phương pháp này chính là đi theo con đường vô tri. Vô tri là gì? Là tu tâm thanh tịnh. Trong nhà Phật cũng thường nói: “tri sự đa thời phiền não đa, thức nhân đa xứ thị phi đa”. Quý vị biết nhiều người quá thì thị phi càng nhiều, quý vị biết nhiều chuyện quá thì phiền não liền nhiều. Bắt đầu tu học phải dứt sạch các duyên nhân và sự, để cho quý vị tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là căn bản trí. Tâm thanh tịnh năng sanh trí tuệ. Cho nên học trò phải hợp tác với thầy giáo, phải tuân thủ, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, quý vị mới đạt được lợi ích. Nhưng phương pháp này quý vị phải tin tưởng mới được. Nếu quý vị không tin tưởng thì hiệu quả này không thu nhận được, nhất định phải tin tưởng. Phương pháp này truyền đến mấy ngàn năm. Cho nên vừa bắt đầu thầy giáo đã dùng một khoảng thời gian, thời gian năm năm giúp quý vị định trở lại, làm giảm thiểu vọng tưởng tạp niệm của quý vị. Từ đây mà giúp quý vị khai trí tuệ. Nên học một bộ kinh, không thể học nhiều, khi trí tuệ khai rồi, quý vị có năng lực phân biệt chân vọng, có năng lực phân biệt đúng sai, phân biệt tà chánh, lúc này thầy giáo liền để cho quý vị đi. Người Trung Quốc gọi là xuất sư, người hiện tại nói là tốt nghiệp, quý vị đã có thể tốt nghiệp rồi. Sau khi tốt nghiệp ra đi, cửa này được mở, ai giảng gì đều có thể nghe, sách gì cũng đều có thể đọc, để thành tựu hậu đắc trí của quý vị, vô sở bất tri. Ban đầu vì sao hạn chế quý vị? Vì quý vị chưa có năng lực này, quý vị không thể biện biệt đúng sai chân vọng, quý

vị tiếp xúc sẽ làm cho trí tuệ của quý vị bị phá hoại. Cho dù quý vị có thể học được một ít Phật học thường thức, cũng là ngoài da, không khai trí tuệ được, quý vị không có trí tuệ chân thật. Thứ quý vị đạt được nhà Phật nói là “thế trí biện thông”. Thế trí biện thông là một trong tám nạn, quý vị gặp nạn rồi.

Ngày nay chúng ta xem xem, trong số người xuất gia có rất nhiều người giảng kinh thuyết pháp, lúc ra đi tướng đó không tốt, cho nên có một số người hoài nghi, họ giảng kinh thuyết pháp có công đức vì sao lúc ra đi tướng lại không tốt như vậy? Họ giảng kinh thuyết pháp là thế trí biện thông, không phải là trí tuệ chân thật. Họ chưa đoạn phiền não, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn họ vẫn còn, những thứ này không hữu ích. Cho dù là tu phước, Lục tổ Huệ Năng đại sư nói “phước không thể cứu”, nhất định phải có trí tuệ chân thật mới có thể giải quyết vấn đề, phước không thể cứu được.

Hiện tại người thế gian mê trong phước báo, tu phước không tu tuệ, không biết cái gì là trí tuệ chân thật, không chịu đoạn phiền não, không chịu buông bỏ thị phi nhân ngã. Họ làm sao mà thành tựu được? Tuy giảng kinh thuyết pháp, khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác vẫn là ác nghiệp, vẫn là đang tạo nghiệp. Nếu quý vị tạo thiện nghiệp thì thọ sanh ba đường thiện, tạo ác nghiệp thì thọ báo trong ba đường ác, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn”, cổ nhân nói “hét rách cổ họng cũng hoài công”, quý vị vẫn đang làm việc lục đạo luân hồi.

Dưới đây nói. “Đệ thất thức thường thời chấp thủ đệ bát kiến phần vi nội tự ngã”. Công năng của thức thứ bảy là chấp trước, chấp trước vô cùng kiên cố, nó chấp trước kiến phần của thức thứ tám, cho đây là ngã. Chấp trước này trước nay chưa từng gián đoạn.

Tướng của ngã là gì vậy? Mấy câu dưới đây nói: Tứ đại phiền não thường tương tùy. “Ngã si”, ngu si, si làm mê. Chấp thủ kiến phần của thức thứ tám cho là nội tự ngã, chính là mê. Có ngã si liền sanh “ngã kiến”, có ngã kiến liền sanh “ngã mạn, ngã ái”, ái là tham ái. Quý vị xem ở đây tham sân si, mạn là một phần của sân, ái là tham, điều thứ nhất là si. Ba độc phiền não đều ở trong đó, đây là gốc của ba độc phiền não. Tu từ căn bản chính là phải làm cho thị dục của quý vị, thị hiếu của quý vị, ái dục, sở thích của quý vị đoạn cho hết. Đoạn từ đâu? Đầu tiên phải hạ thủ từ nơi khó đoạn nhất. Thị dục và ái dục của người thế gian, không phải là ai ai cũng tương đồng, bản thân phải rõ ràng. Nếu như người tham ái danh nặng, quý vị phải từ danh mà hạ thủ, người tham ái sắc nặng thì quý vị phải hạ thủ từ sắc, người tham ái tài nặng, quý vị phải từ tài mà hạ thủ. Mỗi người đều khác nhau, bản thân rõ ràng, bản thân sáng suốt. Thị dục và ái dục chưa đoạn, thì quý vị nhất định không thể thoát ly luân hồi. “Tài sắc danh thực thù”, Phật đem nó quy nạp thành năm loại lớn. Năm loại lớn này gọi là năm dục. Năm loại dục lớn. Thứ nào nặng thì từ thứ

đó mà hạ thủ trước. Đối phó với thứ nặng trước, rồi sau đó mới đối phó với những thứ nhẹ. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần không còn một chút tâm tham ái nào nữa, vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị trong đời này có được cơ hội xuất ly lục đạo rồi. Vấn đề là quý vị có nguyện hay không? Có muốn thoát ly lục đạo hay không? Muốn thoát ly lục đạo quý vị liền có thể thoát ly lục đạo. Chướng ngại trong lục đạo quý vị trừ được rồi, cho nên phải hiểu được danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần là chướng ngại chúng ta xuất ly lục đạo.

Ngày nay chúng ta biết được lục đạo luân hồi khổ, khổ không kể xiết. Nếu như vẫn còn có ý niệm này thì vấn đề nghiêm trọng rồi. Cho nên Đức Phật khuyên dạy chúng ta, phải sống cuộc sống mức thấp nhất, viễn ly tham, sân, si, mạn, chắc chắn không có thị hiếu. Cuộc sống của Đức Phật tất cả đều tùy duyên. Hàng ngày chúng ta ăn uống đi ở đều là khát thực, người ta cúng dường món gì ăn món đó, cúng dường thứ gì mặc thứ đó. Nếu bản thân nghĩ rằng hôm nay mình muốn ăn món này, muốn mặc thứ kia, là thị dục của ta đã hiện tiền. Ở đây chúng ta phải đề cao cảnh giác. Phiền não của ta lại hiện hành rồi. Cổ đức dạy: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Niệm khởi là việc nhất định có, đó là tập khí từ vô lượng kiếp, dĩ nhiên nó sẽ hiện hành. Nếu trong cảnh duyên không khởi hiện hành, người này là Phật Bồ tát tái lai rồi, chứ không phải phàm phu nữa, phàm phu chắc chắn sẽ khởi hiện hành. Khởi hiện hành đừng sợ, giác ngộ được nhanh, biết được ý niệm này là sai lầm, ý niệm này là tâm luân hồi, không chuyển nó trở lại, quý vị nhất định tạo nghiệp luân hồi. Tuy là niệm Phật thân ngữ ý vẫn tạo nghiệp luân hồi như thường, cho nên niệm Phật không thể vãng sanh. Điều này nói rõ người niệm Phật nhiều, người vãng sanh ít. Người nào có thể vãng sanh? Người buông bỏ thị dục, ái dục, người này có thể vãng sanh. Cho nên ở đây nói “tứ hoặc thường câu”, tứ hoặc chính là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái. Chắc chắn không phải là việc tốt đẹp. Đây là hiện tượng của thức thứ bảy. Vì thế gọi nó là “nhiễm ô ý, nhiễm ô chân tánh cố, toại sử đệ bát thức, lập hàm tàng lại ya chi danh”. Thực sự mà nói, thể của thức thứ tám A lại da chính là chân như tự tánh. Vì sao gọi nó là A lại da thức? Nó bị thức thứ bảy làm ô nhiễm, nên gọi là A lại da thức. Chúng ta nên biết phải chăng thực sự bị ô nhiễm rồi? Không có. Chân như bản tánh làm sao có thể bị ô nhiễm? Cổ đức có một ví dụ, lấy mặt trời ví dụ cho tự tánh, ví dụ cho chân như, lấy áng mây ví dụ cho mặt na thức, thức thứ bảy mặt na thức chỉ giống như áng mây che mặt trời, phải chăng thực sự che mặt rồi? Không phải thực sự che mặt. Bây giờ mọi người hiểu được rồi, quý vị đi máy bay, máy bay bay trên mây, không phải che mặt. Cho nên những thứ này là giả, không phải là thật.

Đức Phật vì sao nói chúng ta bị mê? Vì chúng ta coi nó là thật, thực sự đã quên mất, thiết thòi chính tại đây, cho nên không có năng lực biện biệt chân vọng, chân tâm vọng tâm hiểu không rõ ràng. Có thể nói vô lượng kiếp đến

nay đều coi vọng tâm là chân tâm. Đây chính là si, ngã si. Coi thân thể này là chính mình, đây là ngã kiến. Người tu hành đoạn phiền não điều đầu tiên phải phá thân kiến. Quý vị thấy trong kiến tư phiền não, kiến hoặc, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, thì thân kiến xếp vào vị trí số một. Người thực sự giác ngộ hiểu được, thân không phải là chính mình, không phải là ta. Thân là gì? Thân là sở hữu của ta, cũng giống như y phục vậy. Y phục không phải là ta, y phục là sở hữu của ta. Cho nên xả thân thọ thân sẽ vô cùng dễ dàng. Xả thân, y phục dơ rồi, cởi bỏ là được, không có một chút đau khổ nào, đổi một cái khác là được rồi. Quý vị thấy người hiện tại tham sống sợ chết, cởi bỏ một cái áo mà buồn chết đi được. Không biết thân này không phải là chính mình. Điều đầu tiên phải phá là thân kiến. Nói cách khác, không thể yêu mến thân thể này quá. Đương nhiên cũng không nên ruồng bỏ cái thân thể này. Ruồng bỏ thân thể này là sai lầm, yêu mến cũng là sai lầm. Tất cả đều tùy thuận tự nhiên là đúng, quý vị liền được đại tự tại. Tạo tác tội nghiệp đều là vì cái thân thể này, muốn dưỡng thân thể này, làm cho thân thể thoải mái, làm cho thân thể tự tại, tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp. Đây là gốc của họa. Có ngã nhất định liền có mạn, ta luôn cao hơn người khác một bậc, người khác luôn không bằng mình, người ta có bản lĩnh, điểm kia mạnh hơn tôi, ngoài ra cũng còn chỗ khác không bằng tôi. Quý vị mới hiểu ngã mạn phiền não được nó sâu biết bao. Nhà Nho dạy người “ngạo bất khả trường”, Phật Pháp dạy người nhất định phải đoạn phiền não. Vì sao vậy? Vì không đoạn phiền não không thể ra khỏi tam giới, chẳng những không thể ra khỏi tam giới, chư vị nếu đọc kinh giáo nhiều hơn quý vị sẽ rõ ràng thôi, quý vị có ngạo mạn trong đó, thì sắc giới thiên không thể đến được. Quý vị xem xem kinh luận Đại Tiểu thừa, sơ thiên trở lên mạn sẽ không còn nữa, cho nên chúng ta vẫn còn tập khí kiêu mạn, thì tu hành như thế nào, tu tốt hơn nữa, sanh thiên cũng chỉ có thể ở dục giới thiên, sắc giới thiên chưa có phần. Sắc giới thiên chưa có phần, chúng tỏ quý vị tu thiên định sẽ không thể thành công. Từ đó có thể biết, mạn là đại chướng ngại của thiên định. Sanh sắc giới, chư vị nên biết, nhất định đắc thiên định, thiên định thành tựu, sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, thiên định thành tựu. Từ đây chúng ta mới tỉnh ngộ, tâm ngạo mạn chướng ngại thiên định, tâm của quý vị không đạt được thanh tịnh, quý vị có tâm cao thấp, điều này phải đoạn, phải tu tâm bình đẳng, tâm bình đẳng không dễ dàng tu, trước hết tu tâm khiêm hạ, đối với tất cả mọi người đều khiêm tốn khiêm hạ. Vì sao lại tu cách như vậy? Phá trừ ngã mạn. Nhà Phật lễ lạy vì sao phải năm vóc sát đất? Phải hành lễ tiếp túc? Để phá trừ ngã mạn. Dùng cái đầu tôn quý nhất của mình đánh lễ chân đối phương, chân thấp hèn nhất. Dụng ý là phá trừ ngã mạn.

Lúc hành lễ chúng ta ở trong Lục Tổ Đàn Kinh thấy, người học thăm viếng Lục tổ đại sư, lúc lễ bái đầu không sát xuống đất, Lục tổ nhìn thấy tình

hình này, sau khi đứng dậy liền hỏi ông ấy, ông nhất định có điểm đáng để tự hào, ông có điều gì đáng tự hào? Đầu không sát đất. Vừa hỏi vậy quả nhiên hỏi ra được rồi, ông ấy đọc qua ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa, đáng để tự hào, người khác không có công lực này, là thiền sư Pháp Đạt. Cho nên quý vị có điểm để kiêu ngạo, quý vị nhất định cảm thấy bản thân về phương diện nào đó có sở trường, người khác không bằng quý vị, quý vị sanh tâm ngạo mạn. Thực sự mà nói còn có rất nhiều người bản thân đích thực không có sở trường gì, tâm ngạo mạn từ đâu mà có? Ti mạn. Chỗ không bằng người sanh khởi tâm ngạo mạn, là ti mạn. Cho nên mạn có rất nhiều loại, rất nhiều chủng loại, chúng ta phải hiểu được. Nhất định phải nhổ trừ nó.

Ngã ái, ái là tâm tham, đối với chân tướng pháp thể xuất thế gian không hiểu được, không biết tất cả đều là pháp hữu vi, là mộng huyễn bào ảnh, ở trong đó sản sanh tham ái. Đây là tứ đại phiền não, phiền não căn bản. Nếu như không thể nhổ trừ, không thể không chế, bất luận tu học một pháp môn nào đều không thể thành tựu.

Thuyết minh rõ ràng hơn cho chư vị đồng tu, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, bốn loại phiền não này nếu như không thể không chế, cũng sản sanh chướng ngại, đời này không thể vãng sanh. Cho nên chúng ta tỉ mỉ quan sát, những người niệm Phật vãng sanh lúc họ đi tướng lành rất tốt, sau đó quý vị suy nghĩ xem họ sanh tiền xử sự, đối người, tiếp vật rất khiêm tốn, thực sự làm được khiêm tốn cung kính. Họ tương ứng với pháp.

Đoạn văn dưới đây dạy cho chúng ta.

“Kim quán vô minh thể tướng, bốn tự bất hữu, vọng tưởng nhân duyên hòa hợp nhi hữu, nhân duyên thể hư chư pháp tướng vọng”. Vừa rồi chúng ta nêu một câu trong Kinh Kim Cang đã nói: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Nó không phải là chân thật, không phải là thật nên chắc chắn có thể đoạn được. Chúng ta đối với việc đoạn phiền não, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền có tín tâm, thực sự có thể chứng đắc, chúng ta cũng sản sanh tín tâm.

Bồ Tát Mã Minh trong Khởi Tín Luận nói rất hay: “bốn giác bốn hữu, bất giác bốn vô”, hai câu này nói rất hay. Bất giác thì những điều này đều là mê, đều là bất giác, bất giác vốn không có. Vốn không có đương nhiên có thể đoạn trừ. Vốn có, vốn có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, nhất định có thể chứng đắc. Chúng ta từ đây mà kiến lập tín tâm, từ tín tâm mà sanh khởi đại nguyện, đại nguyện đoạn hoặc chứng chân. Có tín có nguyện, tín nguyện thực tiễn được, sau đó liền có thể chứng quả, quả báo liền hiện tiền. Tu học nhất định trước hết phải đem những đạo lý này làm cho rõ ràng, cho thấu đáo. Công phu ngay trong cuộc sống hằng ngày, đi đứng nằm ngồi, ngủ nghỉ, công

phu của chúng ta cũng không gián đoạn. Công phu này chính là quán chiếu mà ở đây nói. Lúc ngủ nghỉ công phu quán chiếu cũng không gián đoạn, như vậy công phu mới có thể đắc lực.

Dưới đây ngài nêu một bài kệ trong Trung Luận, Trung Luận nói:

“Nhân duyên sở sanh pháp

Ngã thuyết tức thị không

Diệc danh vi giả danh

Diệc danh trung đạo nghĩa”.

‘Ngã’ này là Đức Phật tự xưng, chư pháp đều là nhân duyên sanh. Chẳng những thập pháp giới chư pháp là nhân duyên sanh, chư pháp trong nhất chân pháp giới cũng là nhân duyên sanh. Từ đó có thể biết, thập pháp giới tất cả chư pháp bất khả đắc, nhất định không được phân biệt chấp trước, chư pháp của nhất chân pháp giới cũng bất khả đắc, cũng không được phân biệt chấp trước. Đây là chân tướng sự thật, đây là chân lý. Vì sao vậy? Tất cả pháp đều là nhân duyên sanh, “duyên sanh chi pháp”. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện duy thức sở biến”. Nhất chân pháp giới cũng là duy thức sở biến. Đạo lý này đều phải hiểu. Thông thường người học chỉ biết thập pháp giới là duy thức sở biến, không hiểu được nhất chân pháp giới cũng là duy thức sở biến. Nếu như không phải là duy thức sở biến, thì nhất chân pháp giới làm gì có 41 vị pháp thân đại sĩ? Vậy 41 vị từ đâu mà ra? Vẫn là thức biến. Nếu không có thức biến, vậy thì thuần chân vô vọng. Chỉ có Như Lai quả địa thức không còn nữa. Đẳng giác Bồ Tát vẫn còn một phần sanh tướng vô minh chưa phá được, vẫn là thức biến. Bất luận ở nhất chân pháp giới hay là ở thập pháp giới, trong môi trường hiện tại của chúng ta, chỉ cần thực sự thông đạt rõ ràng, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì hiện tượng này sẽ không có chướng ngại nữa.

Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, vì sao nói vô ngại? Nó là huyền tướng, ở đây nói là “nhân duyên thể hư, chư pháp tướng vọng”, mộng huyền bào ảnh, nó có chướng ngại gì? Không có chướng ngại. Vậy nếu chúng ta hỏi chướng ngại gì? Chướng ngại tự tánh. Không có chướng ngại chính là tự tánh của quý vị hiện tiền. Phạm phu chúng ta có chướng ngại, tự tánh không thể hiện tiền. Sở hiện tiền là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lúc không có chướng ngại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước không sanh. Đây mới thực sự là sự sự vô ngại. Sáu căn chúng ta tiếp xúc với sáu loại cảnh giới bên ngoài, không khởi vọng tưởng, không sanh phân biệt, không sanh chấp trước. Đây chính là sự sự vô ngại. Đây là công phu thực sự đạt được rồi. Chúng ta hiện tại công phu tu hành, thực sự mà nói cũng là phương hướng này, cũng là mục tiêu này. Chúng ta tuy có chướng ngại, chướng ngại này càng ngày càng nhẹ đi, công phu chúng ta đắc lực rồi, càng năm càng ít đi, công phu mới có tiến bộ. Chư vị nhất định không nên ngộ

nhận, kinh tôi đọc càng ngày càng nhiều, đọc được nhiều, tôi lạy Phật lạy được nhiều, tôi niệm Phật niệm được nhiều, nếu như phiền não của quý vị chưa giảm được, trí tuệ chưa tăng trưởng, thì kinh đọc suông rồi, lạy Phật suông rồi. Hiệu quả phải xem phiền não nhẹ, trí tuệ tăng, đây mới thực sự có hiệu quả. Tu học của cổ đức và chúng ta không giống nhau, nguyên nhân chính là đây vậy.

Chúng ta xem Cao Tăng Truyện, xem Cư Sĩ Truyện, cổ nhân tu học thường thường là ba năm năm năm, mười năm tám năm là khai ngộ, chúng quả, vãng sanh biết trước giờ đi, thành tựu rồi. Chúng ta ngày nay tu học cũng mất rất nhiều thời gian, cũng dùng rất nhiều tâm huyết, không phải không nỗ lực, không phải là chăm chỉ, do không chúng ta sáng rõ lý, chúng ta làm sai phương hướng, cho nên không đạt được mục đích. Tâm tán loạn của chúng ta chẳng những không giảm bớt mà năm năm tháng tháng còn tăng trưởng. Đây chính là công phu dùng sai. Công phu thực sự đặc lực, chắc chắn là vọng tưởng ít, phân biệt chấp trước ngày càng ít, tâm địa ngày càng thanh tịnh, ngày càng từ bi, ngày càng chân thật. Cho nên bản thân chúng ta phải luôn luôn kiểm điểm, kiểm tra xem công phu của bản thân có phải thực sự đã đặc lực. Nếu như phân biệt chấp trước chúng ta không giảm thiểu, nhanh chóng phải hồi đầu. Phải tìm cho ra nguyên nhân làm cho mình không đặc lực, làm tiêu trừ nhân tố này.

Đoạn trước tôi đã nói qua với chư vị đồng tu rồi, đại sư Thiên Thai hướng dẫn người sơ học, bản thân chúng ta nhất định phải khẳng định, chúng ta không phải là hàng trung thượng căn tánh, mới miễn trừ tăng thượng mạn, ngã mạn. Chúng ta là hàng hạ căn. Người hạ căn phải bắt đầu học từ đâu? Từ ngũ đình tâm, từ ngũ phẩm vị mà học lên, thực sự thiết thực.

“Đình” nghĩa là dừng vọng niệm của chúng ta. Dừng “từ bi quán” dừng vọng niệm sân nhuế của chúng ta. “Sổ tức quán” dừng vọng niệm tán loạn của chúng ta. Phật dạy cho chúng ta năm phương pháp này, trước hết làm tâm định, tu năm phẩm vị. Điều này hôm qua tôi đã nói với chư vị rất tường tận rồi. Chúng ta có thể làm được. Vì sao không làm? Thứ nhất là tùy hỷ, vì sao làm không được? Chẳng những chúng ta phải tùy hỷ tất cả giáo pháp của Như Lai, chúng ta còn phải hằng thuận chúng sanh, nhất định không được trong hoàn cảnh khởi phân biệt, khởi chấp trước. Bắt buộc phải hiểu được cảnh giới là bình đẳng. Đại sư Ngẫu Ích dạy rất hay: “cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu tại tâm người”. Cảnh là nói môi trường vật chất, duyên là nói môi trường nhân sự, vì sao lại không có tốt xấu? Bởi vì nó đều là mộng huyễn bào ảnh. Sự tồn tại của nó “như sương cũng như điện”, đức Phật dạy chúng ta cách nhìn như vậy. Cách nhìn này là cách nhìn của Phật, Phật tri, Phật kiến. Chúng ta ở đó mà phân cao thấp, phân xấu đẹp, là bản thân chúng ta phiền não khởi hiện hành. Vì sao xưa nay đại đức tu hành công phu đặc lực? Vì tâm chân

thành của họ hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, đó là Phật tâm, đó là tánh đức. Tự tánh vốn đủ trí tuệ đức năng. Chúng ta tu học vì sao không thể hiện tiền? Thứ nhất là chúng ta dùng tâm là vọng tâm, từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, vọng tưởng không ngừng, quý vị còn không biết quý vị dùng tâm là vọng tâm. Biết bao người dùng vọng tâm mà bản thân không hiểu được, nói tôi chân thành, tôi chân thành đối người, tôi chân thành làm việc. Họ chân ở đâu vậy? Thành ở đâu vậy? Thế nào gọi là chân, thế nào gọi là thành? Không hiểu được. Cho rằng bản thân là tâm chân thành xử sự, đối người, tiếp vật. Họ không biết, họ vĩnh viễn không thể sửa đổi, vĩnh viễn không thể tiến bộ. Cho nên điều đầu tiên phải biết lỗi làm, biết lỗi làm liền khai ngộ. Sửa đổi lỗi làm đó là công phu chân chánh. Không hiểu được bản thân có lỗi làm.

Chữ “thành” này tiên sinh Tăng Quốc Phiên nói rất hay, trong bút ký đọc sách của ông đã định nghĩa cho chữ “thành” này là: “một niệm không sanh gọi là thành”. Chân tâm là gì? Thành tâm là gì? Tâm không có vọng niệm là chân tâm, là thành tâm. Ý niệm vừa mới khởi, tâm đã không thành, không chân rồi. Nếu như còn không hiểu được, chúng ta tu học mấy năm này, đem nguyên lý nguyên tắc của đức Thế Tôn dạy cho chúng ta làm thành một câu đối, quý vị đồng học mọi người đều đã nhìn thấy:

Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi.

Nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật.

Mười câu này, mỗi một câu đều đầy đủ chín câu khác trong đó. Quý vị nói chân thành, thế nào gọi là chân thành? Thanh tịnh là chân thành, tâm quý vị không thanh tịnh thì không chân thành. Bình đẳng là chân thành, tâm quý vị không bình đẳng là không chân thành. Nhìn thấu là chân thành, buông bỏ là chân thành, quý vị đều chưa làm được thì chân thành không có. Quý vị nói quý vị từ bi, quý vị chân thành mới là từ bi, thanh tịnh mới là từ bi, bình đẳng mới là từ bi, quý vị tất cả đều không có thì quý vị làm gì có từ bi? Mỗi một câu đều đầy đủ chín câu khác. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: một tức là nhiều, nhiều tức là một, một nhiều không khác. Như vậy chúng ta mới không đến nỗi sản sanh ngộ nhận. Trong ngộ nhận liền sanh khởi ngã mạn, tăng thượng mạn liền hiện tiền, không chịu nghiêm túc thiết thực, không chịu trung thực tu hành.

Cho nên trong giảng đường, đặc biệt trong thời đại ngày nay, mọi người đều hiểu được tai nạn rất nhiều, càng năm càng nhiều, càng ngày càng nghiêm trọng. Đây là cộng nghiệp chúng sanh sở cảm, cũng là bản thân ba nghiệp tạo tác, không thể đẩy trách nhiệm những tai nạn này cho người khác, họ không tốt, tạo tác ác nghiệp, mình tốt hay sao? Mình không có tạo ác nghiệp hay sao? Mỗi một người đều đùn đẩy trách nhiệm cho người khác, vậy

là hết cách rồi. Nếu như từ đây mà biết quay đầu, tự mình gánh vác trách nhiệm, tự mình kiểm thảo, tự mình sám hối, tự mình sửa đổi lỗi lầm, thì kiếp nạn này sẽ có cách rồi.

Phật dạy cho chúng ta hồi đầu, bản thân hồi đầu, không phải là dạy người khác hồi đầu, là dạy bản thân hồi đầu. Đây là điểm Phật pháp dạy học và thế pháp dạy học không tương đồng. Phật Pháp không dạy người khác, mà dạy bản thân mình. Cho nên trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc được, Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham học, học trò Phật chỉ có một người, tôi cũng nói qua rất nhiều lần rồi, chỉ một mình bản thân là học trò, ngoài bản thân ra đều là chư Phật Bồ Tát thị hiện, đều là thiện tri thức của bản thân. Sự thị hiện của các ngài có chánh diện, có phản diện, có thị hiện thiện hạnh, có thị hiện ác hạnh. Thị hiện thiện hạnh ta phải học tập theo họ, thị hiện ác hạnh ta phải lấy họ làm gương, kiểm điểm phản tỉnh mình xem có những ác hạnh đó hay không. Nếu có thì sửa, không có thì khen ngợi. Cho nên Thiện Tài Đồng Tử một đời có thể viên thành Phật đạo, đạo lý chính là đây vậy. Thiện Tài Đồng Tử tu học là pháp môn niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, chư vị trong Kinh Hoa Nghiêm nhìn thấy rồi. Thầy giáo của Ngài Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Văn Thù trong hội Hoa Nghiêm phát nguyện cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Ngài rời thầy giáo, ngài ở nơi thầy giáo thành tựu căn bản trí, ra đi tham học thành tựu hậu đắc trí. Tham học vị thiện tri thức đầu tiên là tỳ kheo Đức Vân. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm xưng là tỳ kheo Tường Vân, dạy ngài Ban châu tam muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tiếp theo 53 lần tham học cuối cùng Bồ Tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương hướng về cực lạc. Quý vị xem xem là ý vị gì? Học pháp môn mọi người đều biết, tiên nhập vi chủ, Đức Vân đầu tiên dạy ngài, tiên nhập vi chủ. Lại sợ quý vị không tin tưởng, cuối cùng Bồ Tát Phổ Hiền hướng về cực lạc, quý vị mới hiểu được từ đầu chí cuối một câu A Di Đà Phật, là trong Kinh Hoa Nghiêm hiển thị. Ngài nhìn thấu, buông bỏ chính là ở 53 lần tham học cụ thể biểu diễn cho chúng ta thấy, hướng dẫn chúng ta làm thế nào để nhìn thấu, làm thế nào để buông bỏ. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm hay, không những có lý luận, có phương pháp, sau đó còn có biểu diễn, làm ra cho chúng ta thấy được, chúng ta nhìn thấy Phật đà dạy học từ bi phương tiện đều đạt đến cực điểm. Chúng ta không thể nghiêm túc nỗ lực để lãnh hội, để học tập, lỗi lầm là tại chính mình. Đức Phật xứng đáng với chúng ta, chúng ta có lỗi với Ngài

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây.

**HẾT TẬP 23**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 24****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mở kinh bốn ra! Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyệt, luận quán trang thứ 18, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

“Tứ minh vân, sơ ước hành giả, trực tự nhất niệm, quán u thập giới bách giới thiên như diệu pháp. Tuy tức nhất niệm, thiên pháp uyển nhiên, toàn thể tức không, đương xứ tức giả, nhưng phi nhị biên hựu tức song chiếu. Bất khả dĩ nhất đa thuyết, an dĩ hữu vô tư nhược biên nhược trung giai mạc năng nghĩ, u tư quán hạnh vị trung, ký thâm tiến nhập, tắc lục thất thức, bất chấp u ngã đặc phân biệt, ngã pháp nhị không, chuyển thành vô lậu, tắc kiến tư nhiệm ô, thô cấu tiên lạc”. Đến đây là một đoạn.

Đoạn này trước đây chúng tôi đã giảng qua, nhưng vẫn còn những ý khác chưa giảng hết. Thực sự mà nói, ý nghĩa này rất sâu rất rộng. Đối với sự tu học của chúng ta mà nói rất quan trọng. Ngày nay chúng ta tu học vì sao không đắc lực? Vì sao tập khí không đoạn được? Vì sao cảnh giới không chuyển được? Bản thân tuy có tâm hướng thượng, rất muốn sửa đổi, nhưng không sửa được. Nguyên nhân rất nhiều. Tại giảng đường chúng tôi cũng thường xuyên nhắc nhở, tuy thường nhắc nhở, thật ra được mấy người có thể hồi đầu? Điều này khiến chúng tôi nhớ đến lão cư sĩ Lý Bình Nam ngày xưa, lúc hướng dẫn chúng tôi nhiều lần khuyên nhủ chúng tôi, thực sự có thể hồi đầu cũng trong vạn người chỉ có được một hai người mà thôi, không thể nào yêu cầu ai ai cũng có thể hồi đầu. Nếu như dùng tâm này mà yêu cầu, vậy thì sai lầm của bản thân chúng ta. Phải biết tất cả chúng sanh nghiệp chướng vô cùng sâu dày, cho nên Phật độ chúng sanh là đời đời kiếp kiếp, không gấp gáp phải ngay trong đời này. Trong đời này chỉ làm tăng thượng duyên cho quý vị mà thôi. Đời đến đời sau kiếp sau quý vị có phước phần, có nhân duyên, thì tiếp tục mà học. Đời này người có thể thành tựu đều là thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ. Đúng như trong Kinh Di Đà đã nói: không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước đó. Người như vậy thực sự được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ tôn kính. Chúng ta phải chắp xếp vào hàng nhân vật này, bản thân suy nghĩ sẽ biết được.

Đoạn văn này là Tôn giả Tứ Minh nói, cũng là Tổ sư một đời của tông Thiên Thai. Trong đây nói đến chính là trong “thập thừa quán pháp” hàng thượng thượng căn tu học.

“Trực tợ nhất niệm quán ư thập giới bách giới”. Chúng ta ngày nay “nhất niệm” này làm không được. Một niệm quán nơi mười pháp giới, quán về trăm pháp giới, chính là dùng một niệm để đối diện với vũ trụ nhân sinh. Chúng ta hiện tại bệnh là ở đâu? Ngày nay chúng ta đối diện với xã hội là suy nghĩ lung tung, ngàn niệm vạn niệm, vọng tưởng đầy đầy. Dùng tâm thái này để đối diện xã hội, đối diện tất cả chúng sanh. Đây là phạm phu, đây là tạo nghiệp. Thực sự là Phật Bồ Tát, thực sự là người có đạo hạnh, dùng điều gì để đối diện xã hội? Nhất niệm. Nhất niệm là chân tâm, suy nghĩ lung tung là vọng tâm. Chúng ta không biết dùng chân tâm, chân tâm là nhất tâm. Trong Kinh Di Đà nói: “nhất tâm bất loạn”. Nhất tâm quý vị liền có thể thấy được pháp giới chân thật, tức nhất chân pháp giới. Cho nên ở đây, tôn giả Tứ Minh nói rất hay: mười pháp giới trăm pháp giới vô lượng vô biên pháp giới, “thiên như diệu pháp”, đều là xuất xứ từ “bách giới thiên như” ở trong Kinh Pháp Hoa. Trong mỗi một pháp giới đều đầy đủ mười như thị. Cho nên gọi là trăm giới ngàn như. Đây chính là nói chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

“Tuy tức nhất niệm, thiên pháp uyển nhiên”, Phật, Bồ Tát dùng chân tâm đối diện với cảnh giới. “Nhất niệm” là chân tâm. Chân tâm đối đãi cảnh giới, cảnh giới uyển nhiên, rõ ràng minh bạch hiện ra trước mắt. Nhưng họ sáng suốt, họ rõ ràng, họ nhìn thấu. Ý nghĩa của nhìn thấu chính là họ nhìn được rõ ràng, nhìn được sáng suốt.

“Toàn thể tức không”, từ thể mà nói mười pháp giới, trăm pháp giới, ngàn như, cũng tức là nói vũ trụ hư không pháp giới tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh này bao gồm cả động vật, thực vật, khoáng vật, còn bao gồm rất nhiều hiện tượng, đều là chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi. Những thứ nhiều vô số này vô lượng vô biên tất cả chư pháp. Thể là không. “Không” là gì? Không chính là chân như tự tánh.

“Đương xứ tức giả”, đương xứ là nói hiện tượng, hiện tượng là giả có. Trong Kinh Kim Cang nói: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, là giả có, không phải là thật có. Loại giả có này, nói với chư vị rằng tuyệt đối không tồn tại, chúng ta nhìn thấy dường như có tồn tại, kỳ thật không tồn tại. Quý vị nhìn ra nó không tồn tại, vậy là đúng rồi, chính xác rồi. Quý vị nhìn thấy nó là tồn tại, là sai, quý vị nhìn hoa mắt, nhìn sai mắt rồi. Vì sao lại khiến cho người ta nhìn thấy dường như nó tồn tại? Vì nó sát na sanh diệt. Chúng sanh nhìn thấy đây là tướng tương tục, ngộ nhận cho rằng tương tục là tồn tại. Sự việc này nói ra rất khó hiểu. Nếu như chúng ta dùng điện ảnh để làm ví dụ chư vị sẽ dễ hiểu hơn. Quý vị xem hình ảnh của phim

ảnh, hình ảnh đó phải chăng có tồn tại? Tri thức của người hiện tại biết rất rõ ràng, hình ảnh không tồn tại. Vì sao vậy? Một giây đồng hồ đã thay đổi 24 tấm hình gốc. Ông kính vừa mở mở ra một tấm, lập tức đóng lại, lại mở ra đổi một tấm khác, một giây đồng hồ 24 tấm, cho nên quý vị nhìn hình ảnh, dường như nó còn tồn tại. Không tồn tại. Thời gian nó tồn tại là một phần 24 của một giây. Kinh Kim Cang nói cho chúng ta biết, “như sương cũng như điện”. Chúng ta ngày nay toàn thế giới, thời gian tồn tại đó còn ngắn hơn cả điều này, không biết phải ngắn hơn bao nhiêu lần nữa. Quý vị cho rằng nó là tồn tại, cho rằng nó là chân thật. Sai rồi. Không hiểu được sai đến đâu rồi. Tất cả hiện tượng căn bản không tồn tại. Ngày nay chúng ta bị tướng tượng tục làm mê, không hiểu được tướng sanh diệt chân thật ở trong đó, tình hình chân thực đó, mê trong tướng tượng tục. Nếu như quý vị tỉ mỉ xem, hiện tượng này đều bày ra ngay trước mắt. Hôm qua qua đi rồi, vĩnh viễn sẽ không quay trở lại, ngày hôm nay, buổi sáng sớm qua rồi, cũng vĩnh viễn không quay lại. Nếu như quý vị ở trên đây tỉ mỉ để tư duy, từng giây từng giây qua đi, vậy không phải là “như sương cũng như điện” sao. Nó không phải giống như một ánh chớp sao? Quá khứ vĩnh viễn sẽ không quay trở lại. Quý vị từ đây liền có thể quán sát được sát na sanh diệt.

Trước đây giảng kinh tôi từng giảng qua rồi, bất cứ một người nào, một đời họ chân thật nhất là làm điều gì? Từ khi sanh ra thì đã hưởng đến mộ phần mà đi, một ngày gần thêm một ngày, một giây tiếp cận thêm một giây, thật tinh tấn, họ không chịu buông lỏng, không chịu dừng lại, từng ngày từng ngày tiếp cận với mộ phần, từng giây từng giây tiếp cận mộ phần, không phải là làm việc này hay sao? Làm những việc khác, quý vị giải đãi biếng nhác, làm sự việc này thì thật tinh tấn.

Đức Phật dạy chúng ta phải có trí tuệ, có thể quan sát đến tất cả những hiện tượng trên thế gian này là sự việc gì. Thật tướng các pháp chính là dạy quý vị nhìn thấu, chỉ có người nhìn thấu mới có thể thực sự buông bỏ. Vì sao vậy? Vì toàn là giả. Bất cứ một pháp nào chắc chắn không thể nào chiếm hữu, chắc chắn không thể nào nói “ta đạt được rồi”, chắc chắn không đạt được. Quý vị có thể đem tâm chiếm hữu, tâm đạt được, tâm không chế, những ý niệm này đều buông bỏ hết, quý vị liền đắc đại tự tại. Buông bỏ là buông bỏ điều này. Nếu như không thể nhìn thấu chân tướng sự thật, quý vị làm sao có thể buông bỏ? Người buông bỏ không tạo nghiệp, không những ác nghiệp không tạo, thiện nghiệp cũng không tạo nữa. Vì sao vậy? Vì niệm tạo nghiệp không còn. Nhưng sự việc có làm hay không? Làm. Sự việc vẫn là đoạn ác tu thiện, không có tâm này nữa, đoạn ác không có ý niệm đoạn ác, tu thiện không có ý niệm tu thiện, chính là thiện ác đều không tạo nữa. Thiện ác đều không tạo, không phải nói sự việc thiện ác không làm nữa, cứ làm, vẫn còn làm. Làm này là hoàn toàn lợi tha. Đây chính là Bồ Tát thị

hiện, du hí thần thông, nhà Phật thường nói “thừa nguyện tái lai”, người này chính là người tái lai. Vì sao vậy? Vì không có bản thân, hoàn toàn không, mà vì chúng sanh, đây chính là người tái lai. Còn có một niệm vì bản thân không phải là người tái lai, chắc chắn không có một niệm vì bản thân, niệm niệm vì chúng sanh. Niệm niệm vì chúng sanh chắc chắn không có chấp trước phân biệt niệm niệm vì chúng sanh, không có. Tâm này mới gọi là tâm thanh tịnh.

Hiếu được thể không tướng giả, “nhưng phi nhị biên”, nhị biên chính là hiện nay chúng ta nói tương đối, phạm là tương đối đều là nhị biên. Phạm phu chúng ta đều sinh sống trong cảnh giới tương đối. Einstein nói về thuyết tương đối luận. Quan niệm của chúng ta đều là tương đối. Thiện ác là tương đối, tà chánh là tương đối, chân vọng là tương đối, thị phi là tương đối, nhân ngã là tương đối, đại tiểu là tương đối, trường đoản là tương đối. Quý vị nghĩ xem, quý vị có thể tách rời thế giới tương đối không? Nhưng nếu như quý vị biết được tất cả pháp thể không tướng giả, ý niệm tương đối sẽ không có nữa, không có nữa là nhất chân pháp giới, bình đẳng pháp giới. Có tương đối thì chắc chắn không bình đẳng, có tương đối mới có thị phi, có tương đối mới có tai nạn. Thế gian vì sao mà loạn như vậy? Chính là vì tương đối tạo thành.

Tuy nhiên không phải hai bên, hai bên đã rời được rồi, nhưng “hựu tức song chiếu”. “Song chiếu” là đối với hai bên đều rõ ràng thấu suốt, rõ ràng họ lại không khởi ý niệm. Tâm này giống như điều gì? Giống như tấm kính vậy. Đây là ví dụ mà cổ nhân dùng, “dùng tâm như kính”. Chúng ta mỗi ngày soi gương, tâm giống như tấm gương vậy thì tốt biết bao, cảnh giới bên ngoài rõ ràng, gương không có phân biệt. Tâm của chư Phật Bồ Tát cũng giống như tấm gương vậy, rõ ràng mà không để lại dấu vết. Cho nên hồ đến hiện hồ, hán đến hiện hán, đây là ví dụ của cổ nhân. Hồ là người nước ngoài, người nước ngoài soi gương, trong gương hiện lên là hình của người nước ngoài. Hán là người Trung Quốc, người Trung Quốc soi gương thì hiện lên là hình của người Trung Quốc. Bản thân tấm gương chắc chắn không có chấp trước, không có phân biệt, chắc chắn không ghi lại ấn tượng. Quý vị đi rồi thì kính trống không, lúc đang soi thì cũng chẳng phải có? Lúc đang soi thì kính vẫn là không không như vậy. Quý vị phải hiểu được. Một người có thể dùng tâm như kính, người này chính là Phật, chính là Bồ Tát.

“Bất khả dĩ nhất đa thuyết”, “nhất đa” là tương đối, là hai bên. Trước đây nói “vẫn không phải hai bên” chính là “không được dùng một nhiều mà nói”, không có một nhiều, không có sanh diệt, không có đến đi. Tổ sư Tịnh Độ tông thường nói “sanh tức nhất định sanh, đi tức thật không đi”, lời này người ta nghe xong không hiểu. Trong cảnh giới này liền hiểu thôi. Vì sao vậy? Vì không có đến đi, không có sanh diệt.

“An dĩ hữu vô tu”, hữu vô là tương đối. Quý vị nói có, quý vị nói không, đây đều là phân biệt, đều là chấp trước.

“Nhược biên nhược trung, giai mạc năng nghĩ”, “nghĩ” chính là khởi tâm, cho rằng đây là trung, kia là biên, không có ý niệm này. Đây mới là một niệm không sanh, một vọng niệm cũng không có. Trong thập thừa quán pháp, hàng thượng thừa, hàng thượng căn, đối với hư không pháp giới tất cả chúng sanh là cách nhìn như vậy. Cách nhìn này hoàn toàn là cách nhìn của chư Phật Bồ Tát, họ học được rồi. Họ nhập vào cảnh giới này. Cho nên từ trong cảnh giới này, “ư tư quán hạnh vị trung”, vị thứ này không cao, trong lục tức là “quán hạnh vị”. Quán hạnh là nói công phu đặc lực.

Chúng ta ngày nay học Phật, con người không thể tự mình cuồng vọng, không được vọng ngữ, không được tự đại, phải hiểu được bản thân đang ở trong vị thứ nào, trong danh tự vị. “Danh tự vị” là hữu danh vô thực, chưa vào được cảnh giới, quan niệm của quý vị chưa thay đổi, niệm niệm vẫn là tự tư tự lợi, niệm niệm vẫn là thị phi nhân ngã, niệm niệm vẫn là tham sân si mạn. Đây không phải là danh tự vị thì là gì chứ? Danh tự vị hữu danh vô thực, không thể xa lìa lục đạo luân hồi. Nên sanh tử như thế nào vẫn là sanh tử như vậy, không có một cách nào cả.

Thập thừa quán pháp, loại quán pháp này nói thật thì không phải người bình thường có thể làm được, là hàng thượng căn. Chúng ta là căn tánh gì? Hạ căn. Nói lời trung thực thì đích thực là hạ căn. Người hạ căn dùng phương pháp gì? Điều này trước đây chúng tôi đã giới thiệu với chư vị rất tường tận rồi. Người hạ căn thì phải học theo đại sư Trí Giả, chân thật mà dùng phương pháp “ngũ đình tâm quán”, làm dừng lại những ý niệm của chúng ta, dừng lại những niệm bất thiện, dùng “ngũ phẩm quán pháp” để tu hành. Ngũ phẩm quán là tích lũy công đức. Ngũ đình tâm là đoạn ác, ngũ phẩm là tu thiện. Dùng phương pháp này để đoạn ác tu thiện, để tích lũy công đức, sau đó niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chắc chắn được sanh. Đây là trình độ thấp nhất của pháp môn Tịnh Tông, sanh cõi Phạm thánh đồng cư. Đại sư Thiên Thai dạy cho chúng ta phương pháp này, thực sự mà nói, chúng sanh trong thế gian chúng ta người người đều có thể làm được. Tổ sư đại đức thường nói “vạn người tu vạn người vãng sanh”, vấn đề là quý vị không chịu làm, vậy thì cũng hết cách rồi. Nếu quý vị chịu làm chắc chắn được vãng sanh. Phương pháp này của đại sư Thiên Thai có hiệu quả.

Ở đây là người thượng căn, người thượng căn rất tốt, rất thù thắng, quan niệm của họ tức là cách nhìn cách nghĩ đối với vũ trụ nhân sinh và chúng ta không giống nhau. Họ tương ứng với chân tướng sự thật, cho nên nói là “kỳ thâm tấn nhập”, cách quán này chính là dùng nhất niệm để quán hư không pháp giới tất cả chúng sanh. Công phu đặc lực rồi, “hai thức thứ sáu, thứ bảy không chấp nơi ngã”. Công phu đặc lực những gì? Ngã kiến, ngã chấp

phá được rồi, sẽ không có chấp trước về ngã này nữa. Khó, không dễ dàng đâu. Tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay chấp trước có cái ngã này, lúc này chấp trước ngã này được buông bỏ, không còn chấp trước nữa. Ngã buông bỏ rồi, chư vị nghĩ nghĩ xem ngã sở đương nhiên liền buông bỏ rồi. Ngã sở tức là thứ mà ta sở hữu, ngã sở hữu cũng buông bỏ rồi. Ngã và ngã sở đều không. Ngã và ngã sở không rồi, chư vị nghĩ xem còn có tai nạn gì nữa? Còn có gì là thiên tai nhân họa nữa? Thiên tai nhân họa nếu có thì tôi thọ nhận, tôi không có nữa, nói với quý vị rằng thiên tai nhân họa cũng không có nữa, cho nên “ngã pháp nhị không”, nhân ngã không, pháp ngã không, thì quý vị chứng đắc rồi. Chứng đắc này là biết được tất cả vạn pháp thể không tướng giả.

“Chuyên thành vô lậu”, vô lậu chính là tâm thanh tịnh hiện tiền. Kiến tu phiền não, kiến tu phiền não là nhiệm ô thô nhất nặng nhất đoạn được rồi, đây là Đại thừa Bồ Tát, địa vị của họ là Thất tín vị trong Thập tín vị. Bồ Tát như vậy, nghĩa là hàng người tu hành này, công phu đoạn phiền não của họ, tương đương với Tiểu thừa A la hán Bích Chi Phật. Nhưng trí tuệ A la hán, Bích Chi Phật không thể nào so sánh với họ được. Công phu của họ càng nâng cao lên trên nữa, “tùng thị tấn quán”, tấn là không ngừng tiến bộ, không ngừng tinh tấn, “giáo hóa chúng sanh”, bản thân thành tựu rồi ở trong thế gian này làm những gì? Vì tất cả chúng sanh phục vụ, lợi dụng thân thể này, huyễn tướng này, giúp đỡ tất cả chúng sanh, giúp đỡ họ làm những gì? Giúp đỡ họ khai ngộ. Thế gian rất nhiều người có lòng nhân ái, người có tâm từ bi, chăm sóc những người khổ nạn trong thế gian, họ đều có thể làm được, không cần đến Phật Bồ Tát phải làm. Sự nghiệp phúc lợi từ thiện tại thế gian này, tự có chí sĩ người hiền chư thiên thiên thần họ làm. Điều Phật Bồ Tát làm là việc mà họ không thể làm, làm không được, vậy thì Phật Bồ Tát đến. Những sự việc nào là việc người thế gian làm không được, người thế gian này bao gồm cả thiên thần, thiên thần của dục giới thiên, sắc giới thiên, vô sắc giới thiên, đều không thể nào, đều không làm được, thì Phật Bồ Tát mới đến. Giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, việc này họ làm không được. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Sau đó quý vị sẽ biết được học Phật phải bắt đầu học từ đâu, phải học như thế nào. Chúng ta nhìn thấy người thế gian làm một số sự nghiệp từ thiện phúc lợi, chúng ta tùy hỷ giúp đỡ là được rồi, công đức đã viên mãn rồi. Không cần phải đem toàn bộ thời gian tinh lực để đổ vào, toàn bộ tinh lực thời gian đổ vào, đó là tiểu thiện, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ là đại thiện. Nếu như vì tiểu thiện mà làm lỡ đại thiện vậy là chúng ta sai rồi. Cho nên Phật Bồ Tát trú thế, không có sự việc gì khác ngoài dạy học.

“Giáo hóa chúng sanh thành bất tư nghi diệu giả, phá trần sa vô tri”. Vô tri chính là vô minh. Từ đó có thể biết, nếu như chỉ là bản thân tu quán

tu hạnh, quý vị chỉ có thể đoạn kiến tư phiền não, nếu như quý vị muốn phá trần sa phiền não, muốn phá vô minh phiền não, nhất định phải hóa tha. Từ đó có thể biết, hóa tha chính là hóa độ chính mình, giúp người khác là giúp đỡ chính mình, giúp đỡ bản thân đoạn trần sa hoặc, giúp đỡ bản thân phá vô minh. Bồ Tát nhiệt tâm như vậy để giáo hóa chúng sanh, không từ vất vả, kỳ thực họ phải phá trần sa hoặc, phải phá vô minh hoặc.

“Tiền phá vô minh, câu sanh ngã pháp, vĩnh bất khởi đắc thành vô sanh nhẫn”. Đây là làm cho cảnh giới của bản thân được hướng thượng nâng cao. Nâng cao chính là phá vô minh, phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân. Hai loại chấp trước ngã pháp câu sanh này, hai loại chấp trước này ghê gớm, nghiêm trọng, là câu sanh phiền não. Phiền não này đoạn rồi, phá rồi, vĩnh viễn không còn sanh khởi nữa, vậy là quý vị đắc vô sanh nhẫn. Vô sanh nhẫn địa vị đã cao rồi. Trong Kinh Nhân Vương nói Bồ Tát vô sanh nhẫn là đẳng cấp nào? Thất địa, bát địa, cửu địa, đây là Bồ Tát Vô sanh nhẫn. Thất địa đắc hạ phẩm vô sanh nhẫn, bát địa đắc trung phẩm vô sanh nhẫn, cửu địa đắc thượng phẩm vô sanh nhẫn. Người thượng căn tu hành nhanh. Công phu của họ đắc lực, khác với chúng ta. Vô sanh nhẫn đi lên nữa là thành Phật rồi, càng lên nữa là Tịch diệt nhẫn. Thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt nhẫn, Đẳng giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt nhẫn, Như Lai quả vị là thượng phẩm tịch diệt nhẫn. Ở đây nói thành vô sanh nhẫn.

Hiện tượng vô sanh nhẫn ở đây nói ra rồi: “vô công dụng đạo, nhậm vận lưu nhập, tức xả lại ya chi hiệu, biệt thọ thanh tịnh chi danh”. Lúc này tám thức không còn, nó không còn gọi là tám thức nữa, nó gọi là tứ trí, chuyển tám thức thành bốn trí. Phạm phu chúng ta là tám thức, tám thức tâm, vọng tâm, họ không còn vọng nữa, câu sanh ngã pháp đều đã đoạn rồi, chuyển A lại da thức thành đại viên cảnh trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí, thành tựu vô lượng vô biên công đức, đây thực sự đã chuyển rồi. Trong kinh Phật giảng lý viên mãn như vậy, giảng thấu triệt như vậy, phương pháp nói đến tinh tế như vậy, chúng ta nếu như không thể tin, không thể lý giải, không chịu tu học, thật là đáng tiếc quá.

Từ điểm này tôi phải đặc biệt nhắc nhở mọi người, nếu như chúng ta muốn ngay trong đời này thực sự có thành tựu, nhất định phải biết thế gian tất cả mọi thứ đều là giả, không nên đi tranh nữa, không nên chấp trước nữa, không nên có thành kiến nữa, “tôi phải làm thế nào, thế nào”, loại ý niệm này là ý niệm luân hồi, ý niệm ba ác đạo, lại cứ muốn làm việc ba đường ác này. Vậy thì còn có cách gì nữa chứ? Phật Bồ Tát không nói “tôi phải như thế nào, thế nào”, quý vị đi tra khắp Đại Tạng Kinh xem có câu này hay không? Phật Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, quý vị muốn như thế nào, tốt, được, tùy quý vị, người khác muốn như thế nào, được, tùy họ. Phật Bồ Tát xưa nay chưa từng ý kiến. Vì sao vậy? Vì là giả, là không.

Là giả, là không, quý vị lại cho thật, Phật Bồ Tát không cho là thật. Cho nên Phật Bồ Tát biết quý vị đọa lạc, quý vị phải chịu luân hồi, quý vị phải đọa địa ngục, để cho quý vị đọa, vì sao vậy? Kéo không ra mà, không có cách gì để cứu. Nhìn thấy quý vị đọa lạc, thấy quý vị chịu khổ, đợi đến ngày nào đó quý vị chịu đủ rồi, biết quay đầu lại, muốn nghe Phật thuyết pháp, Phật liền đến. Quý vị hiện tại còn chưa muốn nghe, còn chưa thể tiếp thu. Không nên cho rằng ngày nay trong Phật đường nhiều người như vậy, người nghe kinh có muốn nghe kinh hay không? Không muốn nghe, đến chung vui thôi. Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường nói là đến để tiêu khiển, họ không có việc gì làm, đến đây tiêu khiển vậy thôi. Nghe rồi cũng hoan hỷ, cũng sẽ cười cười, cũng sẽ gật đầu, bước ra khỏi công là quên sạch sẽ. “Cửa Phật không bỏ người nào”, cũng hi vọng họ đến nghe, A lại da thức gieo được một chủng tử, lúc nào chủng tử này khởi hiện hành? Khó nói lắm. Biết đâu đến vô lượng kiếp lại vô lượng kiếp nữa, chủng tử mới khởi hiện hành. Chúng ta ở đây nhìn thấy là người thượng căn thực sự dụng công, công phu đặc lực, không ngừng nâng cao. Chúng ta vô cùng ngưỡng mộ.

Đoạn văn dưới đây phân tích tiếp đạo lý này.

“Nhiên phá hoặc hiển tánh, công do lực thức”. Điều này và trong Kinh Lăng Nghiêm nói là cùng một ý nghĩa. Quý vị tu hành có thể đặc lực, có thể đoạn phiền não, có thể khôi phục đến minh tâm kiến tánh, công lao của ai? Thức thứ sáu. Nói cách khác, thức thứ sáu quý vị có biết dùng hay không? Chúng ta ngày nay dùng thức thứ sáu, dùng sai rồi, không phải là thật dùng, dùng sai, đi tạo nghiệp. Thức thứ sáu là gì? Từ sáng đến tối khởi vọng tưởng. Đây là thức thứ sáu. Thức thứ sáu là phân biệt. Thức thứ bảy là chấp trước. Chúng ta phân biệt, không đi phân biệt pháp tánh, không phân biệt chân tướng vũ trụ nhân sinh, nếu như phân biệt những thứ này, quý vị dùng chánh rồi. Chúng ta phân biệt là thị phi nhân ngã, lợi hại được mất, tham sân si mạn, chúng ta phân biệt những điều này. Đây là dùng sai rồi. Đây là tà dụng, không phải là chánh dụng. Nếu như quý vị chánh dụng, thập thừa quán pháp này là dạy quý vị làm thế nào để chánh dụng. Gọi là quý vị biết dụng tâm. Chánh dụng là quý vị biết dụng tâm.

“Tứ Minh chỉ vi cận nhi phục yếu, vi sự lý giải hạnh chi bản”. Ngài nói không sai. Thức thứ sáu gần chúng ta biết bao, từ sáng đến tối khởi vọng tưởng. “Yếu” là trọng yếu. Quý vị phải dùng cho chánh, quý vị liền siêu việt lục đạo, siêu việt thập pháp giới, đi làm Phật làm Bồ Tát. Trong bát chánh đạo thứ nhất là chánh kiến, chánh tư duy, tức là dùng cho chánh.

“Vi sự lý giải hạnh chi bản”, đối với sự, đối với lý quý vị thực sự có thể lý giải, thức thứ sáu là căn bản. Chúng ta nghiệp chướng rất nặng, sẽ chịu cảnh giới bên ngoài làm ảnh hưởng, cho nên cảnh duyên này không thể không chọn lựa, ngay cả thánh nhân cũng không dám sơ suất.

Mạnh tử, chư vị biết là đại thánh nhân của Trung Quốc, trong lịch sử Trung Quốc Khổng Tử xưng là “chí thánh”, Mạnh tử xưng là “á thánh”. Mẫu thân của ông lúc bồi dưỡng ông, trong lịch sử ghi chép lại rất rõ ràng “Mạnh mẫu tam thiên”, chuyển nhà ba lần. Vì sao vậy? Vì con nhỏ. Con nhỏ sẽ bị hoàn cảnh ảnh hưởng, nơi này hoàn cảnh không tốt, có ảnh hưởng không tốt đến trẻ con, nhanh chóng chuyển nhà, chuyển đến nơi khác, sau đó ở một thời gian, cảm thấy vẫn không tốt, lại chuyển nhà. Đây chính là người hiện tại chúng ta nói bầu không khí, từ trường, sẽ bị ảnh hưởng. Môi trường nhân sự, môi trường vật chất sẽ ảnh hưởng đến tư duy của chúng ta, ảnh hưởng tâm trạng của chúng ta, ảnh hưởng tinh thần của chúng ta. Cho nên con người sống trong một môi trường tốt, trong một từ trường tốt, đầu óc đặc biệt sáng suốt. Quý vị chỉ cần lưu ý một chút thì sẽ lãnh hội được. Quý vị đi vào một nơi non xanh nước biếc, thiên nhiên mệnh mệnh, đầu óc đặc biệt rõ ràng. Quý vị đi trong một đô thị, đông đúc hỗn loạn, trong chợ rau, sẽ thấy khác, lập tức tâm trạng không giống nhau. Cho nên ngày xưa người tu hành, vì sao lựa chọn nơi từ trường tốt nhất, ở nơi đó xây dựng đạo tràng, làm một chòi tranh, chúng ta không thể không lưu ý. Vì sao vậy? Quý vị không phải là hàng thượng thượng căn, quý vị không phải trong tất cả cảnh giới đều như như bất động. Hàng thượng thừa căn tánh cảnh giới bên ngoài không dễ dàng ảnh hưởng đến họ, họ có thể chuyển cảnh. Hàng trung hạ căn tánh thì không được. Bản thân quý vị không hiểu được chọn lựa một môi trường tốt để tu học, quý vị đời này muốn thành tựu thì khó, quá khó, quá khó.

Chúng ta ngày nay ở trong đô thị đang giảng kinh, đang dạy học, đối với bản thân tu học có chướng ngại rất lớn. Vì sao vậy? Từ trường của đô thị không bằng nông thôn. Từ xưa đến nay, có người thực sự tu hành nào lại trú nơi đô thị? Không có. Phật ở trong kinh thường thường hướng dẫn học trò trú a lan nhã. A lan nhã là tiếng Phạn, nghĩa là nơi thanh tịnh, không có quấy nhiễu, nơi thanh tịnh. Vì thế ở Trung Quốc một số tự viện am đường đều xây dựng trên núi, trong núi sâu. Hiện tại giao thông tiện lợi, đi rất thuận tiện, ngày xưa vô cùng bất tiện. Lúc tôi còn nhỏ, quê hương tôi rất gần Cửu Hoa Sơn, đi bộ đi ba ngày, hiện nay ba tiếng đồng hồ là đến rồi. Ba tiếng đồng hồ đến, nơi đó không thể tu hành, loạn rồi, người đến nhiều quá, đạo tràng náo loạn, rồi rời lên rồi. Trước đây đi ba ngày, quý vị không có thành tâm thì sẽ không đi, cho nên đạo tràng đó thanh tịnh, không có ai đến. Đến dưới chân núi leo núi từng bậc từng bậc mà leo lên, mệt chết được. Cho nên ở trên núi hoàn cảnh vô cùng thanh tịnh, họ có thể dưỡng đạo, có thể thành tựu đạo nghiệp. Hiện nay tu hành, thực sự muốn thành tựu phải tìm một nơi ít dấu chân người đến, vẫn là nơi giao thông không thuận tiện.

Mấy tháng trước, chúng tôi tại Úc Châu Perth, nhìn thấy có mười mấy vị pháp sư Tiểu thừa, chúng tôi đi tham quan đạo tràng của họ, đạo tràng đó ở trên núi, tương đối hẻo lánh, người thường cũng không muốn đến nơi đó, cuộc sống của họ vô cùng đơn giản, trong liêu phòng không có nước, không có điện, ban đêm thắp đèn nến, mỗi một người phát cho một đoạn đèn nến ngắn, chỉ một tí ti, tôi đi xem rồi thật tốt, tôi rất ngưỡng mộ, không có ai đến tìm quý vị, cũng không có điện thoại, ngay đèn điện cũng không có. Quý vị ở nơi đó tâm thanh tịnh biết bao. Trong liêu phòng ngoài mấy bộ áo quần để thay đổi, mền chiếu ra không có gì cả, thực sự nhìn thấy người ta ở nơi đó mảy trần không nhiễm. Họ cần đọc sách, cần nghiên cứu kinh, họ có một Phật đường, có một phòng đọc sách, đều ở nơi đó, môi trường cư trú tu hành của bản thân một quyển sách cũng tìm không ra, tâm thanh tịnh. Chúng tôi xem rồi có cảm tưởng như thế nào? Điều này rất quan trọng, chúng ta phải học tập như thế nào.

Gần đây Trung Quốc rất hi vọng tôi trở về, biết bao năm nay tôi hi vọng lúc tuổi tác lớn rồi có thể lá rụng về cội, nếu như tôi có cơ duyên trở về Trung Quốc xây dựng đạo tràng, tôi làm lều tranh, trong lều tranh của tôi cũng không có gì cả. Đối với việc tu học của bản thân, đối với việc niệm Phật vãng sanh của bản thân có lợi ích lớn. Đây là sự thật, ngoài ra là giả. Dạy học có lớp học, có phòng thư viện, có niệm Phật đường, có giảng đường. Trong đó bày biện cũng là đơn giản, gọn gàng, sạch sẽ, mảy trần không nhiễm. Kiểu hoàn cảnh này, bầu không khí này, từ trường này đối với người tu hành có lợi ích rất lớn. Chúng ta ngày nay không hiểu rõ đạo lý này, một đời luống qua vô ích, một đời không thể thành tựu, không biết được nguyên nhân là gì. Đây gọi là mê hoặc điên đảo. Chúng ta ngày nay có rất nhiều thứ, tặng phẩm chất cả đồng, đây là bất đắc dĩ. Đây là vì lợi ích chúng sanh. Đây chính là điều mà đại sư Trí Giả nói “xả thân vì người”. Từ trường tu học của bản thân chúng ta bị phá hoại một bộ phận, nhưng điều đó có thể lợi ích chúng sanh. Nhưng lợi ích chúng sanh phải có giới hạn. Giới hạn gì vậy? Bản thân nhất định đã chắc chắn về việc vãng sanh. Đây là giới hạn thấp nhất, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng được. Nếu như ngay cả niềm tin này cũng không có, phải lo đến bản thân, quý vị không lo cho bản thân thì trở thành tu phước báo, đời sau đi hưởng phước, không thể thoát ly luân hồi, không thể vãng sanh Tịnh Độ. Vậy là sai lầm quá lớn rồi. Quý vị phải biết quý vị vãng sanh Tịnh Độ là đi làm Phật. Quý vị làm Phật quý vị độ biết bao nhiêu là chúng sanh. Quý vị không làm Phật, ngày nay có thể độ được mấy chúng sanh? Thực sự mà nói, chỉ có thể kết duyên với chúng sanh mà thôi, không thể nào thật độ được. Làm Phật rồi mới có thể thật độ chúng sanh. Cho nên bản thân vãng sanh làm Phật, làm Bồ Tát là điều quan trọng số một, giúp đỡ người khác là thứ yếu. Bản thân quý vị thực sự có chắc chắn

rồi, giúp đỡ người khác không thể xếp vào số một. Giống như đại sư Trí Giả bỏ đi phẩm vị của bản thân, hi sinh phẩm vị của bản thân, được, đây là tinh thần của Bồ Tát, đáng được người ta tán thán. Nhưng bản thân chắc chắn được vãng sanh. Ngay cả đạo lý này cũng không hiểu, vậy thì hết cách rồi.

Dưới đây lại nêu ra một ví dụ nói: “như phạt thọt đắc căn, cứu bệnh đắc huyết”, đây là hai ví dụ. Chúng ta chặt cây, quý vị tìm đến rễ, từ rễ mà chặt, vậy thì quá dễ dàng rồi, cây này sẽ bị chặt mất. Quý vị từ trên cành lá mà chặt, vậy thì phiền phức rồi. Quý vị trị bệnh, trị bệnh dùng châm cứu, kim vừa vặn châm đúng vào huyết đạo, vậy thì vô cùng hữu hiệu. Đây chính là nói quý vị có thể chánh dụng thức thứ sáu. Cũng giống như chặt cây tìm ra rễ, châm cứu châm đúng huyết đạo vậy.

“Thử tức thập thừa trung sơ quán bất tư nghi cảnh, danh từng hành quán dã”. Thập thừa quán pháp đã nói qua với quý vị rồi. Thập thừa quán điều thứ nhất là người thượng căn. Nó phân thành ba căn thượng trung hạ. Đây gọi là “từng hành quán”, đây là một phương pháp tu hành.

Dưới đây nói phương pháp thứ hai, “thác sự phụ pháp”, đây là từ sự tướng mà tác quán, cạn hơn trước đây, đương nhiên dễ dàng hơn trước. Đây chính là quý vị phải hiểu được sự biểu pháp mà trong Phật Pháp đã nói.

Chúng ta đọc qua một lượt đoạn văn này:

“Nhược phu thác sự phụ pháp, tức thác tổng đề Địa Tạng bốn nguyện nhân pháp nhi quán chi, kim tiên quán Bồ Tát nhân giả”. Ở đây nói hai việc, một là từ nhân tác quán, hai là từ trên pháp mà tác quán. Trước hết nói về người. “Dĩ hành nhân chiêm lễ Địa Tạng chi tế”. Quý vị ở trong chùa nhìn thấy Bồ Tát Địa Tạng, quý vị sẽ hướng đến tượng của Bồ Tát Địa Tạng mà đánh lễ. Quý vị lạy Phật, quý vị sẽ dùng hương hoa cúng dường. Lúc quý vị lạy Phật, lúc cúng dường, người thế gian lạy thì lạy rồi, cúng dường thì cúng dường thôi, không có việc gì nữa. Không đắc lực. “Bất biểu quán pháp, hà dĩ dụng tâm”, quý vị lạy Phật, cúng dường Phật Bồ Tát, tâm của quý vị không có thay đổi, vẫn là tâm phàm phu, Cho nên kiểu cúng dường này là tu phước, biểu thị một chút tôn kính đối với Phật Bồ Tát, điều thực sự tốt thì chưa đạt được, không hiểu được ý nghĩa biểu pháp. Ý niệm của quý vị không thay đổi được.

Dưới đây nói với chúng ta “kim chuẩn”, chuẩn là y cứ. Chúng ta y cứ Phật Thuyết Bát Đại Bồ Tát Mạn Đà La Kinh, trong đó có một đoạn nói: “Đứng trước Như Lai, quán Địa Tạng Bồ Tát đầu đội anh lạc, diện mạo hoan hỷ, tịch nhiên lân mẫn tất cả hữu tình”. Quý vị nếu như có thể nhìn ra được ý nghĩa này, đây là ý nghĩa chân thật của nhà Phật cúng dường hình tượng Phật Bồ Tát. Hình tượng Phật Bồ Tát thờ cúng tại nơi đó, đó là dạy học. Ngày nay chúng ta đem hình tượng Phật Bồ Tát xem thành thần minh, cho nên sai rồi. Đây chính là điều làm cho Phật Pháp biến thành tôn giáo.

Phật Pháp vốn là dạy học, hiện tại trở thành tôn giáo, hoàn toàn dùng tâm của tôn giáo để xem Phật Bồ Tát.

Dưới đây nói: “Tay trái để thấp dưới rốn ôm bình bát, tay phải lại chấp lại hướng xuống, ngón trở ngón cái ấn vào nhau, để an ủi tất cả chúng sanh”. Đoạn này là kinh văn, tức là trong Phật Thuyết Bát Đại Bồ Tát Mạn Đà La Kinh nói đoạn văn này. Dưới đây giải thích. Nó biểu thị cho ý nghĩa gì? “Đầu tức nhất thiết chủng trí”, đầu đại biểu cho nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí là tự tánh đầy đủ rốt ráo viên mãn trí tuệ, biểu thị điều này. “Quán tức tỳ lô pháp tánh”, quán là đội ở trên đầu, quán đại biểu cho tỳ lô pháp tánh. Tỳ lô pháp tánh chính là chân như bản tánh của bản thân chúng ta. Tỳ lô là tỳ lô giá na, là pháp thân. Ý nghĩa của nó là biến nhất thiết xứ, biến nhất thiết thời, biến nhất thiết xứ, là tự tánh của chúng ta, chân như bản tánh, dùng điều này để làm ví dụ.

“Anh lạc” đây là đồ trang sức. Thứ này mọi người dễ dàng hiểu được, những trang sức trước ngực Phật Bồ Tát, biểu cho tổng trì tứ đà la ni. Đây chính là bốn loại tổng trì.

Dưới đây chú giải. Một là pháp, hai là nghĩa, ba là chú thuật, bốn là nhẫn. Đây là dạy cho quý vị, đeo anh lạc này nghĩa là quý vị đem vũ trụ nhân sinh tất cả những lý luận, hiện tượng, phương pháp quý vị đều nắm được hết. “Đà la ni” là tổng cương. Cương lĩnh, yếu lĩnh này quý vị phải nắm bắt được, chư pháp quý vị nắm bắt được rồi. “Nghĩa” là lý luận, nghĩa lý, quý vị đã nắm bắt được. “Chú thuật” là phương pháp, quý vị cũng nắm bắt được rồi. “Nhẫn” chính là vô sanh pháp nhẫn, cũng tức là nói về thọ dụng, thọ dụng chân thật quý vị cũng nắm bắt được rồi.

“Để biểu chủng trí, từ pháp tánh mà thành, nên có thể tổng trì tất cả pháp môn vậy”. Quý vị có thể nắm bắt, quý vị có thể tổng trì, quý vị có thể nắm bắt được nguyên lý, nguyên tắc. Quý vị không có trí tuệ làm sao có thể nắm bắt được chứ?

“Chủng trí” là “tùng pháp tánh nhi thành”. Vậy chúng ta nhìn đầu, nhìn mũ, quý vị phải hiểu được ý nghĩa này, biểu pháp này.

“Diện mạo hoan hỷ, biểu từ tâm sở hiện từ bi tướng hảo”. Quý vị nhìn diện mạo của họ vô cùng hiền từ, dung mạo khiến cho người khác nhìn thấy đều sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm cung kính.

“Tướng của nhất thân, diện mạo chính yếu, chư pháp sở y lấy tâm làm thể, tướng tùy tâm sanh nên để biểu tâm”. “Tướng” biểu thị cho điều gì? tướng biểu tâm, tâm từ bi, tướng liền từ bi, tâm tốt tướng liền tốt, cho nên xem tâm người từ đâu mà xem? Từ trên tướng mạo mà xem. Chư Phật Bồ Tát tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi đều biểu hiện ra trên dung mạo. Cho nên họ biểu thị cho “từ tâm sở hiện từ bi tướng hảo”. Chúng ta nhìn thấy tướng hảo này phải học tập. Chúng ta nếu muốn tướng

tốt này, vậy thì quý vị phải tu chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Tướng tùy tâm chuyển, ngay người thế gian cũng hiểu được đạo lý này. Chúng ta không có tâm tốt, thì làm sao có được tướng tốt? Chúng ta thấy người thế gian, có một số người tướng tốt, rất đẹp, nhưng quý vị tỉ mỉ mà quan sát xem, họ có đẹp, nhưng họ không có thiện, họ không có chân thành. Tướng hảo của Phật Bồ Tát là “chân thiện mỹ tuệ” bốn chữ đều đầy đủ. Người thế gian có một số người tướng rất đẹp, họ đẹp, nhưng chân thiện tuệ không có. Cho nên chúng ta thường nhìn thấy hạng người đó. Cổ nhân thường nói: “tự cô hồng nhan đã bạc mệnh”, cuối đời đều không tốt, bốn chữ họ chỉ có một chữ, thiếu ba chữ, cái đẹp của họ từ đâu mà tu được? Họ có nhân, đẹp là tu từ tâm từ bi, tâm địa rất từ bi, làm thêm một số các sự nghiệp từ thiện, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, họ làm được không như pháp, họ không phải là làm bằng chân tâm. Vì sao mà làm? Háo danh háo lợi, họ không phải là chân tâm, làm những sự việc này, trong xã hội biết bao nhiêu người xu nịnh họ, biết bao người dâng bực họ, vì những điều này, biết bao người tán thán họ. Nếu như không có ai khen ngợi, họ sẽ không làm nữa. Cho nên họ không phải là chân tâm, họ không phải là tâm thanh tịnh, họ không phải là tâm bình đẳng, nên họ đạt được quả báo chỉ có một thứ là diện mạo đẹp, không có trí tuệ chân thật, không có phước báo chân thật. Cho dù được phước báo, như đằm hoa vừa hiện. Chư vị có thể từ rất nhiều minh tinh màn ảnh, quý vị có thể quan sát được. Những điều này đều bày ra trong hiện thực chúng ta, chúng ta từ Phật pháp, Phật pháp là sách vở, từ phòng học học được những đạo lý này, học được những phương pháp này. Chúng ta phải thực tiễn vào trong cuộc sống. Từ sáng đến tối tiếp xúc với người, sự, vật đều là biểu pháp, người biết dụng tâm trong cuộc sống mà thành tựu đại trí tuệ, thành tựu tâm thanh tịnh. Tu hành ở đâu vậy? Tu hành trong cuộc sống, tu hành trong công việc, tu hành trong xử sự, đối người, tiếp vật, vấn đề chính là quý vị có biết dụng tâm hay không, chẳng những tướng tùy tâm chuyển, mà thể chất cũng tùy tâm chuyển. Thể chất nếu như không tùy tâm chuyển thì tiên sinh Viễn Liễu Phàm vì sao được quả báo diên thọ? Thọ mạng của ông chỉ có 53 tuổi, ông có thể sống đến hơn 70 tuổi. Thọ mạng này chuyển như thế nào? Tâm chuyển. Tôi trong đời này cũng hiện thân thuyết pháp cho mọi người, tôi cũng là đời này mà chuyển biến, nếu như không gặp được Phật pháp, theo như trong mệnh tôi mà sống qua ngày, biết bao người đoán số mạng cho tôi đều sống không qua 45 tuổi, từ lâu đã không còn nữa rồi. Tôi không bằng tiên sinh Liễu Phàm, tiên sinh Liễu Phàm còn sống đến 53 tuổi, thọ mạng của tôi chỉ có 45 tuổi, phước báo thì càng không bằng, thua xa rồi. Trong đời quá khứ dường như đã tu một chút tuệ, tu tuệ không tu phước, cho nên không có phước báo, cuộc sống vô cùng gian khổ. May là có cơ hội này gặp được Phật pháp, có duyên gặp

được mấy vị thiện tri thức, thầy giáo tốt, chúng tôi chịu học, đối với điều thầy giáo dạy dỗ thâm tín không nghi, y giáo phụng hành. Quả báo này hiện tiền rồi. Cho nên tôi đối với việc cảm niệm ân đức thầy giáo không phải là người bình thường có thể sánh được. Người bình thường không có. Quý vị không nhận được thâm ân của người ta, quý vị làm sao mà cảm kích được? Nhận được thâm ân, bản thân quý vị y giáo phụng hành, đạt được lợi ích chân thật, quý vị mới cảm kích. Người tiếp xúc với thầy giáo rất nhiều, học trò của tiên sinh Phương Đông Mỹ rất nhiều, học trò của thầy Lý cũng rất nhiều, học trò của đại sư Chương Gia cũng rất nhiều. Thân cận nhiều năm không nhận được thọ dụng chân thật của thầy giáo. Thầy giáo bình đẳng dạy học, không có đặc biệt hướng dẫn ai, vấn đề là quý vị có chịu học hay không. Quý vị chịu học quý vị mới được thọ dụng, không chịu học nghe nghe rồi thôi, không đạt được thọ dụng. Cho nên thực sự đạt được thọ dụng, có thể tin, có thể hiểu, có thể hành. Được thọ dụng là có thể chứng. Quý vị tin tưởng, nhưng là không hiểu, tin tưởng hiểu rõ quý vị không chịu làm theo, quý vị không đạt được lợi ích, không đạt được thọ dụng. Quý vị đối với ân đức của thầy giáo sẽ nhạt dần. Duy chỉ có thực sự phụng hành, thực sự được lợi ích, đối với ân đức thầy giáo mới biết được, mới hiểu rõ. Ý niệm cảm ơn từ đó mà sanh, là tự nhiên như vậy. Cho nên biểu pháp vô cùng quan trọng.

Dưới đây là “tịch nhiên”. Đầu, quán, anh lạc, diện mạo, quý vị đều dễ dàng cảm nhận được. “Tịch nhiên” là nói về thái độ của họ. Điều này phải thâm nhập một tầng nữa để quan sát, quý vị mới nhìn thấy. Tào tượng, thần thái của bức tượng này tự nhiên như vậy, từ dung mạo, hình tượng mà thể hội được tâm của họ thanh tịnh, tâm tịch diệt, tâm từ bi. Tào tượng, trong Đại Tạng Kinh có Tào Tượng Độ Lượng Kinh, dạy quý vị phương pháp tạo tượng, tức là trên hình tượng phải biểu hiện ra cho được tất cả những điều này, không phải người thế gian chúng ta tạo tượng nghệ thuật, điều đó không được. Những ý nghĩa này không thể nào biểu đạt được. Hiện tại chúng ta nhìn thấy hình tượng Phật Bồ Tát có rất nhiều tượng là nghệ thuật, tạo nhìn rất đẹp, nhưng những ý nghĩa này đều không có. Cổ nhân tạo tượng hoàn toàn căn cứ theo Tào Tượng Độ Lượng Kinh để làm làm, những ý nghĩa này đều có thể hiển thị ra được. Nó là biểu pháp.

“Tịch nhiên” biểu thị cho “Bồ Tát tự trú tam ma địa”, tam ma địa chính là thanh tịnh tịch diệt, một niệm không sanh, không có vọng tưởng. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tất cả đều đoạn hết, đây chính là tam ma địa.

“Lục đạo dĩ khổ duyên nhi cảm”, lục đạo chúng sanh thọ khổ, liền có thể cảm được “Phật Bồ Tát dùng tâm đại bi mà ứng”. Bồ Tát Địa Tạng và Bồ Tát Quán Thế Âm giống nhau, đại từ đại bi, chúng sanh có cảm tự nhiên

liền có ứng, cảm ứng đạo giao, không thể nghĩ bàn. Bồ Tát vĩnh viễn vì chúng sanh mà làm người bạn không mời, không cần đợi chúng sanh thỉnh cầu tự mình đã đi, tùy loại hiện thân, tùy cơ thuyết pháp.

“Hai tay trái phải, biểu hai trí quyền thật”, đều có sự biểu thị. “Thật trí nội tự chiếu lý, quyền trí ngoại dĩ giám cơ”. Phật Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp khế cơ khế lý. Khế cơ là tác dụng của “quyền trí”, khế lý là tác dụng của “thật trí”, cũng tức là nói thật trí tương ứng với chân lý, tương ứng với chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh. Quyền trí tương ứng với môi trường sinh sống của chúng sanh hiện tiền. Như vậy mới thực sự có thể giáo hóa chúng sanh.

“Tề hạ thác bát”, chúng ta thấy tạo tượng của Bồ Tát Địa Tạng, trên tay có cầm bình bát, hiện tại cũng có tạo tượng là trên tay cầm một hạt châu, dùng hạt châu này đại biểu cho viên mãn, ý nghĩa biểu thị khác nhau. Y theo phương pháp của cổ nhân mà làm thì tốt, Bồ Tát Địa Tạng trong tay nhất định là bình bát, cầm tích trượng đi khát thực, thị hiện là tướng này, trên tay không phải là cầm hạt châu.

Bình bát đại biểu cho “tánh thức đầy đủ Như Lai Tạng”, người xuất gia mỗi ngày đều phải đi ra ngoài khát thực. Bát đại biểu cho “tánh thức đầy đủ Như Lai Tạng”, biểu thị cho ý nghĩa này. “Nội không ngoại viên”, trong bát là trống không, bên ngoài tròn đầy, biểu thị cho ta người đều đầy đủ không Như lai tạng, bên trong là không, vạn pháp đều không, bên ngoài tròn, tròn như thái hư, thái hư không, không thiếu không giảm, đại biểu cho hư không pháp giới viên mãn. Nhưng trong bình bát có thể đựng đồ vật, mỗi ngày đi khát thực, đựng cơm đựng thức ăn, biểu thị bát không Như Lai tạng. Lúc đựng đồ vật biểu thị cho bát không Như lai tạng. Đầy đủ tánh công đức như hà sa, hà là sông Hằng, sa là sa số, đầy đủ hằng hà sa số vô lượng vô biên công đức xứng tánh, biểu thị ý nghĩa này. Cho nên dạy quý vị nhìn thấy tướng này cũng giống như lên lớp dạy cho quý vị. Quý vị hiểu được nhiều thứ như vậy, quý vị ở trong đây mà giác ngộ, tỉnh ngộ trở lại. Cũng biết được ta ngày nay đối diện với tất cả người, sự, vật ta nên làm như thế nào. Vì vậy ngày ngày bảo quý vị lạy Phật Bồ Tát, quý vị đều là lạy sông trôi. Quý vị làm gì hiểu được những đạo lý này?

Chúng ta ngày nay người tu học Tịnh Độ, mọi người thờ cúng là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà biểu thị cho pháp gì? Nếu như chúng ta hiểu được những điều này, liền có thể từ đó mà suy ra, phần đầu của Phật A Di Đà biểu thị cho tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ rốt ráo viên mãn. Tạo tượng của Phật A Di Đà, trên thân cũng đeo anh lạc. Phật A Di Đà trên tay cầm hoa sen, không phải là bình bát. Hoa sen biểu thị ý nghĩa sâu sắc. Hoa sen là tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh nào? Tiếp dẫn chúng sanh liên hoa. Hoa sen là mọc từ bùn nhưng không ô nhiễm, tâm chúng ta còn bị ngũ dục lục trần

nhiệm ô, Phật A Di Đà tiếp dẫn không phải là hạng người này. Phật A Di Đà tiếp dẫn hạng người hoa sen, người xuất thân từ bùn mà không bị nhiễm. Điều này trong kinh thường nói “tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”. Người niệm Phật tâm không thanh tịnh không thể vãng sanh, Phật không đến tiếp dẫn quý vị. Hình tượng của Phật đã rõ ràng rồi mà. Quý vị không phải là hoa sen, miệng niệm Di Đà cũng vô dụng. Cổ nhân nói rất hay: “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng cũng hoài công”. Quý vị niệm Phật phải niệm cho ra tâm thanh tịnh của quý vị. Trong Kinh Di Đà đã nói rất rõ ràng, rất thấu đáo rồi. Mục tiêu niệm Phật ở đâu vậy? Nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo. Quý vị dùng phương pháp niệm Phật, có thể niệm đến nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, thì quý vị là hoa sen rồi, quý vị sẽ được Phật A Di Đà tiếp dẫn. Cho nên nhìn thấy tạo tượng của Phật Bồ Tát, phải hiểu được tượng đó biểu thị cho ý nghĩa gì, thì quý vị đạt thọ dụng. Quý vị không hiểu rõ được ý nghĩa biểu pháp của tượng, lại xem nó như là thần minh để đối đãi, quý vị hoàn toàn sai rồi. Quý vị làm sao có thể thành tựu công đức lợi ích thù thắng chứ?

Dưới đây còn có một thủ ấn. Thủ ấn hiện nay người ta nói là ngôn ngữ tay, nói ngôn ngữ tay thì mọi người đều hiểu được, nói thủ ấn mọi người sẽ không hiểu. Thủ ấn chính là ngôn ngữ tay. Tay biểu thị cho một tư thế, quý vị vừa xem liền hiểu được. Thế tay của Bồ Tát Địa Tạng là ngón cái và ngón trỏ kết lại với nhau, đây là biểu cho một vòng tròn, đại biểu cho ý nghĩa gì? Ở đây nói với quý vị rồi: “mê ngộ nhất như, nhân quả tương hợp, nhi úy an lạc đạo chúng sanh vật ưu não dã”. Chúng sanh tội khổ lạc đạo chỉ cần quý vị một niệm giác ngộ, quý vị liền được độ. Sanh Phật bất nhị, chúng sanh và Phật không hai, thấy ý nghĩa này. Tất cả pháp đều không hai. Cho nên Phật pháp gọi là “nhập bất nhị pháp môn”. Bất nhị là gì? Bất nhị chính là một. Một là gì? Là nhất tâm bất loạn. Lúc nào quý vị mới nhập bất nhị? Xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền bất nhị. Chỉ cần quý vị có phân biệt chắc chắn có hai, chỉ cần quý vị có chấp trước chắc chắn có hai rồi. Quý vị có phân biệt chấp trước liền rơi vào hai ba. Vậy là phạm phu rồi. Hai ba chính là lạc đạo luân hồi. Quý vị có thể vĩnh viễn duy trì không hai, tâm địa thanh tịnh, chư pháp bình đẳng, thì quý vị thành tựu rồi. Quý vị vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là việc dễ dàng thôi, không hai là chân thành thanh tịnh, hai thì không thanh tịnh, hai là có tôi có anh, tôi nhất định lớn hơn anh, tôi nhất định giỏi hơn anh, phiền phức liền đến thôi, quý vị tạo nghiệp rồi, vậy là quý vị phải chịu quả báo luân hồi. Cho nên vào pháp môn không hai thì tâm thực sự thanh tịnh. Đối với thế xuất thế gian, thập pháp giới, nhất chân pháp giới đều không có phân biệt chấp trước nữa. Vậy là không hai rồi.

**HẾT TẬP 24**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 25****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Liên Hải****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mở kinh bôn ra! Địa Tạng Kinh, luận quán trang thứ 19, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Thứ quán, bôn nguyện pháp giả. Chiêm Sát kinh vân: nhược dục y nhất thật cảnh giới tu tín giải giả, ung học tập nhị chủng quán đạo, nhất duy tâm thức quán, nhị chân như thật quán”. Trước đây Đại sư Thanh Liên dùng cách dạy học của tông Thiên Thai, nói với chúng ta “thác sự phụ pháp”, có hai loại quán pháp, thứ nhất là quán nhân, đoạn trước đã giới thiệu qua, chính là từ trong tạo tượng Bồ Tát biểu pháp, chúng ta nên có sự lĩnh ngộ. Loại quán pháp thứ hai chính là quán bôn nguyện trong đề kinh, quán bôn nguyện của Bồ Tát. Hôm nay chúng ta đọc loại thứ hai.

Kinh Chiêm Sát là một trong ba kinh Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng có ba bộ kinh, thông thường chúng ta đọc tụng chỉ là Địa Tạng Bồ Tát Bôn Nguyện Kinh, ngoài ra có hai loại kinh rất ít người đọc, thậm chí người biết đến cũng không nhiều. Kinh Chiêm Sát ngày xưa chúng tôi ở Đài Loan cũng cực lực đề xướng, chúng tôi có in kinh bản, cũng từng in qua giảng ký. Ngoài ra còn có một bộ là Đại Thừa Địa Tạng Thập Luân Kinh, bộ kinh này phân lượng rất lớn, người biết lại càng ít hơn nữa. Đây gọi là Địa Tạng Tam Kinh.

Dùng lời trong Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã nói: “nếu hành giả muốn y theo cảnh giới nhất thật để tu tín giải”. Nhất thật là nhất chân thật tướng, đây cũng là Tông môn Giáo môn thường nói đến: “tu từ căn bản”. Nếu như chúng ta muốn nhập môn từ đây, vậy thì phải học “hai loại quán đạo”. Quán là quán sát, là quán chiếu; đạo là phương pháp, là con đường.

Có hai loại quán pháp. Một là “duy tâm thức quán”. Tông pháp tướng tu phương pháp này. Tông pháp tướng duy thức y theo phương pháp này để tu hành. Thứ hai là “chân như thật quán”. Đây là phương pháp mà tông pháp tánh dùng. Hai loại phương pháp này vô cùng quan trọng, đều từ căn bản mà tu học. Cho nên hai tông pháp tánh pháp tướng, cổ đức đều rất coi trọng. Cho dù là các học giả cận đại, giống như tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng coi hai tông này là triết học cao nhất.

Dưới đây chúng tôi giản lược thuyết minh hai loại quán pháp này:

“Duy tâm thức quán giả, vị ưu nhất thiết thời nhất thiết xứ, tùy thân khẩu ý sở hữu tác nghiệp, tất giai quán sát”. “Duy tâm thức quán” so với “chân như thật quán” dễ dàng hơn. Điều này ngày xưa tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi, người trung thượng căn tánh đều có thể dùng được. Chúng ta không phải là người thượng căn, nhưng cũng coi như là người trung căn, đây là điều mà Phương tiên sinh nói. Những người thuộc phần tử tri thức chúng ta là người trung căn. Nhưng trên thực tế, chúng ta nếu dùng trong “Thập thừa quán pháp” của tông Thiên Thai, chúng ta mới thực sự biết bản thân là người hạ căn. Tiêu chuẩn của trung căn chúng ta đều không đạt được. Nhưng nếu như khuyến khích bản thân nỗ lực để tu học cũng được, thực sự phấn đấu nỗ lực, tu pháp môn này vẫn là có thể được. Quý vị xem “nhất thiết thời”, một ngày 24 tiếng đồng hồ không gián đoạn, “nhất thiết xứ” bất luận tại nơi nào. Nói cách khác, mọi lúc mọi nơi kiểm điểm tạo tác thân, khẩu, ý của bản thân, lời này nói ra rất dễ dàng, làm được thì rất khó. Quý vị thời thời khắc khắc sẽ quên mất, quên mất liền gọi là thất niệm, công phu của quý vị bị quên mất, bị gián đoạn. Cho nên công phu tu học của quý vị không thể đắc lực, nguyên nhân chính là đây vậy. Làm thế nào để có thể trong tất cả mọi lúc mọi nơi đều không gián đoạn, công phu mới có thể đắc lực. Vì sao Tịnh ông thường nói đến đả Phật thất? Vì sao phải đả Phật thất? Chính là hi vọng tất cả mọi lúc mọi nơi công phu đều không gián đoạn. Là ý nghĩa như vậy. Trong Thiền tông đả thiền thất, ý nghĩa đều giống nhau, đều sợ công phu gián đoạn, đều sợ ý niệm này bị quên mất. Cho nên mọi người cùng nhau gọi là nương chúng, dựa chúng, tôi quên mất rồi, có thể quý vị chưa quên mất, lúc quý vị quên mất có lẽ tôi chưa bị quên. Chúng ta hai bên giúp đỡ lẫn nhau, khích lệ lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau. Hi vọng công phu không gián đoạn.

Tạo tác của thân thể, nhất cử nhất động, ngôn ngữ nơi miệng, ý niệm trong tâm, đây đều gọi là tạo nghiệp. Nghiệp của chúng ta Phật ở trong kinh đem nó quy nạp thành ba loại lớn: thiện nghiệp, ác nghiệp, còn có một loại là vô ký nghiệp. Vô ký nghiệp chính là nói không phải thiện hay ác. Vô ký nghiệp tốt hay không? Vô ký nghiệp cũng không tốt. Vô ký nghiệp đọa lạc vào trong vô minh. Cho nên ba loại nghiệp đều không phải thực sự là thiện nghiệp. Thí dụ như quý vị tạo thiện nghiệp thì thọ quả báo trong ba đường thiện, ác nghiệp thì thọ quả báo trong ba đường ác, vô ký nghiệp tuy không thể rõ ràng chiêu cảm nghiệp báo thiện ác, nhưng nó là vô minh, nó là ngu si. Được mấy người có thể trong tất cả mọi lúc mọi nơi, đều có thể kiểm điểm được như vậy? Có thể quan sát được như vậy? Đây là từ hiện tượng. Hiện tượng này từ đâu mà có? Đó chính là công phu.

Tất cả những tạo tác của thân ngữ ý của chúng ta từ đâu mà có? “Duy tâm này theo tất cả cảnh giới”. “Tâm” này có hai nghĩa, có thể nói chân

tâm, cũng có thể nói là vọng tâm. Chân tâm thì tùy chúng sanh tạo tác mà hiện cảnh giới, duy tâm sở hiện. Vọng tâm chính là ý phân biệt, tùy theo vọng tưởng của chúng sanh mà chuyển biến cảnh giới. Đây chính là điều trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Cho nên “duy tâm này theo tất cả cảnh giới”, “tùy tâm có sở duyên niệm”. “Tâm có sở duyên” là phan duyên, có sở niệm là sanh khởi vọng niệm.

“Hoàn đương sử tâm, tùy trực bỉ niệm”, tâm này tùy theo cảnh giới mà chuyển. Lục đạo phàm phu có ai không phải là hiện tượng này? Bản thân chúng ta từ sáng đến tối, trong cảnh giới này bản thân không thể phát giác được. Người tu hành có công phu, họ có thể phát giác ra được. Phàm phu từ sáng đến tối không biết bản thân đang làm gì. Thực sự mà nói, ngay cả thế nào là thiện, thế nào là ác, được mấy người có thể phân biệt cho rõ ràng được? Trong Liễu Phàm Tứ Huấn nói rất hay, đó chỉ là lời nhắc nhở, thiện có chân thiện, có giả thiện, có đại thiện, có tiểu thiện, trong thiện có ác, trong ác có thiện, rất phức tạp. Không có trí tuệ tương đối khá thì quý vị làm sao mà phân biệt được? Cho nên từ sáng đến tối không biết bản thân đang làm gì, không biết bản thân đang nghĩ những gì. Người thế gian chúng ta nói mộng mơ màng màng. Thực sự là mộng hồ hồ sanh đến thế gian này, mộng hồ hồ sống qua một đời, mộng hồ hồ mà chết đi, mộng hồ hồ luân chuyển trong lục đạo. Cho nên Đức Phật gọi là “kẻ đáng thương”. Phật Bồ Tát có từ bi, có phương tiện hướng dẫn tất cả chúng sanh, chúng sanh không chịu tiếp nhận, vậy là hết cách rồi. Chúng sanh lúc nào mới giác ngộ? Lúc nào hồi đầu? Lúc nào thoát ly tam giới lục đạo, làm Phật làm Bồ Tát? Đều do gặp duyên không đồng. Duyên này quan trọng biết bao. Trong duyên quan trọng nhất là duyên thiện tri thức. Thân cận thiện tri thức là nhân tố thứ nhất. Thế Tôn trong A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh, câu đầu tiên đã nói với chúng ta thân cận thiện tri thức. Thân cận thiện tri thức quý vị phải có trí tuệ nhận biết được thiện tri thức. Người thế gian đáng thương nhất là xem thiện tri thức thành ác tri thức, coi ác tri thức thành thiện tri thức. Vậy thì một đời hồng mắt rồi. Đối với thiện tri thức nhận biết không rõ ràng, nhận thức không thấu triệt, cho nên không thể trân trọng, coi trọng nhân duyên này. Chư vị có thể suy nghĩ xem.

Ngày xưa đại sư Chương Gia tại thế là chân thật thiện tri thức, lão cư sĩ Lý Bình Nam tại thế đó cũng là chân thật thiện tri thức. Người ngày ngày theo thầy học không ít, rất nhiều, có được mấy người trong hội của thầy có thể khai ngộ? Được lợi ích chân thật? Rất ít rất ít. Nguyên nhân là gì? Tuy quen biết, pháp sư này rất tốt, cư sĩ này rất hiếm có, nhưng vẫn không nhận biết rõ ràng. Cho nên không thể trân quý một nhân duyên gặp gỡ đó. Lão cư sĩ Lý Bình Nam trụ tại Đài Trung 38 năm, đích thực có người thân cận ông đến 38 năm, 38 năm vẫn không khai ngộ, 38 năm không có được lợi ích

chân thật. Nguyên nhân là gì? Không biết trân trọng. Ngày ngày sống cùng nhau, giống như bạn bè bình thường kết giao vậy thôi. Người nghe thầy Lý giảng kinh thuyết pháp, nghe xong rồi như gió thoảng qua tai, nghe vào lỗ tai này, qua lỗ tai kia đi mất, không để ý. Cho nên lợi ích chân thật không đạt được. Tôi đến Đài Trung, tôi trân trọng nhân duyên này, nguyên nhân là gì? Tôi không phải là người Đài Trung, tôi ở Đài Trung không có chỗ ở, là đến nơi đó để tham học, vì thế thời gian mỗi ngày tôi đều rất trân quý, bởi vì tôi biết, thời gian tôi ở Đài Trung theo học thầy Lý học tập sẽ không dài lắm, bất cứ khi nào người ta không vui, thì chúng tôi phải ra đi, xem sắc mặt của người ta mà sống qua ngày, bất cứ lúc nào cũng có khả năng ra đi. Vì thế cơ duyên mỗi ngày tôi rất coi trọng, tôi rất trân quý. Như vậy mới có được một chút lợi ích thực sự. Người có nhà ở Đài trung, tâm tình này sẽ khác, cảm thọ sẽ không tương đồng, họ ở Đài Trung có hộ khẩu, sống một đời tại Đài Trung thời gian theo học thầy Lý cũng dài, hôm nay không học được cũng không sao, còn có ngày mai mà, năm nay chưa biết cũng không lo, còn có sang năm mà, ngày tháng sau này còn dài, nên sơ suất mất, không biết trân trọng. Cho nên ngày ngày giao tiếp với nhau, nhưng không học được gì cả. Chúng tôi người bên ngoài đến, cơ duyên vô cùng khó được, vô cùng khó khăn, đối với mỗi một câu giáo huấn của thầy giáo đều rất nghiêm túc mà học tập. Có được lý giải chính xác, y giáo phụng hành. Đây đều là lời của đại sư Thiện Đạo nói “cơ duyên không đồng”. Những sự thật này, từ xưa đến nay thường có. Cho nên người quây quần bên cạnh thiện tri thức mỗi ngày, không thấy được lợi ích chân thật. Vì vậy trân quý cơ duyên trở thành vô cùng quan trọng.

Dưới đây kinh văn nói: “Tùy tâm hữu sở duyên niệm, hoàn đương sử tâm tùy trực bị niệm linh tâm tự tri”. Đây là giác ngộ rồi. Câu ở trên vì sao lại “hoàn đương sử tâm, tùy trực bị niệm”? Tâm này nếu như không tùy theo niệm kia, có được hay không? Được, nhưng chúng ta làm không được. Pháp thân đại sĩ mới được, phàm phu chúng ta làm không được. Phàm phu thì tất cả tùy duyên, cứ theo nó mà đi. Trong tùy duyên, phải thành tựu công đức. Quý vị phải tự giác ngộ, “khiến tâm tự tri”, tự tri là giác ngộ. Biết được nội tâm chính mình, “tự sanh tướng niệm”, vọng tưởng này không phải từ bên ngoài đến, mà trong bản thân biến hiện ra. “Không phải tất cả cảnh giới có niệm có phân biệt”, cảnh giới không có niệm, cảnh giới không có phân biệt. Đây chính là giác ngộ, chính là bắt đầu giác ngộ.

Chúng ta sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, khởi ý niệm đều là sự việc của bản thân, thuận theo ý của bản thân thì sanh khởi tâm hoan hỷ, sanh khởi tâm tham ái; không hợp với ý bản thân thì sanh khởi tâm sân nhuế, sanh khởi tâm chán ghét. Đều là tự sanh phiền não, tuyệt đối không phải cảnh giới bên ngoài đem đến cho quý vị.

Hiện tại người trong thế gian này, không có cách giác ngộ như vậy. Tôi sanh phiền não là họ gây cho tôi, không biết là tự sanh phiền não, luôn là đem trách nhiệm, tội nghiệp này đẩy cho người khác, đều là người khác không tốt, đều là người khác sai, bản thân không sai chút nào. Người như vậy còn có thể cứu được sao? Hết cách rồi. Cho nên phải hiểu được. Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, bản khai thị của ngài khai thị cho phương trượng, ngày xưa tôi photo ra rất nhiều bản, in ra một trăm mấy mươi ngàn phần, đi khắp nơi tặng cho người ta. Lời ngài nói không nhiều, nói với chúng ta “cảnh duyên không có tốt xấu”, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh nhân sự, ngoài bản thân chúng ta ra đều không có tốt xấu. Nói cách khác, cũng không có thiện ác, cũng không có tốt xấu, tốt xấu tự tâm mà sanh. “Tốt xấu sanh từ tâm”, sanh từ tâm chính mình. Người này giác ngộ rồi. Quý vị có được tự giác như vậy, quý vị trong đời này sẽ không oán trời trách người, tâm quý vị bình rồi. Biết được khởi tâm động niệm là chính mình, không phải là cảnh giới bên ngoài, hoàn cảnh vật chất sẽ không làm cho quý vị khởi tâm động niệm. Hoàn cảnh nhân sự bên ngoài cũng sẽ không làm quý vị khởi tâm động niệm. Quý vị phải hiểu được đạo lý này. Quý vị biết khởi tâm động niệm hoàn toàn là bản thân, người này mới là thực sự giác ngộ. Sau khi giác ngộ, quý vị mới thực sự hiểu rõ, bên ngoài tất cả mọi người, tất cả mọi sự, tất cả mọi việc đều là Phật Bồ Tát biến hiện ra. Biến hiện ra cảnh giới để độ bản thân chúng ta. Quý vị sẽ thực sự dụng công, quý vị sẽ thực sự tu hành. Bằng không sẽ không biết dụng công, không biết tu hành. Đây là “không phải tất cả cảnh giới có niệm có phân biệt”. “Mà tất cả cảnh giới chưa từng có tướng khởi từ phân biệt”. Đến đây là một câu. Lý này rất sâu, sự rất rộng, rất phức tạp. Rõ ràng là người này chọc tôi tức giận, họ không chọc tôi tôi làm sao mà tức giận chứ? Cảnh giới của họ, vì sao người khác nhìn thấy họ không tức giận, chỉ có mình quý vị tức giận? Nếu như thực sự có thể chọc cho người khác tức giận, thì tất cả mọi người đều tức giận mới đúng chứ, vì sao những người khác không tức giận, một mình quý vị lại tức giận? Người khác trong cảnh giới này không động tâm, không khởi tâm động niệm, quý vị trong cảnh giới này lại khởi tâm động niệm, vậy thì còn cách gì nữa chứ? Thực sự mà nói, quý vị khởi tâm động niệm, nhân tố có hai, một là khởi lên phân biệt, hai là khởi lên chấp trước. Xa lìa phân biệt, chấp trước, quý vị mới nhìn thấy, tất cả cảnh duyên sẽ không mê hoặc quý vị. Quý vị có phân biệt chấp trước, cảnh duyên này xem ra đối với quý vị liền sản sanh mê hoặc. Sự cũng là như vậy. Sự thật là như vậy. Cho nên chúng ta muốn trách cứ, thì phải trách cứ bản thân có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không được trách người khác, không được trách cảnh giới. Vậy coi như quý vị quay đầu rồi. Quay đầu là bờ. Lúc nào chúng ta mới thực sự có thể quay đầu trở

lại? Khó, mỗi người đều khác nhau. Người căn tánh đại lợi hồi đầu được sớm, người trung hạ căn tánh hồi đầu sẽ chậm. Nguyên nhân là gì? Tập khí không sửa đổi được. Tập khí gì vậy? Tập khí phân biệt chấp trước. Hàng thượng căn nghe đến Phật pháp, biết được phân biệt là sai lầm, là sai lầm của bản thân, họ liền buông bỏ phân biệt. Chấp trước là sai lầm của bản thân, họ có thể buông bỏ chấp trước, họ buông bỏ được nhanh, sạch sẽ gọn gàng, cho nên họ sẽ không khó khê nhập cảnh giới. Phật Bồ Tát nhanh, sống cuộc sống chân thật, tự tại, mỹ mãn. Phạm phu tình thức nặng quá, nghe đến giáo huấn của Phật Bồ Tát, dường như đã nghe rõ ràng rồi, rất nhiều người nói, lý này không hiểu được, tôi làm không được, tôi rất muốn hồi đầu mà không hồi đầu được, vẫn cứ bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc. Người như vậy thuộc về hàng trung hạ căn. Người trung hạ căn trước đây nói qua rất nhiều rồi, phải lựa chọn môi trường tu học. Vì sao vậy? Quý vị bị môi trường ảnh hưởng, không bị môi trường làm ảnh hưởng vậy thì không sao, còn bị môi trường làm ảnh hưởng, thì quý vị không thể không lựa chọn môi trường. Môi trường nhân sự phải lựa chọn, môi trường vật chất cũng phải lựa chọn. Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc chính là vì người trung hạ căn mà nói, mà cung cấp một môi trường tu học lý tưởng nhất. Môi trường nhân sự là chư thượng thiện nhân câu hội một chỗ, môi trường vật chất là sáu trần thuyết pháp, chỉ thiện không có ác, thế giới Cực Lạc. Cho nên người thực sự giác ngộ, thân tâm thế giới đều buông bỏ, từ sáng đến tối niệm Phật chỉ nghĩ đến cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, đối môi trường để thân cận thiện tri thức, đối với thế gian này không còn mảy may lưu luyến gì nữa. Biết được bản thân nghiệp chướng sâu nặng, trong hoàn cảnh hiện tiền chắc chắn đọa lạc. Bởi vì môi trường nhân sự, môi trường vật chất, đối với ta đều có ảnh hưởng, đều giúp ta tạo nghiệp, hơn nữa giúp ta tạo tác không phải là thiện nghiệp, như vậy làm sao mà được? Không thể không giác ngộ.

Dưới đây nói: “nhất thiết pháp duy tâm tưởng sanh, nhược sử ly tâm, tác vô nhất pháp nhất tướng, nhi năng tự kiến nhược sai biệt dã”. Trước hết chúng ta xem qua câu này, câu này vô cùng quan trọng. “Nhất thiết pháp duy tâm tưởng sanh”, tất cả pháp thế xuất thế gian, thập pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà có? Từ tâm tưởng sanh. Câu nói này và trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, là cùng một ý nghĩa. Hai câu nói trong Kinh Hoa Nghiêm người bình thường không dễ hiểu được, câu nói này thì dễ hiểu. Nếu như quý vị thực sự hiểu rõ câu nói này, thì kiếp nạn của thế gian này có cách cứu hay không? Có cách rồi. Vì sao có cách cứu? Từ tâm tưởng sanh. Thế gian này có đại tai nạn, tai nạn đến như thế nào? Nhân tâm đều nghĩ ác, nghĩ việc ác, nói việc ác, làm cũng là việc ác, thiên tai nhân họa liên hiện tiền. Thiên tai nhân họa nó đến

như vậy. Nếu như ý niệm chúng ta chuyển biến, tâm nghĩ thiện, miệng nói thiện, thân làm thiện, cảnh giới này lập tức liền chuyển biến. Cho nên chúng ta nhìn thấy những tiên đoán của người nước ngoài, đều là việc này đã định sẵn rồi, con người sống theo những định sẵn đó, vậy thì bị ai biết bao, đau khổ biết bao. Ai định sẵn vậy? Không có ai. Là ý niệm bản thân định sẵn, ý niệm thay đổi thì quả báo của chúng ta liền thay đổi. Hi vọng mọi người hiểu rõ đạo lý này, tuyên dương đạo lý này, làm cho người người đều giác ngộ, người người đều hồi đầu, thì tai nạn của thế gian này liền được hóa giải. Cho nên chúng ta nhìn thấy những dự đoán của người phương tây, chúng ta hiểu được đó là người đoán số, chỉ biết việc đương nhiên của nó, không biết được nguyên nhân của nó. Họ nhìn thấy những hiện tượng này hiện tiền, họ nhìn thấy được, hiện tượng này đến như thế nào họ lại không biết. Hiện tượng phải hóa giải như thế nào họ cũng không biết. Cho nên họ chỉ là trước sau cứ chấp trước một tấc mệnh luận, dường như là không thể thay đổi vậy. Họ nhìn thấy không sai, nhưng họ nghĩ lại sai rồi.

Liễu Phàm Tứ Huán là một ví dụ rất hay, Khổng tiên sinh đoán số, chấp trước số mệnh không thể nào thay đổi, con người một đời đều là sống theo số mệnh đã an bài, “miếng ăn miếng uống, đều do tiền định”. Thiền sư Vân Cốc hiểu được đạo lý này, biết được có thể thay đổi. Vì sao vậy? Tất cả pháp chỉ do tâm tưởng sanh. Nếu như tâm chúng ta đạt đến thanh tịnh, một niệm không sanh nữa. Nói với chư vị rằng, tất cả pháp tướng sẽ không còn. Đại sư Vĩnh Gia trong chúng đạo ca nói rất hay: “giác hậu không còn vô đại thiên”, triệt để giác ngộ rồi, một vọng niệm cũng không còn nữa, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không có, đại thiên thế giới cũng không có nữa. Đại thiên thế giới từ vọng tưởng mà sanh ra. Vọng tưởng chính là duy tâm sở hiện, phân biệt chấp trước chính là duy thức sở biến. Cho nên Phật có đoạn vọng tưởng hay không? Phật không đoạn vọng tưởng, nếu Phật đoạn vọng tưởng làm sao có thể độ chúng sanh? Phật chân thật từ bi chính là đây vậy. Ngài có năng lực đoạn vọng tưởng, ngài không đoạn, danh từ nhà Phật gọi là “lưu hoặc nhuận sanh”, vọng tưởng không đoạn, để lại, để lại làm gì? Để lại giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ. Cho nên chư Phật Như Lai, thực sự mà nói, lúc nói đều là tại đẳng giác vị. Vì sao nói Phật, nói Đẳng giác vị Bồ Tát? Phật có năng lực đoạn một phẩm vô minh cuối cùng, không đoạn, Đẳng giác Bồ Tát thì phẩm sanh tướng vô minh còn, họ chưa có năng lực đoạn trừ. Đẳng giác Bồ Tát có năng lực đoạn được thì gọi là Phật. Không có năng lực đoạn một phẩm vô minh này tồn tại. Có năng lực đoạn họ không đoạn, từ bi đến cực điểm rồi. Cho nên

chúng ta phải hiểu được nguyên lý này. Hư không đến như thế nào? Pháp giới đến như thế nào? Tất cả chúng sanh đến như thế nào? Duy tâm tưởng sanh. Một câu là trả lời được hết rồi.

“Nếu tâm lìa được tức không có một pháp một tướng, mà có thể tự thấy có sai biệt”. Lìa tâm rồi không có pháp. Chư vị trong nhà Phật thường nghe nói “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tâm và pháp là cùng một sự việc. Tâm là năng sanh năng biến, pháp là sở sanh sở biến. Hai thứ đó vĩnh viễn có liên quan cùng nhau, cho nên phân biệt chấp trước là khởi từ tâm, không phải từ pháp. Đạo lý này chúng ta nên biết.

“Tri duy vọng niệm vô thật cảnh giới, vật kinh hư phế, thị danh tu tập, duy tâm thức quán”. Đây là đem cương lĩnh “duy tâm thức quán” nói ra cho chúng ta. Lý luận cơ bản của “duy tâm thức quán”, lý luận căn bản, chính là “tất cả pháp duy tâm tưởng sanh”. Chúng ta nói lời này cho rõ ràng hơn tí nữa mọi người nghe rồi càng dễ dàng hiểu được, “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, vậy thì càng dễ hiểu. Thực sự mà nói chữ “tùng” không hay bằng chữ “duy”, nhưng chữ duy ở đây người ta khó hiểu, duy là duy chỉ, duy chỉ từ tâm tưởng sanh. Vậy tất cả pháp là gì? “Biết duy vọng niệm không có cảnh giới thật”, ý niệm sát na sanh diệt, năng sanh cũng là sát na sanh diệt, cảnh giới tướng sở sanh làm sao không phải là sát na sanh diệt chứ? Đạo lý này không khó hiểu. Tất cả cảnh giới tướng, thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều không phải là cảnh giới chân thật, đều thuộc về cảnh giới sát na sanh diệt. Vậy chúng ta lại hỏi: nhất chân pháp giới là cảnh giới gì? Nhất chân pháp giới cũng là cảnh giới sát na sanh diệt. Vì sao gọi nó là nhất chân? Chúng ta cũng là sát na sanh diệt, nó cũng là sát na sanh diệt, vì sao nó gọi là nhất chân, chúng ta gọi là cảnh giới hư vọng? Nơi đó chỉ có sát na sanh diệt, nó không có phân biệt, không có chấp trước, nên nói là nhất chân. Nơi của chúng ta có phân biệt, có chấp trước, cho nên gọi là hư vọng. Có phân biệt, có chấp trước, sát na sát na đó không những là sanh diệt, sát na sát na còn khởi biến hóa. Chư vị nghĩ xem, lấy bản thân mình làm ví dụ, tâm trạng bản thân có thay đổi, ý niệm có thay đổi, một niệm nghĩ đông, một niệm nghĩ tây, đó là gì? Đó là phân biệt chấp trước. Thế giới tây phương Cực Lạc chúng sanh ở nơi đó, họ chỉ là có vọng tưởng sở hiện, họ không có thay đổi. Chúng ta bởi vì có phân biệt, có chấp trước nên ở trong thay đổi đó vô cùng rõ ràng nhìn thấy thay đổi của sanh già bệnh chết, thay đổi của sanh trụ dị diệt. Chúng ta nhìn trên thực vật, nhìn trong hư không pháp giới, có thay đổi trong thành trụ hoại không. Sự thay đổi này từ đâu mà có? Từ phân biệt chấp trước mà có. Thế giới tây phương Cực Lạc bên đó không có phân biệt, không có chấp trước, cho nên không có sanh già bệnh chết, không nhìn thấy, không nhìn thấy thành trụ hoại không, không có sanh già bệnh chết. Thành trụ hoại không là từ trong phân biệt chấp trước mà sanh ra, phân biệt chấp

trước cũng là vọng tưởng, cũng là ý niệm, là tâm phân biệt của quý vị, tâm chấp trước của quý vị. Xa lìa phân biệt chấp trước liền không có thay đổi, cho nên xung nó là nhất chân pháp giới. Chư vị phải hiểu được trong nhất chân pháp giới có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước. Nếu dùng thuật ngữ nhà Phật mà nói có vô minh, không có trần sa phiền não, không có kiến tư phiền não. Trong thập pháp giới có trần sa phiền não, có kiến tư phiền não, lục đạo có kiến tư, có trần sa, có vô minh, ba loại phiền não đều có. Tứ thánh pháp giới không có kiến tư phiền não, có trần sa phiền não, có vô minh phiền não. Trong nhất chân pháp giới không có kiến tư, không có trần sa, chỉ có vô minh. Những thứ này chúng ta hiểu cho rõ ràng, hiểu cho thấu đáo, sau đó mới hiểu được vô lượng kiếp đến nay chúng ta bị thứ gì hại? Bị phân biệt chấp trước hại, hiện nay vẫn còn phân biệt chấp trước thì làm sao mà không nguy chứ. Lúc nào quý vị mới có thể ra khỏi được?

Ở đây hướng dẫn chúng ta cảnh giác, cổ nhân nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Niệm này là gì? Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, không sợ, chỉ sợ quý vị giác chậm trễ mà thôi. Giác ngộ điều gì? “Biết chỉ là vọng niệm không có cảnh giới thật”. Cho nên quý vị ở trong môi trường vật chất, môi trường nhân sự, quý vị vừa khởi tâm động niệm, quý vị lập tức giác ngộ được, đây là vọng niệm của bản thân, cảnh giới không phải là thật, tâm của quý vị sẽ bình lặng trở lại, sẽ không còn khởi vọng niệm cùng với cảnh giới nữa, từng vọng niệm vọng niệm nối tiếp nhau. Vậy thì quá nguy rồi. Cho nên vừa giác ngộ, tâm bình lặng trở lại, cảnh giới hiện tiền, không khởi vọng niệm, không khởi vọng niệm liên tục tại rồi, liền tùy thuận cảnh giới, liền giống như chư Phật Bồ Tát, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị thuận thiện cũng được, quý vị tà ác cũng được, hằng thuận chúng sanh. Bản thân vĩnh viễn trú trong cảnh giới thanh tịnh tịch diệt, sau đó quý vị có năng lực giúp đỡ tất cả chúng sanh điều phục giáo hóa, thành tựu công đức độ chúng sanh, cũng không trú tướng công đức. Trú tướng của công đức thì quý vị lại đọa lạc, quý vị lại trở thành phàm phu rồi.

Vì sao không trú tướng công đức? Vì biết chỉ là vọng niệm, công đức cũng là vọng niệm. Cho nên chẳng những không thể chấp trước, phân biệt cũng không được. Biết được cảnh giới là mộng huyễn bào ảnh, quyết không phải là chân thật.

“Vật linh hư phé”, câu này chắc chắn không thể gián đoạn. “Hư” là gián đoạn, “phé” là quên mất, là mất đi. Nếu như làm cho công phu của quý vị mất đi, công phu bị gián đoạn, quý vị làm sao có thể thành công? Tất cả mọi lúc mọi nơi quý vị phải nhắc nhở, tất cả cảnh giới mộng huyễn bào ảnh là vọng niệm biến hiện ra. Quý vị biết được quý vị liền không mê nữa. Quý vị liền không bị cảnh giới này làm ảnh hưởng nữa. Cảnh giới có hay không?

Có. Cảnh giới thiện ác đều ngay trước mắt, không phải là không có, không bị nó làm ảnh hưởng. Cho dù nói, giống như trong lời tiên đoán ngày xưa đã nói: toàn thể thế giới có đại tai nạn. Người giác ngộ có bị ảnh hưởng hay không? Không bị ảnh hưởng. Vì sao vậy? Không phải là thật, là giả, mộng huyễn bào ảnh. Từ tâm tướng sanh, tâm quý vị an tĩnh rồi. Cho dù lúc tai nạn đến cũng không lo không sợ, nhìn thấy rất bình thường, không chút mảy may ảnh hưởng. Quý vị giải thoát rồi. Nhà Phật nói “liễu sanh tử”, quý vị đã hiểu rõ rồi. Chữ liễu này là hiểu rõ. Sanh tử rốt cuộc là chuyện gì, đã triệt để hiểu rõ rồi. Quý vị ở trong cảnh giới này bản thân có thể làm chủ được. Thế gian này có tai nạn, thế gian này chúng sanh tạo ác nghiệp, tâm hành bất thiện, Phật Bồ Tát có tâm giúp đỡ, họ không chịu tiếp thu, không nghe giáo huấn, tai nạn này là quả báo của bản thân họ, tự làm tự chịu. Phật Bồ Tát có thể ở đây thọ nhận cùng họ, vẫn không bỏ rơi họ, vẫn là giúp đỡ họ. Chúng sanh thực sự là chịu khổ chịu nạn, có cảm thọ này, Phật Bồ Tát không có cảm thọ này. Vì sao vậy? Phật Bồ Tát không có phân biệt, không có chấp trước. Cảm thọ từ đâu đến? Trong Kinh Kim Cang có câu nói rất quan trọng, Phật nói: “nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải Bồ Tát”. Câu này nói rất hay, nói rõ Bồ Tát, Bồ Tát là người giác ngộ. Người giác ngộ chắc chắn không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Người bất giác mới có, phàm phu mới có. Có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mới thọ khổ thọ nạn, họ mới có cảm thọ. Nếu như nói không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tai nạn đến hỏi xem ai thọ chứ? Không có người thọ. Họ làm sao mà không tự tại được? Cho nên tôi thường nói bom nguyên tử nổ trên không trung, họ giống như xem pháo hoa vậy, họ không thọ. Ý nghĩa này quý vị có thể lãnh hội được hay không? Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả từ đâu mà có? Quý vị nghĩ xem, không phải từ trong phân biệt chấp trước mà đến hay sao? Xa lìa phân biệt chấp trước ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng liền không thể có rồi. Ngã tướng, chấp trước thân này là ta, đây là tướng của ta. Nhân tướng là tất cả chúng sanh hữu tình đối diện với ta. Đây là thuộc về nhân tướng. Chúng sanh tướng bao gồm cả thực vật, khoáng vật, bao gồm cả thế giới hư không, đều là chúng duyên hòa hợp mà sanh, gọi là chúng sanh tướng. Thọ giả tướng là thời gian, khái niệm về thời gian, quá khứ hiện tại vị lai, có khái niệm về thời gian. Khái niệm về thời gian cũng là giả. Thời gian không có, không phải là thật. Thời gian là từ trong phân biệt chấp trước của quý vị mà sanh. Xa lìa phân biệt chấp trước thời gian cũng không có nữa.

Người hiện tại thường nói, những người có công năng đặc biệt họ có thể biết quá khứ, vị lai, đột phá giới hạn của thời gian. Người hiện tại nói họ là người không gian bốn chiều, chúng ta là người không gian ba chiều,

chỉ biết hiện tại, không hiểu được tương lai. Họ có năng lực đột phá thời gian, năng lực gì? Nói cách khác, phân biệt chấp trước của họ nhẹ hơn chúng ta, phân biệt chấp trước của chúng ta vô cùng nghiêm trọng. Chính là đạo lý như vậy. Họ phân biệt chấp trước nhẹ, bình diện đột phá của họ rộng, phân biệt càng nhẹ hơn thì bình diện đột phá càng lớn. Đây là chân tướng sự thật. Cho nên vô lượng tầng thời gian không gian, đều là từ phân biệt chấp trước mà sanh ra. Xa lìa phân biệt chấp trước, tứ tướng liền phá được. Tứ tướng phá được rồi, trong kinh thường nói, quý vị liền thấy được vô lượng vô biên chư Phật quốc độ, chướng ngại của quý vị không còn nữa. Phật ở trong kinh nói tường tận như vậy, giảng nhiều như vậy, từ bi như vậy. Chúng ta ngày ngày đọc kinh, thậm chí ngày ngày đang nghiên cứu kinh giáo, đang giảng kinh, đều không đạt được lợi ích. Nguyên nhân là gì? Không thể khế nhập. Chẳng những cảnh giới không thể khế nhập, thực sự mà nói, ngay cả lý giải cũng không thể khế nhập. Trong kệ khai kinh nói: “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Chúng ta hiểu sai về Như Lai chân thật nghĩa, hiểu lầm rồi. Làm sao có thể đạt được lợi ích chân thật của Phật Pháp?

Ngày nay giảng kinh rất khó khăn, câu câu đều phải nói rất tỉ mỉ, nói rườm rà đến như vậy, mất rất nhiều thời gian. Cổ nhân giảng kinh chỉ điểm đến mà thôi. Vừa điểm đến, người ta vừa nghe đã thông, liền rõ ràng rồi. Tôi ngày nay giảng kinh trên giảng tòa, so với thầy Lý giảng kinh trước đây thời gian dùng đến phải nhiều hơn mười lần. Cũng tức là nói, thầy Lý năm xưa giảng kinh một câu tôi đã hiểu rồi, tôi liền rõ ràng rồi. Ngày nay tôi giảng cho mọi người nghe, tôi phải nói mười câu, người nghe chưa chắc có thể hiểu rõ.

Tôi đến Đài Trung học kinh giáo với thầy Lý, có thể có được tiến độ như vậy không phải là bẩm sinh, mà nhờ đặc lực từ ba năm giáo huấn của đại sư Chương Gia, đại sư Chương Gia dạy tôi những gì? Nhìn thấu, buông bỏ. Cho nên phân biệt chấp trước của tôi nhẹ hơn người bình thường. Lúc thầy Lý giảng kinh tôi hiểu, không có ba năm được đại sư Chương Gia xây dựng nền móng cho trước đó, tôi đến Đài Trung nghe kinh cũng giống như mọi người, cũng nghe không hiểu. Quý vị nếu như thực sự thấu triệt được đạo lý này rồi, quý vị mới hiểu được Phật pháp không khó, chuyển phàm thành thánh không phải là một việc khó, thực sự người người đều có thể làm được, làm sao để làm được? Nhìn thấu, buông bỏ. Phải nhìn thấu thế nào? Chân tướng sự thật đều đã rõ ràng, đều thấu suốt, đọc kinh Phật liền nhìn thấu rồi. Phật là người đã nhìn thấu. Mở kinh quyển ra, câu câu chữ chữ nhất định không có hoài nghi, thâm tín không nghi. Ý nghĩa mà Đức Phật nói đến đều có thể lý giải chính xác. Quý vị đã nhìn thấu rồi. Sau đó đối với vọng tưởng phân biệt chấp trước đương nhiên sẽ buông bỏ, không

thể hoàn toàn buông bỏ, nhưng dần dần sẽ nhẹ bớt. Càng năm càng nhẹ bớt, cũng tức là càng năm càng buông bỏ nhiều hơn, càng năm trí tuệ càng tăng trưởng. Buông bỏ được càng nhiều, trí tuệ sẽ càng viên mãn. Đối với tất cả chư pháp hiểu biết càng thấu triệt hơn. Đương nhiên lúc quý vị giảng giải càng rõ ràng, càng thấu đáo. Sự việc là như vậy.

Ngày nay đừng nói đến quý vị giảng, quý vị nghe cũng nghe không rõ ràng. Nguyên nhân là gì? Phân biệt chấp trước của quý vị quá nặng. Người phân biệt chấp trước quá nặng nghe cũng nghe không rõ ràng. Lợi ích chân thật cứu cánh viên mãn của Phật pháp, trong đời này luống qua mất. Quý vị nói xem đáng tiếc biết bao. Duy tâm thức quán chỉ giới thiệu đến đây thôi.

Dưới đây “chân như thật quán”. Đây là người Tánh tông chọn dùng.

“Tu duy tâm tánh vô sanh vô diệt, bất trú kiến văn giác tri, vĩnh ly nhất thiết phân biệt chi tướng, tiệm tiệm năng quá tứ không đẳng cảnh giới tướng, đắc tướng tợ không tam muội. Đắc thử tam muội thức tướng thọ hành năng phân biệt tướng bất hiện tại tiền”. Điều này so với đoạn trước đích thực cao hơn rất nhiều rồi. Trước khi nói, trước tiên chúng ta giải thích danh từ. Trong kinh Phật thường nói “tam tam muội”, ba loại tam muội, tam muội thực sự mà nói vô lượng vô biên. Tam muội vô lượng vô biên đem nó quy nạp thành ba loại lớn. Loại tam muội thứ nhất là “hữu giác hữu quán”. Hữu giác hữu quán, chư vị nghĩ xem có giác có quán, giác quán này từ đâu mà có? Vẫn là phân biệt chấp trước, chưa xa lìa phân biệt chấp trước, nhưng phân biệt của họ chánh, chấp trước cũng chánh. Đắc tam muội này liền nhập sơ thiền. Chúng ta nói tu thiền định, thiền định quý vị thành tựu rồi. Đối với tất cả cảnh duyên thế gian không phân biệt, không chấp trước nữa. Trong công phu vẫn có phân biệt chấp trước. Cho nên trong thiền định này có giác có quán. Giác là gì? Giác là cảm thọ, quán là hiểu rõ, hai loại đều có. Nhập sơ thiền.

Tam muội thứ hai là “vô giác hữu quán”. Cảm thọ của giác đó có hay không? Có. Nhưng trong cảm thọ của giác đã không có phân biệt chấp trước. Sơ thiền trước đó còn có một vài phân biệt chấp trước, rất nhẹ, còn có, đến nhị thiền, cảm thọ của họ rất tự tại, vô cùng an lạc, lạc của thiền định, thiền duyệt. Nhưng họ chắc chắn không có phân biệt, không có chấp trước, cho nên loại lạc thiền duyệt của họ hơn hẳn Sơ thiền.

Tam muội thứ ba là “vô giác vô quán”. Tam thiền trở lên cho đến diệt thọ tướng định, diệt thọ tướng định là định mà A la hán chứng được, gọi là cửu thứ đệ định. Từ tam thiền trở lên họ ở trong cảnh giới định là vô giác vô quán. Cũng tức là nói, đối với trong tam giới lục đạo, những phân biệt chấp trước này hoàn toàn không có nữa.

Ý nghĩa của ba loại tam muội này, sau khi chúng ta hiểu rồi, thì xem đoạn văn này. “Tu duy tâm tánh, vô sanh vô diệt”, sự dụng tâm này và

trước đây không giống nhau. Đây chính là thiên định thực sự, nội cầu chân thật. Đây không phải là duyên cảnh giới bên ngoài, hoàn toàn vì tự tánh bên trong. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng phương pháp này, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Kinh Lăng Nghiêm quyển thứ sáu một thiên kinh văn rất dài thuyết minh phương pháp dụng công của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng phương pháp này. Nói cách khác, họ không nghĩ đến bên ngoài, họ hoàn toàn nghĩ tâm tánh của chính mình, chân tâm tự tánh. Chân tâm tự tánh không có sanh diệt. Cũng giống như trong Trung Quán nói: “không sanh không diệt, không đến không đi, không dài không ngắn, không một không khác”. Trung Quán Luận nói về tám cái không. Chính là chân tâm của bản thân chúng ta, bản tánh của chúng ta. Chân tâm bản tánh của chính mình ở đâu vậy? Trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật nói rất hay: “trong sáu căn môn phóng quang động địa”, đáng tiếc là quý vị không biết. Tại mắt gọi là tánh thấy, tại tai gọi là tánh nghe, chính là căn tánh của sáu căn. Căn tánh sáu căn là chân như bản tánh của chúng ta, không sanh không diệt, không đến không đi. Chúng ta có dùng nó hay không? Đương nhiên là dùng nó. Dùng nó mà không biết. Chúng ta biết được là gì? Biết được là sáu thức. Thức là gì? Là phân biệt là chấp trước. Chúng ta biết được là những thứ này, không hiểu được khởi tác dụng chân thật của nó không có phân biệt chấp trước. Nói với chư vị rằng, cũng không có vọng tưởng. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tất cả đều không có. Cho nên chư Phật Bồ Tát nhìn tất cả chúng sanh đều là Chư Phật Như Lai. Họ nhìn thấy gì? Họ nhìn thấy căn tánh sáu căn của quý vị, quý vị là Chư Phật Như Lai, người người đều như vậy. Cho nên Bồ Tát thành Phật nhìn thấy đại địa chúng sanh tất cả đều thành Phật rồi. Chính là đạo lý này vậy. Chúng ta nhìn Chư Phật Như Lai đều là chúng sanh. Vì sao vậy? Phân biệt chấp trước, phân biệt Chư Phật Như Lai, chấp trước Chư Phật Như Lai, đem Chư Phật Như Lai kéo về chúng sanh. Cho nên Phật nhìn tất cả chúng sanh đều là Phật. Phật chắc chắn không dám khinh mạn một chúng sanh nào. Sự cung kính của Phật là bình đẳng, đối với tất cả chúng sanh cung kính bình đẳng, đối với tất cả chúng sanh tán thán bình đẳng, đối với tất cả chúng sanh cúng dường bình đẳng, nhất định không có sai biệt. Bình đẳng chân pháp giới. Chúng ta tâm bất bình, bất bình thì có cao thấp, tâm của chúng ta không thanh tịnh. Không thanh tịnh thì có tham sân si, có thị phi nhân ngã, có tự tư tự lợi. Những thứ này từ đâu mà có? Trong tự tánh không có. Hoàn toàn từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà biến hiện ra, là giả không phải là thật. Tuy không phải là thật, nó biến hiện cảnh giới giả, làm cho quý vị trong cảnh giới giả đó mà thọ khổ thọ lạc. Quý vị cảm thọ có khổ lạc.

Con người rất ít người không nằm mộng, mộng từ đâu mà có? Tâm tưởng sanh, mộng là tâm tưởng sanh, tôi không nghĩ đến sự việc này, vì

sao lại nằm mộng về điều này? Quý vị hiện tại không có nghĩ, trong thức A lại da của quý vị có tư liệu đó, sự việc trong đời quá khứ, sự việc trong vô lượng kiếp trước, hoặc là trong đời này trước đây đã tạo tác. Trong mộng quý vị không thể không chế ý thức của mình khởi hiện hành. Cho nên quý vị phải hiểu được, người tu hành, người giác ngộ, cảnh mộng là một khảo nghiệm cho chính mình. Nếu như thường thường thấy ác mộng, công phu không đặc lực. Bản thân phải có cảnh giác cao độ, phải chăm chỉ nỗ lực. Công phu đặc lực rồi, đầu tiên là không có ác mộng. Ngày trước thường thường nằm mơ ác mộng, hiện tại ác mộng không có nữa, chứng tỏ công phu quý vị đặc lực rồi. Sức mạnh ở đâu vậy? Sức mạnh của thiện tâm sở của quý vị mạnh, sức mạnh ác tâm sở mỏng yếu rồi. Cho nên cảnh giới hiện tiền hiện cảnh giới thiện.

Trong Cảm Ứng Thiên nói nguyên lý “xu kiết tỵ hung” là tại đây vậy. Xu kiết tỵ hung phải tu như thế nào? Từ trong tâm địa mà tu, không phải đi tìm một môi trường tốt, không phải là ý nghĩa này, từ trên tâm địa mà tu, mới là thực sự xu kiết tỵ hung. Tâm của quý vị bất thiện, hành vi bất thiện, tìm đến một môi trường tốt, quý vị đến trú tại nơi đó, vẫn là chịu tai chịu nạn. Quý vị có thể tránh khỏi được sao? Không thể tránh khỏi. Nhất định phải từ trong tâm địa mà có sự chuyển biến.

Chân tâm, “bất trú kiến văn giác tri”, trong chân tâm có kiến văn giác tri hay không? Có. Kiến văn giác tri là tác dụng của nó, hậu đắc trí. Hậu đắc trí từ đâu mà có? Từ căn bản trí mà có. Trong căn bản trí không có kiến văn giác tri, tức không trú.

“Vĩnh ly nhất thiết phân biệt chi tướng”, vĩnh ly phân biệt, sau đó có chữ ‘tướng’ là chấp trước. Nói cách khác, vĩnh viễn không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là chân tâm của chúng ta, là căn tánh sáu căn của chúng ta. Cho nên “tiệm tiệm năng quá tứ không đẳng cảnh giới tướng”. Dần dần, “năng quá” là vượt qua, “tứ không” là tứ không thiên, vô sắc giới thiên. Vượt qua, đó không phải là vượt qua tam giới, vượt qua lục đạo sao. Đây là tam muội gì? Là vô giác vô quán tam muội.

“Đắc tương tự không tam muội”, đây là nói quý vị đang dụng công, dùng phương pháp này. Nếu công phu này đặc lực thì siêu việt tam giới. “Đắc tương tự không tam muội”, đắc tam muội này thức tướng thọ hành năng phân biệt tướng không hiện tiền nữa. Đây là cảnh giới gì? Trong Tâm Kinh nói là “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, đây là công phu đặc lực. Tướng của năm uẩn là không. Năm uẩn là tam giới lục đạo, cho nên quý vị siêu việt tam giới rồi. Năng phân biệt dừng lại rồi, cảnh giới tướng của sở phân biệt cũng không còn nữa. Chư vị nên ghi nhớ, lời này phải nghe cho rõ ràng. Cảnh giới tướng của sở phân biệt không còn nữa, cảnh giới bên ngoài có hay không? Cảnh giới vẫn có. Bản thân quý vị phân biệt cảnh giới

tướng bên ngoài, ý niệm này không còn nữa, sau đó quý vị mới nhìn thấy chân tướng của cảnh giới tướng bên ngoài. Chân tướng là gì? Là mộng huyễn bào ảnh, như sương cũng như điện. Đức Phật nói câu này, quý vị thực sự nhìn thấy rồi, cũng giống như chúng ta xem hình ảnh trên ti vi vậy. Không phải là thật. Quý vị ở trong cảnh giới tướng đó liền đắc đại tự tại. Cảnh giới tướng này vĩnh viễn sẽ không quấy nhiễu quý vị. Vì sao vậy? Ý niệm năng phân biệt, sở phân biệt của quý vị không còn nữa, đây chính là chân tướng cuộc sống của chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian. Cho nên họ gọi là du hí thân thông. Họ ở trong lục đạo là xem kịch, chúng ta trong lục đạo là đang diễn kịch, diễn thật thì vất vả. Kịch giả cho là thật, khổ không kể xiết. Họ ở bên cạnh xem kịch, rõ rõ ràng ràng, sáng suốt thấu đáo. Tất cả đều là giả. Đây là nói công phu đắc lực rồi.

“Tùng thử tu học”, quý vị dùng cơ sở này thực sự hiếu học, chỉ cần quý vị chịu học, Phật Bồ Tát sẽ đến giúp đỡ quý vị. Đây chính là “ở trong cửa Phật không bỏ người nào”, chúng ta có ý niệm hiếu học này, đây chính là cảm, Phật Bồ Tát liền ứng, quý vị liền gặp được thiện tri thức. Không ngừng gặp được thiện tri thức, thường thường gặp được thiện tri thức. Người này vì sao số mệnh tốt đến vậy? Họ có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng. Quý vị vì sao không gặp được thiện tri thức? Quý vị không có cảm, cảm không phải là ngày ngày quỳ trước Phật Bồ Tát thắp hương lễ bái cầu nguyện, điều đó chẳng ích lợi gì cả, việc đó không thể cảm ứng. Cảm ứng là một niệm tâm thực sự hiếu học, quý vị không cần lạy Phật Bồ Tát, không cần thắp hương, không cần cúng dường hình tượng Phật Bồ Tát, cũng có cảm ứng. Tất cả những hình thức cúng dường cũng đều là giả, không phải là thật. Là một niệm tâm hiếu học hiếu thiện. Hiếu học là hi vọng thành Phật đạo, hiếu thiện là hi vọng phổ độ chúng sanh, giống như Phật Bồ Tát vậy, phục vụ tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Niệm này chính là năng cảm. Chư Phật Bồ Tát liền có ứng.

“Vi thiện tri thức đại từ bi giả thủ hộ trưởng dưỡng, ly chư chướng ngại, cần tu bất phế, năng nhập tâm tịch tam muội, phục năng nhập nhất hạnh tam muội”. Quý vị xem sự cảm ứng này, thực sự không thể nghĩ bàn. Nếu như chúng ta không có niệm tâm này thì quý vị không thể nào đắc được cảm ứng.

Tôi trong đời này có được một ít thành tựu nhỏ nhỏ như vậy, thực sự mà nói chính là nhờ có tâm này, có tâm hiếu học này, có tâm hoan hỷ giúp đỡ người khác. Nên tôi ở Đài Loan thứ nhất gặp được tiên sinh Phương Đông Mỹ, tiếp đó gặp được đại sư Chương Gia. Sau khi đại sư Chương Gia viên tịch, gặp được lão cư sĩ Lý Bình Nam, thiện tri thức từng người từng người không có gián đoạn.

“Đại từ bi giả thủ hộ trưởng dưỡng” , tôi trong ba mươi năm hoằng pháp, quản trưởng Hàn chính là “đại từ bi giả thủ hộ trưởng dưỡng”. Bà ấy vãng sanh rồi, ngày nay cư sĩ Lý Mộc Nguyên “đại từ bi giả thủ hộ trưởng dưỡng”, thiện tri thức, hộ pháp đại đức, đều gặp được rồi. Chư vị nên biết duyên ở trong đây thiếu một thứ cũng không thể thành tựu. Tôi gặp được ba vị thầy giáo, thiếu một vị cũng không thể thành tựu. Người hộ trì nếu như sau khi quản trưởng Hàn đi rồi, sau đó nếu không có người tiếp tục hộ trì, sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của chúng tôi đến đó là dừng lại, là dấu chấm hết rồi, sẽ không còn nữa. Người này tiếp theo người kia đều là Phật, Bồ Tát sắp đặt. Chúng ta có cảm, Phật Bồ Tát có ứng.

“Ly chư chương ngại”, hoằng pháp, học Phật Pháp, hoằng dương Phật Pháp, hộ trì Phật Pháp, chương ngại không biết được có biết bao nhiêu, vô lượng vô biên, cho nên không phải trí tuệ thực sự, đại từ bi tâm, thì khắc phục không được những chương ngại này. Có trí tuệ, có nghị lực, có quyết tâm phá trừ chương ngại “siêng tu không bỏ”, như vậy mới “năng nhập tâm tịch tam muội”. Thế nào gọi là “tâm tịch tam muội”? Hôm nay thời gian hết rồi, chúng ta để lại ngày mai giới thiệu tiếp.

## HẾT TẬP 25

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 26****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Liên Hải****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội - Singapore**

Xin mở kinh bôn ra! Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyện, luận quán trang thứ 20, hàng thứ tư, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

Chúng ta tiếp tục thuyết minh “tâm tịch tam muội” và “nhất hạnh tam muội”. Tam muội là thuật ngữ của Phật Giáo, ý nghĩa của nó là chánh thọ, từ trên chữ Phạn văn mà dịch, dịch thành chánh thọ, cũng tức là hưởng thọ bình thường. Nói cách khác, hưởng thọ của phàm phu là không bình thường. Phật ở trong kinh nói với chúng ta hưởng thọ của lục đạo phàm phu, có năm loại lớn: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Đây là năm loại hưởng thọ lớn. Khổ lạc là hưởng thọ của thân. Ưu hỷ là hưởng thọ của tâm quý vị. Đây là thọ dụng của thân tâm. Xả thọ là thân không cảm nhận được có khổ lạc, tâm cũng không có ưu hỷ. Hưởng thọ lúc này liền gọi là xả thọ. Trong năm loại thọ này, đương nhiên coi xả thọ là tốt nhất. Phàm phu vì sao gọi là xả, không gọi là tam muội. Bởi vì phàm phu thời gian ở trong cảnh giới này rất ngắn ngủi. Nói cách khác, xả thọ không thể bảo trì mãi mãi. Nếu như xả thọ bảo trì mãi mãi, thì đó là chánh thọ, liền gọi là tam muội. Từ đó có thể biết, người thế gian tu định, định là xả thọ, trong định thân không có khổ lạc, tâm không có ưu hỷ. Trong kinh Phật thường nói lạc này là thiên duyệt. Hỷ duyệt trong thiên định. Đây là bình thường.

Tứ thiên bát định đều thuộc về xả thọ, không gọi nó là chánh thọ, bởi vì nó có thời gian hạn chế. Cho dù công phu định thứ tám rất sâu, thời gian định này có thể đến 80.000 đại kiếp, thời gian này có thể nói tương đối dài. Đức Phật ở trong kinh nói: một đại kiếp là một lần thành trụ hoại không của thế giới chúng ta. Quý vị xem thế giới thành trụ hoại không gọi là một đại kiếp. 80.000 đại kiếp tức là thế giới thành trụ hoại không 80.000 lần. Chư vị nghĩ xem, định công của họ thâm sâu biết bao. Cảnh giới trong định dài như vậy, 80.000 đại kiếp nếu như so sánh với vô lượng kiếp thì thời gian ngắn quá. Vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, quý vị mới 80.000 đại kiếp đáng là gì? Cho nên 80.000 đại kiếp đối với chúng ta mà nói thì thời gian không thể nghĩ bàn. Con số của thiên văn, nhưng từ trong vô lượng thời không mà nói thì nó rất ngắn ngủi. Cho nên nó vẫn còn thuộc về xả thọ, không thể coi là chánh thọ. Chánh thọ sau khi đạt được rồi vĩnh viễn sẽ không bị mất đi. Người nào mới thực sự đạt đến chánh thọ? Trong Phật pháp nói Tiểu thừa

A la hán quả, chúng được A la hán, chánh thọ của họ sẽ không bị mất đi. Đây là Thánh nhân thật sự, tiêu Thánh, họ không phải là đại Thánh. Từ đó có thể biết, “tâm tịch tam muội” chính là chúng ta thông thường nói “lậu tận thông”. Những thánh giả trong lục đạo giống như Sắc giới thiên nhân, Vô sắc giới thiên nhân, họ chỉ có ngũ thông, không có lậu tận thông.

Thế nào gọi là lậu tận thông? Lậu là đại danh từ của phiền não, phiền não tận rồi, kiến tư phiền não đoạn tận rồi. Lúc này liền nhập tâm tịch tam muội. Nói cách khác, người còn có thị phi nhân ngã, còn có tham sân si mạn, thì tâm của quý vị chưa tịch. “Tịch” chính là nghĩa của thanh tịnh, tâm của quý vị chưa thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi, thọ của quý vị mới gọi là chánh thọ.

Từ đó có thể biết, học Phật không thể không đoạn phiền não. Điều này phải nên biết. Làm thế nào để đào thải hết phàm tình phiền não của chúng ta, là khóa trình quan trọng thứ nhất của người tu hành chúng ta. Trong tứ hoằng thệ nguyện đầu tiên dạy chúng ta phát tâm “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Câu này dùng cách nói hiện nay thì nói như thế nào? Chính là chúng ta phải phát tâm vì vô lượng vô biên chúng sanh mà phục vụ, “độ” chính là ý nghĩa của phục vụ. Hi sinh cống hiến, phục vụ tất cả chúng sanh. Quý vị muốn phục vụ chúng sanh, thì phải có năng lực để phục vụ. Quý vị không có năng lực lấy gì mà phục vụ? Cho nên quý vị phải có đức hạnh, quý vị phải có học vấn, quý vị phải có tài nghệ, quý vị mới có thể tạo phúc cho tất cả chúng sanh. Quý vị thứ gì cũng không có, trong tâm muốn phục vụ cho chúng sanh, năng lực làm không được. Cho nên phải thành tựu bản thân, trước phải thành tựu đức hạnh của bản thân, thành tựu đức hạnh của bản thân thì trước phải đoạn phiền não, thành tựu tâm tịch tam muội, nhất hạnh tam muội của bản thân. Đạt đến cảnh giới này, quý vị mới có năng lực vì chúng sanh phục vụ, quý vị mới có năng lực giúp đỡ tất cả chúng sanh.

Trong Phật pháp hướng dẫn chúng ta, chúng ta dùng phương thức gì để giúp đỡ chúng sanh là rất ráo nhất, viên mãn nhất, được lợi ích thù thắng nhất? Đức Phật bảo chúng ta dạy học. Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta là một nhà làm công tác tình nguyện giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên, dùng thân phận này, dùng phương pháp này, để giúp đỡ tất cả chúng sanh. Phương thức này nhất định phải có trí tuệ chân thật, không có trí tuệ chân thật thì làm không được. Trí tuệ chân thật từ đâu mà có? Từ tâm tịch tam muội mà có, từ nhất hạnh tam muội mà có. Nhất hạnh tam muội còn sâu hơn cả tâm tịch tam muội. Cho nên trước phải tu tâm tịch tam muội. Tâm tịch tam muội là tam tam muội thành tựu “vô giác vô quán”. Phật ở trong kinh nói cho chúng ta đây là cảnh giới từ tam thiên đến tứ quả la hán. Nếu như chúng ta không từ nơi này mà tu học thì làm sao được? Cách tu như thế nào? Trong Kinh Vô Lượng Thọ Phật dạy chúng ta: “tây tâm dị

hành”, chúng ta phải đem tâm mình cẩn thận mà tẩy rửa cho sạch, trong tâm dơ quá, bẩn quá, vô lượng kiếp đến nay, trong tâm chúng ta ngày ngày đang huân tập, huân tập thứ gì vậy? Thị, phi, nhân, ngã, tham, sân, si, mạn, bị vô lượng vô biên ác nghiệp huân tập vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phải đem những thứ này thanh trừ tẩy sạch. Đức Phật ở trong kinh dạy cho chúng ta “tẩy tâm”, những thứ bẩn thỉu ở trong tâm phải tẩy hết thì tâm quý vị thanh tịnh, liền tịch rồi. Quý vị không chịu làm công phu này, thì tâm tịch tam muội làm sao mà đạt được? Tâm không thanh tịnh thì trí tuệ làm sao có? Tâm thanh tịnh năng sanh trí tuệ, tâm thanh tịnh là căn nguyên của trí tuệ. Trong Kinh Bát Nhã nói “bát nhã vô tri”, vô tri chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là “vô sở bất tri”. Chúng ta nếu muốn giúp đỡ tất cả chúng sanh, chư Phật Bồ Tát phổ độ chúng sanh, vì tất cả chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Bản thân họ nếu như không phá mê khai ngộ, làm sao có thể giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ? Bản thân họ chưa thành tựu trí tuệ chân thật, làm sao có thể giúp đỡ người khác thành tựu trí tuệ chân thật? Cho nên tẩy tâm dị hành quan trọng biết bao. Hành là hành vi, hành vi trước đây của chúng ta đều là tự tư tự lợi, đều làm những việc tổn người lợi mình, hành vi này là sai lầm, hành vi này là tội ác, đặc biệt là hủy báng Tam bảo, chướng ngại chánh pháp, tội lỗi đó càng lớn hơn.

Trong Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, vừa mở đầu Đức Phật đã giảng một công án, chúng ta phải ghi nhớ, Đức Phật nói vào thời đại đó có hai tỳ kheo xuất gia, giảng kinh thuyết pháp lợi ích chúng sanh, thính chúng rất nhiều, pháp duyên rất thịnh, liền dẫn đến một số người tật đố, chướng ngại, thù dết sanh sự để phá hoại pháp sư, làm cho những thính chúng này đối với pháp sư mất đi tín tâm. Người làm nên sự việc này đọa A tỳ địa ngục. Đức Phật ở trong kinh nói, Phật nói thời gian đọa A tỳ địa ngục là tính theo nhân gian chúng ta, dùng năm tháng của nhân gian để tính toán 1800 vạn năm, đọa lạc trong địa ngục, cảm thọ của họ, trong địa ngục thọ khổ, cảm thọ vô lượng kiếp. Thời gian nhân gian dường như ngắn, thời gian của địa ngục sẽ rất dài. Đây là chênh lệch thời gian mà người hiện tại nói. Cuộc sống trong địa ngục ngày dài như năm, nhân gian chúng ta một ngày, họ ở trong đó dường như trải qua một năm vậy. Ra khỏi địa ngục rồi biến thành súc sanh, thành ngạ quỷ, lại chuyển thế đến nhân gian làm người bần cùng hạ tiện, sáu căn không đầy đủ, chịu đủ các khổ nạn. Chư vị xem lúc tạo nghiệp rất dễ dàng, thời gian rất ngắn, nhưng tương lai thọ quả báo, thì khổ sở này không thể nghĩ bàn. Con người vì sao phải tạo những nghiệp này? Vì sao phải sanh tâm tật đố? Đức Phật ở trong kinh nói rất hay: quý vị nếu như một niệm thiện tâm giao cảm, quý vị đã tạo vô lượng vô biên công đức. Thế nào là thiện tâm. Không có tâm tật đố, xung dương, tán thán. Chẳng những

không chương ngại mà còn khuyên nhủ mọi người có tín tâm với pháp sư này, tiếp thu giáo huấn của pháp sư, pháp sư bất luận là họ có đạo đức chân thật hay không, có tu trì hay không, chỉ cần họ nói không sai là được, thính chúng được lợi ích là được rồi. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này.

Đại sư Thiên Thai dạy rất hay, “có hiểu không hành”, đây là nói về điều gì? Vị pháp sư này rất hiếm có, họ thực sự hiểu được đạo lý của Phật pháp, giảng không sai, bản thân họ chưa làm được, họ có thể giảng, có thể dạy người khác, bản thân chưa làm được, là “thầy của đất nước”, người này là người nào? Quốc sư. Họ có năng lực làm thầy giáo của người khác. Chúng ta đối với họ phải tôn kính. Nếu như nói “có hiểu có hành”, hiểu hành tương ưng là “báu vật đất nước”, người đó càng đáng được tôn kính. Sự giáo huấn này của đại sư Thiên Thai, chúng ta nếu như hiểu rõ tiếp thu rồi, y giáo phụng hành, chúng ta trong đời này sẽ tích lũy được công đức, thành tựu đó sẽ không thể nghĩ bàn.

Chúng ta luôn luôn tùy thuận theo kiến giải sai lầm của mình, phân biệt chấp trước của mình, nên phá hoại mất rất nhiều cơ duyên Phật pháp. Bản thân chúng ta phá hoại rồi, bản thân chịu tai chịu nạn, vậy cũng không có gì để nói, nhưng làm cho nhiều chúng sanh đoạn mất cơ hội tu học Phật pháp, thì tội nghiệp này nặng lắm. Nhà Phật nói: đoạn sinh mạng con người tội nhỏ, đoạn huệ mạng của con người tội sẽ nặng hơn. Vì sao vậy? Sinh mạng có được không khó, nhưng cơ hội gặp được Phật pháp rất khó. Được thân người, trong kinh Địa Tạng nói con người sau khi chết nếu như họ đời này tu ngũ giới thập thiện, 49 ngày họ lại trở lại được, lại được thân người rồi, chúng tỏ cơ hội được thân người rất nhiều. Nhưng cơ hội nghe được Phật pháp lại rất ít rất ít. Quý vị nghĩ xem, pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni 12.000 năm, sau 12.000 năm Phật pháp không còn nữa, diệt rồi, cơ hội tiếp theo để gặp được Phật pháp phải đợi cho đến 56 ức bảy ngàn vạn năm sau, Bồ Tát Di Lặc xuất hiện mới có Phật pháp. Quý vị xem có Phật pháp 12.000 năm, thời gian không có Phật pháp hơn 56 ức vạn năm, quý vị làm cho cơ hội nghe được Phật pháp của người ta lần này đoạn mất, tội lỗi của quý vị nặng nề biết bao. A tỳ địa ngục vĩnh kiếp không thể chuyển thân. Người vì sao mà phải tạo những tội nghiệp như vậy? Người tạo những tội nghiệp này, hiện tại chúng ta nhìn thấy quá nhiều quá nhiều rồi.

Pháp sư giảng kinh thuyết pháp chương ngại họ không để cho họ đi nghe kinh, phát tâm nghe kinh cũng muốn mượn những phương pháp khác để ngăn chặn họ lại, dẫn họ đến những nơi hoan lạc mà tiêu khiển, cơ hội nghe pháp bị đoạn mất. Đặc biệt là chánh pháp. Thời đại này, Thế Tôn trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay “tà sư thuyết pháp như hằng hà sa”, tà sư thuyết pháp, quý vị làm cho duyên của họ đoạn mất, vậy thì cũng không coi là tội lỗi gì lắm. Nếu như là chánh pháp hi hữu, quý vị làm đoạn mất cơ

duyên của họ, thì tội lỗi của quý vị nặng rồi. Đây là điều bản thân chúng ta phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, phải sửa đổi lỗi lầm. Tâm của chúng ta không thanh tịnh, hoàn toàn là vì tự tư tự lợi, vì quyền lợi địa vị của bản thân, tranh danh đoạt lợi, trong đạo tràng sản sanh rất nhiều chướng ngại, chúng ta có giác ngộ được hay không? Có biết từ đây mà hồi đầu hay không? Cho nên điều này thể xuất thế gian không có điều gì lớn hơn tội nghiệp này nữa. Trong ngũ nghịch tội, đây là phá hòa hợp tăng. Chư vị nên biết, ngũ nghịch tội, năm loại tội này là trọng tội, tội đọa A tỳ địa ngục. Năm loại này tội sau càng nặng hơn tội trước. Tội thứ nhất thứ hai là giết phụ thân, giết mẫu thân, đọa A tỳ địa ngục. Điều thứ ba là giết A la hán. Điều thứ tư là làm thân Phật chảy máu. Thứ năm là phá hòa hợp tăng. Phá hòa hợp tăng chính là phá hoại tăng đoàn, phá hoại cơ duyên hồng pháp lợi sanh. Tội lỗi này trong ngũ nghịch tội nó nặng nhất, nặng hơn tội giết A la hán, còn nặng hơn tội lỗi làm thân Phật chảy máu. Người nào tạo tội vậy? Đều là người học Phật tạo tội. Người xuất gia, người tại gia tạt đổ lẫn nhau, chướng ngại lẫn nhau, tạo tội đại ác này, bản thân hoàn toàn không biết. Lúc đến địa ngục quả báo hiện tiền, hối hận cũng không kịp nữa rồi.

Cho nên Đức Phật ở trong kinh dạy cho chúng ta “tẩy tâm dị hành”, nhất định phải đoạn trừ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tôi khuyên những đồng học thực sự phát tâm tu học, nên hạ thủ từ đâu? Nhất định phải từ ý niệm muốn không chế tất cả người sự vật, ý niệm này là sai lầm, phải hạ thủ từ đây, đoạn trừ ý niệm không chế tất cả người sự vật, ý niệm, hành vi chiếm hữu tất cả người sự vật phải triệt để đoạn trừ. Hạ thủ từ đây. Nếu như quý vị còn có ý niệm không chế người sự vật, có ý niệm chiếm hữu người sự vật, quý vị hỏng rồi. Ý niệm này liền tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp.

Nhân sinh tại thế rất ngắn ngủi, mấy mươi năm một sát na liền qua mắt, nhất định không nên hiểu nhầm ngày tháng còn dài, ngày tháng còn dài là điều người mê hoặc nói. Người thực sự thông minh giác ngộ họ biết được ngày tháng ngắn khổ, ngày tháng không dài.

Năm 1977, pháp sư Thánh Hoài, cư sĩ Tạ Đạo Liên mời tôi đến Hongkong giảng kinh, thời đó còn hơn 20 năm Hongkong mới chuyển giao, ngày tháng còn dài, nghĩ xem ngày đó không phải chỉ giống như ngày hôm qua thôi sao? Pháp sư Thánh Hoài già rồi, tôi cũng già rồi, Pháp sư Thánh Hoài và tôi tuổi tác gần bằng nhau, cư sĩ Tạ Đạo Liên đã đi rồi, qua đời rồi. Cho nên nhất định phải giác ngộ, ngày tháng ngắn khổ, không phải là còn dài. Vì sao không làm nhiều thêm những việc tốt? Làm một số việc lợi ích chúng sanh? Người thông minh vì người quên mình, có thể buông bỏ lợi ích

của bản thân, buông bỏ địa vị của bản thân, buông bỏ quyền lực của bản thân, thành tựu việc tốt cho người khác. Trong các việc tốt, không gì bằng hoằng pháp lợi sanh, không gì bằng bồi dưỡng nhân tài kế tục hoằng pháp.

Năm xưa chúng tôi ở Đài Loan, kiến lập một thư viện Hoa Tạng nhỏ, quản trưởng Hàn vô cùng nhiệt tâm đối với việc bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Thời đó chúng tôi tương đối khó khăn, đạo tràng rất nhỏ, có vài vị pháp sư trẻ tuổi, cùng tu với chúng tôi ở đó, quản trưởng Hàn vô cùng hoan hỷ, bàn bạc với tôi, chúng tôi mở một Phật học viện để bồi dưỡng nhân tài, sau này có một pháp sư từ bên ngoài đến, nói ở Hongkong mở Phật học viện, khuyên họ đến Hongkong cầu học, những pháp sư này động tâm rồi, cũng không nói với quản trưởng Hàn, đến khi quản trưởng Hàn tuyên bố chúng tôi quyết tâm mở Phật học viện, họ nói với quản trưởng Hàn không cần nữa, hai ngày nữa chúng tôi đã đi rồi, hỏi họ đi đâu vậy? Đến Hongkong. Gáo nước lạnh này sau khi dội xong, đối với ý niệm bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp của quản trưởng Hàn, từ đó về sau bị đoạn mất, quý vị nghĩ xem tội lỗi này lớn biết bao? Tội lỗi này mấy người này tạo ra. Đến cuối đời bà ấy, cư sĩ Lý Mộc Nguyên mời tôi đến Singapore mở lớp bồi dưỡng, quản trưởng Hàn vô cùng miễn cưỡng mà nhận lời, hơn nữa tôi nói chỉ mở một lần. Bà ấy không có niềm tin đối với người trẻ tu học, lần này làm xong, tiếp tục mở khóa thứ hai, quản trưởng cũng miễn cưỡng đồng ý, nói với tôi: được, tôi mở khóa thứ hai, sau này không nên mở nữa, tôi nói được. Khóa thứ hai sau khi mở xong, học trò ấn hành một đặc san đặc biệt, đặc san này tặng cho quản trưởng Hàn, quản trưởng Hàn xem xong vô cùng cảm động, không ngờ rằng có hiệu quả tốt như vậy, mới nói với tôi lớp này, nên tiếp tục mở thời gian dài nữa. Quản trưởng là một người có trí tuệ, không phải hoàn toàn làm việc theo cảm tình, xem xem những người học trò trẻ tuổi này thực sự chịu học, học có tâm đắc, bà ấy cảm động rồi, cho thấy bà ấy không phải là kiểu tình chấp, không phải ngoan cố, thâm tình đạt lý. Nên lúc bà ấy vãng sanh hai lần nhìn thấy Phật A Di Đà, một lần nhìn thấy Liên Trì hải hội, ra đi an tường như vậy. Lúc nhập liệm, một tuần toàn thân mềm mại, tướng lành hi hữu. Bà ấy có trí tuệ, tâm địa từ bi hiền từ, thực sự hộ trì Phật pháp. Chúng ta mãi mãi cảm niệm ân đức của bà ấy. Không phải là một người không có trí tuệ, làm việc theo cảm tính, chỉ biết tranh quyền đoạt lợi, chướng ngại Phật pháp, phá hoại pháp duyên, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Đó là điều không thể so sánh. Một người là Phật Bồ Tát tái lai, một là ác ma la sát chướng ngại Phật pháp, làm sao có thể tương đồng chứ?

Chúng ta nếu không đoạn tham sân si, không trừ bỏ thị phi nhân ngã, không nghiêm túc hạ thủ từ trên ý niệm không chế tất cả người sự vật, chúng ta tu học trong Phật pháp sẽ rất khó để đạt được thành tựu. Cho nên tâm tịch tam muội quan trọng biết bao. Thực sự mà nói chúng ta có thể

nhập tâm tịch tam muội hay không? Rất khó. Nếu nhập tâm tịch tam muội, quý vị liền chứng A la hán quả, quý vị liền siêu việt lục đạo luân hồi. Cho nên chúng ta hiểu được, sự việc này bản thân làm không được. Làm không được cũng phải không chế phiền não. Tâm tịch tam muội là đoạn phiền não, đoạn không được thì phải không chế, phải không chế được tập khí vọng tưởng của bản thân, không chế được phiền não của bản thân, không để cho nó phát tác, đoạn ác tu thiện. Không cần nói đến cứu chúng sanh, trước phải cứu bản thân. Ác nghiệp tạo nhiều rồi ắt đọa địa ngục. Những chân tướng sự thật này, nói thật là, hiện tại rất nhiều đồng tu học Phật cũng khó mà tin tưởng được. Họ dám làm ác, không sợ thọ quả báo, họ không tin tưởng nhân quả báo ứng. Cho nên họ dám làm. Nếu như tin tưởng có nhân quả báo ứng, họ sẽ không dám làm nữa. Lý và sự của nhân quả báo ứng giảng ít quá. Đây là điều mà thời đại chúng ta thua xa ngày xưa. Ngày xưa thuyết nhân quả báo ứng nói rất nhiều, ở trong nhà cha mẹ nói, người lớn nói, ở trường học thầy giáo nói, trong xã hội đại chúng đều nói, cho nên mọi người đều có khái niệm này. Khởi tâm động niệm, tạo tác hành trì, bản thân đều có ràng buộc, cho dù tạo ác, ác cũng không quá đáng lắm, vẫn còn có thể chấp nhận được, không phải là đại ác.

Cho nên chúng ta trong Cảm Ứng Thiên đọc được có rất nhiều người gây tạo tội ác, lúc tuổi tác lớn rồi họ sẽ sám hối, họ sẽ hồi đầu. Lúc còn trẻ tuổi không biết, không tin tưởng, lúc tuổi lớn họ giác ngộ rồi, họ hồi đầu, nỗ lực tu thiện, tu thiện phải từ tâm địa, tuyệt đối không để cho trong tâm bản thân có một ác niệm nào. Quý vị từ đây mà làm là được. Trong tâm có ác niệm, thì tâm quý vị là ác, quý vị bị huân tu ác, vậy là trở thành ác tâm. Quý vị phải thực sự muốn hồi đầu, thực sự muốn tu, phương pháp mà Tổ sư đại đức dạy cho chúng ta, nhất định không nhớ lỗi người. Huệ Năng đại sư trong Đàn Kinh từng nói với chúng ta: “người tu đạo chân chánh, không thấy lỗi thế gian”, câu nói này nói rất hay, nói rất quan trọng, lỗi lầm của tất cả người thế gian, trong tâm chúng ta đều không có, tức là nhất định không nhớ lỗi lầm của họ, tâm quý vị sẽ không có ác nữa, không có lỗi nữa. Trong tâm ghi nhớ toàn là điều thiện của thế gian. Thiện của tất cả mọi người ta đều ghi nhớ, lỗi lầm của tất cả mọi người, ta tuyệt đối không để nó trong tâm. Đây gọi là tẩy tâm. Tẩy tâm là cách tẩy này. Nhớ lỗi của người khác, tâm của chúng ta là tâm ác, là tâm bất thiện. Tâm bất thiện khởi tác dụng, chính là hành vi bất thiện, liền tạo nghiệp bất thiện. Người thông minh không làm những việc này. Cho nên thế gian tất cả mọi người dùng ác ý đối với ta, ta cũng quên họ một cách sạch sẽ, tuyệt đối không để ý. Hủy báng ta, hủy nhục ta, hãm hại ta, thậm chí sát hại ta, đều không nên để tâm đến họ, làm cho tâm của ta thuận thiện không có lỗi. Tất cả chúng sanh đối với ta có ân đức, đối với chúng ta có điểm tốt, nhất định không được quên, vĩnh

viễn sống trong tri ân báo ân, đắm chìm trong cảnh giới cảm ơn đó, con người quý vị chính là thuận thiện, thuận thiện vô ác, thiên địa quý thần đều tôn kính quý vị. Đời này nhất định quý vị không gặp phải hung tai. Người Trung Quốc nói “gặp hung hóa kiết, gặp nạn hóa lành”. Đạo lý là gì? Do tâm sở cảm. Quý vị là tâm thuận thiện, trong tâm quý vị không có ác. Nếu như tâm chứa ác niệm, cảnh giới mà quý vị gặp phải vừa vặn tương phản, rõ ràng là việc tốt, kiết lợi, quý vị lại gặp họa hại, gặp lành lại hóa hung, gặp phúc lại thành họa, trong Cảm Ứng Thiên nói vậy, quý vị trong đời này sự sự đều không như ý. Cho nên kiết hung họa phúc đều chỉ trong một niệm. Vì sao không ở trong tâm làm một sự chuyển biến lớn 180 độ? Chúng ta học Phật có thành quả hay không, còn phải xem mức độ chuyển biến trong tâm quý vị. Nếu quý vị làm một sự chuyển biến 180 độ, thì kết quả quý vị đạt được là viên mãn, quý vị làm sự chuyển biến 90 độ, quý vị đạt được kết quả là một nửa. Cho thấy tu học Phật pháp đều ở bản thân, không ở bên ngoài. Bên ngoài hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất không liên can gì đến việc tu trì của bản thân, đều do nơi tâm địa của bản thân, đều do nơi dụng tâm của bản thân. Nhất định phải dùng tâm thuận thiện, dùng tâm thuận tụy lợi ích chúng sanh, không được dùng tự tư tự lợi, tự tư tự lợi liền tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, khổ báo trong ba đường ác, quý vị vĩnh viễn không thể thoát ly được. Đây là chúng ta nói đến tâm tịch tam muội. Từ tâm tịch tam muội lại hướng thượng nâng cao chính là nhất hạnh tam muội. Nhất hạnh tam muội, trong kinh luận nói rất nhiều.

Thế nào gọi là “nhất hạnh tam muội”? Dùng lời dễ hiểu nhất để nói là “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, đó chính là nhất hạnh tam muội. Tâm định trong một pháp môn, định trong một bộ kinh, trong một pháp môn, tu thành tam muội, thì gọi là nhất hạnh tam muội. Trong Phật pháp bất luận là tông phái nào, bất luận là một pháp môn nào cũng đều coi trọng. Chỉ có một môn thâm nhập, quý vị mới có thể thành tựu tam muội. Thành tựu của quý vị nhất định là đắc tâm tịch tam muội trước, sau đó từ tâm tịch tam muội nâng cao lên liền nhập nhất hạnh tam muội. Tâm tịch tam muội là tiểu thành tựu. Nhất hạnh tam muội là đại thành tựu. Trong kinh điển giải thích danh từ này, nhất hạnh tam muội là “duy chuyên nhất hạnh, tu tập chánh định”. Nó có sự có lý. Lý nhất hạnh tam muội chính là “định tâm quán chân như nhất lý”, chính là kinh Hoa Nghiêm, là Kinh Pháp Hoa. Đây là lý nhất hạnh tam muội.

Trong kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới”, chính là nhất hạnh tam muội. Tông Hoa Nghiêm, phương pháp tu hành của họ là pháp giới quán. Quý vị xem giáo nghĩa của Tông Hiền Thủ. Hoa Nghiêm pháp giới quán chính là hiểu rõ pháp giới là nhất tướng. Gần đây chúng tôi cũng đang giảng Kinh Hoa Nghiêm, thường nói đến hư

không pháp giới tất cả chúng sanh là nhất thể. Thế nào là nhất thể? Chính là bản thân. Hư không pháp giới tất cả chúng sanh chính là bản thân. Nhập quán như vậy chính là pháp giới quán. Đây là nhất hạnh tam muội, nhất hạnh tam muội trên lý. Nhất hạnh tam muội thành tựu rồi, biết hết hằng sa pháp giới chư Phật không có sai biệt.

Tôi hôm qua, chúng tôi ở trong đạo tràng này có một giới thiệu đơn giản, thuyết minh cảnh giới Hoa Nghiêm, hư không pháp giới tất cả chúng sanh đều là Chư Phật Như Lai. Cho nên quý vị mới thấy Phật, “nhập nhất hạnh tam muội rồi, thấy Phật vô số”. Vô lượng vô biên chư Phật quý vị đều nhìn thấy rồi. Vô lượng vô biên chư Phật ở đâu vậy? Tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh là chân Phật, chắc chắn không phải là giả Phật, là bản thân quý vị mê, quý vị không nhìn thấy. Mê là gì? Quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị không nhìn thấy Phật. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ nhìn thấy Phật. Phật là gì? Phật là chân như bản tánh. Hư không pháp giới là chân như bản tánh biến hiện ra tướng phần. Năng biến là Phật, sở biến làm sao không phải là Phật? Đương nhiên là Phật. Bản thân chúng ta mê mất tự tánh. Nói cách khác, là một hồ đồ Phật. Nhưng trong con mắt người đã rõ ràng xem liền biết được quý vị tạm thời hồ đồ. Cũng giống như một người uống rượu say, thành kẻ say, không thể phủ định họ không phải là người, họ vẫn là người, vẫn là một người tốt. Sau khi hết say rượu rồi liền bình thường lại, họ không phải là kẻ điên. Phật Bồ Tát nhìn chúng sanh chúng ta là tạm thời mê hoặc điên đảo, rất nhanh sẽ khôi phục bình thường. Cho nên họ xem chúng ta là chân Phật. Chúng ta gặp được chân Phật lại coi họ thành như kẻ say, cũng xem họ thành như kẻ hồ đồ. Mắt Phật nhìn chúng sanh là Phật, mắt chúng sanh nhìn Phật Bồ Tát cũng là chúng sanh, cũng là phàm phu. Điều này chứng tỏ cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh duyên không có tốt xấu, tốt xấu tại nơi tâm. Tâm quý vị thiện nhìn thế giới tất cả chúng sanh đều thiện, không có ai không thiện. Tâm quý vị ác, nhìn Phật Bồ Tát đều là người ác, thiên hạ không có một người tốt nào. Cho nên đều ở trong một niệm, xem quý vị chuyển như thế nào.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng nói nhất hạnh tam muội, quý vị nếu như y theo nhất hạnh tam muội, quý vị liền hiểu được “pháp giới nhất tướng”, tận hư không biến pháp giới là một tướng, một tướng này chính là thật tướng, chân tướng. Quý vị liền nhìn ra tất cả chư Phật pháp thân và thân chúng sanh bình đẳng không khác, đây gọi là nhất hạnh tam muội. Cho nên căn bản của nhất hạnh tam muội là chân như tự tánh.

Thiền tông Lục tổ Huệ Năng đại sư trong Đàn Kinh cũng nói: nếu như ở tất cả mọi nơi đi đứng nằm ngồi thuận nhất trực tâm, bất động đạo tràng, trực thành Tịnh Độ, đây gọi là nhất hạnh tam muội. Trong Đàn Kinh nói vậy. “Nhất hạnh tam muội” cũng gọi là “nhất tướng tam muội”. Trong

Thiền tông rất coi trọng. Mọi lúc mọi nơi, đi đứng nằm ngồi thuận nhất trực tâm. Thế nào gọi là trực tâm? Trực tâm là nhất niệm bất sanh. Trong Thiền tông thường nói “không nghĩ thiện, không nghĩ ác”, trực tâm chính là tâm thanh tịnh, chính là trong Kinh Di Đà nói “nhất tâm bất loạn”. Nếu như chúng ta trong mọi lúc, mọi nơi, thân thể của quý vị đi cũng được, ngồi cũng được, đứng cũng được, nằm trên giường cũng được, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lúc này chính là nhất hạnh tam muội. Trong tâm khởi một niệm liền sai rồi, nhất hạnh tam muội liền mất đi. Lúc này, thân tâm của quý vị và hư không pháp giới dung hợp thành một thể. Đây là Tịnh Độ chân thật, pháp tánh độ hiện tiền rồi. Chư vị phải hiểu được, pháp tánh độ và pháp tướng độ là cùng nhau. Phạm phu chúng ta rơi vào pháp tướng, không biết được pháp tánh. Người nhập nhất hạnh tam muội biết được pháp tướng chính là pháp tánh, tánh tướng không hai. Đây là từ lý mà nói.

Nếu như từ sự mà nói, nhất hạnh tam muội, nhất tướng tam muội chính là niệm Phật tam muội. Nói cách khác, chúng ta nhất tâm niệm Phật, chính là nhất hạnh tam muội trên sự, nhất tướng tam muội trên sự. Từ đó có thể biết, pháp môn niệm Phật thù thắng. Pháp môn niệm Phật là trực tiếp tu nhất hạnh tam muội. Vậy chúng ta vì sao không đắc được nhất hạnh tam muội? Nhất hạnh tam muội chính là trong Kinh Di Đà nói “nhất tâm bất loạn”. Chúng ta niệm Phật vì sao không thể đắc nhất tâm bất loạn? Là tâm chúng ta không thanh tịnh, chúng ta không thực sự có công phu “tẩy tâm dị hành”. Không có tuân theo lý luận phương pháp trong Kinh Vô Lượng Thọ để tu hành. Tu hành chính là dị hành, sửa đổi hành vi sai lầm của chúng ta. Từ đâu mà sửa đổi? Tôi vừa rồi đã nói: nhất định phải từ trong tâm của bản thân chúng ta, buông bỏ tất cả những ký ức xấu, tất cả những ý niệm ký ức xấu đều buông bỏ sạch sẽ, dùng thiện niệm để thay thế cho nó, ghi nhớ tất cả điều thiện của chúng sanh, không nên ghi nhớ những lỗi lầm của chúng sanh, luôn luôn sống trong cảnh giới thành kính, cảm ơn. Quý vị nói xem người này cuộc sống phong phú biết bao, sanh mạng có ý nghĩa, có giá trị, không có tội ác, biết người ta dùng ác ý để đối với mình, không phải bỗn ý của họ, là họ hiểu nhầm. Lời này là chân thật. Không phải cố ý suy nghĩ vậy, đều là chân tướng sự thật. Họ đối với chúng ta nhận thức không rõ ràng, không hiểu được, nghe tin theo tin đồn của người khác, hoặc là nhìn sai về hành vi của bản thân chúng ta. Hành vi của chúng ta, tâm hành đều là thiện lành, có thể phương thức của chúng ta, phương pháp của chúng ta là bất thiện, họ không hiểu được. Phương thức bất thiện có thể đạt đến mục đích thiện, họ không nhìn thấy được mục đích đằng sau đó, chỉ nhìn thấy những tạo tác trước mắt của chúng ta, sanh ra hiểu nhầm. Sự việc như vậy từ xưa đến nay thường xuyên xảy ra. Chúng ta nhất định không được nhớ thù, nhớ hận,

nhớ lỗi lầm của người ta. Loại tâm này là tâm vô cùng bất thiện. Nhất định phải ghi nhớ điểm tốt của người khác, người khác chăm sóc chúng ta một ngày, cúng dường chúng ta một bữa ăn, ân đức này cũng không được quên.

Ngày xưa mọi người đều biết đến Hàn Tín, Hàn Tín sở dĩ có thể kiến công lập nghiệp, sở trường lớn nhất của ông ấy là không quên ơn. Bản thân lúc còn nghèo khó, lúc chịu đói khát Phiêu mẫu cho ông ấy một bát cơm ăn, một đời ông ấy cũng không quên. Bản thân sau khi thành công còn tìm người đó báo ân. Đây là điều đáng được chúng ta noi theo, đáng được chúng ta học tập. Ôn như giọt nước, suốt đời không quên. Lỗi lầm có lớn bao nhiêu, hủy nhục hãm hại lớn bao nhiêu, cười mà cho qua, tuyệt đối không để ý, đây là vốn liếng để chúng ta tu hành chứng quả. Quý vị nếu như không có cơ sở này, không có vốn liếng này, quý vị khổ tu như thế nào, quý vị cũng không chứng quả được. Cho nên hi vọng mọi người phải chú ý những việc này. Không hạ thủ công phu trên những sự việc này, chúng ta niệm Phật làm sao có thể thành tựu niệm Phật tam muội? Vì thế có rất nhiều đồng tu niệm Phật nói với tôi công phu không đắc lực. Nguyên nhân không đắc lực không biết ở đâu. Thậm chí trong niệm Phật đường, người dẫn chúng tu tập công phu cũng không đắc lực. Vì sao không đắc lực? Ra khỏi niệm Phật đường rồi vẫn còn thị phi nhân ngã, trong cách nói năng, còn ghi nhớ ngày xưa người nào đó có lỗi với mình, còn có những ý niệm này tồn tại, công phu của họ làm sao có thể đắc lực chứ? Không thể nào. Người giảng kinh thuyết pháp đối với ân ân oán oán ngày xưa vẫn không quên được, họ sẽ không khai trí tuệ. Sự giảng kinh của họ vĩnh viễn không có sự tiến bộ. Giảng kinh không có tiến bộ chứng tỏ công phu tu hành của họ không có tiến bộ. Đây là đạo lý chắc chắn. Quý vị thực sự có tu dưỡng, quý vị mới có thể giảng ra những thứ chân thật, giảng ra được đạo vị chân thật.

Trong kinh Văn Thù Bát Nhã có một đoạn: *“nếu muốn nhập nhất hạnh tam muội, nên trú không nhân, bỏ các loạn ý”*. Bỏ các loạn ý, câu này quan trọng. Trong loạn ý nghiêm trọng nhất chính là ân oán. Phải bỏ hết tất cả những ý niệm bất thiện này, còn phải *“không chấp tướng mạo”*. Không chấp tướng mạo phải nói như thế nào? Không chấp tướng. Sau đó *“để tâm nơi Phật, chuyên xưng danh hiệu, tùy phương sở Phật đoan thân chánh hướng, nơi một Đức Phật niệm niệm tương tục, tức là trong niệm đó năng hiện chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại”*. Sự việc này trong chư vị đồng tu chúng ta có, có người nói với tôi, lúc họ niệm Phật thấy được rất nhiều rất nhiều Phật, nhưng không phải là họ thường nhìn thấy, đó là sự việc gì vậy? Nhất niệm tương ưng. Trong thời gian rất ngắn, một niệm này trong tâm họ đích thực vạn duyên buông bỏ, tâm địa thanh tịnh, tuy thời gian này rất ngắn, trong một sát na, trong một sát na đó liền có cảm ứng. Họ liền thấy được vô lượng vô biên chư Phật, hoặc là nghe được vô lượng vô biên âm thanh chư

Phật niệm Phật. Đây là chứng minh, chứng minh sự việc này là chân thật, không phải là giả. Chúng ta không có cảm ứng này, nói cách khác, chúng ta trước nay chưa từng có một niệm thanh tịnh, cho nên quý vị không có được cảm ứng. Không có được cảm ứng cũng không nhất thiết phải cầu cảm ứng, có cầu cảm ứng thì niệm đó là vọng niệm, chướng ngại cảm ứng, không nên cầu, cứ để tự nhiên, tâm địa thanh tịnh tự nhiên cảnh giới này sẽ hiện tiền. Hiện tiền cũng không nên hoan hỷ, vừa sanh tâm hoan hỷ lại sai, lại khởi tâm động niệm, lập tức liền đọa lạc, lại trở lại rồi. Đây là điều chúng ta nên hiểu về cảnh giới trong quá trình tu hành.

Chúng ta xem đoạn văn dưới.

“*Nhập nhất hạnh tam muội dĩ kiến Phật vô số*”. Hai câu dưới đây quan trọng, “*phát thâm quang tâm, trú kiên tín vị*”. Chúng ta có đồng tu lúc nhất niệm tương ưng thấy Phật vô số, nhưng hai câu dưới đây không có, nên họ vẫn là phàm phu. Nếu như sau khi thấy Phật, hai câu sau đó họ có được, họ lập tức liền nhập Bồ Tát vị, họ liền siêu phàm nhập thánh. “Phát thâm quang tâm” là tâm gì? “Thâm quang tâm” là tâm bồ đề, tâm thực sự giác ngộ, kiên định tín tâm của bản thân. Tín tâm này vĩnh viễn bất thoái, vĩnh viễn không mất. Tín nguyện hạnh trong tịnh tông, tín tâm của quý vị kiến lập rồi, tín tâm kiến lập rồi, nguyện tâm liền sanh khởi được, nguyện sanh Tịnh Độ, nguyện độ chúng sanh, có nguyện tất có hạnh, quý vị niệm Phật sẽ không gián đoạn, quý vị sẽ tùy thời tùy xứ khuyến nhủ tất cả chúng sanh niệm Phật. Khuyến người niệm Phật là hóa tha, bản thân niệm Phật không gián đoạn là tự độ. Quý vị nhất định sẽ giống như pháp sư Đế Nhàn hướng dẫn người thợ hàn phương pháp niệm Phật. Quý vị sẽ rất hoan hỷ, quý vị sẽ rất ngưỡng mộ, quý vị sẽ rất chăm chỉ nỗ lực để làm. Có thời gian thì niệm Phật, niệm mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi xong rồi tiếp tục niệm, nhất định không lơ là. Thế gian này tất cả các duyên đều buông bỏ hết, không còn để trong lòng nữa, tùy duyên qua ngày, nhất định được sanh, tiền đồ sáng chói, nhà Phật nói “một vùng kim sắc quang minh”, quang minh thù thắng vô cùng.

“*U samatha Vipassana, nhị chủng quán đạo quyết định tín giải*”. “Samatha” là tiếng Phạn, “Vipassana” cũng là tiếng Phạn. “Samatha” dịch thành Trung văn nghĩa là “chỉ”, “Vipassana” là “quán”, hai danh từ này hợp lại là chỉ quán. Hai phương pháp tu hành chỉ, quán này “quyết định tín giải”, cách nói này mọi người vẫn không dễ hiểu lắm, chúng ta đổi một danh từ khác, vẫn là ý nghĩa này, samatha chính là buông, Vipassana chính là nhìn thấu. Như vậy mọi người sẽ dễ hiểu. Nhìn thấu là quán, buông bỏ là chỉ. Quán là quán kiến, tức là sáng suốt rõ ràng, không mê nữa. Chỉ là triệt để buông bỏ. Buông bỏ những gì? Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông bỏ thị phi nhân ngã, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ tham sân si mạn. Trong tự tánh không có thứ gì cả, tất cả phải buông bỏ hết. Vậy

là quý vị đúng rồi. Trong tự tánh có hoàn toàn hiện tiền rồi. Trong tự tánh có là những gì? Vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, tự tánh vốn đầy đủ, tự nhiên liền hiện tiền. Cho nên hai danh từ này, chúng ta dùng nhìn thấu, buông bỏ, khái niệm này mọi người sẽ rõ ràng nhiều rồi. Đối với điều này “nhất định tín giải”, quý vị tin tưởng tất cả Chư Phật Như Lai, quá khứ họ đã từ sơ phát tâm tu hành chứng quả, đạt đến quả vị Như Lai. Dùng phương pháp gì? Chính là hai loại phương pháp này. Nhìn thấu giúp quý vị buông bỏ, buông bỏ rồi giúp quý vị nhìn thấu thêm một tầng nữa, nhìn thấu buông bỏ hỗ trợ thành tựu lẫn nhau.

Tôi học Phật thực sự mà nói rất may mắn, không đi con đường oan uổng, tôi 26 tuổi Phương tiên sinh giới thiệu Phật Pháp cho tôi, một tháng sau đó tôi quen biết được đại sư Chương Gia, ngày đầu tiên gặp gỡ Ngài, liền thỉnh giáo với Ngài có phương pháp gì có thể giúp con nhanh chóng nhập Phật môn? Đại sư dạy tôi sáu chữ: “nhìn cho thấu, buông bỏ được”, tôi ngày đầu tiên đã có được. Cách nói này của ngài tôi có thể hiểu được, có thể lý giải được. Tôi thỉnh giáo với Ngài là phải hạ thủ từ đâu? Ngài dạy tôi bố thí. Tôi đã có được một nơi để hạ thủ, bố thí là thực sự buông bỏ, khó xả xả được, quý vị xả trí tuệ mới hiện tiền. Trí tuệ vì sao bị che lấp không thể hiện tiền? Là vì quý vị mỗi mỗi đều không buông bỏ được, chướng ngại tự tánh bát nhã trí tuệ của quý vị. Quý vị có thể buông bỏ rồi, trí tuệ của quý vị không còn bị chướng ngại nữa, buông bỏ rồi, trí tuệ liền hiện tiền. Vì vậy nguyên nhân trí tuệ không khai mở là không buông bỏ được. Nhìn thấu, buông bỏ phải hạ thủ từ đâu? Từ buông bỏ mà hạ thủ. Điều này là lão pháp sư dạy cho tôi, tôi y giáo phụng hành, tôi thực sự làm được rồi. Thực sự mà nói không phải là công phu cao lắm, cổ nhân thường nói “không tranh với người không cầu ở đời”, tám chữ này tôi làm được. Cho nên tâm của tôi phải thanh tịnh hơn người khác, tâm trạng của tôi tự tại hơn người khác. Thanh tịnh, tự tại là từ nơi này mà có được. Tôi cảm ơn đại sư Chương Gia. Đây là phương pháp mà đại sư Chương Gia truyền trao cho tôi, tôi một đời có được thọ dụng này. Sau này học Phật càng học càng biết sự chân thật trong hai câu nói của Ngài, đến hôm nay mới hoàn toàn rõ ràng, tất cả Chư Phật Như Lai từ sơ phát tâm vô lượng kiếp tu thành Phật quả rốt ráo viên mãn chính là hai phương pháp này. Đại sư Chương Gia có trí tuệ, ngài không dùng Samatha, Vipassana, nếu nói như vậy tôi sẽ không hiểu được, tôi sẽ không có nơi để hạ thủ. Ngài đem hai câu này giảng thành nhìn cho thấu, buông bỏ được, Samatha là buông bỏ được, Vipassana là nhìn cho thấu, vậy là tôi dễ hiểu rồi.

Bố thí, không những là tiền tài phải bố thí, vật ngoài thân bố thí, quan trọng nhất là phải đem tham sân si mà bố thí hết, phải đem thị phi nhân ngã bố thí hết, phải đem tự tư tự lợi bố thí hết, phải đem quyền lực dục vọng bố thí hết. Còn phải đem tất cả sở thích bố thí cho hết. Điều này quan trọng.

Con người nếu như không lìa ái dục, không lìa sở thích, thì vĩnh viễn không thể xa lìa tam đồ lục đạo. Nguyên nhân căn bản của tam đồ lục đạo chính là điều này. Cho nên ái dục phải bỏ thí hết, sở thích phải bỏ thí hết, cuộc sống tất cả tùy duyên. Cuộc sống chúng ta ngày nay, còn phải ghi nhớ tinh thần khát thực của Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta ngày nay tiếp nhận cúng dường chính là khát thực. Người ta cúng dường quý vị thứ gì, chúng ta liền ăn thứ đó, không nên có phân biệt, không nên có chấp trước, không có phân biệt tốt xấu. Trong hàng thuận chúng sanh tu tùy hỷ công đức. Công đức là gì? Xả bỏ sở thích của chúng ta. Chúng ta ngày nay chỉ lấy thứ cần thiết, không lấy thứ yêu thích, ăn uống là thứ cần thiết, phải nuôi dưỡng thân thể, nên cần thiết, nhất định không được là yêu thích, tôi muốn ăn thứ gì đó, muốn có thứ gì đó. Đó là sở thích của quý vị. Cho nên sở thích không được nhận, chỉ nhận thứ cần thiết. Vậy là đúng rồi. Hơn nữa chỉ nhận ứng lượng. Ứng lượng là chúng ta cần lượng bao nhiêu. Ví dụ như ăn cơm, tôi chỉ cần một bát, tôi chỉ ăn một bát, chứ không phải hôm nay nhìn thấy thức ăn ngon, hôm nay có thể ăn ba bát, ăn bốn bát. Vậy là tâm tham khởi lên rồi. Thức ăn ngon cũng ăn chừng đó, không ngon cũng ăn chừng đó, là ứng lượng. Như vậy qua một đời, thực sự là an vui tự tại vô cùng.

Tôi một đời không có đạo tràng, đạo tràng đều là của người khác, bản thân tôi không có đạo tràng, bản thân tôi cũng không có tín đồ, những người xuất gia ngày ngày theo tôi, đều quản trưởng Hàn độ, không phải là tôi độ, người nào muốn đến thư viện xuất gia phải được bà ấy đồng ý, tôi đồng ý không được, tôi không có quyền. Người xuất gia quý vị tên đều là quản trưởng Hàn đặt cho, cho nên là xuất gia với quản trưởng Hàn, không phải là với tôi. Quý vị gọi tôi “sư phụ” là trên danh nghĩa, hữu danh vô thực. Sau khi quản trưởng Hàn vãng sanh, tôi không còn thế độ cho người khác nữa. Tôi từ khi xuất gia đến hôm nay rất ngưỡng mộ đại sư Ấn Quang, đại sư Ấn Quang một đời không làm trú trì, không xây đạo tràng, không thu nhận đệ tử xuất gia, nhận học trò, không nhận đệ tử xuất gia, không làm thầy truyền giới. Tôi cũng hi vọng tôi trong đời này có thể học được như đại sư Ấn Quang. Trong thời kỳ mạt pháp, đặc biệt là trong xã hội hiện đại, bản thân có thể được tự tại.

Gần đây đồng tu ở Bắc Kinh cũng có không ít trưởng giả hoan nghênh tôi đến Bắc Kinh thường trú, tôi từ lâu, niệm niệm trong lòng, hi vọng lá rụng về cội, tôi đã già rồi, quý hóa là có nhiều trưởng giả hoan nghênh tôi, nếu như tôi đến Bắc Kinh để thường trú, tôi chỉ làm một cái am tranh nhỏ, tôi không cần tìm kiến trúc sư, tôi tìm ai, tìm lão bá tánh ở nông thôn, tìm ba người năm người làm nhà tranh cho tôi, tôi thường trú như vậy tự tại. Nếu như xây dựng một đạo tràng, người tranh người giành sẽ rất nhiều, tạo tội nghiệp. Tôi làm nhà tranh nhỏ này, tặng người người ta cũng không cần.

Đây mới là sống chung hòa mục, thanh tịnh vô vi, tôi hoan hỷ sống cuộc sống như vậy. Tôi vui lòng giúp đỡ người khác, tôi có thể giúp đỡ người khác xây đạo tràng, bản thân tôi không cần đạo tràng. Bản thân tôi một đời làm khách không làm chủ. Chủ nhân hoan hỷ tôi, tôi ở lại đó thêm vài bữa, diễn giảng thêm vài lần. Chủ nhân không hoan hỷ, chúng tôi hoan hoan hỷ hỷ nhanh chóng lên đường. Tuyệt đối không kết oán với người khác, tuyệt đối không kết oán cừu với người. Đây là thái độ cơ bản để làm người. Thế xuất thế gian thánh nhân khuyên dạy chúng ta, nếu chúng ta có thể nhận biết, có thể hiểu rõ, có thể y giáo phụng hành, thì đời này được phước, đời này hưởng thanh phước. Phước báo đời sau thực sự là không thể nghĩ bàn. Đời người rất ngắn, vì sao không tu cho đời sau? Vì sao tham trước đời này? Tham trước đời này là sai lầm, có thể tu cho đời sau, người này có tầm nhìn xa rộng, mới thực sự có tiền đồ, thực sự có hạnh phúc.

Tôi ở Bắc Kinh nghe được học trò lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi, khi Hoàng lão cư sĩ nói chuyện với ông ấy, nói đến pháp sư Tịnh Không, ông ấy nói: pháp sư Tịnh Không đời này nếu như không vãng sanh, đời sau phước báo sẽ lớn lao lắm. Ông ấy đến nói với tôi vậy, tôi cười cười, tôi nói tôi vẫn muốn cầu vãng sanh, tôi không muốn phước báo đời sau. Vì sao vậy? Chúng ta nhìn thấy từ xưa đến nay, biết bao đế vương hưởng đại phước báo, nhưng lúc hưởng phước không có ai không tạo nghiệp, phước báo hưởng hết rồi, còn phải đọa lạc. Cho nên quyết định vãng sanh là điều chính xác. Buông bỏ đại phước báo nhân thiên, quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Đây mới là lựa chọn có trí tuệ.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng ta giảng đến đây thôi.

**HẾT TẬP 26**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 27****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Minh Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Xin mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, quán luận trang 20, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ câu thứ hai, chúng ta đọc qua đoạn văn này một lượt.

“Tùy sở tu học chư thiên, tam muội chi nghiệp, vô sở nhạo trước, nãi chí biến tu nhất thiết thiện căn, bồ đề phần pháp, ư sanh tử trung, vô sở khiếp úy, bất lạc nhị thừa, dĩ y năng tập, hướng nhị quán tâm, tối diệu xảo tiện, chúng trí sở y, hành căn bản cố”, đây là một đoạn.

Quán pháp sau cùng ngày càng quan trọng, tu hành quan trọng nhất là thay đổi quan niệm của mình, cho nên gọi là quán pháp. Quán pháp cũng chính là phương pháp thay đổi quan niệm quan trọng, nguyên tắc nghiêm trọng. Vì quan niệm của phàm phu đều là sai lầm, quan niệm Phật Bồ Tát là chính xác. Cách nói này rốt cuộc lấy gì làm căn cứ? Căn cứ này là chân tướng sự thật. Nếu tương ứng với chân tướng sự thật, quan niệm này là đúng đắn. Còn như trái với chân tướng sự thật, quan niệm này là sai lầm. Nếu chúng ta biết căn cứ lý luận của nó, không sanh hoài nghi đối với cách nói của Phật Bồ Tát. Chân tướng sự thật của nó, trong Kinh Hoa Nghiêm nói thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Nói cách khác, tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới, đây là bao gồm hết thảy. Tất cả chúng sanh không chỉ là nhân loài, nghĩa của chúng sanh là hiện tượng do chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, gọi là chúng sanh. Hai chữ chúng sanh, nói như chúng ta hiện nay, tất cả động vật, thực vật, khoáng vật, cho đến tất cả hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tự nhiên cũng là chúng duyên hòa hợp mà sanh. Nói cách khác, hư không pháp giới, không có gì không phải chúng duyên hòa hợp mà sanh. Nó sanh như thế nào? Đức Phật nói rằng, chân tướng của nó là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”.

Ở trước đoạn văn này, là Pháp tướng duy thức tông nói: “Tất cả pháp do tâm tướng sanh”, đây là chân tướng sự thật. Lìa tâm tướng, không có một pháp một tướng mà có thể tự thấy sai biệt, đây là nói rõ tất cả tướng duy tâm sở hiện. Tướng này là thanh tịnh, là bình đẳng, không có chướng ngại, chính là trong Kinh Hoa Nghiêm nói “sự sự vô ngại”. Vì sao vậy? Vì họ không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước, cho nên cảnh giới thanh tịnh bình đẳng, không có chướng ngại.

Vấn đề này, nếu chúng ta quan sát tường tận, quý vị xem trẻ con, trẻ con ba bốn tháng, trẻ con năm sáu tháng, chúng ta nói chúng chưa biết gì. Như thế nào gọi là không hiểu chuyện? Họ chưa có phân biệt, không có chấp trước, hôn nhiên. Trong thời kỳ này, quý vị cho kẹo chúng thích ăn, phân của chúng chúng cũng thích ăn. Vì sao có hiện tượng này? Vì chúng không có phân biệt, không có chấp trước, kẹo và phân đều như nhau, là bình đẳng, không có chướng ngại. Nhưng chúng ta vừa có phân biệt, vừa có chấp trước, vậy thì không giống nhau rồi, quý vị đã biết chướng ngại từ đâu đến? Chướng ngại từ ý niệm sanh ra, ý niệm này là sai lầm, trẻ con mới chính xác, đó là đúng. Chúng ta nói chúng sai, sao lại ăn phân, vậy là sai, đối với chúng là chúng ta sai. Là tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, pháp giới này không có chướng ngại, không có phân biệt, đó là thật, thật sự tương ưng. Vì sao vậy? Vì không có gì không xứng tánh, duy tâm sở hiện. Tâm chính là chân tánh, chân như bản tánh, chân tâm, pháp pháp đều xứng tánh. Chúng ta thường nói pháp pháp đều đệ nhất, không có đệ nhị, đây là Phật tri Phật kiến, đây là chánh tri chánh kiến, cách nghĩ của chúng ta sai lầm. Ý niệm chúng ta vừa khởi lên liền có thị phi, liền có nhân ngã, liền có tà chánh, liền có thiện ác, liền có lợi hại, toàn là vọng tưởng. Phải biết trong chân tâm tự tánh, tất cả những thứ này đều không có.

Phàm phu chúng ta khởi tâm động niệm, bản thân nhất định phải biết là vọng niệm, vọng tưởng, hoàn toàn trái với cảnh giới chân thật. Tu hành trong Phật pháp, chính là sửa đổi những quan niệm sai lầm, cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm này. Chân tâm là tâm thanh tịnh, chân tâm là tâm bình đẳng, chân tâm khởi tác dụng là đại từ đại bi. Từ bi là yêu thương, trong yêu thương không có phân biệt, không có chấp trước, pháp pháp bình đẳng, đây gọi là từ bi, gọi là tình yêu bao la. Người thế gian nói tình yêu rộng lớn, nói từ bi, hữu danh vô thực, không phải thật. Người thế gian nói chân thiện mỹ, cũng là hữu danh vô thực, không có thật. Thật là có, thiện cũng có, đẹp cũng có, đáng tiếc họ bị vọng tưởng phân biệt chấp trước phá hoại. Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, chân thiện mỹ tuệ liền hiện tiền, nó vốn đầy đủ. Đây là Phật pháp nói về mê giác, nói tiêu chuẩn duy nhất về quan niệm tà chánh. Cho nên gọi Phật là “Phật tri Phật kiến”, gọi Phật là “chánh tri chánh kiến”, là lấy điều này làm y cứ. Người tu hành không thể không chú trọng tu quán, tu sửa quan niệm của mình.

Ở trước đã nói hai loại: “duy tâm thức quán” và “chân như thật quán”, là hai hệ thống trong tu học Phật pháp, đây là đại hệ, hai đại hệ. Tuy phương pháp hai đại hệ này không giống nhau, mục đích hoàn toàn tương đồng, đều là giúp chúng ta khôi phục chánh tri chánh kiến. Nếu chúng ta khôi phục chánh tri chánh kiến, thì không còn gọi là phàm phu, tri kiến phàm phu là sai lầm. Chánh tri chánh kiến khôi phục, chính là Phật Bồ Tát.

Ở trước nói đến thành tựu, “tâm tịch tam muội”, tiến thêm một bước là nhập “nhất hành tam muội”, nhất hành cũng gọi “nhất tướng tam muội”, lần trước đã giới thiệu tường tận. Niệm Phật thật sự có thể vãng sanh, tâm tịch tam muội chúng ta thường gọi là công phu thành phiền, nhất hành tam muội Tịnh độ gọi là nhất tâm bất loạn. Dù chúng ta không làm được nhất tâm bất loạn, nhưng phải đạt được tâm địa thanh tịnh.

Tâm tịch tam muội nói về điều gì? Thật sự buông bỏ ý niệm tự tư tự lợi, buông bỏ thị phi nhân ngã, buông bỏ tham sân si mạn, đó là tâm tịch tam muội. Người này niệm Phật phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, nhất định được sanh, điều này cũng là mỗi người chúng ta đều có thể làm được, vì thế gọi là “vạn người tu vạn người đi”. Cụ thể thực hành trong cuộc sống, ở trước có giới thiệu với quý vị, đại sư Thiên Thai nói về “ngũ đình tâm quán”, “viên giáo ngũ phẩm”, ai không làm được? Trừ khi bản thân ta không chịu thực hành, nếu chịu thực hành, mỗi người đều làm được, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư nhất định có phần, vạn người tu vạn người đi. Trừ khi bản thân không chịu tu, vậy thì hết cách, chỉ cần chịu đi đều có thể đi. Chỉ cần có thể đem tự tư tự lợi, thị phi nhân ngã, tham ái ngũ dục lục trần, tất cả đều buông bỏ hết.

Trước đây tôi từng nói với chư vị, chúng ta đem nó quy nạp thành hai vấn đề. Một là ái dục, hai là thị dục, thị dục là thị hiếu, phải buông bỏ thị dục, thích cái này, thích cái kia đều là phiền phức, đó đều là gốc của phiền não. Phật thị hiện cho chúng ta thấy, không có yêu thích, không có thị dục. Phật khát thực thức ăn, người ta cho gì ăn nấy, đều ngon, không có phân biệt, không có chấp trước. Không có thị dục, đoạn tận ái dục, đây chính là tâm tịch tam muội. Tâm tịch nghĩa là tâm địa thanh tịnh, tam muội là chánh thọ, vĩnh viễn duy trì tâm thanh tịnh, đây gọi là tâm tịch tam muội.

Ngũ đình tâm quán, tu học ngũ phẩm, có thể nhập vào cảnh giới này. Nếu không dùng phương pháp này để đối trị phiền não của chúng ta, làm sao ta có thể đoạn tận phiền não? Trong Phật pháp nói đoạn tận phiền não, có rất nhiều phương pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói hai ngàn pháp môn, hai ngàn loại phương pháp, tự chúng ta chọn. Không biết chọn, đại sư Thiên Thai Trí Giả chọn cho chúng ta là tám gương tốt, cung cấp cho ta làm tham khảo, có nền tảng này.

Hôm nay trong đoạn văn này nói: “Tùy sở tu học chư thiên tam muội chi nghiệp”. Nghiệp của chư thiên tam muội nghĩa là sao? Nếu tôi nói cách khác, mọi người dễ lý giải hơn, “tất cả pháp môn, pháp môn vô lượng”, mọi người sẽ dễ hiểu. Vô lượng vô biên pháp môn, tu gì? Đều là tu thiên. Phật pháp tổng quy nạp, quy nạp đến nguyên tắc căn bản nhất, chỉ có ba thứ là giới định tuệ. Định là thiên định, tuệ không cần tu, then chốt ở định. Giới luật, trì giới là pháp phương tiện, không phải mục đích, là phương

tiện, nhân giới sanh định. Thiên định vẫn không phải mục đích, mục đích là khai trí tuệ, nhân định phát tuệ. Thiên định là phương pháp khai trí tuệ, trong dạy học Phật pháp giới luật là phương pháp của phương pháp, chúng ta gọi là phương tiện tối sơ. Như đại sư Thiên Thai nói về ngũ đình tâm quán, ngũ phẩm tu học, đều thuộc về phương pháp của phương pháp, đều thuộc về giới học. Nhân giới sanh định, được tâm tịch tam muội, đây là được định. Định khởi tác dụng chính là trí tuệ, tâm thanh tịnh quan sát tất cả đều là trí tuệ, trí tuệ không cần học. Trí tuệ vốn đầy đủ trong tự tánh, chỉ cần tâm địa thanh tịnh trí tuệ liền khai phát. Tâm thanh tịnh một phần trí tuệ khai một phần, tâm thanh tịnh hai phần trí tuệ khai hai phần, tâm thanh tịnh mười phần trí tuệ khai mười phần. Công phu của định có sâu cạn khác nhau, nó khởi tác dụng trí tuệ có lớn nhỏ khác nhau, chính là đạo lý này. Tâm không thanh tịnh chỉ có phiền não, chỉ có vọng tưởng, tuyệt đối không có trí tuệ.

Chư vị học Phật phải nắm bắt cương lĩnh chung, cương lĩnh chung chính là giới định tuệ, như vậy mới có thành tựu. Không nắm bắt được cương lĩnh, đó chính là tu một cách mù quáng, mất nhiều thời gian, mất nhiều công phu, được hiệu quả ít. Rất nhiều người thậm chí ngộ nhận, coi phước báo thành công đức, phước báo và công đức là hai vấn đề, chư vị phải biết điều này.

Trong Đàn Kinh Lục tổ Huệ Năng nói, vấn đề này “phước không thể cứu”, vấn đề này là gì? Là việc lớn sanh tử, việc lớn liễu sanh tử thoát luân hồi, phước báo không thể cứu. Dù tu được phước báo lớn đến đâu, ta vào trong trời người hưởng thọ, hưởng phước. Không thể liễu sanh tử, không thể thoát luân hồi. Liễu sanh tử thoát luân hồi, điều gì có thể cứu? Công đức có thể cứu. Công đức và phước đức không giống nhau, không giống nhau ở đâu? Phước đức chấp tướng, tu phước đức không chấp tướng chính là công đức. “Công” là không chấp tướng, ngoài không chấp tướng, trong không động tâm, đó là công đức. Vì thế sự vẫn như nhau, về sự không có gì sai biệt, dùng tâm khác nhau, kết quả sẽ không tương đồng.

Chấp tướng, phải lấy Kinh Kim Cang làm tiêu chuẩn, trong Kinh Kim Cang nói về bốn tướng, Đức Phật nói rất rõ ràng: “Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức không phải Bồ Tát”. Nói quá rõ ràng. Nếu chúng ta vẫn còn bốn tướng, tất cả thiện pháp mình tu đều là phước đức.

Nói cho chư vị biết, giảng kinh thuyết pháp đều là phước đức, chấp tướng, đời sau được phước báo, giảng kinh thuyết pháp đời sau được quả báo gì? Bồ thí pháp được thông minh trí tuệ, bồ thí vật chất được giàu có, bồ thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Đời đời kiếp kiếp tu những phước đức này, tu hành chấp tướng, chưa lìa bốn tướng, tương lai hưởng phước

báo lớn, như hoàng đế Càn Long. Hoàng đế Càn Long đúng là tu cả ba loại phước báo này, có trí tuệ lại có phước báo, lại mạnh khỏe sống lâu. Phước của ông từ đâu mà có? Đại khái đời trước làm pháp sư, là tu như thế, nhưng không thể ra khỏi tam giới, vẫn trôi lăn trong sanh tử luân hồi. Tu rất gian nan, một đời là hưởng hết. Càn Long làm hoàng đế 60 năm, làm thái thượng hoàng bốn năm. Thực tế mà nói, cũng là một khảy móng tay liền qua đi, chúng ta phải cảnh giác.

Nếu có thể lìa tất cả tướng, phước báo đó rất lớn, vãng sanh tây phương Cực Lạc, làm Phật, làm Bồ Tát. Không những vượt thoát lục đạo, cũng vượt thoát mười pháp giới, được giải thoát chân thật. Ta cần phải hiểu đạo lý này, phải lãnh hội một cách sâu sắc những chân tướng sự thật này.

“Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp”, lìa như thế nào? Khởi tâm động niệm đều nghĩ đến chúng sanh, không nghĩ cho riêng mình, thay đổi ý niệm này. Phạm phu chúng ta không đoạn được ý niệm, luôn có ý niệm khởi lên, ở đây làm một sự thay đổi, trước đây khởi tâm động niệm nghĩ đến mình, bây giờ khởi tâm động niệm nghĩ đến tất cả chúng sanh. Nhưng phải nhớ, trước đây khởi tâm động niệm nghĩ cho riêng mình là tạo ác nghiệp, bây giờ thay đổi ý niệm, mỗi niệm đều vì tất cả chúng sanh là thiện nghiệp, nếu chấp tướng vẫn là phước đức. Như vậy là đã chuyển, từ ba đường ác chuyển thành ba đường lành, vẫn không ra khỏi luân hồi. Bởi vậy đoạn ác tu thiện đừng chấp tướng, như vậy mới có thể liễu sanh tử xuất tam giới. Không chấp tướng là gì? Tuyệt đối không để trong lòng. Chúng ta toàn tâm toàn ý giúp bất kỳ ai, làm bất kỳ gì việc lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh, đừng nên để trong lòng, đây là không chấp tướng. Làm mà không làm, không làm mà làm. Ngày ngày làm, làm xong trong tâm không để lại dấu vết, đây là công đức, là những gì Chư Phật Bồ Tát làm, chúng ta cần phải học tập.

Nhất định là hai loại quán đạo thành tựu, đây chính là ở trước nói Samath và Vipassana, Thiên thai tông gọi là chỉ quán. Chỉ là tất cả vọng niệm, dùng tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, dùng lại, không còn. Quán là đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, rõ ràng minh bạch. Quán là tuệ, chỉ là định, hai loại quán đạo chính là định tuệ đẳng học, nhất định tin hiểu. Chỗ khác biệt của Chư Phật Bồ Tát và phạm phu là đây.

Chúng ta học Phật, học Bồ Tát, Phật Bồ Tát làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, về lý phải học, về sự cũng phải học. Chúng ta là phạm phu, nếu không học về sự, chỉ học về lý cũng vô ích, lý đó cũng trống không. Vì sao vậy? Vì khi cảnh giới hiện tiền ta không làm chủ được, vẫn khởi tâm động niệm, vẫn tạo tội nghiệp, về sự cũng phải học. Về sự, Đức Phật dạy chúng ta, tổ sư dạy chúng ta, sống đời sống vật chất bằng tiêu chuẩn

thấp nhất, đây là học về sự, mới thật sự có thể chế ngự phiền não tự tư tự lợi, tham sân si mạn của mình. Vì sao ngày nay chúng ta không thể chế ngự? Lý đều biết, kinh đọc rất nhiều, nói rất lưu loát, nhưng khi đụng phải tài sắc danh thực thù liền khởi tham tâm, vẫn không nắm bắt được. Nguyên nhân do đâu? Chúng ta luôn nghĩ, làm sao để ngày càng nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống của mình lên. Nếu có ý niệm này, ta không thể đoạn được ý niệm tự tư, tham sân si mạn lại tăng trưởng theo từng ngày, không chế ngự. Bất luận dùng công phu gì, bất luận tu học pháp môn nào, công phu không đắc lực. Người công phu đắc lực, chỉ cần quan sát tường tận sẽ nhận ra. Quý vị nhìn kỹ dung mạo họ, thái độ thành khẩn, dung mạo thanh tịnh, tự nhiên hiển lộ ra tướng thanh tịnh từ bi, không phải cố tình thể hiện, tự nhiên hiển lộ. Nếu bản thân tâm địa thanh tịnh, càng nhận ra rõ ràng. Đến khi tâm địa mình thật sự có vài phần thanh tịnh, đọc kinh Phật, nghĩ đến hành nghi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tu học một đời của chư vị tổ sư đại đức, quý vị sẽ nhận ra, có thể lãnh hội được. Ngày nay chúng ta không nhận ra, không lãnh hội được, do tâm mình quá thô thiển, vọng niệm quá nhiều, cho nên dù nó hiện hữu trước mắt mà vẫn không nhận biết, không nhận ra.

Cuộc sống hành trì, vô số thị hiện của Phật Bồ Tát, tổ sư đại đức, đó là bảo. Vì sao chúng ta gọi là tăng bảo? Bảo nghĩa là sao? Không phải vừa xuất gia, mang lên người tám y này thì gọi là bảo. Chúng ta thấy rất nhiều người, khi chết hiện tướng không được tốt, thua xa người tại gia, như vậy sao gọi là bảo? Vì thế thấy Phật Bồ Tát thị hiện, tổ sư đại đức hoàn toàn học theo Phật Bồ Tát, đó là bảo. Tuyệt đối không phải người thế gian không nhìn thấy, chúng ta không cần chú trọng, qua loa cho xong. Người thế gian cảm nhận được, chúng ta mới làm bộ làm tịch, vậy là tâm không thành, là giả dối, không phải chân thật. Chư Phật Bồ Tát thị hiện, bất luận người thế gian có nhìn thấy hay không, cũng không cần khiến người thế gian biết hay không, luôn thị hiện một cách chân thành, thị hiện vì tất cả chúng sanh. Đời này chúng sanh không thể giác ngộ, thì đời sau, đời sau không thể giác ngộ, còn có đời sau nữa. Phật Bồ Tát tuyệt đối không có khởi tâm động niệm, đây mới gọi là bảo. Nếu khởi tâm động niệm tức không phải bảo, đó là gạch ngói, không phải bảo.

Tu học “chư thiên tam muội”, không gọi nó là tất cả pháp môn, tất cả pháp môn là nói từ tướng, chư thiên tam muội là nói từ công phu, bất luận tu học theo pháp môn nào, họ đều được tâm thanh tịnh, đều được bình đẳng trí, đây gọi là chư thiên tam muội. Chư thiên tam muội là nói từ công phu. Tất cả pháp môn là nói về phương diện dạy học, dạy học có thành tựu chăng? Có thành tựu, đó chính là chư thiên tam muội.

Nhà Phật nói “giáo hóa”, ý nghĩa hai chữ này rất hay. “Giáo” sau đó có thành tích biểu hiện, thành tích là khí chất biến hóa, họ đã thay đổi. Thiên tam muội chính là sự biến hóa, trái với thiên tam muội là tán loạn, là không bình thường. Tam muội là bình thường, trái với tam muội là không bình thường. Thiên là định, trái với thiên là tán loạn. Xả li tất cả vọng tưởng, sự hưởng thụ không bình thường như tham sân si mạn, khôi phục hưởng thụ bình thường, định tuệ là hưởng thụ bình thường. “Nghệp” cũng là đang học tập, học tập có thành tích mới gọi là nghiệp, khi đang tạo tác gọi là sự, sự có kết quả gọi là nghiệp. Chư thiên tam muội chính là thành tựu của tất cả pháp môn.

Câu bên dưới rất hay: “Vô sở nhạo trước”, “nhạo” là vui thích, “trước” là chấp trước. Người ta “tùy theo nghiệp tu học của chư thiên tam muội”, không hề khởi tâm tham ái, không hề khởi ý niệm chấp trước, không ngừng nâng cao tâm thanh tịnh, không có thoái chuyển. Chư vị phải biết, ở trong cảnh giới người thoái chuyển rất nhiều, bản thân được một chút khinh an, được một chút pháp hỷ, tự cho như vậy là rất đáng nể. Công phu của mình đã thành tựu, người khác không bằng mình. Ý niệm này vừa sanh khởi lập tức thoái chuyển, vì sao vậy? Vì tham trước, vọng tưởng phân biệt chấp trước lại khởi lên.

Vì sao tứ thiên bát định của thế gian không thể vượt thoát luân hồi? Do nhiễm trước cảnh giới trong định, cảnh giới trong định rất an vui, niềm vui của thế gian không thể sánh bằng nó, trong định có cảnh giới, “thiên duyệt, pháp hỷ”, bất kỳ niềm vui nào của thế gian đều không sánh kịp. Cảnh giới này hiện tiền, nếu khởi tham trước coi như xong, tương lai đi về đâu? Sanh lên trời tứ thiên. Nhất định phải biết “hỷ nộ ai lạc ái ố dục”, chúng ta gọi là thất tình, ngũ dục “tài sắc danh thực thù”. Phải nhận thức rõ ràng thất tình ngũ dục, nó là căn bản của luân hồi.

Tứ thiên bát định không dễ gì tu được, đối với hỷ duyệt trong thiên định vẫn khởi phân biệt chấp trước, vì thế thiên định thế gian không thể thoát ly luân hồi. Nếu cảnh giới trong thiên định này, ta thật sự làm được “không chấp trước vào niềm vui”, công phu thiên định này vượt thoát lục đạo. Đó là cứu thứ đệ định mà A la hán chứng được, họ không có ý niệm về tâm hoan hỷ.

Trước đây khi tôi học giáo lý, luôn cho rằng nhất định phải đến A la hán, đến cứu thứ đệ định, mới có thể không chấp trước vào sự yêu thích, thường cho là như vậy. Về sau đọc Kinh Kim Cang mới biết, sơ quả Tu đà hoàn đã không còn chấp vào sở thích, nghĩ lại rất có lý. Cảnh giới Tu đà hoàn đạt được, nếu họ còn lưu luyến, có tham ái, làm sao chứng được nhị quả? Như chúng ta đi lên lầu vậy, nếu thích tầng thứ nhất sẽ không lên tầng thứ hai, xả bỏ được tầng thứ nhất họ mới lên đến tầng hai, không

tham ái tầng hai mới lên được tầng ba. Một khi có tâm tham trước, cao nhất chỉ ở trong cảnh giới này, không thể tiếp tục lên cao. Chúng ta lấy đạo lý này, có thể suy tưởng được vì sao tứ thiên bát định không thể vượt thoát luân hồi. Ở trong cảnh giới đó, cảnh giới đó là niềm vui lớn lao, họ bị nhiễm trước, không chịu từ bỏ, vì thế chỉ dừng lại nơi cảnh giới này.

Người tu hành thông minh, biết cảnh giới này là hư vọng không thật, trong tâm thanh tịnh của tự tánh không có những thứ này, thất tình ngũ dục đều không có. Họ hiểu đạo lý này, cảnh giới hiện tiền tâm họ không mấy may dao động, vì thế cảnh giới họ không ngừng nâng cao. Từ sơ quả Tu đà hoàn, chúng ta không thể nói họ hoàn toàn không có bốn tướng, nhưng rất nhạt, điều này có thể khẳng định. Ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng rất nhạt, vì thế cảnh giới của Tu đà hoàn mới không ngừng nâng cao. Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, họ dần dần chứng được. Nếu có tham trước “tôi chứng được Tu đà hoàn”, cao nhất ta dừng lại mãi ở cảnh giới Tu đà hoàn, đứng yên ở vị trí đó, không tiếp tục nâng cao hơn nữa.

Kinh Kim Cang nói phá bốn tướng, phá bốn kiến, đối với người tu hành chơn chánh mà nói, là lý niệm rất quan trọng, mà còn nhất định phải thực hiện. “Ngã tướng” là phá trừ tự tư tự lợi, không còn có ý niệm tự tư tự lợi, ngã tướng không còn. Không còn thấy thị phi của người khác, “nhân tướng” không còn. Ngoài ngã, nhân ra, tất cả y chánh trang nghiêm đều thuộc về “chúng sanh tướng”, biết rằng pháp pháp bình đẳng, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, duyên sanh tánh không, mộng huyễn bào ảnh, vậy là phá chúng sanh tướng. Sau cùng là “thọ giả tướng”, thọ giả tướng là quan niệm của thời gian. Quan niệm thời gian cũng không tồn tại, cũng đừng phân biệt quá khứ, hiện tại, vị lai. Có quá khứ, hiện tại, vị lai đó là thọ giả tướng. Có thời gian chăng? Không có thời gian. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói rằng, thời phân chính là thọ giả tướng, phương phân là nói không gian, phương phân là nói mười phương, tứ duy thượng hạ mười phương. Không gian và thời gian thuộc pháp nào? Được xếp vào trong bất tương ưng hành pháp. Thế nào gọi là bất tương ưng hành pháp? Nói như hiện nay, chỉ là khái niệm trừu tượng, tuyệt đối không có sự thật. Chư vị nên biết, tâm pháp, tâm sở pháp, sắc pháp đều là y tha khởi tánh, hình như vẫn còn một chút dấu vết như vậy, chúng duyên hòa hợp mà sanh. 24 thứ bất tương ưng, không phải tâm pháp, không phải tâm sở pháp, cũng không phải sắc pháp, là một khái niệm trừu tượng. Cũng chính là nói, sự có, về sự hình như có khái niệm này, về lý hoàn toàn không có. Về lý có khái niệm này, chỉ là một khái niệm trừu tượng, tuyệt đối không phải sự thật cụ thể. Thực tế mà nói, đến sự đều không tìm thấy. Nếu có thể thấu

đáo rõ ràng chân tướng này, buông bỏ, không còn phân biệt chấp trước, thọ giả tướng không còn.

Ngày nay tuy chúng ta không thể buông bỏ hoàn toàn, nhất định phải hiểu rõ đạo lý, phải đọc nhiều, ngày ngày đọc bốn câu này, làm nhạt dần ý niệm này, vậy là tốt. Mỗi năm mỗi nhạt hơn, mỗi tháng mỗi nhạt dần, như vậy công phu tu hành mới đắc lực. Bất luận tu học pháp môn nào, công phu đều đắc lực.

“Vô sở nhược trước”, nhược là yêu thích, không có yêu thích, không có chấp trước, điều này quan trọng. Bất luận đối với tất cả mọi người, tất cả mọi sự, tất cả mọi vật, tôi thường nói phải từ bỏ ý niệm không chế đối với người sự vật. Muốn không chế người, không chế sự, không chế vật, ý niệm này không tốt, ý niệm này là chấp trước vào sở thích. Ý niệm chiếm hữu càng tệ, ý niệm không chế là mê hoặc, chiếm hữu là tạo nghiệp, muốn chiếm hữu hết thầy người sự vật là tạo nghiệp. Mê hoặc, tạo nghiệp, sau đó là khổ báo, căn bệnh nặng nhất của chúng ta là đây. Phải hạ thủ từ chỗ nặng nhất, đối trị từ chỗ nặng nhất. Câu này quan trọng vô cùng, “không chấp tướng, không nhiễm trước”.

Bên dưới, thậm chí tu hết tất cả thiện căn bỏ đề phần pháp, “tất cả thiện căn” là tất cả thiện pháp thế xuất thế gian. Tất cả thiện pháp thế gian từ đâu sanh ra? Từ vô tham, vô sân, vô si. Vô tham vô sân vô si hành tất cả thiện pháp, chân thiện, trong này chôn dấu tham sân si tu tất cả thiện pháp. Vì sao làm việc tốt? Có quả báo tốt, đây là làm việc tốt vì tâm tham. Người ta thường ở trong nhà Phật tu thiện bố thí, vì sao vậy? Vì nghe nói Phật môn “xả một đượ vạn báo”, kinh doanh này tìm đâu ra? Thế gian rất ít có kinh doanh nào một vốn vạn lời, nhà Phật có cuộc kinh doanh một vốn vạn lời, nhanh chóng bố thí làm việc tốt, tâm tham đang tu phước. Họ có được phước chăng? Được phước, phước đức này nhất định đạt được, công đức không có. Họ dùng tâm tham tu phước, cũng có thể được phước báo. Còn có dùng tâm sân nhuế tu phước, tâm sân nhuế tu phước là sao? Anh ta bố thí một vạn, tôi bố thí hai vạn, tôi phải hơn anh ta, đè bẹp anh ta, tu phước với tâm sân nhuế, cho nên mới biết tham sân si cũng tu phước. Tu phước được phước báo gì? Biến thành la sát, biến thành ma vương, biến thành tu la. Ma, tu la, la sát phước báo đều rất lớn, hầu như phước báo tương đương với thiên vương. Thiên vương là thiện tâm tu thành, la sát, a tu la những nhân vật như Hitler, Mussolini trong đại chiến thứ hai, họ là tham sân si tu phước, tu rất lớn. Những người này, ở thế gian hiện nay, chúng ta vừa nhìn là biết, nghiệp nhân quả báo rất rõ ràng, những gì Phật nói hoàn toàn hiện thực, sao ta có thể không tin? Tin sâu không nghi ngờ.

Ngày xưa hoàng đế Khang hy, Càn long, phước đức của họ là thiện tâm tu được. Vì thế phải biết, thiện ác đều có thể tu phước. Còn có ngu si

tu phước, ngu si là bị người khác gạt tu, ngu si, đối với điều này họ rất mơ hồ, cũng có thể tu phước, tương lai hưởng si phước. Hiện tượng này hiện nay trong xã hội rất nhiều, bao nhiêu người giàu có, người có địa vị, không biết phước báo thật sự. Ngày ngày đang hưởng phước, hưởng hết phước, không còn nữa, ác nghiệp hiện tiền. Không biết làm việc tốt thật sự đối với xã hội, giúp chúng sanh đau khổ trong xã hội. Có tiền, chẳng hạn như ủng hộ các trò chơi, ủng hộ kịch trường, dù tốn bao nhiêu tiền họ đều chấp nhận, đối với người nghèo khó dù chỉ một xu cũng thấy tiếc, phước báo đó là gì? Là si phước. Những gì họ thích thì toàn tâm toàn ý giúp đỡ, những gì không thích họ hoàn toàn không để ý đến, đây đều thuộc về ngu si. Chúng ta thấy trong xã hội này, rất nhiều người giàu có, có địa vị, nhìn là biết quá khứ họ tu nghiệp nhân gì, bây giờ họ được quả báo như thế nào.

Nhà Phật thường nói: “dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị, dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị”. Trong đời này, sống trong đời này, người học Phật chúng ta rất rõ ràng, đời trước mình tạo nhân gì, đời này được là quả báo. Đối với nhân đã tạo trong quá khứ rất rõ ràng, tình trạng cuộc sống đời sau của mình ra sao? Bản thân ta cũng rõ ràng. Những gì ta làm trong đời này, ta khởi tâm động niệm, hành vi tạo tác, chiêu cảm quả báo đời sau. Phải biết rằng, vận mệnh quả báo là tự mình tạo, không phải do người khác đặt để. Các nhà dự ngôn nói, tất cả đều đều có định sẵn, điều này sai lầm. Ai định? Thượng đế chủ định, vì sao thượng đế không công bằng như vậy? Người không công bằng sao có thể làm thượng đế chứ? Người xưa nói: “thiên tâm nhân từ”. Tâm của trời đất quỷ thần rất nhân từ, sao lại có sự đối đãi không công bằng đến thế? Về lý nói không thông được.

Nhà Phật nói vận mệnh của mình do mình chủ định, tự làm tự chịu, điều này còn gì để nói? Đã là tự mình chủ định, đương nhiên bản thân có thể thay đổi. Nếu ta có thể đoạn ác tu thiện, tức có thể thay đổi ác báo thành thiện báo. Nếu có thể phá mê khai ngộ, tức có thể thoát ly luân hồi lục đạo, có thể sanh đến tứ thánh pháp giới. Có thể chuyển phàm thánh thánh, có thể thoát ly mười pháp giới, trú vào nhất chân pháp giới, trú ở thế giới Cực Lạc. Điều tự mình thay đổi, không phải Phật Bồ Tát quyết định, cũng không phải trời đất quỷ thần quyết định, tự mình quyết định vận mệnh của mình, nói như vậy mới có lý. Quý vị thử nghĩ kỹ xem, rất hợp tình hợp lý hợp pháp, không có gì khúc mắc.

Người khác quyết định vận mệnh mình, họ có quyền lực gì? Ai cho họ quyền lực? Tư tưởng của người phương đông và người phương tây, đây là điểm bất đồng cơ bản. Phương tây cho rằng, tất cả đều do thượng đế chủ định, con người không còn cách nào khác, tất cả phải thuận theo thượng đế.

Tư tưởng người phương đông chúng ta, tất cả chúng sanh bình đẳng với thượng đế.

“Bồ đề phân pháp”, câu này nói như hiện nay chính là phương pháp giác ngộ, “bồ đề” là giác ngộ. Ta tu tất cả thiện căn, nghĩa là tu pháp thế xuất thế gian, quan trọng là giác ngộ, giác ngộ hoàn toàn biến thành công đức. Nếu chỉ đơn thuần tu tất cả thiện pháp, chưa giác ngộ, đây là phước đức, không phải công đức. Thêm vào bồ đề phân pháp, vậy là hoàn toàn biến thành công đức. Người giác ngộ không chấp tướng, người không giác ngộ chấp tướng. Giác ngộ, không giác ngộ khác nhau ở chỗ này. Chúng ta phải học giác ngộ, vì sao người giác ngộ không chấp tướng? Biết hết thấy các tướng là huyền tướng, không phải thật, vì thế họ không chấp trước. Tất cả mọi hiện tượng của thế xuất thế gian đều là mộng huyễn bào ảnh, như sương cũng như điện. Như sương như điện là nói thời gian tồn tại của những hiện tượng này rất ngắn ngủi. Nói thật với quý vị, căn bản không tồn tại, nhưng nói như vậy không ai hiểu. Nhất định phải thâm nhập kinh tạng, khi đó nói quý vị mới có chút ấn tượng mơ hồ.

Nếu tu hành chơn chánh, khế nhập cảnh giới này, vừa nghe là hiểu ngay. Khế nhập cảnh giới, chân tướng là gì? Thời gian, không gian căn bản không tồn tại, căn bản không có. Không gian không còn, thế giới tây phương Cực Lạc ngay tại đây. Thời gian không còn, vô lượng kiếp biến thành sát na, quả thật không có thời gian và không gian. Chúng ta khởi tâm động niệm, khởi một ý niệm lập tức chu biến thập phương. Chu biến thập phương vì không gian là một không phải hai, chu biến trong khoảng sát na, chứng minh không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là nói thật với quý vị, nhưng nói thật người thế gian không hiểu. Vì sao người thế gian không hiểu? Vì trong chân tướng họ chế tạo ra rất nhiều vọng tướng, vọng này do họ tạo ra. Nghĩa là vọng tướng phân biệt chấp trước, biến hiện ra vô lượng vô biên chướng ngại.

Tất cả pháp Đức Phật nói, nói rất nhiều, trong Du Già Sư Địa Luận Bồ Tát Di Lạc quy nạp nó thành 660 loại, Bồ Tát Di Lạc tạo, Bồ Tát Di Lạc quy nạp thành 660 loại. Bồ Tát Thiên Thân thấy 660 loại, đối với hàng sơ học sẽ rất khó khăn, lại quy nạp 660 loại thành 100 pháp. Bách Pháp Minh Môn Luận là Bồ Tát Thiên Thân tạo, dạy hàng sơ học. 100 pháp này, triển khai mỗi một pháp đều vô lượng vô biên. Nhưng cần phải biết, pháp này toàn do vọng tướng phân biệt chấp trước biến hiện ra. Chân tướng sự thật là gì? Chân tướng đức Phật nói “tất cả pháp vô ngã”, đó là chân tướng. Du Già, Bách Pháp, thực tế chính là giải thích, nói tường tận về chân tướng của câu Đức Phật nói “tất cả pháp vô ngã”, chúng ta phải hiểu. Khi đã thấu triệt ta sẽ tin, khi đã tin mới buông bỏ, tất cả pháp đều buông bỏ, không còn chấp trước vào tất cả pháp, trong tất cả pháp tuyệt đối không còn khởi

tâm động niệm, tức là nhập vào cảnh giới Phật Bồ Tát. Nói cách khác, ta có thể sống cuộc sống của Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát là đời sống đại tự tại, đại viên mãn. Bách Pháp gọi là minh môn, minh là giác ngộ.

Bên dưới nói: “đôi với trong sanh tử, không có khiếp sợ”, đương nhiên, không còn sợ chết, đã đoạn tận ý niệm tham sống sợ chết. Vì sao không tham sống sợ chết? Vì biết không có sanh tử, không có sanh tử là thật, người thế gian thấy có sanh có tử là cảm nhận sai lầm, là cách nhìn sai lầm. Động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, đây đều là cảm giác sai lầm, không phải sự thật.

Sự thật này người thế gian không thấy được, vì họ có vọng tưởng chấp trước, vọng tưởng chấp trước biến thành hiện tượng này. Họ sống trong vọng tưởng phân biệt chấp trước, làm sao có thể nhìn thấy chân tướng? Ai thấy được chân tướng? Người buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước nhìn thấy, mới thấy được chân tướng sự thật. Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, chính là buông bỏ 100 pháp, vậy là minh. Buông bỏ tất cả pháp, liền giác ngộ, “minh” tức trí tuệ hiện tiền. Trí tuệ nó vốn có trong tự tánh, không phải bên ngoài vào. Trí tuệ chúng ta không thể hiện tiền, do bị tất cả pháp của vọng tưởng phân biệt chấp trước chướng ngại, vì thế không thể hiện tiền. Nếu có thể đoạn tận một phần chướng ngại, trí tuệ liền hiển lộ một phần. Đoạn tận hai phần chướng ngại, trí tuệ hiển lộ hai phần. Đoạn tận một phần, hai phần nghĩa là sao? Nghĩa là sự yêu thích của mình đối với tất cả pháp, như tôi vừa nói, ý niệm không chế, ý niệm chiếm hữu nhạt một phần, tức là đoạn tận một phần, nhạt hai phần tức đoạn tận hai phần. Ngày càng nhạt hơn, thì trí tuệ mình ngày càng tăng trưởng. Không những đọc kinh khai ngộ, đi đạo phố cũng đều khai ngộ, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần đều khai ngộ. Người khai ngộ trong Tông môn nói: “đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên”, họ không mê.

Thế nào là kinh? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm ở đâu? Ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, không phải ở trong sách. Những gì mắt ta nhìn thấy, tai nghe thấy, thân tiếp xúc được, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, toàn là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Nếu cho rằng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm ở trong kinh, vậy là mê, đến khi nào mới có thể khai ngộ?

Tôi giới thiệu kinh này cho quý vị, từng câu từng chữ đều thực hiện trong cuộc sống. Nói cách khác, dạy ta cách sống cuộc đời của Chư Phật Bồ Tát, dạy ta làm sao đạt được đại tự tại, đại viên mãn và đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Đời sống của Phật Bồ Tát, chúng ta có thể đạt được, không khó, chính là ta thay đổi ý niệm, thật sự giác ngộ.

“Bất nhạo nhị thừa”. Hàng nhị thừa khác với đại thừa ở đâu? Hàng nhị thừa chỉ lo hưởng thụ cho riêng mình, không muốn giúp người khác, Thanh văn, Duyên giác họ không muốn giúp người khác. Chư vị phải nghe cho rõ điều này, họ không muốn chủ động giúp người, họ bị động. Người ta có điều gì đến cầu xin, họ vẫn rất từ bi, rất vui khi giúp người khác. Nếu không cầu, không tìm đến, họ sẽ không tìm đến quý vị, đây là căn tánh hàng nhị thừa.

Căn tánh Bồ Tát đại thừa không như vậy, họ chủ động giúp người, trong Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “làm người bạn không mời”. Hàng tiểu thừa nhất định phải có người mời, hàng đại thừa không mời cũng đến. Chẳng hạn sự giao tiếp ứng xử trong xã hội hiện nay, nói đồng đẳng, nói thân phận, là tiểu thừa. Ngày nay thân phận tôi như vậy, muốn mời tôi cần phải có thân phận tương đương tôi mới đi, đây là hàng tiểu thừa. Bồ Tát đại thừa không có phân biệt, người có địa vị mời tôi cũng đi, người địa vị thấp mời tôi cũng đi, kẻ ăn xin mời tôi cũng đi, không có phân biệt. Hàng tiểu thừa không còn chấp trước, những vẫn còn phân biệt. Bồ Tát đại thừa phân biệt cũng không còn, cho nên mới có thể “làm bạn không mời”, họ có phân biệt không thể làm được bạn không mời. Đây thật sự là Bồ Tát đại thừa, họ không vui với nhị thừa.

“Y nương năng tập hướng nhị quán tâm”, nhị quán chính là chỉ quán, tức ở trước nói đến Samatha, Vipassana. Chỉ là tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần. Quán là trí tuệ, mọi thứ thấu triệt, mọi thứ minh bạch, tuyệt đối không mê, vận dụng cả chỉ và quán, như vậy mới thành tựu viên mãn.

“Tối diệu xảo tiện”, xảo là thiện xảo, tiện là phương tiện, phương tiện thiện xảo vi diệu nhất. Câu này, thực tế mà nói chính là nói về chỉ quán của Thiên Thai, pháp giới quán của Hoa Nghiêm. Phương pháp tu hành của Thiên Thai, Hoa nghiêm đều là “phương tiện thiện xảo vi diệu nhất”, quả thật không thể hình dung. Chúng ta chỉ có thể gọi là đại viên mãn, đại tự tại, quả thật tìm không ra từ hình dung để hình dung nó.

“Chúng tri sở y hành căn bản cố”. Vì sao vậy? Vì hành của họ đều là trí tuệ. Cũng chính là nói, những người này đang sống trong trí tuệ, ngày nay chúng ta gọi là người có trí tuệ cao cấp. Họ sống trong trí tuệ bậc cao, sống trong trí tuệ viên mãn. Phàm phu chúng ta sống trong phiền não, vậy làm sao sánh được? Ngày nay chúng ta sống trong vọng tưởng, trong phân biệt, trong chấp trước, sống trong tự tư tự lợi, trong phiền não tham sân si mạn, vậy sao không khổ được?

Phật Bồ Tát không có những thứ đó, vọng tưởng phân biệt chấp trước, kiến tư phiền não, trần sa phiền não đều không có, họ buông bỏ hết, sống trong trí tuệ vốn đầy đủ trong tự tánh, trong trí tuệ bát nhã, cho nên họ biểu

hiện ra phương tiện thiện xảo vi diệu nhất. Cuộc sống riêng tư của họ cũng là giáo hóa chúng sanh, đều thị hiện vì chúng sanh. Vì sao vậy? Vì họ không có cuộc sống riêng tư. Bốn tướng đã phá, cái tôi đều không còn, cuộc sống riêng tư lấy đâu ra? Toàn bộ thị hiện đều để giúp chúng sanh giác ngộ, làm gương cho chúng sanh. Ngôn giáo, thân giáo, ý giáo, thân ngữ ý tam luân giáo huấn, đây là Phật pháp đại thừa, đây là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. “Nơi trí tuệ nương tựa”, đây là căn bản.

Đến đây là một đoạn, đây là văn, bên dưới là giải thích của đại sư Thanh Lương.

“Cứ thử nhị quán dữ kim gia, tam chủng quán pháp vô thiếu sai thác”. Ở trước có nói, đoạn này cũng khá dài, giải thích về hai loại quán pháp. “Kim gia” là Thiên thai, đại sư Thanh Liên là học giả của Thiên thai tông, giảng kinh thuyết pháp đều căn cứ theo nguyên lý nguyên tắc của tổ sư. Ba loại quán pháp của Thiên thai tông, quán không, quán giả, quán trung, Thiên thai tông gọi là không giả trung tam quán. Trong kinh điển Đức Phật nói Samatha, Vipassana, đây là chỉ quán. Hai loại này tương đồng với cách nói “không giả trung” của Thiên thai, “sai biệt không nhiều”, thác là không giống nhau.

“Thác sự phụ pháp”, ở trước đã nói “Dữ từng hành chi sự quán, nghĩ đồng duy tâm thức quán”, điều này và phương pháp “duy tâm thức quán” nói ở trước, là tương đồng. “Từng hành trung chi lý quán, nghĩ đồng chân như thật quán”, Thiên thai tông nói đến ba phương pháp, không giả trung thực hành trên sự, chính là “thác sự phụ pháp”. Sự quán từng hành và lý quán từng hành, lý quán là không quán. “Đây là pháp Địa Tạng tự tu”, ngài chỉ cho chúng ta thấy, phương pháp tự tu hành của Bồ Tát Địa Tạng.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy phương pháp tự tu của Bồ Tát Quán Thế Âm, Chương Nhĩ Căn Viên Thông trong hội Lăng Nghiêm, nói rõ phương pháp tự tu hành của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nguyên lý của phương pháp ngài dùng, là phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Ở đây chúng ta thấy phương pháp tu hành của Bồ Tát Địa Tạng, cũng không lìa Samatha và Vipassana, nguyên tắc chỉ đạo này.

“Lại khiến tất cả đều tu”, trong kinh bản thân ngài dùng phương pháp này tu hành, cũng dạy tất cả chúng sanh đến tu học. Bồ Tát dạy chúng ta đều là nguyên lý nguyên tắc, những nguyên lý nguyên tắc này có thể vận dụng trong tất cả pháp môn, pháp môn niệm Phật cũng không ngoại lệ. Pháp môn niệm Phật, hiểu rõ nguyên lý này, công phu niệm Phật của chúng ta rất dễ đắc lực, bản thân được thọ dụng thật sự. Hiện tại được tự tại an lạc, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, đây là công phu đắc lực. Thiền duyệt, pháp hỷ liên hiện tiền, đây là hưởng thụ chân thật.

Bồ Tát Địa Tạng dạy chúng ta tu, dạy chúng ta những gì? “Quán hoặc nghiệp khổ tam chương, giai thử tâm tợ cảnh đô như huyền hóa, cánh hà hữu sanh tử luân chuyển”. Trong Kinh Địa Tạng, nói về ba chữ “hoặc nghiệp khổ” rất tường tận. Ba phẩm kinh văn Khởi Hoặc, Tạo Nghiệp, Thọ Báo, chúng ta thường đọc, nhưng không biết cách quán, nghĩa là nói, chúng ta đọc cũng chỉ uổng công. Sau khi đọc xong, ta có thật sự lãnh hội, phát hiện ra “hoặc nghiệp khổ” từ đâu mà có chẳng? Vì nguyên nhân gì? Có thể hỏi như thế, lại quan sát tường tận, sẽ biết hoặc nghiệp khổ là cảnh giới tương tợ của tâm, không phải thật. Cảnh giới tương tợ là gì? Duy thức sở biến, đều là mộng huyền bào ảnh. Hoặc cũng như vậy, nghiệp cũng như vậy, khổ cũng như vậy. Nếu thấy rõ chân tướng, sanh tử lưu chuyển không còn, chỉ cần thấy rõ ràng chân tướng, tuyệt đối không có sanh tử lưu chuyển.

Tướng của hoặc nghiệp khổ có chẳng? Tướng có, tướng có nhưng không chương ngại, trong Kinh Hoa Nghiêm nói “sự sự vô ngại”, vì sao vậy? Vì tướng của nó không phải thật, thật sẽ chương ngại, nó không phải thật, nó là mộng huyền bào ảnh, nên nhập vào cảnh giới vô chương ngại. Trong pháp giới vô chương ngại, việc sanh tử lưu chuyển không còn, cho nên nói “liễu sanh tử”. Liễu nghĩa là sao? Là thấu triệt. “Thoát” là gì? Thoát là buông bỏ, buông bỏ quan niệm sai lầm, chấp trước sai lầm đối với sanh tử của mình trước đây, sự sợ hãi âu lo hoàn toàn không còn. Liễu là thấu triệt, giác ngộ thật sự.

“Chỉ quán vân, phát đại tâm, tu đại hạnh, cảm đại quả, liệt đại võng, quy đại xứ, thử tức Địa Tạng bản nguyện chi pháp dã”. Thế nào gọi là phát đại tâm? Tiểu chú của ngài nói phải phát tâm “thượng cầu hạ hóa”, cũng chính là nhà Phật thường nói “phát tâm bồ đề”. Tâm bồ đề, chúng ta nói một cách cụ thể nhất chính là tứ hoằng thệ nguyện. Nguyện thứ nhất của tứ hoằng thệ nguyện là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, ta phải phát tâm này. Nếu có thể phát tâm này, tâm này là động lực, thúc đẩy ta dũng mãnh tinh tấn. Phải biết người thế gian, mỗi ngày ta thấy họ làm việc rất chuyên cần. Làm việc siêng năng như vậy, nỗ lực như vậy, là sức mạnh nào thúc đẩy họ? Là danh lợi, danh lợi đang thúc đẩy. Nếu làm việc này, không có danh lại không có lợi, họ không làm, tôi làm nó để làm gì? Chư Phật Bồ Tát làm những việc này, đã không cầu danh lại không cầu lợi, là sức mạnh nào thúc đẩy họ? Là tâm bồ đề thúc đẩy họ, nguyện lực đang thúc đẩy họ. Phát nguyện phổ độ chúng sanh giống như Chư Phật Bồ Tát, “độ” nói như hiện nay, hiệp trợ tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh vô điều kiện. Độ chính là hiệp trợ, giúp đỡ. Cũng như một số người hiện nay nói, vì xã hội phục vụ, vì nhân dân phục vụ, độ nghĩa là như vậy, không có bất kỳ điều kiện nào, mà còn là tình nguyện, không cầu báo đáp. Cầu báo đáp

không gọi là độ, không cầu báo đáp, tình nguyện vì xã hội, vì nhân dân, vì chúng sanh phục vụ, đây chính là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Nhưng muốn đạt đến mục đích này, cần phải có năng lực. Ta có tâm này, ta có nguyện này, nhưng không có năng lực, cho nên nguyện này là nguyện suông, nguyện này không thể thực hành. Cho nên nguyện lực này đang thúc đẩy ta, ta cần phải thành tựu đức hạnh và năng lực của mình trước, sau đó nguyện này mới có thể thực hiện.

Thành tựu đức hạnh nhất định phải đoạn phiền não, “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”, “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, pháp môn là thành tựu năng lực của chúng ta. Có đức hạnh, có năng lực, nguyện của mình mới có thể viên mãn. Vì sao cố gắng đoạn phiền não như thế? Siêng năng học pháp môn như thế? Điều thứ nhất đang thúc đẩy.

Ngày nay chúng ta học đạo, học Phật không thể thành tựu, công phu không đắc lực, nhân tố đầu tiên là gì? Không có nguyện vọng phục vụ chúng sanh, cho nên không có động lực, học hành biếng nhác. Thật sự có nguyện vọng này, họ học tập ngày đêm không nghỉ, vô cùng tinh tấn. Vì sao vậy? Vì có nhiều chúng sanh chịu khổ chịu nạn đang đợi ta giúp đỡ, ta sớm ngày thành tựu, họ sớm ngày lìa khổ. Ta thành tựu trễ một ngày, họ chịu khổ thêm một ngày, đây gọi là tâm bồ đề.

Thành tựu đức hạnh rất quan trọng, đức hạnh là mình không bị đọa lạc, sau đó mới có thể giúp người. Nếu không có đức hạnh, mà có năng lực, họ giúp người khác, độ chúng sanh, kết quả như thế nào? Bị chúng sanh độ, rất nhiều, từ xưa đến nay đều có. Pháp sư giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, sau cùng hoàn tục, kết hôn, lại thoái chuyển. Đó là bản thân không có đức hạnh, phiền não hiện hành, vẫn còn tham sân si ái, liền bị người khác dẫn dắt đi. Nhất định phải thành tựu đức hạnh trước, đoạn phiền não trước, mới học pháp môn, mới có thể bảo đảm mình không thoái chuyển, điều này quan trọng vô cùng.

Trong kinh Đức Phật thường nói, bản thân chưa độ mà có thể độ người, không có lợi ích, chính là nói điều này. Mặc dù bên ngoài chưa hoàn tục, vẫn là thân phận pháp sư, nhưng tham sân si mạn chưa đoạn trừ, tự tư tự lợi chưa đoạn trừ, đời sau đọa địa ngục a tỳ. “Trước cửa địa ngục tăng đạo nhiều”, đều do lơ là đối với việc đoạn phiền não, coi trọng học pháp môn, đều phạm phải sai lầm lớn này, chúng ta không thể không cảnh giác điều này. Nhất định phải coi trọng thành tựu của đức hạnh, thành tựu của đức hạnh vượt qua thành tựu học thuật.

Ngày nay thế giới rất hỗn loạn, loạn đến mức độ này, quý vị nói không có người thông minh chẳng? Người thông minh quá nhiều, họ làm gì? Ngày ngày chế tạo bom nguyên tử. Người thông minh nhất, nhà khoa học đỉnh cao, ngày ngày chế tạo vũ khí giết người. Chế tạo đến cuối cùng,

hận không thể giết hết người trên toàn thế giới, là nhân tài khoa học kỹ thuật đỉnh cao. Nếu người có đức hạnh thật sự, tuyệt đối không làm những điều này. Dù địa vị cao đến đâu, của cải nhiều đến đâu, tôi cũng tuyệt đối không làm những việc này.

Từ chỗ này, ta nghĩ đến giáo huấn của Phật Bồ Tát, họ đã dụng tâm như thế nào, đúng là chân thiện mỹ tuệ. Ngày nay người thế gian dạy học, bốn chữ này đều không có, chỉ phát triển theo xu hướng thế trí biện thông. Văn minh vật chất ngày càng đi lên, thì đạo đức hoàn toàn suy thoái, cuộc sống con người rất đau khổ. Chúng ta phải hiểu, phải giác ngộ điều này.

**Hết tập 27**

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 28****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Xin mở kinh ra, Kinh Địa Tạng, luận quán trang 20, hàng thứ năm từ dưới đếm lên. Hôm qua nói đến: “phát đại tâm, tu đại hạnh, cảm đại quả, liệt đại vọng, quy đại xứ”, đây là pháp của Địa Tạng bốn nguyện. Mấy câu này là cương lĩnh tu học hay nhất của chúng ta.

“Phát đại tâm” chính là phát tâm bồ đề, hôm qua đã nói với quý vị rất tường tận. Không phát đại tâm, tuyệt đối không thể thành tựu. Vì sao mật giáo trong đại thừa thành tựu nhanh chóng như vậy? Đặc biệt là đại pháp viên đốn trong Phật pháp. Nó không có gì khác, chính là tâm lượng lớn, “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Đây là tâm lượng vốn có của chúng ta, hiện nay tâm lượng chúng ta biến thành nhỏ như vậy, Phật thường nói chúng ta mê muội. Mê như thế nào? Tức là mê mất tự tánh, mê mất tâm lượng vốn có của chúng ta, cho nên biến thành như hiện nay.

Thế nào gọi là “đại hạnh”? Tâm lượng lớn, “hạnh” sẽ lớn, mấy chữ đại bên dưới, đều ở nơi đại tâm. Nếu tâm lượng nhỏ, tu lục độ vạn hạnh là tiểu hạnh, tâm lượng lớn dù tu tam quy ngũ giới cũng là đại hạnh. Do đây có thể, lớn nhỏ không ở hạnh, không ở quả, cũng không ở xứ, thuần túy là ở đại tâm.

Tâm lượng của Chư Phật Như Lai không hề có chút chướng ngại nào, vì thế tâm lượng của họ chính là hư không pháp giới. Họ nhớ là hư không pháp giới, nghĩ là hư không pháp giới, thấy là hư không pháp giới, đây gọi là “phát đại tâm”. Một khi phát đại tâm, đối với tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới phục vụ vô điều kiện, giúp vô điều kiện, không có điều gì không tận tâm tận lực, cho nên mới có thể tu đại hạnh.

Ở đây, trong “đại hạnh” đề xuất hai cương lĩnh, “lao cường tinh tấn, chỉ ác hành thiện”, thực tế mà nói, hai câu này bao gồm toàn bộ hành môn. Lao cường tinh tấn là thiện căn, chỉ ác hành thiện là thiện hạnh. Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là tinh tấn, vì sao vậy? Trong thế pháp, Bồ Tát đầy đủ cả ba thiện căn, không tham, không sân, không si, đây là ba thiện căn. Họ muốn viên mãn bồ đề hoàn toàn nhờ tinh tấn, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình.

“Tinh” là tinh thuần, tinh thuần ở nơi đại tâm, chỉ có đại tâm mới có thể tinh thuần. Đại tâm vô tư, đại tâm không có phân biệt chấp trước, không có vọng tưởng, cho nên tinh. Bất kỳ một pháp nào đều tinh, đều là thuần mà không tạp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu học bất kỳ pháp môn nào đều có

thể được vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều có thể thành tựu bồ đề viên mãn, vì thế mới thật sự hiển thị “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”.

Ở đây nói phương pháp bình đẳng, không chỉ là nói Phật pháp, bao gồm tất cả pháp thế xuất thế gian. Thật sự phát đại tâm, có thể nói không có một pháp nào không phải Phật pháp. Nếu không phát đại tâm, vậy pháp nào là Phật pháp? Nếu tâm lượng mình vẫn tự tư tự lợi, nói thật không có pháp nào là Phật pháp cả. Ngày ngày đọc Kinh Địa Tạng, ngày ngày tụng Kinh Hoa Nghiêm vẫn tự tư tự lợi, Hoa Nghiêm và Địa Tạng đều không phải Phật pháp.

Người phát đại tâm, quý vị đều đã xem Truyện Tể Công, nói cho mọi người biết rằng, Tể Công ngày ngày ăn thịt chó, uống rượu đều là Phật pháp, không có một pháp nào không phải Phật pháp. Vì sao vậy? Vì ngài không chấp tướng, tuyệt đối không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, không có pháp nào không phải Phật pháp. Ai hiểu được đạo lý này? Người khế nhập cảnh giới hiểu.

Địa Tạng là cổ Phật tái sanh, là cổ Phật thị hiện, quên mình vì người. “Địa ngục vị không, thế bất thành Phật”, đây là Địa Tạng bốn nguyện. “Địa ngục vị không, thế bất thành Phật” biểu trưng điều gì? Quyết tâm cứu giúp tất cả chúng sanh đau khổ, chỉ cần còn chúng sanh đau khổ, bản thân luôn ở bên cạnh những chúng sanh này, toàn tâm toàn lực giúp họ, đây là bốn nguyện của ngài Địa Tạng.

Do đây có thể biết, vị Phật Bồ Tát nào không phải bốn nguyện này? Từ đó cho thấy, vị Phật Bồ Tát nào không phải Bồ Tát Địa Tạng? Bồ Tát Địa Tạng không phải một người. Nhìn từ thế nguyện cứu độ chúng sanh đau khổ, tất cả Chư Phật Bồ Tát đều là Bồ Tát Địa Tạng. Nhìn từ đại từ đại bi, tất cả Chư Phật Bồ Tát đều là Bồ Tát Quan Thế Âm. Từ trí trong trí tuệ chân thật, tuyệt đối không mê, tất cả Chư Bồ Tát đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Bồ Tát không phải một người, tất cả đều là Bồ Tát.

Bất kỳ vị Phật Bồ Tát nào, tánh đức của họ đều viên mãn, ta nhìn từ phương diện nào, để xưng họ là Phật gì, xưng họ là Bồ Tát gì. Hết thấy danh hiệu Phật Bồ Tát dung hợp thành nhất thể, là pháp thân Như Lai, pháp thân đại sĩ, chúng ta cần phải biết điều này. Đức hạnh của Chư Phật Bồ Tát, chính là toàn bộ tánh đức của mình hiển lộ. Chúng ta phải học, phải tin, phải hiểu, phải hành, sau đó ta mới biết Bồ Tát Địa Tạng ở đâu? Chính là bản thân mình. Bồ Tát Quan Âm ở đâu? Đó là chính mình.

Mỗi ngày chúng ta cúng dường hình tượng Phật Bồ Tát, đó là gì? Đó là mô hình, tạo bản thân mình theo mô hình này. Cúng dường Bồ Tát Quan Âm, học Bồ Tát Quan Âm, học rất giống, bản thân chính là Bồ Tát Quan Âm. Cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, phải học Bồ Tát Địa Tạng, học rất giống, bản thân chính là Bồ Tát Địa Tạng. Địa Tạng, Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền đều là đức tánh của mình, đức tánh mới có thể viên mãn hiện tiền, thành tựu viên mãn. Cho nên nói Phật Phật đạo đồng, tất cả Chư Phật đều là một vị Phật,

chính là một tự tánh Phật. Tôi từng nói, tất cả Chư Phật khắp mười phương pháp giới đều là hóa thân của Như Lai, quý vị có hiểu ý này chăng? Mỗi chúng ta đều là Như Lai hóa thân, Như Lai là gì? Như Lai là tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói “duy tâm sở hiện”, tâm đó chính là chân như, là bản tánh. Ý chánh trang nghiêm đều là tự tánh biến hiện, tự tánh là Như Lai, tự tánh biến hiện, đó không phải Như Lai hóa thân thì là gì?

Ở trước nói “nhập nhất hành tam muội”, hoặc nói “nhất tướng tam muội”, quý vị sẽ thấy vô số Phật. Tất cả chúng sanh ta nhìn thấy, đều là Chư Phật Bồ Tát thị hiện, đó là thấy vô số Phật. Nếu chưa nhập vào tam muội này, ta không biết, không nhận thức, chưa giác ngộ.

“Duy thức sở biến”, thức vẫn là tánh thức của mình, ta và người là một, tuyệt đối không phải hai. Sau đó mới biết yêu thương người khác mới thật sự yêu thương mình, hận người khác là hận mình, hại người khác là hại chính mình, tự tha tuyệt đối là một không phải hai. Đây là cảnh giới cao nhất của Phật pháp, nghĩa là Phật pháp hoàn toàn nói thật với chúng ta.

Phật nương vào nhị đế thuyết pháp. Nương vào tục đế là tùy thuận tri kiến của hàng phàm phu chúng ta, nói pháp không cứu cánh. Theo chân đế, đó là tùy theo cảnh giới thân chứng của Như Lai quả địa mà nói, là nói thật. Nói thật là sanh Phật bình đẳng, sanh Phật không hai, không hai chính là một. Sanh là chúng sanh, Phật là Chư Phật, chúng sanh và Chư Phật là nhất thể, nói với chúng ta về chân lý này. Cảnh giới này dù nói như thế nào đều không thể lãnh hội được, nguyên nhân gì? Vì có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, có nhân ngã, có thị phi, ta làm sao có thể lãnh hội được? Buông bỏ thị phi nhân ngã, buông bỏ phân biệt chấp trước sẽ hiểu, những gì Phật nói hoàn toàn không sai, ta gật đầu, thừa nhận, đây gọi là chứng “vô sanh pháp nhẫn”.

Không tu đại hạnh sao có thể “cảm đại quả”? Ở đây đại quả là “cảm sanh phạm thiên, diệu báo duyệt tâm”. Cảm sanh phạm thiên là đại quả trong lục đạo, diệu báo duyệt tâm là đại quả của xuất thế gian, trong tiểu chú nói rất hay. Đã phát đại tâm, cũng tu đại hạnh, nhưng trí tuệ chưa khai, chiêu cảm quả báo là đại quả trong lục đạo, sanh đại phạm thiên. Nếu trí tuệ khai, không những vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, đó là diệu báo duyệt tâm. Diệu báo là nhất chân pháp giới, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là thế giới Hoa Tạng, trong Tịnh độ gọi thế giới Cực Lạc, đó là diệu báo. Duyệt tâm chính là tự tại, cực lạc.

Nghiệp chướng chúng ta sâu nặng, đây là thật không phải giả. Nếu muốn tiêu nghiệp chướng cũng không phải là vấn đề đơn giản, nhưng nó cũng không phải là việc khó. Nói khó không khó, nói dễ không dễ, vì sao không dễ? Vì bên trong tập khí quá nặng, bên ngoài hoàn cảnh không tốt, sức mê hoặc của ngũ dục lục trần quá lớn, đây là khó. Nói nó không khó, không khó là vấn đề này cầu chính mình, không cầu người khác, thế gian cầu người rất khó. Nếu mình có thể phát tâm mạnh mẽ, thực hành, vấn đề này không khó. Phát tâm

manh mẽ đoạn tận danh văn lợi dưỡng của thế gian, không còn bị nó mê hoặc, không phải không làm được. Vì sao có người làm được? Vì sao họ làm được? Vì sao tôi làm không được? Vì tâm chúng ta chưa kiên quyết, kiên quyết không phải đối với người khác, mà đối với mình. Đối với người khác phải nhu hòa, đối với mình phải kiên quyết. Người bây giờ đã điên đảo, kiên quyết với người khác, không kiên quyết với bản thân, vì thế họ không thể thành tựu. Chúng ta đối với mình cần phải kiên quyết, đoạn tuyệt tất cả sự mê hoặc, biết mọi sự mê hoặc đều là yêu ma quỷ quái. Tất cả những mê hoặc này đưa chúng ta vào trong địa ngục tam đồ, không phải việc tốt. Nếu có thể không bị bên ngoài mê hoặc, bên trong không sanh phiền não, không khởi tâm, không động niệm, điều này có gì khó? Thiện Tài Đồng Tử có thể một đời, từ địa vị phàm phu một đời viên thành Phật đạo, vì sao chúng ta không thể? Đọc Kinh Hoa Nghiêm, nhất định phải phát đại tâm, Thiện Tài có thể, tôi cũng có thể, như vậy đọc Kinh Hoa Nghiêm, mới không uổng công đọc, không uổng công học. Thiện Tài Đồng Tử theo 53 vị thiện tri thức, từng bước đi lên, ngài tham bái tỳ kheo Kiết Tường Vân, sơ trụ Bồ Tát. Từ đó về sau đúng là nhẹ bước thanh vân, từng vị từng vị nâng cao cảnh giới chính mình. Bồ Tát Hải Vân, nhị trụ. Bồ Tát Diệu Trụ, tam trụ, vì sao chúng ta không được? Biểu pháp này, nếu chúng ta nói rộng hơn một chút, cảnh giới mỗi năm không giống nhau. Lại nói gần hơn một chút, cảnh giới mỗi tháng không giống nhau. Đây là Thiện Tài Đồng Tử biểu diễn cho chúng ta thấy, thị hiện cho chúng ta thấy. Ngày nay chúng ta tháng tháng không làm được, thì năm năm phải làm được. Cũng chính là nói mỗi năm phải có tiến bộ, chúng ta liền được lợi ích chân thành của Phật pháp. Không thể nói năm nay giống như năm trước, thậm chí năm nay không bằng năm trước, vậy là xong, là thoái chuyển rồi. Năm nay phiền não ít hơn năm trước, trí tuệ tăng trưởng. Sang năm phiền não lại ít hơn năm nay, trí tuệ tiếp tục tăng trưởng, đó chính là 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử. Nếu thật sự có thể tinh tấn, tinh tấn kiên định, chỉ ác hành thiện, mỗi tháng không giống nhau. Từ tháng tháng không tương đồng, đến mỗi tuần không giống nhau, nếu chư vị có thể đến mỗi tuần không giống nhau, xin chúc mừng, nhất định quý vị là thượng thượng phẩm vãng sanh. Nếu có thể mỗi tháng không giống nhau, nhất định được sanh Tịnh độ. Mỗi năm không giống nhau, nghĩa là có sự chắc chắn, có tín tâm. Còn như vẫn dừng lại đó, năm nay gần giống như năm ngoái, không có gì tiến bộ, vọng tưởng không giảm, trí tuệ không khai, vãng sanh thế giới Cực Lạc còn là dấu chấm hỏi, không chắc chắn. Những đạo lý về chân tướng sự thật này không thể không biết.

Hôm nay chúng ta học đến câu, “cảm đại quả”, nhất định không sanh phạm thiên. Nói thật đại phạm thiên mời tôi làm vua trời tôi cũng không làm, vì sao vậy? Vì chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Phạm thiên vương phước báo lớn, hưởng hết rồi thì sao? Nhất định có lúc đó, hưởng hết rồi, trong kinh Phật nói, vẫn tiếp tục trầm luân sanh tử, vẫn bị đọa lạc, vì phạm thiên vương không phải

cứu cánh. Đến phước báo của đại phạm thiên vương đều có lúc tận, phú quý nhân gian có gì đáng để tham đâu? Bởi vậy phước báo nhân gian có thể xả bỏ. Sống trong am tranh, cơm canh đạm bạc, niềm vui ở trong đó. Trong này có niềm vui lớn lao, có niềm vui chân thật, người thế gian không nhận ra.

Ta cần phải biết như thế nào là đại tâm? Như thế nào là đại hạnh? Đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện, đây chính là đại hạnh. Nếu quả thật không hiểu, cần phải y theo những điều mục Đức Phật nói, như ngũ giới, thập thiện, lục độ, Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện, đây là nói với chúng ta một cách cụ thể.

Chúng ta thành lập Tịnh tông học hội, tôi viết phân duyên khởi, trong cương lĩnh đưa ra năm cương lĩnh tu học, năm khoa mục, mọi người rất dễ nhớ. Năm khoa mục này chính là tiêu chuẩn xử sự đối nhân tiếp vật trong cuộc sống của mình: tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, thập đại nguyện vương. Năm khoa mục không nhiều, chúng ta có thể nhớ rất rõ. Chỉ cần khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tương ứng với năm khoa mục này, tu hành chơn chánh. Trái với năm khoa mục này, đó là tạo nghiệp, nghĩa là trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Có thể y theo những khoa mục này, sửa đổi hành vi sai lầm của mình, quả báo nhất định rất thù thắng, cảm đại quả. Đại quả, chúng ta đặt nó ở thế giới tây phương Cực Lạc.

“Liệt đại võng”, võng là ví dụ, la võng, cá ở trong lưới không ra được thật đáng thương, làm sao mở tám lưới này ra. Do đó võng là đại biểu, từ nhân địa mà nói nó biểu trưng cho phiền não, phiền não là võng, từ quả mà nói là lục đạo, mười pháp giới. Lục đạo, mười pháp giới là tám lưới, khi nào chúng ta mới có thể ra khỏi?

Chú thích này rất hay: “Kinh luận khai nhân nhân mục”, đây là phá mê khai ngộ. Mê là võng, phải dựa vào kinh luận của Phật, cho nên kinh luận của Phật mệnh danh là pháp bảo. Chư vị cần phải biết, khi Đức Phật tại thế, thế gian có Phật bảo, Phật không tại thế, Phật bảo không còn. Khi Phật diệt độ nương tựa vào đâu? Nương vào Pháp bảo, trong tứ y pháp dạy chúng ta “y pháp bất y nhân”. Nương người là sai, người là phàm phu, người có phiền não, người chưa đoạn tận tập khí, họ không phải là Phật. Họ nói họ là Phật Bồ Tát gì đó tái lai, chúng ta không được tin, cũng không thể nương tựa họ.

Trong Quán Kinh, chương thượng phẩm thượng sanh đại sư Thiện Đạo chú giải rất hay, đưa ra rất nhiều ví dụ. Thế gian này đến khi nào lại có Phật xuất hiện? Trong Kinh Di Lạc Hạ Sanh nói rằng, sau năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Bồ Tát Di Lạc giáng sanh tại thế gian này, thị hiện bát tướng thành đạo, lúc đó thế gian mới có Phật xuất hiện, giữa thời kỳ này không có Phật. Phật thị hiện ở đây, thị hiện thân phận gì, chúng ta xem ngài thân phận đó, không đến nỗi sai lầm. Vô số thân phận mà ngài thị hiện, ngài nói cũng tốt, biểu diễn cũng được, tuyệt đối tương ứng với kinh luân. Phật Phật đạo đồng, dù cô Phật tái lai, cũng không trái với những gì kim Phật nói. Nếu trái với những gì kim Phật nói, tuyệt đối không phải cô Phật tái lai, đó là yêu ma quỷ

quái mạo xung Phật Bồ Tát. Tư tưởng, kiến giải, hành vi của họ trái với kinh điển nói, không phải Phật thật, Phật thật nhất định tương ưng. Chúng ta tĩnh tâm quan sát tường tận, tự nhiên sẽ có sự tin tưởng.

Câu thứ hai nói: “Dung thông giải kết xuất lung”, đây là từ tu hành mà nói, trên phương diện tu hành, chư vị phải chú ý “dung thông”. Dung là viên dung, thông là thông đạt, không có chướng ngại. Ngày nay chúng ta không ra khỏi chiếc lồng, mở không được nút thắt, lồng chính là lục đạo. Nguyên nhân là gì? Vì chúng ta không thể viên dung, mọi thứ đều không thông suốt, không thông tức có chướng ngại. Kết là phiền não, nút thắt phiền não này không sao mở được. Chư vị phải biết, dung thông là mở ra, như vậy mới có thể mở tấm lưới lớn, tấm lưới này rất lớn. Đời này qua đời khác từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đều không thể ra khỏi, đều ở trong chiếc lồng vững chắc này.

“Quy đại xứ”, đại xứ là ở đâu? Đại xứ là pháp giới, đại xứ là tận hư không biến pháp giới, đây là đại xứ. Vô lượng vô biên cõi nước Chư Phật, là một cõi tự tánh, đây mới là đại xứ thật sự. Cõi tự tánh biến khắp hư không pháp giới, trong Phật pháp gọi là cõi báo của Chư Phật quả địa, cõi thật báo trang nghiêm. Chư vị phải biết, cõi thật báo trang nghiêm là đại xứ thật sự.

Mọi người đều biết, trong Phật pháp nói về bốn cõi, cõi phàm thánh đồng cư không phải đại xứ, cõi phương tiện hữu dư cũng không phải đại xứ. Trong cõi thật báo không có giới hạn, không có phân biệt. Không thể nói cõi thật báo ở thế giới Ta bà của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không phải cõi thật báo của thế giới Cực Lạc, không thể nói như vậy. Trong cõi thật báo không có giới hạn, chỉ có một, cõi thật báo của Phật Thích Ca Mâu Ni chính là cõi thật báo của Phật A Di Đà, cõi thật báo của Phật A Di Đà chính là cõi thật báo của Phật Tỳ Lô Giá Na, cõi thật báo là đại xứ. Cõi phương tiện hữu dư của Phật Thích Ca Mâu Ni, đích thực không phải cõi phương tiện hữu dư ở thế giới Cực Lạc, nó không phải, đó là khu vực. Nhưng nói đến cõi thật báo, thật báo là xuyên suốt, không có, thật báo là đại xứ. Cõi phàm thánh đồng cư, cõi phàm thánh đồng cư của thế giới Ta Bà không giống với cõi phàm thánh đồng cư của Chư Phật tha phương, đúng là không tương đồng. Đó là tiểu xứ, không phải đại xứ. Đại xứ sẽ giống nhau, không có giới hạn, tiểu xứ có giới hạn.

Cõi thường tịch quang càng không cần nói, cõi thường tịch quang nói về lý, đó là đại xứ về lý, cõi thật báo trang nghiêm là đại xứ về sự, lý sự không hai. Sanh vào cõi thật báo trang nghiêm tức chứng được pháp thân thanh tịnh, biến khắp hư không pháp giới. Đây gọi là “quy đại xứ”.

Bốn nguyện của Địa Tạng, cũng là bốn nguyện của tất cả Chư Phật Bồ Tát, ở đây lấy Bồ Tát Địa Tạng làm tượng trưng. Đại sư Thanh Lương, cũng đem bộ Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện, phán nó thành đại pháp viên đốn. Người viên mãn nói pháp, không có pháp nào không viên mãn.

“Nhu thử nhân pháp, tịnh tại nhất niệm, giới nhĩ chi tâm, tức không tức giả tức trung, ngô tâm ký nghĩ, sanh Phật diệt nhiên”. mấy câu này rất thú vị.

“Nhu thử nhân”, ở trước nói Bồ Tát Địa Tạng là “người”, “pháp” là bản nguyện của Địa Tạng. Người của Bồ Tát Địa Tạng, pháp của Bồ Tát Địa Tạng ở đâu? Ở nơi nhất niệm tâm của chúng ta, trong tâm mỗi người đều đầy đủ, nhất niệm tâm của mỗi người đều đầy đủ pháp tạng của tất cả Chư Phật, không hề khiếm khuyết. Nhưng ở đây chư vị phải biết, phải đặc biệt chú ý đến nhất niệm tâm, hai niệm tâm là không được, hai niệm là mê. Mở đầu luận quán nói về điều gì? “Nhất niệm tự tánh”. Trong Kinh Di Đà nói “nhất tâm bất loạn”. Bởi vậy tông môn mới nói “vạn pháp quy nhất”. Nhất là gì? Là nhất niệm, nghĩa là nhất niệm tự tánh. “Nhất niệm giới nhĩ chi tâm” tức nhất niệm tự tánh, nhất niệm chính là tự tánh, nhất niệm chính là chân tâm, nhất niệm đầy đủ tất cả pháp. Pháp tạng của hết thảy Chư Phật khắp ba đời mười phương chỉ trong một niệm, nếu ta có thể đạt được nhất niệm là đã thành công, là đầy đủ các pháp. Hiện nay chúng ta không thể trở về với nhất niệm.

Tất cả kinh giáo mà Chư Phật Như Lai nói, đều là dạy chúng ta trở về với nhất niệm, nhất niệm mới thật sự là chính mình. Gọi là “bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”, chính là nhất niệm. Hai niệm là mê. Nhất niệm có tồn tại chăng? Nhất niệm ngay hiện tiền, nhưng chúng ta không giữ được. Ta mở mắt ra nhìn mọi vật, niệm thứ nhất là nhất niệm. Tai nghe mọi thứ, niệm thứ nhất cũng là nhất niệm tự tánh.

Đại sư Giao Quang chú giải Kinh Lăng Nghiêm, dạy ta “xả thức dùng căn”. Xả thức dùng căn nghĩa là sao? Chính là xả hai niệm dùng nhất niệm, hai niệm là thức, nhất niệm là căn. Về lý luận nói không sai, nói rất hay, nhưng chúng ta không giữ được nhất niệm. Niệm thứ nhất là tự tánh, niệm thứ hai liền biến thành thức. Trong hai niệm có vọng tưởng phân biệt chấp trước, trong nhất niệm không có. Then chốt của câu này là “nhất niệm”, chúng ta không thể giữ được nhất niệm, nhất niệm “tức không, tức giả, tức không”. Không giả trung là pháp, điều này nói rõ nhất niệm đầy đủ tất cả Phật pháp viên mãn, những gì Phật pháp nói không ngoài không- giả- trung.

Không là nói về thể tánh, vạn pháp giai không, nói về thể tánh. Giả nói về tướng, các pháp này không phải không có tướng, có tướng, tướng là giả. Trong Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, giả tướng. Trong kinh điển Phật ví dụ cho chúng ta thấy “mộng huyễn bào ảnh”, tướng đều là mộng huyễn bào ảnh. Nó có, không thể nói nó không có, giả tướng, tướng là giả.

Phật Bồ Tát dùng trung, rất cao minh. Chúng ta dùng lệch lạc, phàm phu thiên lệch ở chỗ nào? Thiên về giả, coi giả là thật. Hàng nhị thừa thiên về không, Thanh văn, Duyên giác thiên về không, lục đạo phàm phu thiên về giả, đều sai, đều không viên mãn. Bồ Tát dùng trung, dùng trung biết tướng giả thể không, hai bên đều không chấp trước. Đã không chấp trước không, cũng không chấp trước có, rất tự tại, đại tự tại, đại viên mãn là dùng trung.

Phật Bồ Tát dùng trung, chư vị thánh hiền xưa cũng biết cách dùng trung, họ nói “đạo trung dung”, rất gần với Phật pháp gọi là “trung đạo”, biết dùng trung. Người biết dùng trung chính là sống cuộc đời trí tuệ, người đi sai lệch sống cuộc sống phiền não, đặc biệt là phạm phu lục đạo thiên về hư giả, nghĩa là chấp trước có. Nhị thừa chấp trước không, phiền não ít hơn chúng ta một chút, nhưng họ có phiền não. Phiền não của họ là gì? Không chứng được quả báo chân thật. Nhất niệm chân tâm đầy đủ không- giả- trung.

“Tâm ta đã như vậy, sanh Phật cũng thế”. Tâm chúng ta là như vậy, tuy ngày nay chúng ta không giác ngộ, đều không biết đến không- giả- trung. Nhưng chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ rất rõ ràng, họ thấy một cách rõ ràng minh bạch. Tất cả phạm phu chúng ta có dùng nhất niệm tự tánh chăng? Dùng. Dùng khi nào? Dùng mọi lúc mọi nơi, xưa nay chưa từng ngưng nghỉ, nhất niệm tự tánh bất sanh bất diệt, không đến không đi, không thường không đoạn, không một không khác, đó là nhất niệm tự tánh. Nhưng từ niệm thứ nhất, lập tức chuyển đến niệm thứ hai, tốc độ còn nhanh hơn điện. Chúng ta thấy sắc nghe âm thanh, khi không có khởi tâm động niệm là niệm thứ nhất, khởi tâm động rơi vào hai ba. Hai ba nghĩa là sao? Hai là hai ý, ba là ba tâm. Hai ý nghĩa là mặt na và đệ lục ý thức. Ba tâm chính là tâm ý thức, là biến nhất niệm tự tánh thành thức. Ba tâm hai ý là nói về bát thức, bát thức 51 tâm sở, đây là nói tường tận hơn. Nói đơn giản một chút là ba tâm hai ý, ba tâm hai ý là vọng tâm, không phải chân tâm, nhất niệm tự tánh là chân tâm.

Ta như vậy, “sanh Phật cũng như vậy”, tất cả chúng sanh cũng như vậy, tất cả Chư Phật cũng như vậy. Tất cả Chư Phật không rơi vào hai ba, cao minh là đây. Phạm phu chúng ta không có năng lực giữ nhất niệm này, lập tức rơi vào hai ba, đây gọi là phạm phu, gọi là chúng sanh. Điểm khác nhau giữa chúng sanh và Phật là ở đây, ngoài điều này ra không có gì bất đồng. Cho nên sanh Phật bình đẳng, sanh Phật không hai, Đức Phật đã nói ra cho chúng ta.

Bên dưới nói: “Đản chúng sanh thái quảng, Phật pháp thái cao, sơ tâm vi nan. Đản quán kỹ tâm chi cao quảng, dĩ khẩu vô cùng chi thánh ứng, cơ thành chí cảm, đãi đắc đại lợi, cố tu quán tâm dã”. Đây là nói hàng phạm phu chúng ta, ở địa vị phạm phu quả thật rất khó khăn.

“Chúng sanh quá rộng”, rộng nghĩa là nhiều, vọng tưởng của chúng ta quá nhiều, vọng tưởng phân biệt chấp trước quá nhiều. “Phật pháp quá cao”, cao là ví dụ, giống như cao không thể với tới vậy. “Rất khó đối với hàng sơ tâm”, hàng sơ phát tâm rất khó khế nhập cảnh giới này, bây giờ phải như thế nào? Đây là dạy chúng ta cách quán, cách quán là phương pháp tu hành, là cương lĩnh nguyên tắc tu hành. Người biết tu hành, họ có thể nắm bắt cương lĩnh này, nắm bắt những nguyên tắc này, thành tựu nhanh chóng. Người không biết tu hành, không biết những cương lĩnh nguyên tắc này, tu hành sẽ rất khó khăn. Nắm bắt được cương lĩnh, giống như chúng ta chặt cây vậy, tìm ra rễ cây, đào tận gốc rễ, không phải đã giải quyết cả gốc cây rồi ư? Khi

không nắm bắt được cương lĩnh là cành lá, nếu muốn chặt cây, chặt từng chiếc lá một, lại đến chặt từng cành từng cành một, như vậy chẳng phải rất phiền phức ư? Giống như chặt gốc cây này, như vậy phiền phức biết bao, mất bao nhiêu thời gian, mất bao nhiêu sức lực. Đào tận gốc rễ của nó, tiết kiệm biết bao nhiêu, giải quyết toàn bộ vấn đề, tiết kiệm thời gian sức lực. Tu hành cũng như vậy, nhất định phải tìm ra cương lĩnh, đây là dạy chúng ta tu quán.

Đức Phật nói những kinh điển này, người biết tu hành y giáo phụng hành, đây là biết tu hành, như vậy không uổng công đọc kinh. Tùy theo văn tự Phật nói trong kinh, quan niệm chúng ta cũng thay đổi theo, cảnh giới thay đổi theo. Vì sao Thiện Tài Đồng Tử trải qua 53 lần tham bái liền thành Phật? Chuyển theo cảnh giới. Tham bái tỳ kheo Đức Vân, ngài thay đổi theo tỳ kheo Đức Vân, chính là sơ trụ Bồ Tát. Tham bái tỳ kheo Hải Vân, Hải Vân là nhị trụ Bồ Tát, cảnh giới ngài cũng chuyển theo, biến thành nhị trụ Bồ Tát. Tham bái Diệu Trú, Diệu Trú là tam trụ Bồ Tát, ngài cũng chuyển theo bản thân biến thành tam trụ. Tùy văn nhập quán, thật sự nâng cao.

Chúng ta đọc kinh, tùy theo cảnh giới của Phật Bồ Tát, không biết từ lúc nào từ phàm phu biến thành Bồ Tát. Nhưng phiền não tập khí chúng ta quá nặng, gập kinh lại là trở về như cũ, lại đọa lạc, đọa lạc rồi sao? Tiếp tục làm, lúc tiến lúc thoái, lúc lên lúc xuống. Chỉ cần không ngừng nghĩ, chịu nỗ lực, nhất định có một ngày đi lên mà không còn thoái chuyển, như vậy là thành công, vì thế phải đọc kinh điển hằng ngày.

Chư vị cổ đức dạy rằng, nhất môn thâm nhập trường thời huân tu. Đặc biệt là hiện nay, chúng ta chọn Kinh Vô Lượng Thọ rất hay, lúc tiến lúc thoái không sợ, nhất định có ngày đến được thế giới Cực Lạc, nhập vào cảnh giới của Phật A Di Đà. Ngày nay chúng ta cùng nhau tu học bộ kinh này, mỗi ngày cùng nhau nghiên cứu thảo luận giảng giải bộ kinh này. Nhân duyên này quả thật hy hữu, chắc tìm trên toàn thế giới chỉ có ở đây, các đạo tràng khác đều giảng rất nhiều kinh luận, cùng một lúc giảng rất nhiều kinh điển, như vậy rất khó được lợi ích. Vì sao vậy? Vì ta không phải tinh tấn, mà thuộc về tạp tấn, quá nhiều, loạn tấn. Vừa tạp vừa loạn làm gì có tấn? Tấn chỉ là hùa theo, lời khách sáo. Nếu có thể giữ vững vị trí của mình không thoái chuyển, điều đó rất may mắn, vừa tạp vừa loạn nhất định thoái chuyển. Đạo lý và chân tướng sự thật này chúng ta đều phải hiểu rõ, thay đổi quan niệm, đây là then chốt tu hành của chúng ta.

“Đản quán kỹ tâm chi cao quảng, dĩ khẩu vô cùng chi thánh ứng”. Cầu cảm ứng, cầu Phật Bồ Tát gia trì. Chúng ta phải biết mình có chân tâm, cũng có vọng tâm. Chân tâm là không hai không khác với Chư Phật Bồ Tát, tuy vọng tâm nhiều cũng không sao, là giả không phải thật. Bồ Tát Mã Minh nói rất hay, trong Khởi Tín Luận nói rất hay: “Bồn giác bồn hữu”, bồn giác chính là mình “cao”, Phật pháp bồn giác. “Bất giác bồn vô”, bất giác là mê, ở đây gọi là “quảng”, tâm chúng sanh vốn không có bất giác. Bồn vô nhất định có

thể đoạn, bốn hữu nhất định có thể khôi phục. Từ chỗ này chúng ta kiến lập tín tâm kiên cố, sau đó đoạn ác tu thiện. Ác là gì? Ác là thứ chúng ta vốn không có. Thiện là gì? Thiện là tự tánh, chúng ta vốn có.

Ngày nay chúng ta dùng phương pháp gì? Dùng phương pháp niệm Phật, phải biết câu Phật hiệu này, miệng chúng ta lúc nào cũng niệm, chúng ta phải biết cách quán. Nếu không biết cách quán, cho dù hét hư cổ họng chỉ uổng công. Quán như thế nào? Câu Phật hiệu này nhắc nhở chính mình “niệm niệm giác mà không mê”.

Bốn chữ A Di Đà Phật là dịch âm từ tiếng Phạn, A dịch sang tiếng Trung nghĩa là vô, a là vô, Di Đà là lượng, dịch là lượng, Phật dịch là trí, dịch là giác. Hợp lại là vô lượng trí tuệ, vô lượng giác ngộ. Niệm câu Phật hiệu này là cảnh tỉnh bản thân mình, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần niệm niệm đều không mê, niệm niệm phải giác ngộ.

Thế nào là mê? Phân biệt chấp trước là mê, lìa phân biệt chấp trước tức giác ngộ, niệm Phật hiệu như vậy rất lợi ích. Ta đối diện với ngũ dục lục trần bên ngoài, danh văn lợi dưỡng, tâm liền dao động, “nam mô A Di Đà Phật”, dập tắt động niệm của chúng ta. Ý niệm quá nhiều, quy nạp lại không ngoài hai loại. Một là yêu thích, hai là ghét bỏ, không ngoài hai ý niệm này. Ý niệm này khởi lên, A Di Đà Phật, đoạn tận ý niệm tham ái, đoạn tận ý niệm chán ghét, duy trì thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác, chư vị phải biết là tự tánh Di Đà, Di Đà là ai? Di Đà là chính mình, thanh tịnh bình đẳng giác của mình chính là Di Đà, quý vị từng đọc trong Kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên thanh tịnh bình đẳng giác của mình chính là tự tánh Di Đà, tự tánh Di Đà và Phật A Di Đà của thế giới tây phương Cực Lạc không hai không khác. Không thể nói một, cũng không thể nói hai. Không thể nói tự, cũng không thể nói tha, chư vị cần lãnh hội tường tận ý nghĩa này. Chúng ta phải niệm câu Phật hiệu này, khiến tự tánh Di Đà xuất hiện. Tự tánh Di Đà chính là Di Đà của thế giới tây phương Cực Lạc, điều này không hai không khác, là cảm ứng đạo giao. Niệm câu Phật hiệu này, trong này không có quán pháp, vậy nghĩa là miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét khô cổ họng cũng vô ích. Ta và tự tánh, ta và mười phương Chư Phật Bồ Tát, không khởi tác dụng cảm ứng đạo giao. Trong niệm Phật có quán pháp, niệm niệm cảnh tỉnh mình, liền có tác dụng cảm ứng đạo giao, được Chư Phật gia trì, được Chư Phật hộ niệm. Câu Phật hiệu này có vô lượng công đức, thù thắng không gì sánh được trong tất cả pháp môn, thù thắng bậc nhất. “Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”, nhân quả hoàn toàn tương ứng.

“Cơ thành chí cảm, đãi đắc đại lợi, cố tu quán tâm dã”. Vì sao sau khi giảng xong huyền nghĩa, đặc biệt nói về biểu pháp, pháp môn quán pháp. Nếu hiểu điều này mới biết cách đọc kinh, mới biết tụng kinh, cũng biết giảng kinh, cũng biết nghe kinh, biết hết. Nếu không hiểu về ý biểu pháp, không biết tác quán, ta không biết gì cả, như vậy sao có tiến bộ? Làm sao nâng cao cảnh giới?

Chư vị đồng học cùng với tôi, bất luận thời gian dài hay ngắn, thời gian dài quý vị có thể lãnh hội được. Thời gian ngắn, những đĩa CD, VCD trước đây chúng tôi giảng vẫn được lưu giữ. Quý vị thấy những gì tôi nói trước đây và những gì hiện nay nói, sẽ phát hiện không giống nhau. Có rất nhiều kinh tôi giảng qua nhiều lần, không có lần nào giống nhau. Vì sao không giống nhau? Vì tiến bộ theo từng năm, tiến bộ theo từng tháng. Vì sao tôi có một chút tiến bộ? Vì tôi biết cách quán pháp. Nếu bản thân không thể tiến bộ, tức là quan niệm ta chưa thay đổi, tư tưởng chưa thay đổi. Tư tưởng quan niệm chưa thay đổi, do ta không có tu hành. Tư tưởng là hành vi trong tâm, ngôn ngữ là hành vi của miệng, thân thể tạo tác là hành vi của thân nghiệp, hành vi của thân khẩu là hành vi của ý nghiệp làm chủ tể. Tu hành tu từ căn bản là rất phương tiện, căn bản chính là ý niệm. Ta phải sửa đổi quan niệm sai lầm, đây là tu từ căn bản. Quý vị giảng kinh thuyết pháp, tự nhiên mỗi lần đều không giống nhau, xử sự đối nhân tiếp vật, cách làm thái độ cũng không giống nhau, tâm không giống nhau. Đây là cường điệu sự cần thiết của “quán tâm”.

Chúng ta đọc tiếp đoạn sau cùng: “Quan Âm huyền vân”, huyền là huyền nghĩa. “Ma ha diễn trung”, ma ha diễn là đại thừa, đây là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là đại thừa. Trong đại thừa “thỉ tùng sơ tâm, chung ư hậu tâm”, thử là bắt đầu, sơ phát tâm. “Chung ư hậu tâm”, hậu tâm là thành Phật viên mãn. Hai câu này nghĩa là, từ sơ phát tâm cho đến thành Phật đạo, họ tu như thế nào? “Thường quán nhân pháp câu không”, quý vị quan sát tường tận, lãnh hội tường tận, nhân và pháp đều bất khả đắc. Vì sao vậy? Vì nhân và pháp đều do nhân duyên sanh.

Bát Nhã Tâm Kinh, Bồ Tát Quan Thế Âm làm gương cho chúng ta. Bồ Tát Quan Âm, vừa mở đầu kinh nói: “Quán Tự tại”, ba chữ này là tổng thuyết, trong đó có nhân có quả. “Quán” là nhân, “tự tại” là quả báo. Bên dưới lại nói, ngài quán như thế nào, ngài được tự tại ra sao? “Hành thâm bát nhã ba la mật đa”, đây là nhân. Hành là tu hành, hành vi tam nghiệp thân khẩu ý của ngài, đều trú trong “thâm bát nhã ba la mật đa”. Điều này nói không dễ hiểu, nói cách khác quý vị dễ hiểu hơn. Thân tâm của ngài đều sống trong trí tuệ cứu cánh viên mãn, chính là ý này. Hoặc là nói, hành vi sinh hoạt của ngài đều thực hành trong trí tuệ cao độ, nói như vậy càng dễ hiểu. “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, đây là nhìn thấy chân tướng sự thật, nhân pháp đều không, cho nên được đại tự tại, xa lìa tất cả âu lo sợ hãi, “độ nhất thiết khổ ách”, nhân và quả đều nói rất rõ ràng. Ngài thấy rất rõ ràng, ngài thấy rất minh bạch. Nhân không, Kinh Kim Cang nói “tam tâm bất khả đắc”, là nhân không. Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, là thật không hề giả. Năng đắc bất khả đắc, ta sở đắc là các pháp.

Kinh Kim Cang nói về các pháp rất hay, các pháp nhân duyên sanh, phàm là pháp nhân duyên sanh đều không có tự tánh, đều không có tự thể. Đương thể tức không, liễu bất khả đắc. Năng đắc bất khả đắc, sở đắc bất khả đắc, có

gì đâu để vọng tưởng? Ta cho rằng mình có được có mất, toàn là vọng tưởng, không phải chân thật, không phải sự thật. Sự thật là năng sở đều không, nhân pháp đều không. Nhân là năng đắc, pháp là sở đắc, đều là không.

“Dĩ quán nhân không tức thị liễu nhân chủng tử”. Trong này nói tam nhân Phật tánh. “Liễu” là thấu triệt, là trí tuệ chiếu soi. “Liễu nhân Phật tánh” từ đâu mà có? Từ quán nhân không, phải thường quán điều này, quán từ đâu? Mở mắt là thấy, đóng tai là nghe, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, phàm phu chúng ta không biết nhìn, mê muội, chấp tướng. Coi giả tướng là thật, mê muội, không nhìn thấy chân tướng. Người hiểu rõ thấy được chân tướng, đối với giả tướng họ rõ ràng minh bạch, thấu triệt phân minh, họ đầy đủ trí tuệ, họ sống trong trí tuệ. Chúng ta sống trong tình chấp, sống trong phiền não. Phiền não và trí tuệ chỉ trong một niệm, nhất niệm thay đổi, sống đời sống của Phật Bồ Tát. Không chuyển được, sống đời sống của phàm phu. Chúng ta học Phật, tụng kinh, niệm Phật chính là để chuyển đổi nó, sống đời sống của Phật Bồ Tát.

Ngày nay mọi người nói thế gian này có thiên tai, Phật Bồ Tát làm gì có thiên tai? Nhân pháp đều không, có thiên tai gì? Không có thiên tai. Động đất lớn, giống như ngòi xích đu vậy thoải mái biết bao, bom nguyên tử bùng nổ giống như xem pháo hoa, thật sự được đại tự tại. Nhân pháp đều không, làm gì có sợ hãi? Phàm phu sợ hãi tột cùng, chết giắc, thực tế nó chẳng đáng là gì, người vì sao mà chết? Do sợ mà chết. Nếu không sợ, giống như xem náo nhiệt mà thôi, xem biểu diễn, vấn đề chỉ là như vậy.

“Liễu nhân” là trí tuệ, quán nhân không là chủng tử của liễu nhân Phật tánh. “Quán pháp không, tức là nhân duyên chủng tử”, duyên là trợ duyên, giúp ta giác ngộ, giúp ta đoạn phiền não, giúp ta khế nhập cảnh giới Chư Phật. Tam nhân Phật tánh, hai thứ này rất quan trọng. Chánh nhân Phật tánh không cần nói, mỗi người đều đầy đủ. Chánh nhân Phật tánh là gì? Phật Bồ Tát thường nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, Phật tánh đó là nói chánh nhân Phật tánh, chánh nhân Phật tánh chính là chân tâm, ở trước nói: “nhất niệm giới nhĩ chi tâm”. Tâm nhất niệm giới nhĩ là tức không tức giả tức trung, đây chính là chân như bản tánh của mình. Chân như bản tánh mỗi người đều có, nhưng phải lấy liễu nhân và duyên nhân khai phát. Nếu không có liễu nhân và duyên nhân khai phát cũng vô dụng, ta vẫn là phàm phu, vẫn còn phiền não. Hai công cụ khai phát là liễu nhân và duyên nhân, từ đâu? Phải quán nhân pháp đều không, vậy mới có thể đạt được.

“Cổ luận vân, thi giác nhân không, chung giác pháp không, dĩ quán nhân pháp không, tức thức, tam chủng Phật tánh”. Tam nhân Phật tánh này, ta mới thật sự thấu triệt, thật sự đạt được thọ dụng của tam nhân Phật tánh. “Phật tùng sơ phát tâm, quán nhân pháp không, tu tam Phật tánh, lịch lược tức vị, thành lược tức nhân pháp”, đây là những gì Thiên thai tông nói. “Phật”, đây là lấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm ví dụ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành

Phật như thế nào? Tu hành như thế nào? Ngài “từ sơ phát tâm quán nhân pháp không”. Đương nhiên quán pháp này, trình độ quán nhân pháp không có sâu cạn khác nhau, nhưng quán pháp cạn đã được lợi ích rồi. Cách quán pháp này cần phải kiên trì, một khi từ bỏ là mê muội, là thoái chuyển rồi, tuyệt đối không được từ bỏ. Biện pháp duy nhất để không từ bỏ, chính là ngày ngày đọc kinh. Nói cách khác, ngày ngày làm bạn với Phật, ngày ngày thân cận Phật Bồ Tát, không xa lìa Phật Bồ Tát, như vậy thành tựu rất nhanh chóng. Viễn ly thiện tri thức, nhất định chúng ta bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Điều này, trong đời này của tôi, có thể làm gương cho mọi người. Đời này tôi có được chút thành tựu như thế, tôi từng nói với chư vị, tôi rất hiếu học. Trong thời kỳ kháng chiến tôi bị thất học ba năm, tôi chưa hoàn thành chương trình học ở trường, tôi chỉ mới tốt nghiệp trung học. Nhưng tôi rất thích học, đối với sách vở tôi chưa từng từ bỏ ngày nào. Vì thất học gây đau khổ cho tôi, tôi không có cơ hội đi học, cho nên bản thân không hề từ bỏ sách vở. Một khi có cơ hội, có thời gian tôi đều tìm thiện tri thức, luôn thân cận những người này. Lúc tôi còn trẻ, như người bây giờ đến những nơi vui chơi hoan lạc, tôi không đến đó, suốt đời chưa từng đến. Khi có thời gian tôi tìm đến những vị giáo thọ nổi tiếng, đến thăm họ, nghe họ nói chuyện. Tôi tìm họ bằng cách nào? Bằng cách viết thư, không quen viết thư cầu kiến, những người có học vấn này rất tốt. Tôi đặt mình vào hoàn cảnh người khác, nếu tôi là một giáo thọ, là một thầy giáo tốt, có người đến tìm thành khẩn như thế, tôi nhất định gặp họ. Tôi đã nghĩ như thế, vì vậy tôi viết thư, thường viết thư tìm những người này.

Lúc đó tôi ở Đài Loan, quen hơn 20 vị giáo thọ nổi tiếng, tôi thân cận họ, nghe họ nói chuyện. Ở đó chọn xem ai cao minh, ai hợp ý mình, sau đó tôi dần dần giảm ít, chỉ còn một hai vị. Sau cùng tìm đến thầy Phương Đông Mỹ, không nghe những người khác nữa, tôi đã làm điều này. Đi nơi khác, tôi từng nói với quý vị, tôi đến xem sách ở thư viện, tiệm sách, các trường hợp khác tôi không đi.

Sau khi học Phật, mọi người biết tôi đi rất nhiều nơi, tôi không phải du lịch, không đến các nơi danh thắng cổ tích. Đều là có người mời, rồi sẵn tiện tham quan luôn. Không phải người ta mời tôi đến giảng kinh, tôi không có cơ hội đến những nơi này. Xưa nay chưa từng chủ động đến nơi nào du lịch, hay đi chơi ở đâu, chưa từng, cho đến bây giờ. Vì thế cuộc sống của tôi rất đơn giản, rất đơn thuần, tư tưởng của tôi không phức tạp. Đây là nhân tố quan trọng để hôm nay có được chút thành tựu như vậy.

Nếu ta có thể buông bỏ, có thể từ bỏ, thế giới muôn màu này không có gì đáng để xem. Xem trên ti vi, trên film cũng biết, xem qua một lần không muốn xem nữa. Hiện nay tôi không xem những tiết mục trên ti vi, vì sao vậy? Vì nó biểu diễn tôi đều biết, không cần xem. Như vậy ta có thể hiếu học, có thể thân cận thiện tri thức, tâm sẽ an định, sống trong trí tuệ.

Lúc đó bạn bè đồng nghiệp nói tôi là con mọt sách, sau khi học Phật nói tôi mê tín, tôi chỉ cười mà thôi. Họ không hiểu, không cần nói với họ, nói họ cũng không hiểu, chỉ uổng công. Đến nay họ đã hiểu, gặp tôi đều nói “đường thầy đi là đúng”, lúc đó quý vị không chịu đi, ngày càng tự tại, càng già càng hạnh phúc, họ càng già càng đáng thương. Bây giờ quý vị hiểu ra, cũng không kịp nữa, cũng không học được, vì sao không sớm giác ngộ?

“Quán nhân pháp không” ta mới có thể “tu tam Phật tánh”, “tu tam Phật tánh” là học Phật chơn chánh, khai phát tự tánh. Khai phát tự tánh, trong tông môn gọi là minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh này là tiệm ngộ, không phải đốn ngộ. Cảnh giới mỗi năm không giống nhau, tư duy mỗi tháng không tương đồng, đây là tiệm tiến. Trong tông môn hiển thị là đốn ngộ, đột nhiên đại triệt đại ngộ, chúng ta ngộ nhập dần dần. “Lịch lục tức vị, thành lục tức nhân pháp”, lục tức vị và lục tức nhân đều là tiệm tiến. “Lục tức” không cần nói, ở trước đã nói qua.

“Kim quán Địa Tạng, tức thị phần chứng, đẳng giác chi nhân pháp”. Phần chứng tức Phật trong lục tức, cao nhất trong phần chứng là Đẳng giác. Phần chứng là từ viên giáo sơ trụ đến Đẳng giác, tổng cộng có 41 địa vị đều là phần chứng vị, Đẳng giác cao nhất, lên cao nữa là cứu cánh tức Phật, đây là “nhân pháp của phần chứng Đẳng giác”.

“Hành nhân năng quán nhân pháp toàn thị tự tâm”, câu này rất quan trọng. “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, đoạn trước nhà Duy thức nói: “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, chính là ý này, “toàn là tự tâm”. “Như như ý châu, vô bất cụ túc”, đây là ví dụ, “tức không giả trung”. Thiên thai dùng “không giả trung”, bao gồm toàn bộ Phật pháp. “Thỉ tùng quán hành nhi chí phần chứng”, nếu không có quán hành, đó là người không chuyên. Học Phật có quán hành, công phu sẽ đắc lực, quán là gì? Chính là quán pháp. Nếu hiểu cách quán pháp, quan niệm mình đang thay đổi, hành là hành vi cũng đang thay đổi, tất cả tư tưởng hành vi đều thay đổi. Có sự thay đổi, đây gọi là quán hành vị. Nếu không có quán hành, dù mỗi ngày đọc kinh, mỗi ngày niệm Phật, mỗi ngày y theo những nghi thức này tu hành, nhưng tư tưởng quan niệm không có thay đổi, hành vi không thay đổi, ta vẫn ở địa vị phàm phu. Ta dùng những công phu đó cũng chỉ uổng phí, một ngày lạy 1000 lạy cũng chỉ uổng công, mỗi ngày niệm 10 ngàn câu Phật hiệu cũng vô ích. Ta cần phải thay đổi về tư tưởng, trên hành vi có thay đổi, đây gọi là quán hành vị. Nếu tư tưởng không thay đổi, hành vi không thay đổi, như vậy là công phu không đắc lực, nhất định phải biết điều này.

Tự quán hành đến tương tự, từ tương tự đến phần chứng, từ phần chứng đến cứu cánh. Phần quán hành ở trước có “lý tức Phật”, lý chính là chánh nhân Phật tánh, mỗi người đều đầy đủ không cần nói. Tiếp đến là “danh tự tức Phật”, mọi người tu là gì? Trong danh tự vị, có danh vô thực. Quán hành, tức đã nhập cảnh giới, nếu chưa thay đổi quan niệm, chưa thay đổi hành vi, ta là

Phật trong danh tự, hữu danh vô thực, không có lợi ích. Đáng sanh tử như thế nào vẫn phải sanh tử như thế, đáng luân hồi như thế nào vẫn phải luân hồi như thế đó. Đây là từ quán hành đến phần chứng, chúng ta thật sự dụng công, thật sự biết tu.

“Dữ Địa Tạng bốn nguyện nhất nhi nhị, nhị nhi nhất giả hỷ”. Biến “Địa Tạng bốn nguyện” thành bốn nguyện của mình, bốn nguyện của mình và bốn nguyện Địa Tạng, là “một mà hai, hai mà một”. “Cổ viết, bất biểu quán pháp, hà dĩ dụng tâm”, hai câu này rất quan trọng, mọi người cần phải nhớ. Nếu như không biết “quán pháp”, làm sao “dụng tâm”? Dụng tâm nghĩa là dụng công, làm sao dụng công? Mỗi bộ kinh luận đều có quán pháp, mỗi pháp môn đều có quán pháp.

“Thử thác sự phụ pháp chi đại đồ dã”, “thác sự phụ pháp” nói một cách rõ ràng nhất, tường tận nhất, cụ thể nhất là 53 lần tham bái trong Kinh Hoa Nghiêm. 53 lần tham bái hoàn toàn nhờ sự phụ pháp. “Tổng đề kỹ nhĩ, biệt văn diệc nhiên”. Từ “tổng đề” này là tổng kết về quán pháp. “Đề”, chúng ta phải lấy như thị quán, kinh văn ở sau cũng là như thị quán. “Thỉ từng như thị, chung chí nhi thoái”, đây là nói bộ kinh văn này, từ “tôi nghe như vậy” đến “làm lễ mà lui”.

“Trung gian nhược nhân pháp, nhược thức tâm, nhược thiện ác, nhược phạm thánh, tịnh ược nhân quả, hương hoa ẩm thực, chủng chủng sai biệt pháp môn, mạc bất nhập tâm thành quán”. Ta đã đọc, đã nghe, không thể “nhập tâm thành quán”, vậy là không khởi tác dụng, phải hiểu “nhập tâm thành quán”. “Như phá nhất vi trần, xuất đại thiên kinh quyển”. Ta có thể hiểu cách quán, thay đổi tư tưởng quan niệm hành vi, đó chính là “phá nhất vi trần, xuất đại thiên kinh quyển”. “Nhất vi trần” là ví bộ Kinh Địa Tạng này, “đại thiên kinh quyển” là ví cho vô lượng vô biên kinh pháp mà tất cả Chư Phật nói, bộ kinh này đều đầy đủ. Một là tất cả, tất cả là một.

“Cổ ư thính văn đọc tụng, lễ bái cúng dường, tâm bất tha duyên, từng tâm hiển phát, phương danh toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh”. Hai câu này tông môn thường nói, ngoài tông môn cũng đều như vậy, không phải chỉ Thiền tông mới có. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều như vậy, vì thế mới nói “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”.

Bên dưới ví dụ nói: “Tắc miễn bản nhân kính bảo chi tiểu hỷ”, người nghèo rất tôn kính khen ngợi đối với của báu, nhưng bản thân không hưởng thụ được, đó là người trong danh tự vị. Không có quán hành, không hưởng thụ được bảo vật này. “Dĩ kiến lập giáo, chánh vi quán tâm”, câu này nói rõ chư vị tổ sư đại đức, mục đích họ kiến lập việc dạy học chính là ở “quán tâm”. Dạy người biết cách “quán tâm”, biết tu hành như thế nào.

“Tường như nhất gia đại tiểu chư bộ”, đây là lược nói, tường tận. “Nhất gia” là Thiên thai tông, trong Thiên thai tông, đại là Ma Ha Chỉ Quán, tiểu là Tiểu Chỉ Quán, Lục Diệu Pháp Môn, trong này nói rất rõ ràng. “Nhược dục tu

tập, tu cận thiện sư, niết bàn diệu nhân, tại thử nhi dĩ hỷ”. Bộ phận luận quán huyền nghĩa, chúng ta đến đây đã nói viên mãn. Câu sau cùng này rất quan trọng, tận tình khuyên bảo chúng ta, nếu chúng ta muốn tu, muốn học\_tập là học tập, quan trọng nhất là “phải thân cận thiện tri thức”. Nếu không thân cận thiện tri thức, không có thầy tốt chỉ dạy, làm sao ta thành tựu được?

Mấy câu này hoàn toàn tương ứng với những gì Đức Thế Tôn nói trong phần mở đầu Kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung. Trong kinh Đức Phật dạy tôn giả A nan, thứ nhất là thân cận thiện tri thức. Thân cận thầy quan trọng hơn tất cả, ân đức của thầy đối với chúng ta thâm sâu vô tận, đây là sư đạo.

Lòng cảm ân của tôi đối với thầy, trong số học sinh thời hiện đại không thường thấy. Tôi niệm niệm không xa thầy, chân dung của thầy được treo trang trọng nơi phòng học này, mỗi đạo tràng đều như vậy, còn muốn làm một vài việc để tưởng nhớ thầy. Tôi muốn thành lập thư viện, đương thời đạo tràng của thầy Lý là thư viện Từ Quang, tôi cũng muốn thành lập thư viện Từ Quang, thành lập ở Sơn Đông. Quản trưởng Hàn hộ pháp suốt 30 năm, bà thành lập thư viện Hoa Tạng, tôi cũng muốn ở quê hương Đại Liên của bà, thành lập thư viện Hoa Tạng để kỷ niệm. Thầy Phương Đông Mỹ là người Đồng Thành, tôi có ý ở trường trung học Đồng Thành, thành lập “lớp học Đông Mỹ tiên sinh”, phòng học vi tính, tặng cho trường này 100 máy vi tính, thành lập lớp vi tính. Hy vọng những việc này có thể nhanh chóng thực hiện. Đại sư Chương Gia, tôi sẽ xây dựng một nhà trung bày của ngài ở nội Mông Cổ, ngài là người nội Mông, đạo tràng cũng ở nội Mông. Thiện tri thức khó gặp, ân đức của thiện tri thức cao hơn cha mẹ. Không thân cận thiện tri thức, sao có thể thành tựu?

Sau cùng là lời khuyên răn thành thật, khuyên bảo sau cùng, xa thiện tri thức, chúng ta chẳng khác nào trẻ con xa cha mẹ, xa bảo mẫu, không sống nổi. Vì thế phải thân cận thiện tri thức, “niết bàn diệu nhân, ở tại đây mà thôi”.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, Kinh Địa Tạng được giảng viên mãn. Phần luận quán huyền nghĩa, phối hợp với kinh văn lần trước giảng ở Cửu Hoa Sơn, hợp lại là một bộ Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Giảng Ký hoàn chỉnh. Thôi, chúng ta nói đến đây là viên mãn, cảm ơn chư vị.

**Hết tập 28**